

CHƯƠNG TRÌNH SUU TẦM TÀI LIỆU, VIẾT TIỂU SỬ
CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA ĐẢNG
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

VÕ NGUYỄN GIÁP



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

VÕ
NGUYỄN
GIÁP



CHƯƠNG TRÌNH SƯU TẦM TÀI LIỆU, VIẾT TIỂU SỬ
CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO TIỀN BỐI TIÊU BIỂU CỦA ĐẢNG
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

VÕ NGUYỄN GIÁP



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

LÊ HỒNG ANH	Trưởng ban
TÔ HUY RÚA	Ủy viên
ĐÌNH THẾ HUYNH	Ủy viên
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Ủy viên
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

TẠ NGỌC TẤN	Chủ nhiệm
PHẠM NGỌC ANH	Phó Chủ nhiệm thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG PHONG HÀ	Ủy viên
TRẦN MINH TRƯỜNG	Ủy viên

BAN BIÊN SOẠN

PGS.TS. PHẠM NGỌC ANH (Chủ biên)
PGS.TS. NGUYỄN VĂN BẠO
TS. CAO VĂN ĐỊNH
PGS.TS. NGUYỄN MINH ĐỨC
PGS.TS. TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH
TS. LÊ THỊ THU HỒNG
PGS.TS. BÙI ĐÌNH PHONG
PGS.TS. NGUYỄN THANH TÂM
PGS.TS. PHẠM XANH

CỘNG TÁC VIÊN

PGS.TS. Phạm Ngọc Anh	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tự của Đảng
PGS.TS. Nguyễn Văn Bạo	Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
ThS. Ngô Xuân Dương	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tự của Đảng
ThS. Lê Trọng Đại	Trường Đại học Quảng Bình
TS. Cao Văn Định	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình
PGS.TS. Nguyễn Minh Đức	Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
PGS.TS. Trịnh Thị Hồng Hạnh	Viện Lịch sử Đảng
Phạm Ngọc Hạnh	Trường Đại học Quảng Bình
Đinh Thị Hoài	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tự của Đảng
TS. Lê Thị Thu Hồng	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tự của Đảng
PGS.TS. Trịnh Vương Hồng	Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
ThS. Trần Thị Hợi	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tự của Đảng
ThS. Nguyễn Đình Lam	Trường Đại học Quảng Bình
PGS.TS. Trần Ngọc Long	Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
ThS. Thái Thị Lợi	Trường Phổ thông trung học Chuyên Quảng Bình
ThS. Trần Văn Khôi	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tự của Đảng
Nguyễn Quang Năm	Huyện ủy Lệ Thủy, Quảng Bình

Lê Đình Nguyên	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình
ThS. Trần Thị Nhuận	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
ThS. Đinh Ngọc Quý	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
PGS.TS. Bùi Đình Phong	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
PGS.TS. Nguyễn Thanh Tâm	Viện Lịch sử Đảng
Hoàng Văn Tân	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình
TS. Nguyễn Khắc Thái	Sở Khoa học công nghệ tỉnh Quảng Bình
ThS. Vương Kim Thành	Trường Đại học Quảng Bình
ThS. Đinh Quang Thành	Trường Đại học Giao thông vận tải
ThS. Đỗ Thị Thu	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình
PGS.TS. Vũ Văn Thuấn	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
Lê Đình Tới	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Bình
PGS.TS. Ngô Đăng Tri	Đại học Quốc gia Hà Nội
ThS. Nguyễn Văn Trọng	Trường Sĩ quan Bắc Ninh
PGS.TS. Phạm Xanh	Đại học Quốc gia Hà Nội

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1911 - 2013) - người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với 103 năm tuổi đời và hơn 70 năm hoạt động cách mạng, đồng chí đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam.

Võ Nguyên Giáp sinh ra và lớn lên tại làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, trong một gia đình nhà nho giàu truyền thống yêu nước. Chính mảnh đất quê hương giàu truyền thống cách mạng và anh hùng cùng truyền thống yêu nước của gia đình đã hun đúc nên nhân cách và quyết định con đường đi của ông.

Ngay từ khi còn là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã sớm giác ngộ cách mạng và tích cực tham gia các phong trào đấu tranh bãi khóa ở Trường Quốc học Huế. Năm 1927, gia nhập Đảng Tân Việt cách mạng - một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1930, tham gia phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh. Năm 1940, được kết nạp vào Đảng. Tháng 12-1944, đồng chí

được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trên các cương vị là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, thành viên Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, thành viên Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, Tư lệnh Việt Nam giải phóng quân, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với cương vị là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã có đóng góp quan trọng vào việc lãnh đạo cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược. Năm 1948, đồng chí được phong quân hàm Đại tướng. Đến năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng trao quyền trực tiếp chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ. Đại tướng đã chỉ huy các đại đoàn của quân đội và các lực lượng tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đánh bại đội quân của thực dân Pháp, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).

Sau khi miền Bắc được giải phóng, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã tham gia cùng Trung ương Đảng lãnh

đạo toàn dân, toàn quân tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, làm nên những thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đất nước hoà bình, thống nhất, trên cương vị là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã cùng tập thể lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội lãnh đạo toàn dân, toàn quân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.

Với 103 tuổi đời, hơn 70 tuổi Đảng và những cống hiến to lớn, đặc biệt xuất sắc cho sự nghiệp cách mạng, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã được tặng thưởng Huân chương Sao vàng (năm 1992), hai Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

Để ghi nhớ công lao và đóng góp to lớn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Võ Nguyên Giáp - Tiểu sử*** thuộc Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam. Cuốn sách là tài liệu quý về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng sáng chói

của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một người cộng sản bản lĩnh, kiên trung, đã có nhiều công lao to lớn và cống hiến đặc biệt xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã dành trọn cả cuộc đời hoạt động cách mạng, đã có nhiều công lao to lớn và cống hiến đặc biệt xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam. Cuộc đời hoạt động của Đại tướng gắn liền với quá trình phát triển của cách mạng nước ta và những mốc son lịch sử trọng đại của dân tộc Việt Nam trong suốt thế kỷ XX.

Với 103 tuổi đời, hơn 80 năm hoạt động cách mạng, nhiều năm được sống và làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã không ngừng phấn đấu, rèn luyện, học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Đại tướng luôn thể hiện phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, dĩ công vi thượng, sống giản dị, khiêm tốn, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc và nhân dân lên trên hết. Con người, nhân cách và những cống hiến lớn lao của Đại tướng in đậm trong lòng dân, là vị tướng của nhân dân, mãi mãi lưu danh trong lịch sử dân tộc.

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt

của Đảng và cách mạng Việt Nam, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Ban Chủ nhiệm đề tài *Võ Nguyên Giáp - Tiểu sử* đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo và tọa đàm khoa học tại Hà Nội và Quảng Bình - quê hương của Đại tướng nhằm tập hợp ý kiến của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạt động thực tiễn, người thân trong gia đình về cuộc đời, sự nghiệp của Đại tướng.

Ban Chủ nhiệm đề tài xin gửi lời cảm ơn đến gia đình Đại tướng - ông Võ Điện Biên - con trai Đại tướng đã cung cấp tư liệu, bổ sung, góp ý, hiệu chỉnh các sự kiện về Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Chúng tôi cũng xin bày tỏ sự biết ơn đến các cơ quan: Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình, Tổng cục Chính trị - Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Trung tâm Lưu trữ quốc gia... đã cung cấp tài liệu để giúp chúng tôi hoàn thiện bản thảo; xin trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các cộng tác viên đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa bản thảo.

Ban biên soạn cuốn sách *Võ Nguyên Giáp - Tiểu sử* hy vọng góp phần làm rõ những hoạt động và đóng góp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với Đảng và dân tộc, trên cơ sở đó khẳng định những cống hiến của đồng chí đối với cách mạng Việt Nam, về tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng của một chiến sĩ cộng sản đã dâng hiến trọn đời mình cho Đảng, cho dân tộc, thiết thực

góp phần vào công tác giáo dục truyền thống cách mạng, bồi dưỡng lập trường tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để cuốn sách hoàn chỉnh hơn trong những lần xuất bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

T/M BAN BIÊN SOẠN
CHỦ BIÊN

PGS.TS. Phạm Ngọc Anh

Chương I

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ (1911 - 1939)

1. Quê hương và gia đình

Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25-8-1911, tại làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, trong một gia đình nhà nho giàu truyền thống yêu nước.

Trong lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam, Quảng Bình là vùng đất nối liền một dải non sông đất Việt; nơi từng là phen giậu của Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, nơi khởi đầu cho công cuộc mở cõi về phương Nam của nước Đại Việt, ranh giới giao tranh thời Trịnh - Nguyễn kéo dài hơn hai thế kỷ bởi dòng sông Gianh lịch sử. Những yếu tố về tự nhiên, lịch sử - xã hội của vùng đất này đã kiến tạo và rèn đúc nên con người Quảng Bình đức tính cần cù, chịu khó, nhẫn nại mà bản lĩnh, ngoan cường, kiên trung, thông minh và quyết đoán, giàu chí tiến thủ, giàu lòng nhân ái, yêu nước nồng nàn và lao động sáng tạo.

Bước vào thời kỳ lịch sử cận đại, Quảng Bình cũng là nơi xuất hiện nhiều phong trào yêu nước, đấu tranh chống ngoại xâm kiên cường, bất khuất và anh dũng. Nhiều vùng đất ở Quảng Bình là căn cứ chống Pháp của phong trào Cần Vương. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhiều tên đất, tên người làm sống động truyền thống đấu tranh bất khuất của người dân Quảng Bình như: Xuân Bồ với anh hùng Lâm Úy; làng chiến đấu Cự Nẫm; làng anh hùng Cảnh Dương. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, dòng sông Nhật Lệ gắn liền với hình ảnh mẹ Suốt anh hùng.

Không chỉ có bề dày về lịch sử, Quảng Bình còn là vùng đất văn vật. Suốt theo chiều dài lịch sử, vùng đất Quảng Bình đã hình thành nên nhiều làng văn hóa nổi tiếng Bát danh hương “Sơn - Hà - Cảnh - Thổ - Văn - Võ - Cổ - Kim” và đã đào luyện hun đúc, sản sinh ra nhiều bậc anh hùng, hào kiệt, danh nhân với những tố chất cao quý và đặc biệt xuất chúng trong các lĩnh vực quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội như: Dương Văn An, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Hàm Ninh, Nguyễn Phạm Tuấn, Lưu Trọng Lư, Hàn Mạc Tử, Hoàng Kế Viêm (sau này thêm Võ Nguyên Giáp, Đồng Sĩ Nguyên)...

Với những con người sinh ra từ mảnh đất Quảng Bình ngày nay, dường như luôn hình thành một bản

năng thích ứng để sinh tồn từ những đặc trưng của không gian lịch sử này. Nhìn trên bản đồ Việt Nam, Quảng Bình là khúc thắt hẹp nhất từ Biển Đông đến miền Tây núi non của dãy Trường Sơn. Nếu lấy thước kẻ những trục Bắc - Nam nối từ Hà Nội tới Thành phố Hồ Chí Minh, từ cực tây bắc Lai Châu tới cực đông nam Khánh Hòa thì thấy điểm cắt tụ đúng vào vùng đất Quảng Bình. Điều này cho thấy Quảng Bình là nơi giao thoa, tiếp biến văn hóa hay những va đập, xung đột về xã hội. Trong suốt chiều dài lịch sử, người dân Quảng Bình đã dũng cảm đấu tranh chống ngoại xâm để bảo vệ quê hương, đất nước, góp phần làm giàu truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

Huyện Lệ Thủy - quê hương của Võ Nguyên Giáp nằm ở phía nam tỉnh Quảng Bình, phía tây huyện Lệ Thủy giáp với địa giới hành chính tỉnh Khăm Muộn nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, có đường biên giới dài 31km cùng dựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ; phía nam giáp tỉnh Quảng Trị; phía bắc giáp huyện Quảng Ninh; phía đông giáp Biển Đông với đường bờ biển dài 32km. Vùng đất Lệ Thủy nằm trong khối kiến tạo chung của Quảng Bình. Đặc điểm chung của địa hình Quảng Bình là hẹp, nơi hẹp nhất (tại Đồng Hới) theo chiều đông - tây và cũng là nơi hẹp nhất ở phần rìa phía nam huyện Lệ Thủy, chỉ xấp xỉ 50km. Địa hình huyện Lệ Thủy có tổng diện tích

141.600ha, được chia làm 4 vùng rõ rệt là các vùng rừng núi, gò đồi, đồng bằng và dải cát ven biển. Nơi đây ruộng đất màu mỡ, sông hoi chằng chịt nhưng thời tiết hết sức khắc nghiệt với mưa bão, nắng hạn quanh năm.

Dân cư huyện Lệ Thủy phân bố tương đối đồng đều trên địa bàn các vùng trung du, đồi núi, vùng đồng bằng, ven sông, ven quốc lộ và ven biển. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đại bộ phận dân cư trong huyện là nông dân làm ruộng, làm rẫy, làm nương, trồng lúa, trồng màu, một bộ phận đánh cá sông, cá đồng và đánh cá biển (bãi ngang).

Xã Lộc Thủy vốn bao gồm 2 làng cổ, hình thành từ thế kỷ XV là làng Tuy Lộc và An Xá. Thời chúa Nguyễn, xã Lộc Thủy thuộc tổng Đại Phúc Lộc, huyện Lệ Thủy. Lộc Thủy là một xã thuộc vùng trung tâm của huyện Lệ Thủy, chạy dài dọc theo hữu ngạn sông Kiến Giang 7km. Đây còn là quê hương của những anh hùng hào kiệt, như Dương Văn An¹, Võ Trọng Bình, Vũ Xuân Cẩn, gia tộc Nguyễn Đăng Giai... Làng An Xá nay là thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. An Xá là một vùng đất có truyền thống hiếu học, khoa bảng và có lịch sử lâu đời

1. Tiến sĩ Dương Văn An là người biên soạn cuốn sách *Ô châu cận lục* từ thế kỷ XVI.

ở tỉnh Quảng Bình. Dưới chế độ khoa cử phong kiến, An Xá đã có 3 người đỗ đại khoa.

Lộc Thủy là vùng quê có các làng nghề truyền thống nổi tiếng từ xa xưa như nghề dệt chiếu ở An Xá, nghề làm giấy dó, giấy bồi, nấu rượu ở Tuy Lộc. Lộc Thủy có chùa An Xá tại xã Lộc Thủy là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Tại ngôi chùa này đã diễn ra Hội nghị thống nhất các tổ chức Đảng Cộng sản Đông Dương ở toàn tỉnh Quảng Bình vào ngày 2-7-1945.

Khi nói đến quê hương của Võ Nguyên Giáp không thể không đề cập vùng sông nước Lệ Thủy. Nếu non nước của các huyện miền ngoài của tỉnh quay về núi Rồng, núi Tiên thì sông nước Lệ Thủy quay về nghiên mực khổng lồ mang tên Hạc Hải.

“Nghiên nước dồi dào nguồn biển Lệ

Bút trời nghi ngút tháp non Mâu”.

(Chu Mạnh Trinh)

Người xưa ví núi Đâu Mâu như ngòi bút, phá Hạc Hải như nghiên mực “Đâu Mâu vi bút, Hạc Hải vi nghiên”, ý ẩn dụ rằng địa hình, phong thổ Lệ Thủy như nơi đào tạo nhân tài vật lực, con người ở đây thông minh, hiếu học. Trong hệ thống sông ngòi ở Lệ Thủy đáng chú ý nhất là sông Kiến Giang, con sông đã trở thành mạch nguồn cuộc sống và là biểu tượng giá trị vật chất và văn hóa tinh thần của người dân xứ Lệ. Dòng sông Kiến Giang đã gắn liền với tuổi thơ đầy ắp

những kỷ niệm của Võ Nguyên Giáp. Sông Kiến Giang bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, qua vùng núi An Mã, trôi xuôi qua các làng trù phú của các xã Mai Thủy, Xuân Thủy, Mỹ Thủy, An Thủy, Lộc Thủy rồi nhập vào phá Hạc Hải đổ ra cửa Nhật Lệ. Có người ví sông Kiến Giang như con rắn khổng lồ thả mình nằm dài hướng vào Nam, đầu kê lên gôi An Mã, đuôi thì duỗi thẳng xuống Hạc Hải mênh mông. Điều lưu ý là khi sông Kiến Giang chảy về cuối làng An Xá tiếp nhận thêm dòng nước của hói Phú Thọ (xã An Thủy) thì dòng chảy của sông đổi hướng, vòng quanh một khúc sông rộng hình chữ “Chi”, người chèo thuyền qua đây, dù bất kỳ loại gió hướng nào cũng đều bị ngược. Cho nên dân gian gọi là Khút Bàu Ngược. Cùng với hói ngang chảy qua làng An Lạc đã làm cho long mạch Kiến Giang tụ lại và dồn về khúc trung lưu, nơi phát tích sự giàu có và nhân tài của vùng quê đất Lệ Thủy. Trên dòng sông Kiến Giang, hai bên sông là đôi bờ tre xanh tỏa bóng, những hàng cau, vườn chuối trĩu quả xen giữa những mái nhà tranh giản dị, bình yên; ngày ngày những chuyến đò ngược xuôi đi về. Hai bên dòng sông nhiều đò đỗ san sát, Võ Nguyên Giáp đã nhiều lần được mẹ cho đi chợ huyện bằng đò, mỗi chuyến đi đều để lại cho Võ Nguyên Giáp những ấn tượng khó quên.

Dòng họ Võ ở làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình là một đại gia tộc có danh

tiếng, có từ đường ở cuối làng, cách chùa An Xá khoảng 200m. Đầu thế kỷ XX, nhiều làng xã, tổng ở huyện Lệ Thủy đều có dòng họ Võ (Vũ), nhất là các làng, xã dọc đôi bờ sông Kiến Giang ở vùng giữa huyện mà ngày nay là các thôn: An Xá, Tuy Lộc (xã Lộc Thủy); Đại Phong, Thượng Phong (xã Phong Thủy); Lộc Thượng, Lộc Hạ, Lộc An, Phú Thọ, Thạch Bàn, Tân Lệ (xã An Thủy); Xuân Lai (xã Xuân Thủy); Quảng Cư (thị trấn Kiến Giang)... Theo lịch sử dòng họ Vũ (Võ) thì đến thời Hậu Lê dòng họ Vũ được chia làm 5 chi và 8 phái đến các vùng miền trong cả nước.

Dưới triều Nguyễn, kể từ năm 1806 - tỉnh Quảng Bình có 44 người đỗ đại khoa thì Lệ Thủy có 12 người, trong đó dòng họ Võ huyện Lệ Thủy có 2 tiến sĩ là Võ Xuân Xán, đỗ tiến sĩ năm 1848 và Võ Khắc Triễn đỗ tiến sĩ năm 1919. Họ Võ trong huyện còn có nhiều nhà khoa bảng trung khoa, tiểu khoa dưới triều Nguyễn như: Võ Trọng Định (An Xá), Võ Trọng Thiệu (Lộc An), Võ Xuân Cơ (Hòa Luật), Võ Trọng Bình, Võ Bá Liên, Võ Trinh, Võ Văn Tuân... là những vị quan hết mực thương dân và thanh liêm. Vùng đất Quảng Bình nói chung và huyện Lệ Thủy nói riêng có tiếng là đất học.

Võ Nguyên Giáp sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng và yêu nước sâu sắc; thân phụ là cụ Võ Quang Nghiêm, một nhà Nho, dòng dõi

khoa bảng, bất khuất và kiên cường¹. Cụ có nhiều lớp học trò ở huyện Lệ Thủy và một số huyện lân cận thuộc tỉnh Quảng Bình. Cụ và gia đình sống gần gũi với xóm làng nên người trong vùng thường gọi thân mật là cụ Nghiêm.

Thân mẫu Võ Nguyên Giáp là bà Nguyễn Thị Kiên, sinh tại xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Bà là một người phụ nữ hiền thực, đảm đang mọi việc trong gia đình và được mọi người quý mến.

Ông nội Võ Nguyên Giáp từng tham gia phong trào Cần Vương. Ông ngoại cũng từng tham gia phong trào Cần Vương, là đề đốc chỉ huy nghĩa quân

1. Theo tài liệu địa phương, vào khoảng năm 1946 - 1947, ở Huế, thực dân Pháp bắt được cụ, chúng tra tấn dã man và giam cầm cụ ở lao Thừa Phủ. Tên mật thám Pháp mắng cụ: “Không biết dạy con để con chống lại quân đội Pháp hùng mạnh”. Cụ cười ngạo, vuốt râu trả lời: “Tôi để con ra chưa kịp dạy thì con đã bỏ nhà đi làm cách mạng - chứ tôi có muốn dạy con thì còn mô mà dạy? Vậy tôi nhờ quân đội Pháp hùng mạnh đi bắt con tôi về đây để tôi dạy thử, coi con tôi có chịu nghe không?”... Biết không lung lay được ông già bản lĩnh, chúng nhốt cụ vào “cáo âm phủ”. Sau đó, cụ bị ốm nặng, thực dân Pháp buộc phải chuyển cụ đến Bệnh viện Huế và cụ đã mất tại đây. Chúng đưa cụ vào nhà xác nằm chung với những người chết không có thân nhân và chôn chung với nhiều thi hài khác, để sau này gia đình không tìm được hài cốt của cụ nữa. Đến năm 1977, các cơ quan chức năng của tỉnh Bình Trị Thiên đã tìm thấy mộ cụ Võ Quang Nghiêm và đưa hài cốt cụ về an nghỉ tại quê nhà. Cụ đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Liệt sĩ chống Pháp.

Cần Vương chống thực dân Pháp dưới quyền thủ lĩnh Hoàng Phúc, sau bị quân Pháp bắt, tra tấn dã man, nhưng quyết không một lời khai báo.

Theo gia phả do gia đình cung cấp, Võ Nguyên Giáp là hậu duệ đời thứ 7 của Võ Văn Dũng - một vị tướng nhà Tây Sơn - hiện được thờ tại Bảo tàng Quang Trung, tỉnh Bình Định. Các thế hệ kế tiếp nhau như: Võ Văn Dũng, Võ Vĩnh Lộc, Võ Bình Tá, Võ Trọng Công, Võ Văn Cẩn, Võ Quang Nghiêm, Võ Nguyên Giáp. Ông bà Võ Quang Nghiêm và Nguyễn Thị Kiên (thân phụ, thân mẫu của Võ Nguyên Giáp) sinh hạ được 7 người con. Võ Tử Toại là anh trai đầu. Võ Nguyên Giáp người con thứ năm, qua các cấp học ở trường đều nổi tiếng thông minh khiến các bậc đàn anh, bạn cùng trang lứa và mọi người nể trọng. Võ Thuần Nho - em trai Võ Nguyên Giáp luôn theo anh chăm chỉ học hành ở các trường làng, tổng, huyện, tỉnh và đến Huế rồi ra Hà Nội, sau này là Thứ trưởng Bộ Giáo dục.

Võ Nguyên Giáp được cha dạy cho chữ Nho. Cụ Võ Quang Nghiêm dạy các con rất cẩn trọng, cả trong sinh hoạt lẫn trong việc học hành, theo nền nếp gia phong của đạo Khổng. Hằng ngày, cha dạy học, mẹ lo việc đồng áng, các anh em trong gia đình ngoài lao động giúp đỡ gia đình đều phải chú tâm học hành. Tuổi thơ anh luôn được nghe mẹ kể mỗi lần thực dân Pháp kéo tới, bà ngoại đặt các con ở hai đầu quang gánh chạy khỏi làng. Tuy năm tháng theo học chữ Nho không

nhieu, nhưng những đạo lý học được trong các sách thánh hiền như: *Tam tự kinh*, *Ấu học tân thư*... đã trở thành nền tảng cơ bản có ảnh hưởng sâu sắc trong cả cuộc đời Võ Nguyên Giáp.

Võ Nguyên Giáp từ nhỏ đã nổi tiếng thông minh. Sau khi đỗ sơ học yếu lược, Võ Nguyên Giáp chỉ học một năm lớp nhì, bỏ năm lớp nhì thứ hai, lên thẳng lớp nhất. Những câu chuyện ghi lại về thời trẻ đã cho thấy Giáp là một cậu bé hiếu động và sáng dạ. Ấn tượng về Võ Nguyên Giáp trong những người cùng thời là hình ảnh một người bạn thường làm chủ trong mọi trò chơi và luôn tìm cách giữ sự hưng phấn của những trò chơi bằng những thay đổi để chống sự nhàm chán. Trong bối cảnh của một vùng quê nghèo, Võ Nguyên Giáp nổi lên như một hiện tượng đặc biệt của giới trẻ.

Được cha dạy học chữ cùng với em trai từ nhỏ, Võ Nguyên Giáp luôn nhớ mãi lời dạy của thầy: Phải cố mà học lấy chữ thánh hiền, phải đội sách lên đầu, tôn thờ sự học để nên người. Qua lời kể của các bậc cha chú, Võ Nguyên Giáp đã noi các gương có chí học hành của các bậc anh tài, kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học của dòng họ. Truyền thống dòng họ đã có ảnh hưởng rất lớn đến sự nghiệp học hành và ý chí tiến thủ, nhận thức chính trị của anh. Trước bàn ngồi học ở nhà trọ và các lớp học, Giáp luôn dán dòng chữ trước mặt: Quyết chí học hành! Võ Nguyên Giáp đi học ở trường tổng Tuy Lộc

(lớp Đồng ấu) lên học trường huyện ở Cổ Liễu (lớp 3), rồi đến trường tỉnh ở Đồng Hới, anh luôn học giỏi, đứng đầu các lớp học và kỳ thi tốt nghiệp bậc sơ học đỗ đầu tỉnh Quảng Bình. Hồi ký của ông Bùi Xuân Các, bạn học với Võ Nguyên Giáp có đoạn: Từ nhỏ, anh Giáp đối với chúng tôi có một uy tín rất lớn - chúng tôi ở đây là hầu hết thanh niên có ít nhiều học thức trong huyện. Nhiều người lớn tuổi nói đến anh Giáp cũng tỏ vẻ hết sức nể nang, kính trọng. Trước hết là vì anh nổi tiếng về trí thông minh, xuất chúng học giỏi. Anh luôn đứng vị trí đầu bảng ở tất cả các lớp anh học và khoảng cách giữa anh và người thứ hai là không nhỏ. Các thầy giáo dạy anh cũng kiêng nể...¹.

Khi Võ Nguyên Giáp thi đỗ vào Trường Quốc học Huế, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, việc lo cho con đi học xa nhà là gánh nặng của một gia đình nhà Nho nghèo làm ruộng, đông con như ông bà Võ Quang Nghiêm, Nguyễn Thị Kiên. Biết được hoàn cảnh đó, khi nghe tin Võ Nguyên Giáp thi đỗ, bà con, anh em trong họ đã đến chúc mừng, động viên san sẻ, hứa sẽ giúp đỡ gia đình khi gặp khó khăn để Võ Nguyên Giáp yên tâm học hành. Ông Võ Tú Hạ, trưởng họ Võ làng An Xá nói với gia đình bà con và Võ Nguyên Giáp: “Anh khó nhưng họ anh đông...”. Các chú, các bác như:

1. Xem Bùi Xuân Các: *Anh Võ Nguyên Giáp*, Hồi ký bản gốc viết tay năm 1993, tr.17.

Võ Tử Phú, Võ Tử Quý, Võ Trọng Hách... ai ai cũng đều nhất trí đến mùa chúng tôi sẽ mang thóc gạo đến giúp... mọi người đều nhất trí và động viên Võ Nguyên Giáp “học là trên hết!”. Tình cảm dòng họ, những lời phát biểu mộc mạc nhưng đầy tình cảm đó đã truyền thêm sức mạnh cho Võ Nguyên Giáp yên tâm lên đường và quyết tâm, tích cực học hành để không phụ lòng tốt của mọi người dành cho mình.

Sinh ra và lớn lên trên quê hương có nhiều truyền thống quý báu, nên ngay từ nhỏ, Võ Nguyên Giáp đã được tắm mình trong môi trường thuận lợi để sớm hình thành chí khí, bản lĩnh vượt qua những khó khăn, thử thách của cuộc sống. Ngay từ nhỏ, Võ Nguyên Giáp đã được giáo dục, rèn luyện về đức hạnh qua tấm gương và những lời giáo huấn của cha, qua câu chuyện kể của mẹ¹. Đó là truyền thống lao động cần cù, yêu nước và đánh đuổi ngoại xâm, truyền thống khoa bảng và văn hóa của dòng họ Võ (Vũ) ở làng An Xá

1. Hằng đêm, mẹ thường kể chuyện, đọc các bài thơ và những câu chuyện nổi tiếng bằng văn vần của Việt Nam cho anh em Võ Nguyên Giáp nghe. Tuy còn nhỏ, nhưng những câu chuyện đêm đêm mẹ kể cho Võ Nguyên Giáp nghe về tướng Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương, kêu gọi các sĩ phu và nhân dân đứng lên chống thực dân Pháp, bảo vệ non sông và những câu chuyện của cha về phong trào đánh Pháp qua bài về *Thất thủ kinh đô* đầy cảm động đã gieo vào lòng Võ Nguyên Giáp những âm hưởng không bao giờ phai mờ.

(xã Lộc Thủy) và dòng họ Nguyễn ở xã Sơn Thủy (Lệ Thủy). Tuổi thơ của Võ Nguyên Giáp không chỉ được nuôi dưỡng từ tình yêu thương, sự khoan dung độ lượng của người mẹ, từ tính cương trực, nghiêm khắc của người cha, từ sự vất vả, khó khăn của gia đình, của những người dân mất nước. Võ Nguyên Giáp đã sớm tiếp thu và hình thành tinh thần cách mạng từ bé. Cùng với đó, cái đói, cái khát, cái bần hàn, đau thương, tủi nhục của người dân mất nước mà hằng ngày Võ Nguyên Giáp chứng kiến đã tác động vào người thanh niên yêu nước. Các yếu tố làm nên một nhân cách lớn trong con người Võ Nguyên Giáp, đó là: tư chất thông minh thiên bẩm cùng với tính hiếu học và khả năng tự học, tính khiêm nhường và thái độ kính trọng tổ tiên; truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình, dòng họ; luôn có tinh thần trách nhiệm với gia đình và xã hội.

Sinh ra và lớn lên trên vùng địa linh nhân kiệt, mảnh đất giàu truyền thống cách mạng và anh hùng, Võ Nguyên Giáp đã được thấm nhuần tinh thần yêu nước sục sôi, thấm đẫm nghĩa khí anh hùng xả thân vì nước của các bậc tiền bối và đông đảo nhân dân huyện Lệ Thủy trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, như lời tâm sự của Đại tướng trong một lần về thăm quê hương: “Quê hương và gia đình đã hun đúc nên nhân cách của tôi, quyết định con đường đi của tôi”.

2. Tuổi trẻ

Những năm 1920, hai anh em Võ Nguyên Giáp và Võ Thuần Nho được cụ thân sinh cho vào học ở Trường Tiểu học Đồng Hới, là ngôi trường duy nhất của tỉnh Quảng Bình sau 30 năm thực dân Pháp đặt ách thống trị lên mảnh đất này. Ở môi trường mới, Võ Nguyên Giáp được học chương trình tiểu học, được tiếp xúc với nhiều bạn mới, hầu hết là con em gia đình khá giả. Tuy vậy, Võ Nguyên Giáp luôn giữ nếp sống thanh bạch, giản dị, chăm chỉ học hành, thường xuyên đứng đầu lớp, được thầy bạn quý mến.

Mùa hè năm 1925, Võ Nguyên Giáp được cha đưa vào Kinh đô Huế để ôn thi vào Trường Quốc học Huế - một trường trung học lớn nhất của miền Trung lúc bấy giờ. Nhờ có ý chí và nghị lực, Võ Nguyên Giáp đã thi đỗ vào trường¹. Đây là tin vui lớn của bản thân, gia đình và bạn bè. Chia tay gia đình, họ hàng, bạn bè, Võ Nguyên Giáp vào nhập học ở lớp đệ nhất niên A vào tháng 9-1925. Là một trong những trung tâm lớn của cả nước, Kinh đô Huế

1. Trường Quốc học Huế thành lập năm 1896, là ngôi trường trung học nổi tiếng của Cố đô Huế. Có rất nhiều tên tuổi nổi tiếng từng là cựu học sinh của trường, trên lĩnh vực chính trị có Nguyễn Sinh Cung (Hồ Chí Minh), Hà Huy Tập, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Diểu...; trên lĩnh vực khoa học có Nguyễn Thúc Hào, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Khánh Toàn, Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Nguyễn Lân, Tôn Thất Tùng...; về văn hóa - nghệ thuật có Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Tố Hữu, Trần Hoàn, Nguyễn Văn Thương...

thu hút nhiều tầng lớp xã hội khác nhau. Bên cạnh bộ máy phong kiến Nam triều đã mất thực quyền là hệ thống cai trị của thực dân Pháp từ Tòa Khâm sứ Trung Kỳ, Sở Mật thám Trung Kỳ đến Tòa Công sứ Thừa Thiên và nhiều cơ quan thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Vì thế, so với các tỉnh, thành trong cả nước, thành phần cư dân ở Huế đa dạng và phức tạp hơn, bên cạnh tầng lớp địa chủ, tư sản, nông dân, công nhân, thợ thủ công là đông đảo cộng đồng người Pháp, tầng lớp quan lại người Việt, hoàng tộc nhà Nguyễn và tầng lớp tiểu tư sản.

Đây là một môi trường học tập, giao tiếp rộng mở đối với tương lai của Võ Nguyên Giáp và khép lại tuổi thơ đầy kỷ niệm gắn bó với quê hương. Ngay từ những ngày đầu, Giáp đã có người bạn tin cậy và thân thiết là Nguyễn Chí Diểu, được sự giác ngộ của nhà cách mạng Nguyễn Chí Diểu, anh lấy tôn chỉ mục tiêu cách mạng làm chỉ hướng của cuộc đời. Nhờ học tập vươn lên đầu lớp và có bạn tốt nên anh được tiếp xúc với một số thầy giáo có xu hướng tiến bộ và có điều kiện tìm hiểu tin tức sách báo như các tờ *An Nam*, *Chuông rè* (phát hành tại Sài Gòn), đã đăng nhiều tin công kích chính quyền thực dân bảo hộ. Võ Nguyên Giáp luôn chăm chú theo dõi các hoạt động của những người yêu nước.

Võ Nguyên Giáp chăm chỉ học hành và trở thành một học sinh xuất sắc của Trường Quốc học. Tuy chưa đến tuổi trưởng thành, nhưng vốn là người kín đáo, nên những trải nghiệm nhiều chiều, chứa đựng những

ngịch cảnh trong xã hội đương thời cùng với sự giác ngộ của Nguyễn Chí Diểu, bạn bè và một số sách báo tiến bộ đã thôi thúc Võ Nguyên Giáp tự nguyện dấn thân vào những hoạt động yêu nước sau này.

Trở thành học sinh Trường Quốc học Huế, được sự giác ngộ của Nguyễn Chí Diểu và lấy mục tiêu cách mạng làm chỉ hướng của cuộc đời, là những sự kiện bước ngoặt có tính quyết định trong sự nghiệp chính trị trở thành một vị tướng lừng danh sau này của Võ Nguyên Giáp. Ở Huế, trực tiếp chứng kiến cảnh cơ cực của công nhân Nhà máy vôi Long Thọ, Võ Giáp¹ đã nhanh chóng nhập cuộc, cùng với thanh niên, học sinh và nhân dân Huế đấu tranh chống áp bức, nô dịch. Nếu như trước đó, anh nhìn thấy cái nghèo đói của người nông dân một nắng hai sương ở quê nhà, thì nay, anh lại trực tiếp chứng kiến cảnh nghèo đói cơ cực của những người thợ bị bóc lột đến tận tột. Cái nghèo khổ của công nhân hằng ngày hiện ra trước mắt anh một cách rõ ràng. Ở trường, các loại sách báo tiến bộ, tuyên truyền cách mạng, đặc biệt là tờ *Le Paria (Người cùng khổ)* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, được các thầy của trường bí mật và trân trọng mang về, một số học sinh ở Huế bí mật chuyền tay nhau đọc.

Sự kiện mở đầu cho những hoạt động đấu tranh của Võ Nguyên Giáp tại Huế là đòi thực dân Pháp ân xá cho

1. Tên gọi của Võ Nguyên Giáp khi học ở Trường Quốc học Huế.

cụ Phan Bội Châu. Hơn 20 năm bôn ba cứu nước, ngày 30-6-1925, nhà ái quốc Phan Bội Châu trên đường từ Hàng Châu về Quảng Đông (Trung Quốc) để họp các đồng chí, nhằm cải tổ Việt Nam Quốc dân Đảng, đã bị mật thám Pháp bắt cóc tại ga Bắc Thượng Hải, bí mật đưa về nước giam tại nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội. Lúc đầu bọn thực dân âm mưu bí mật thủ tiêu cụ Phan Bội Châu, bởi uy tín và ảnh hưởng của cụ rất lớn, đặc biệt là đối với tầng lớp thanh niên. Song khi tin tức lộ ra, một phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu nổ ra ở nhiều nơi trong và ngoài nước, bắt đầu ở Hà Nội, rồi nhanh chóng lan rộng trong cả nước, đặc biệt là các trường học, nơi tập trung nhiều học sinh, thanh niên. Tại Hà Nội, phái đoàn phụ nữ đã chặn xe của toàn quyền Pháp để đưa yêu sách đòi thả cụ Phan Bội Châu. Phong trào dâng cao khi Hội đồng Đề hình mở phiên tòa xét xử cụ (ngày 23-11-1925) với mức án khổ sai chung thân. Đây là một phong trào rộng lớn của nhiều tầng lớp xã hội, đặc biệt là thanh niên, học sinh, sinh viên trong các trường học tham gia. Võ Giáp lúc này đang học lớp đệ nhất niên A của Trường Quốc học Huế trong năm học 1925 - 1926, đã cùng với Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Khoa Văn và một số bạn học đi vận động lấy chữ ký vào đơn gửi Toàn quyền Varenne.

Do sự đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân cả nước, Toàn quyền Varenne buộc phải ân xá cho cụ Phan Bội Châu và đưa cụ về giam lỏng ở Huế từ tháng 12-1925

với ý đồ hạn chế ảnh hưởng của cụ đối với phong trào cách mạng. Song, ý đồ đó của Pháp đã không thực hiện được, trong 15 năm cuối đời ở Huế, từ ngôi nhà lá 3 gian ở dốc Bến Ngự, ông già Bến Ngự (tên gọi của cụ lúc bấy giờ) vẫn tìm cách hoạt động thích hợp với hoàn cảnh để tiếp tục cống hiến cho dân, cho nước.

Cùng với nhiều thanh niên, học sinh yêu nước, Võ Giáp hay đến nhà cụ Phan để nghe nói chuyện tình hình thế giới và trong nước. Khi đó, cụ Phan mới bị đưa từ Hà Nội về Huế. Có khi Võ Giáp cùng các bạn của mình ngồi hàng buổi ở nhà cụ để nghe cụ nói chuyện. Chắc rằng trong nhiều lần được nghe cụ Phan nói chuyện, nhất là cuộc nói chuyện ngày 17-3-1926 của cụ tại Trường Quốc học Huế, Võ Giáp và nhiều thanh niên, học sinh khác đã sôi sục bầu nhiệt huyết, sẵn sàng “xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ” như lời cụ Phan trong *Bài ca chúc tết thanh niên* (năm 1926).

Một sự kiện chính trị khác có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ, đó là vào ngày 24-3-1926, Phan Chu Trinh tạ thế tại Sài Gòn. Một phong trào để tang, tổ chức lễ truy điệu nhà ái quốc Phan Chu Trinh lan rộng khắp cả nước do nhân dân tự tổ chức, bất chấp sự ngăn cản của nhà cầm quyền.

Ở Huế, nhiều cuộc truy điệu đã được tổ chức trong thành phố, thu hút sự tham gia đông đảo của công chúng. Học sinh Trường Quốc học muốn tổ chức lễ truy điệu nhưng nhà trường cấm và không cho học sinh đeo

bằng tang trong lớp. Lễ truy điệu được tổ chức tại nhà trọ của anh Giáp, lúc này đã dời đến một ngôi nhà trên dốc Bến Ngự, nơi có nhiều học sinh Trường Quốc học ngoại trú, giữa nhà đặt bàn thờ. Anh Giáp và các bạn đã xoay mượn đủ lư đồng, giá nến. Bạn học đến dự lễ chật nhà, ai nấy đều đeo băng tang. Trong hương khói nghi ngút, những người dự lễ nghe đọc bài văn tế và tuyên thệ trước hương hồn nhà yêu nước. Những hoạt động của học sinh Trường Quốc học, Đồng Khánh và các trường khác cùng đông đảo nhân dân tham gia lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh đã náo động Kinh thành Huế.

Về phía thực dân Pháp và chính quyền tay sai, dưới sự chỉ đạo của Chánh mật thám Trung Kỳ Léon Sogny, Hiệu trưởng và Tổng giám thị Trường Quốc học Bourotte và Harter càng theo dõi gắt gao hơn những học sinh yêu nước đã bị ghi vào sổ đen vì hăng hái tham gia phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu và để tang cụ Phan Chu Trinh, tìm cách chặn đứng những cuộc đấu tranh mới của thanh niên, học sinh Huế. Trong hai năm học liền ở lớp đệ nhất niên A (1925 - 1926) và đệ nhị niên A (1926 - 1927), Võ Giáp luôn đứng đầu lớp, tháng nào cũng có tên hàng đầu trong bảng danh dự, chỉ có một tháng đứng nhì. Tuy thế, Võ Giáp và một số bạn học, nhất là đối với Nguyễn Chí Diểu cùng lớp vẫn là những đối tượng mà nhà cầm quyền thực dân đặc biệt theo dõi, tìm mọi cách để loại khỏi trường học.

Ngày 26-4-1927, viên giám thị người Pháp vu cho Nguyễn Chí Diểu chép bài, vi phạm kỷ luật thi nên bị đuổi học. Võ Nguyên Giáp bàn với Nguyễn Khoa Văn phát động bãi khóa trong học sinh toàn trường¹.

1. Trong cuốn *Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ*, Trung tướng Phạm Hồng Cư cho biết cụ thể hơn về sự kiện này: “Hôm ấy thi toán, anh Giáp ngồi bàn trước, anh Diểu ngồi bàn sau, anh Diểu là học sinh giỏi và là người có tư cách, không bao giờ gian dối, nhưng giám thị coi thi một mực vu cho anh Diểu chép bài và đuổi anh ra khỏi lớp. Cả lớp la ó, phản đối nhưng anh Diểu vẫn bị đuổi ra. Học sinh lớp Đề nhị niên A thảo một lá đơn. Anh Giáp dẫn đầu đoàn học sinh lên gặp Tổng giám thị. Tin học sinh Nguyễn Chí Diểu vô cớ bị đuổi và Tổng giám thị Harter bác đơn lan truyền rất nhanh, học sinh toàn trường căm phẫn, đòi phải đấu tranh, chống lại hành động đàn áp phi lý của nhà trường. Giáp bàn với Nguyễn Khoa Văn phát động bãi khóa với khẩu hiệu:

- Không được đuổi học sinh Nguyễn Chí Diểu!
- Tự do sách báo!
- Chống giáo dục ngu dân!

Hai người đi vận động các bạn học cùng chí hướng.

Buổi chiều 26-4-1927, 14 giờ, học sinh vừa xếp hàng xong dưới mái nhà chơi lúc giám thị huýt còi vào lớp, thì học sinh lớp Đề nhị niên A xếp hàng ở giữa không vào lớp. Cậu học sinh bé nhỏ Võ Giáp bước ra khỏi hàng hô lớn: “Bỏ học! Bỏ học! Phản đối việc đuổi Nguyễn Chí Diểu! Phản đối việc đàn áp học sinh!”. Lời hô hào của anh Giáp được hưởng ứng. Học sinh lớp Đề nhị niên A kéo về phía cổng trường, vừa đi vừa hô khẩu hiệu. Sân trường ồn ào hỗn loạn. Khối Đề tam, Đề tứ gồm những học sinh lớn của trường đang đi chuyển cũng dừng lại, rồi kéo theo ra cổng trường trước con mắt kinh ngạc của các giám thị. Cuộc bãi khóa bắt đầu”.

Ngày hôm sau (27-4-1927), khi học sinh Trường Quốc học cử đại diện đến các trường học ở Huế để vận động bãi khóa thì bị cảnh sát ngăn cản. Cảnh xô xát đã xảy ra giữa học sinh và cảnh sát. Một số học sinh bị bắt giam. Chiều cùng ngày, đông đảo học sinh Huế đến Tòa Khâm sứ Pháp đưa đơn lên Khâm sứ Friès yêu cầu can thiệp, không được đuổi học và bắt bố học sinh. Khi Văn phòng Tòa Khâm sứ ra nhận đơn và khuyên học sinh trở về học tập thì Khâm sứ Friès gọi lính và xe vòi rồng đến đàn áp. Xung đột đã xảy ra giữa cảnh sát và học sinh tại chân cầu Trường Tiền. Thêm một số học sinh bị bắt. Cuộc đàn áp chiều 27-4-1927 của Tòa Khâm sứ như đổ dầu vào lửa. Trong mấy ngày liên, học sinh kéo nhau đi dọc các phố hô khẩu hiệu. Kinh đô Huế náo động. Cuộc bãi khóa của học sinh Huế khởi đầu từ Trường Quốc học, Đồng Khánh đã lan rộng thành tổng bãi khóa. Đây là một trong những cuộc tổng bãi khóa lớn thời bấy giờ. Lần đầu tiên, Võ Giáp được trực tiếp chứng kiến sức mạnh tổng hợp của học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân. Sức mạnh, ý chí và khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân một lần nữa thức tỉnh và thôi thúc trái tim đầy nhiệt huyết của anh.

Sau cuộc bãi khóa, chính quyền thực dân đe dọa, tất cả học sinh tham gia bãi khóa đều bị đuổi khỏi

trường. Hàng chục học sinh thuộc các trường học Huế bị nhà cầm quyền đui học, trong đó Trường Quốc học là 37 nam sinh, đầu bảng là Nguyễn Chí Diểu, Võ Giáp, Nguyễn Khoa Văn... Trường Đồng Khánh là 10 nữ sinh.

Nhân sự kiện này, Võ Giáp đã viết bài báo đầu tiên của đời mình bằng tiếng Pháp có tên “À bas le tyranneau du Quoc hoc” (Đả đảo tên tiểu bạo chúa Trường Quốc học). Bài báo tố cáo nền giáo dục ngu dân và quy chế cấm đọc sách báo yêu nước. Bài được đăng trên tờ *L’Annam* của luật sư Phan Văn Trường, xuất bản tại Sài Gòn, một tờ báo tiến bộ thời ấy dám công khai đả kích thực dân Pháp. Bài báo có tiếng vang ở Huế, Sài Gòn.

Bị buộc rời khỏi Trường Quốc học Huế, Võ Nguyên Giáp trở về Quảng Bình, tích cực tham gia xây dựng, phát triển cơ sở cách mạng ở quê hương. Thời gian học tập ở Huế, anh đã trực tiếp chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của sách báo tiến bộ, ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga và tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, nên khi về Quảng Bình, Võ Nguyên Giáp trở thành một trong những hạt nhân tích cực trong nhóm thanh niên, học sinh tiến bộ ở Lệ Thủy. Tại huyện Lệ Thủy, Võ Nguyên Giáp gặp một số thanh niên làng An Xá như Đào Viết Doãn, Võ Hoàng, Võ Chương Hiến,

Hoàng Hữu và em ruột là Võ Thuần Nho tuyên truyền giác ngộ cách mạng bằng lời lẽ giản dị, thân mật mà những năm tháng ở Trường Quốc học Huế, các thầy giáo Việt tâm huyết với quê hương, đất nước như Cao Xuân Huy, Võ Liêm Sơn đã truyền thụ và khơi gợi cho anh.

Cùng với các cuốn sách tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, một số sách báo tiến bộ, tài liệu về cách mạng như báo *Người cùng khổ*, *Việt Nam hôm nay* được thanh niên, học sinh tìm đọc. Tiêu biểu cho tinh thần đó là nhóm đọc báo tiến bộ đầu tiên ở làng An Xá, trong đó nổi lên là Võ Nguyên Giáp. Thời kỳ này, nhóm đọc sách tiến bộ ở làng An Xá có nhiều tài liệu, tin tức phong phú, các bài văn thơ yêu nước của cụ Phan Bội Châu, một số sách báo tiến bộ, tài liệu về cách mạng như báo *Việt Nam hôm nay* do Võ Nguyên Giáp mang từ Huế ra, đã gây ảnh hưởng rộng rãi ra các vùng ở địa phương như: An Xá, Thạch Bàn, Phú Thọ. Sau đó, đồng chí Nguyễn Hữu Chuyên, một cán bộ của Kỳ bộ Trung Kỳ về quê ở Thạch Bàn nghỉ chữa bệnh, một số thanh niên tiến bộ đã tìm đến trao đổi tiếp cận. Qua nhiều lần gặp gỡ, dần dần tập hợp được một số anh em có chung chí hướng, hình thành nên tổ chức cách mạng dưới hình thức là nhóm đọc sách báo. Hoạt động của cơ sở cách mạng này chủ yếu là tuyên truyền yêu nước, viết

truyền đơn lên án tội ác của đế quốc, phong kiến và vận động quần chúng đấu tranh chống lại áp bức, bóc lột ở các địa phương trong huyện.

Một thời gian sau, khoảng cuối năm 1927, Nguyễn Chí Diểu đạp xe từ Huế ra quê tìm Võ Nguyên Giáp. Lúc này, Nguyễn Chí Diểu là Ủy viên Kỳ bộ Trung Kỳ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên¹. Sau khi bàn bạc, trao đổi, đồng chí Nguyễn Chí Diểu đã tuyên bố kết nạp Võ Nguyên Giáp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Sau đó Nguyễn Chí Diểu đã đưa cho anh tập tài liệu. Đó là một cuốn sách về chủ nghĩa cộng sản bằng tiếng Pháp, một tập tài liệu của Liên đoàn các dân tộc bị áp bức trên thế giới và một số văn bản về cuộc họp ở Quảng Châu, đặc biệt trong đó có bài nói chuyện của Nguyễn Ái Quốc. Võ Nguyên Giáp đem tập tài liệu ra cánh đồng vắng, trèo lên cây, ngồi đọc: “Lần đầu tiên tôi được đọc một tập tài liệu có hệ thống về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc tế. Có thể nói là tư tưởng

1. Tiền thân là Hội Phục Việt - một tổ chức yêu nước ra đời ngày 14-7-1925, ở thành phố Vinh (Nghệ An). Hội Phục Việt sau đó đổi tên thành Hội Hưng Nam (đầu năm 1926); Việt Nam Cách mạng Đảng (tháng 11-1926); Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 7-1927); Tân Việt Cách mạng Đảng (tháng 7-1928); Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (cuối tháng 12-1929).

của chủ nghĩa cộng sản đã được cất nghĩa lần lần qua từng trang sách”¹.

Sau khi trở thành đảng viên Đảng Tân Việt, có điều kiện được đọc và tiếp thu những quan điểm trong tác phẩm *Đường cách mệnh* - tập bài giảng của chương trình huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, Võ Nguyên Giáp đã nhận thức rõ nhiều vấn đề lý luận quan trọng như: vì sao chúng ta phải làm cách mạng và phương pháp tiến hành cách mạng; cách mạng là phải bỏ cái cũ, lập ra cái mới, phá bỏ cái xấu, lập ra cái tốt; cách mạng là một giai đoạn phát triển hợp với quy luật xã hội. Mục đích của cuộc cách mạng xã hội mà Nguyễn Ái Quốc nêu trong tác phẩm *Đường cách mệnh* là thủ tiêu hoàn toàn mọi hình thức áp bức xã hội, mọi tình trạng người bóc lột người, tiến tới xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp cách mạng là lâu dài và gian khổ, cho nên người cách mạng phải hết sức kiên trì, sẵn sàng chịu đựng khó khăn, gian khổ, thậm chí là hy sinh. Đời này làm không xong đời kia phải tiếp tục làm. Một người làm không nổi thì phải đồng tâm hiệp lực nhiều người cùng làm. Nơi này làm không nổi cả nước phải dốc sức cùng làm. Sự nghiệp lớn lao này cần phải tiến hành

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.24.

ngay, không nên chần chừ, do dự vì dân tộc mình đã phải chịu nhiều đau khổ và đến lúc phải vùng lên đấu tranh để giành quyền sống.

Đọc tác phẩm *Đường cách mệnh*, Võ Nguyên Giáp cũng lĩnh hội được yêu cầu của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về tư cách, đạo đức của người cách mạng, đó là tự mình phải cần, kiệm; cả quyết sửa lỗi mình; làm việc cẩn thận và nhẫn nại; chịu khó học hỏi; nghiên cứu xem xét; chí công vô tư; không hiếu danh, không kiêu ngạo; nói thì phải làm; giữ chủ nghĩa cho vững; ít lòng tham muốn về vật chất... Sinh ra trong thời buổi nước mất nhà tan, lớn lên trên vùng đất nổi tiếng trù phú với câu ca truyền đời “nhất Đồng Nai, nhì hai huyện”¹, sống trong vựa lúa mà luôn phải chứng kiến cảnh nghèo đói của nhân dân, điều đó đã thôi thúc Võ Nguyên Giáp đi tìm căn nguyên của sự đói nghèo. Mang điều trăn trở ấy rời quê hương đến với Kinh thành Huế và ở nơi đây, Võ Nguyên Giáp tìm được một phần lời giải cho những điều suy nghĩ mà khi ở quê hương anh không thể lý giải được.

Do tổ chức phân công, mùa thu năm 1928, Võ Nguyên Giáp trở lại hoạt động ở Huế với nhiệm vụ

1. Hai huyện là huyện Lệ Thủy và huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (B.T).

Ủy viên Tuyên huấn của Tân Việt Cách mạng Đảng. Thời gian sau, Nguyễn Chí Diểu giới thiệu Võ Nguyên Giáp đến làm việc tại Quan Hải tùng thư. Quan Hải tùng thư là nhà xuất bản của Tổng bộ Tân Việt do Đào Duy Anh¹, Bí thư Tân Việt lập ra, đặt trụ sở ở phố Đông Ba (thành phố Huế). Võ Nguyên Giáp được giao làm thư ký ngồi ở quây bán sách, thực tế là tham gia sinh hoạt ở một tiểu tổ bí mật của Tân Việt. Các cộng tác viên chủ yếu là Phan Đăng Lưu, Ngô Đức Diển... Quan Hải tùng thư cũng là trụ sở bí mật của Tổng bộ Đảng Tân Việt.

Ở Quan Hải tùng thư, Võ Nguyên Giáp được phân công làm thư ký và tham gia tiểu tổ bí mật của

1. Đào Duy Anh là thầy giáo cũ của Võ Nguyên Giáp hồi ở Trường Tiểu học Đồng Hới, Quảng Bình, một người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của cụ Phan Bội Châu. Cuối năm 1925, Đào Duy Anh đã gặp cụ Phan Bội Châu tại thị xã Đồng Hới, sau khi gặp gỡ, trao đổi, Đào Duy Anh đã quyết định chuyển sang làm báo để tuyên truyền cách mạng. Đào Duy Anh đã biên soạn, dịch và cho xuất bản các tập sách như: *Lịch sử các học thuyết kinh tế* (quyển thượng), *Lịch sử nhân loại*, *Phụ nữ vận động*, *Tôn giáo là gì? Dân tộc là gì?...* Phan Đăng Lưu dịch tập *Xã hội luận* và *Lịch sử các học thuyết kinh tế* (quyển hạ). Võ Liêm Sơn dịch hai tập *Đông Tây văn hóa phê bình...* Nhà xuất bản Quan Hải tùng thư lợi dụng khả năng hợp pháp để công khai ra mắt bạn đọc, tuyên truyền những tập sách có xu hướng tiến bộ này.

Tân Việt do Đào Duy Anh làm tổ trưởng, có thêm Nguyễn Chí Diểu và Trần Thị Như Mân. Sau một thời gian sinh hoạt trong tiểu tổ, Võ Nguyên Giáp được Ban Thường vụ Tổng bộ Tân Việt giao hai nhiệm vụ “làm Ủy viên trung ương dự bị, phụ trách tuyên huấn và giao thông liên lạc”. Tổng bộ Tân Việt lúc đó gồm: Đào Duy Anh, Phan Đăng Lưu, Ngô Đức Diển, Hoàng Đức Thi, Trần Ngọc Danh, Phan Kiêm Huy, Nguyễn Sĩ Sách. Đồng thời, Đào Duy Anh giới thiệu Võ Nguyên Giáp với cụ Huỳnh Thúc Kháng và được cụ đồng ý nhận anh Giáp làm biên tập viên báo *Tiếng dân*.

Thời gian tham gia Tân Việt, làm việc ở Quan Hải tùng thư và báo *Tiếng dân* đã thúc đẩy quá trình trưởng thành nhanh chóng về chính trị của người thanh niên yêu nước Võ Nguyên Giáp. Báo *Tiếng dân* là tờ báo lớn ở Trung Kỳ, có xu hướng tiến bộ do cụ Huỳnh Thúc Kháng, một chí sĩ yêu nước, bị đày ở Côn Đảo suốt 13 năm (1908 - 1921) sáng lập, ra mắt công chúng từ tháng 7-1927. Như có mối nhân duyên, Võ Nguyên Giáp đến với nghề báo từ năm 16 tuổi, khi còn học ở Trường Quốc học. Trong thời gian làm việc ở Quan Hải tùng thư và báo *Tiếng dân*, Võ Nguyên Giáp đã đọc rất nhiều sách về chính trị, kinh tế - xã hội để nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích những vấn đề thời sự đang diễn ra trong nước và thế giới. Võ Nguyên Giáp làm quen và

thể nghiệm các thể loại báo chí từ đưa tin, viết bài bình luận tình hình thế giới và trong chuyên mục thế giới thời đàm, đến viết phóng sự điều tra về các cuộc đấu tranh của thợ thuyền, như cuộc đình công của công nhân Nhà máy sợi Nam Định, cu li xe kéo Hà Nội, bãi công của công nhân Nhà máy xe lửa Trường Thi. Võ Nguyên Giáp còn viết nhiều bài báo tố cáo chế độ sưu cao, thuế nặng, cho vay nặng lãi, mua rẻ, bán đắt, cướp đoạt ruộng đất... mà anh đã quan sát ở quê hương An Xá (Lệ Thủy). Võ Nguyên Giáp ham thích nghiên cứu các vấn đề kinh tế, viết bài tố cáo sự bóc lột của tư bản thực dân đối với nhân dân lao động và chèn ép tư sản bản xứ. Có bài bị chế độ kiểm duyệt của chính quyền thực dân bắt xóa bỏ nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn không lùi bước, tiếp tục đăng bài công khai trên báo *Tiếng dân* để chống lại chế độ thực dân Pháp xâm lược.

Võ Nguyên Giáp sớm ý thức được tầm quan trọng của công việc được phân công, anh không quản thiếu thốn về vật chất, phương tiện làm việc, khó khăn trong cuộc sống để hoàn thành nhiệm vụ. Là ủy viên dự bị được giao nhiệm vụ làm công tác tuyên huấn và giao thông của Tân Việt Cách mạng Đảng, Võ Nguyên Giáp đã dựa vào sách *ABC về chủ nghĩa cộng sản* và một số cuốn sách của Lênin, Xtalin, Plêkhanốp để biên soạn,

viết những bài báo dưới dạng phổ thông, tài liệu tuyên truyền trong mọi tầng lớp nhân dân về cách mạng, về chủ nghĩa cộng sản.

Được phân công vận động thanh niên, học sinh, Võ Nguyên Giáp đã liên lạc với Trần Hữu Duẩn, giảng viên trường Chaigneau nắm các tổ chức hội học sinh ở Quốc học, Đồng Khánh và các trường khác ở Huế. Võ Nguyên Giáp cũng được phân công cùng với Trần Thị Như Mân làm công tác vận động phụ nữ. Võ Nguyên Giáp phụ trách tổ nữ của Đảng Tân Việt gồm có các chị Hải Đường, Trâm và Khảm (giáo viên ở An Hòa). Anh cũng được phân công vận động nông dân ở khu vực Truồi cùng các đảng viên Lê Bá Dị, Lê Đoan, Phụng...

Năm 1929, Nguyễn Thị Quang Thái vào Huế để thi vào trường Đồng Khánh, gặp Võ Nguyên Giáp trên chuyến tàu vào Huế này. Ở Huế 2 người cùng hoạt động trong Đảng Tân Việt.

Thời gian này, nhiều thành viên trong hai tổ chức Tân Việt và Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã có ý kiến và họp bàn thống nhất hai tổ chức nhưng không thành. Lúc này, Đào Duy Anh đọc trên tạp chí *Cộng sản* của Đảng Cộng sản Pháp nói về chính sách quốc gia của Đảng Cộng sản Pháp mới thảo ra chương trình thực hiện, muốn biến Tân Việt thành khối Liên hiệp quốc dân. Võ Nguyên Giáp cùng Nguyễn Chí Diểu,

Đặng Thai Mai lập ra nhóm hạt nhân cộng sản lúc đầu lấy tên là Việt Nam Cộng sản Liên đoàn. Các đồng chí trong nhóm giao cho Võ Nguyên Giáp dựa vào Điều lệ Quốc tế Cộng sản để soạn thảo điều lệ của Cộng sản liên đoàn. Như vậy, trong Tổng bộ Tân Việt đã có sự phân hóa và có chiều hướng chuyển sang cộng sản. Võ Nguyên Giáp cùng với các đồng chí trong tổ chức đã tích cực tham gia cải tổ Tân Việt Cách mạng Đảng thành Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Đầu năm 1929, với chức trách nhiệm vụ của mình, Võ Nguyên Giáp đã được Tổng bộ giao nhiệm vụ ra Vinh, Hà Nội và vào Sài Gòn để phổ biến đường lối của Khối liên hiệp quốc dân, nhưng là người của nhóm hạt nhân cộng sản, Võ Nguyên Giáp đã tranh thủ vận động các kỳ bộ Tân Việt chuyển sang hàng ngũ cộng sản. Đến Nghệ An bắt liên lạc với liên Tỉnh ủy Tân Việt Nghệ Tĩnh, Võ Nguyên Giáp trình bày ý kiến của một số đồng chí chủ trương lập nhóm hạt nhân cộng sản tiến tới cải tổ Tân Việt thành Đảng Cộng sản được các đồng chí trong Liên Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh ủng hộ. Ở Nghệ An, Võ Nguyên Giáp đến gặp Nguyễn Đình Đoàn (con cụ Nguyễn Đình Kiên, cựu chính trị phạm Côn Đảo) đang dạy học ở đó, cũng là đảng viên Tân Việt. Nghe Võ Nguyên Giáp trình bày, Nguyễn Đình Đoàn đồng tình ngay với Liên Tỉnh ủy.

Xong công việc ở Vinh, Võ Nguyên Giáp lập tức ra Hà Nội. Anh tìm đến Trường Đại học Đông Dương để gặp Tôn Quang Phiệt và đưa anh đến gặp Nguyễn Văn Tạo - người phụ trách Kỳ bộ Bắc Kỳ của Tân Việt. Qua trao đổi với Võ Nguyên Giáp, anh Tạo đồng ý chuyển Tân Việt sang tổ chức cộng sản và đề nghị lấy tên là Tân Việt Cộng sản Đảng. Từ Hà Nội trở về Huế, Võ Nguyên Giáp nhận được báo cáo của Liên Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh: đã chuyển toàn bộ các tổ chức cơ sở Tân Việt sang thành lập các chi bộ cộng sản. Đảng viên trên 400 người. Ngay sau đó, Võ Nguyên Giáp lập tức đi Sài Gòn để tiếp tục nhiệm vụ. Đến Sài Gòn, khi cơ quan Kỳ bộ của Tân Việt đang bị thực dân Pháp khám xét, đồng chí Đào Xuân Mai phụ trách Kỳ bộ bị địch bắt. Do đó, theo góp ý của cụ Nguyễn Đình Kiên, Võ Nguyên Giáp đã gặp gỡ, bàn bạc và thông báo chủ trương của Tổng bộ cho Kỳ bộ Nam Kỳ qua Lê Phú Thành (con rể cụ Kiên là đảng viên của Tân Việt sinh hoạt trong Kỳ bộ Nam Kỳ).

Trở lại Huế, Võ Nguyên Giáp được biết Tổng bộ Tân Việt dự kiến triệu tập Đại hội vào tháng 7-1929 tại Huế, nhưng sau đó Đại hội không triệu tập được vì xảy ra cuộc khủng bố lớn của thực dân Pháp năm 1929 tiến công vào tất cả các chính đảng hồi đó (Thanh niên, Tân Việt và Việt Nam Quốc dân Đảng).

Nhiều đảng viên trong Thanh niên và Tân Việt bị bắt. Cụ Giải Huân tự tử trong nhà tù. Tú Kiên, Trần Mộng Bạch, Phan Kiêm Huy cũng bị bắt. Quan Hải từng thư bị khám xét. Đào Duy Anh bị bắt, sau đó Trần Thị Như Mân, người vợ chưa cưới của Đào Duy Anh cũng bị bắt vì cảnh sát tìm được tài liệu chị giấu dưới gối. Từ trong tù, Đào Duy Anh nhắn ra không khai báo cho ai cả.

Tối 28-12-1929, theo đề nghị của Kỳ bộ Nam Kỳ, một cuộc họp đại biểu 3 kỳ được triệu tập tại Ga chợ Thương (Đức Thọ), (Hà Tĩnh) để thống nhất tổ chức của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Sau đó các đại biểu được Nguyễn Xuân Thanh (Chất Bẫy) đón về nhà mình. Hội nghị được tổ chức tại đây.

Võ Nguyên Giáp được triệu tập đi họp. Địa điểm liên lạc: ga Chợ Thương. Ám hiệu liên lạc: đèn pin cầm chức xuống đất. Nhưng Võ Nguyên Giáp không đi được vì mặt thám lảng vắng công khai quanh nhà anh.

Hội nghị thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đang tiếp tục thì phải chuyển nơi họp, vì sợ họp tại nhà Nguyễn Xuân Thanh quá trống trải dễ bị địch phát hiện. Trên đường di chuyển thì bị lộ, các đại biểu đều bị bắt tại bến đò Trai, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh, ngày 01-01-1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam tại Hồng Kông (Trung Quốc) không có đại biểu Đông Dương Cộng sản Liên đoàn tham dự. Sau đó, ngày 24-2-1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thời kỳ này, Võ Nguyên Giáp tiếp tục làm việc ở báo *Tiếng dân*, sinh hoạt trong Chi bộ Đảng Cộng sản báo *Tiếng dân* do Trần Công Xứng làm Bí thư. Đồng chí Lê Viết Lượng vào dạy ở Quốc học Huế, tham gia Tỉnh ủy. Sau khi ổn định công việc, Lê Viết Lượng tìm gặp Võ Nguyên Giáp trao đổi về công tác đảng. Võ Nguyên Giáp giới thiệu đầu mối ở Truồi và cơ sở ở Trường Đồng Khánh cho anh Lượng. Anh giữ liên lạc chặt chẽ với Trần Hữu Duẫn, giáo viên trường Chaigneau. Một hôm Trần Hữu Duẫn nói với Võ Nguyên Giáp đến gặp Nguyễn Phong Sắc là người được cử vào phụ trách Kỳ bộ Trung Kỳ. Trong cuộc gặp đó, Võ Nguyên Giáp nhận từ Nguyễn Phong Sắc nhiệm vụ tiếp tục hoạt động trong báo *Tiếng dân* viết bài vở kín đáo, dễ hiểu để tuyên truyền chủ nghĩa Mác.

Khi em trai Võ Thuần Nho vào học Trường Quốc học Huế, hai anh em thuê một ngôi nhà sau lưng chùa Diệu Đế để ở. Trong cơ quan báo *Tiếng dân* của Huỳnh Thúc Kháng, Võ Nguyên Giáp được phân công vào nhóm biên dịch bài tiếng Việt sẽ được đăng trên báo sang tiếng Pháp để gửi cho Sở kiểm duyệt và viết bài cho báo *Tiếng dân* với hai bút danh: Hải Thanh (phân biệt với Hải Thanh của Nguyễn Hoàng của báo *Nhàn húa*, thời kỳ 1936 - 1939) và Vân Đình.

Lần theo hai bút danh này, ta tìm thấy 27 bài đăng tải trên 36 số báo. Bài báo đầu tiên ký tên Hải Thanh với tựa đề “Vũ trụ và tấn hóa”, đăng trên hai số báo: 218,

ngày 28-9 và 222, ngày 5-10-1929. Đây là “một luận văn triết học ngắn thể hiện tư duy khoa học thiên tiến - chủ nghĩa duy vật biện chứng, một nhận thức về chính trị - xã hội, dùng bạo lực cách mạng để lật đổ chế độ tư bản, đưa xã hội tiến hóa lên trình độ cao hơn theo quy luật tự nhiên”¹. Bài thứ hai thuộc lĩnh vực triết học chính trị, ký bút danh Hải Thanh mang tựa đề “Nền học thuật bình dân” đăng trên ba số báo: 313, ngày 3-9-1930, 314, ngày 6-9-1930 và 317, ngày 17-9-1930. Trong đó, tác giả đã viết: “Xã hội nào học thuật ấy. Trái lại, học thuật lại có ảnh hưởng đến xã hội rất sâu xa, học thuật có đổi mới mà sau một xã hội mới mới có cơ thành lập được; vì lẽ ấy học thuật có quan hệ đến vận mệnh một xã hội”. Theo Võ Nguyên Giáp, ngày nay học thuật mới là nền học thuyết bình dân và được anh định nghĩa: Học thuật bình dân là học thuật của số đông do những nhà tư tưởng làm đại biểu cho tầng lớp bình dân xây nền đắp móng.

Nếu như hai bài trên thuộc loại triết học chính trị, thì bài “Những sự nhu yếu của loài người ký” bút danh Hải Thanh thuộc loại triết học gắn với kinh tế, đăng trên ba số báo: 319, ngày 24-9-1930, 322, ngày 4-10-1930 và 324, ngày 11-10-1930. Qua các bài này, tác giả làm rõ mối quan hệ mật thiết giữa nhu yếu của đời sống

1. Nguyễn Thành: *Hoạt động báo chí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005, tr.20.

con người và sự tiến hóa của xã hội, đồng thời đặt ra vấn đề cải tạo quan hệ hiện thời, thúc đẩy sản xuất phát triển mới làm cho loài người hạnh phúc.

Trên báo *Tiếng dân* có mục Thế giới thời đàm, Võ Nguyên Giáp viết bài cho mục này với bút danh Vân Đình và sau đó trở thành người phụ trách mục này, từ tháng 2 đến tháng 10-1930. Võ Nguyên Giáp viết 3 bài bình luận về các sự kiện lớn của thế giới:

- “Sự nghiệp của Quốc tế liên minh” (Hội Quốc liên), số 262, ngày 8-3-1930, nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập.

- “Nhân bản hải quân hiệp ước mới ký ở Luân Đôn. Cái họa chiến tranh bao giờ mới hết”, số 280, ngày 10-5-1930.

- “Câu chuyện châu Âu liên bang”, số 287, ngày 4-6-1930.

Trong chuyên mục này, Võ Nguyên Giáp viết nhiều nhất về Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch, gồm 9 bài chuyên luận và 3 bài có liên quan. Tác giả thông qua những bài báo đó, bình luận về những cuộc hỗn chiến liên miên giữa các tập đoàn quân phiệt Tưởng Giới Thạch, Phùng Ngọc Tường, Diêm Tích Sơn và đã đưa ra một nhận xét thú vị: “Tưởng là một người cừ địch của dân chúng Tàu, Tưởng cứ đứng vững cũng không đáng lo. Diêm có đánh đổ Tưởng cũng không đáng mừng. Quyền lợi của dân chúng, chỉ

dân chúng mới đòi lại được. Sự đáng mừng hay đáng lo là ở nơi trình độ giác ngộ của dân chúng”¹. Và một bài có liên quan tới Mỹ với tựa đề “Thế giới chính sách, nước Mỹ”. Trong bài này, Vân Đình nói tới hiện tượng các nước lớn trên thế giới không nước nào không đề ra chính sách thế giới (chiến lược toàn cầu). Mỹ có thế giới chính sách riêng. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ Kellogg xướng lên thuyết phi chiến, nhưng lại tuyên bố phạm vi quyền lợi của Mỹ ở cả Bắc Mỹ cho đến tận Trung Mỹ.

Trong chuyên mục kinh tế, Võ Nguyên Giáp viết 3 bài về kinh tế Việt Nam thời thuộc Pháp được đăng trên 7 số:

- “Hiện tình kinh tế nước ta”, đã đăng trên 2 số 274, 276, phần cuối định in tiếp ở số 277, ngày 3-5-1930, nhưng bị Sở kiểm duyệt bỏ hoàn toàn. Trên báo ra ngày hôm đó, Huỳnh Thúc Kháng cho bỏ trống khổ báo đó để độc giả biết.

- “Nghiep làm nông ở Việt Nam”, đăng trên 4 số (số 282, 283, 286, và 289). Xuất phát từ tình hình kinh tế nông nghiệp, tác giả đã đi sâu phân tích sự phân hóa các giai tầng xã hội trong nông thôn Việt Nam theo nhận thức rất hiện đại và vạch rõ sự bóc lột giá trị thặng dư của nhà tư bản.

1. Báo *Tiếng dân*, số 266, ngày 22-3-1930.

- “Số tư bản người Pháp đem vận dụng ở xứ ta”, số 292, ngày 21-6-1930. Trong bài báo này, tác giả bắt đầu từ sự đầu tư tư bản của tư bản Pháp để lập đồn điền, nhà máy, ngân hàng, lập những công ty tư bản có thế lực lớn chi phối cả Chính phủ để đi đến một kết luận thuyết phục: “Ai bảo nước ta còn ở vào cái tình trạng bế tắc ở đời phong kiến, mà chưa bước vào thời kỳ tư bản? Ai bảo ở nước ta chưa có tư bản tập trung?”¹.

Những bài viết của Võ Nguyên Giáp trên báo *Tiếng dân* thuộc các lĩnh vực triết học, chính trị, kinh tế không chỉ bộc lộ một trí tuệ thông minh, hiểu biết sâu sắc, một bản lĩnh chính trị vững vàng, mà còn là cây bút bình luận sắc sảo về thời cuộc. Điều đó càng khẳng định năng lực của một thanh niên mới 19 tuổi đời, nhưng đã có được kho kiến thức phong phú. Những năm tháng làm báo *Tiếng dân* không chỉ giúp Võ Nguyên Giáp có được thu nhập ổn định bảo đảm cho cuộc sống hằng ngày của hai anh em, mà còn có uy tín trong làng báo, anh được chủ bút tin nhiệm và đồng nghiệp quý mến. Tất cả những cái đó chính là vỏ bọc tốt cho hoạt động chính trị của Võ Nguyên Giáp, nhưng điều đó cũng không thể che được con mắt “cú vạ” của mật thám Pháp. Anh đã bị ghi vào “sổ đen” từ khi bước vào

1. Nguyễn Thành: *Hoạt động báo chí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp*, *Sđd*, tr.33.

Trường Quốc học Huế, tham gia các cuộc đấu tranh, các cuộc bãi khóa của học sinh, viết bài lên án chính quyền ở đây gửi in báo *L'Annam* của Phan Văn Trường trong Sài Gòn, rồi kết bạn với những phần tử có khuynh hướng mácxít, đặc biệt là những bài trên báo *Tiếng dân* đã nhiều lần bị Sở kiểm duyệt cắt bỏ, không cho đăng.

Thời gian làm báo *Tiếng dân* là thời kỳ để Võ Nguyên Giáp rèn luyện sự năng động. Vừa làm báo, anh vừa tranh thủ đọc nhiều loại sách để có kiến thức nền rộng, rồi đọc báo chí đương thời để nắm những vấn đề thời sự đang thu hút dư luận xã hội, đồng thời bám sát tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước và làm quen với các thể loại báo chí như tin, bài bình luận, phóng sự, điều tra... Anh được phân công viết mục Thế giới thời đàm, đưa tin và bình luận về các sự kiện chính trị trên thế giới. Anh đưa tin về các cuộc đấu tranh của công nhân Nhà máy sợi Nam Định ngày 23-11-1928, cuộc đình công của một bộ phận cu li xe kéo ở Hà Nội ngày 6-1-1929, Cuộc bãi công của công nhân Nhà máy xe lửa Trường Thi từ ngày 16 đến ngày 23-5-1929. Anh cũng rất quan tâm đến vấn đề nông dân, nông thôn, thường viết về đời sống cùng cực, sưu cao thuế nặng,... những gì mà anh quan sát được và nhớ được nơi quê hương An Xá của mình.

Cao trào cách mạng 1930 - 1931 do Đảng Cộng sản Việt Nam phát động đã diễn ra mạnh mẽ dẫn tới

thành lập chính quyền Xôviết ở Nghệ Tĩnh. Thực dân Pháp và tay sai tiến hành khủng bố trắng hồng nhanh chóng dập tắt phong trào đấu tranh đó. Xôviết Nghệ Tĩnh đang kêu cứu. Trước tình hình khẩn cấp đó, Trung ương Đảng chủ trương vận động quần chúng, một mặt, đấu tranh chặn đứng bàn tay tàn bạo của kẻ thù, mặt khác, góp tiền của cứu tế cho Nghệ Tĩnh. Võ Nguyên Giáp và em trai là Võ Thuần Nho đã hăng hái góp tiền ủng hộ Nghệ Tĩnh đỏ. Do đó, khi thực dân Pháp mở rộng đàn áp cả những người ủng hộ Xôviết Nghệ Tĩnh, thì hai anh em đã sẵn sàng tâm lý đối mặt với nguy cơ bị địch bắt. Buổi sáng chia tay, em đi học, anh đi làm, hai anh em bắt tay chào nhau, lòng thầm nghĩ không biết hôm nay ai sẽ bị bắt, liệu còn gặp nhau không. Anh Giáp không quên dặn chú Nho mặc thêm áo ấm, bỏ vào túi một ít lạc rang, ngô rang để đề phòng¹.

Cuối năm 1930, thực dân Pháp mở rộng đàn áp, chúng cho xe chở lính đi khắp nơi bắt bớ tất cả những người ủng hộ Xôviết Nghệ Tĩnh. Báo *Tiếng dân*, số 327, ngày 20-10-1930 đưa tin ở mục Huế, bắt người: “Ông Võ Nguyên Giáp trên một năm nay biên dịch ở nhà báo Tiếng dân, mới rồi người em ông học ở Quốc học bị bắt,

1. Xem Phạm Hồng Cư: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ*, Nxb. Quân đội, Hà Nội, 2015, tr.91.

rồi đến ông Giáp cũng bị bắt luôn. Bị bắt tạm giam để thẩm vấn hơn một tháng, ngày 25-11-1930, tòa án tỉnh Thừa Thiên mở phiên tòa xử Võ Nguyên Giáp và em ruột là Võ Thuần Nho, mỗi người 2 năm quản thúc vì hoạt động chính trị”.

Trong số những người bị bắt ở Huế có Võ Nguyên Giáp, Võ Thuần Nho, Lê Viết Lượng, Đặng Thai Mai, Nguyễn Thị Quang Thái... Họ bị giam tại nhà lao Thừa Phủ (Huế). Khi bị giải qua nhà lao nữ, Võ Nguyên Giáp thấy Nguyễn Thị Quang Thái cũng đang bị giam tại đó.

Vừa mới vào nhà lao, Võ Nguyên Giáp liền bị mật thám xét hỏi:

- Có tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không?

- Không.

- Có tham gia Tân Việt không?

- Không.

- Hoạt động gì?

- Không làm gì cả.

- Có cứu tế cho Nghệ Tĩnh đỏ không?

- Có.

- Thái độ với cộng sản?

- Không có thái độ gì.

Đoạn phỏng vấn trên giữa mật thám Pháp với Võ Nguyên Giáp đã chứng tỏ anh là người rất thông minh, có bản lĩnh kiên cường, không hề run sợ trước

cường quyền. Võ Nguyên Giáp chỉ nhận mình do có lòng yêu nước mà tham gia một số phong trào của thanh niên để tranh thủ án treo mà sớm ra ngoài hoạt động. Nhưng thực dân Pháp lo sợ, chúng đã đổi án treo thành án thật; chúng kết án Võ Nguyên Giáp 2 năm tù giam.

Những năm tháng sống trong nhà tù thực dân, Võ Nguyên Giáp không hề đơn độc, xung quanh anh có rất nhiều đồng chí vừa là thầy trò, anh em, bạn bè tin cậy. Trong nhà lao Thừa Phủ, Võ Nguyên Giáp chú ý theo dõi tình hình để động viên anh em, đồng chí chủ động đối phó với các âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

Tại đây, anh đã bị bọn cai ngục áp dụng rất nhiều biện pháp tra tấn về thể xác, truy bức về tinh thần. Chúng tra khảo nhiều lần, nhốt vào hầm tối 15 ngày... Tuy bị rất nhiều cực hình trong nhà tù, nhưng Võ Nguyên Giáp đã thể hiện rõ bản lĩnh kiên cường của người chiến sĩ cộng sản. Anh không hề run sợ trước đòn tra tấn, hình phạt tàn bạo của chúng, luôn giữ vững lập trường trước sự mua chuộc, dụ dỗ rất xảo quyệt của kẻ thù. Võ Nguyên Giáp còn tích cực đấu tranh chống lại chế độ kìm kẹp, tra tấn tàn bạo của nhà tù thực dân, cổ vũ, động viên đồng chí, bạn bè giữ vững khí tiết. Khi được đọc bài thơ của Nguyễn Thị Quang Thái sáng tác trong nhà tù, Võ Nguyên Giáp vô cùng cảm phục người con gái mảnh mai, trẻ tuổi nhưng rất kiên cường, bất

khuất. Những năm tháng phải sống trong nhà tù của thực dân tuy không dài, nhưng đây là khoảng thời gian đầy gian lao với những thử thách vô cùng khốc liệt đối với Võ Nguyên Giáp. Anh tham gia tích cực các hoạt động đấu tranh phản đối chế độ nhà tù thực dân tàn bạo; đoàn kết cùng đồng chí, bạn bè để bảo vệ Đảng. Cảnh ngục tù đã rèn giũa ý chí và nghị lực, khiến Võ Nguyên Giáp càng thấu hiểu sâu sắc lý tưởng cách mạng và niềm vinh quang vì được cống hiến sức lực, trí tuệ và tuổi xuân cho đất nước. Thử thách khốc liệt trong nhà tù cũng góp phần hình thành nhân cách kiên trung, bất khuất của Võ Nguyên Giáp sau này.

Những cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân ta và cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp vượt biên giới đến Pháp, đến Quốc tế Cộng sản. Quốc tế Cộng sản lên tiếng mạnh mẽ, kêu gọi các Đảng Cộng sản trên toàn thế giới phát động phong trào phản đối thực dân Pháp. Đảng Cộng sản Pháp và các nhân sĩ, trí thức yêu chuộng hòa bình, công lý tích cực góp phần đấu tranh trên báo chí, nghị trường, phát động những cuộc biểu tình ngăn chặn bàn tay đẫm máu của thực dân Pháp ở Đông Dương. Cuối năm 1931, nhân chuyển thị sát tình hình thuộc địa của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Paul Reynaud, những người bị án tù 3 năm trở xuống được chính quyền thuộc địa trả lại tự do. Thực dân Pháp giam giữ Võ Nguyên Giáp được 13 tháng. Cuối năm 1931, nhờ

sự can thiệp của Hội Cứu tế đỏ của Pháp, đồng chí được thả tự do.

Hai anh em bị lính áp giải về Đồng Hới, bị tạm nhốt trong một căn nhà cạnh dinh Phó Công sứ. Tối hôm đó sáng trắng, hai anh em ra vườn hoa nhỏ bên cầu Mụ Kê, nơi người dân Đồng Hới hay ra hóng gió nồm từ biển thổi vào, bàn chuyện tương lai, trước hết là vào Huế hay ra Vinh nối lại tổ chức. Ngày 15-11-1931, báo *Tiếng dân*, số 438 đưa tin “Võ Giáp và Võ Nho, lính dẫn về Đồng Hới, thân nhân ra nhận”¹. Hai anh em về làng An Xá, gặp lại đám thanh niên mà anh đã giác ngộ cách mạng từ những năm 1927 - 1928. Cứ đầu tháng, anh lên huyện trình diện với viên tri huyện Lê Thủy là Nguyễn Định.

Được ít lâu, anh quyết định vào Huế bắt liên lạc, trước hết xin cụ Huỳnh cho tiếp tục làm báo *Tiếng dân* nhưng không được, bởi ngày hôm sau, viên Công sứ Labbe gọi anh lên và buộc anh phải rời khỏi Huế. Anh xa Huế từ độ ấy mãi tới tháng 3-1937, mới có dịp trở lại Huế trong cương vị mới, thay mặt báo giới Bắc Kỳ vào dự Hội nghị báo giới Trung Kỳ.

Ra tù, Võ Nguyên Giáp và Đặng Thai Mai bị quản thúc ở hai miền quê khác nhau, Mai ở Nghệ An, Giáp ở

1. Nguyễn Thành: *Hoạt động báo chí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp*, *Sđd*, tr.34.

Quảng Bình, nhưng thường liên lạc với nhau qua thư từ. Mai bàn với Giáp xin ra Vinh với lý do tìm việc làm. Anh thảo đơn nhờ người bạn cũ là Thu có cha làm Đề lại ở Tòa sứ Quảng Bình xin giúp. Viên công sứ trước đây cho anh vào Huế thì lần này cũng ký ngay, vì theo suy nghĩ của y là ở hai nơi đó có những tên trùm mật thám khét tiếng là Sogny và Humbert quản hộ, cho nhẹ gánh.

Võ Nguyên Giáp đi tàu hỏa ra Vinh. Đặng Thai Mai đón và đưa anh về ở nhà nhạc phụ là cụ Cử Hồ Phi Thống, ngụ tại phố Cửa Tả, cũng là phòng khám và bốc thuốc Đông y của cụ. Việc đầu tiên, Võ Nguyên Giáp tìm bắt liên lạc với tổ chức đảng ở Nghệ An. Anh thất vọng vì tổ chức đảng ở đây bị xóa sau khi phong trào Xôviết bị khủng bố trắng. Tìm đến anh Hoàng Đức Thi, chị Vịnh, chị Lân, anh Tường, chị Chắt Văn... vẫn nằm yên, không ai liên hệ với tổ chức đảng.

Võ Nguyên Giáp đi tìm việc làm, anh làm kế toán ở hãng Tây bò (Công ty Le Boeuf), lương tháng 7 đồng. Anh làm được ít lâu rồi bỏ việc vì tên chủ quá hách dịch. Sau đó, anh làm gia sư cho gia đình ông Hàn Thiện, một nhà buôn ở phố Quai Mange, Bến Thủy.

Võ Nguyên Giáp ở Vinh chừng một năm. Đến tháng 9-1932, Đặng Thai Mai được nhận vào dạy học tại trường Gia Long, Hà Nội. Thế là Đặng Thai Mai kéo Võ Nguyên Giáp cùng ra Hà Nội.

Trường Gia Long đặt tại một tòa nhà nhiều tầng ở phố Julien Blanc, nay là phố Phủ Doãn, gần phía phố Hàng Bông. Đặng Thai Mai thuê một căn nhà gần trường, phía sau là Nhà thờ Lớn, tiện cho việc đi lại. Đặng Thai Mai cho hai anh em Võ Nguyên Giáp cùng sống trong căn nhà đó. Đặng Thai Mai đã phải làm việc cật lực để nuôi cả nhà (lúc này bà Đốc Mai mới sinh con gái thứ ba là Đặng Thanh Lê, và cưu mang cả Giáp và Nho đi học). Biết thế nên Võ Nguyên Giáp tìm mọi cách giảm gánh nặng cho Đặng Thai Mai bằng cách chấm bài giúp ông và nhận chấm bài giúp các giáo sư khác (một bài 12 xu). Lúc này, Võ Nguyên Giáp đang theo học Tú tài Tây toàn phần, phần thứ nhất. Mùa thi năm 1933, anh là thí sinh tự do dự thi tú tài phần thứ nhất và đỗ vào loại ưu.

Niên khóa 1933 - 1934, Võ Nguyên Giáp xin học chương trình tú tài phần thứ hai ở trường Albert Sarraut là trường dành cho con em người Pháp và quan lại Việt Nam. Giữa hai chuyên khoa Toán và Triết, anh chọn Triết. Trường Albert Sarraut có một lớp Philo B (Triết B) dành cho thí sinh tự do, Võ Nguyên Giáp nộp đơn xin học và được nhận. Cùng học lớp đó có Phạm Huy Thông, Hoàng Xuân Nhị. Võ Nguyên Giáp học giỏi, thường đứng đầu lớp. Có bài kiểm tra, anh đạt 17 điểm, trong khi đó người đứng thứ nhì chỉ được 14 điểm. Giáo sư chủ nhiệm lớp là

thầy Marcel Ner rất mến anh. Marcel Ner có kiến thức rộng và sâu, có xu hướng chính trị tả khuynh. Giáo sư M. Ner phát hiện ở Võ Nguyên Giáp có nhiều ý kiến độc đáo.

Có một lần Võ Nguyên Giáp, vì làm việc quá sức, bị ngắt xỉu trong lớp học, vừa lúc đó có Thanh tra học chính Đông Dương đến. Viên thanh tra không phải ai xa lạ mà là ông Bourotte, nguyên Hiệu trưởng Trường Quốc học Huế năm xưa, từng là đối tượng phê bình trong bài báo đầu tiên của Võ Nguyên Giáp: “À bas le tyranneau du Quoc hoc” (Đả đảo tên tiểu bạo chúa Trường Quốc học) viết năm 1927, đăng trên tờ *L’Annam* của luật sư Phan Văn Trường ở Sài Gòn. Bạn học đưa anh xuống y xá. Giáo sư Ner xuống tận y xá thăm Võ Nguyên Giáp và can thiệp với nhà trường miễn một quý học phí cho anh.

Xu hướng chính trị của Võ Nguyên Giáp bộc lộ không chỉ ở môn Triết học, mà còn cả ở môn Lịch sử. Có lần, Võ Thuần Nho được anh mình nói cho nghe rằng người ta dạy cho mình về Công xã Pari nhưng họ không hiểu gì về ý nghĩa của Công xã. Thái độ của họ là căm thù và sợ hãi. Giọng điệu của họ giống y như Gustave Flaubert¹: “Một cuộc trở về với thời trung cổ”... Còn với

1. Gustave Flaubert: Tiểu thuyết gia người Pháp, có khuynh hướng thiên về nỗi buồn, sự bi quan, tuyệt vọng (B.T).

chúng ta, thì đó là “một cuộc tấn công lên tận trời”, nói như C. Mác¹.

Mùa thi năm 1934, Võ Nguyên Giáp đậu tú tài toàn phần, có đủ điều kiện để dạy học và ghi tên vào các trường đại học, cao đẳng.

Năm 1935, Võ Nguyên Giáp xin vào làm giáo viên tại Trường tư thực Thăng Long (Hà Nội). Trường tư thực Thăng Long khai giảng. Khóa học đầu tiên ở trường, Võ Nguyên Giáp dạy các môn Pháp văn, Lịch sử, Địa lý từ lớp Đệ nhất niên đến lớp Đệ tứ niên. Ở bậc Tú tài, Võ Nguyên Giáp dạy môn Lịch sử là môn anh rất yêu thích.

Cùng năm, Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Thị Quang Thái tổ chức đám cưới tại Vinh, sau đó chuyển ra Hà Nội, sống gần trường Thăng Long². Ngày 10-11-1935, Nguyễn Thị Quang Thái ra Hà Nội. Mới đầu hai vợ chồng thuê căn nhà số 106 phố Hàng Bông, Thợ Nhuộm, sau

1. Xem Phạm Hồng Cư: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ*, Sđd, tr.112-113.

2. Trường tư thực Thăng Long là tiền thân của Trường Tiểu học Thăng Long ngày nay. Năm 1934, Hoàng Minh Giám cùng một số nhà trí thức đương thời như Phan Thanh, Đặng Thai Mai, Đặng Vũ Xích, Phạm Hữu Ninh, Nguyễn Cao Luyện, Nguyễn Dương... thành lập “Hội mở mang nền tư thực”, một năm sau lập nên Trường tư thực Thăng Long với mục đích truyền bá kiến thức cho cộng đồng, tuyên truyền lòng yêu nước, thương dân và căm thù thực dân Pháp xâm lược.

chuyển sang nhà số 26 Nam Ngư và cuối cùng chuyển đến nhà số 149 phố Henri d'Orléans, nay là phố Phùng Hưng. Đây là một căn nhà gác hai tầng (chỉ thuê 2 phòng trên gác hai) ở gần nhà hộ sinh Con Rồng của bà đỡ Tuy Phương, học trò của anh Đặng Thai Mai và cũng là bạn của cả hai vợ chồng. Phía trước có bao lơn trông xuống phố, bên kia phố là đường tàu hỏa, bên kia đường tàu là thành cổ Hà Nội. Phòng ngoài là phòng riêng của vợ chồng có giường, bàn làm việc và tủ sách. Phòng trong là phòng ăn, tiếp khách (ban ngày), còn ban đêm là phòng ngủ của Võ Thuần Nho cùng người giúp việc tên là Ngãi, quê xứ Thanh.

Nhà số 149 phố Henri d'Orléans thực sự là ngôi nhà hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ. Võ Nguyên Giáp tham gia hoạt động bán công khai của Đảng, còn Nguyễn Thị Quang Thái tham gia công tác phụ vận. Một gia đình nhỏ trong đại gia đình các nhà cách mạng. Những năm đó, Võ Nguyên Giáp thực hiện đồng thời bốn công việc: thầy giáo, sinh viên trường Luật, nhà báo và nhà cách mạng.

Bên cạnh hoạt động cách mạng, năm 1935, Võ Nguyên Giáp vào học ngành luật ở Trường Đại học Đông Dương, anh chọn ngành này để có đủ năng lực đấu tranh cho công lý theo tinh thần pháp chế hiện đại của quốc tế. Khi chọn học luật, tuy có thuận lợi là không bị bó buộc phải đến nghe giảng, không điểm danh các buổi học,

nhiều buổi tự học giáo trình ở nhà nhưng vì bận dạy, làm báo khiến quỹ thời gian học tập của Võ Nguyên Giáp vô cùng eo hẹp, nên đã có môn anh phải thi trả nợ trong học kỳ sau. Vì lẽ đó, năm thứ hai, niên khóa 1935 - 1936, Giáp phải kéo dài đến tháng 10-1937. Cũng trong năm thứ hai, dù trả môn chậm, nhưng sinh viên Võ Nguyên Giáp đã viết một bản tường trình về “Cán cân thanh toán ở Đông Dương” được Giáo sư Khérian phê: Bản tường trình xuất sắc về một vấn đề ít được biết đến, trong sáng, có phương pháp và có cá tính. 17/20 điểm. Với sự thông minh vốn có, tháng 10-1938, Võ Nguyên Giáp tốt nghiệp Cử nhân Luật và còn đạt một chứng chỉ cao học môn Kinh tế chính trị học, một trong những điều kiện để lấy bằng Tiến sĩ. Năm 1972, trên tuần báo Anh *The Sunday Times Magazine*, (số ra ngày 5 đến ngày 12-11-1972) có bài viết của nhà báo James Fox nói đến Giáo sư Khérian và anh Giáp: “Năm 1938, Võ Nguyên Giáp đỗ ngoại hạng về môn Kinh tế chính trị. Giáo sư Khérian giải thích: Hàng năm chúng tôi có một giáo sư về kinh tế từ Pari sang để kiểm tra sinh viên. Năm đó là ông Géaton Pirou của Trường Luật ở Pari. Ông ta là Đồng lý văn phòng của Tổng thống Paul Doumer. Ông nói với tôi có rất nhiều ấn tượng về tác phẩm của ông Giáp và hỏi tôi về ông Giáp. Tôi nói ông Giáp đang có chuyện rắc rối với các nhà cầm quyền ở đây và là một người sôi động.

Pirou nói: “Chúng ta phải kéo anh ta ra khỏi môi trường thực dân. Hãy đưa anh ta sang Pari. Chúng ta sẽ trợ cấp học bổng cho anh ta”. Tôi nói chuyện này với ông Giáp. Hôm sau, ông Giáp trở lại cho biết ông không thể rồi bỏ bạn bè và hành động như một người ích kỷ”¹.

Tháng 7-1935, Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản đề xướng việc thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, bảo vệ hòa bình, cải thiện đời sống nhân dân. Tại Pháp, tháng 5-1936, Mặt trận bình dân Pháp giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử, tuyên bố chương trình của mình đối với các thuộc địa, trong đó có những vấn đề cơ bản như: thành lập Ủy ban điều tra thuộc địa, ân xá chính trị phạm, ban hành các quyền tự do dân chủ, quyền tự do nghiệp đoàn, cải thiện điều kiện làm việc cho các giới lao động... Những sự kiện trên đã ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến cách mạng Việt Nam.

Tháng 7-1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Hồng Phong. Xuất phát từ đặc điểm tình hình Đông Dương và thế giới, vận dụng Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị xác định cách mạng ở Đông Dương chưa thể trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp và làm cách

1. Phạm Hồng Cư: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ*, Sđd, tr.131.

mạng ruộng đất mà chỉ đấu tranh chống phát xít và chiến tranh đế quốc, chống bọn thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi, bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng thực hiện những mục tiêu trên. Các hội nghị tiếp theo của Trung ương trong những năm 1937 - 1938 bổ sung và hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chiến lược của Hội nghị Trung ương tháng 7-1936.

Trước tình hình đang chuyển biến tích cực, có lợi cho phong trào, tận dụng việc nới rộng các quyền tự do dân chủ, trong đó có quyền tự do báo chí của Pháp, Đảng ta chủ trương đẩy mạnh việc đấu tranh trên mặt trận báo chí công khai. Năm 1936, Trung ương Đảng và các xứ ủy tìm mọi cách để xuất bản những tờ báo tiếng Việt, bên cạnh những tờ báo tiếng Pháp góp phần vào cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Võ Nguyên Giáp lúc này là thầy giáo của trường Thăng Long, vừa dạy học, anh vừa tiếp tục hoạt động báo chí - một trong những nghề mà anh say mê từ thời ở Huế khi mới bước chân vào con đường cách mạng. Anh hoạt động báo chí trong nhóm bán công khai do đồng chí Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) lãnh đạo. Sau này, Võ Nguyên Giáp nhớ lại: “Nghề báo là một

nghệ thuật đầy hứng thú. Sau này, khi chuyển qua công tác quân sự, tôi thấy làm một số báo cũng giống như tổ chức một trận đánh hiệp đồng.

Đó là một công việc luôn luôn khẩn trương, phải phát hiện kịp thời mưu đồ, thủ đoạn của giai cấp thống trị, yêu cầu, tâm lý đa dạng và thường xuyên thay đổi của bạn đọc, nguyện vọng sâu xa của nhân dân, để biết mình phải làm gì. Tính thời gian rất quan trọng. Có được tin sớm để đăng đã khó. Nhưng khó hơn nhiều là nghệ thuật đưa vấn đề đúng lúc, tác dụng sẽ được nhân lên gấp bội. Nội dung đương nhiên cần được bảo đảm chính xác, chặt chẽ, nhưng hiệu quả đối với người đọc thường lại do cách diễn đạt, trình bày quyết định. Bố cục không hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả của một số báo có nhiều bài hay. Những bài chính, phụ, ngắn, dài, nặng, nhẹ phải kết hợp với nhau một cách hữu cơ, tạo nên sự hài hòa như những màu sắc của một tác phẩm hội họa, mới mang lại hứng thú cho người đọc. Đặt tên cho một bài báo rất khó. Tôi thường mất nhiều thời gian cân nhắc tìm những kiểu chữ thích hợp cho đầu đề một bài báo chỉ vài ba dòng. Dòng thứ hai thường quan trọng nhất, nhưng các dòng khác không thể coi nhẹ vì phải góp phần tạo nên một chỉnh thể. Những kiểu chữ lớn, nhỏ, béo, gầy, đứng hoặc nghiêng - đều có vai trò và hiệu lực riêng của nó trên trang báo mà người làm báo không thể không biết tới. Nghề làm báo hao tâm tổn trí,

gian khổ, nhưng người làm báo được sự đền bù xứng đáng là niềm vui khi thấy tác dụng và hiệu quả của tờ báo trong đồng đảo bạn đọc”¹.

Theo pháp luật Pháp tại thuộc địa, muốn ra báo tiếng Pháp, tiếng Việt đều phải có giấy phép, đặc biệt là báo tiếng Việt, nhất thiết phải có giấy phép trước khi ra báo. Ở Hà Nội, lúc đó có tờ *Hồn trẻ* của Hướng đạo sinh, vì thua lỗ phải tạm ngừng xuất bản. Võ Nguyên Giáp cùng với Đặng Thai Mai và các giáo sư Trường Thăng Long mua lại, tiếp tục cho ra báo với nội dung mới. Chỉ hai ngày sau khi L. Blum tuyên thệ nhậm chức Thủ tướng, ngày 6-6-1936, tờ *Hồn trẻ* tập mới ra đời. Có thể nói, đây là tờ báo tiếng Việt đầu tiên công khai cổ động đấu tranh cho các khẩu hiệu dân sinh, dân chủ, đòi đại xá chính trị phạm, ủng hộ Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp và tập hợp nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân cho phái đoàn điều tra của Chính phủ Pháp do Godart dẫn đầu sắp sang Đông Dương. Báo ra đến số 5 thì bị nhà cầm quyền Pháp bắt đóng cửa. Dù vậy, *Hồn trẻ* tập mới là tiếng chuông báo hiệu một phong trào báo chí mới.

Lúc này, Nguyễn Thế Rục - đảng viên cộng sản đã tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản từ Pháp về không may bị lao phổi, đang điều

1. Báo *Nhà báo và Công luận*, số tháng 8-1991.

trị tại nhà. Anh Rục cùng với một số đồng chí trong đó có Đặng Xuân Khu, Võ Nguyên Giáp... quyết định cho ra tờ báo tiếng Pháp lấy tên *Le Travail* (*Lao động*), báo ra số đầu vào ngày 16-9-1936.

Võ Nguyên Giáp trở thành biên tập viên chính, được phân công viết khá nhiều đề tài: cổ vũ Đông Dương đại hội, Mặt trận Dân chủ, thời sự quốc tế, đời sống nông dân với các cuộc đấu tranh ruộng đất như Cần Thoi, những cuộc bãi công của thợ xẻ, thợ giày, thợ mỏ... Võ Nguyên Giáp làm việc rất hào hứng, mặc dù sức khỏe không tốt lắm. Được tin có cuộc bãi công lớn của công nhân vùng mỏ, anh đạp xe 200km từ Hà Nội về Cẩm Phả để viết bài đăng báo. Cuộc bãi công nổ ra ngày 13-11-1936, lúc đầu tại Cẩm Phả với trên một vạn thợ mỏ tham gia, sau một tuần, lan sang các mỏ Hà Tu, Hà Lâm, Hòn Gai, Mông Dương, Đồng Đăng và cảng Cẩm Phả... cùng một lúc 2 vạn người tham gia đấu tranh. Chính quyền thực dân điều động lính về vùng mỏ, uy hiếp tinh thần thợ bãi công. Võ Nguyên Giáp viết bài phóng sự đăng liên trên mấy số báo *Le Travail*, bắt đầu từ số 10, ngày 20-11-1936. Nhân danh báo *Le Travail*, tác giả phóng sự viết: “Chúng tôi bày tỏ tình đoàn kết anh em với những người khốn khổ đang đấu tranh vô hy vọng vì cuộc sống của họ bị thường xuyên đe dọa bởi những điều kiện làm việc khắc nghiệt mà họ áp đặt, bởi mối lo thường xuyên về bệnh tật và đói kém,

chúng tôi yêu cầu họ hãy giữ bình tĩnh, cảnh giác với những sự khiêu khích của giới chủ, tổ chức những ủy ban đình công trong trật tự và kỷ luật, trình bày rõ ràng những yêu sách của họ, sử dụng một phái đoàn công nhân gặp Ban Giám đốc để bênh vực những yêu sách đó... Đình công của họ phải là một hành động chính đáng và hợp pháp”¹. Và tiếp theo, trên số 11, ngày 27-11-1936, Võ Nguyên Giáp viết bài “Những bài học của một cuộc đình công thắng lợi chia vui cùng công nhân vùng mỏ Cẩm Phả cũng như giai cấp công nhân Việt Nam”. Bài viết nhấn mạnh: Một vạn công nhân Cẩm Phả đã đình công thắng lợi. Hầu hết những yêu sách của họ đã được giới chủ chấp nhận. Lần đầu tiên ở Đông Dương, giai cấp vô sản đã giành một thắng lợi rực rỡ. Lần đầu tiên tính kỷ luật vô sản đã thắng sự kháng cự của giới chủ... Và cuối cùng tác giả đã rút ra bài học thắng lợi của cuộc đình công là năng lực tổ chức và lãnh đạo, công tác tuyên truyền và cổ động tốt, ý thức giác ngộ và đoàn kết của công nhân cao, phương pháp đấu tranh đúng.

Những bài báo này đã gây được sự chú ý của dư luận trong nước và cả ở Pháp, tạo nên sự ủng hộ cho cuộc đấu tranh của thợ mỏ.

1. Nguyễn Thành: *Hoạt động báo chí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp*, *Sđd*, tr.43.

Về nông dân, Võ Nguyên Giáp có: thiên phóng sự điều tra về tình hình những vùng bị lụt tháng 9-1936, đăng trên báo *Le Travail*, số 8, ngày 6-11-1936. Cuối bài, tác giả đã đề cập hai cách thông thường chống lụt thời đó là bảo dưỡng các con đê và cứu tế do các hội từ thiện tổ chức. Trong hai cách đó, tác giả đã nhận xét về việc làm từ thiện trong xã hội tư sản vẫn là phương cách duy nhất chống lại tất cả những tồn tại làm hao mòn xã hội đó. Nhưng mọi người đều thấy rằng, từ thiện không đủ, nó không thể che giấu mâu thuẫn giai cấp ngày càng rõ nét, càng mãnh liệt...

Tiếp đó là các bài viết: “Người ta bóc lột nông dân như thế nào?”, “Tô ruộng”, “Điều tra”, số 30, ngày 16-4-1937. Sau khi nói tới sự thống khổ của nông dân về tô tức, tác giả đã kiến nghị: Vì nông dân, chúng tôi yêu cầu có một đạo luật được ban hành nhằm quy định tiền lĩnh canh. Đạo luật đó nhất thiết phải hướng tới việc giảm tỷ lệ tô ruộng và bãi bỏ tất cả những tô phụ đè nặng lên nông dân.

Đáng chú ý nhất là loạt bài có nội dung “Chống trở lại Hiệp ước ngày 6-6-1884”. Đây là loạt bài hay nhất của nhà báo Võ Nguyên Giáp xoay quanh chủ đề này, không chỉ đăng tải trên *Le Travail*, mà cả trên *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta) và *Thế giới*.

Trên *Le Travail*, số 9, ngày 13-11-1936, Võ Nguyên Giáp viết bài “Vì tự do của các hội và đảng chính trị”.

Bài báo đi từ nhận thức lịch sử phát triển tư tưởng chính trị của nước ta dưới thời Pháp thuộc, và trên nền tảng đó đòi Chính phủ Pháp ban hành sắc lệnh về tự do tư tưởng, tự do lập hội ở Đông Dương phù hợp với tinh thần cải cách của Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp. Cuối năm 1936, Luật ân xá chính trị phạm của Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp được ban hành ở Đông Dương. Nhiều chiến sĩ cộng sản từ các nhà tù trở về. Các anh Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt), Khuất Duy Tiến, Đặng Châu Tuệ, Tống Phúc Chiểu... nhập ngay vào nhóm *Le Travail*. Anh Đặng Xuân Khu lúc đầu viết báo tiếng Pháp, từ mùa thu năm 1937, được chỉ định phụ trách về chính trị tất cả các cơ quan ngôn luận của Đảng ở Bắc Kỳ. *Le Travail* tồn tại được 7 tháng. Ngày 16-4-1937, *Le Travail* ra số 30, số cuối cùng, rồi bị thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa.

Là nhà báo có bản lĩnh chính trị vững vàng, Võ Nguyễn Giáp nhân danh đại biểu báo *Le Travail* tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội của giới báo chí.

Đầu năm 1937, Chính phủ Pháp cử Godart dẫn đầu phái đoàn chính phủ sang Đông Dương điều tra tình hình, qua đó Chính phủ Pháp có thêm cứ liệu để ban hành những chính sách mới thích hợp cho các thuộc địa của Pháp. Cơ sở đầu tiên của quyết định này là Chương trình của Mặt trận bình dân Pháp đưa ra tranh cử, ở

điểm thứ 7, mục 1, phần thứ nhất ghi rõ: Thành lập Ban Điều tra của Quốc hội về tình hình chính trị, kinh tế, đạo đức trên các lãnh thổ hải ngoại của Pháp, đặc biệt là vùng Bắc Phi và Đông Dương.

Đón nhận tin vui từ Pháp, ở Việt Nam, những người cộng sản phối hợp với các lực lượng yêu nước khác vận động phong trào Đông Dương Đại hội để thu thập dân nguyện gửi cho Chính phủ Pháp qua phái đoàn Godart. Phong trào này được nhen nhóm trong Nam Kỳ, sau lan ra Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Tại Hà Nội, ngày 20-9-1936, Võ Nguyên Giáp cùng với giáo sư các trường tư Hà Nội, đặc biệt là trường Thăng Long họp bàn lập Ủy ban lâm thời tiếp phái đoàn điều tra của Quốc hội Pháp sang Đông Dương. Vũ Ngọc Liên được bầu làm Chủ tịch Ủy ban và Võ Nguyên Giáp được bầu làm Thư ký¹. Ủy ban tiến hành thu thập những nguyện vọng (dân nguyện) chuyển cho phái đoàn Godart.

Ngày 25-1-1937, đại diện các tờ báo bị cấm gồm 12 người, trong đó có Võ Nguyên Giáp, họp ở nhà số 57, phố Doudart de Lagrée (nay là phố Hàm Long), bầu ra Ủy ban báo bị cấm do Trần Huy Liệu làm Chủ tịch, Nguyễn Mạnh Chất làm Thư ký. Ủy ban đã thông qua một bức điện gửi J. Godart, đặc phái viên của Chính phủ Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương, lúc đó

1. Xem *Le Travail*, số 2, ngày 23-9-1936.

đang đi thăm vịnh Hạ Long. Điện viết: Tin tưởng ở phái viên Mặt trận bình dân. Yêu cầu chú ý đặc biệt đến đoàn đại biểu các báo bị cấm khi ngài về Hà Nội.

Khi Godart về Hà Nội, ngày 5-2-1937, Võ Nguyên Giáp dẫn đầu đoàn đại biểu báo *Le Travail* đến tận nơi ở của J. Godart để trực tiếp trình bày tình cảnh và yêu cầu của nông dân.

Sau khi báo *Le Travail* đóng cửa, nhà báo Võ Nguyên Giáp tiếp tục chỉ đạo biên tập tờ *Rassemblement* (Tập hợp), tiếp sau là tờ *En Avant* (Tiến lên)... theo kịp phong trào cách mạng đang phát triển trong hoàn cảnh đã thay đổi có lợi cho các lực lượng yêu nước và cách mạng.

Theo sáng kiến của báo *Nhành lúa* do nhà báo Nguyễn Xuân Lữ làm Giám đốc và được phép của Khâm sứ Trung Kỳ, ngày 27-3-1937, Hội nghị báo giới Trung Kỳ khai mạc tại Đông Pháp Lữ quán. Tham dự Đại hội có 70 đại biểu của các báo Trung Kỳ và đại biểu báo chí cách mạng của Bắc Kỳ. Đại diện của báo chí cách mạng Bắc Kỳ có Võ Nguyên Giáp của báo *Rassemblement* và Hà Huy Giáp của báo *Tiếng trẻ*. Hội nghị kêu gọi các nhà báo: “Đẹp lại một bên những chính kiến khác nhau để lập một Mặt trận thống nhất, ngõ hầu đòi cho kỳ được tự do báo chí. Tự do báo chí chính là cái chìa khóa của tất cả các tự do dân chủ khác. Những người làm báo hãy đòi quyền tự do báo chí cho mình và cho cả quần chúng bị bóc lột đang trông vào

chúng ta và đang kiểm tra chúng ta”¹. Tại Hội nghị, Võ Nguyên Giáp gặp lại những người bạn hoạt động báo chí ở Huế, đặc biệt gặp và trao đổi về báo chí, về tình hình cách mạng trong và ngoài nước với đồng chí Phan Đăng Lưu.

Xứ ủy Bắc Kỳ lập ra Ủy ban vận động cách mạng nửa hợp pháp do đồng chí Đặng Xuân Khu, vừa được trả lại tự do, làm xứ ủy viên phụ trách. Võ Nguyên Giáp được chỉ định là thành viên của ủy ban này.

Ủy ban đặc biệt quan tâm đến các hoạt động báo chí của Đảng. Hàng loạt tờ báo tiếng Pháp, tiếng Việt xuất bản công khai, tờ này bị rút giấy phép, tờ khác đã xuất hiện, chiếm lĩnh trận địa tư tưởng... Báo tiếng Pháp là các tờ *Le Travail* (Lao động), *Rassemblement* (Tập hợp), *En Avant* (Tiến lên). Báo tiếng Việt có các tờ *Thế giới*, *Đời nay*, *Tin tức*, *Ngày mới*,... Thanh niên Dân chủ có tờ *Bạn dân*. Riêng tờ *Giải phóng* xuất bản bí mật, ra được 3 số thì phải ngừng vì cơ quan ấn loát bị phát hiện. Võ Nguyên Giáp viết chính cho các tờ báo tiếng Pháp, nhưng có khi cũng viết cho báo tiếng Việt.

Trở lại Hà Nội, Võ Nguyên Giáp báo cáo với Ủy ban hành động nửa hợp pháp về thành công của Hội nghị báo giới Trung Kỳ và những kinh nghiệm làm báo quý

1. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiên bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Phan Đăng Lưu - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.152.

báu của Phan Đăng Lưu. Anh được trao nhiệm vụ cùng với các anh Khuất Duy Tiến, Trần Huy Liệu, Đào Duy Kỳ, Phan Tư Nghĩa tổ chức Hội nghị này.

Hội nghị báo giới Bắc Kỳ họp lần thứ nhất vào 7 giờ 30 phút sáng ngày 24-4-1937 tại một nhà thờ họ ở phố Vải Thâm¹, 200 người viết báo ở Hà Nội đã họp. Hội nghị ra kiến nghị gửi Chính phủ Pháp đòi tự do báo chí...

Lần thứ hai Hội nghị họp lúc 8 giờ 30 phút tối ngày 9-6-1937, được tổ chức tại gác Hội quán thể dục (gần Câu lạc bộ quốc tế hiện nay) gồm 137 người dự,... Hội nghị bàn việc thành lập Nghiệp đoàn Báo giới và bầu Ban trị sự.

Thời kỳ này, đồng chí Đặng Xuân Khu và Võ Nguyên Giáp viết chung cuốn sách mang tên *Vấn đề dân cày* tập 1 và 2 dưới hai bút danh Qua Ninh (Đặng Xuân Khu) và Vân Đình (Võ Nguyên Giáp). Đến giữa năm 1937, tập 1 cuốn sách đã được xuất bản và xuất hiện trong Hiệu sách Dân chúng ở chợ Đồng Xuân do Phạm Văn Huệ phụ trách. Lời nói đầu của tác phẩm bộc bạch những suy tư của hai tác giả:

Vấn đề dân cày ra đời giữa lúc dân cày vừa ngót tranh đấu, giữa lúc một số dân cày đương bị tù tội vì đã dự vào mấy cuộc biểu tình “thuế” vừa qua...

1. Có ý kiến nói là Hội quán thể thao (gần Câu lạc bộ quốc tế) và hội nghị này bị cấm.

... Trong sách này, trước hết chúng tôi đặt vấn đề dân cày trong tình thế hiện tại. Sau chúng tôi xét tính chất giai cấp của dân cày và tình cảnh hiện tại của họ ra sao. Xét đến tình cảnh dân cày, chúng tôi không quên những vấn đề địa tô, sưu thuế, cho vay nợ lãi, ruộng đất, hối lộ, giáo dục, vệ sinh, v.v..

Xét trong tình cảnh dân cày, chúng tôi mới bàn đến chính sách dân cày của ông Brévié, và đề nghị những điều cần phải cải cách. Nhân đó, chúng tôi đặt một bản yêu sách của dân cày trước Mặt trận bình dân Pháp.

Vấn đề dân cày vì thế chia làm 5 chương:

I. Tại sao phải bàn đến vấn đề dân cày?

II. Dân cày là hạng người như thế nào?

III. Tình cảnh hiện tại của dân cày.

IV. Những điều cải cách cần kíp cho dân cày.

V. Dân cày và vấn đề tổ chức xã hội ở thôn quê.

... Chúng tôi không có kỳ vọng viết một cái đề án chính trị (thèse politique). Mục đích chúng tôi không ngoài sự muốn giúp công cuộc cải thiện đời sống dân cày. Cho nên, chúng tôi hết sức ghi chép những điều tai nghe mắt thấy về dân cày một cách vô tư và rõ rệt. Chúng tôi lại không muốn chỉ trích suông, nên trong cuốn sau chúng tôi sẽ bày tỏ những phương pháp có thể và cần phải làm cho dân cày đỡ khổ.

Hà Nội 25 Juillet 1937

QN và VD

Trong tác phẩm này, ngoài những tài liệu thu thập được trong những vùng nông thôn quanh Hà Nội như Hà Đông, Sơn Tây, còn có những tài liệu thực địa quê hương Quảng Bình của Võ Nguyên Giáp. Để có tư liệu phong phú, sinh động viết tác phẩm *Vấn đề dân cày*, Võ Nguyên Giáp đã về quê An Xá gặp các anh em và bạn bè như: Võ Văn Quyết, Võ Chương Hiến, Võ Tào, Võ Hoàng và Võ Thuần Nho trao đổi tình hình và nhờ anh em là “những điều tra viên” nắm ghi chép tình hình về người nông dân và chế độ phân ruộng đất, sự bóc lột của địa chủ cường hào ở thôn quê, ở Lệ Thủy. Các anh em đã chia nhau đến 11 làng xã trong huyện để nắm tình hình gồm: An Xá, Thạch Bàn, Phú Thọ, Xuân Lai, Quảng Cư, Phan Xá, Quy Hậu, Liêm Thiện, Mỹ Thổ, Trung Lực, Lộc An là những nơi có phong trào đòi dân sinh dân chủ. “Những điều tra viên” nói trên đã dựa vào bà con anh em để tìm hiểu, ghi chép tài liệu chuyển đến cho Võ Nguyên Giáp.

Nhằm tập hợp đội ngũ trí thức đứng dưới ngọn cờ giải phóng, theo sáng kiến của Xứ ủy Bắc Kỳ, Hội Truyền bá quốc ngữ được thành lập. Đồng chí Đặng Xuân Khu trực tiếp trao đổi ý kiến với các nhà trí thức như Phan Thanh, Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp,... nhất trí để giáo sư Phan Thanh mời học giả Nguyễn Văn Tố đứng ra tổ chức hội. Cụ Nguyễn Văn Tố, lúc đó đang làm việc tại Học viện Viễn Đông Bác cổ, được bầu

làm Hội trưởng. Võ Nguyên Giáp được bầu làm Phó Thủ quỹ kiêm Trưởng ban dạy học. Sau một thời gian chuẩn bị, Hội ra mắt quốc dân vào ngày 25-8-1938, báo *Trung Bắc Tân văn*, số ra ngày 28-8-1938 tường thuật:

“Mới khoảng 8 giờ rưỡi (cuộc họp bắt đầu 9 giờ tối) trên sân quần của CSA (viết tắt của cụm từ Cercle Sportif Annamite, nghĩa là Câu lạc bộ Thể thao của người Việt Nam) và các ngã đường đi đến hội quán phố Charles Coulier (nay là phố Khúc Hạo) đã đông nghịt những người... Số người đông quá nên đứng một sân không đủ, phải tràn sang cả sân phía ngoài và bãi cỏ. Đứng trên gác Hội quán CSA, ta có cảm tưởng như đứng trước một rừng người”.

Phong trào đáp ứng được lòng mong mỏi của quần chúng nhân dân, nên trong một thời gian ngắn đã lan rộng khắp cả nước, lôi cuốn sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân, đặc biệt là đội ngũ trí thức.

Trong thời gian này, Xứ ủy Bắc Kỳ cho ra tờ *Tin tức*, số 1, ngày 2-4-1938. Ngày 15-9-1938, Đoàn Thanh niên Dân chủ cho ra tờ *Thế giới*. Ở Trung Kỳ, tờ báo *Dân* của Xứ ủy Trung Kỳ ra đến số 17, ngày 7-10-1938 thì ngừng, sau đó các tờ *Dân tiến*, *Dân muốn*, viết bài và biên tập ở Trung Kỳ, đưa vào in và phát hành ở Nam Kỳ. Tại Nam Kỳ, Trung ương có 2 tờ báo: *Le Peuple*, tiếng Pháp, xuất bản từ tháng 9-1937 và *Dân chúng*, tiếng Việt ra đời từ ngày 22-7-1938 đều trụ vững qua

năm 1939. Ngoài ra, còn có tờ *Lao động*, cơ quan công vận của Xứ ủy Nam Kỳ và tờ *Mới* của Đoàn Thanh niên Dân chủ.

Trước tình hình đó, cuối năm 1938, Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ đạo khôi phục khí thế mạnh mẽ của dòng báo chí cách mạng như thời kỳ đầu Mặt trận Dân chủ. Một làn sóng mới của dòng báo chí cách mạng được dâng lên mạnh mẽ không kém thời kỳ trước đó. Ngày 1-12-1938, báo *Đời nay*, tập mới, số 1 của Xứ ủy Bắc Kỳ xuất hiện trên các sạp báo Hà Nội. *Thế giới* tiếp tục được xuất bản. Từ ngày 19-4-1939, bạn đọc có thêm báo *Ngày mới*, *Người mới*, số 1, ra ngày 5-6-1939. Sau hơn một năm vắng bóng báo tiếng Pháp, ngày 1-1-1939, một số trí thức cách mạng dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, cho ra mắt bạn đọc tờ báo mới mang tên *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta). Đó là một sự kiện lớn trong sinh hoạt báo chí và trong đội ngũ trí thức đi theo cách mạng. Những người viết bài, biên tập của tờ báo không phải ai xa lạ, mà là những nhà báo giàu tâm huyết, bản lĩnh chính trị vững vàng, sôi nổi, xông xáo như Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp, Phan Thanh, Trần Đình Long, Vũ Đình Huỳnh, Nguyễn Mạnh Chất... Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp là hai cây bút chủ lực và nằm trong Ban Biên tập. Trên số 1, Đặng Thai Mai viết bài “Tuyên ngôn tôn chỉ” của bản báo có tựa đề *Profession de foi*.

Bước sang năm 1939, tình hình thế giới và trong nước chuyển biến hết sức nhanh chóng. Đó là mảnh đất tốt cho những cây bút bình luận sắc sảo như Võ Nguyên Giáp tung ra những bài viết có những giá trị lâu dài, trong đó vừa phản ánh suy nghĩ của tác giả trước thời cuộc, đồng thời thể hiện quan điểm, lập trường của Đảng Cộng sản Đông Dương trước những biến động trong và ngoài nước.

Võ Nguyên Giáp viết rất nhiều, nhưng chỉ có hai bài có bút danh Vân Đình và Hồng Thạch. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Thành, dưới sự chỉ dẫn của Đại tướng lúc còn sống, ông xác định được trong 32 số báo *Notre Voix* thì 30 số có bài của Đại tướng. Không kể số bài dài 4 trang (khổ giấy như báo *Nhân Dân* ngày nay) do Võ Nguyên Giáp viết, nhiều số đăng 2, 3 bài của anh. Có bài đăng liên tục trên 4 số (25 - 28). Không ít bài đăng liên 2 - 3 số. Hơn một nửa tổng số bài viết về các vấn đề Đông Dương, non một nửa là bài về các vấn đề quốc tế và nước ngoài¹.

Thời kỳ này ở Đông Dương có hai vấn đề được dư luận quần chúng và báo giới quan tâm là đóng cửa biên giới Bắc Kỳ và trở lại Hiệp ước 1884.

1. Xem Nguyễn Thành: *Hoạt động báo chí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp*, Sdd, tr.67.

Vấn đề thứ nhất, Võ Nguyên Giáp có bài “Vấn đề đóng cửa biên giới Bắc Kỳ” đăng trong mục Vấn đề thời sự, liên trên 3 số (các số 1, 2, 4) cho rằng đây là “vấn đề chính trị nghiêm trọng nhất, mang tính chất thời sự và đòi hỏi chúng ta hết sức chú ý”.

Trong khi phát xít Nhật đánh chiếm và phong tỏa các tỉnh duyên hải của Trung Quốc, sự viện trợ của các nước Đồng minh cho cuộc kháng Nhật của Trung Quốc chỉ còn thông qua tuyến đường sắt Hải Phòng - Côn Minh, dưới sức ép của Nhật, chính quyền Pháp ở Đông Dương quyết định đóng cửa biên giới Bắc Kỳ. Quyết định đó gây tác hại to lớn không chỉ cho cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, mà còn làm cho nền kinh tế, thương mại của Đông Dương suy sụp. Quyết định đó vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của báo chí tiến bộ, cộng sản ở Việt Nam và ở Pháp. Trong bài báo đó, tác giả đã kịch liệt lên án những con người xấu xa đã phá hoại hòa bình, dân chủ ở Tây Ban Nha, ở Đông Âu vì lợi ích của chủ nghĩa phát xít Italia và Đức ở châu Âu, đang phá hoại hòa bình, dân chủ ở Viễn Đông vì lợi ích của chủ nghĩa phát xít Nhật Bản. Bài báo của Võ Nguyên Giáp đã góp phần vào thắng lợi của cuộc đấu tranh chống đóng cửa biên giới Bắc Kỳ.

Vấn đề thứ hai, Võ Nguyên Giáp viết 5 bài về chủ đề này đăng trên *Notre Voix* và 1 bài đăng trên báo *Thế giới* của Đoàn Thanh niên Dân chủ. Trong những

bài viết đó, tác giả cho biết vấn đề này được tung ra trên báo chí bảo hoàng từ năm 1927 và coi đó như “mong muốn của dân An Nam”, như “một điều kiện của sự phục hưng quốc gia”, từ đó tác giả đáp lại: Việc trở lại Hiệp ước 1884 chưa bao giờ là một yêu sách của nhân dân An Nam. Nhân dân An Nam luôn bày tỏ sự bất bình đối với triều đình và quan lại áp bức, bóc lột.

Những bài báo của Võ Nguyên Giáp và các tác giả khác trên báo chí tiến bộ thời đó, về việc chống trở lại Hiệp ước 1884 như là sự định hướng dư luận và tập hợp lực lượng quần chúng cho những hành động kiên quyết dẫn tới liên minh báo giới, mít tinh, biểu tình của quần chúng, kiến nghị của 75% nghị sĩ trong Viện Dân biểu Bắc Kỳ phản đối chủ trương trở lại Hiệp ước 1884.

Ngày 12-8-1939, các báo ở Hà Nội đã họp ở Khách sạn Lạc Xuân cử một phái đoàn đại diện cho 3 tờ báo tiếng Việt và 2 tờ báo tiếng Pháp trình bày với Chính phủ Pháp quan điểm của giới báo chí về việc sáp nhập Bắc Kỳ vào Trung Kỳ. Hội nghị đã nhất trí thông qua bản kiến nghị gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và một đơn khiếu nại, yêu cầu tự do dân chủ cho toàn thể nhân dân Việt Nam.

Nhằm phối hợp với những hành động trên, Xứ ủy Bắc Kỳ chủ trương phát động những cuộc mít tinh, biểu tình phản đối việc trở lại Hiệp ước 1884. Đêm 15-8-1939,

khoảng 1.000 người tập trung tại Vườn hoa Canh Nông (bây giờ là Vườn hoa Lênin) hô vang khẩu hiệu: “Chống trở lại Hiệp ước 1884”, “Trung, Nam, Bắc sum họp một nhà”, đòi ban hành hiến pháp dân chủ và tự do lập nghiệp đoàn.

Võ Nguyên Giáp theo sát phong trào đấu tranh chống trở lại Hiệp ước 1884 đang dâng cao, biểu dương khí thế hùng hực của quần chúng, nhưng đồng thời không e dè chỉ ra nhược điểm của phong trào: “Cho tới nay, tất cả hoạt động náo nhiệt đấu tranh chính trị và xã hội còn thiếu sự phối hợp rộng rãi”¹ và tha thiết kêu gọi: “Phải phối hợp các trào lưu. Vào giờ này, quả thật là có tội khi chia rẽ các lực lượng tiến bộ, thậm chí phân tán hành động của họ, hoặc cả trì hoãn sự hợp nhất họ lại. Hãy bỏ qua những tranh chấp tự ái! Hãy bỏ qua những hận thù trong quá khứ! Hãy bỏ qua những khác biệt chính trị! Tất cả hãy tuân theo những nghĩa vụ cao cả của chúng ta, vào giờ phút này, chúng ta hãy đoàn kết lại! Hãy đoàn kết lại!”².

Võ Nguyên Giáp đặc trách chuyên mục Tuần lễ quốc tế của báo *Notre Voix*, viết bài bình luận tình hình chính trị quốc tế liên quan tới Tây Ban Nha, nhất là Liên Xô và Trung Quốc, đăng thường kỳ trên các số. Ngay trên *Notre Voix*, số 1, đã đăng bài “Hai mâu

1, 2. *Notre Voix*, số 31, ngày 18-8-1939.

thuần của tình hình quốc tế hiện nay” của Võ Nguyên Giáp. Sau khi phân tích những cuộc xung đột trên thế giới được tạo nên bởi mâu thuẫn sâu sắc giữa một bên là phe trục gồm Đức - Italia - Nhật và một bên là nhóm các nước tư bản dân chủ do Anh đứng đầu, tác giả đã đi tới kết luận: “Như vậy, ở khắp nơi chủ nghĩa phát xít quốc tế đang lấn bước trước các chính phủ dân chủ. Họ củng cố vị trí kinh tế, ngoại giao, chính trị, chiến lược để dự phòng một cuộc chiến tranh quyết định cuối cùng”.

Về tình hình chính trị Trung Quốc, Võ Nguyên Giáp viết nhiều bài cung cấp thông tin, bình luận về Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít Nhật của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc dân Đảng Trung Hoa, về giúp đỡ Trung Quốc kháng Nhật, kêu gọi chính quyền thuộc địa Đông Dương mở cửa biên giới Bắc Kỳ để hàng viện trợ của các nước Đồng minh qua cảng Hải Phòng theo tuyến đường sắt Hải Phòng - Côn Minh đến Chính phủ Trùng Khánh...

Với Liên Xô, Võ Nguyên Giáp viết nhiều bài về chính trị, kinh tế, xã hội. Về chính trị, có bài “Thái độ kiên quyết của Liên Xô trước chính sách xâm lược của các nước phát xít”, số 8, ngày 5-3-1939. Về khoa học, có một bài dài đăng trên hai số, số 4, ngày 21-1-1939 và số 5, ngày 29-1-1939. Nhà báo Võ Nguyên Giáp còn viết bài về kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1938 - 1942) của

Liên Xô giới thiệu với độc giả nước ta về sự phát triển kinh tế, đặc biệt là xây dựng một nền công nghiệp nặng và tăng cường sức mạnh quân sự của quốc gia này.

Về điểm nóng chính trị thế giới, lúc đó là Tây Ban Nha, Võ Nguyên Giáp đã có 5 bài bình luận, đăng tải trên 4 số, trong đó số 4, ngày 21-1-1939 có 2 bài lên án trùm phát xít Hitler và Mussolini phát xít hóa Tây Ban Nha và ca ngợi chủ nghĩa anh hùng của nhân dân Tây Ban Nha đương đầu với chủ nghĩa phát xít tàn bạo.

Nhân kỷ niệm 150 năm cuộc đại cách mạng tư sản Pháp (1789 - 1939), báo *Notre Voix* đăng một loạt bài về chủ đề này, trong đó Võ Nguyên Giáp góp một số bài ký bút danh Hồng Thạch. Mở đầu loạt bài kỷ niệm 150 cuộc cách mạng tư sản Pháp là bài “Cách mạng Pháp và chính sách của chúng tôi về phòng thủ Đông Dương thực sự”, số 21, ngày 4-6-1939. Trong bài báo này, anh chỉ ra nghịch lý nếu như trong cách mạng Pháp năm 1789, để bảo vệ thành quả của cuộc cách mạng, đóng góp tài chính giành cho người giàu, thì ở Đông Dương, việc phòng thủ Đông Dương bằng cách tăng thuế, đánh vào các tầng lớp nghèo và trung lưu. Trước và sau ngày kỷ niệm (14-7), Võ Nguyên Giáp viết một bài lớn với tựa đề “Cách mạng Pháp, một cuộc xung đột giai cấp rộng lớn” khoảng 17 nghìn chữ, bằng một cuốn sách trên 50 trang khổ 13 x 19cm, đăng liên tục trên 4 số *Notre Voix* (số 25, 26, 27 và 28, ra các ngày 7, 14, 21, 28-7-1939),

mà theo lời ban biên tập, là một bản phác họa tổng quan về cách mạng Pháp năm 1789 theo quan điểm mácxít. Ở phần kết luận cuối bài, tác giả tập trung vào hai ý: sự nghiệp của cách mạng Pháp và một vài bài học mácxít - lêninnít. Ở ý thứ nhất, Võ Nguyên Giáp chỉ rõ cách mạng Pháp bắt nguồn từ nền kinh tế và chính trị của xã hội phong kiến, là cuộc cách mạng mang tính chất dân chủ tư sản, tính chất tư sản đậm nét hơn tính chất dân chủ. Sứ mệnh của nó là mở đường cho sự ra đời của một giai cấp tư sản độc lập. Ở ý thứ hai, tác giả nói tới bài học về đấu tranh giai cấp, về vai trò của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng tư sản và giai cấp vô sản phải nắm bá quyền lãnh đạo trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phong kiến.

Trong thời gian Võ Nguyên Giáp viết bài cho báo *Notre Voix* có những kỷ niệm khó quên trong nghề làm báo. Có lần cùng một lúc các anh Đặng Xuân Khu, Phạm Văn Đồng, Hoàng Hữu Nam đều bận việc đột xuất không kịp viết bài, Võ Nguyên Giáp ngồi lý từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng hôm sau, viết kín một tệp giấy 48 trang và trình bày xong cả một số báo cho kịp đưa xuống nhà in, sau khi ăn điểm tâm xong, anh lại đến trường Thăng Long dạy học. Một hôm, Tòa soạn báo *Notre Voix* nhận được một bài báo gửi theo một đường riêng từ Quế Lâm (Trung Quốc) tới với bút danh là P.C. Lin. Anh em trong Tòa soạn đoán P.C. Lin là

Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Ái Quốc đã về đến Quế Lâm! Qua việc gửi bài cho *Notre Voix*, Người bắt liên lạc với Xứ ủy Bắc Kỳ và phong trào cách mạng trong nước... Khó mà tả được sự xúc động và vui sướng của mọi người trong Tòa soạn. Loạt bài đó được đăng dưới tiêu đề “Thư từ Trung Quốc”. Nguyễn Ái Quốc luôn nhắc phải chống chủ nghĩa tởrớtxkit, xây dựng mặt trận dân chủ thật rộng rãi, đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết, tạo nên thế và lực mới.

Căn hộ trên gác hai nhà số 149 phố Henri d'Orléans (nay là phố Phùng Hưng), nơi vợ chồng Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Thị Quang Thái sinh sống, trở thành nơi gặp gỡ của những người cộng sản từ ba miền có dịp về Hà Nội, nơi hội họp của Ủy ban vận động cách mạng nửa hợp pháp của Đảng. Trong dịp kỷ niệm Ngày quốc tế Lao động 1-5-1938, căn hộ trở nên chật chội bởi khách các nơi kéo về, trong đó có đoàn đại biểu phụ nữ Thái Bình. Tại đây có lần đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư của Đảng ghé qua thăm và mang đến cho anh chị một lá thư của chị Nguyễn Thị Minh Khai báo là anh Lê Hồng Phong đã về Sài Gòn hoạt động. Cũng tại đây, anh Nguyễn Chí Diểu từ Huế ra ghé thăm và mang đến cho anh chị những tình cảm yêu mến của những người bạn Huế bấy lâu xa cách. Và đặc biệt, trong căn nhà ấm cúng, đầy tình yêu thương này, năm 1939, một sinh linh đã chào đời trong niềm

vui khôn tả của đôi vợ chồng trẻ và hai gia đình nội ngoại. Bé gái được mang tên Võ Hồng Anh.

Báo *Notre Voix* ra số 32, ngày 28-8-1939, là lúc cả thế giới đang đứng bên bờ vực của Chiến tranh thế giới thứ hai. Bộ máy chính quyền thuộc địa ở Đông Dương đã phát xít hóa ra lệnh cho các cơ quan an ninh tiến hành khám xét, bắt bố và khủng bố. Các tổ chức hoạt động nửa hợp pháp, nửa công khai của Đảng rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng. Cũng như các tờ báo khác của Đảng, báo *Notre Voix* tự động đóng cửa, chấm dứt những tháng ngày hoạt động vẻ vang của nó. Không bao lâu sau, trên các phương tiện thông tin đại chúng công bố Sắc lệnh của Chính phủ Pháp ký ngày 26-9-1939, quy định: Cấm ngặt những hành vi bất luận hình thức nào, trực tiếp hay gián tiếp chú ý để tuyên truyền những khẩu hiệu của phái Đệ tam Quốc tế hay của những cơ quan dưới quyền kiểm soát của phái ấy (Điều 1); quy định cấm Đảng Cộng sản, những hội đoàn, tổ nhóm có dính líu với Đảng Cộng sản và những người chưa có hay không có trong Đảng mà hành động lại dựa theo khẩu hiệu của phái Đệ tam Quốc tế hay những cơ quan dưới quyền kiểm soát của phái ấy (Điều 2).

Không giống như những người cộng sản bị tù đầy được trả lại tự do theo lệnh ân xá của Chính phủ Pháp phải rút ngay vào hoạt động bí mật, Võ Nguyên Giáp

công khai vẫn là thầy giáo của Trường tư thục Thăng Long nhưng bí mật giúp thu thập thông tin trong và ngoài nước, phân tích, rồi theo đường dây liên lạc gửi về Xứ ủy Bắc Kỳ do Hoàng Văn Thụ làm Bí thư.

Võ Nguyên Giáp trong vỏ bọc chắc chắn đã trở thành chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng đó. Anh là cây bút bình luận sắc sảo, đầy bản lĩnh về những sự kiện chính trị trong nước và thế giới trên những tờ báo cách mạng bằng tiếng Pháp. Không dừng lại ở đó, Võ Nguyên Giáp còn tham gia các hoạt động xã hội rộng lớn thời kỳ Mặt trận dân chủ. Võ Nguyên Giáp hoạt động có hiệu quả trong bầu không khí chính trị ngoài nước và trong nước có lợi cho lực lượng cách mạng, trong môi trường đội ngũ trí thức ưu tú yêu nước xả thân vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, trong gia đình nhỏ đầm ấm, yêu thương.

Chương II

XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, CHUẨN BỊ TIẾN HÀNH CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1940 - 1945)

1. Những hoạt động ở miền Nam Trung Quốc (1940 - 1941)

Ngày 1-9-1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, hai ngày sau Anh và Pháp tuyên chiến với Đức, Chiến tranh thế giới thứ hai chính thức bùng nổ tại châu Âu.

Ở nước Pháp, từ cuối năm 1937, Chính phủ Pháp ngả dần sang hữu. Sau khi nội các L. Blum đổ, tháng 4-1938, một đảng viên cấp tiến phái hữu là E. Daladier lên cầm quyền ở Pari. Dựa vào tình hình chính trị nước Pháp ngày càng xấu đi, Toàn quyền Đông Dương G. Brévié và bọn phản động thuộc địa đàn áp phong trào cách mạng. Tại Hà Nội, nhiều cán bộ của Đảng bị trục xuất khỏi thành phố. Liên tiếp trong hai tháng 8 và 9-1939, hàng loạt tòa báo ở Hà Nội và Sài Gòn bị

khám xét, đóng cửa, trong đó có các tờ báo công khai của Đảng như *Tiếng nói của chúng ta*, *Tin tức*, *Dân chúng*..., nhiều người làm báo bị bắt. Riêng tại Hà Nội, đã diễn ra hơn 1.000 vụ khám xét, bắt bớ, điều kiện hoạt động báo chí lúc này hết sức khó khăn. Từ tháng 9-1939, điều kiện hoạt động bán công khai, bán hợp pháp không còn, nhất là chỉ ít ngày sau khi phát xít Đức tấn công Ba Lan, mở đầu Chiến tranh thế giới thứ hai, G. Catroux - Toàn quyền Đông Dương vừa nhậm chức đã ban hành lệnh cấm Đảng Cộng sản hoạt động.

Trong các ngày từ 6 đến 8-11-1939, Hội nghị Trung ương đã họp tại Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Dự đoán về diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai và sự chuyển biến của tình hình Đông Dương, Hội nghị nhận định những chính sách của Đảng thời kỳ Mặt trận dân chủ bây giờ không còn thích hợp. Do vậy, Đảng phải thay đổi chính sách cho phù hợp: “Cách mệnh phản đế và điền địa là hai cái mấu chốt của cách mệnh tư sản dân quyền. Không giải quyết cuộc cách mệnh thuộc địa thì không giải quyết được cách mệnh phản đế. Trái lại, không giải quyết được cách mệnh phản đế thì không giải quyết được cuộc cách mệnh điền địa. Cái nguyên tắc chính ấy không bao giờ thay đổi được, nhưng nó phải ứng dụng một cách khôn khéo để thực hiện được

nhệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc”¹. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Tại Hà Nội, tình thế không cho phép Võ Nguyên Giáp hoạt động báo chí công khai như trước. Lúc này, các đồng chí đều bị mật thám theo dõi rất chặt, không những phải chuyển vào hoạt động bí mật mà nhiều khi còn phải tạm lánh về các cơ sở ở ngoại thành. Riêng Võ Nguyên Giáp ở lại nội thành, tiếp tục công việc hợp pháp của mình là giáo viên Trường tư thực Thăng Long, vừa chờ đợi chỉ thị về chủ trương của Đảng trong tình hình mới, vừa hết sức cảnh giác đề phòng sự rình rập của bọn mật thám.

Khoảng tháng 4-1940, Xứ ủy Bắc Kỳ đã họp ở làng Mọc, Nhân Chính, Từ Liêm (nay thuộc quận Thanh Xuân) và ở làng Vạn Phúc, Hà Đông để thảo luận và bàn các biện pháp tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6. Tại các hội nghị này, đồng chí Hoàng Văn Thụ - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ đã thông báo việc quyết định cử các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng sang Côn Minh (Trung Quốc) hoạt động, chấp nối liên lạc với lãnh tụ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.536.

Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc. Đồng chí Bùi Đức Minh (tức đồng chí Bùi Văn Hách) được Ban lãnh đạo Xứ ủy cử làm giao liên đưa hai đồng chí đi Côn Minh¹.

Tại Chèm, ngoại thành Hà Nội, Võ Nguyên Giáp gặp trực tiếp đồng chí Hoàng Văn Thụ. Sau khi truyền đạt nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11-1939, tinh thần chủ yếu là chuyển hướng từ đấu tranh dân chủ, dân sinh sang trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai, từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp chuyển sang hoạt động bí mật, chuẩn bị điều kiện trực tiếp cho việc vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, đồng chí Hoàng Văn Thụ nhấn mạnh chủ trương của Đảng “dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc”, chủ trương từng bước chuẩn bị lực lượng vũ trang, sẵn sàng phát động chiến tranh du kích khi có thời cơ. Cuối cùng, đồng chí Hoàng Văn Thụ cho biết, theo quyết định của Đảng, Võ Nguyên Giáp cùng Phạm Văn Đồng sang Trung Quốc gặp Nguyễn Ái Quốc để nhận nhiệm vụ.

Trước khi sang Trung Quốc, đồng chí Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng nghỉ tại một quán cơm nhỏ

1. *Hồi ký của đồng chí Đào Duy Từ*, tư liệu Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

cuối đường Yên Phụ, Hà Nội¹. Chỗ nghỉ đêm cũng như vé tàu hỏa do ông giáo Minh lo liệu. Sáng hôm sau, hai người ra ga Đầu Cầu (tên cũ của ga Long Biên) lên tàu đi Lào Cai. Để tránh con mắt của mật thám, lên tàu hai người ngồi hai nơi, ông giáo Minh đi chuyến tàu sau, hẹn gặp nhau ở Yên Bái để cùng đi tiếp. Khi đoàn tàu dừng lại cách thị xã Lào Cai một ga, cả ba người xuống tàu, xen lẫn vào đám hành khách. Đến sông Nậm Thi, ranh giới giữa Lào Cai và Vân Nam, tìm được một chiếc máng nhỏ, ông Minh phải chở hai chuyến mới đưa được hai người sang bờ bên kia.

Đoàn ba người lại tiếp tục lên đoàn tàu Hà Khẩu - Côn Minh, hai ngày sau thì đến nơi. Khi đến Côn Minh (tỉnh Vân Nam) của Trung Quốc, đoàn Võ Nguyên Giáp được đoàn đồng chí Vũ Anh ra đón. Một ngày sau, đoàn gặp thêm Phùng Chí Kiên và một người từ Diên An về là Cao Hồng Lĩnh. Các đồng chí thông báo, công tác của đồng chí Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng phải đợi đồng chí Vương hay Hồ Quang (tức Nguyễn Ái Quốc) quyết định.

1. Cũng trong khoảng thời gian một buổi chiều thứ sáu một ngày đầu tháng 5-1940 ở đường Cổ Ngư, qua chùa Trấn Vũ, bên cạnh một gốc cây tại Hồ Tây, Võ Nguyên Giáp đã có cuộc gặp gỡ với người vợ Quang Thái và con gái Hồng Anh của mình. Đồng chí chia tay vợ con để lên đường đi Trung Quốc nhận nhiệm vụ mới mà không ngờ đó là phút giây vĩnh biệt người vợ thân yêu.

Côn Minh, thủ phủ của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc lúc bấy giờ là hậu phương kháng Nhật ở phía tây nam Trung Quốc. Người dân ở Nam Kinh, Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu... về đây sinh sống và làm ăn rất đông, tạo cho thành phố cái dáng vẻ của một trung tâm kinh tế, văn hóa sầm uất. Thời kỳ này, Quốc dân Đảng đã ký kết hợp tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc để đánh Nhật. Không khí kháng Nhật khá sôi nổi. Kiều bào Việt Nam ở Côn Minh khá đông. Đảng ta được sự giúp đỡ của các đồng chí Trung Quốc, hoạt động bí mật trong kiều bào. Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng dựa vào Quốc dân Đảng Trung Hoa, cũng hoạt động công khai ở đây.

Côn Minh, cũng là nơi có nhiều Việt kiều yêu nước sinh sống, nơi đóng trụ sở Ban Chỉ huy hải ngoại¹ do Phùng Chí Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, phụ trách.

Tại Côn Minh có một đường phố nhỏ mang tên Kim Bích có nhiều Việt kiều sinh sống với đủ thứ nghề,

1. Ban Chỉ huy hải ngoại được Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập thành lập theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản và đặt tại Ma Cao, Trung Quốc để từ đây chỉ đạo việc khôi phục hệ thống tổ chức đảng và phong trào cách mạng trong nước sau cao trào cách mạng 1930 - 1931. Khi phát xít Nhật đánh chiếm các tỉnh duyên hải Trung Quốc, lúc đó Phùng Chí Kiên tham gia ban lãnh đạo Ban Chỉ huy hải ngoại đã di chuyển tổ chức này sang Côn Minh để tiện liên lạc với Quốc tế Cộng sản và phong trào cách mạng ở trong nước.

nhưng chủ yếu tập trung vào ba nghề chính là kim hoàn, dịch vụ ăn uống và may. Đồng chí Phùng Chí Kiên đã bố trí cho Hồ Quang (bí danh của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ này) sống trên gác 2 nhà ông Tống Minh Phương, một Việt kiều yêu nước có cảm tình sâu nặng với cách mạng.

Đến Côn Minh, các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Phùng Chí Kiên, Cao Hồng Lãnh... ở nhờ nhà của một đồng chí Trung Quốc.

Đầu tháng 6-1940, Võ Nguyên Giáp đi cùng Phạm Văn Đồng và Phùng Chí Kiên đến Thúy Hồ (một thắng cảnh của Côn Minh, Vân Nam, Trung Quốc). Nơi đây đã diễn ra cuộc gặp gỡ lịch sử giữa Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Ái Quốc. Đó là sự gặp gỡ của hai con người vĩ đại, có gì đó thân quen từ giọng nói, tác phong và ngay từ phút đầu Võ Nguyên Giáp đã cảm thấy gần gũi, gần bó với Người từ lâu. Từ đó, Người luôn thường trực trong trái tim Võ Nguyên Giáp, nhất là khi được sống và làm việc cạnh Người, được Người dìu dắt và trao cho nhiều trọng trách của đất nước trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, ngoại giao...

Võ Nguyên Giáp kể lại trong Hồi ký của mình: “Đến Thúy Hồ, tôi thấy anh Vũ Anh ngồi trong một chiếc thuyền với một người đứng tuổi, gầy gò, có đôi mắt rất sáng, mặc một bộ quần áo Tôn Trung Sơn màu xám, đội mũ phớt.

Tôi nhận ra ngay chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Nếu so với bức ảnh ngày trước tôi đã được xem thì trông Bác ở ngoài linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều...

Trước khi gặp Bác, tôi đoán con người Bác chắc hẳn phải có những cái gì rất đặc biệt, khác thường. Gặp Bác, tôi thấy Bác hoàn toàn không giống như những điều mình hằng tưởng tượng... Con người của Bác toát ra một cái gì rất trong sáng, giản dị... Chỉ có một điều làm tôi chú ý bấy giờ là trong câu chuyện, Bác thường nói chen nhiều tiếng địa phương miền Trung. Không ngờ một người xa nước lâu năm như Bác mà vẫn giữ được tiếng nói quê hương¹. Kể từ ngày còn là cậu học sinh Trường Quốc học Huế, có trong tay *Bản án chế độ thực dân Pháp* với những cảm nghĩ đầu tiên về Nguyễn Ái Quốc, đến lúc nhận ra người ngồi trên thuyền đúng là người mà mình ước ao được gặp, với Võ Nguyên Giáp đã trải qua 15 năm. Từ thời khắc đó, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người thầy có ảnh hưởng to lớn trong cuộc đời và sự nghiệp của Võ Nguyên Giáp.

Nguyễn Ái Quốc hỏi Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng về tình hình trong nước, về Mặt trận Dân chủ gần đây, về chuyện hai người làm báo... Nguyễn Ái Quốc nói

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2018, tr.20.

với hai đồng chí về cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung Quốc, về thái độ hai mặt của Tưởng Giới Thạch trong việc hợp tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc chống Nhật, về mưu đồ “Hoa quân nhập Việt” của bọn Tưởng và toan tính của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng¹ bám gót quân đội Tưởng để trở về Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc cũng dự kiến âm mưu của phát xít Nhật đối với Đông Dương và nhận định rằng cuộc xung đột Nhật - Pháp là điều khó tránh khỏi.

Để chuẩn bị đội ngũ cán bộ cho phong trào cách mạng sau này, Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng và Cao Hồng Lãnh đi học Trường Quân chính Diên An (Trường Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc). Khi giao nhiệm vụ, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh: phải tranh thủ học tập về quân sự. Nguyễn Ái Quốc đánh máy một tờ giấy ký tên Hồ Quang, giới thiệu Võ Nguyên Giáp (bí danh Dương Hoài Nam) và Phạm Văn Đồng (bí danh Lâm Bá Kiệt) với biện sự xứ của Bát lộ quân ở Quý Dương và Ban Giám hiệu ở Diên An. Chuyến đi do các đồng chí Trung Quốc tổ chức, nhờ một chiếc xe chở thuốc từ Côn Minh đi Quý Dương, xe của Trung Hoa Quốc dân Đảng nhưng

1. Đây là tổ chức chính trị phản động của Vũ Hồng Khanh, lợi dụng danh nghĩa Việt Nam Quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học để đầu cơ cách mạng, làm tay sai cho Tưởng Giới Thạch.

lái xe lại là một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đi mất ba ngày thì đến Quý Dương. Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng được bố trí ở cơ quan đại diện của Bát lộ quân, đợi xe đi Diên An.

Trong thời gian ở Bát lộ quân chờ xe đi Diên An, Võ Nguyên Giáp tập trung trau dồi kiến thức quân sự, nhất là các tác phẩm của Mao Trạch Đông như *Cuộc chiến đấu trên dãy núi Tĩnh Cương* (1928), *Chiến tranh du kích* (1937), *Những vấn đề chiến lược trong chiến tranh chống Nhật* (1938)... Qua các tác phẩm đó, Võ Nguyên Giáp có điều kiện hiểu hơn về Mao Trạch Đông và quân đội cách mạng Trung Quốc, từ đó lên hệ với những vấn đề của cách mạng Việt Nam. Tại đây, Võ Nguyên Giáp gặp Hồ Học Lãm, một người Việt Nam yêu nước, một sĩ quan cao cấp trong quân đội Quốc dân Đảng Trung Hoa. Hồ Học Lãm viết thư giới thiệu Dương Hoài Nam, Lâm Bá Kiệt là những thành viên trong Hội Việt Nam Giải phóng đồng minh với Lý Tế Thâm - Chủ nhiệm Tây Nam hành dinh của Tưởng Giới Thạch.

Tháng 6-1940, sau khi phá vỡ tuyến phòng thủ Maginot của nước Pháp ở dọc biên giới, quân phát xít Hitler tiến công nước Pháp. Ngày 14-6-1940, Paris thất thủ. Ngày 22-6-1940, Chính phủ Pháp đầu hàng, Chính phủ Pétain ở Vichy trở thành Chính phủ bù nhìn của Hitler. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc quyết định hoãn việc đi Diên An của các đồng chí Võ Nguyên Giáp,

Phạm Văn Đồng và Cao Hồng Lãnh. Người chỉ thị cho Ban Hải ngoại khẩn trương bắt liên lạc với trong nước, gấp rút chuẩn bị rút các cán bộ đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc về nước công tác, thông báo gấp cho các đồng chí tập trung về Liễu Châu.

Kế hoạch đi Diên An không thành, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Phùng Chí Kiên, Vũ Anh từ Quý Dương quay về Quế Lâm đợi Nguyễn Ái Quốc để cùng về nước.

Cuối tháng 6-1940, đoàn về đến Quế Lâm, nhưng đến đầu tháng 10-1940, Nguyễn Ái Quốc mới về đến Quế Lâm. Người nhanh chóng họp mặt các đồng chí của mình, thông báo hành động phản bội của quân Tưởng vừa qua ở Giang Nam và nhắc mọi người phải đặc biệt tôn trọng nguyên tắc hoạt động bí mật, từ việc giữ gìn tài liệu sách, báo đến đi lại và đặc biệt là trong việc giao dịch với Quốc dân Đảng Trung Hoa trên danh nghĩa Việt Nam Giải phóng đồng minh. Phải tuyệt đối không để lộ mình là cộng sản. Nghe Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng cho biết Lý Tế Thâm - một lãnh tụ của Quốc dân Đảng ở Quế Lâm - vừa tiết lộ tin quân Tưởng theo lệnh của đồng minh sắp vào Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc nhận định rằng dù quân Tưởng có vào Việt Nam để đánh Nhật, chúng cũng chỉ là quân đồng minh tạm thời. Nếu không thấy hết tính chất phản động của chúng thì rất nguy hiểm. Về bản chất chúng vẫn là kẻ

thù, cho nên nhìn nhận vấn đề “Hoa quân nhập Việt” không nên chỉ thấy mặt thuận lợi. Thà chúng không vào Việt Nam lại càng tốt cho ta hơn. Phân tích tình hình mọi mặt trên thế giới và riêng Đông Dương đang tiến triển thuận lợi, Nguyễn Ái Quốc cho rằng không nên ở lại Quê Lâm lâu mà phải chuyển dần xuống hoạt động ở biên giới phía Nam để rồi tìm cách về nước. Sau cuộc họp nhanh, trên đường về, Nguyễn Ái Quốc gợi ý một vấn đề đặc biệt quan trọng để mọi người suy nghĩ. Nguyễn Ái Quốc nói về tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết dân tộc trong một mặt trận thống nhất lúc này. Đảng đã từng thành lập Mặt trận qua các giai đoạn cách mạng. Trước tình hình hiện nay, cần hình thành một mặt trận đoàn kết được các tầng lớp nhân dân hết sức rộng rãi. Nên gọi là Mặt trận gì, vừa có ý nghĩa, đồng bào dễ nhớ, lại có sức thu hút được đông đảo quần chúng, qua đôi lần trao đổi, các đồng chí nhất trí với Nguyễn Ái Quốc, nên gọi là Việt Nam độc lập đồng minh - gọi tắt là Việt Minh.

Ngày 28-1-1941, sau khi bắt liên lạc được với Trung ương Đảng ở trong nước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc cùng Hoàng Văn Thụ, Vũ Anh, Phùng Chí Kiên trở về hoạt động trong nước. Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng và một số đồng chí khác tiếp tục ở lại Liễu Châu và Tĩnh Tây hoạt động. Nhiệm vụ của các đồng chí là tiếp tục duy trì mối quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, tổ

chức mua thuốc men, vũ khí chuyển về nước; tiếp tục duy trì cơ quan Biện sự xứ để quan hệ với chính quyền địa phương Quốc dân Đảng Trung Hoa.

Từ cuối năm 1940, khi phát xít Nhật xâm lược Đông Dương, chính quyền Tưởng Giới Thạch ráo riết chuẩn bị kế hoạch “Hoa quân nhập Việt”. Dựa vào sự giúp đỡ của chính quyền Quốc dân Đảng Trung Hoa, một số người Việt Nam trong các tổ chức Phục quốc, Việt Nam Quốc dân Đảng sống lưu vong ở Trung Quốc đã tuyên bố thành lập Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên Hội để lôi kéo, lừa bịp người Việt Nam ở Nam Trung Quốc; xin viện trợ của Đồng minh; làm tình báo cho quân đội Tưởng Giới Thạch khi “Hoa quân nhập Việt”.

Trước tình hình trên, các đồng chí ta đã báo cáo và nhận được chỉ thị: Phải khéo vận động để hợp nhất hai tổ chức Việt Nam độc lập đồng minh Hội và Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên Hội, hạn chế sự phá hoại của bọn giả danh cách mạng.

Tháng 4-1941, Đại hội thành lập Việt Nam dân tộc giải phóng đồng minh Hội (gọi tắt là Hội Giải phóng) được tổ chức tại Tỉnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc. Cương lĩnh của Hội Giải phóng được Đại hội thông qua không những làm vừa lòng Quốc dân Đảng Trung Hoa, mà còn tạo thêm thế hợp pháp cho các đồng chí ta: “Đoàn kết với mọi người đối xử bình đẳng với chúng tôi, đặc biệt là đoàn kết với nhân dân Trung Hoa nhằm

đánh bại đế quốc Pháp và phát xít Nhật, hoàn thành sự nghiệp giành độc lập, tự do và bảo toàn lãnh thổ cho nước Việt Nam. Thành lập nước cộng hòa Việt Nam của dân, do dân, vì dân theo đúng tinh thần của chủ nghĩa Tam dân, giúp Trung Hoa thực hiện đường lối kháng chiến và tái thiết nước nhà trên cơ sở nguyên tắc tương trợ Việt - Trung”¹. Hồ Học Lãm và các đồng chí Dương Hoài Nam (bí danh của Võ Nguyên Giáp), Lâm Bá Kiệt (bí danh của Phạm Văn Đồng)... được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Hội và các ban trực thuộc như Ban Chính vụ, Ban Quân sự...

Sau khi Hội Giải phóng ra đời, các hoạt động hợp pháp của các đồng chí đã được tăng cường. Võ Nguyên Giáp và một số đồng chí khác đã tiến hành việc xuất bản báo *Giải phóng* phát hành tại một số địa phương ở miền Nam Trung Quốc và gửi về nước². Hội Giải phóng còn đề nghị được cử cán bộ trong nước sang học các trường quân sự ở Điền Đông, Quế Lâm, Nam Ninh và

1. King C. Chen: *Vietnam and China (1938 - 1954)*, Princeton University, Press Princeton, New York, 1969, p.33.

2. Trong thời gian ở Tĩnh Tây, Võ Nguyên Giáp và các đồng chí khác có ra báo và gửi về nước, trong *Hồi ký*, Võ Nguyên Giáp kể lại: “Thời gian qua ở Tĩnh Tây, chúng tôi cũng ra báo. Cũng chỉ là báo in thạch, nhưng giấy sắn, khuôn khổ tờ báo rộng, bài viết thoải mái chứ không bị hạn chế...”. Đến nay, những tờ báo này vẫn chưa sưu tầm, tìm lại được.

được chính quyền Quốc dân Đảng Trung Hoa chấp nhận. Thông qua báo *Giải phóng* và hoạt động của Hội Giải phóng, bộ mặt thật của những người giả danh cách mạng bị vạch trần.

Để tránh sự khủng bố của thực dân Pháp, hơn 40 thanh niên yêu nước ở Cao Bằng phải tạm lánh sang miền Nam Trung Quốc và tìm cách bắt liên lạc với các tổ chức yêu nước của người Việt Nam. Các đồng chí đã báo cáo tình hình trên với Nguyễn Ái Quốc - khi đó đang ở Tĩnh Tây, Người chỉ thị: Phải tìm mọi cách không để bọn giả danh cách mạng lừa bịp và lôi kéo anh em; phải tổ chức và huấn luyện cho anh em. Số cán bộ này sau khi được đào tạo đã quay về nước hoạt động, bổ sung kịp thời cho lực lượng cách mạng đang trong giai đoạn cấp bách.

Cuối năm 1940, nhận được chỉ thị, Võ Nguyên Giáp và các đồng chí khác trở về Tĩnh Tây. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Phùng Chí Kiên... khẩn trương biên soạn chương trình huấn luyện và các bài giảng. Các bài giảng sau đó được Tổng bộ Việt Minh bổ sung xuất bản thành sách *Con đường giải phóng* và dùng làm tài liệu huấn luyện cán bộ của Mặt trận Việt Minh.

Nội dung những bài giảng và cuốn sách *Con đường giải phóng* đã trang bị cho cán bộ của Mặt trận Việt Minh những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng cho

cuộc vận động cách mạng, tiến tới Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Những nội dung được huấn luyện trong lớp học cũng là những bài học võ lòng cho cán bộ trong công tác xây dựng căn cứ địa Việt Bắc những năm sau đó.

Về tình hình thế giới, phân tích triển vọng của cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra, tác phẩm chỉ rõ: “Triển vọng của cuộc chiến tranh này là: chủ nghĩa phát xít nhất định bị tiêu diệt, chế độ dân chủ tràn lan ra khắp thế giới, cách mạng thắng lợi hoàn toàn tại nhiều nước, nhân dân Đông Dương cũng sẽ tự giải phóng hoàn toàn”¹.

Phân tích tình hình Đông Dương trên các mặt địa lý, kinh tế, xã hội, chính trị, tác phẩm kết luận: “Nhật, Pháp ở Đông Dương khác nào như hai con chó ăn chung một miếng mồi. Nhật định dùng Pháp làm tay sai nhưng ghen ăn với Pháp. Pháp hàng Nhật nhưng càng ngày càng chán cảnh làm đầy tớ cho Nhật. Cả hai là giặc Nhật, Pháp đang sửa soạn hất cẳng nhau để giữ thuộc địa cho riêng mình. Sự xung đột giữa Nhật, Pháp có lợi cho cuộc vận động của nhân dân ta không nhỏ”².

1, 2. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.401, 401-402.

Về cách mạng Việt Nam, tác phẩm chỉ rõ: “Chủ nghĩa tân dân chủ cốt nhằm 3 mục đích dưới đây: 1) Dân tộc độc lập...; 2) Dân quyền tự do...; 3) Dân sinh hạnh phúc...”¹. “Chủ nghĩa tân dân chủ của Việt Minh khác hẳn với chủ nghĩa độc tài phát xít của bọn tư sản tài chính Anh, Mỹ; nó cũng không giống chủ nghĩa Xôviết của vô sản chuyên chính ở Nga, nó càng không giống chế độ dân chủ đại nghị thối nát ở Pháp hồi trước chiến tranh. Chủ nghĩa tân dân chủ của Việt Minh có tính chất hoàn toàn Việt Nam. Nó dựng nên một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới, một nước Việt Nam hùng cường và tiến bộ”².

Đặc biệt, tác phẩm đi sâu giải quyết những vấn đề khởi nghĩa giải phóng dân tộc, và nhận định: “Khởi nghĩa là cuộc đấu tranh to tát về chính trị và quân sự, là việc rất quan trọng, rất khó khăn, làm đúng thì thành công, làm sai thì thất bại”³.

Về những điều kiện của cuộc khởi nghĩa, tác phẩm xác định: “Muốn khởi nghĩa cần đủ ba điều kiện sau đây:

1. Lực lượng của đế quốc lung lay bối rối hoặc vì chúng phải đánh nhau với đế quốc khác, hoặc vì có cuộc cách mạng bùng nổ tại chính quốc, đế quốc không đủ sức giữ địa vị như trước nữa.

1, 2, 3. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Sdd, tr.401-402.

2. Có một cao trào cách mạng trong quảng đại quần chúng, dân chúng vì khổ sở không chịu được nữa, căm tức tới cực điểm, quyết tâm hy sinh nổi lên tranh đấu cùng đế quốc vì hiểu rằng ngôi yên cũng chết.

3. Có một chính đảng cách mạng lãnh đạo, chính đảng ấy cần phải có một đoàn thể cách mạng kiên quyết, có một chính sách đúng, có một lực lượng khá để lãnh đạo dân chúng khởi nghĩa và được dân chúng tin cậy”¹.

Phân tích những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương, tác phẩm chỉ rõ: “1. Hiện nay Pháp đã mất nước cho Đức, thuộc địa của chúng bị Anh, Mỹ lấy hết. Ở Đông Dương chúng đã hàng phục Nhật. Thế lực của chúng đã tan rã suy đồi. Còn Nhật thì một mặt bối rối khó lòng giải xong vấn đề Tàu, một mặt phải lo cuộc phản công của phe Anh, Mỹ khắp nơi, mặt trận của chúng dài (hơn 3.000 cây số) mà chúng có nhiều kẻ địch, nên tình thế của chúng mỗi ngày một khó khăn hơn trước. Như vậy điều kiện thứ nhất của cuộc khởi nghĩa gần đủ.

2. Tuy dân ta hiện nay đối khổ ai cũng oán ghét Nhật - Pháp, nhưng hãy còn một số người chưa kiên quyết ra tranh đấu với đế quốc phát xít. Điều kiện thứ hai chưa đầy đủ.

1. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.402.

3. Việt Minh là một đoàn thể cách mạng rất kiên quyết, chính sách cứu quốc rất đúng. Tuy vậy, chính sách của Việt Minh chưa được phổ biến khắp nhân dân. Điều kiện thứ ba cũng chưa đủ.

Nói tóm lại hiện giờ những điều kiện khởi nghĩa của ta chưa đầy đủ. Nhưng Nhật ngày càng thua lớn ở khắp các mặt trận. Ở Đông Dương chúng lại hăm hè với Pháp... Còn dân chúng sẽ ngày càng cảm thấy nỗi nhục nhằn dưới ách Nhật, Pháp thì ngả hẳn về phe cách mạng. Chỉ cần chúng ta nỗ lực tuyên truyền cho rộng chính sách cứu quốc của Việt Minh và ra sức tổ chức nhiều dân chúng là có ba điều kiện sẽ mau đầy đủ. Nói tóm lại chúng ta phải “gắng sức để sửa soạn khởi nghĩa”¹.

Tác phẩm nêu lên phương thức tiến hành khởi nghĩa của nhân dân Đông Dương: “Ở các nước Âu - Mỹ, cuộc khởi nghĩa thường hay bắt đầu từ những cuộc bãi công chính trị rồi mới tiếp đến các cuộc võ trang bạo động. Ở Đông Dương ta khởi nghĩa có thể bùng ra ở một vài nơi rồi lan dần ra khắp nước. Khởi nghĩa thường bùng ra ở những nơi nhiều rừng núi tiện cho lối đánh du kích”².

Tác phẩm chỉ ra những công tác cần thiết trong cuộc khởi nghĩa:

1, 2. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Sdd, tr.402, 403.

Trước khi khởi nghĩa “đoàn thể cách mạng phải khai một cuộc hội nghị để xét rõ đã đủ điều kiện khởi nghĩa chưa? Nếu đủ thì phải bàn định kế hoạch khởi nghĩa và bầu ra một ban chỉ huy khởi nghĩa... Kế hoạch ấy phải định ngày giờ cho đúng với hoàn cảnh, với tình thế, vì một giờ sớm quá hay muộn quá đều có thể làm cho ta thất bại”¹. “Phải dùng hết cách kéo tất cả các hội viên và dân chúng tham gia khởi nghĩa... Về mặt chính trị phải thành lập những đội tuyên truyền tổ chức để làm việc trong dân chúng. Phải dự bị lập một chính phủ cách mạng và xét những việc chính phủ ấy phải làm ngay. Về mặt quân sự phải tổ chức những đội tự vệ để làm quân chủ lực trong khởi nghĩa. Phải chia địa phương ra từng vùng để khi khởi nghĩa thì ai cũng có việc của người nấy. Trước hết phải có một ít khí giới và nhằm những kho khí giới của đế quốc để cướp. Phải định đội nào là tiên phong, đội nào là hậu bị. Phải định ra nên đánh phía nào, giữ nơi nào, phá nơi nào... Phải dự bị lương thực và việc cứu hộ (săn sóc những người bị thương). Phải điều tra kỹ càng những lối liên lạc giao thông (xe, tàu), dây thép, dây nói... để dự bị chiếm lấy hay phá hoại. Nói tóm lại phải có kế hoạch tiến công”².

1, 2. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Sdd, tr.403.

Trong khi khởi nghĩa “ban chỉ huy phải hết sức lãnh đạo cuộc tiến công, kiên quyết tiến công, do dự một chút là thất bại”¹.

Sau khi khởi nghĩa thắng lợi, “đoàn thể cách mạng phải lập tức đem khí giới chiếm được phát cho dân chúng có tổ chức và phái người chắc chắn ra lãnh đạo họ. Đồng thời phải lập ngay chính phủ cách mạng của nhân dân. Những địa phương quân du kích làm chủ có thể tổ chức ra chính quyền cách mạng, chiếm được một vùng khá rộng trong nước thì có thể tổ chức Chính phủ lâm thời cách mạng của nhân dân toàn quốc”².

Về tổ chức du kích và cách đánh du kích trong khởi nghĩa, tác phẩm chỉ rõ: “Du kích là một cách chiến tranh của dân chúng dùng khí giới ít và kém chống với đế quốc có khí giới tốt và nhiều. Khởi nghĩa thắng lợi một phần lớn là do du kích tổ chức có vững vàng hay không, phát triển rộng rãi hay không?”³.

Về tổ chức du kích: “Du kích là binh lính cách mạng hoặc dân chúng, hoặc binh lính cách mạng và dân chúng do đoàn thể cách mạng lãnh đạo và tổ chức ra, gồm những người hăng hái vì nước vì dân. Cũng có khi binh lính cách mạng hoặc dân chúng cách mạng tự tổ chức ra du kích rồi liên lạc với đoàn thể cách mạng,

1, 2, 3. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.403, 403-404.

chịu đoàn thể ấy lãnh đạo. Trong một đội du kích có một đội trưởng và một người chính trị ủy viên, có những người quản lý khí giới, lương thực, quản lý việc cứu hộ, việc do thám, việc giao thông...

Về cách đánh du kích: “Phép đánh du kích có thể gồm trong mấy lời này: làm cho quân thù què đi, điếc đi, mù đi, chết đói đi”.

Muốn làm tròn những việc trên đây, các bộ đội du kích phải mật thiết liên lạc với nhân dân, cùng nhân dân cùng làm”¹.

Tác phẩm nêu lên vai trò quan trọng của căn cứ địa: “Khi du kích đã khá đông thì có căn cứ địa, nghĩa là một vùng khá rộng hiểm trở, dân chúng tổ chức vững vàng, quân lính đế quốc khó vào được. Du kích dùng nơi đó làm nơi đứng chắc chắn, tiến có thể đánh và phát triển được, lùi có thể đứng và giữ gìn lực lượng”².

Tác phẩm khẳng định: “... dân chúng là chỗ nương tựa của quân du kích. Du kích như cá, dân chúng như nước. Có nước, cá mới mặc sức vẫy vùng, xa nước cá phải chết. Không có dân chúng du kích sẽ thất bại, được dân chúng hết sức giúp đỡ, quân du kích nhất định sẽ thắng. Muốn được dân chúng giúp đỡ, quân du kích phải hết sức tôn trọng, yêu mến và bênh vực dân chúng”³.

1, 2, 3. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Sdd, tr.404.

Sau khi về Cao Bằng, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng vào tháng 5-1941 và thành lập Mặt trận Việt Minh. Sau Hội nghị, Người chủ trương ra báo và đặt tên là *Việt Nam độc lập*, gọi tắt là *Việt lập*, lấy danh nghĩa là cơ quan của Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng. Khi Võ Nguyên Giáp từ Tỉnh Tây về hẩn Cao Bằng, báo *Việt lập* đã xuất bản được 10 số. Thấy báo chữ to, bài đơn giản, tin ngắn, cho thế là đơn sơ quá, Võ Nguyên Giáp nêu ý kiến là nên làm cho nội dung nhiều hơn, in chữ nhỏ hơn cho được nhiều và đẹp. Nhưng Bác nói: “Cứ nên viết bài ngắn, tin ngắn, chữ to, như thế mới hợp trình độ quần chúng, báo *Việt lập* tuy đơn giản nhưng dễ đọc, dễ hiểu.

Nguyễn Ái Quốc phân công Võ Nguyên Giáp viết một bài về phong trào phụ nữ cho báo. Người nói: “Chú viết đúng một trăm chữ, viết hơn thì không có chỗ đăng đâu”¹. Việc hạn chế số chữ theo yêu cầu của Bác là một điều khó khăn. Viết, sửa chữa, cắt gọt vẫn dài đến 353 chữ, gấp 3 lần rưỡi số chữ Bác cho, nhưng cũng được chấp nhận cho đăng vào số 112, ngày 1-12-1941. Đây là bài báo đầu tiên của Võ Nguyên Giáp viết dưới sự chỉ đạo biên tập trực tiếp của Bác Hồ, trong thời kỳ mới của cách mạng. Bài báo nhan đề “Chị em phụ nữ phải đoàn kết lại!”.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.47.

Qua thực tế, sau một thời gian, đồng chí Võ Nguyên Giáp thấy rõ nếu viết bài dài là không phù hợp. Báo *Việt lập* rõ ràng có tác dụng tuyên truyền, tổ chức lớn.

Ngày 22-6-1941, phát xít Đức bắt đầu tấn công Liên Xô. Chiến tranh thế giới thứ hai mở rộng hơn và bước vào giai đoạn quyết liệt. Đảng ta phát động một phong trào ủng hộ Liên Xô, tuyên truyền, ca ngợi tinh thần chiến đấu anh dũng của Hồng quân Liên Xô. Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài trên báo *Việt lập*, phân tích tình hình, nhận định thế nào Đức cũng thua và Liên Xô sẽ thắng.

Trong khoảng thời gian nửa cuối năm 1941, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng cứ khoảng hai tuần lễ thường đi về từ Tỉnh Tây đến Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, nơi làm việc của Nguyễn Ái Quốc ở trong nước để báo cáo tình hình hoạt động tại Trung Quốc. Cuối năm 1941, Võ Nguyên Giáp về nước báo cáo tình hình với Nguyễn Ái Quốc, lúc này, ở Tỉnh Tây, Quốc dân Đảng Trung Hoa đã nghi ngờ các đồng chí là cộng sản và bắt đầu thay đổi thái độ. Nguyễn Ái Quốc nghe báo cáo, quyết định Võ Nguyên Giáp không sang Tỉnh Tây nữa, báo tin cho Phạm Văn Đồng ở bên đó cũng trở về, chỉ để lại một đồng chí để duy trì Biện sự xứ và liên hệ với anh em học sinh quân.

Trong những tháng năm hoạt động tích cực tại miền Nam Trung Quốc, dưới sự dìu dắt và chỉ đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã có

hiều đóng góp quan trọng cho cách mạng Việt Nam. *Thứ nhất*, cùng với các đồng chí khác, Võ Nguyên Giáp đã góp phần tích cực trong việc tuyên truyền và vận động cách mạng trong đa số người Việt Nam sinh sống và làm việc tại Trung Quốc. *Thứ hai*, vai trò và cống hiến có ý nghĩa quan trọng nhất của đồng chí Võ Nguyên Giáp trong giai đoạn này là công tác đào tạo cán bộ cho cách mạng. Trong các lớp huấn luyện quân sự tại Tĩnh Tây, một số cán bộ đã trưởng thành về nhận thức và phương pháp công tác. Đặc biệt, đây cũng chính là thời kỳ Võ Nguyên Giáp được trang bị về những vấn đề của công tác quân sự trong thực tiễn hoạt động cách mạng, góp phần hình thành những kinh nghiệm cho công tác quân sự của cách mạng Việt Nam sau này.

2. Hoạt động chuẩn bị về chính trị, quân sự để tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền (tháng 8-1945)

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám (tháng 5-1941) dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc được triệu tập - một hội nghị đánh dấu sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của cách mạng Việt Nam, khẳng định và đi đến thống nhất đường lối của Đảng là phải đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên trên hết.

Đảng chỉ đạo tích cực xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng căn cứ địa, chủ động chuẩn bị khởi nghĩa vũ

trang, từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Đảng quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), công bố Chương trình Việt Minh, ra nghị quyết thành lập những đội tự vệ cứu quốc và những tiểu tổ du kích cứu quốc làm lực lượng xung kích trong các cuộc khởi nghĩa ở địa phương và trong cuộc tổng khởi nghĩa, xây dựng vùng Cao Bằng và vùng Bắc Sơn - Võ Nhai thành những căn cứ trung tâm cho cuộc khởi nghĩa ở Việt Bắc. Vấn đề quan trọng hàng đầu lúc này là tăng cường công tác tuyên truyền cách mạng để giác ngộ và tổ chức quần chúng đấu tranh.

a) Tích cực tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, lôi cuốn đông bào các dân tộc vào các hoạt động cách mạng

Công việc đầu tiên ngay khi trở về nước hoạt động của Võ Nguyên Giáp được Nguyễn Ái Quốc giao là làm công tác vận động quần chúng, xây dựng các tổ chức cách mạng ở vùng căn cứ địa. Đây là công việc khó khăn, đòi hỏi sự kiên trì cao, vì đông bào các dân tộc phần lớn không biết chữ, chưa thạo tiếng phổ thông, lại bị bọn đế quốc và tay sai kìm kẹp, bóc lột, nên cuộc sống rất nghèo, trình độ văn hóa thấp, phong tục, tập quán còn nhiều lạc hậu.

Nhận nhiệm vụ mới, Võ Nguyên Giáp hăng hái đi đến các bản làng, từ châu Hòa An đến tổng Kim Mã,

thuộc châu Nguyên Bình, mở nhiều lớp huấn luyện quân chúng, làm công tác vận động nhân dân, tổ chức Việt Minh, tổ chức tự vệ. Đến công tác ở đâu, đồng chí cũng tìm hiểu kỹ tình hình địa phương, về đời sống, phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc để triển khai công tác vận động quần chúng phù hợp thực tế.

Các lớp huấn luyện lúc bấy giờ thường là ngắn ngày, được mở ra ở chân đèo, sườn núi, trong rừng sâu, trong hang đá, cốt nhất là thuận tiện cho học viên không phải đi xa. Nội dung các bài giảng thường được đồng chí chuẩn bị kỹ lưỡng, hướng vào giúp người học thấy được nỗi khổ nhục của người dân mất nước, khơi dậy tinh thần yêu nước, căm thù quân cướp nước và ý chí đấu tranh giành độc lập, tự do. Từ thực tiễn công tác ở các địa phương, Võ Nguyên Giáp rút ra “một điều cơ bản trong công tác vận động quần chúng là muốn đưa quần chúng, đưa phong trào lên, thì phải hiểu rõ trình độ quần chúng, có đi sát với trình độ quần chúng thì mới đưa quần chúng lên được”¹. Vì vậy, đồng chí luôn gần gũi, hòa mình với quần chúng, tìm mọi cách giúp đỡ các cơ sở, nhất là ở thời kỳ đầu để dìu dắt và đào tạo cán bộ lãnh đạo cho phong trào.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sdd, tr.72.

Không chỉ đúc rút bài học của bản thân từ hoạt động thực tiễn, Võ Nguyên Giáp còn tiếp thu, học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý về công tác vận động quần chúng của Nguyễn Ái Quốc. Những chỉ dẫn của Người về yêu cầu, cách thức tuyên truyền, coi trọng vận động thanh niên các dân tộc... giúp đồng chí có thêm nhiều nhận thức sâu sắc, công tác nào của cách mạng cũng phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, từ quyền lợi, nguyện vọng của đông đảo quần chúng.

Khó khăn lớn nhất khi làm công tác vận động quần chúng là sự đàn áp tàn bạo của kẻ thù. Dù địch khủng bố ác liệt, song Võ Nguyên Giáp luôn bám dân, bám bản, nhiều lúc phải tránh vào rừng, nhịn đói, nhịn khát, chờ khi địch rút, lại xuống các thôn bản gặp gỡ, hướng dẫn đồng bào cách đối phó để duy trì, giữ vững phong trào. Chính vì vậy, mặc dù bị khủng bố gắt gao, mặc dù còn rất khó khăn, nhưng cơ sở cách mạng ở Cao Bằng không bị vỡ và liên tục phát triển.

Trong quá trình vận động quần chúng, Võ Nguyên Giáp còn tranh thủ học nói tiếng Tày, Nùng, Mông, Dao... để có thêm cơ hội gần gũi, trực tiếp trao đổi, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng và trình độ của đồng bào thuộc nhiều dân tộc và luôn rèn luyện để xứng đáng với niềm tin, hy vọng của mọi người. Do đó, phương pháp giáo dục, tuyên truyền vận động của đồng chí dễ đi vào lòng người, đạt hiệu quả cao. Nhiều bài viết trong báo

Việt Nam Độc lập, nội dung Chương trình Việt Minh và cuốn sách *Việt Minh ngũ tự kinh*, do đồng chí dịch ra nhiều thứ tiếng của các dân tộc đã được phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp già, trẻ, gái, trai gây nên một không khí cách mạng sôi nổi trong nhân dân.

Trong thời gian hoạt động ở Cao Bằng, đồng chí đã tham gia mở 3 lớp huấn luyện cán bộ ở Nguyên Bình, 6 lớp đào tạo cán bộ Việt Minh tại Hòa An... Các lớp huấn luyện cán bộ đã thu hút đông đảo hội viên trong đoàn thể cứu quốc của đồng bào các dân tộc ở cả vùng thấp lẫn vùng cao, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ cho tỉnh Cao Bằng và các tỉnh phụ cận... Từ những hạt giống đỏ này, các cơ sở cách mạng, các tổ chức cứu quốc nhanh chóng sinh sôi, nảy nở khắp các địa phương trong tỉnh.

Đến đầu năm 1942, ở Cao Bằng có nhiều xã, tổng có toàn dân tham gia Việt Minh, gọi là “xã hoàn toàn”, “tổng hoàn toàn”. Xây dựng, tổ chức thành công phong trào Việt Minh là thắng lợi quan trọng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tây Bắc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng thời cũng là đóng góp to lớn của đội ngũ cán bộ ưu tú của Đảng, trong đó có đồng chí Võ Nguyên Giáp.

b) Tổ chức và phụ trách Ban xung phong Nam tiến

Sau khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, Tỉnh ủy Cao Bằng được củng cố trở lại. Đại hội đại biểu Việt Minh

toàn Cao Bằng đã họp và bầu ra Ban Việt Minh tỉnh chính thức. Hệ thống tổ chức của Mặt trận Việt Minh đã thông suốt từ xã qua các châu, huyện đến tỉnh. Trong các châu, tổng “hoàn toàn”, Ban Việt Minh đều do bầu cử dân chủ từ xã lên. Tiếp sau đó, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng được chỉ định, do đồng chí Lã làm Bí thư. Các đồng chí Phạm Văn Đồng, Vũ Anh và Võ Nguyên Giáp được giao nhiệm vụ giúp Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Theo sự phân công của Nguyễn Ái Quốc và Liên tỉnh ủy, Võ Nguyên Giáp được cử đi tổ chức cơ sở Việt Minh ở tổng Kim Mã, thuộc châu Nguyên Bình, làm chỗ đứng chân, phát triển phong trào về xuôi, mở đường Nam tiến.

Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của phong trào Việt Minh ở Cao Bằng, Nguyễn Ái Quốc xác định: “Phải cấp tốc tổ chức ngay con đường quần chúng từ Cao Bằng đến miền xuôi, thì lúc khủng bố mới có thể giữ vững được mối liên lạc, lúc hoạt động vũ trang các đội du kích mới có thể vận động một cách dễ dàng”¹. Người chỉ thị cho Đảng bộ Cao Bằng phải mở rộng căn cứ địa nối Cao Bằng với Bắc Sơn - Võ Nhai, tiến hành đánh thông các đường liên lạc theo hướng Nam tiến, Đông tiến, Tây tiến và phân công các đồng chí cán bộ Trung ương, trong đó có Võ Nguyên Giáp, giúp Đảng bộ Cao Bằng thực hiện

1. Võ Nguyên Giáp: *Khu Giải phóng - một sự nghiệp vĩ đại của phong trào giải phóng dân tộc*, Nxb. Cứu quốc, 1946, tr.11.

quyết định này. Chủ trương mở rộng căn cứ địa, hình thành các con đường liên lạc giữa các địa phương trong tỉnh với các tỉnh lân cận được tiến hành khẩn trương.

Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng quyết định mở rộng và phát triển căn cứ địa cách mạng theo ba hướng: Hướng Nam tiến từ trung tâm Cao Bằng phát triển xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên do Võ Nguyên Giáp phụ trách. Đây là hướng trung tâm và quan trọng nhất, có nhiệm vụ mở con đường liên lạc từ Cao Bằng qua Ngân Sơn, Chợ Rã (Bắc Kạn) nối liền với Chợ Đồn - Chợ Chu (Thái Nguyên). Hướng Bắc tiến phát triển sang Đông Khê, Lạng Sơn, Đông Triều do đồng chí Chu Văn Tấn phụ trách. Hướng Tây tiến từ trung tâm Cao Bằng mở rộng sang Tuyên Quang lên Hà Giang và thông đường liên lạc với Côn Minh (Trung Quốc) do Phạm Văn Đồng phụ trách. Chu Văn Tấn trở lại củng cố vùng Bắc Sơn - Võ Nhai rồi tổ chức một đội vũ trang tuyên truyền, xuất quân mở đường Bắc tiến lên Cao Bằng.

Khi công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền được đẩy mạnh ở cả miền núi và miền xuôi theo chủ trương của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 2-1943), thì vấn đề mở đường Nam tiến, nối liền căn cứ Cao Bằng với căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai được đặt ra hết sức cấp bách. Ngay trong tháng 2-1943, tại cuộc gặp giữa các đồng chí lãnh đạo căn cứ địa Cao Bằng, trong đó có Võ Nguyên Giáp, với các đồng chí chỉ huy

Cứu quốc quân ở Lũng Hoài (Hòa An, Cao Bằng) đã đi đến thống nhất: "... Xúc tiến việc thành lập các đội xung phong Nam tiến do đồng chí Văn (tức đồng chí Võ Nguyên Giáp) trực tiếp chỉ huy. Cứu quốc quân sẽ cử một tiểu đội lên Cao Bằng để cùng các đồng chí ở Cao Bằng đánh thông đường về xuôi..."¹. Kế hoạch mở rộng phong trào cách mạng để nối liền hai căn cứ địa với nhau, tiếp đó phát triển dần xuống trung du và đồng bằng, giữ vững đường liên lạc với Trung ương và kết hợp với phong trào toàn quốc, do Võ Nguyên Giáp phụ trách được triển khai mạnh mẽ.

Xác định Nam tiến là một yêu cầu chiến lược, là một chủ trương có tầm quan trọng đặc biệt, Võ Nguyên Giáp khẩn trương tập trung hơn 100 cán bộ, đội viên, phần lớn là con em của tỉnh Cao Bằng tình nguyện thoát ly gia đình tham gia. Đồng chí tổ chức ra 19 đội xung phong Nam tiến phối hợp cùng với các địa phương - dùng lối vũ trang tuyên truyền, mở rộng hoạt động từ bản này sang bản khác, từ châu này sang châu khác theo các hướng đã xác định.

Để phong trào xung phong Nam tiến bảo đảm thắng lợi, Võ Nguyên Giáp vừa chỉ đạo các đội xung phong, vừa tranh thủ mở lớp huấn luyện cấp tốc cho các đội viên về phương hướng, nhiệm vụ mở đường. Các đội

1. Chu Văn Tấn: *Kỷ niệm Cứu quốc quân* (Hồi ký), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, tr.184.

Nam tiến thường phải men theo các triền núi đá hoặc ven rừng, có lúc phải đi vào buổi tối mới bảo đảm an toàn; đi đến đâu tổ chức quần chúng đến đấy, đội trước tổ chức, đội sau huấn luyện, củng cố và phát triển.

Trong quá trình chỉ đạo, Võ Nguyên Giáp dành nhiều sự quan tâm đến những nơi phong trào gặp khó khăn, giúp các đội tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục. Những kinh nghiệm về gây dựng cơ sở quần chúng, cách thức tuyên truyền trong từng dân tộc, về giữ bí mật, chống khủng bố... tích lũy trong thời gian vận động quần chúng ở Hòa An và Nguyên Bình, được đồng chí phổ biến rộng rãi đến mọi cán bộ, đội viên Nam tiến.

Bằng nhiều hình thức và phương thức vận động phù hợp, như thông qua các quan hệ thân tộc, đồng canh, đồng niên kết hợp với việc tuyên truyền, giác ngộ cách mạng của cán bộ và bằng chiến thuật phát triển theo lối “cóc nhảy”, củng cố theo “vết dầu loang”, các tổ chức cách mạng phát triển ngày càng rộng và nhanh. Có đội xung phong Nam tiến chỉ trong một tháng đã gây được cơ sở Việt Minh trong 3 tổng; có đội trong hơn một tháng tiến gần 100 cây số, tổ chức hơn 80 làng bản vào Việt Minh...¹.

1. Hoàng Quang Khánh, Lê Hồng, Hoàng Ngọc La: *Căn cứ địa Việt Bắc (Trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945)*, Nxb. Việt Bắc, 1975, tr.60.

Gần một năm trời luân rừng, vượt núi, gian khổ và nhiều hiểm nguy, đến cuối năm 1943, đội Nam tiến do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã gặp đội Bắc tiến do đồng chí Chu Văn Tấn phụ trách ở xã Nghĩa Tá (Chợ Đồn, Bắc Kạn). Con đường Nam tiến mà Nguyễn Ái Quốc vạch ra, từ Cao Bằng đã nối liền với căn cứ cách mạng Bắc Sơn - Võ Nhai, sau đó bắt liên lạc với Trung ương Đảng ở miền xuôi, giúp cho căn cứ địa Cao Bằng phá được thế cô lập, không ngừng mở rộng và phát triển.

Thắng lợi của phong trào Nam tiến chẳng những đã xây dựng được một hành lang chính trị, mở rộng từ Cao Bằng xuống Thái Nguyên, mà còn tổ chức nhiều đội tự vệ, vũ trang trên các hành lang này, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương khi có thời cơ kịp thời khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, lập ra khu giải phóng và đẩy tới cao trào tổng khởi nghĩa trên phạm vi cả nước.

Kết quả đó là sự hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về việc mở rộng và nối liền căn cứ địa Cao Bằng với phong trào cách mạng cả nước, đồng thời thể hiện quyết tâm của đội ngũ cán bộ, đội viên Nam tiến, trong đó có sự đóng góp to lớn của Võ Nguyên Giáp.

Trong thời gian Võ Nguyên Giáp và Lê Thiết Hùng đang chuẩn bị rời Ngân Sơn xuống kiểm tra tình hình các đội Nam tiến trên hướng Nà Phạc - Ngân Sơn thì có thư “hỏa tốc” của Phạm Văn Đồng triệu tập

Võ Nguyên Giáp về ngay cơ quan có việc gấp. Tối nhà, Võ Nguyên Giáp được báo một tin sét đánh: Hồ Chí Minh sang công tác ở Hoa Nam bị bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa bắt giam và đã mất trong ngục. Các đồng chí đã viết thư về báo cáo Trung ương, bàn việc làm lễ truy điệu và định cử người sang Trung Quốc để xác minh sự việc cho rõ ràng. Dù đau đớn vô hạn, nhưng Võ Nguyên Giáp nhận thấy chưa đủ cơ sở để tin rằng Người đã mất, đồng chí hỏi lại Lê Quảng Ba, người đi cùng Bác Hồ sang Hoa Nam những thông tin cụ thể về sự việc. Đồng chí Đặng Văn Cáp được cử lên đường sang Trung Quốc để xác minh thông tin này¹.

1. Trước đó, ngày 27-8-1942, Hồ Chí Minh lên đường đi Bình Mã, có Dương Đào đi cùng để dẫn đường (Lê Quảng Ba ở lại nhà Từ Vĩ Tam). Hai người đến phố Túc Vinh (huyện Thiên Bảo, Quảng Tây) thì bị quân tuần cảnh ở trụ sở của Quốc dân Đảng bắt giữ. Nguyên nhân bị bắt giữ, theo báo cáo của Trương Phát Khuê, Tư lệnh Đệ tứ chiến khu của Quốc dân Đảng lúc đó, thì khi kiểm tra căn cước, tuần cảnh phát hiện ra rằng ngoài Chứng minh thư của “Quốc tế phản xâm lược hiệp hội Việt Nam phân hội” ra, Hồ Chí Minh còn mang theo Thẻ hội viên đặc biệt của “Quốc tế tân văn xã”, và Giấy thông hành quân dụng của Văn phòng tư lệnh Đệ tứ chiến khu cấp... Tất cả giấy tờ đều cấp năm 1940, đã quá thời hạn sử dụng. Chúng nghi là gián điệp nên đã bắt giữ. Sau hơn một năm bị giam cầm, đi đày qua nhiều nhà tù của Tưởng Giới Thạch, ngày 10-9-1943, Hồ Chí Minh được trả tự do nhưng vẫn bị quản chế. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.2, tr.154, 172.

Khoảng tháng 10-1943, Võ Nguyên Giáp về cơ quan hội báo tình hình thì thấy Phạm Văn Đồng, Vũ Anh và đồng chí Lã đang xúm xít quanh một tờ báo. Đó là tờ báo ở Trung Quốc mới gửi về, bên mép trắng có mấy dòng chữ Hán, viết tay, Võ Nguyên Giáp nhận ngay ra đúng là chữ Bác Hồ. Đây là tờ *Quảng Tây nhật báo*, Hồ Chí Minh gửi về từ Liễu Châu, Quảng Tây, Trung Quốc trên mép là bài thơ tứ tuyệt bằng chữ Hán:

*Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính, tịnh vô trần;
Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

Kèm mấy dòng chữ Hán với nội dung: “Chúc chư huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên”.

Ngày 20-9-1944, sau hai năm rời xa Tổ quốc, Hồ Chí Minh về lại Cao Bằng¹, tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Hồ Chí Minh đã tin tưởng và giao cho Võ Nguyên Giáp thành lập đội quân chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam và nhiều công việc quan trọng khác trên các lĩnh vực

1. Ngày 9-8-1944, Hồ Chí Minh được tướng Trương Phát Khuê cho phép trở về Việt Nam cùng với 18 thanh niên do Người chọn. Theo Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t.2, tr.188.

nội chính, an ninh và ngoại giao khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền non trẻ vừa mới ra đời.

c) Tổ chức và lãnh đạo đội quân chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Cuối năm 1941, trong diễn ca *Lịch sử nước ta*¹, Nguyễn Ái Quốc đã dự báo: Năm 1945, Việt Nam độc lập². Tháng 10-1944, trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc*, Hồ Chí Minh đã viết: “Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!”³. Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã xem xét kỹ bối cảnh thế giới, phân tích kỹ Chiến tranh thế giới thứ hai, nghiên cứu một cách tỉ mỉ, chính xác từng kẻ thù, lực lượng so sánh giữa ta và địch, chiến lược và sách lược của chúng trong thời kỳ lịch sử đặc thù. Người chỉ rõ, thủ phạm gây ra chiến tranh chính là phát xít Đức - Italia - Nhật. Mục đích của chiến tranh là sự xâm xé, giành giật giữa hai tập đoàn đế quốc Đức - Italia -

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t.3, tr.259.

2. Trong Hồi ký *Những chặng đường lịch sử*, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại rằng, khi xem lời tiên đoán của Bác Hồ, anh em người nói sớm, kẻ nói muộn. Bác nghe trao đổi chỉ nói: “Để rồi xem”.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.538.

Nhật và Anh - Pháp - Mỹ nhằm phân chia lại thế giới, mưu toan thực hiện quyền bá chủ toàn cầu.

Hai phe đế quốc đều rắp tâm tấn công Liên Xô hòng dập tắt lò lửa cách mạng thế giới. Song, không một đế quốc nào dám nhận trách nhiệm đi tiên phong tiến đánh Liên Xô. Bởi vậy, trước khi tiến công Liên Xô, hai phe đế quốc đánh nhau để cướp đoạt các nguồn nguyên liệu và chiếm cứ các căn cứ quân sự quan trọng nhằm củng cố và tăng cường thực lực của chúng. Từ sự phân tích logic đó, Hồ Chí Minh dự báo chính xác rằng, cuộc chiến tranh đế quốc này rất có thể chuyển biến thành một cuộc chiến tranh giữa đế quốc với Liên Xô. Và chính cuộc chiến tranh này sẽ làm cho giai cấp vô sản thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại nổi lên làm cách mạng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc. Cho nên, chỉ khi nào tình thế bắt buộc các nước đế quốc liên minh với nhau để tiến đánh Liên Xô, thì khi ấy chúng “sẽ rất chóng bị tiêu diệt bởi Hồng quân Liên Xô và cách mạng thế giới”¹.

Đặc điểm cơ bản của tình hình chính trị Đông Dương đầu những năm 40 thế kỷ XX được Hồ Chí Minh phân tích rõ ràng là sau khi Pháp mất nước cho Đức, phát xít Nhật nhảy vào xâm chiếm Đông Dương, bọn đế quốc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.24.

Pháp ở Đông Dương quỳ gối dâng Đông Dương cho Nhật, nhân dân Đông Dương bị hai tầng áp bức, bóc lột của hai đế quốc Nhật - Pháp. Đó cũng là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ngày càng gay gắt. Nhật gấp rút chuẩn bị truất quyền Pháp để trừ hậu họa, vì chúng biết rằng nếu quân Đồng minh Anh, Mỹ và Trung Hoa Quốc dân Đảng vào Đông Dương đánh Nhật, thì phần đông người Pháp ở Đông Dương sẽ quay lại đánh chúng. Điều này tỏ ra mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp là không thể điều hòa được, tất yếu sẽ dẫn đến sự xung đột sống còn, quyết liệt với nhau.

Bước sang năm 1944, mâu thuẫn Nhật - Pháp đã phát triển đến đỉnh điểm. Lực lượng so sánh giữa hai bên đang thay đổi lớn. Quân Nhật đã suy yếu rõ rệt, chúng không dám mạo hiểm làm ngay cuộc đảo chính để truất quyền, vì sợ Pháp sẽ bắn trả lại và xung đột quyết liệt hơn giữa Nhật, Pháp nổ ra, quân Đồng minh sẽ thừa dịp vào Đông Dương. Còn Pháp thì biết rằng tình thế mỗi ngày càng bất lợi cho Nhật và có lợi cho chúng, cho nên Pháp cố hòa hoãn bề ngoài với Nhật một lần nữa để tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng, củng cố thêm bộ tay sai trước khi khai chiến với Nhật. Còn một nguyên nhân quan trọng nhất là cả Nhật và Pháp đều rất gồm cách mạng Đông Dương. Chúng lo sợ khi hai bên cắn xé nhau chí tử thì cách mạng Đông Dương thừa cơ nổi dậy tiêu diệt chúng. Lợi dụng mâu thuẫn

trong hàng ngũ kẻ thù, khoét sâu mâu thuẫn đó, đồng thời siết chặt hàng ngũ cách mạng, đó là một vấn đề thuộc tư duy chiến lược Hồ Chí Minh.

Trước diễn biến phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở Cao - Bắc - Lạng, nhưng thời cơ khởi nghĩa trong cả nước chưa chín muồi, Nguyễn Ái Quốc chủ trương tổ chức một đội quân chủ lực để thúc đẩy cuộc đấu tranh tiến lên một bước mới. Người đề ra kế hoạch thực hiện từ nguyên tắc tổ chức, phương châm hành động đến vấn đề cung cấp lương thực, đạn dược và giao cho Võ Nguyên Giáp nhiệm vụ thành lập đội vũ trang tập trung.

Võ Nguyên Giáp và Vũ Anh được Hồ Chí Minh (lúc này đã về đến Cao Bằng) triệu tập đến Pác Bó. Người nghe Vũ Anh báo cáo về tình hình phong trào cách mạng trong ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng và chủ trương phát động chiến tranh du kích của Liên tỉnh ủy. Người chỉ định Võ Nguyên Giáp đảm nhiệm việc thành lập lực lượng vũ trang tập trung. Đêm ấy, ba người cùng ngủ trong một căn lều lạnh giá, trò chuyện đến 2, 3 giờ sáng. Chiều hôm sau, Người gặp Võ Nguyên Giáp và Lê Quảng Ba, thông qua kế hoạch thành lập Đội. Đội đó “giao cho chú Văn phụ trách”.

Sau khi giao cho Võ Nguyên Giáp phụ trách việc lập Đội Quân giải phóng, lãnh tụ Hồ Chí Minh căn dặn Võ Nguyên Giáp những điều ngắn gọn, cơ bản nhất về

đường lối quân sự cách mạng Việt Nam. Người nhấn mạnh yếu tố tồn tại, trưởng thành và chiến thắng của Đội Quân giải phóng:

- Có chi bộ làm hạt nhân lãnh đạo;
- Phải dựa chắc vào dân;
- Chỗ đứng chân phải là một căn cứ tiến có thể đánh, lui có thể giữ.

Bài học “vỡ lòng” về quân sự của Hồ Chí Minh được Võ Nguyên Giáp ghi nhớ suốt cả đời cầm quân của mình, nhất là yếu tố “phải dựa chắc vào dân”, dựa chắc vào nhân dân thì không kẻ địch nào có thể tiêu diệt được. Về phần người phụ trách - tư cách người cầm quân, Người nhẹ nhàng phân tích cụm từ “dĩ công vi thượng”¹, người làm tướng phải với tinh thần đặt cái chung, việc công lên trên tất cả.

Ngay sau đó, Võ Nguyên Giáp cùng Lê Quảng Ba bàn kế hoạch triển khai việc thành lập Đội Quân giải phóng. Hai người thống nhất đề nghị với Hồ Chí Minh, bước đầu chỉ nên tổ chức một trung đội, gồm những

1. Nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết bài: “Làm theo lời Bác, dĩ công vi thượng”, trong đó có đoạn viết: “*Dĩ công vi thượng* là cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích chung lên trên hết, tất cả vì nước, vì dân, đặt lợi ích của dân, của nước, của Đảng lên trên hết, đem lòng chí công vô tư mà đối xử với người, với việc, không mảy may có chút chủ nghĩa cá nhân. *Dĩ công vi thượng* là một trong những nội dung cơ bản của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh”.

chiến sĩ ưu tú được chọn lọc trong các đội vũ trang các châu. Các đồng chí trao đổi cân nhắc từng người, cuối cùng chọn được 34 chiến sĩ gồm 5 dân tộc: Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông. Đồng chí Hoàng Sâm là Đội trưởng. Chính trị viên Đội là Xích Thắng (tức Dương Mạc Thạch, Bí thư Châu ủy Nguyên Bình). Phụ trách tình báo - tác chiến là Hoàng Văn Thái, phụ trách công tác chính trị là Lâm Cẩm Như (tức Lâm Kính). Hoàng Văn Thái và Lâm Kính đều là học viên quân sự ở Điện Đông (Trung Quốc) mới về nước. Về trang bị, Đội có 17 khẩu súng trường, còn lại là súng kíp. Hiện đại nhất và có số đạn phong phú nhất là khẩu tiểu liên Mỹ với 150 viên đạn do bà con Việt kiều ở Côn Minh gửi tặng.

Sau khi thông qua danh sách Đội Quân giải phóng, danh sách đảng viên trong Chi bộ Đảng¹ đầu tiên của Đội và thành phần Ban Chỉ huy, Hồ Chí Minh căn dặn thêm Võ Nguyên Giáp những điều mang tính định hướng hoạt động của đội sắp tới: *Thứ nhất*, Người bổ sung hai từ “Tuyên truyền” vào tên của Đội Quân giải phóng cho thật đúng với chức năng của đội vũ trang tuyên truyền và sát với phương châm hành động lúc này là chính trị trọng hơn quân sự. Do đó, tên hoàn

1. Chi bộ Đảng của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thành lập, lúc đầu gồm các đồng chí: Xích Thắng, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái và Võ Nguyên Giáp. Đồng chí Xích Thắng làm Bí thư Chi bộ.

chính sẽ là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. *Thứ hai*, Người căn dặn, sau khi thành lập một tháng phải có hoạt động. Khi hoạt động, luôn nhớ nguyên tắc bí mật “lai vô ảnh, khứ vô tung”. Trận đầu phải thắng lợi để gây khí thế và tin tưởng cho các chiến sĩ và xây dựng truyền thống cho bộ đội sau này. *Thứ ba*, về quan hệ giữa Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với các đội vũ trang các địa phương. Trên thực tế trong liên tỉnh sẽ hình thành ba hình thức tổ chức lực lượng vũ trang. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là đội chủ lực, đội quân đàn anh. Sát cánh với đội chủ lực là các đội vũ trang của các châu rồi các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu của làng bản. Việc chỉ đạo phải thống nhất cả ba lực lượng đó. Các lực lượng vũ trang địa phương phối hợp chặt chẽ với đội chủ lực và là nguồn bổ sung cho đội chủ lực, ngược lại, đội chủ lực phải phát huy vai trò và trách nhiệm của đội quân đàn anh, dìu dắt giúp đỡ các đội vũ trang địa phương trưởng thành cả trong xây dựng và chiến đấu.

Nắm vững tinh thần chỉ đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh “Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được. Tổ chức của đội phải lấy chi bộ đảng làm hạt nhân lãnh đạo”¹, Võ Nguyên Giáp

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sdd, tr.143.

khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho việc thành lập đội chủ lực. Dựa vào sự giúp đỡ nhiệt tình của các đoàn thể và nhân dân địa phương, đồng chí đã vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn và chỉ trong một thời gian rất ngắn, đã hoàn thành mọi công việc chuẩn bị.

Một ngày trước lễ thành lập Đội, các đồng chí nhận được một bức thư nhỏ của Hồ Chí Minh đặt trong một bao thuốc lá. Giở ra, đó là chỉ thị của Người về việc thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân¹.

Ngày 22-12-1944, tại Cao Bằng, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt đoàn thể cách mạng tuyên bố thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và vạch rõ nhiệm vụ của đội đối với Tổ quốc và nhân dân.

Sau khi thành lập, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân triển khai ngay nhiệm vụ “chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến”, “vận dụng vũ trang tuyên truyền để kêu gọi toàn dân đứng dậy, chuẩn bị cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc tổng khởi nghĩa”². Thực hiện chỉ thị của Hồ Chí Minh “Trong vòng một tháng phải có hoạt động để gây tin tưởng cho các chiến sĩ và gây truyền thống hành động tích cực

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.539-540.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương: *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1978, tr.41.

nhANH chóng cho bộ đội”¹, Võ Nguyên Giáp đã cùng với Ban Chỉ huy Đội chỉ đạo, chỉ huy đánh thắng các trận đầu: Phai Khắt (ngày 25-12-1944), Nà Ngần (ngày 26-12-1944) và nhiều trận tấn công diệt đồn thắng lợi trong cao trào khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Hồ Chí Minh.

Chiến công giòn giã ở Phai Khắt, Nà Ngần mở đầu truyền thống “đã ra quân là đánh thắng” và truyền thống đánh thắng ngay từ trận đầu của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Rõ ràng là từ khi ra đời và ngay sau đó là hai trận thắng đầu tiên, là kết quả của quá trình chuẩn bị đầy tâm huyết, công phu của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó có vai trò rất to lớn của đồng chí Võ Nguyên Giáp.

Cuối tháng 3-1945, Võ Nguyên Giáp cùng Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân về đến Chợ Chu, Thái Nguyên. Các đơn vị Cứu quốc quân, Giải phóng quân khác cũng gặp nhau tại Đại Từ (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Đầm Hồng, Bản Thi, Chiêm Hóa, Sơn Dương (Tuyên Quang), Văn Mịch (Lạng Sơn).

Đầu tháng 4-1945, Võ Nguyên Giáp nhận được thư của đồng chí Trường Chinh triệu tập về họp Hội nghị

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sdd, tr.147.

quân sự cách mạng Bắc Kỳ. Võ Nguyên Giáp viết thư lên Cao Bằng báo cáo tình hình với các đồng chí rồi lên đường đi họp.

Từ ngày 15 đến ngày 20-4-1945, Võ Nguyên Giáp tham dự Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hòa - Bắc Giang (thuộc ATK2), là hội nghị quân sự quan trọng đầu tiên của Đảng nhằm giải quyết nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ quan trọng và cần kíp nhất của Đảng lúc này. Dự họp có các đồng chí: Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Trân, Lê Thanh Nghị, Chu Văn Tấn... Tại Hội nghị này, Võ Nguyên Giáp được cử vào Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.

Cũng tại Hội nghị này, Võ Nguyên Giáp mới nhận được tin người vợ yêu dấu đã hy sinh. Buổi họp đầu gặp lại anh Trường Chinh sau bao năm xa cách kể từ những ngày cùng hoạt động trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936 - 1939), viết chung cuốn sách *Vấn đề dân cày*, đứng tên Qua Ninh và Vân Đình, Võ Nguyên Giáp vui mừng khôn xiết. Bỗng anh Trường Chinh nói: “Quang Thái chưa kịp đi bí mật thì bị địch bắt. Cũng không ngờ chị lại mất trong tù”. Võ Nguyên Giáp lặng người đi. Một lát sau, anh hỏi lại: “Anh nói sao? Quang Thái mất rồi ư?”. Anh Trường Chinh tỏ vẻ ngạc nhiên hỏi lại: “Anh chưa biết à?”. Võ Nguyên Giáp bàng

hoàng đi sang buồng bên cạnh, một lát sau mới trở lại phòng họp¹.

Bao kỷ niệm ngày xưa lại ùa về trong ký ức, Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Thị Quang Thái chia tay nhau ở Hà Nội khi anh chuẩn bị lên đường sang Trung Quốc để hoạt động cách mạng. Cả hai đều không ngờ rằng đó là lần cuối cùng gặp nhau. Sau này, trong Hồi ký của mình, Đại tướng kể lại: Tháng 5-1940, tôi rời Hà Nội, lòng đau như cắt vì tôi để lại đó Quang Thái, vợ tôi ẵm đứa con nhỏ. Tôi không ngờ rằng phút chia tay đó lại là phút vĩnh biệt. Sau khi chia tay anh Giáp, chị Thái gửi con về Lệ Thủy, Quảng Bình cho bà nội nuôi, rồi tiếp tục hoạt động cách mạng, làm công tác giao thông liên lạc cho Trung ương Đảng. Có thời gian chị học một lớp nữ hộ sinh và vào Sài Gòn gặp chị Nguyễn Thị Minh Khai lần cuối cùng trước khi người chị gái yêu quý bị đế quốc Pháp đưa ra pháp trường Hóc Môn (Gia Định) xử bắn (ngày 28-8-1941).

Hai năm sau từ khi Võ Nguyên Giáp ra đi, tháng 6-1942, Nguyễn Thị Quang Thái bị mật thám Pháp bắt giam ở nhà tù Hỏa Lò. Bọn đế quốc dùng mọi cực hình tra tấn để truy tìm mối dây liên lạc với Trung

1. Xem Đặng Anh Đào tuyển chọn và giới thiệu: *Võ Nguyên Giáp qua lời kể của người thân*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, tr.68.

ương, Xứ ủy Bắc Kỳ và đồng chí Hoàng Văn Thụ. Chị kiên quyết không để lộ bí mật của Đảng, giữ trọn khí tiết của người cộng sản. Chế độ lao tù đế quốc hà khắc và những nỗi đau buồn chồng chất, nhất là nhớ thương con gái Hồng Anh vừa lên 3 tuổi, làm sức khỏe của chị suy kiệt dần. Sau một năm rưỡi bị giam cầm, Quang Thái mắc bệnh thương hàn khi chăm sóc các đồng chí thương binh trong tù và đã hy sinh trong nhà tù đế quốc (nhà tù Hỏa Lò) ngày 21-1-1944, lúc đó chị 29 tuổi.

Cuối tháng 4-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh sau chuyến đi Trung Quốc để liên hệ với Đồng minh chống phát xít, đã trở về Pác Bó, Cao Bằng. Ngày 4-5-1945, Người bắt đầu rời Pác Bó về đến Tân Trào.

Chiều ngày 17-5-1945, Võ Nguyên Giáp đi đón lãnh tụ Hồ Chí Minh cùng đoàn công tác từ Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng về Tuyên Quang. Đoàn của Võ Nguyên Giáp gặp Người ở bản Nà Kiến, xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Hồ Chí Minh về đến Tân Trào vào buổi trưa ngày 21-5-1945, đồng chí Song Hào cùng với một số đồng chí cán bộ đón Bác trước đình Hồng Thái. Từ đây, Tân Trào trở thành trung tâm cách mạng của cả nước. Cũng từ thời điểm này, Võ Nguyên Giáp luôn ở bên cạnh Hồ Chí Minh, tiến hành các công việc cần thiết chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Cuối tháng 5-1945 tại Tân Trào, Võ Nguyên Giáp báo cáo với lãnh tụ Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Lương Bằng, đồng chí Hoàng Quốc Việt về những nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Người nói: chia các tỉnh ra làm nhiều chiến khu như thế rườm rà quá, không lợi cho việc chỉ huy chung. Nay vùng giải phóng ở miền ngược đã bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, địa thế nối liền với nhau, nên lập thành một khu căn cứ lấy tên là Khu giải phóng. Thống nhất các lực lượng vũ trang lại là rất đúng, nên đặt tên là Quân giải phóng. Lãnh tụ Hồ Chí Minh bàn với các đồng chí làm dự thảo nghị quyết về việc thành lập Khu giải phóng và quyết định triệu tập Hội nghị cán bộ toàn khu để thống nhất lãnh đạo và triển khai công tác.

Võ Nguyên Giáp được Hồ Chí Minh giao cho dự thảo nghị quyết về việc thành lập Khu giải phóng. Trong quá trình chuẩn bị, Võ Nguyên Giáp thường xuyên xin ý kiến chỉ đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh và các đồng chí trong Phân khu ủy Nguyễn Huệ cũng như các đồng chí có nhiều kinh nghiệm hoạt động cách mạng đang có mặt tại Tân Trào, nhờ đó bản dự thảo nghị quyết sớm hoàn thành, là cơ sở quan trọng cho việc thành lập Khu giải phóng.

Ngày 15-5-1945, lễ thành lập Việt Nam Giải phóng quân (thống nhất các lực lượng vũ trang của Đảng

như: Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân...) được tổ chức tại Chợ Chu, Thái Nguyên. Bộ Tư lệnh đầu tiên do Võ Nguyên Giáp đứng đầu, có Trần Đăng Ninh, Chu Văn Tấn.

Ngày 4-6-1945, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Hội nghị tuyên bố thành lập Khu giải phóng. Tân Trào được chọn làm Thủ đô Khu giải phóng bao gồm 2 căn cứ địa lớn, tức là 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng phụ cận thuộc các tỉnh Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái. Khu giải phóng đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng do Hồ Chí Minh đứng đầu, Võ Nguyên Giáp làm Ủy viên Thường trực, đặc trách vấn đề quân sự.

Trong Khu giải phóng, Võ Nguyên Giáp và các đồng chí ở Ủy ban lâm thời, dưới sự chỉ dẫn của Hồ Chí Minh đã tích cực chỉnh đốn chính quyền nhân dân trong toàn Khu bằng hình thức bầu cử theo chế độ phổ thông đầu phiếu. Đây là lần đầu tiên người dân Khu giải phóng được thực hiện quyền tự do dân chủ, tự mình lựa chọn những người đứng ra đại diện bảo vệ quyền lợi cho mình vào bầu cử Hội đồng nhân dân, mở rộng bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ, thực hiện nam nữ bình đẳng và đời sống mới, bãi bỏ các thứ thuế vô lý, nặng nề mà đế quốc, phát xít bắt nhân dân ta phải còng lưng cống nạp. Nhân dân Khu giải phóng, một mặt được hưởng

những quyền lợi do cách mạng mang tới, mặt khác, đồng bào cũng nô nức, hăng hái làm tròn trách nhiệm của mình để đưa phong trào cách mạng tiến tới như vào dân quân tự vệ, canh gác, tuần tra, tiếp tế lương thực, thi đua sản xuất...

Cuối tháng 7-1945, tại lán Nà Nưa, Hồ Chí Minh ốm nặng, mặc dầu đã uống thuốc ký ninh và thuốc cảm, nhưng vẫn sốt cao và luôn mê sảng. Một hôm, Võ Nguyên Giáp lên lán báo cáo công việc, thấy Người sốt, anh xin ở lại lán với Người. Người mở mắt, khẽ gật đầu. Đêm ấy, tỉnh lại sau cơn sốt, Người nói với Võ Nguyên Giáp: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”¹. Một lần khác, Người căn dặn: “Lúc nào cũng phải chú trọng xây dựng chi bộ, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và phần tử trung kiên. Trong chiến tranh du kích, lúc phong trào lên, ta phải hết sức phát triển, vừa phát triển vừa chú trọng xây dựng căn cứ cho thật vững chắc, để đề phòng lúc khó khăn mới có chỗ đứng chân được”².

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sdd, t.2, tr.225.

2. Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969, tr.212.

Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập “Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc”, gồm 5 đồng chí: Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh và Chu Văn Tấn. Đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư, trực tiếp phụ trách Ủy ban. Đêm hôm đó, lúc 23 giờ, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, hạ lệnh “Tổng khởi nghĩa”.

Hôm sau, Võ Nguyên Giáp tham dự Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc tại Tân Trào (ngày 14-8-1945). Lãnh tụ Hồ Chí Minh còn rất yếu, nhưng Người cũng cố gắng đến dự. Hội nghị nhận định: Cơ hội cho ta giành quyền độc lập đã tới, rồi bàn rất nhiều vấn đề cấp thiết trong đó có việc gấp rút vũ trang nhân dân chống Nhật và mở rộng Khu giải phóng. Hội nghị quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền độc lập hoàn toàn cho đất nước, thành lập chính quyền nhân dân, thi hành Mười chính sách của Việt Minh, định chính sách ngoại giao đối với Đồng minh. Hội nghị ra nghị quyết chủ trương tập trung mọi lực lượng để giành chính quyền nhằm vào ba nguyên tắc:

- Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính.
- Thống nhất - thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy.
- Kịp thời - kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội.

Nghị quyết Hội nghị còn quyết định nhiều vấn đề khác như: ngoại giao, tuyên truyền cổ động, nhiệm vụ kinh tế...

Tham dự Hội nghị toàn quốc của Đảng tháng 8-1945 tại Tân Trào (Tuyên Quang) - Thủ đô của Khu giải phóng, đồng chí Võ Nguyên Giáp được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Ủy viên dự khuyết) và là thành viên của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, do Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp phụ trách.

Ngày 16-8-1945, tại đình Tân Trào, Đại hội quốc dân được tổ chức với sự tham dự của hơn 60 đại biểu, đại diện cho các đảng phái, đoàn thể, dân tộc, tôn giáo và kiều bào nước ngoài. Đại hội đã quyết định thành lập Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, gồm các thành viên: đồng chí Hồ Chí Minh - Chủ tịch, đồng chí Trần Huy Liệu - Phó Chủ tịch. Các ủy viên gồm: Nguyễn Lương Bằng, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền, Chu Văn Tấn, Nguyễn Văn Xuân, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Hữu Đang. Ủy ban đã cử ra Ban Thường trực gồm các đồng chí: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng, Dương Đức Hiền¹.

1. Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước: *Phạm Văn Đồng - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.96-97.

Dự Đại hội quốc dân Tân Trào, Đại hội của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự chủ trì của lãnh tụ Hồ Chí Minh, chứng kiến Đại hội cử ra Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và lập ra Ban Thường trực, Võ Nguyên Giáp đã viết: “Thật là một hội nghị long trọng chưa từng có trong lịch sử cách mạng Việt Nam”.

Để tạo điều kiện Tổng khởi nghĩa kịp thời, khẩn trương, theo quyết định của Đại hội quốc dân Tân Trào, Ủy ban Giải phóng dân tộc giao toàn quyền chỉ huy cho Ủy ban khởi nghĩa. Thay mặt Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc và nhận nhiệm vụ trước Đại hội quốc dân và Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam, chiều ngày 16-8-1945, bên cạnh cây đa Tân Trào, đồng chí Võ Nguyên Giáp (tức Văn), tập hợp bộ đội Việt Nam Giải phóng quân, đọc Quân lệnh số 1, giao nhiệm vụ và thể quyết tâm thực hiện chủ trương của Đảng hành quân về giải phóng thị xã Thái Nguyên, một vị trí quan trọng nổi căn cứ địa Việt Bắc với vùng trung du, đồng bằng châu thổ sông Hồng để tiến về giải phóng Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Sáng ngày 17-8-1945, Ủy ban Giải phóng dân tộc làm lễ tuyên thệ trước đình Tân Trào. Lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban Giải phóng dân tộc, hướng lên lá cờ đỏ sao vàng tuyên thệ: “Chúng tôi là những người được

quốc dân đại biểu bầu vào Ủy ban Giải phóng dân tộc để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước. Xin thề!”¹. Các thành viên của Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam đã đồng thanh hô to ba lần “Xin thề”.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp nhận nhiệm vụ cùng Giải phóng quân tiến về phía nam, đồng chí Song Hào về phía Tuyên Quang để lãnh đạo nhân dân cướp chính quyền các tỉnh phía tây.

Ngày 18-8-1945, Chủ tịch Ủy ban Giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh qua đài vô tuyến của người Mỹ ở Tân Trào và Côn Minh gửi thông điệp cho các nước trong phe Đồng minh và Chính phủ Pháp, nêu đề nghị quốc tế ủng hộ nền độc lập của Việt Nam. Riêng đối với Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ 5 điểm: 1- Chính phủ Pháp công nhận Chính phủ Việt Minh; 2- Việt Minh công nhận quyền của Pháp ở Việt Nam trong vòng từ 5 năm đến 10 năm, sau đó Chính phủ Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam; 3- Trong vòng 5 - 10 năm đó,

1. Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.134.

Việt Nam hưởng quyền tự trị đối nội; 4- Chính phủ Pháp hưởng quyền ưu đãi trong kỹ nghệ và thương mại ở Việt Nam; 5- Chính phủ Việt Nam có thể để người Pháp làm cố vấn về ngoại giao¹.

Ngày 19-8-1945, trong khi Ủy viên Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc phụ trách quân sự Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy trận chiến đấu bằng lực lượng quân sự và ngoại giao với quân Nhật để giải phóng Thái Nguyên, thì Hà Nội - thủ phủ Đông Dương thuộc Pháp và Nhật, đã Tổng khởi nghĩa giành chính quyền với một tinh thần chủ động, sáng tạo và thành công độc đáo. Tổng Bí thư Trường Chinh từ Tân Trào về xuôi đi qua thị xã Thái Nguyên, vào nhà bưu điện thị xã, nơi đặt Sở Chỉ huy của Giải phóng quân Việt Nam để gặp Võ Nguyên Giáp. Cũng thời điểm đó, ba cán bộ Hà Nội do đồng chí Nguyễn Khang trong Ủy ban cách mạng thành phố phái lên Thái Nguyên gặp Trung ương. Các đồng chí báo cáo với Tổng Bí thư Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp: Hà Nội đã giành chính quyền thắng lợi, đề nghị Trung ương về Hà Nội để lãnh đạo cách mạng cả nước và giải quyết nhiều công việc khẩn cấp. Tổng Bí thư Trường Chinh đề nghị đồng chí Võ Nguyên Giáp cử cán bộ chỉ huy và một đội quân lên Tân Trào báo cáo

1. Xem Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.134.

với lãnh tụ Hồ Chí Minh và đón Người về Hà Nội. Cũng theo đề nghị của Tổng Bí thư, ngày 20-8-1945, Võ Nguyên Giáp ra lệnh để lại Thái Nguyên một lực lượng quân đội làm nhiệm vụ bao vây, gửi tối hậu thư của Ủy ban khởi nghĩa và Giải phóng quân Việt Nam do Võ Nguyên Giáp ký tên, cho một thiếu tá quân đội Nhật kêu gọi chúng đầu hàng, còn đồng chí và đại bộ phận bộ đội sẽ gấp rút tiến về Hà Nội.

Trước khi về xuôi, chiều ngày 20-8-1945, Võ Nguyên Giáp tới dự cuộc mít tinh của đồng bào ở sân vận động do Việt Minh tỉnh Thái Nguyên tổ chức, tuyên bố bãi bỏ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng lâm thời. Võ Nguyên Giáp chỉ thị hai chi đội Giải phóng quân do các chỉ huy Đàm Quang Trung và Lâm Kính lên đường đi trước.

Sáng ngày 21-8-1945, Võ Nguyên Giáp cùng một đơn vị Giải phóng quân theo đường 3 về xuôi. Mấy ngày đó mưa to, nước thượng nguồn dồn về, dề võ, nước lũ ngập mênh mông, tới Thị Cầu (Bắc Ninh) đoàn người phải đi thuyền. Ngày hôm sau, đến Gia Lâm, qua cầu Long Biên trước cảnh tượng nước sông Hồng dâng cao, sóng cuộn đục ngầu, đứng lặng trên cầu nhìn vào nội đô cờ đỏ sao vàng rợp trời, Võ Nguyên Giáp lòng bồi hồi xúc động. Thấm thoát đã 5 năm trôi qua, anh Văn nhớ lại một chiều thứ sáu, tháng 5-1940, bên Hồ Tây, đoạn đường Cổ Ngư phía chùa Trấn Vũ, anh

chia tay người vợ Nguyễn Thị Quang Thái và con gái Hồng Anh chưa đầy tuổi, để thực hiện quyết định khẩn cấp của Trung ương Đảng, cùng anh Phạm Văn Đồng bí mật lên biên giới, sang Trung Quốc tìm gặp Nguyễn Ái Quốc.

Ngày 22-8-1945, Võ Nguyên Giáp về đến Hà Nội, cùng Trung ương Đảng và Chính phủ tiến hành các thủ tục cần thiết để tuyên bố lập quốc và giải quyết các công việc bộn bề của đất nước trước tình hình trong nước và thế giới có những thay đổi quan trọng.

Chương III

**THAM GIA LÃNH ĐẠO CÙNG CỐ
CHÍNH QUYỀN, GIỮ VỮNG
THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC DÂN CHỦ
NHÂN DÂN (1945 - 1946)**

1. Tham gia lãnh đạo cùng cố chính quyền

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra dưới hình thức Tổng khởi nghĩa toàn dân, tiến hành đồng thời, nhất loạt và giành thắng lợi vẻ vang trong cả nước. Cách mạng Tháng Tám thành công, xóa bỏ ách thống trị gần một thế kỷ của thực dân Pháp, tiếp đến là phát xít Nhật, đồng thời chấm dứt sự tồn tại hàng nghìn năm của chế độ phong kiến, đem lại độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Nhân dân ta từ địa vị nô lệ, vươn lên trở thành người chủ đất nước, tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, hai năm 1945 - 1946 là thời kỳ vô cùng khó khăn, phức tạp

của đất nước. Yêu cầu cách mạng nước ta đặt ra là nhanh chóng tuyên bố thành lập nước, tổ chức ra mắt Chính phủ cách mạng lâm thời của nước Việt Nam mới, chăm lo đời sống nhân dân, giải quyết nạn đói, chống giặc ngoài, thù trong, bảo vệ nền độc lập dân tộc, chính quyền dân chủ nhân dân, chuẩn bị lực lượng để tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Vượt qua những khó khăn, thách thức nghiêm trọng trong thời kỳ này để đưa cách mạng tiến lên là sự nghiệp to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của Trung ương, Chính phủ và Mặt trận Việt Minh, trong đó có vai trò đóng góp quan trọng của Võ Nguyên Giáp - người học trò và là người chiến sĩ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chèo lái con thuyền cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trở về Hà Nội lần này trong những ngày đầu cách mạng thắng lợi, tin tức khắp nơi liên tiếp báo về Trung ương, nỗi buồn thương tiếc vợ và chưa biết tin con không ngăn được niềm xúc cảm vui sướng trong lòng anh trước sự đổi thay của đất nước. Sau này, Võ Nguyên Giáp đã viết: “Nhìn quang cảnh nước nhà đổi thay, nhân dân vừa thoát ách đau thương của gần một trăm năm bị đô hộ, nô nức đón chào ngày giải phóng dân tộc, vui sướng trào lên trong lòng chúng tôi, mừng muồn ứa nước mắt”¹.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.238.

Các đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp và một số đồng chí Trung ương, lúc đầu được bố trí ở một căn nhà tại phố Hàng Đào. Chiều ngày 24-8-1945, được tin Hồ Chí Minh đã về đến làng Gạ¹, tổng Phú Thượng, ngoại thành Hà Nội, Võ Nguyên Giáp mới thật sự yên tâm. Bởi vì, đồng chí Trường Chinh từ Thái Nguyên về đến Hà Nội gặp đồng chí Nguyễn Khang, Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội và được báo cáo tình hình an ninh thành phố bảo đảm, Tổng Bí thư liền cử cán bộ đi đón Người về thành phố. Nguyễn Văn Trân đi đón theo hướng lên Bắc Giang; Lê Đức Thọ đi đón hướng Phúc Yên, nhưng cả hai đều không gặp Người. Sau đó mới biết: sáng ngày 22-8-1945, Người rời Tân Trào, theo đường Đèo Khế - Cù Vân về Đại Từ, rồi đi xe ô tô do Trần Đăng Ninh lên đón về Thái Nguyên. Sáng ngày 23-8-1945, Người qua hướng Đa Phú². Đường ngập lụt không thể đợi lâu, đồng chí Trần Đăng Ninh tìm thuyền đưa Người về bến Phúc Xá, từ đó, đồng chí Hoàng Tùng, cán bộ địa phương đưa Người về làng Gạ, ở nhà ông Công Ngọc Kha (tức Trần Lộc). Người chỉ thị cho Trần Đăng Ninh về Hà Nội trước.

1. Nay là làng Phú Gia, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội.

2. Túc Sóc Sơn, Hà Nội ngày nay.

Chiều ngày 24-8-1945, các đồng chí Trần Đăng Ninh, Võ Nguyên Giáp lên Phú Gia gặp Hồ Chí Minh báo cáo tình hình Hà Nội và khởi nghĩa giành chính quyền ở kinh đô Huế cùng nhiều địa phương. Chăm chú nghe Trần Đăng Ninh, Võ Nguyên Giáp báo cáo, Hồ Chí Minh nhận xét rằng, các đồng chí Hà Nội lãnh đạo khởi nghĩa đã vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng vào tình hình, đặc điểm của thành phố, nắm bắt đúng thời cơ, sử dụng lực lượng chính trị áp đảo của nhân dân, nên giành thắng lợi nhanh gọn, hầu như không đổ máu. Hà Nội đã thành lập được Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời do đồng chí Trần Quang Huy làm Chủ tịch. Kinh nghiệm của Hà Nội cần phải được phổ biến, nhân rộng nhiều nơi. Các đồng chí báo một tin quan trọng cho Bác là hai ngày trước đó, ngày 22-8, một nhóm sĩ quan Mỹ do Archimedes Patti chỉ huy, ngoài ra còn có một nhóm sĩ quan Pháp do Jean Sainteny cầm đầu, đi trên một máy bay của Mỹ, từ Vân Nam vượt biên giới Việt Nam - Trung Quốc đến sân bay Gia Lâm. Khi máy bay lượn vòng trên châu thổ sông Hồng mệnh mông nước lũ, J.Sainteny ngó xuống Hà Nội thấy một màu cờ đỏ sao vàng, liền mạng đáp xuống sân bay Gia Lâm, tiếp đất và máy bay bốc lên cao quay trở lại Côn Minh. Vừa xuống sân bay, Sainteny và những người cùng đi bị lính Nhật bắt đưa về khách sạn Metropole nhốt cùng những người Pháp

bị giữ tại đó từ sau cuộc đảo chính ngày 9-3-1945 của Nhật. Nhận biết qua bộ quần áo nhà binh Pháp và được cơ sở bí mật thông báo, lập tức nhân dân Hà Nội kéo đến bao vây khách sạn phản đối kịch liệt. Lính Nhật buộc phải đưa Sainteny và những người cùng đi đến Phủ Toàn quyền, có lính Nhật canh gác bên ngoài. Báo cáo khẩn với cấp trên qua điện đài ngay tối hôm đó và sau này kể trong hồi ký, Sainteny viết: “Hà Nội chỉ có một màu cờ. Dọc các đường phố từ bờ Hồ Gươm đến Phủ Toàn quyền, có rất nhiều băng lớn căng ngang bên trên bằng tiếng Anh, tiếng Hoa, thỉnh thoảng có cả tiếng Nga: Độc lập hay là chết! Nước Việt Nam của người Việt Nam! Đả đảo thực dân Pháp!”¹.

Tin này làm cho Hồ Chí Minh chú ý và chỉ thị cho Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh nhắc lãnh đạo thành phố Hà Nội cần hết sức cảnh giác và sớm tiếp xúc với nhóm người Mỹ để xem thái độ của Đồng minh đối với việc quân Pháp chuẩn bị trở lại Đông Dương như thế nào. Võ Nguyên Giáp và lãnh đạo Hà Nội đã có buổi đến gặp Thiếu tá Patti tại khách sạn Metropole và đã biết được âm mưu của Pháp.

Chiều ngày 25-8-1945, Tổng Bí thư Trường Chinh lên Phú Gia đón Bác Hồ vào nội thành Hà Nội. Xe đưa

1. Phan Quang: “Lễ Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945: “Một cuộc biểu dương lực lượng tuyệt vời””, <http://dantri.com.vn>.

Bác qua Nhật Tân, Yên Phụ, Hàng Đậu, Hàng Giấy, Hàng Đường rồi dừng trước cửa sau số 35 Hàng Cân là nhà ông Trịnh Văn Bô, một tư sản dân tộc yêu nước và là cơ sở cách mạng của Đảng trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền. Lần đầu tiên trong đời đến Hà Nội giữa mùa thu cách mạng, đã qua mấy chục năm trời mơ ước và kiến tạo, Hồ Chí Minh rất xúc động, tự hào. Trong những ngày ấy, với quan điểm chính trị sâu sắc của một người cộng sản đặt lên trên hết lợi ích tối cao là độc lập dân tộc, kinh nghiệm hoạt động chính trị dày dặn, tâm hồn rộng mở, trí tuệ thăng hoa, lòng tự hào dân tộc và tình cảm sâu đậm đồng chí, đồng bào được phát huy cao độ, Người đã viết bản *Tuyên ngôn độc lập* bất hủ tại tầng lầu của ngôi nhà ấy. Trong Hồi ký nhớ lại những ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, Trường Chinh viết: “Ở gác 2 nhà số 48 Hàng Ngang, bên cửa sổ rực rỡ ánh nắng thu, Bác ngồi trên chiếc ghế bành phủ vải trắng, cạnh chiếc bàn tròn, say sưa thảo bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử. Bác nói, trong đời hoạt động của mình, Bác đã viết nhiều, nhưng đến bây giờ mới viết được bản Tuyên ngôn như vậy”¹.

Sáng ngày 26-8-1945, Võ Nguyên Giáp cùng một số ủy viên Trung ương và lãnh đạo Tổng bộ Việt Minh, dự cuộc họp mở rộng của Ban Thường vụ Trung ương do

1. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh chủ trì. Người tán thành những chủ trương, chính sách đối nội, đối ngoại và nhấn mạnh chính sách đoàn kết rộng rãi trong tình hình mới của Ban Thường vụ Trung ương. Người đề nghị mở rộng thành phần Chính phủ lâm thời hơn nữa, bao gồm những thành viên đại biểu các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ tiến bộ có danh vọng không thuộc đảng phái. Phải sớm chọn một ngày tổ chức cuộc mít tinh lớn tại Hà Nội để Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân và ngày đó nước Việt Nam chính thức tuyên bố quyền độc lập và thiết lập chính thể cộng hòa dân chủ. Trung ương và Mặt trận Việt Minh nhất trí đề nghị Người làm Chủ tịch Chính phủ lâm thời mở rộng. Một số thành viên trong Ủy ban Giải phóng dân tộc là người của Đảng, Mặt trận Việt Minh, trong đó có đồng chí Nguyễn Lương Bằng tự nguyện xin rút để nhường chỗ cho những nhân sĩ yêu nước chưa tham gia Mặt trận Việt Minh vào Chính phủ. Hồ Chí Minh rất hoan nghênh cử chỉ cao đẹp đó.

Hồ Chí Minh dành thời gian tiếp một số nhân sĩ được mời tham gia thành viên và cố vấn Chính phủ. Bác sĩ Trần Duy Hưng là một nhân sĩ yêu nước, tiến bộ được Người và Ban Thường vụ Trung ương đề nghị làm Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội thay cho đồng chí Trần Quang Huy, suốt từ đó và nhiều năm về sau.

Ngày 28-8-1945, danh sách Chính phủ cách mạng lâm thời mở rộng được công bố trên báo chí và đài phát

thanh. Ngày đó cũng được coi là ngày thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời mở rộng. Chính phủ cách mạng lâm thời có 13 bộ, 15 thành viên Chính phủ, gồm 8 người thuộc Đảng Cộng sản Đông Dương, 2 người thuộc Đảng Dân chủ và 5 người không đảng phái¹. Trong đó Hồ Chí Minh - Chủ tịch Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Nội vụ, kiêm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Cựu hoàng đế Bảo Đại và Giám mục Lê Hữu Từ được mời làm Cố vấn tối cao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam do Việt Minh, Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh lập ra trên cơ sở cải tổ Ủy ban Giải phóng dân tộc do Đại hội quốc dân Tân Trào (Tuyên Quang) bầu ra. Võ Nguyên Giáp nay đã trở thành Bộ trưởng nắm

1. Danh sách gồm: 1- Chủ tịch nước kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hồ Chí Minh; 2- Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp; 3- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Chu Văn Tấn; 4- Bộ trưởng Bộ Thông tin Tuyên truyền Trần Huy Liệu; 5- Bộ trưởng Bộ Thanh niên Dương Đức Hiền; 6- Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc gia Nguyễn Mạnh Hà; 7- Bộ trưởng Bộ Quốc gia giáo dục Vũ Đình Hòe; 8- Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Trọng Khánh; 9- Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch; 10- Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính Đào Trọng Kim; 11- Bộ trưởng Bộ Lao động Lê Văn Hiến; 12- Bộ trưởng Bộ Tài chính Phạm Văn Đồng; 13- Bộ trưởng Bộ Cấu tế xã hội Nguyễn Văn Tố; 14- Bộ trưởng không bộ Cù Huy Cận; 15- Bộ trưởng không bộ Nguyễn Văn Xuân.

giữ một bộ quan trọng thứ hai là Bộ Nội vụ và là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lúc đó Võ Nguyên Giáp vừa tròn 34 tuổi. Anh đã trưởng thành vượt bậc trong cuộc đời hoạt động cách mạng, đặc biệt thời kỳ Cách mạng Tháng Tám. Georges Boudarel tác giả cuốn sách *Võ Nguyên Giáp*, gọi Võ Nguyên Giáp là “nhà chính khách” từ năm 1945.

Ngày 2-9-1945 là một ngày trọng đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, hàng chục vạn đồng bào Thủ đô và các tỉnh lân cận cùng các đơn vị vũ trang, tự vệ đội ngũ chỉnh tề dưới rừng cờ đỏ sao vàng chào đón Trung ương, Chính phủ và lãnh tụ Hồ Chí Minh. Tại lễ ra mắt Chính phủ lâm thời, trước cuộc mít tinh của đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* đã được chuẩn bị kỹ lưỡng và thông qua Ban Thường vụ Trung ương, Tổng bộ Việt Minh lần cuối vào ngày 30-8-1945. Bản *Tuyên ngôn độc lập* tố cáo và lên án mạnh mẽ những tội ác của thực dân Pháp, phát xít Nhật và chế độ phong kiến Nam triều làm tay sai cho đế quốc thực dân; khẳng định quyền độc lập tự do của nước Việt Nam. Người đồng đọc tuyên bố: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân

tộc đó phải được độc lập!”¹. “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”². Thật hiếm có một bản *Tuyên ngôn* nào lập luận chặt chẽ, hết sức thuyết phục và thấm sâu vào tâm khảm nhân dân về quyền tự do, độc lập của nước Việt Nam như bản *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với bản *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh đã khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở phương Đông.

Tiếp đó, toàn thể thành viên trong Chính phủ lâm thời làm lễ tuyên thệ nhậm chức. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đã phát biểu tình hình trong nước và chính sách của Chính phủ. Năm được âm mưu của bọn đế quốc, nhất là Pháp, thay mặt Chính phủ lâm thời, Bộ trưởng kêu gọi nhân dân cảnh giác với kẻ thù đang âm mưu tiêu diệt chính quyền nhân dân non trẻ³. Võ Nguyên Giáp nói: “Mưu mô xâm lăng của đế quốc Pháp

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.3.

3. Ngày Chủ nhật 26-8-1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng với Dương Đức Hiền, Khuất Duy Tiến đã đến tiếp xúc với Thiếu tá A. Patti chỉ huy Phái bộ OSS của Mỹ ở khách sạn Metropole, Hà Nội, chất vấn về việc một nhóm người Pháp do Thiếu tá tình báo J. Sainteny cầm đầu có mặt ở Hà Nội vào tháng 8-1945.

đang đe dọa chúng ta, nhưng với sự đoàn kết, hy sinh của toàn dân..., chúng ta tin là chúng ta sẽ thắng. Và nhất định chúng ta sẽ đập nát tất cả những cùm xích mà bọn xâm lược chực đeo vào cổ dân tộc ta một lần nữa”¹. Đồng thời cảnh cáo chính quyền Pari: “nên biết điều mà công nhận quyền độc lập hoàn toàn của ta. Bằng như họ định dùng võ lực xâm phạm đến đất nước ta thì ta sẽ rỏ đến giọt máu cuối cùng để chống lại họ. Và chắc chắn là họ sẽ thất bại đau đớn”². Kết thúc bài phát biểu trước cuộc mít tinh, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp nói: “Noi theo truyền thống của các thế hệ trước, thế hệ chúng ta sẽ đánh “một trận cuối cùng” để cho những thế hệ sau này mãi mãi được sống với độc lập, tự do, hạnh phúc”³.

Tiếp theo, Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ lâm thời và là Bộ trưởng Bộ Thông tin Tuyên truyền Trần Huy Liệu báo cáo trước đồng bào và Chính phủ về việc tiếp nhận thoái vị của vua Bảo Đại, ấn kiếm của triều đình nhà Nguyễn.

Thay mặt Tổng bộ Việt Minh, Nguyễn Lương Bằng phát biểu trước cuộc mít tinh, kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết một lòng, bảo vệ và xây dựng nền độc lập mới giành được.

1, 2, 3. Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam: *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, t.1 (1945 - 1955), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.334, 340, 337.

Kết thúc lễ tuyên thệ, và như để tổng kết các ý kiến của Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Trần Huy Liệu và các vị đại biểu, thành viên của Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính cáo thêm với đồng bào:

“Thưa quốc dân đồng bào, trong cuộc mít tinh này, Chính phủ ra mắt quốc dân, quốc dân trông thấy Chính phủ... Của quý nhất của quốc dân, của thế giới là sự độc lập. Giờ đây, chúng ta đã được độc lập rồi, chúng ta phải cố giữ gìn lấy... Bất kỳ già, trẻ, gái, trai, đủ các tầng lớp trong xã hội đều phải nhất tâm đoàn kết. Xin đồng bào chớ tưởng rằng thế này là đã thái bình đâu. Để đi tới ngày thái bình hẳn, còn phải trải qua nhiều gian lao, khổ sở. Ta phải sẵn sàng vượt qua những bước khó khăn. Hôm nay, đồng bào đã tỏ chí khí kiên quyết ấy để giúp cho Chính phủ. Sau này, sẽ còn có những cuộc khấn chúc thắng lợi to nữa”¹.

Đồng bào dự mít tinh bày tỏ lòng quyết tâm ủng hộ Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Những lời thề: “Cùng Chính phủ giữ nền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược, dù có phải chết cũng cam lòng”. Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa, thì xin thề: “Không đi lính cho Pháp, không làm

1. Báo *Dân thanh*, ngày 4-9-1945, trích theo Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.144.

việc cho Pháp, không bán lương thực cho Pháp, không đưa đường cho Pháp”, vang dội cả quảng trường Ba Đình. Trong khoảnh khắc đó, từ bên trong Phủ Toàn quyền Đông Dương - “chiếc cối sắt mạ vàng” - như lời của J. Sainteny, những người Pháp đang theo dõi lễ Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và mưu tính những bước đi tiếp.

2. Trực tiếp đương đầu và tham gia lãnh đạo giải quyết những nhiệm vụ cấp bách, những thách thức nghiêm trọng

Sau ngày tuyên bố độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân vừa mới ra đời đã phải đương đầu với một tình thế cực kỳ nghiêm trọng.

Ở miền Bắc, gần 20 vạn quân Tưởng lấy danh nghĩa thực hiện quyết định của phe Đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân Nhật đầu hàng¹, từ nửa đầu tháng 9-1945 đã ồ ồ kéo vào chiếm đóng nhiều nơi và cả ở Hà Nội. Đối phó với quân Tưởng tràn vào nước ta là

1. Tại Hội nghị Potsdam (tháng 7-1945), Đồng minh đã quyết định chia Đông Dương thành hai khu vực để tiến vào tước vũ khí quân đội Nhật khi phát xít Nhật đầu hàng. Việc giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào do quân Anh phụ trách; từ vĩ tuyến 16 trở ra, sẽ do quân đội Tưởng Giới Thạch chịu trách nhiệm. Nhân dân Việt Nam không được hỏi ý kiến. Mỹ cũng gây áp lực gạt Pháp ra ngoài.

một việc khó khăn lớn. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biết rõ dã tâm của bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa. Chúng âm mưu lật đổ chính quyền Việt Minh để thay thế bằng tay sai của chúng. Ngay sau khi Nhật đầu hàng, Hà Ứng Khâm, Tổng tham mưu trưởng quân đội Quốc dân Đảng Trung Hoa, một nhân vật chống cộng sản Trung Quốc khét tiếng, đã hối thúc Lư Hán tuyển mộ binh lính, điều quân vào miền Bắc Việt Nam cho thật nhanh để thực hiện kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” đã chuẩn bị từ trước. Quốc dân Đảng tin rằng đây là một cơ hội rất thuận lợi để thôn tính Việt Nam, ít nhất cũng đặt được từ vĩ tuyến 16 nước ta trở ra một chính quyền tay sai ngoan ngoãn thực hiện mọi chỉ thị của chúng. Chúng sắp sẵn những tên tay sai người Việt ở Trung Hoa không có liên hệ gì với phong trào trong nước, thuộc các tổ chức “Việt Nam Cách mạng đồng minh hội” (Việt Cách) và “Việt Nam Quốc dân Đảng” (Việt Quốc), như Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh..., bám chân quân Tưởng về nước. Họ tự nhận là “những người Việt Nam yêu nước theo chủ nghĩa quốc gia”, nhưng thực ra là một bọn phản động dựa vào quân Tưởng để mưu lợi riêng.

Quân Tưởng Giới Thạch vào Việt Nam gồm 4 quân đoàn lính trung ương và lính địa phương ô hợp, đói khát, mang bệnh phù thũng, đến đâu cũng xoay ăn, phá phách, quấy nhiễu. Chúng đã giúp bọn phản động lật đổ chính quyền cách mạng ở một số nơi, đòi ta phải cấp cho

quân lính của chúng gạo, tiền, nhà ở. Nguyễn Hải Thần bám theo đoàn quân Tưởng đói khát rêu rao 13 điều thảo phạt, nhằm dăng nước ta cho Quốc dân Đảng Trung Hoa. Bọn Việt Cách, Việt Quốc dựa thế quân Tưởng rải truyền đơn ngang nhiên đòi loại bỏ các bộ trưởng là đảng viên cộng sản, đòi thay quốc kỳ, quốc ca, giải tán Chính phủ Việt Minh và láo xược đòi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chức. Nhân dân ta rất căm tức bọn chúng. Một số nơi va chạm vũ lực đã diễn ra. Tuy nhiên, lúc này Chính phủ lâm thời Việt Nam nhận thấy cần phải hòa hoãn với chúng, phải khôn khéo và tìm mọi cách tránh xung đột. Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập đang cần có thời gian để củng cố và xây dựng lực lượng. Khẩu hiệu tuyên truyền đề ra lúc này của ta là “Hoa - Việt thân thiện”.

Ở miền Nam Việt Nam, Mỹ và Anh đã nuốt lời hứa trong bản Hiến chương Đại Tây Dương (ngày 14-8-1941), trong đó đề cập “tôn trọng tất cả mọi dân tộc được chọn hình thức chính quyền lãnh đạo”. Ngay sau khi nhân dân Việt Nam tiến hành thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, được Mỹ hậu thuẫn, quân đội Anh kéo đến Sài Gòn mượn tiếng tước vũ khí quân Nhật, thật ra là để giúp quân Pháp quay lại cướp nước ta. Chưa đầy một tháng sau khi nhân dân Nam Bộ giành chính quyền, ngày 22-9, tướng Gracey chỉ huy quân Anh ở Sài Gòn lấy cớ duy trì trật tự thành phố đã ra lệnh cấm báo chí, thiết quân luật và đòi kiểm soát lực

lượng công an, cảnh sát thành phố Sài Gòn để chuẩn bị cho quân Pháp gây hấn. Ngày 23-9-1945, được quân Anh đi trước mở đường, quân Pháp đã nổ súng xâm lược miền Nam. Trên đất nước Việt Nam cả phía Bắc và phía Nam, chưa bao giờ như lúc này có nhiều loại kẻ thù bên ngoài và bên trong bao vây cách mạng, dồn ép chính quyền dân chủ nhân dân vào một tình thế ngàn cân treo sợi tóc.

Trong khi bọn đế quốc, phản động quốc tế tập trung lực lượng, sức mạnh vũ khí bao vây, tiến công tứ phía chính quyền cách mạng non trẻ, thì các tổ chức, đảng phái phản động trong nước: “Việt Quốc”, “Việt Cách”, “Đại Việt”, “Phục Quốc”..., ra sức hoạt động tuyên truyền, khủng bố chống phá chính quyền cách mạng của nhân dân. Chúng vu cáo, khiêu khích, chia rẽ, xúi giục những người chống đối chính quyền cách mạng, bắt cóc thủ tiêu cán bộ Việt Minh để gây hoang mang, tổ chức biểu tình, mít tinh bạo loạn. Lợi dụng tình hình đó, bọn torốt xít mượn danh cách mạng đầu lười ra mặt công kích Đảng ta và Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa ra những luận điệu quá khích để chia rẽ lực lượng cách mạng, gây hoang mang trong cán bộ và nhân dân ta.

Tình hình kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội nước ta ngay sau khi nhân dân ta giành được chính quyền là những con số không. Hậu quả nạn đói khủng khiếp làm chết hơn 2 triệu người diễn ra cuối năm 1944, đầu năm

1945 kéo dài chưa dứt, còn tiếp tục có người chết đói, thì lại xảy ra nạn lụt lớn ở Bắc Bộ trong tháng 8, làm vỡ đê ở 9 tỉnh, tàn phá vụ mùa, tài sản của nhân dân. Tháng 10 là tháng đỉnh điểm của khô hạn ở vùng châu thổ sông Hồng. Mùa hè, mùa thu nước quá nhiều, mùa đông nước không đủ và vì cuối vụ, nên không thể gieo cấy, trồng trọt hoa màu. Tính sơ bộ cũng cho thấy cuối năm 1945 thiếu khoảng 500.000 tấn lúa cho nhân dân miền Bắc. Đó là nông nghiệp. Còn công nghiệp, nhiều xí nghiệp hiện nằm trong tay bọn chủ thực dân, một bộ phận giai cấp công nhân bị bọn chủ tiếp tục bóc lột. Nguyên liệu thiếu, sản xuất đình đốn, hàng hóa khan hiếm, đắt đỏ. Hàng triệu người không có việc làm, đời sống rất khó khăn. Nguy cơ nạn đói tiếp tục đe dọa nhân dân ta.

Tài chính nước nhà khánh kiệt, ngân hàng, kho bạc trống rỗng. Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản kho bạc Đông Dương của Pháp từ tay người Nhật đã trống rỗng, chỉ còn vền vện hơn một triệu đồng tiền giấy bạc Đông Dương, trong đó hơn một nửa tiền rách không lưu hành được. Chính quyền của chế độ thuộc địa còn để lại món nợ khổng lồ 500 triệu đồng. Quân Tưởng yêu sách Chính phủ ta cấp gạo, tiền cho chúng và tung tiền “quan kim”, “quốc tệ” mất giá ở Trung Hoa, đưa vào lưu hành ở nước ta làm phá giá đồng bạc Đông Dương.

Chế độ cũ để lại cho nước ta một tình trạng văn hóa, giáo dục hết sức lạc hậu. Một đất nước 25 triệu dân mà

hơn 95% số dân mù chữ, tức là xấp xỉ 24 triệu người không biết đọc, biết viết. Trường học, bệnh viện ít hơn số lượng nhà tù, trại giam. Nhiều bệnh dịch, bệnh xã hội lây nhiễm hoành hành trong nước, nặng nề nhất là ở miền Bắc và miền Trung Việt Nam.

Tình hình đó là những thử thách nặng nề nghiêm trọng đối với Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam. Đảng và Chính phủ phải giải quyết những thách thức, khó khăn, phải đương đầu với những đối thủ mạnh để tự khẳng định vai trò của nước nhà trên trường quốc tế. Trung ương Đảng, Chính phủ lâm thời, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bình tĩnh, sáng suốt phân tích tình hình, dự kiến chiều hướng chính xác, đề ra đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, sáng tạo để đưa con thuyền cách mạng vượt qua những thác ghềnh. Biểu hiện của tính chủ động, sáng suốt trước tiên là trong việc sắp xếp cơ cấu thành phần chính phủ. Với tầm nhìn chính trị bao quát trong nước và thế giới, với chính sách ngoại giao rộng mở, linh hoạt, mềm dẻo, Hồ Chí Minh vừa là Chủ tịch nước vừa kiêm giữ nhiệm vụ Bộ Ngoại giao, Võ Nguyên Giáp nắm giữ Bộ Nội vụ và tham gia Bộ Quốc phòng.

Ngày 3-9-1945, Võ Nguyên Giáp dự cuộc họp Hội đồng Chính phủ phiên đầu tiên do Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập, chủ trì. Phiên họp được tổ chức tại ngôi nhà nguyên là Bắc Bộ phủ mà nhân dân Hà Nội đã chiếm được trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Phiên

hợp tiến hành rất khẩn trương, chỉ trong chưa đầy một ngày. Tổ rõ tính giản dị, khiêm tốn, cầu thị và thiết thực, mở đầu phiên họp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Sau tám mươi năm bị áp bức, bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính.

Nhưng điều đó không làm cho chúng ta lo ngại. Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công”¹.

Sau đó vị Chủ tịch Chính phủ phân tích những chính sách áp bức, bóc lột vô cùng dã man của chế độ thực dân, phong kiến, chỉ rõ những âm mưu mới của bọn đế quốc và phản động, những thuận lợi cơ bản và khó khăn trước mắt của nhân dân ta. Thay mặt Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ và nhân dân ta:

Một là, phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất. Trong khi chờ đợi ngô, khoai và những thứ lương thực phụ khác, phải ba, bốn tháng mới có, tôi đề nghị mở một cuộc lạc quyên. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.164-165.

chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

Hai là, mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ.

Ba là, tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu.

Bốn là, mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Năm là, bãi bỏ ngay thuế thân, thuế chợ, thuế dò và nghiêm cấm việc hút thuốc phiện.

Sáu là, tuyên bố tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết.

Hội đồng Chính phủ thảo luận nhất trí hoàn toàn những đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là những phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cấp bách của chính quyền cách mạng và nhân dân ta nhằm cấp thiết giải quyết những khó khăn trước mắt, tiếp tục đưa cách mạng tiến lên.

Sáu nhiệm vụ đó, về sau được Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết lại thành khẩu hiệu hành động: “chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm”. Đó là nội dung chủ yếu của phong trào yêu nước của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào ta ngay sau khi giành được chính quyền.

Chống giặc đói là nhiệm vụ cấp bách đầu tiên vì hoạt động của con người và hoạt động cách mạng, đời sống, tính mạng của cán bộ, nhân dân, trước hết phải có

cái ăn là lương thực, hoa màu. Biện pháp căn bản, tích cực nhất trước mắt và lâu dài là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất. Ủy ban Trung ương phụ trách sản xuất được thành lập. Bộ Kinh tế quốc gia ra thông tri quy định việc kê khai ruộng đất vắng chủ, ruộng công và ruộng tư nhân không làm hết để tạm cấp cho nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng cày cấy. Các ban khuyến nông được tổ chức khắp các địa phương. Bộ Kinh tế quốc gia của Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hà và Bộ Nội vụ của Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp được Chính phủ giao nhiệm vụ phụ trách trực tiếp. Nông dân được Chính phủ cho vay thóc giống, vay tiền, cấp thuốc phòng dịch cho trâu bò, tận dụng từng tấc đất tăng gia sản xuất. Chính phủ ra lệnh cấm xuất cảng gạo, ngô, đỗ; cấm dùng lương thực vào những công việc không cần thiết. Lời kêu gọi: “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!”¹ và việc thực hành nêu gương trước “*Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Dem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo*”² là một việc làm hết sức cảm động của vị nguyên thủ quốc gia - Chủ tịch Hồ Chí Minh, được nhân dân cả nước hưởng ứng. Phong trào lạc quyên, hũ gạo cứu đói được tổ chức khắp nơi. Sản xuất nông nghiệp được khôi phục, hoa màu được phát triển hơn

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.4, tr.135, 33.

trước, nạn đói được đẩy lùi. Đây là thắng lợi quan trọng nhất của Chính phủ lâm thời.

Thắng lợi của phong trào tăng gia sản xuất và cứu đói vừa có ý nghĩa kinh tế vừa có ý nghĩa chính trị to lớn. Ngăn chặn được nguy cơ nạn đói lan tràn, cứu sống hàng triệu người, đồng bào rất tin tưởng và sẵn sàng ủng hộ Đảng, Chính phủ.

Theo quyết nghị của Hội đồng Chính phủ, trong tháng 9-1945, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp thay mặt Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký nhiều sắc lệnh giải quyết khẩn cấp công việc trên nhiều lĩnh vực của đất nước:

Về kiến thiết nước nhà, ngày 4-9-1945, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 4/SL lập Quỹ Độc lập để “thu nhận các món tiền và đồ vật mà nhân dân sẵn lòng quyên giúp Chính phủ để ủng hộ nền độc lập của quốc gia”¹. Quỹ Độc lập Trung ương và Quỹ Độc lập ở các địa phương được lập ra thu nhận tiền và đồ vật chuyển về Trung ương ở Hà Nội dưới sự kiểm soát của Bộ Tài chính.

Về an ninh chính trị, ngày 5-9-1945, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 5/SL bãi bỏ cờ quẻ ly và ấn định Quốc kỳ Việt Nam; Sắc lệnh số 8/SL giải tán các đảng

1. Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III: *Sưu tập sắc lệnh của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.11.

phái phản động “Đại Việt Quốc dân Đảng”, “Đại Việt Quốc gia xã hội Đảng” vì tư thông với ngoại quốc để mưu tính những việc có hại cho độc lập của nước Việt Nam.

Về an ninh lương thực, ngày 5-9-1945, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 7/SL bãi bỏ tất cả thể lệ từ trước về buôn bán, chuyên chở, đầu cơ, tích trữ thóc gạo, quy định việc buôn bán, chuyên chở thóc gạo ở Bắc Bộ được hoàn toàn tự do. Chính phủ cần dùng bao nhiêu thóc gạo sẽ mua thẳng với tư gia; ngày 6-9-1945, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 9/SL về việc cho phép Chính phủ trưng thu những vật liệu ở các tư gia, tư sở ứng dụng vào những việc quan hệ hay khẩn cấp và được trả tiền theo thời giá.

Về bảo đảm quốc phòng, ngày 5-9, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 6/SL cấm nhân dân Việt Nam đăng lính, bán thực phẩm, dẫn đường, liên lạc, làm tay sai cho quân đội Pháp; ngày 7-9-1945, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 12/SL giao cho Nha Giám đốc Khoáng chất và Kỹ nghệ Việt Nam tổ chức và trông coi công việc sản xuất binh khí và đạn dược cần thiết cho quốc phòng. Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ kiêm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ thành lập Bộ Tổng tham mưu Quân đội cho đồng chí Hoàng Văn Thái, gồm các phòng: Tác chiến, Đồ bản, Tình báo, Thông tin liên lạc quân sự, Văn phòng cùng đội vệ binh và khẳng định: “Thế nào ta

cũng xây dựng được một ngành Tham mưu vững mạnh, tài cán, xứng đáng với dân tộc Việt Nam mưu trí, sáng tạo và anh hùng bất khuất”.

Về quyền tự do, dân chủ, ngày 7-9-1945, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 11/SL quy định về chế độ thuế khóa, bãi bỏ thuế thân, vì “thuế thân là một thứ thuế vô lý, trái ngược với chính thể cộng hòa dân chủ”¹. Ngày 8-9-1945, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 14/SL mở cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc dân đại hội (tức Quốc hội) theo lối phổ thông đầu phiếu. Sắc lệnh quy định: trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày ký sắc lệnh này sẽ mở cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc dân đại hội với số đại biểu ấn định là 300 người; tất cả công dân Việt Nam đều có quyền tuyển cử và ứng cử; Quốc dân đại hội có toàn quyền ấn định Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ tổng tuyển cử, Ủy ban khởi thảo Hiến pháp gồm 7 người. Ngày 10-9-1945, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 22/SL bãi bỏ việc “từ 12 giờ đêm đến 6 giờ sáng, không ai được đi lại trong các phố, trừ những người có giấy phép”. Ngày 10-9-1945, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 29/SL về việc bãi bỏ Nghị định ngày 15-12-1941 và Nghị định ngày 22-12-1941 của Toàn quyền Đông Dương bắt buộc

1. Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III: *Sưu tập sắc lệnh của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945*, Sdd, tr.20.

các tư nhân và pháp nhân thuộc quốc tịch các nước Hoa Kỳ, Hà Lan, Anh và thuộc địa tự trị của nước Anh phải kê khai tài sản có ở Đông Dương và đặt các tài sản ấy dưới quyền sai áp hành chính.

Về văn hóa, giáo dục, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 13/SL, ngày 8-9-1945 sáp nhập Trường Viễn Đông Bác cổ, nhà bảo tàng, thư viện công và các học viện vào Bộ Quốc gia Giáo dục; Sắc lệnh số 17/SL, ngày 8-9-1945 đặt ra một Bình dân học vụ trong cả nước và giao cho ông Nguyễn Công Mỹ làm Giám đốc Bình dân học vụ; Sắc lệnh số 19/SL, ngày 8-9-1945 trong vòng 6 tháng, làng nào, đô thị nào cũng phải thiết lập cho nông dân, thợ thuyền một lớp học bình dân học vụ buổi tối với số lượng 30 người; Sắc lệnh đặt ngạch Thanh tra học vụ, cử ông Đặng Thai Mai làm Tổng Thanh tra học vụ bậc trung học; ông Nguyễn Hữu Thảo làm Tổng Thanh tra học vụ bậc tiểu học; Sắc lệnh số 20/SL, ngày 8-9-1945 quy định “Việc học chữ quốc ngữ từ nay bắt buộc và không mất tiền cho tất cả mọi người”; Sắc lệnh số 21/SL, ngày 8-9-1945 cử ông Ngô Đình Nhu Giám đốc Nha Lưu trữ Công văn và Thư viện toàn quốc. Ngày 20-9, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 35/SL, quy định nhân dân phải tôn trọng đền, chùa, lăng tẩm, nhà thờ và tất cả những nơi có tính chất tôn giáo.

Về tài chính, Võ Nguyên Giáp ký Sắc lệnh số 25/SL, ngày 10-9-1945 cho phép Bộ Tài chính lấy tiền

ở Kho bạc ra khi cấp bách, nhưng phải theo đúng thể lệ, thủ tục. Sắc lệnh tạm giữ những luật lệ hiện hành của Sở Tổng Thanh tra muối, thuốc phiện và Sắc lệnh lập Sở Thuế quan và gián thu các Sở Thương chính Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ; cử ông Trịnh Văn Bính làm Tổng Giám đốc Sở Thuế quan và thuế gián thu.

Về y tế, Võ Nguyễn Giáp ký Sắc lệnh số 33/SL, ngày 13-9-1945 cử Bác sĩ Hoàng Tích Trí làm Thứ trưởng Bộ Y tế;

Về hành chính, tư pháp, Võ Nguyễn Giáp ký Sắc lệnh số 32/SL, ngày 13-9-1945 bãi bỏ ngạch quan chính và quan tư pháp.

Trong các tháng từ tháng 9 đến tháng 12-1945, Võ Nguyễn Giáp đã dự nhiều phiên họp Hội đồng Chính phủ bàn về lao động, tài chính, ngoại giao, xem xét thái độ thực dân Pháp, Quốc dân Đảng Trung Hoa, Mỹ và yêu sách của quân Nhật ở địa phương (ngày 21-9-1945); về đối thoại với tướng Lư Hán để dàn xếp việc quân đội Quốc dân Đảng vô cớ tước vũ khí của quân đội Việt Nam ở Sơn La, người Mỹ đề nghị giúp ta y tế, Chính phủ mở cửa lại Trường Đại học Việt Nam (ngày 22-9-1945). Bộ trưởng Bộ Nội vụ báo cáo tình hình quân Pháp chiếm đóng một số công sở, bắt một số nhân viên chính phủ và thiết quân luật ở Sài Gòn, quyết nghị phá đường xe lửa và đường bộ để chặn quân Pháp, thu xếp ổn thỏa việc ngoại giao với người Tàu (ngày 24-9-1945); về cứu đói chở gạo từ miền Nam ra miền Bắc và

đối phó với quân Pháp bằng cách ra một bản tuyên cáo cho Anh và Đồng minh và một bản tuyên cáo gửi toàn thể đồng bào trong nước và thế giới rằng nếu người Pháp trở lại xâm lược nước ta, thì chúng ta sẽ quyết chiến, cuộc chiến tranh sẽ diễn ra (ngày 25-9-1945). Chủ tịch Hồ Chí Minh thông báo rằng đã điện cho tướng Anh Gracey kháng nghị việc quân Pháp đánh Sài Gòn và gửi một bức thư hiệu triệu đồng bào Nam Bộ với tinh thần “Thà chết tự do hơn sống nô lệ”; xem xét về vấn đề tài chính, tư pháp và kinh tế (ngày 26-9-1945); về việc thỏa hiệp với Việt Cách tán thành chỉ định Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch Chính phủ, Trương Trung Phụng làm Tham nghị trưởng Bộ Quốc phòng; về quan hệ với người Pháp, tiếp Alexandri và gặp Lư Hán; về một số từ ngữ có tính chất can thiệp công việc nội trị của Việt Nam trong bản tuyên bố của Lư Hán ở lễ đầu hàng của quân đội phát xít Nhật (ngày 28-9-1945)...

Có thể thấy trong mấy tháng cuối năm 1945, Võ Nguyên Giáp với trọng trách công việc ở Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng đã làm việc rất khẩn trương trước sức ép của tình hình. Riêng đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, ngay sau đêm 23-9-1945, với tư cách phụ trách công tác quân sự của Đảng Cộng sản Đông Dương, Võ Nguyên Giáp chỉ thị cho Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái tổ chức gấp lực lượng chi viện cho miền Nam.

Vài ngày sau, đơn vị Nam tiến đầu tiên là một đại đội bộ đội Khu V đã vào tới cầu Bình Lợi (Sài Gòn). Tổng Tham mưu trưởng trực tiếp đến nhiều địa phương miền Bắc đón đố các tỉnh khẩn trương tổ chức lực lượng Nam tiến. Ngày 26-9-1945 đã có nhiều đơn vị Giải phóng quân rời ga tàu Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa, Vinh để vào Nha Trang (Khánh Hòa) tăng cường cho chiến trường Nam Bộ, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Quân Pháp nhanh chóng mở rộng phạm vi chiếm đóng. Ngày 5-10, tướng Leclerc đã đến Sài Gòn. Lực lượng Việt Minh rút khỏi đô thị về các vùng rừng rậm, đầm lầy và nông thôn Đồng Tháp Mười. Du kích phá các con đường để ngăn cản giặc. Tướng Leclerc đã thấy cuộc chiến sẽ kéo dài và tốn kém nên muốn “điều đình bằng mọi giá”. Nhưng Đô đốc Thierry d’Argenlieu vừa nhậm chức Cao ủy Pháp ở Đông Dương theo lệnh của tướng De Gaulle tỏ thái độ thực dân là phải xâm chiếm Việt Nam, Đông Dương bằng quân sự.

Trong bối cảnh giặc ngoài, thù trong đe dọa, để bảo đảm sự lãnh đạo và hoạt động tốt hơn của Trung ương Đảng, ngày 11-11-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “tự giải tán” và lập ra Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương, nhưng trên thực tế Đảng, Trung ương Đảng vẫn tồn tại. Ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”,

đề ra nhiệm vụ cho cách mạng Việt Nam là “phải củng cố chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”¹. Nhiều Ủy viên Trung ương Đảng nắm giữ vai trò chủ chốt trong Chính phủ. Đảng viên của Đảng vẫn hoạt động trong các lĩnh vực ở trung ương và các địa phương. Nhân dân tin ở Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều đó tạo ra áp lực mạnh mẽ đối với mọi kẻ thù: Pháp, Quốc dân Đảng Trung Hoa và bọn tay sai của chúng là Việt Cách, Việt Quốc. Tuy nhiên, giữa các kẻ thù sẽ có thỏa hiệp và dàn xếp mâu thuẫn. Trong Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận định: “trước sau, Trùng Khánh sẽ bằng lòng cho Đông Dương trở về tay Pháp, miễn là Pháp nhượng cho Tàu nhiều quyền lợi quan trọng”².

Theo kinh nghiệm và lời khuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ đảng, Mặt trận Việt Minh cần khai thác triệt để những mâu thuẫn trong nội bộ tướng tá quân Tưởng, giữa Tiêu Văn, Trương Phát Khuê, Chu Phúc Thành với Lư Hán; giữa Lư Hán với chính quyền Trung ương Quốc dân Đảng ở Trùng Khánh. Võ Nguyên Giáp đã thấu hiểu rõ được sự phát hiện sắc bén này của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.26-27, 25.

Để hạn chế những hoạt động của bọn phản cách mạng, cô lập bọn phản động đầu sỏ, tập trung mũi nhọn chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng chủ trương thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời có sự tham gia của một số người trong Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội, với điều kiện của ta đặt ra: “Chính phủ này phải tổ chức tốt cuộc tổng tuyển cử, thống nhất các lực lượng vũ trang lại và sẽ từ chức khi triệu tập Quốc dân đại hội”¹. Bọn Việt Quốc, Việt Cách không dám ra ứng cử thì Chính phủ sẽ đề nghị Quốc hội sau này dành một số ghế cho họ. Đây là một sự nhân nhượng có nguyên tắc, đặt cao lợi ích của quốc gia, dân tộc, buộc kẻ thù dù xảo quyệt, ngoan cố đến đâu cũng phải chấp nhận. Với sức ép của quan thầy, bọn Việt Quốc, Việt Cách hứa sẽ không phá cuộc tổng tuyển cử. Sau khi quyết định hoãn cuộc tổng tuyển cử đã được ấn định vào ngày 23-12-1945, ngày 19-12-1945, Chính phủ lâm thời công bố tổng tuyển cử sẽ được tiến hành vào ngày 6-1-1946.

Ngày 1-1-1946, danh sách Chính phủ liên hiệp lâm thời được công bố trên các báo chí. Thành phần Chính phủ chỉ thay đổi ba vị trí: Nguyễn Hải Thần cầm đầu “Việt Cách”, giữ chức Phó Chủ tịch; một số người của Việt Quốc, Việt Cách giữ hai bộ: Bộ Quốc dân kinh tế và

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.342.

Bộ Y tế. Chiều hôm đó, Chính phủ mới được cải tổ làm lễ tuyên thệ nhậm chức tại Nhà hát thành phố. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn đoàn kết của các đảng phái và nêu lên những chính sách của Chính phủ, trong đó nhấn mạnh các điểm: làm cho cuộc tuyển cử trên toàn quốc đạt kết quả mỹ mãn; thống nhất các cơ quan hành chính theo nguyên tắc dân chủ; thống nhất các lực lượng vũ trang dưới quyền chỉ huy của Chính phủ; các đảng phái không được có quân đội riêng; làm cho các nước công nhận nền độc lập của Việt Nam. Hàng vạn nhân dân Thủ đô Hà Nội tập trung kín quảng trường Nhà hát lớn đón chào Chính phủ mới do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, cùng nhiều vị bộ trưởng là đảng viên cộng sản, hội viên Việt Minh và các nhân sĩ yêu nước.

Ngày 3-1-1946, Hội đồng Chính phủ họp. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp báo cáo về tình hình nội trị và quân sự trong nước. Bộ trưởng nêu rõ, về nội trị: Chính phủ đã lo chỉnh đốn các ủy ban hành chính địa phương, tăng cường quyền lực của Chính phủ Trung ương; về quân sự: tinh thần kháng chiến rất cao của đồng bào Nam Bộ, Chính phủ hết sức ủng hộ đồng bào mọi phương tiện kháng chiến.

Ngày 6-1-1946, gần 90% nhân dân cả nước từ 18 tuổi trở lên phấn khởi đi bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội. Đây là cuộc bầu cử tự do dân chủ đầu tiên ở nước ta. Những đại biểu do Mặt trận Việt Minh giới thiệu

được sự tín nhiệm tuyệt đối của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh ứng cử tại Thủ đô Hà Nội, trúng cử với số phiếu bầu cao nhất là 98,4%. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp trúng cử đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên. Cuộc tổng tuyển cử thắng lợi là một cuộc động viên chính trị rộng lớn, biểu dương sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam. Thắng lợi này là do đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng, chính sách của Chính phủ Hồ Chí Minh, trong đó có vai trò của Bộ Nội vụ do Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp đứng đầu.

Ngay sau cuộc bầu cử, ngày 7-1-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đã báo cáo trước phiên họp Hội đồng Chính phủ về chuyển kinh lý của mình tại các tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, nhằm giải quyết những việc liên quan đến đoàn kết lương giáo, bầu cử Quốc hội và chỉnh đốn chính quyền địa phương. Trong tháng 1-1946, Võ Nguyên Giáp còn dự nhiều phiên họp của Hội đồng Chính phủ bàn về các vấn đề kinh tế, tài chính, trị an, tiếp tế gạo từ miền Nam và chuẩn bị triệu tập họp kỳ đầu tiên của Quốc hội.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang nhân dân, Trung ương Quân ủy được thành lập trong tháng 1-1946. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được Trung ương Đảng phân công phụ trách Bí thư Trung ương Quân ủy, về sau gọi Quân ủy Trung ương. Trung ương Quân ủy có nhiệm vụ giúp Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo quân đội. Sự kiện này là một

bước kiện toàn hệ thống tổ chức đảng trong quân đội, lập hệ thống chính trị viên và các cơ quan chính trị ở các cấp trong các lực lượng vũ trang, góp phần quan trọng giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, tạo điều kiện cho quân đội ta trưởng thành, lớn mạnh không ngừng.

Ngày 18-1-1946, Bí thư Trung ương Quân ủy, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp được Hồ Chí Minh cử vào Nam thị sát tình hình. Chuyến đi của Võ Nguyên Giáp có mục đích truyền đạt quyết tâm của Trung ương đến quân dân các tỉnh từ Nghệ An trở vào và nghiên cứu, xem xét chiến trường đánh Pháp ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Đã lâu lắm rồi, Võ Nguyên Giáp mới có dịp trở lại mảnh đất miền Trung thân thuộc. Những kỷ niệm vui buồn thời niên thiếu, thời học sinh và năm tháng hoạt động cách mạng gắn bó với các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Hà Tĩnh, Nghệ An và thành Vinh, trở lại trong hồi tưởng khi đi qua những nơi quen thuộc, xen lẫn với những suy nghĩ, tính toán trước mắt về âm mưu của quân thù ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam, những bước đi đối phó của ta. Suốt dọc đường về Nam, đâu đâu cũng hừng hực khí thế cách mạng “Nam tiến”. Đến Huế, gặp và làm việc với các đồng chí Trần Hữu Dực, Nguyễn Chánh, đồng chí càng thấy rõ hơn, khẳng định chắc chắn hơn về ý tưởng xây dựng tỉnh Thừa Thiên - Huế trở thành vị trí vừa là đầu cầu, vừa là hậu phương trực tiếp cho chiến trường miền Nam. Ở đây từng khu phố,

từng ngành, từng cơ quan, trường học đều bận rộn, khẩn trương lo toan mọi mặt cho miền Trung, miền Nam và Tây Nguyên kháng chiến.

Tối Quý Nhơn (Bình Định), không kịp nghỉ ngơi, Võ Nguyên Giáp cùng đoàn cho xe đi thẳng đường 14 theo hướng lên An Khê, Pleiku, Kon Tum. Đến một đơn vị thuộc Chi đội Tây Sơn đang làm nhiệm vụ bảo vệ cầu Sông Ba phía bắc An Khê, Võ Nguyên Giáp đánh giá cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu của các chiến sĩ trong đơn vị, đồng thời chỉ thị cho bộ đội triển khai một số công việc, cách thức tổ chức chiến đấu bảo vệ vị trí quan trọng này, cũng như sẵn sàng chi viện cho chiến trường Nha Trang. Trong buổi sáng nói chuyện với cán bộ quân, dân, chính, đảng tỉnh Gia Lai tại một ngôi nhà gỗ ở Pleiku¹, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp nêu lên việc phải chấp hành các chỉ thị về các mặt công tác của Đảng và Chính phủ, đồng thời yêu cầu địa phương chú ý vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng cho Tây Nguyên². Buổi trưa, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đoàn đi tiếp lên Kon Tum nói chuyện với đồng bào các dân tộc thiểu số và các linh mục dự mít tinh.

1. Ngôi nhà gỗ số 1, Hoàng Hoa Thám, Pleiku, hiện là cơ quan của Ngân hàng chính sách tỉnh Gia Lai.

2. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai (1945 - 2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.145.

Quay trở lại Quy Nhơn, vượt đèo Cù Mông vào Tuy Hòa, Nha Trang, Võ Nguyên Giáp chứng kiến không khí chuẩn bị kháng chiến rất khẩn trương của địa phương. Ninh Hòa, Phú Yên đã trở thành hậu phương sát mặt trận Nha Trang - chiến trường chính của Nam Trung Bộ. Quân Pháp từ Sài Gòn đã tiến công ra Nha Trang hồi tháng 10-1945, với mục đích chính là nhằm cắt đứt con đường Nam tiến từ ngoài Bắc vào Nam Bộ. Nhiều đơn vị Nam tiến của 19 tỉnh ở miền Bắc, miền Trung hội quân cùng với lực lượng vũ trang Khánh Hòa đã chiến đấu vây hãm quân Pháp ở thị xã Nha Trang suốt mấy tháng liền. Một cán bộ chỉ huy mặt trận - đồng chí Phạm Kiệt, từng là chỉ huy Đội du kích Ba Tơ, hướng dẫn Bí thư Trung ương Quân ủy thị sát chiến trường Nha Trang đúng vào thời điểm tướng Pháp Leclerc tổ chức cuộc hành binh lớn huy động tới 1,5 vạn quân, chia làm hai gọng kìm để giải vây cho quân Pháp bị vây hãm ở Nha Trang.

Vượt đèo Rù Rì, dừng lại ở xóm Bống bên bờ sông Cái đối diện với mặt trận chính diện, hai bên đang bắn nhau quyết liệt, nơi bộ đội đang lui về xây dựng phòng tuyến dài 18km, cách trung tâm thị xã khoảng 6km, sau đó, Võ Nguyên Giáp đến thành cổ Diên Khánh làm việc với các đồng chí lãnh đạo Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Minh Vĩ, Trần Chí Hiền cùng các đồng chí chỉ huy Mặt trận Nha Trang là Trần Công Khanh, Hà Văn Lâu. Bộ trưởng

Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp trân trọng chuyển lời hỏi thăm và khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tới đồng bào và chiến sĩ mặt trận Nam Trung Bộ, đã kiên cường dũng cảm suốt ba tháng chặn địch, làm thất bại âm mưu kế hoạch “tốc chiến, tốc quyết” chiếm Trung Bộ của quân Pháp, tạo điều kiện cho hậu phương miền Bắc chuẩn bị mọi lực lượng kháng chiến và kiến quốc. Cùng với việc truyền đạt Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Trung ương cho địa phương, Võ Nguyên Giáp còn góp ý chỉ đạo, chỉ huy tác chiến, cách đánh, việc lập phòng tuyến chống địch của quân và dân Khánh Hòa, trong đó điều chủ yếu nhất là phải dựa vào nhân dân để kháng chiến. Trực tiếp làm việc với Chính trị viên Nguyễn Mô, Chỉ huy trưởng Trần Công Khanh, Tham mưu trưởng Hà Văn Lâu, Võ Nguyên Giáp chỉ thị “tháo” ngay tuyến phòng ngự, phát động nhân dân tiến hành chiến tranh du kích chống địch, đẩy mạnh hoạt động quân sự, tạo áp lực cho cuộc đấu tranh ngoại giao giữa ta với Pháp.

Chuẩn bị tiếp tục cuộc hành trình xuôi vào phương Nam, thì Võ Nguyên Giáp nhận điện khẩn của Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi ra Bắc. Đó là những ngày giáp Tết. Vượt đèo Hải Vân trong đêm mưa phùn, gió bắc của tối 30 Tết Bính Tuất, tức ngày 1-2-1946, xe đưa Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp tới Huế sáng mùng 1 Tết. Cố đô Huế tưng bừng trong không khí mừng Xuân độc lập đầu tiên. Võ Nguyên Giáp vui mừng gặp các đồng chí

Nguyễn Duy Trinh, Tố Hữu, Nguyễn Chí Thanh và cùng dự cuộc mít tinh đón chào năm mới của đồng bào Thừa Thiên - Huế tại Phú Văn Lâu. Trong rừng người và cờ đỏ sao vàng, vị đại diện của Chính phủ chúc Tết đồng bào, báo cáo tình hình chiến trường Tuy Hòa - Nha Trang, quyết tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đẩy mạnh kháng chiến và kiến quốc.

Mấy ngày sau về Hà Nội, Võ Nguyên Giáp báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương về chuyến thị sát, về việc đề nghị Tỉnh ủy Khánh Hòa và Ban Chỉ huy mặt trận Nha Trang chuyển hướng tác chiến, kịp thời lui quân, bảo toàn lực lượng bộ đội, tự vệ, thay đổi cách đánh từ phòng ngự chiến tuyến sang thực hiện chiến tranh du kích. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: Chuyển hướng tác chiến tại mặt trận Nha Trang như thế là đúng, phù hợp với tình hình diễn ra ở chiến trường. Nhanh chóng thực hiện chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân là tư tưởng chỉ đạo kháng chiến của Người và Trung ương Đảng. 50 năm sau, nói về quyết định ấy, Võ Nguyên Giáp viết: “Bây giờ nhìn lại quyết định ấy, trong hoàn cảnh ấy, quả là một sự đổi mới trong tư duy quân sự. Nếu chúng ta cứ lập phòng tuyến, cứ bám lấy phòng tuyến đơn thuần phòng ngự, nếu cứ dàn trận đối đầu với địch thì sẽ là tư duy máy móc, bảo thủ và khó tránh khỏi tổn thất... Bài học ở mặt trận Nha Trang đã được chúng ta vận dụng khi cuộc

kháng chiến toàn quốc bùng nổ ở Thủ đô Hà Nội”¹. Đó cũng là một trong những kinh nghiệm đầu tiên được tích lũy trong cuộc đời chỉ huy quân sự sau đó của Võ Nguyên Giáp - đúc rút từ thực tiễn lực lượng địch, lực lượng ta trên chiến trường.

Đầu tháng 2-1946, tình hình miền Bắc chuẩn bị kháng chiến rất khẩn trương. Nhiều toán quân Pháp từ Hoa Nam (Trung Quốc) tiếp tục xâm nhập vào nước ta qua ngã Lai Châu, xuống Tuần Giáo và đã chiếm Điện Biên Phủ. Phòng chặn quân Pháp, nhiều đơn vị Tây tiến tiếp tục được lệnh lên hướng Tây Bắc tăng cường cho Chi đội Sơn La chiến đấu với địch. Cùng với tình hình quân sự, tình hình chính trị cũng diễn biến phức tạp. Sau khi đã lập Chính phủ liên hiệp lâm thời, tổng tuyển cử xong, các đảng phái phản động: Đại Việt dân chính của Nguyễn Tường Tam, Việt Nam Cách mạng đồng minh hội của Nguyễn Hải Thần, Việt Nam Quốc dân Đảng của Vũ Hồng Khanh đều là tay sai của quân Tưởng, ráo riết công khai chống chính quyền cách mạng. Chúng gây rối trật tự trên đường phố, hô các khẩu hiệu: “Bảo Đại lên cầm quyền”, “Đả đảo bọn Việt gian thân Pháp”. Những phần tử “quốc gia” đòi yêu sách giữ 7 trong 10 bộ của Chính phủ liên hiệp; lớn tiếng chỉ trích ta đàm phán với Pháp. Mặt trận Việt Minh đã qua nhiều lần thương thuyết, nhưng bọn

1. Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 6-1996.

chúng cho rằng đó không phải là một đảng phái nên chưa đi đến thống nhất được để lập chính phủ chính thức. Mối hậu họa này chưa giải quyết được, thì cuộc đấu tranh ngoại giao giữa ta với Pháp, giữa ta với Tưởng, giữa Pháp với Tưởng lại cùng đồng thời diễn ra rất khẩn trương và quyết liệt trong tháng 2-1946. Tuy nhiên, đúng như dự đoán của Trung ương Đảng, cuộc thương thuyết giữa Pháp và Tưởng diễn ra ở Trùng Khánh cuối cùng cũng đạt được thỏa thuận. Hiệp ước Hoa - Pháp được ký ngày 28-2-1946. Chính phủ Trùng Khánh đồng ý cho quân Pháp vào thay thế quân Tưởng ở miền Bắc Đông Dương.

Để tránh những mưu toan phá hoại của Việt Quốc, Việt Cách, ngày 2-3-1946, Quốc hội được triệu tập sớm hơn quy định một ngày. Quốc hội nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo kết quả những công việc của Chính phủ đã làm, chấp nhận lời từ chức của Chính phủ liên hiệp lâm thời và nhất trí cử Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến, thông qua thành phần chính phủ. Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội đổi tên từ Ủy ban kháng chiến toàn quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh mời cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay cho đồng chí Võ Nguyên Giáp. Trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến, những người trong các tổ chức, đảng phái đối lập thân Quốc dân Đảng Trung Hoa như Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch, Nguyễn Tường Tam làm Bộ trưởng Bộ Ngoại

giao, Vũ Hồng Khanh giữ chức phó trong Quân sự Ủy viên hội và vài ba người thuộc các đảng phái khác hoặc không đảng phái nắm giữ các bộ Kinh tế, Xã hội, kiêm Y tế, Cứu tế và Lao động, Canh nông.

Phân tích âm mưu, hành động giữa Trung Hoa Quốc dân Đảng với Pháp, Ban Thường vụ Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh dự đoán mâu thuẫn Pháp - Tưởng sẽ được chúng dàn xếp. Do đó, ta chủ trương hòa hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng ra khỏi miền Bắc. Chủ trương đó dẫn tới bản Hiệp định sơ bộ giữa ta và Pháp được ký kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh, thay mặt Chính phủ Việt Nam, Vũ Hồng Khanh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ liên hiệp kháng chiến với Sainteny, đại diện Chính phủ Pháp vào 16 giờ 30 phút chiều ngày 6-3-1946 tại số nhà 38 phố Lý Thái Tổ, Hà Nội. Hiệp định ghi các điều khoản phụ:

1- Nước Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do có ba kỳ, đứng trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp. Nước Việt Nam có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Sự thống nhất đất nước sẽ do trưng cầu ý dân quyết định.

2- Chính phủ Việt Nam thuận để 15.000 quân Pháp được vào miền Bắc Việt Nam thay quân Tưởng rút về nước. Quân Pháp phải đóng ở những nơi quy định và rút dần khỏi Việt Nam trong thời hạn 5 năm, mỗi năm rút một phần năm số quân.

3- Quân đội hai bên đình chiến để mở cuộc đàm phán chính thức.

Trong bối cảnh lúc đó, những điều thỏa thuận ấy là dễ chấp nhận và đối với Chính phủ và nhân dân Việt Nam là một thắng lợi đúng với bản chất chính nghĩa và mong muốn hòa bình của nhân dân ta. Sau này Võ Nguyên Giáp đã đánh giá: “Kẻ thù có sau lưng những đội quân đông đảo với đủ máy bay, tàu chiến, xe bọc thép, đã phải tiến hành cuộc đàm phán với ta một cách bình đẳng. Chính phủ Pháp đã buộc phải chấp nhận cả những điều mà trong thâm tâm họ không muốn... Kẻ đầu tiên thừa nhận nước Việt Nam tự do lại chính là kẻ sáu mươi năm trước đã tước mọi quyền tự do của nhân dân Việt Nam... Ta nhận cho mười lăm ngàn quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam trong một thời gian được quy định, để tổng đi khỏi đất nước mười tám vạn quân Tưởng tàn ác, đã từng tuyên bố ở lại đây vô thời hạn... Kẻ thù đã chịu lùi một bước cơ bản. Nhưng với ta, thắng lợi này mới chỉ là thắng lợi đầu tiên. Bền bờ thành công hãy còn xa”¹.

Tuy nhiên, việc 15.000 quân Pháp đóng quân ở miền Bắc là một tin đột ngột đối với không ít cán bộ và nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng thấy rằng, một nhiệm vụ đặt ra khẩn thiết là cần phải

1. Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Sdd, tr.162.

giải thích cho cán bộ, bộ đội và nhân dân thấu hiểu là vì sao Chính phủ ký Hiệp định sơ bộ. Võ Nguyên Giáp được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ thay mặt Chính phủ giải thích cho cán bộ, chiến sĩ, đồng bào về chủ trương hòa hoãn với Pháp của Đảng và Chính phủ. Sáng ngày 7-3-1946, một ngày sau khi ký Hiệp định sơ bộ, trong cuộc mít tinh tổ chức tại thành phố cảng Hải Phòng, nơi mà quân Pháp sẽ đổ quân đầu tiên ra miền Bắc, Võ Nguyên Giáp đã giải thích rõ vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ chủ trương mở cuộc điều đình với Pháp, giải thích nội dung của Hiệp định sơ bộ và yêu cầu đồng bào đoàn kết, hết sức cảnh giác với những tuyên truyền chống Chính phủ, triệt để chấp hành chính sách, mệnh lệnh của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chiều hôm đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp quay về Thủ đô và phát biểu trong cuộc mít tinh lớn tại quảng trường Nhà hát Lớn. Nội dung phát biểu đã được báo chí trong nước và quốc tế tường thuật. Nhà sử học Pháp Philippe Devillers, trong một số cuốn sách viết về lịch sử Việt Nam¹, đã viết về nội dung bài nói chuyện đó của Võ Nguyên Giáp: “Trong bản hiệp định này, có những điều khoản thỏa mãn chúng ta và cả những điều khoản không thỏa mãn. Những điều khoản thỏa mãn,

1. Xem Philippe Devillers: *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952*, Seuil, Paris, 1952 và *Paris - Saigon - Hanoi: Les archives de la guerre 1944 - 1947*, Gallimard - Julliard, Paris, 1988.

tuy chưa làm chúng ta thật sự phấn khởi, là nước Pháp thừa nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do. Tự do không phải là tự trị, mà hơn tự trị, nhưng chưa phải độc lập. Một khi đạt được tự do rồi, chúng ta sẽ đi đến độc lập, đến hoàn toàn độc lập.

Nước Pháp muốn chiếm giữ Nam Bộ, nhưng Chính phủ đã tuyên bố sắt đá: “Nếu người ta chia cắt Nam Bộ, Trung Bộ và Bắc Bộ thì chúng tôi quyết chiến đấu đến cùng”... Thử hỏi có người dân Việt Nam nào mà không mong muốn Trung Bộ, Nam Bộ và Bắc Bộ là một nước duy nhất?

Vì sao Chính phủ cho phép quân đội Pháp vào? Trước hết là vì không cho phép họ cũng cứ vào. Trung Quốc đã ký với Pháp một hiệp định cho phép quân đội Pháp vào thay thế cho quân đội Trung Hoa. Hơn nữa Pháp cũng đã nhân nhượng chúng ta nhiều điểm. Vì vậy mà chúng ta đã cho phép quân đội Pháp vào. Bằng không, thì không thể có được hiệp định.

... Những người không thỏa mãn chỉ hiểu độc lập hoàn toàn như một khẩu hiệu, một nghị lệnh, trên giấy tờ hoặc ngoài cửa miệng. Họ không thấy rằng độc lập của đất nước là kết quả những điều kiện khách quan và trong cuộc chiến đấu giành độc lập của chúng ta, phải biết cương, nhu tùy lúc. Chúng ta đã chọn con đường thương lượng nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi cho công cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn, nhằm chờ cơ hội để đi đến một nền độc lập trọn

ven... Chúng ta đã đàm phán chủ yếu nhằm bảo vệ và củng cố lập trường chính trị, quân sự và kinh tế của mình. Nước ta là một quốc gia tự do và tất cả mọi quyền tự do đều trong tay chúng ta. Nước ta có đủ quyền lực và thời gian để tổ chức công cuộc nội trị, để tăng cường các phương tiện quân sự của mình, để phát triển nền kinh tế của chúng ta và nâng cao mức sống của nhân dân.

... Xem lịch sử thế giới, người ta thấy có nhiều nước gặp tình thế bất lợi đã biết khắc phục được khó khăn vì biết chờ đợi một cơ hội thuận lợi hơn cho sự tiến bộ của mình. Nước Nga chẳng hạn, năm 1918 đã ký *Hiệp ước Brest-Litovsk* nhằm ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Đức, để nhờ có thời gian hòa hoãn mà có thể củng cố quân đội và quyền lực chính trị của mình. Chẳng phải nhờ hiệp ước ấy mà nước Nga đã trở thành một nước rất mạnh sao?

Tư tưởng chỉ đạo, mục đích của Chính phủ là hòa bình vì tiến bộ. Con đường mở ra với hiệp định chính là con đường dẫn chúng ta đến độc lập trong một ngày gần đây, thật sự và hoàn toàn. Đó là mục đích của chúng ta”¹.

1. P. Devillers: *Paris - Saigon - Hanoi: Les archives de la guerre 1944 - 1947*, Gallimard - Julliard, Paris, 1988, trích theo Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.163-164.

Võ Nguyên Giáp nói lên những điều không chỉ từ trái tim, khối óc của mình mà dường như cả trong tình cảm suy nghĩ của mỗi người, của tất cả hơn 10 vạn người dự cuộc mít tinh. Cả biển người từ im lặng lắng nghe, rồi rì rào và bỗng tiếp đến là những tràng vỗ tay vang dậy. Một lẽ là sự tán thưởng “một sự thành thật chưa từng có” của Chính phủ, những lý lẽ, lập luận giải thích của Võ Nguyên Giáp. Mặt khác là sự xuất hiện đột ngột của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên bao lơn Nhà hát Lớn ngoài mong đợi của mọi người. Người ra hiệu để mọi người im lặng và bắt đầu nói chuyện. Người nói ngắn gọn bổ sung, khẳng định phát biểu của Võ Nguyên Giáp rằng, cho đến lúc này, chính quyền đã thuộc về nhân dân được mấy tháng, nhưng chưa một cường quốc nào công nhận nền độc lập của Việt Nam. Ký hiệp định chính là mở đường cho sự công nhận của quốc tế, làm cho Việt Nam có vị trí quốc tế ngày càng vững vàng và đó là một thắng lợi chính trị lớn lao. Quân Pháp sẽ đến nhưng theo hiệp định, họ sẽ rút dần khỏi nước ta. Chọn thương lượng thay vì đánh nhau là biểu hiện sự khôn ngoan về chính trị. Đồng bào hãy bình tĩnh, đoàn kết và tôn trọng kỷ luật. Chúng ta có nhiều bạn bè quốc tế. Chúng ta có sức mạnh đoàn kết của toàn dân, có một chính phủ được toàn dân ủng hộ.

Hàng vạn người tham dự cuộc mít tinh xúc động lặng im khi nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh kết thúc bài

nói chuyện: “Tôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh, suốt cuộc đời đã cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước”¹.

Khi Hiệp định sơ bộ vừa được ký, chiều ngày 6-3-1946, hạm đội Pháp đã cập bến Hải Phòng. Tổng Chỉ huy quân đội Pháp ở Việt Nam, tướng Leclerc, đề nghị được gặp đại diện Chính phủ Việt Nam trước ngày quân Pháp đổ bộ. Hồ Chí Minh cử Võ Nguyên Giáp thay mặt Chính phủ đi gặp Tổng Chỉ huy Pháp. Thật lòng Võ Nguyên Giáp không muốn đi làm công tác đối ngoại trong thời điểm nhạy cảm, nên đề nghị Người cử đồng chí Hoàng Hữu Nam đi. Người nói: Chú Văn làm chính trị không phải việc nào thích mới làm. Đại diện Chính phủ ta, phải là chú. Sự thực, nhiều chính khách và tướng lĩnh phía đối phương đã luôn tìm cách để tiếp xúc với Võ Nguyên Giáp. Vì đối với họ từ những năm 1945 - 1946, phía sau một người Việt Nam có bề ngoài thấp nhỏ, nói năng nhẹ nhàng, lịch thiệp và điềm tĩnh là một ngọn núi sừng sững khó vượt qua.

Ngày 8-3-1946, Võ Nguyên Giáp lên đường đi Hải Phòng. Viên tướng Valluy lên bến cảng đón đại diện Chính phủ Việt Nam xuống một chiếc ca nô đưa ra chiến hạm Senegale đang thả neo ở cửa sông Cấm.

1. Học viện Chính trị quốc gia, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t.3, tr.149.

Được biết Leclerc rất ngạo mạn, song Võ Nguyên Giáp phải tự kiềm chế. Cuộc gặp và đối thoại với Tổng Chỉ huy Pháp Leclerc sau này được Võ Nguyên Giáp kể lại:

“Sau cái bắt tay và mấy câu nghi lễ xã giao, với một giọng không lấy gì làm nhã nhặn, Leclerc nói:

- Tôi yêu nước Pháp. Tôi muốn bất kỳ ở đâu danh dự của nước Pháp cũng được tôn trọng.

Tôi thấy khó chịu, tự kiềm chế, đáp:

- Tôi là một người cộng sản chiến đấu cho độc lập của đất nước chúng tôi. Tôi nghĩ rằng những người yêu nước chân chính thì bao giờ cũng biết tôn trọng lòng yêu nước của những người khác.

Không khí cuộc nói chuyện dịu dần. Tôi nhắc đến cuộc chiến đấu cực kỳ anh dũng của nhân dân ta chống phát xít Nhật để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ, rồi nói tiếp:

- Ông đã từng chiến đấu chống phát xít Đức, tất nhiên cũng có chỗ để chúng ta hiểu nhau.

Leclerc đưa tôi vào căn buồng khách của con tàu. Y giới thiệu những sĩ quan có mặt. Cuộc trao đổi ý kiến tiếp tục. Leclerc hứa sẽ cố giữ vững tình giao hảo Pháp - Việt. Y hay nhấn mạnh đến vai trò cá nhân của mình”¹.

Võ Nguyên Giáp bàn với Leclerc việc thi hành Hiệp định sơ bộ về mặt quân sự. Trong khi chờ một hiệp định

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sdd, tr.425-426.

chính thức giữa hai chính phủ cần phải xác định những địa điểm, ấn định số quân Pháp được tới từng nơi khi quân Pháp cùng quân Việt Nam tiếp phòng quân Tưởng.

Ngày 9-3-1946, Ban Thường vụ Trung ương, Chủ tịch Hồ Chí Minh họp hội nghị ra Chỉ thị Hòa để tiến, đã tìm ra lời giải cho bài toán chiến lược vô cùng trọng yếu trong thời điểm đó là đánh hay hòa với Pháp? Câu trả lời thật tuyệt diệu: “Vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng”¹.

Ngày 15-3-1946, quân Pháp đổ bộ lên Hải Phòng. Ngày 18-3-1946, hơn 1.000 quân Pháp và 220 xe ô tô gắn súng máy, xe tăng, xe xích, súng cối, xe jeep, xe vận tải chở lính, quân trang, quân dụng từ Hải Phòng, chúng tiến lên Hà Nội. Đã quá nhiều thực tiễn, dưới con mắt của người Việt Nam, của người dân Hà Nội, quân lính Pháp trở lại lần này, miệng nói hòa bình, hợp tác, nhưng việc làm của chúng là hành động của những kẻ đi xâm lược.

Nhiệm vụ tăng cường công tác an ninh - quốc phòng nhằm bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được là nhiệm vụ trọng yếu, đề nâng lên vai người thay mặt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.43-44.

Đảng phụ trách quân sự - Bí thư Trung ương Quân ủy, Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội toàn quốc là Võ Nguyên Giáp. Ông Phan Anh - một nhân sĩ yêu nước, làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, nhưng chỉ với chức năng quản lý hành chính quân sự. Còn thực chất Quân sự Ủy viên hội là cơ quan chỉ huy vẫn do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch. Về sau, trong hồi ức của mình, ông Phan Anh đã viết: “Nhận trách nhiệm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, tôi không phải nghĩ đến công việc về chuyên môn quân sự vì việc đó đã có anh Võ Nguyên Giáp”¹.

Ngày 17-3-1946, Đô đốc d’Argenlieu gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng, sẽ rất sung sướng được đón tiếp Chủ tịch vào ngày 24-3-1946 tại Vịnh Hạ Long “với tất cả nghi thức long trọng cần thiết”. Điều đó phù hợp với ý muốn của Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh là cần thiết gặp người đại diện cao nhất của Chính phủ Pháp tại Đông Dương để đấu tranh tiến tới thực hiện cuộc đàm phán ở Paris. Cuộc gặp gỡ của Chủ tịch Hồ Chí Minh với d’Argenlieu diễn ra trên tuần dương hạm Emile Bertin đậu ở Vịnh Hạ Long vào trưa ngày 24-3-1946, đã có những thỏa thuận: 1) Vào trung tuần tháng 4-1946, Việt Nam sẽ cử một đoàn đại biểu Quốc hội sang thăm hữu nghị Pháp; 2) Một cuộc hội nghị trù bị sẽ mở ở Đà Lạt giữa 12 đại biểu Việt Nam và 12 đại

1. Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 36, tháng 12-1988.

biểu Pháp; 3) Hạ tuần tháng 5, đoàn đại biểu Việt Nam sẽ sang đàm phán chính thức ở Paris.

Chính phủ chỉ định phái đoàn đàm phán tại Hội nghị trù bị Đà Lạt gồm 12 thành viên chính thức và 12 cố vấn, do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Tường Tam làm Trưởng đoàn, Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội, Võ Nguyên Giáp, Phó Trưởng đoàn¹. Chiều ngày 15-4-1946, đoàn được Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp và căn dặn là nội bộ đoàn phải hết sức đoàn kết từ ý kiến đến hành động. Hội nghị này chỉ là trù bị cho hội nghị chính thức ở Paris, do đó, khi gặp vấn đề gì hai bên chưa thỏa thuận được thì gác lại, không nên nói để hỏi ý kiến Chính phủ, tức là không nên thắt nút Chính phủ vào cuộc đàm phán trù bị. Phái đoàn phải giữ vững lập trường, dựa theo những nội dung cơ bản Hiệp định sơ bộ 6-3 để đi đến hợp tác với Pháp.

Với tư cách Phó trưởng đoàn, sau khi Trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam có lời cảm ơn Chính phủ, Võ Nguyên Giáp xin hứa vấn đề đoàn kết giữa các thành

1. Tham gia đoàn: Trịnh Văn Bính, Cù Huy Cận, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiền, Vũ Hồng Khanh, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Văn Luyện, Dương Bạch Mai, Phạm Ngọc Thạch, Bùi Công Trừng và Nguyễn Mạnh Tường. Các cố vấn: Tạ Quang Bửu, Kha Vạng Cân, Kiều Quang Cung, Phạm Khắc Hòe, Đinh Văn Hớn, Nguyễn Văn Huyền, Hồ Đắc Liên, Phan Phác, Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Văn Tình, Hồ Hữu Tường.

viên trong phái đoàn để cùng nhau hoàn thành trọng trách được Chính phủ giao. Đây là một sự khắng định có ý nghĩa đặc biệt, vì trong phái đoàn có hai thủ lĩnh của các đảng đối lập với Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh là Nguyễn Tường Tam và Vũ Hồng Khanh. Phần lớn các thành viên khác đều là trí thức, nhà văn, nhà thơ, luật sư thông thạo tiếng Pháp, mới đến với cách mạng và một số tham gia Chính phủ chưa lâu.

Ngày 19-4-1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp đi dự Hội nghị trù bị Đà Lạt. Trong Hội nghị Đà Lạt, các vấn đề đặt ra thảo luận là đình chiến ở miền Nam; điều kiện tự do ở Việt Nam; vấn đề quan thuế, tiền tệ; sự tham gia của Pháp vào nền kinh tế của nước Việt Nam mới. Trong suốt thời gian ba tuần lễ, tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt, phái đoàn Pháp từ chối không chịu nhìn nhận những thay đổi đã diễn ra ở Việt Nam. Đại biểu của Chính phủ Việt Nam ở miền Nam Phạm Ngọc Thạch qua con đường bạn bè với người Pháp tìm cách vận động, nhưng bị phía Pháp cản trở nên không kết quả. Trước tình hình đó, sự kiên nhẫn có giới hạn và lòng tự tôn dân tộc mạnh mẽ hơn đã buộc Võ Nguyên Giáp tuyên bố thẳng thừng: “Nói rằng ở Nam Bộ không có xung đột là thách thức chân lý. Thực ra, các cuộc giao tranh vẫn diễn ra khắp nơi ở Nam Bộ. Chẳng hạn người ta nói rằng các cuộc tấn công đó là do bọn bất lương gây ra và khó mà phân biệt được... Nếu nói theo cách đó, thì 50.000 quân của lực lượng trong nước của lực lượng

kháng chiến cũng được gọi là lực lượng không chính quy hay sao? Chúng tôi muốn hòa bình, đúng thế, nhưng là một nền hòa bình trong tự do và công bằng, một nền hòa bình phù hợp với Hiệp định sơ bộ 6-3 chứ không phải hòa bình trong nhẫn nhục, mất danh dự và nô lệ”¹. Phía “Pháp từ chối một cách ngoan cố không chịu thừa nhận những thuộc tính của nước Việt Nam tự do và sự toàn vẹn lãnh thổ”².

Trong phái đoàn Pháp biết rõ Võ Nguyên Giáp có vai trò đặc biệt. Đó là người vừa mềm dẻo trong ứng xử, vừa cứng rắn về lập trường và lợi ích của quốc gia dân tộc. Trong phiên họp cuối cùng ngày 11-5-1946, do phái đoàn Pháp ngoan cố, bám riết lập trường thực dân, phái đoàn ta đã thể hiện sự nhất trí lập trường ở sự dứt khoát của Phó Trưởng đoàn Võ Nguyên Giáp. Sau khi ông Hoàng Xuân Hãn - Trưởng Tiểu ban Chính trị - phát biểu nói lên sự kiên nhẫn của phái đoàn Việt Nam nhằm tìm một giải pháp thỏa đáng mà hai bên có thể chấp nhận được về những vấn đề liên quan đến vận mệnh của dân tộc Việt Nam, giữa bầu không khí căng thẳng, ngột ngạt, Võ Nguyên Giáp bỗng đứng dậy tuyên bố: “Nếu các ông cố tình phá hoại cuộc thương thuyết để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì chắc chắn Việt Nam sẽ thành mảnh đất buộc người Pháp các ông sẽ

1, 2. Georges Boudarel: *Võ Nguyên Giáp*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr.74.

đền tội”¹. Dứt lời, ông cầm cặp tài liệu bước ra khỏi phòng họp và không quên đóng sầm cánh cửa. Một số thành viên của Phái đoàn ta cũng vội bước ra theo. Phái đoàn Pháp, nhất là tướng Raoul Salan rất bất ngờ. Lúc đó là đúng 12 giờ ngày 11-5-1946.

Hội nghị trù bị Đà Lạt thất bại, không có một thỏa thuận nào. Một số người Pháp và tờ *L'Entente* của Pháp xuất bản ở Hà Nội đổ lỗi cho phái đoàn Việt Nam và Võ Nguyên Giáp gây nên, rằng: “thất bại của Hội nghị trù bị Đà Lạt là kết quả điều hành của Phó Trưởng đoàn Võ Nguyên Giáp, một Bộ trưởng cộng sản”. Tuy nhiên, 50 năm sau “sự kiện Đà Lạt”, nhà sử học Mỹ Cecil B. Currey trong cuốn sách *Chiến thắng bằng mọi giá*, đã tiết lộ: Do lập trường chính trị cứng rắn và phong cách lịch lãm của Võ Nguyên Giáp cả trong và ngoài hội nghị, nên phái đoàn Pháp ở Đà Lạt đặt cho ông biệt hiệu “Ngọn núi lửa phủ tuyết”. Người Pháp nêu hình tượng đó, theo ý nhà báo Jean Lacouture là chỉ “sự pha trộn giữa nhiệt tâm cháy bỏng với những phán đoán lạnh lùng tạo nên sức mạnh của con người này”. Chính J. Lacouture kể lại rằng, khi kết thúc cuộc phỏng vấn Võ Nguyên Giáp sau cuộc họp cuối cùng ở Hội nghị Đà Lạt, ông yêu cầu được đọc lại và tự hiệu chỉnh bài viết của tác giả. Nói về kết quả không thành

1. Theo Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Sdd, tr.177.

công của Hội nghị Đà Lạt, “chính ông Giáp là người đã gợi ý cho tôi dùng thuật ngữ sự bất đồng ý kiến trong hữu nghị (le désaccord cordial)”. Theo đó, rõ ràng dù những tình huống bất đồng căng thẳng trong đàm phán ngoại giao, phía Việt Nam vẫn không “cắt đứt” quan hệ Việt - Pháp. Từ mùa hè 1946, phía Pháp chưa nhận thức được điều đó.

Còn phái đoàn Việt Nam, từ trưởng đoàn đến các thành viên, trong cuộc họp kiểm điểm ngay buổi chiều hôm 11-5 đã nhất trí khẳng định: Tuy Hội nghị Đà Lạt không đem lại một thỏa thuận nào giữa hai bên Việt - Pháp, nhưng đã có một kết quả tốt là sự đoàn kết anh em trong đoàn như đã hứa với Chính phủ trước lúc lên đường. Tại Hội nghị Đà Lạt “đã chứng kiến một cảnh tượng đáng ghi nhớ là từ anh cộng sản đến anh quốc gia đều cảm phần trước âm mưu của Pháp muốn cướp đi mảnh đất của Tổ quốc chúng ta” - lời của Trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam. Phó Trưởng đoàn Võ Nguyên Giáp khẳng định: “Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh luôn chủ trương đoàn kết toàn dân. Mấy tuần qua, chúng ta đã thực hiện nghiêm chỉnh lời căn dặn của cụ Chủ tịch là đoàn kết”¹. Tiếp đoàn trong không khí thân tình từ Đà Lạt trở về Hà Nội, với phong thái bình tĩnh tự tin, Chủ tịch Hồ Chí Minh không đánh giá kết quả

1. Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.178.

Hội nghị Đà Lạt mà tươi cười bảo nhà thơ Cù Huy Cận, nhà nghiên cứu văn hóa Hoàng Xuân Hãn đọc thơ làm ở Đà Lạt cho mọi người cùng nghe.

Theo thỏa thuận hai bên Việt - Pháp ở Vịnh Hạ Long, ngày 31-5-1946, phái đoàn Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu¹ lên đường sang Pháp dự đàm phán chính thức tại Hội nghị Fontainebleau về việc áp dụng trong thực tiễn và kéo dài cụ thể Hiệp định sơ bộ 6-3. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp cùng đi với đoàn. Tại sân bay Gia Lâm rợp cờ đỏ sao vàng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn chào cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch nước cùng các đại biểu ra tiễn. Nắm chặt tay cụ Huỳnh, Hồ Chí Minh ân cần nói: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ dĩ bất biến ứng vạn biến”². Cụ Huỳnh và

1. Phái đoàn gồm: Hoàng Minh Giám, Phan Anh, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyền, Trịnh Văn Bính... Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam viết thư cáo ốm không đi. Việc làm này của Nguyễn Tường Tam biểu thị thái độ không đồng tình với Chính phủ về việc thương lượng với Pháp, trái với lời nói “đoàn kết” trước đó.

2. Có nghĩa là lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi. Cái “bất biến” là độc lập tự do của dân tộc, là đại đoàn kết toàn dân tộc; “vạn biến” là âm mưu và thủ đoạn xảo quyệt của bọn đế quốc, bọn phản động trong nước và quốc tế. Dẫn theo Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Sdd, tr.180.

các thành viên Chính phủ, cùng phái đoàn rất cảm động bởi lời dặn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong phái đoàn đi Pháp đàm phán, có người đã tham gia Hội nghị trù bị Đà Lạt. Võ Nguyên Giáp không tham gia trong thành phần của phái đoàn. Có người thắc mắc nghi vấn, có người thì lo âu tình hình phức tạp trong nước không biết những người ở nhà sẽ giải quyết ra sao? Lúc đó, theo đề nghị của Hồ Chí Minh, ông Phan Anh đã lấy câu thơ trong *Truyện Kiều*: “Trời mây muôn dặm xa khơi. Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm”. Hiểu được tâm tư lo lắng của mọi người, Hồ Chí Minh trả lời: “Các chú cứ yên tâm. Mọi việc ở nhà đã có cụ Huỳnh với chú Giáp”¹. Trong khi đó Võ Nguyên Giáp và những người ở trong nước lại rất lo lắng cho sự an toàn của Bác và những người đi xa trước âm mưu của địch và phương tiện hàng không hồi đó dễ xảy ra tai nạn.

Cuối tháng 5-1946, ở thăm nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dõi theo sát diễn biến hội nghị và chỉ đạo hoạt động của đoàn đàm phán Việt Nam. Phía Pháp lập lại cuộc đối thoại ở Đà Lạt, không thừa nhận một thực tế rằng Nam Bộ là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam là của Nam Bộ. Ngày 1-6-1946, người Pháp đã lập ra cái gọi là “Chính phủ Cộng

1. Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.181.

hòa tự trị Nam Kỳ”, thực hiện dã tâm tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Tình hình trong nước từ tháng 6-1946, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam sang Pháp đàm phán đã trở nên phức tạp hơn. Đồng chí Võ Nguyên Giáp vừa giữ trọng trách của Đảng và Chính phủ giao phó, vừa giữ vai trò phụ tá cho Quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng, thường xuyên trao đổi với Tổng Bí thư Trường Chinh, cùng tập thể Ban Thường vụ Trung ương Đảng để giải quyết từng vụ việc. Một lần nữa Chính phủ phải đối phó với sự chống trả ra mặt quyết liệt của Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội. Hai tổ chức này phản bội lời hứa đoàn kết, tiến hành một cuộc chiến tranh thực sự chống lại chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà trong cơ quan Trung ương có đại biểu của họ tham gia. Những điểm nóng của sự chống phá, gây chiến của bọn phản động là Thủ đô Hà Nội, việc mở rộng chiến tranh của Pháp ở Nam Bộ và Tây Nguyên. Từ Hội nghị trù bị Đà Lạt, Võ Nguyên Giáp đã nhận thấy ngoài âm mưu chia cắt Nam Bộ, sớm muộn thì Pháp núp dưới chiêu bài “có sứ mệnh bảo vệ dân thiểu số”, sẽ dùng quân sự đánh chiếm Tây Nguyên, tạo chỗ đứng để lập ra cái gọi là “xứ Tây Kỳ tự trị”. Đảng và Chính phủ ta đã tiến hành trước một bước phá âm mưu đó của địch, kêu gọi và phát động phong trào

đoàn kết yêu nước của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên. Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam họp tại Pleiku ngày 19-4-1946 theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tinh thần: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau... Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta”¹.

Tháng 5-1946, theo phương hướng chỉ đạo chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh, Bí thư Trung ương Quân ủy, Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp họp hội nghị mở rộng với cán bộ lãnh đạo chiến trường Nam Bộ để xác định phương hướng chiến đấu trong tình hình mới khi đại bộ phận quân Pháp đã di chuyển ra miền Bắc.

Cuối tháng 6-1946, chiến sự ở Tây Nguyên lan rộng, lực lượng so sánh giữa ta và địch rất chênh lệch. Đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ đạo quân và dân Tây Nguyên chủ động chuyển hướng từ lập phòng tuyến ngăn chặn địch trên các tuyến đường trọng yếu, sang thực hiện

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.249.

chiến tranh du kích rộng khắp để duy trì kháng chiến lâu dài. Quân và dân Tây Nguyên đã nghiêm chỉnh chấp hành, tạo nên thế vững vàng để bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc.

Tại Thủ đô Hà Nội, sáng ngày 21-6-1946, tướng Valluy đến gặp và đưa cho đồng chí Võ Nguyên Giáp một công hàm gửi Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, với lời lẽ: Ông cao ủy Pháp ở Đông Dương, Đô đốc Đácgiăngliơ, đã ra lệnh cho quân đội Pháp chiếm đóng cao nguyên Mọi như ông đã nói với Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ông ở Hà Nội¹. Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp gửi mệnh lệnh cho bộ đội và các lực lượng vũ trang Tây Nguyên: Kiên quyết ngăn chặn mọi hướng tiến lên Tây Nguyên của quân Pháp. Quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng gửi công hàm bác bỏ luận điệu xảo trá và kiên quyết phản đối âm mưu, hành động lấn chiếm trắng trợn của Pháp. Công hàm nêu rõ: “Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ được phía Pháp cho biết là họ sẽ chiếm đóng Tây Nguyên, và bằng bất cứ cách nào, Chủ tịch cũng không hề bao giờ lại đồng ý cho một sự chiếm đóng như vậy”².

Trong khi đó, một bọn phản động tay sai Tưởng không chạy theo chúng, đã ở lại trong nước, thay thầy

1, 2. Xem Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Sdd, tr.183.

đổi chủ tiếp tay cho Pháp âm mưu đảo chính lật đổ chính quyền cách mạng, dự tính vào dịp ngày Quốc khánh Pháp (14-7). Lấy cớ ngày đó, Bộ Chỉ huy quân Pháp đề nghị ta cho chúng tổ chức duyệt binh, diễu binh trên một số đường phố lớn của Hà Nội. Ngày 11-7-1946, Tổng Giám đốc Công an Lê Giản báo cáo với Ban Thường vụ Trung ương và Quyền Chủ tịch Chính phủ âm mưu bạo loạn của bọn Đại Việt quốc xã và Việt Nam Quốc dân Đảng. Kế hoạch của chúng là nhân cuộc diễu binh của quân Pháp, sẽ bố trí lực lượng dọc đường bắn súng, ném lựu đạn vào lính Pháp, tạo cớ cho Pháp tấn công ta, bắt cán bộ lãnh đạo Trung ương, Chính phủ Việt Nam. Phối hợp với quân Pháp, chúng sẽ tung truyền đơn kêu gọi dân chúng nổi dậy lật đổ chính quyền cách mạng. Lực lượng công an Hà Nội đề nghị Chính phủ cho bắt ngay bọn phản động trước khi chúng kịp hành động. Cụ Huỳnh yêu cầu phải có bằng chứng mới được bắt người, tránh mắc bẫy vì “đảng tranh” mà các đoàn thể, tổ chức chính trị người Việt Nam xung đột lẫn nhau. Một sự thống nhất ý chí và hành động nhanh chóng giữa Tổng Bí thư Trường Chinh, Quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng, Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp là từ chối đề nghị duyệt binh, diễu binh của quân Pháp vì lý do an ninh, đồng thời chỉ thị cho Ủy ban bảo vệ thành phố Hà Nội và Nha Công an Việt Nam phối hợp triển khai bí mật kế hoạch phá tan âm mưu của bọn phản động trước ngày 13-7-1946.

Được nhân dân cung cấp tin tức, lực lượng tự vệ và công an xung phong bất ngờ ập vào trụ sở của Quốc dân Đảng ở phố Nguyễn Du lúc 4 giờ 30 phút ngày 12-7-1946, bắt tên cầm đầu đưa về Sở Công an Bắc Bộ. Cùng thời điểm đó, một bộ phận công an, tự vệ đột kích các hang ổ của bọn phản động trong thành phố. Tại số 7 phố Ôn Như Hầu¹, ta thu nhiều vũ khí, máy in, tiền giả, truyền đơn và kế hoạch bạo loạn vào ngày 14-7-1946, giải thoát nhiều người bị chúng bắt cóc tống tiền, khám phá nhiều hố chôn các nạn nhân bị chúng sát hại vùi lấp trong sân, ngoài vườn của tòa nhà. Đến chứng kiến tại hiện trường những tang chứng, vật chứng, cụ Huỳnh Thúc Kháng phẫn nộ, lên án bọn chúng là “bọn kẻ cướp, đồ vô lại, bọn giả danh quốc gia, dân tộc” và kiên quyết “vì quyền lợi quốc gia và để bảo vệ pháp luật mà tôi sẽ đem ra trước pháp luật nghiêm trị những kẻ làm điều phi pháp”.

Cũng trong dịp đó, Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho bộ đội, tự vệ các địa phương vùng trung du, Tây Bắc, Đông Bắc phối hợp với các đoàn thể quần chúng vận động làm tan rã và tiêu diệt bọn phản động ở Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn. Các lực lượng vũ trang cách mạng theo sự chỉ huy của Võ Nguyên Giáp, lúc đó lấy tên Quân đội

1. Nay là phố Nguyễn Gia Thiều, Hà Nội.

quốc gia Việt Nam (theo Sắc lệnh số 71, ngày 22-5-1946), đã có 60.000 cán bộ, chiến sĩ, được tăng cường mọi mặt, nhất là công tác chính trị. Trên toàn quốc, từ tháng 10-1946 được chia thành 12 chiến khu cùng phối hợp chiến đấu.

Suốt mùa hè đến mùa thu năm 1946, tình hình đất nước liên tiếp xấu đi. Hội nghị Fontainebleau thất bại. Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Tạm ước 14-9 trong không khí hai bên Pháp - Việt rất căng thẳng, nhằm kéo dài thời gian hòa hoãn, cố cứu vãn hòa bình. Ngày 16-10-1946, Người quyết định trở về nước trên chiến hạm Dumont d'Urville của Pháp.

Trong nước, nhiều vụ quân Pháp gây đụng độ đẫm máu trên đường 1 từ Hà Nội đi Bắc Ninh, nhất là khu vực Cầu Đống và thị xã Bắc Ninh; ven Biển Đông Bắc, vùng núi Tây Bắc và đã cho quân lính đóng trái phép nhiều nơi ở miền Bắc. Tên đại tá Crépin còn đến phản ánh các vụ rắc rối xảy ra với thái độ thách thức, đe dọa và đã được đồng chí Võ Nguyên Giáp trả lời dứt khoát: “Nếu các ông muốn hòa bình, các ông sẽ có hòa bình, nếu các ông muốn chiến tranh, các ông sẽ có chiến tranh”¹. Ở miền Nam, quân viễn chinh Pháp thực hiện chiến thuật “vết dầu loang”, gây giao tranh không ngừng khắp nơi.

1. Georges Boudarel: *Võ Nguyên Giáp, Sdd*, tr.78-79.

Chuẩn bị kỷ niệm một năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp mong muốn động viên toàn quân đề cao cảnh giác, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Thực tế một năm qua, với lòng yêu nước nồng nàn, tha thiết độc lập, tự do của nhân dân cả nước, tinh thần chiến đấu dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ trên chiến trường miền Nam, Tây Nguyên, miền Bắc là cơ sở để Võ Nguyên Giáp tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến trường kỳ. Ngày 2-9-1946, đọc Nhật lệnh trong cuộc mít tinh tại vườn hoa Chí Linh (Hà Nội), Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp nhắc lại ý nghĩa Ngày độc lập 2-9, biểu dương các lực lượng vũ trang trên mọi miền đất nước, kêu gọi toàn quân giữ vững và phát huy truyền thống của quân đội cách mạng, không ngừng học tập, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật, luôn nâng cao tinh thần cảnh giác với các âm mưu của địch; luôn giúp đỡ và bảo vệ nhân dân, thực hiện quân dân nhất trí. Trong ngày đó đã diễn ra một cuộc duyệt binh ra mắt chính thức Quân đội quốc gia Việt Nam.

Với nhân dân Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp thấy cần thiết phải nêu cao tinh thần, ý thức cảnh giác của quân dân trước nguy cơ chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Đồng chí Võ Nguyên Giáp trao đổi với đồng chí Trần Huy Liệu tổ

chức buổi nói chuyện về truyền thống chống xâm lăng của dân tộc Việt Nam tại Nhà hát Lớn. Tuy nhiên, cũng như nhiệm vụ chung của đất nước, nhiệm vụ của Thủ đô Hà Nội trước hết là phải chuẩn bị sẵn sàng về mặt quân sự, vì Pháp đã lợi dụng Tạm ước 14-9 trước mắt có lợi cho chúng để lấn tới và tình thế chiến tranh đã trở nên không thể nào tránh khỏi.

Một ngày cuối tháng 9-1946, Tổng Bí thư Trường Chinh cùng Bí thư Trung ương Quân ủy Võ Nguyên Giáp trực tiếp nghe Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái báo cáo tình hình công tác chuẩn bị quân sự, khả năng chiến đấu thực tế của toàn quân. Đồng chí Võ Nguyên Giáp yêu cầu đồng chí Hoàng Văn Thái báo cáo một cách chính xác để Ban Thường vụ có cơ sở tổ chức hội nghị quân sự toàn quốc. Theo báo cáo, tình hình quân đội lúc này có 8,2 vạn quân, khoảng 8.000 đảng viên trong quân đội, 3 trung đội pháo binh sơn pháo, hệ thống thông tin liên lạc thông suốt, tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Cả nước có hơn một triệu tự vệ và du kích, đã thực hiện chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân. Bộ Quốc phòng và Quân sự Ủy viên hội đã có sự phân công, phân nhiệm, thống nhất cơ quan lãnh đạo quân sự cấp trung ương,...

Ngày 19-10-1946, Hội nghị quân sự toàn quốc tổ chức tại Hà Nội, với sự chuẩn bị nội dung của Trung ương Quân ủy và dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư

Trường Chinh. Hội nghị nhận định: “nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”¹. Các chủ trương, biện pháp chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng chiến đấu được nhất trí quán triệt. Với niềm tin tất thắng, Hội nghị đã khẳng định: “tuy kém về kỹ thuật, vũ khí nhưng với một tinh thần dẻo dai bền bỉ, mình nhất định sẽ thắng”².

Hội nghị quân sự toàn quốc vừa bế mạc, có tin con tàu đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam từ Pháp về nước đã cập bến Hải Phòng. Ngày 20-10-1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp - đại diện Chính phủ liên hiệp kháng chiến xuống Hải Phòng đón Bác. Sau một ngày thăm đồng bào Hải Phòng, vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 21-10-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn lên chuyến tàu hỏa đặc biệt và đến 15 giờ 5 phút về tới ga Hà Nội. Cụ Huỳnh Thúc Kháng dẫn đầu đoàn đại biểu Quốc hội, Chính phủ và các đoàn thể đến sân ga đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thay mặt nhân dân cả nước, đồng bào Thủ đô vui mừng đón Người an toàn, mạnh khỏe trở về. Sau này nhớ lại buổi chiều hôm đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp viết: “Cả nước đang trào lên một niềm vui. Niềm vui đó cũng rạng rỡ trên khuôn mặt của Người. Người đã bình an, mạnh khỏe trở về!

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.133.

Có bàn tay chèo lái của Người, con thuyền Tổ quốc sẽ vững vàng lướt tới bất chấp mọi phong ba!”¹.

Trong khi đó, ở miền Nam, chưa đầy ba tuần sau ngày đất nước được độc lập, sáng sớm ngày 23-9-1945, thực dân Pháp bội ước nổ súng xâm lược nước ta một lần nữa - khởi đầu bằng việc đánh chiếm thành phố Sài Gòn sau đó lan rộng ra cả Nam Bộ. Cuộc kháng chiến của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược đã bùng nổ trên chiến trường miền Nam.

Ngay trong sáng 23-9-1945 đã diễn ra Hội nghị khẩn cấp của Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, đại diện Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh tham dự cuộc họp. Hội nghị thống nhất tiến hành đánh địch nhưng phải lập tức báo ngay ra Trung ương. Đồng thời, Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban kháng chiến Nam Bộ do đồng chí Trần Văn Giàu làm Chủ tịch. Hội nghị đã điện báo gấp ra Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh xin chỉ thị. Chiều ngày 23-9-1945, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ ra Tuyên cáo: Đồng bào Nam Bộ, nhân dân thành phố Sài Gòn tăng cường đoàn kết, cương quyết chiến đấu bảo vệ quốc gia.

Trung ương Đảng quyết định tăng cường lực lượng cho Nam Bộ để cùng quân và dân Nam Bộ chiến đấu. Đơn vị đầu tiên của miền Bắc lên đường Nam tiến là

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.567.

“Chi đội 3, do đồng chí Hoàng Đình Giọng chỉ huy, xuất phát tại Hà Nội ngày 26-9-1945”¹. Đi cùng với Chi đội 3 là những chiến sĩ tự vệ Hà Nội và 72 đồng chí cán bộ quân sự trong số 400 đồng chí vừa tốt nghiệp khóa 4 Trường Quân chính Việt Nam² được cử vào tăng cường cho mặt trận Nam Bộ. Các đội quân Nam tiến được tổ chức nhanh chóng. Nhiều đơn vị Quân giải phóng cùng với những đồng chí chỉ huy ưu tú nhận lệnh lên đường. Thanh niên nô nức tòng quân để được vào Nam chiến đấu. Nhiều đoàn cán bộ cũng được tăng cường cho Nam Bộ. Nhiều phong trào ủng hộ Nam Bộ được phát động. Ngày 5-11-1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp phát biểu: “Tôi xin thay mặt Chính phủ nói cho quốc dân biết: Sự tiếp viện Nam Bộ là một trong những công việc quan trọng bậc nhất của Chính phủ, nó bao quát cả mọi mặt: người và vật, chính trị và quân sự. Và ngay từ đêm 23 tháng chín, Chính phủ đã có những chỉ thị rõ ràng về chính trị và quân sự cho Ủy ban Nam Bộ, rồi từ đó đến giờ sự liên lạc ngày càng mật thiết, sự tiếp viện ngày càng tăng gia”³. Bộ trưởng Nội vụ Võ Nguyên Giáp trong diễn văn nhân dịp đầu năm dương lịch 1946, đã

1. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945 - 1954, tập I, Chuẩn bị kháng chiến*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.171.

2. Túc Trường Quân chính kháng Nhật trước đây.

3. Báo *Cứu quốc*, số 84, ngày 6-11-1945, tr.2.

nhận định: “Các đơn vị Nam tiến đã góp phần công lao lớn vào công cuộc tranh thủ độc lập và thống nhất Tổ quốc”. Ngày 17-1-1946, trong lời hiệu triệu “Ủng hộ kháng chiến ở Nam Bộ”, Võ Nguyên Giáp cũng nhấn mạnh: “Nói tóm lại, công cuộc chuẩn bị trường kỳ kháng chiến và tiếp viện miền Nam là công việc trọng tâm trong lúc này của Chính phủ và toàn dân. Đồng bào chúng ta phải dốc toàn lực vào đó. Hy sinh hết thảy vì kháng chiến, hy sinh hết thảy vì miền Nam”.

Sau khi mở rộng phạm vi chiến tranh ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, ngày 20-11-1946, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Hải Phòng. Cùng ngày, quân Pháp tiếp tục gây sự ở Lạng Sơn. Ngày 25-11-1946, từ các vị trí đóng quân, binh lính Pháp đồng loạt nổ súng tiến công các vị trí, khu vực chốt giữ của bộ đội và tự vệ ta ở Lạng Sơn. Với việc đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, hai cửa ngõ đường biển và đường bộ quan trọng nhất của nước ta ở miền Bắc, thực dân Pháp đã thực sự bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn đối với miền Bắc.

2. Giữ trọng trách Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy quân đội Việt Nam từ ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp

Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khóa I, kỳ họp thứ 2 từ ngày 28-10 đến ngày 9-11-1946 quyết định thống nhất Quân sự Ủy viên hội với Bộ Quốc phòng thành Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy và nhất trí

thông qua đề nghị bổ nhiệm đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy quân đội toàn quốc¹. Ngay lúc đó, Tổng Chỉ huy quân đội Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam ngừng bắn vào 0 giờ ngày 30-10-1946 theo tinh thần Tạm ước 14-9, đồng thời gửi công hàm đề nghị phía Pháp thực hiện đúng như thế để chuẩn bị thành lập Ủy ban quân sự hỗn hợp Việt - Pháp. Ngày 4-11-1946, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tướng Moolie và tướng Nyo, Trưởng phái bộ quân sự Pháp ở Đông Dương. Sau đó ba ngày, trong phiên họp đầu tiên của Ủy ban quân sự hỗn hợp, ta tố cáo Pháp không những không ngừng bắn mà còn mở rộng diện khủng bố, gây chiến ở nhiều nơi. Nhiều vấn đề ghi trong Tạm ước 14-9 không được Pháp thực hiện và đã cố tình vô hiệu hóa Ủy ban hỗn hợp Pháp - Việt. Quân Pháp đã ngang nhiên đánh chiếm thị xã Lạng Sơn và tạo có vụ rắc rối

1. Ngày 30-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 229 quy định các cơ quan quân sự trên toàn cõi Việt Nam đặt dưới quyền của Bộ Quốc phòng. Cùng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 230/SL bổ nhiệm Võ Nguyên Giáp giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy. Sắc lệnh ghi: Ủy quyền Tổng Chỉ huy quân đội toàn quốc cho ông Võ Nguyên Giáp, hiện sung chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Như vậy từ lúc này, Võ Nguyên Giáp là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Chỉ huy. Về Đảng, ông vẫn là Bí thư Trung ương Quân ủy.

thuế quan ở Hải Phòng ngày 20-11 để gây xung đột đánh chiếm thành phố cảng. Các lực lượng vũ trang Hải Phòng đã dũng cảm chiến đấu suốt hơn một tuần lễ trong điều kiện rất khó khăn về tương quan lực lượng và vũ khí.

Trong lúc hết sức bận rộn công việc với cương vị mới và trước những sự chuyển biến phức tạp của đất nước, theo chính sách đối ngoại rộng mở của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để tranh thủ Mỹ, ngày 20-11-1946, Võ Nguyên Giáp vẫn không quên viết thư trả lời Đại tá Major Thomas, người Mỹ đã có thời gian cộng tác ở Việt Bắc trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám, và đến lúc này đã trở thành “Très cher ami” (Bạn rất thân). Thư viết: “Năm nay với Hà Nội và toàn thể Việt Nam là một năm đầy ắp những sự kiện khó khăn, đầy nỗ lực kiên quyết của cả một dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh nay đã cải tổ chính phủ tới lần thứ tư, còn tôi hiện là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”¹. Cũng thời gian này, tình yêu thương giữa Võ Nguyên Giáp và Đặng Bích Hà đã đến độ chín muồi. Thấu hiểu nỗi lòng cảm thông, sự kính phục, ngưỡng mộ của con gái Đặng Bích Hà mong muốn cùng sẻ chia mọi gian khổ trên con đường cách mạng và đường đời với Võ Nguyên Giáp, gia đình cụ Đặng Thai Mai trước

1. Đặng Anh Đào tuyển chọn và giới thiệu: *Võ Nguyên Giáp qua lời kể của những người thân*, *Sđd*, tr.206.

khi rời Hà Nội chuyển vào Thanh Hóa cuối năm 1946, đã đồng ý tổ chức lễ cưới cho Đặng Bích Hà và Võ Nguyên Giáp. Sau này chị Đặng Anh Đào, em gái bà Đặng Bích Hà, vợ của Trung tướng Phạm Hồng Sơn kể lại: “Chỉ một tuần lễ sau ngày đó (ngày 20-11-1946) là mấy chị em chúng tôi đã phải đi theo gia đình bỏ lại tất cả Hà Nội với ngôi nhà “Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy”. Bấy giờ đầu óc của tôi chỉ nghĩ tới cuộc chia ly không hề báo trước với chị cả chúng tôi. Là đứa trẻ, tôi chỉ biết ngày 27-11-1946 là ngày chị theo anh Giáp, mà không hề biết đó là ngày ký hôn ước của anh chị. Và cũng chỉ giờ đây tôi mới biết trước ngày ký ấy, “vị hôn phu” của chị đang lo lắng biết bao vì tình thế nguy nan của nước cộng hòa trẻ tuổi”¹. Đám cưới của hai người được tổ chức rất giản dị tại nhà của ông bà Đặng Thai Mai, số 32 Lý Thường Kiệt, Hà Nội. Từ đó đến ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, thỉnh thoảng anh Văn ghé về nhà một lúc rồi đến Sở Chỉ huy, họp Trung ương, Chính phủ chuẩn bị kháng chiến.

Trước âm mưu, hành động gây chiến của Pháp, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp dồn tâm lực chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị quân sự toàn quốc. Đất nước sắp chuyển sang chiến tranh, hàng loạt vấn đề đặt ra.

1. Đặng Anh Đào tuyển chọn và giới thiệu: *Võ Nguyên Giáp qua lời kể của những người thân*, Sdd, tr.206.

Vấn đề trọng yếu trước mắt mà anh Văn suy nghĩ nhiều là cách đánh trong thành phố như thế nào để giữ được Thủ đô Hà Nội nhiều ngày khi quân Pháp đánh chiếm. Theo đề nghị của Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp, Ban Thường vụ Trung ương cử đồng chí Vương Thừa Vũ làm Chỉ huy trưởng Mặt trận Hà Nội (Khu XI), Trần Độ làm Chính trị ủy viên. Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội được Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ chiến lược: 1) Phải sẵn sàng không để bị đánh úp, khi địch trở mặt là ta đánh trả ngay; 2) Phải kìm giữ địch một thời gian trong thành phố, không cho chúng nhanh chóng đánh rộng ra ngoài, tạo điều kiện cho cả nước chuyển sang kháng chiến. Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp chỉ thị Thủ đô Hà Nội đặc biệt coi trọng vai trò lực lượng tự vệ thành và hết sức tránh không mắc mưu khiêu khích của địch trước giờ nổ súng; đồng thời chỉ đạo Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái và cơ quan tham mưu trong khi hoàn tất kế hoạch tác chiến trên phạm vi cả nước, phải hết sức giúp Bộ Chỉ huy Khu XI xây dựng và triển khai kế hoạch tác chiến của Mặt trận Hà Nội. Khó khăn của Mặt trận Khu XI là địch và ta đóng xen kẽ. Riêng Hà Nội và Gia Lâm, địch đã chiếm 9 vị trí lớn và 43 điểm nhỏ, hình thành thế bao vây, chia cắt lực lượng ta trong thành phố. Nhiều nơi địch và ta liên kề mặt đối mặt rất dễ xảy ra xung đột. Cần tránh địch khiêu khích, xung đột, không để

quân Pháp tái diễn “màn kịch Hải Phòng” trên đất Hà Nội trước khi chiến sự xảy ra, song phải chủ động nghĩ ra cách đánh thích hợp khi chiến tranh bùng nổ. Đã nhiều lần Võ Nguyên Giáp gợi ý thảo luận với các đồng chí Hoàng Văn Thái, Vương Thừa Vũ phán đoán địch sẽ đánh Hà Nội như thế nào? Cách đánh của ta phải thế nào để vừa tiêu hao và giam chân địch lại vừa bảo toàn, bồi dưỡng và phát triển lực lượng ta để kháng chiến lâu dài? Trong hồi ký của mình, Vương Thừa Vũ viết: “Mỗi lần đi là một lần đồng chí (tức Giáp) trao đổi ý kiến với chúng tôi rất cụ thể về công tác tổ chức, chỉ huy chiến đấu; mà thường đồng chí đề ra những câu hỏi khêu gợi, nêu những tình huống tác chiến cụ thể, những giả định để chúng tôi suy nghĩ giải đáp, rồi đồng chí góp ý kiến uốn nắn, chỉ dẫn thêm”¹. Nhiều tài liệu, sách báo về nghệ thuật chiến tranh giải phóng được nghiên cứu, đặc biệt bài viết của Tổng Bí thư Trường Chinh *Cách đánh trong thành phố*² được cùng nhau thảo luận.

Sau hơn một tháng chuẩn bị, qua nhiều lần trao đổi, bản kế hoạch tác chiến tối ưu của Mặt trận Hà Nội đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp thông qua ngày 13-12-1946. Thực tiễn

1. Vương Thừa Vũ: *Trưởng thành trong chiến đấu*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979.

2. Đăng trên báo *Sự thật*, số tháng 12-1946.

lịch sử cuộc chiến đấu của quân và dân Hà Nội chống thực dân Pháp xâm lược cuối năm 1946 đầu năm 1947 diễn ra đúng theo bản kế hoạch ấy. Trên cơ sở bản kế hoạch tác chiến, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp chỉ thị Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái cùng Khu trưởng Khu XI Vương Thừa Vũ khẩn trương triển khai lực lượng, bố trí trận địa sơn pháo, đo đạc tọa độ, tổ chức sở chỉ huy và hệ thống thông tin liên lạc, các ổ đề kháng, đục tường thông các dãy nhà, chuẩn bị lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược, bom ba càng, nghiên cứu hệ thống cống ngầm từ trong thành phố thông ra ngoài, động viên chính trị - tư tưởng..., tất cả phải hoàn thành với mọi khả năng cao nhất vào giữa tháng 12-1946. Riêng công tác phá hoại, đắp ụ, lập chướng ngại vật ngăn cản xe tăng, sẽ chuẩn bị sẵn sàng phương tiện khi có lệnh là triển khai được ngay. Việc phối hợp với các tỉnh lân cận tiến hành các cuộc nghi binh vào thành phố trong những thời gian nhất định nhằm đánh lạc hướng phán đoán của địch sẽ do Bộ Tổng tham mưu chỉ đạo.

Chiều ngày 13-12-1946, sau khi chủ trì hội nghị chỉ huy trưởng các chiến khu từ Bình - Trị - Thiên trở ra để nắm tình hình chuẩn bị chiến đấu của các địa phương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp kiểm tra lần cuối công tác chuẩn bị của Mặt trận Hà Nội và rất yên tâm cho việc chuyển sang thời chiến. Trước đó, trung tuần tháng 11-1946, trả lời câu

hỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Hà Nội có thể giữ được bao lâu?”, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp chỉ dám hứa cố giữ ít nhất nửa tháng. Ngày 17-12-1946, sau cuộc họp Hội đồng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp báo cáo với Người là Hà Nội sẽ giữ được một tháng, các thành phố khác giữ lâu hơn, còn vùng nông thôn nhất định ta giữ được. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định lại vấn đề đã được Thường vụ Trung ương nhất trí và đã chuẩn bị trở lại Tân Trào, Việt Bắc, thực hiện cuộc “thiên đô” của cơ quan lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tình hình Hà Nội cuối năm 1946, mỗi ngày, mỗi giờ thêm căng thẳng, vì quân Pháp liên tục khiêu khích gây ra nhiều vụ thảm sát ở các phố Lò Đúc, Yên Phụ, Hàng Bún và Yên Ninh. Ngày 17-8-1946, chúng gửi tối hậu thư lần thứ nhất cho ta và cho quân lính chiếm đóng trụ sở Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Công chính. Ngày 18-12, quân Pháp gửi tiếp tối hậu thư thứ hai đòi giải giáp tự vệ Hà Nội và đe dọa “ngày 20-12 sẽ hành động” quản lý toàn bộ Hà Nội.

Những ngày tháng 12-1946, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp làm việc hết sức khẩn trương, căng thẳng. Để bảo đảm an toàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh và cơ quan Trung ương, Chính phủ đã rời khỏi thành phố

từ ngày 26-11-1946. Ngày 16-12-1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp đi kiểm tra Pháo đài Láng, Sở Vô tuyến điện, Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam. Ngày 17-12-1946, để vạch trần bộ mặt hiếu chiến của phản động Pháp trước công luận thế giới và để nhân dân, quân đội thấy rõ âm mưu xâm lược của kẻ thù, đồng chí Võ Nguyên Giáp đề nghị cho đăng ngay trên số báo *Cứu quốc* sớm nhất tối hậu thư của quân Pháp. Ngày 18-12-1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp dự Hội nghị mở rộng của Ban Thường vụ Trung ương tại làng Vạn Phúc (Hà Đông) do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì và cùng ngày tiếp và tỏ thái độ kiên quyết khi gặp Jean Julien, Trưởng ban liên kiểm Pháp - Việt. Sáng ngày 19-12, sau khi Bộ Chỉ huy Pháp gửi tối hậu thư thứ ba đòi tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, đòi ta đình chỉ mọi công việc chuẩn bị kháng chiến, đòi điều hành công việc trị an thành phố, Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp nhận và đọc trước thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho đại diện Pháp sẽ do Hoàng Minh Giám chuyển đến cho Sainteny, Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Đông Dương; buổi trưa nhận điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào Vạn Phúc họp khẩn cấp. Đến 14 giờ chiều, đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng phái viên của Trung ương Trần Quốc Hoàn có mặt ở Sở Chỉ huy Khu XI đóng ở Bạch Mai để kiểm tra lần cuối cùng công tác chuẩn bị chiến đấu và giao nhiệm vụ cho

lực lượng vũ trang Hà Nội. Trong giờ phút lịch sử đó của Thủ đô, nghe Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy chính thức phát lệnh chiến đấu có Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, Bí thư Khu ủy XI Nguyễn Văn Trân và Chỉ huy trưởng Mặt trận Hà Nội Vương Thừa Vũ. Ngay sau đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp trở lại Vạn Phúc báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Trung ương về tình hình cả nước và Hà Nội trước giờ nổ súng; cùng các đồng chí Trường Chinh, Lê Đức Thọ nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về bản sửa chữa, bổ sung lần cuối *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chia tay Ban Thường vụ Trung ương về Sở Chỉ huy trong nội thành Hà Nội, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp ghi nhớ lời căn dặn của Người: Chú ý bảo đảm chính xác, bí mật, kịp thời việc chuyển mệnh lệnh chiến đấu cho các chiến trường. Giao nhiệm vụ cho Bộ Tổng tham mưu, 9 giờ sáng ngày 19-12-1946, bức điện thứ nhất của Ban Thường vụ Trung ương đã được mã dịch gửi đi các mặt trận với nội dung: Giặc Pháp đã hạ tối hậu thư đòi tước khí giới của ta. Chính phủ đã bác bỏ tối hậu thư ấy. Như vậy chỉ trong 24 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng. Chỉ thị của Trung ương: Tất cả hãy sẵn sàng. Bức điện thứ hai gửi đi vào buổi chiều ngày 19-12-1946 với nội dung: Gửi các khu I, II, III, IV, XI, Đà Nẵng. Chuyển hàng sẽ đến

18 giờ ngày 21-12-1946. Hàng mang mã số A+2 và B-2. Chú ý theo dõi nhận hàng đúng giờ¹.

Một giờ sau khi phát đi bức điện thứ hai, “Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã cùng các đồng chí Trần Quốc Hoàn, Hoàng Văn Thái và Vương Thừa Vũ đến Ô Chợ Dừa rồi Khâm Thiên kiểm tra tình hình tại chỗ một đơn vị trước giờ nổ súng. Đâu đó vẳng lên từ dưới chiến hào tiếng đàn măngđôlin. Một không khí chuẩn bị bước vào chiến đấu của quân dân Thủ đô với tình cảm “rất Hà Nội”. Các đồng chí đến tận các vị trí của tự vệ ở đầu phố Khâm Thiên rồi phố Hàng Lọng nói chuyện với công nhân xe lửa rồi cùng anh em chụp ảnh kỷ niệm. Có lẽ các chiến sĩ sắp lao vào trận chiến đấu đầu tiên không biết vừa nói chuyện và chụp ảnh với ai”².

Chia tay với các chiến sĩ tự vệ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp trở về Sở Chỉ huy theo hướng Quốc Oai, Hà Đông. Trong ngày 19-12-1946, nhiều cơ quan, đoàn thể ở Hà Nội rút ra ngoại thành, trong đó có Ban Nữ thanh niên thành Hoàng Diệu, Đội Tuyên truyền xung phong do các chị Nguyễn Khoa Diệu Hồng, Nguyệt Tú phụ trách và chị Đặng Bích Hà phụ

1. Theo quy ước thống nhất với các khu trưởng trong hội nghị ngày 13-12-1946 thì: A là giờ, B là ngày, cho nên A+2 tức 18 + 2 tức 20 giờ; B-2 tức 21 - 2 là 19 giờ. Giờ nổ súng (G) là 20 giờ ngày 19-12-1946.

2. Lê Văn Hiến: *Nhật ký của một bộ trưởng*.

trách Ấu trĩ viên. Bộ Tổng Chỉ huy quân sự đóng ở thị trấn Quốc Oai. Anh Giáp và chị Hà ở tại nhà anh chị Dư - một kiến trúc sư nổi tiếng của quân đội và rất quen thân với ông bà Đặng Thai Mai¹. Tại đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp thảo bản mệnh lệnh chiến đấu cho quân đội. Đúng 20 giờ đêm 19-12-1946, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam truyền đi mệnh lệnh chiến đấu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp gửi lực lượng vũ trang cả nước:

“Tổ quốc lâm nguy!

Giờ chiến đấu đã đến!

Theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch và Chính phủ, nhân danh Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy, tôi hạ lệnh cho toàn thể bộ đội Vệ quốc quân và dân quân tự vệ Trung - Nam - Bắc phải nhất tề đứng dậy.

Phải xông ra mặt trận, giết giặc cứu nước.

Hy sinh chiến đấu đến giọt máu cuối cùng!

Tiêu diệt thực dân Pháp!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Quyết chiến!”²

1. Theo lời kể của nhà văn Nguyệt Tú trong sách *Võ Nguyên Giáp qua lời kể của người thân*, Đặng Anh Đào tuyển chọn và giới thiệu, *Sđd*, tr.169.

2. Dẫn theo Đại tá Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp - danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, *Sđd*, tr.217-218.

Vào lúc 20 giờ 3 phút, đèn điện Hà Nội phụt tắt. Đại bác từ Pháo đài Láng gầm lên. Cả Hà Nội rền vang tiếng súng đánh giặc. Sáng ngày 20-12-1946, tại Tây Mỗ, qua đài phát thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp lắng nghe *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên”¹.

Cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ đã rút an toàn lên Việt Bắc. Bộ Chỉ huy quân sự và Võ Nguyên Giáp vẫn đóng ở Quốc Oai (Hà Đông) cho đến sau khi Trung đoàn Thủ đô hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kìm giữ địch và rút lui bảo toàn lực lượng ra khỏi Hà Nội, ngày 17-2-1947.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.4, tr.534.

Chương IV

**TỔNG TƯ LỆNH
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP
(1947 - 1954)**

1. Từ Toàn quốc kháng chiến đến sau chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông năm 1947

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, trong lúc chiến sự đang diễn ra ác liệt trên các chiến trường, trung tuần tháng 1-1947, Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy quyết định triệu tập Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất tại Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Đông. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ đạo Hội nghị. Đồng chí nêu lên những thành tích mà quân, dân ta thu được trong gần một tháng chiến đấu, vạch ra những khuyết điểm, nhược điểm cần khắc phục về mặt tổ chức, chỉ huy, về cách đánh của bộ đội. Đánh giá về địch, đồng chí dự kiến sau khi được tăng viện, chúng sẽ đẩy

mạnh hoạt động quân sự, phản công và tiến công ta đi đôi với những âm mưu chính trị lừa bịp và thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”. Bộ đội ta phải nắm vững nguyên tắc chỉ đạo tác chiến nhằm đánh bại chủ trương chiến lược của địch trong thời gian tới. Cụ thể, “Tránh mũi dùi của chủ lực địch để bảo toàn chủ lực của ta và duy trì sức chiến đấu của bộ đội; phát động chiến tranh du kích phối hợp trận địa chiến với du kích chiến, phong tỏa không cho địch phát triển vị trí và tiến quân mau lẹ; tập trung lực lượng của ta, tiêu diệt từng toán quân lẻ tẻ của địch, tiêu hao lực lượng của chúng để luôn luôn chiếm giữ phần thắng lợi, nhằm động viên quân dân cả nước duy trì cuộc kháng chiến lâu dài, tiêu diệt cho tới khi giành được phần thắng lợi cuối cùng...”¹.

Hội nghị đã tập trung thảo luận về vấn đề tổ chức và biện pháp nắm địch, tổ chức chỉ huy, công tác chính trị; huấn luyện bộ đội, công tác cán bộ, các mặt bảo đảm vật chất chiến đấu, công tác phá hoại giao thông; và việc hoàn thành chuẩn bị cho nhân dân chuyển hẳn vào thời chiến. Phát biểu ý kiến chỉ đạo về công tác phá hoại đường sá, cầu cống và ngăn sông để cản bước tiến của xe tăng, xe cơ giới địch, đồng chí Võ Nguyên Giáp

1. *Văn kiện quân sự của Đảng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, t.2, tr.111-112.

chỉ rõ: Chúng ta chưa có loại vũ khí nào có đủ hiệu lực để diệt cơ giới địch, chúng ta cũng chưa có kinh nghiệm phá hoại giao thông, nhưng dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân, chúng ta cứ làm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Địa phương nào, đơn vị nào có kinh nghiệm hay, báo cáo về Bộ để phổ biến rộng rãi cho các nơi khác. Đồng chí cũng chỉ đạo giao Bộ Tổng Tham mưu sớm tổ chức hội nghị chuyên ngành nhằm rút kinh nghiệm và chấn chỉnh cả về tư tưởng, tổ chức và nghiệp vụ trình sát - tình báo trước yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới¹.

Lường trước tình hình chiến sự ở Hà Nội sẽ trở nên rất ác liệt trong thời gian tới, Bộ Tổng Chỉ huy đã yêu cầu Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội phải có kế hoạch chỉ đạo đối phó có hiệu quả trước những cuộc tiến công mới của địch, nhưng vẫn phải tránh mạnh, đánh yếu, dễ tiêu hao quân địch, bảo toàn lực lượng ta,... không mạo hiểm. Ngày 29-1-1947 (tức mùng 4 Tết), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp và Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái đến sở chỉ huy Mặt trận Hà Nội, đóng tại Tây Mỗ để cùng với Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội bàn kế hoạch chỉ đạo chiến đấu trong

1. Xem Bộ Tổng Tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Nhà in Bộ Tổng Tham mưu, 1991, tr.135.

những ngày sắp tới của Trung đoàn Thủ đô. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Dịch có thể đánh chiếm các vị trí ở phía đông của Liên khu I, có nhà cao tầng, có đường lớn chạy qua trước mặt, nếu Nhật Tân, Nhật Tảo là căn cứ xuất phát và tuyến bảo vệ đường dây tiếp tế thì nhà Sauvages và Trường Ke là vị trí bảo vệ của ngõ Liên khu I. Chiếm được các vị trí này, quân địch hoàn toàn khép kín vòng vây đối với Trung đoàn Thủ đô. Chúng sẽ tập trung lực lượng tiến công chia cắt Liên khu I ra từng ô nhỏ nhằm tiêu diệt Trung đoàn, thẳng tay đàn áp, bắn giết nhân dân còn lại trong đó. Cần bàn kỹ để có kế hoạch bảo vệ phía đông Liên khu I.

Trong lúc ngày đêm theo sát và chỉ đạo cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô và các đô thị miền xuôi, với nhãn quan chiến thuật và tầm nhìn bao quát, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp vẫn luôn nghĩ đến chiến trường rừng núi Tây Bắc. Ông chỉ thị điều thêm các đơn vị Tây tiến và đề nghị với Trung ương bổ sung cán bộ dân - chính - đảng cho Khu X, để tăng cường chỉ đạo hoạt động trên chiến trường miền Tây. Trong thư đề ngày 1-2-1947 gửi bộ đội Tây tiến, ông khẳng định tầm chiến lược quan trọng của miền Tây Bắc Tổ quốc: “Hùng cứ được vùng đó, không những quân địch ở vào cái thế “cứ cao lâm hạ”, có thể uy hiếp hậu phương chúng ta mà lại mong thực hiện được âm mưu ác độc “dĩ Việt chế Việt”, chia rẽ các anh

em thiếu số, lập bộ đội người Việt thiếu số để tiến đánh chúng ta... Mỗi một tấc đất miền Tây là một tấc đất của Tổ quốc Việt Nam, chúng ta không thể để cho địch dễ dàng giẫm lên được. Mỗi một đồng bào miền Tây là một người dân Việt, chúng ta không thể không bảo vệ quyền lợi của đồng bào, không thể để đồng bào bị quân địch giày xéo hay lung lạc”¹. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy cũng chỉ cho anh em thấy rằng “trên mặt trận này, bộ đội ta sẽ phải đương đầu với nhiều sự hiểm nghèo, khổ sở...” đồng thời bằng kinh nghiệm của bản thân trong quá trình vận động nhân dân các dân tộc Cao - Bắc - Lạng trong những năm 1940, đồng chí đã giúp anh em xác định một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu là phải có quan điểm tư tưởng đúng đối với nhân dân khi tiến hành công tác vận động quần chúng. Đó là phải “đánh tan cái thành kiến cho rằng anh em thiếu số miền Tây chưa có tinh thần dân tộc, không thể giác ngộ, chỉ biết phục tùng sức mạnh... không có một dân tộc nào là không biết yêu nhà cửa, ruộng nương của mình, không biết yêu nước và ghét quân thù...”².

1, 2. Trần Trọng Trung: “Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trên từng chặng đường Tây Bắc - Điện Biên - Kỷ niệm 49 năm chiến thắng Điện Biên Phủ”, báo *Quân đội nhân dân*, số ra ngày 12 và 13-5-2003.

Để chuẩn bị cho lực lượng vũ trang bước vào cuộc chiến đấu mới, từ ngày 14 đến ngày 16-2-1947, Trung ương Quân ủy triệu tập Hội nghị các chính trị ủy viên khu và các chính trị viên trung đoàn. Đồng chí Bí thư Quân ủy Võ Nguyên Giáp và đồng chí Văn Tiến Dũng, Cục trưởng Cục Chính trị, Bộ Quốc phòng chủ trì Hội nghị. Hội nghị nhận định rằng “trong lúc cuộc kháng chiến bước vào thời kỳ nghiêm trọng... thời kỳ thử thách gian khổ”¹, bộ đội ta luôn luôn “anh dũng chiến đấu..., giữ vững tinh thần... đó là một thành tích đáng kể”². Tuy vậy, địch dựa vào ưu thế của trang bị kỹ thuật, nhất là phương tiện cơ giới, bất ngờ tiến hành bao vây, thọc sâu chia cắt hậu phương ta, điều đó khiến một số đồng chí hoang mang. Hội nghị nhắc nhở cán bộ chiến sĩ không được hành động “theo tiếng gọi của lòng dũng cảm, hy sinh oanh liệt mà quá hao tổn lực lượng”³, hoặc “không vì để bảo toàn chủ lực mà không đánh đã rút”⁴. Đồng thời Hội nghị xác định nhiệm vụ công tác đảng, công tác chính trị lúc này là “nắm vững bộ đội, củng cố mở rộng cơ sở đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự”⁵.

Tháng 2-1947, Trung đoàn Thủ đô đã giam chân địch trong thành phố được gần hai tháng, hoàn thành

1, 2, 5. *Văn kiện quân sự của Đảng, Sđd*, t.2, tr.480, 481, 482.

3, 4. Võ Nguyên Giáp: *Chiến lược chiến thuật*, Bộ Quốc phòng xuất bản, 1947.

xuất sắc nhiệm vụ, vượt xa yêu cầu của trên, nhưng trước tình hình ngày càng trở lên khó khăn hơn, Trung ương Quân ủy đã họp gấp và thống nhất cần ra lệnh cho Trung đoàn rút ngay. Lệnh được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương phê chuẩn. Ngay tối 14-2-1947, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp lệnh cho Tư lệnh Mặt trận Hà Nội Vương Thừa Vũ: Tổ chức cho Trung đoàn rút ra đêm 17-2-1947¹. Việc lui quân phải được giữ bí mật triệt để đến phút cuối cùng.

Ngày 18-2-1947, trung đoàn rút về đến vị trí tập kết an toàn tại Thượng Hội, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông. Đồng chí Võ Nguyên Giáp trực tiếp nói chuyện bằng điện thoại với Tư lệnh Vương Thừa Vũ, chuyển lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội. Đồng chí nói: Hồ Chủ tịch đã nghe chúng tôi báo cáo Trung đoàn Thủ đô rút quân an toàn, Người rất vui và bảo thế là đại thắng lợi và xin gửi lời khen ngợi đến Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội và quân dân Thủ đô. Ngày 20-2-1947², Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội tổ chức lễ tuyên dương công trạng Trung đoàn Thủ đô. Đồng chí

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.404.

2. Dẫn theo sách *Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh, Sdd*, tr.234.

Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy quân đội quốc gia thay mặt Chính phủ và Bộ Tổng Chỉ huy đọc tuyên dương công trạng Trung đoàn đã anh dũng chiến đấu ròng rã 60 ngày đêm trong lòng địch, tiêu biểu cho khí thế anh hùng của một đội quân còn non trẻ, của một dân tộc quyết không chịu làm nô lệ, đã hiên ngang chống lại một quân đội đế quốc hùng mạnh. Đồng chí tuyên dương Trung đoàn đã làm rạng danh và xứng đáng là Trung đoàn Thủ đô. Thay mặt Đảng và Chính phủ, tôi chính thức trao danh hiệu “Trung đoàn Thủ đô” cho các đồng chí. Tặng các đồng chí lá cờ thêu tên “Trung đoàn Thủ đô” để nêu tấm gương anh hùng của các đồng chí...

Ngày 6-3-1947, đồng chí Võ Nguyên Giáp viết bản huấn lệnh: “Sự cần thiết phải chuyển sang du kích vận động chiến”. Đây là bản huấn lệnh thứ hai về cùng một vấn đề trong vòng không đầy năm tuần lễ. Bản huấn lệnh này của Bộ Tổng Chỉ huy có nội dung rất cấp thiết giống như một thư riêng gửi cán bộ cấp khu và trung đoàn. Nội dung bản huấn lệnh sau khi rút kinh nghiệm, nghiêm khắc phê phán những thiếu sót của các mặt trận, Bộ Tổng Chỉ huy nhắc nhở: “Phải dùng ngay chiến thuật du kích vận động một cách bạo dạn, nghĩa là: - Phải tập trung bộ đội, củng cố tinh thần bộ đội, dùng lối đánh hành binh rất nhanh chóng, rất bí mật mà đánh mạnh vào những chỗ địch tương đối yếu hay mới chiếm đóng chưa củng cố vị trí, xong

đó lập tức rút lực lượng đi đánh nơi khác. Làm như vậy thì có nơi phải bỏ đất, không phải đâu cũng dàn trận mà giữ... - Tập trung chủ lực để đánh từng trận lớn và phân tán một số bộ đội để phối hợp với dân quân. - Tổ chức những đội quân đánh chiến xa. - Đôn đốc việc ngăn sông, phá đường, đắp chướng ngại vật trên các đường đê...”¹.

Trong tháng 3-1947, trên đường từ miền xuôi “thiên đô” lên căn cứ địa Việt Bắc, nhân thời cơ chiến sự chưa lan rộng, khi qua Phú Thọ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp cùng Khu trưởng Khu X Bằng Giang đáp tàu hỏa đi thị sát tình hình dọc tuyến Phú Thọ - Lào Cai nhằm tìm hiểu tình hình chuẩn bị kháng chiến ở các tỉnh vùng Tây Bắc.

Tháng 5-1947, Hội nghị dân quân lần thứ nhất được triệu tập. Tại Hội nghị, lần đầu tiên vai trò chiến lược của dân quân, tự vệ được xác định. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đọc báo cáo tại Hội nghị đánh giá rất cao vai trò của dân quân, tự vệ đồng thời đã đề ra được những nhiệm vụ vô cùng quan trọng của dân quân, tự vệ. Bản báo cáo có đoạn viết: Công cuộc xây dựng và củng cố dân quân du kích, chúng ta phải coi nó là quan trọng ngang hàng với công cuộc củng cố bộ đội chủ lực... Về nhiệm vụ của dân quân du kích, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp xác định như

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.424.

sau: “Về mặt quân sự, tức là phải phối hợp với chủ lực tác chiến hay độc lập tác chiến để tiêu diệt quân địch, bảo vệ làng mạc, ruộng nương cho dân; về mặt chính trị, tức là dùng phương thức vũ trang tuyên truyền mà trừ gian và giữ vững tinh thần cho dân; về mặt kinh tế, tức là bảo vệ cho dân hay trực tiếp giúp dân cày cấy, gặt hái..., những đội du kích thoát ly cũng phải có một bộ phận tăng gia sản xuất để đi đến chỗ tự cung tự cấp”¹.

Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ năm được triệu tập theo chỉ thị của Bộ Tổng Chỉ huy và Bộ Tổng Tham mưu vào ba ngày 27, 28 và 29-9-1947. Hội nghị có nhiệm vụ là phán đoán ý đồ tiến công của địch và bàn kế hoạch làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của chúng. Hội nghị nhanh chóng thống nhất nhận định “cuộc tiến công của địch trong Thu Đông này nhằm chụp bắt cơ quan đầu não của kháng chiến, đánh quy bộ đội chủ lực ta, phá các căn cứ để tạo điều kiện cho một chính quyền tay sai ra đời, sau đó sẽ biến dân chiến tranh xâm lược thành một cuộc chiến tranh dùng người Việt đánh người Việt”². Sau Hội nghị, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp đi thăm Chiến khu XII³. Sau

1. Bộ Tổng Tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Sdd, 1991, tr.178.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Sdd, tr.451.

3. Gồm các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Ninh, Hòn Gai, Quảng Yên (kể cả Đông Triều, Chí Linh).

chuyến đi này, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã đề xuất với Chủ tịch Hồ Chí Minh một công thức “đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung”, tức là đưa một bộ phận bộ đội chủ lực phân tán thành đại đội về những địa phương ở địch hậu để phát động chiến tranh du kích, bộ đội chủ lực ở khu và bộ hiện nay chỉ nên tập trung ở quy mô tiểu đoàn. Dân quân du kích chính là nguồn bổ sung dồi dào cho chủ lực, khi phong trào địa phương mạnh thì chủ lực sẽ rút, địa phương càng mạnh thì càng phải tiếp tục bổ sung cho chủ lực. Trước mắt chúng ta cần phải hoạt động chiến tranh du kích rộng khắp, nhưng muốn chiến thắng quân địch, nhất định phải có một đội quân chủ lực mạnh¹. Công thức đó của đồng chí Võ Nguyên Giáp đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương nhất trí, đưa vào thực hiện trong chiến dịch Việt Bắc và mở rộng ra toàn quốc trong những năm 1948 - 1949, từ

1. Từ tháng 2-1947, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp quy định công dân Việt Nam từ 18 - 45 tuổi có nghĩa vụ tham gia dân quân du kích, đồng thời ra lời kêu gọi thanh niên xung phong tòng quân. Đến năm 1949, nước ta có khoảng 1 triệu dân quân, du kích và các đại đoàn chủ lực mạnh lần lượt được xây dựng (Đại đoàn 308 thành lập ngày 28-8-1949, 304 thành lập ngày 10-3-1950, 312 thành lập ngày 25-12-1950, 320 thành lập ngày 16-1-1951, 316 thành lập ngày 1-5-1951, 325 thành lập ngày 11-3-1951, 351 thành lập ngày 27-3-1951. Sau tháng 5-1954 có các Đại đoàn 305, 675, 349, 367).

đó làm nên danh tiếng “đánh đâu thắng đấy” của Tiểu đoàn 307.

Ngày 7-10-1947, địch nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, đánh chiếm thị trấn Chợ Mới. Như vậy, cuộc tiến công mùa khô của địch lên Việt Bắc bắt đầu từ một thị xã nằm sâu giữa lòng Việt Bắc. Ngày 8-10-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi bộ đội, dân quân du kích, tự vệ và toàn thể đồng bào ra sức tiêu diệt địch tấn công lên Việt Bắc. Cùng ngày, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp thông qua dự thảo Quân lệnh tiêu diệt địch, bảo vệ Việt Bắc và Nhật lệnh của Bộ Tổng Chỉ huy kêu gọi quân và dân cả nước chiến đấu phá tan kế hoạch tiến công mùa Đông của giặc Pháp, đồng thời ra lệnh cho quân và dân cả nước tích cực phối hợp với Việt Bắc để phá kế hoạch Thu Đông của chúng¹. Ngày 14-10-1947, Thường vụ Trung ương họp và ngay ngày hôm sau ra bản chỉ thị “Phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp” cho quân và dân cả nước. Cùng ngày, Bộ Tổng Chỉ huy ra Huấn lệnh ĐB/101, nêu những nguyên tắc mới về tổ chức bộ đội và bố trí lực lượng, về nhiệm vụ của những đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung: “Cuộc tiến công Việt Bắc lần này, địch

1. Nhật lệnh ngày 8-10-1947 của đồng chí Võ Nguyên Giáp - Tổng Chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân tự vệ Việt Nam, in trong: *Những tài liệu chỉ đạo chiến dịch*, t.1, tr.21 do Bộ Tổng Tham mưu xuất bản.

hành binh táo bạo bằng quân nhảy dù chiếm đóng ngay hậu phương ta làm tình hình chiến sự thay đổi. Về chiến lược hiện nay không có phân biệt hậu phương và tiền phương... Vì sự cần thiết phát động du kích chiến tranh rộng rãi nên kế hoạch bố trí và tác chiến cần phải thích hợp với tình thế... Thực hiện ngay việc lấy đại đội làm đơn vị bố trí trên các chiến trường địa phương... Bộ đội chủ lực thì đặt ở những nơi cơ động gần mặt trận hoặc đường giao thông quan trọng và nguyên tắc là nên tập trung từng tiểu đoàn phụ trách từng khu vực một"¹. Nhiệm vụ của đại đội độc lập là: "Quấy rối tiêu diệt từng bộ phận nhỏ của địch, đơn độc phá hoại trong địa phương, giúp đỡ vũ trang tuyên truyền và phối hợp tác chiến với dân quân trong địa phương mình khi địch đến. Phối hợp với bộ đội lưu động đánh những trận lớn"². Nhiệm vụ của các tiểu đoàn tập trung là: "Phối hợp với các đại đội độc lập và du kích địa phương tiêu diệt địch ở những vị trí lẻ hay khi đang vận chuyển trên đường giao thông"³.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Tổng Chỉ huy, chiến dịch Việt Bắc kết thúc vào ngày 19-12-1947 vừa đúng lúc ta kỷ niệm một năm Ngày Toàn quốc kháng chiến. Quân và dân ta đã đập tan kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, bảo vệ an toàn Trung

1, 2, 3. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.467.

ương Đảng và Chính phủ, bảo toàn và phát triển lực lượng, giữ vững căn cứ địa kháng chiến của cả nước, đuổi địch ra khỏi Việt Bắc.

2. Từ chiến thắng Việt Bắc đến trước chiến dịch Biên giới

Đầu tháng 1-1948, Hội nghị Tổng Quân ủy mở rộng họp để tổng kết sự lãnh đạo của mình và Bộ Tổng Chỉ huy trong chiến dịch Việt Bắc. Trong bản báo cáo trình bày tại Hội nghị, Bí thư Quân ủy Võ Nguyên Giáp lược lại mục đích cuộc hành binh của địch, lực lượng, kế hoạch từng bước của địch, những điểm đạt được và không đạt được của địch và nguyên nhân thất bại từng mặt của chúng.

Ngày 20 và ngày 25-1-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký các sắc lệnh phong quân hàm cho một số cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quân đội. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được phong quân hàm Đại tướng. Đồng chí Nguyễn Bình được phong quân hàm Trung tướng - Khu trưởng Chiến khu VII kiêm Ủy viên quân sự Nam Bộ. Các đồng chí Nguyễn Sơn, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái, Lê Hiến Mai, Văn Tiến Dũng, Trần Đại Nghĩa, Trần Tử Bình được phong quân hàm Thiếu tướng¹. Chiều ngày 28-5-1948, lễ phong quân hàm được tổ chức

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t.4, tr.119-121.

trọng thể. Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp trao sắc lệnh phong quân hàm Đại tướng cho Võ Nguyên Giáp. Người phát biểu trong tâm trạng vô cùng xúc động: “Hôm nay, thay mặt Chính phủ và nhân dân... Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trao cho chú chức vụ Đại tướng để chú điều khiển binh sĩ làm trọn sứ mạng mà quốc dân phó thác cho”¹.

Từ lâu, Tây Bắc đã là địa bàn chiến lược quan trọng của Việt Nam và cả Đông Dương. Ngày 20-1-1948, sau Hội nghị Trung ương, Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp ký bản chỉ thị trao nhiệm vụ cho Liên khu 10 (Khu X và Khu XIV hợp thành) tổ chức các ban xung phong tuyên truyền tiến vào bốn tỉnh Tây Bắc xây dựng cơ sở, lập chỗ đứng chân, mở rộng căn cứ Tây Bắc, mở đường sang Lào, chuẩn bị để sau này tiến vào Nam. Sau một thời gian ngắn, bốn đội vũ trang xung phong tuyên truyền² do những cán bộ chính trị và quân sự tin cậy phụ trách đã được tổ chức xong, sẵn sàng lên đường. Nhiệm vụ của anh em Tây tiến là giác ngộ chính trị quần chúng, tranh thủ đồng bào các dân tộc về với cách mạng, không để bị địch lung lạc, lừa gạt, chuẩn bị điều kiện và chỗ đứng chân cho các đội vũ trang bí mật, gây dựng phong trào chiến tranh du kích. Bài toán đặt ra cho Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp là cùng với Liên khu ủy Liên khu 10

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Sđd, tr.489.

2. Gồm Quyết Thắng, Trung Dũng, Quyết Tiến và Lào Bắc.

thực hiện bằng được nghị quyết đầu năm của Trung ương về phát động chiến tranh du kích, đặc biệt là chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Trong năm 1948, bằng nhiều ngã đường, các đội vũ trang tuyên truyền của Liên khu 10 phải kiên trì gây dựng cơ sở trong đồng bào các dân tộc Tây Bắc, phải đem được lá cờ đỏ sao vàng cắm trên đất Điện Biên. Quyết tâm chiến lược của Trung ương và của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện trong chỉ thị ngày 20-1-1948 của Bộ Tổng Chỉ huy về xây dựng căn cứ địa Tây Bắc. Làm việc với Liên khu ủy Liên khu 10, Bí thư Trung ương Quân ủy Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: Vấn đề giải phóng đồng bào Tây Bắc là vấn đề quan trọng trong công cuộc giải phóng dân tộc; xây dựng căn cứ địa Tây Bắc là một nhiệm vụ căn bản của Liên khu 10 trong giai đoạn hiện nay. Tổng Chỉ huy chỉ thị cho Liên khu 10 phân tán một số tiểu đoàn chủ lực của Liên khu, tổ chức thành những đại đội độc lập hoạt động trên một địa bàn trọng điểm, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, hỗ trợ cho công tác vận động quần chúng, gây dựng cơ sở chính trị... Phải tạo cho anh em lòng tin vững chắc ở dân, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách dân tộc của Đảng. Nhân dân là yếu tố hàng đầu, là điều kiện quyết định khả năng của từng đội đứng vững và phát triển trên hướng được phân công. Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp nói với Chính ủy Liên khu 10: “Phải làm việc với từng đội, thậm chí đã thông từng người, nhằm quán triệt tư

tướng chỉ đạo của Bác Hồ là dựa vào dân, dựa thật chắc vào dân thì không kẻ địch nào có thể tiêu diệt được...”¹.

Từ năm 1948, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phân công phụ trách cách mạng Lào và theo dõi việc giúp cách mạng Miên. Với tinh thần quốc tế trong sáng, trong bối cảnh cực kỳ khó khăn gian khổ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cùng Đảng, Nhà nước, quân đội và nhân dân ta hết lòng giúp đỡ quân và dân hai nước anh em Lào và Campuchia, coi sự nghiệp giải phóng của bạn như của mình.

Tháng 3-1948, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bộ Tổng Chỉ huy đã ra chỉ thị về “phương châm, phương hướng hoạt động trên các mặt trận Lào và Miên”. Chính đồng chí Võ Nguyên Giáp đã giới thiệu với các nhà lãnh đạo của Lào về kinh nghiệm công tác vận động quần chúng, gây cơ sở chính trị, tổ chức dân quân, đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng khu giải phóng và cùng Đảng, quân đội tổ chức ra những mặt trận liên minh chiến đấu hỗn hợp giữa ta với bạn²...

1. Trần Trọng Trung: “Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trên từng chặng đường Tây Bắc - Điện Biên - Kỷ niệm 49 năm chiến thắng Điện Biên Phủ”, *Tlđđ*.

2. Như: Liên khu 10 với Thượng Lào, Liên khu 4 với Trung Lào, Liên khu 5 với Hạ Lào, Đông Bắc Nam Bộ với Đông và Tây Bắc Campuchia...

nhờ đó, góp phần cùng cách mạng Lào xây dựng quân đội Lào Ítxala; xây dựng các khu giải phóng ở Hạ Lào, Trung Lào và Thượng Lào; phối hợp chiến đấu trong các chiến dịch Sông Mã, Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào... Đồng chí Võ Nguyên Giáp cũng theo dõi chặt chẽ và giúp Trung ương, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ xây dựng kế hoạch, tổ chức và phân công lực lượng của các khu VII, VIII, IX cử cán bộ dân vận, các đơn vị lực lượng vũ trang giúp cách mạng Campuchia xây dựng cơ sở chính trị, phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, hoạt động du kích; xây dựng tổ chức Ítxarắc và các đơn vị bộ đội hỗn hợp Sivôtha; xây dựng căn cứ kháng chiến... góp phần đưa phong trào kháng chiến Campuchia phát triển tương đối đều khắp trong các vùng Tây Nam, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Bắc. Đến cuối năm 1949, 14/15 tỉnh của Campuchia đã có vùng giải phóng và căn cứ du kích; phong trào kháng chiến phát triển xuống đồng bằng, buộc Bộ Chỉ huy quân đội Pháp phải điều 6.000 quân từ Nam Bộ sang Campuchia đóng đồn bốt đối phó và ngăn chặn sự phối hợp chiến đấu giữa lực lượng vũ trang hai nước.

Ngay từ những ngày đầu kháng chiến toàn quốc, trục đường 5 đã luôn là một chiến trường có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đây là con đường huyết mạch nối liền căn cứ đầu não và căn cứ hậu cần chủ yếu của

quân Pháp ở miền Bắc là Hà Nội và cảng Hải Phòng. Tháng 2-1948, thực hiện chủ trương của Bộ Tổng Chỉ huy, Mặt trận 5 được thành lập để thống nhất và trực tiếp chỉ đạo các lực lượng tác chiến ở khu vực đường 5. Ngày 30-11-1948, Bộ Tổng Chỉ huy triệu tập Hội nghị Mặt trận Hà Nội - đường 5 - Hải Phòng để nghiên cứu Huấn lệnh của Bộ Tổng Chỉ huy gửi cho Mặt trận. Việc phát triển chiến tranh nhân dân dọc đường 5 đã dẫn đến quyết định của Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng Chỉ huy thành lập Mặt trận Hà Nội - đường 5 - Hải Phòng. Tổng Chỉ huy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chủ trì hội nghị.

Sau khi nêu vai trò quan trọng của Mặt trận Hà Nội - Đường 5 - Hải Phòng trong chiến lược mới của địch, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh tầm quan trọng của mặt trận: “Chiến lược của ta trong lúc này không những nhằm mục đích đánh tan mưu mô chính trị và kinh tế của địch nói chung, mà phải đánh rất mạnh vào vùng sau lưng địch để phá hủy lực lượng chính trị, kinh tế của địch, quấy rối hậu phương của chúng... Đem chiến lược này áp dụng vào chiến trường Bắc Bộ thì Hà Nội phải được coi là mặt trận địch hậu quan trọng nhất về chính trị và quân sự, Hải Phòng và đường số 5 là một mặt trận địch hậu quan trọng nhất về quân sự và kinh tế. Nhiệm vụ của chúng ta là biến Hà Nội và Hải Phòng thành một chiến trường cắt đứt

đường số 5”¹. Kết luận Hội nghị, Đại tướng, Tổng Chỉ huy đã nói: Những nhiệm vụ của các đồng chí là rất nặng nề. Nhưng chúng ta đã có tinh thần, thêm vào đó có chủ trương chính xác và nỗ lực luyện tập để nâng cao khả năng kỹ thuật, chiến đấu, nhất định chúng ta sẽ thành công. Bộ Quốc phòng - Bộ Tổng Chỉ huy mong đợi các đồng chí những chiến công rực rỡ. Và thực tế đường 5 đã trở thành “Con đường khùng khiếp” đối với kẻ địch. Trong lời tuyên dương của Bộ Quốc phòng - Bộ Tổng Chỉ huy năm 1948, mặt trận đường 5 được coi là “Mặt trận điển hình thứ nhất đánh vào địch hậu, vùng biển và miền đồng bằng”².

Tóm lại, trong năm 1948, thực hiện phương châm của Trung ương Đảng và Bộ Tổng Chỉ huy: “Biến hậu phương địch thành tiền phương của ta”, quân và dân ta từ Nam chí Bắc đã thu nhiều thắng lợi vẻ vang. Sau một thời gian chấp hành chủ trương trở về bám dân, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, ta đã có hàng trăm đội xung phong công tác, đại đội độc lập, đại đội vũ trang tuyên truyền cùng hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ các ngành dân - chính - đảng tiến vào vùng địch tạm chiếm hoạt động. Chính vì vậy cơ sở chính trị được xây dựng lại ở hầu khắp vùng địch tạm chiếm, phong trào chiến tranh du kích được khôi phục.

1, 2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.502.

Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu họp từ ngày 14 đến ngày 18-1-1949 dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh đã ra nghị quyết về nhiệm vụ quân sự năm 1949, phương châm chiến lược và những công tác quân sự cần kíp, tích cực chuẩn bị tổng phản công. Trong Hội nghị cán bộ Trung ương lần này, đồng chí Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chính ủy đã đọc một bản báo cáo về quân sự. Đại tướng dẫn ra những thực tế về chủ trương và hoạt động của ta và của địch trên chiến trường để khẳng định: sau Việt Bắc, cuộc kháng chiến đã bước sang giai đoạn mới.

Sau Hội nghị cán bộ Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Chỉ huy kiêm Tổng Chính ủy triệu tập cuộc họp cán bộ quân sự và chính trị cao cấp vào ngày 20-1-1949 để phổ biến Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu. Tổng Chỉ huy - Tổng Chính ủy thấy rằng, sau Hội nghị cán bộ Trung ương, cần bàn sâu về mặt quân sự để chỉ huy các chiến trường quán triệt sâu sắc về mặt quân sự từ đó chỉ huy và triển khai thuận lợi hơn kế hoạch tổng phản công. Kế hoạch đề ra là phải nhằm hướng yếu nhất của địch và có tác dụng chiến lược lớn đối với ta, tập trung mở một chiến dịch tiến công, giành thắng lợi căn bản, đẩy mạnh kháng chiến lên một bước phát triển mới; phải tiếp tục mở những chiến dịch lớn, tiêu diệt sinh lực địch, đánh tan các khối

ngụy binh, dồn hẹp phạm vi của địch, giành chủ động chiến lược từng bộ phận¹. Để thực hiện nhiệm vụ, chủ trương và kế hoạch tác chiến, đồng chí Võ Nguyên Giáp cho rằng “vấn đề quan trọng nhất cần giải quyết hết sức khẩn trương là vấn đề *xây dựng lực lượng*, cấp bách nhất là *xây dựng bộ đội chủ lực*”².

Với cách mạng Trung Quốc, ngay từ năm 1948, khi những đơn vị du kích Trung Quốc ở vùng biên giới giáp Việt Nam đang gặp khó khăn và thiếu lương thực do quân đội Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch tăng cường càn quét, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã cùng Thường vụ Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đồng chí Trang Điền (phái viên của đồng chí Chu Ân Lai cử sang giúp ta), bàn về việc phối hợp chiến đấu và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai quân đội cách mạng. Tháng 3-1949, một bộ phận bộ đội, du kích và cơ quan hậu phương của bạn ở hai khu Tĩnh Tây, Trấn Biên đã tạm thời chuyển qua biên giới nước ta hoạt động.

Tháng 4-1949, lãnh đạo phong trào du kích ở Quảng Tây, Trung Quốc đề nghị quân đội Việt Nam phối hợp

1. Xem Võ Nguyên Giáp: “Kế hoạch quân sự năm 1949, chuẩn bị Tổng phản công (20-1-1949)”, hồ sơ 241, tờ 52, Phòng Bộ Quốc phòng, Lưu trữ Bộ Quốc phòng.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Sdd, tr.553.

chiến đấu, giúp đánh quân Tưởng giải phóng khu Ung - Long - Khâm. Được sự đồng ý của Trung ương Đảng, ngày 23-4-1949, Bộ Tổng Tư lệnh đã giao cho Bộ Tư lệnh Liên khu I giúp bạn xây dựng một khu giải phóng ở vùng Ung - Long - Khâm, đồng thời đẩy mạnh hoạt động ở vùng Đông Bắc để mở rộng khu tự do ra tận biên giới và thông ra biển, nối liền với khu giải phóng Việt Quế của bạn¹. Cán bộ, chiến sĩ quân đội ta đã sát cánh cùng bạn chiến đấu giành thắng lợi trong chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn, mở rộng và củng cố khu giải phóng Thập Vạn Đại Sơn; đánh địch tiểu phỉ ở vùng Khâm Châu, tiêu diệt hơn 1 trung đoàn địch; diệt và bức rút 10/12 vị trí đồn trú của địch ở huyện Phòng Thành... làm cho các khu căn cứ của bạn nối liền một dải. Tháng 10-1949, khi lực lượng vũ trang của bạn ở Diên Quế, Việt Quế đã liên lạc được

1. Một bộ chỉ huy chiến dịch chung (có tên gọi là Bộ Tư lệnh khu Thập Vạn Đại Sơn) do đồng chí Lê Quảng Ba (Phó Tư lệnh Liên khu I) làm Tư lệnh và đồng chí Trần Minh Giang (cán bộ của bạn) là Chính trị ủy viên. Trên cả hai mặt trận của chiến dịch là Diên Quế, đồng chí Nam Long của ta là chỉ huy trưởng, đồng chí Hoàng Bình của bạn là chỉ huy phó; và Long Châu, đồng chí Thanh Phong là chỉ huy trưởng, các đồng chí Chu Huy Mân và Long Xuyên là chỉ huy phó. Bộ Tổng Tham mưu cũng cử một đoàn cán bộ tham mưu sang giúp Bộ Tư lệnh khu Thập Vạn Đại Sơn về công tác tham mưu và theo dõi diễn biến chiến dịch để báo về Bộ Tổng Tư lệnh.

với quân chủ lực của bạn, ta để một đại đội tiếp tục ở lại phối hợp cùng bạn xây dựng cơ sở, củng cố và mở rộng vùng giải phóng, còn lại rút về nước. Bộ Tư lệnh Thập Vạn Đại Sơn đã nhận định: Thắng lợi về quân sự đã quan trọng, nhưng thắng lợi về chính trị còn lớn hơn nhiều. Một số cán bộ, chiến sĩ ta (trong đó có nhà văn quân đội Trần Đăng) đã vĩnh viễn nằm lại trên đất Trung Quốc, nhưng bộ đội ta đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong nhân dân địa phương về tinh thần quốc tế của một đội quân cách mạng.

Sau một thời gian chuẩn bị của Bộ Tổng Tham mưu, ngày 13-9-1949, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã ký Mệnh lệnh số 377/CSV chuẩn bị chiến dịch Lê Lợi (chiến dịch Hòa Bình). Mục đích của chiến dịch là nhằm phá thế uy hiếp của địch sau lưng Liên khu III (Hòa Bình); mở rộng đường giao thông liên lạc giữa Việt Bắc với Liên khu III; tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch; phá khối nguy binh Mường. Phương châm của chiến dịch là tập trung binh lực tiêu diệt những vị trí của địch trong phạm vi Hòa Bình, Xuân Mai, Vụ Bản, Suối Rút, đánh tiếp viện, giao thông và tiếp tế của địch. Chú trọng mở rộng cơ sở phát động chiến tranh nhân dân, phát triển nguy vận. Chiến dịch Lê Lợi kết thúc cuối tháng 1-1950. Ta tiêu diệt được một bộ phận sinh lực địch, diệt

10 vị trí, bức rút 13 vị trí khác, phát triển chiến tranh du kích địa phương, đánh mạnh vào kế hoạch lập xứ Mường tự trị và tinh thần lính ngụy người Mường. Ta đã phá được một phần thế uy hiếp của địch đối với phía tây Liên khu III, bước đầu mở rộng được đường giao thông liên lạc giữa Việt Bắc với Thanh - Nghệ.

3. Từ chiến dịch Biên giới đến chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ

Sau năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam đã bước sang năm thứ năm, trong bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực có nhiều biến đổi lớn, tác động lớn đến sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta. Trong đó, Trung Quốc, Liên Xô, Mông Cổ, Triều Tiên, Tiệp Khắc, Cộng hòa dân chủ Đức, Ba Lan và nhiều nước khác chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta. Thắng lợi của cách mạng Trung Hoa mang lại cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta những thuận lợi to lớn, đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ trước mắt là phải nhanh chóng giải phóng một vùng biên giới phía Bắc tiếp giáp với khối xã hội chủ nghĩa. Đây là hậu phương lớn của cách mạng ba nước Đông Dương.

Trước những biến đổi của tình hình quốc tế và trong nước, ngay từ tháng 1-1950, Trung ương Đảng

đã tiến hành Hội nghị toàn quốc lần thứ ba và tiếp đó là nhiều chỉ thị nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo toàn dân, toàn quân tiếp tục thực hiện thắng lợi sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Tại Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương (từ ngày 21-1 đến ngày 3-2-1950), Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã trình bày báo cáo quân sự, trong đó xác định năm 1950 là “một năm chuyển hướng chiến lược”¹, chuyển mạnh sang tổng phản công. Phương châm tác chiến căn bản của ta là “vận động chiến là chính, du kích chiến là phụ, trận địa chiến là phụ”. “Nhiệm vụ quân sự cụ thể và cần kíp của ta nói chung là: một phương diện chiến đấu để tiêu diệt sinh lực của địch, một phương diện gấp rút bồi dưỡng và xây dựng lực lượng của ta để trong năm nay thực hiện được đủ điều kiện, chuyển mạnh sang tổng phản công.

Nhiệm vụ tác chiến và nhiệm vụ xây dựng lực lượng quân sự cần được thực hiện song song và cần được liên hệ chặt chẽ với nhau... cho đến khi chuyển sang tổng phản công, trọng tâm vẫn là việc chuẩn bị, xây dựng lực lượng. Cho đến khi đã chuyển sang tổng phản công, thì không phải nhiệm vụ xây dựng lực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.11, tr.117.

lượng đã chấm dứt, lúc đó chỉ có việc đánh, mà trái lại, công việc xây dựng vẫn phải tiếp tục. Xây dựng trong chiến đấu, trưởng thành trong khi tiêu diệt địch, hai nhiệm vụ không thể tách riêng nhau, cho nên sự chỉ đạo phải biết liên hệ chặt chẽ và cân nhắc nặng nhẹ cho đúng lúc, đúng nơi”¹.

Đầu năm 1950, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở chiến dịch Tây Bắc (mang mật danh chiến dịch Lê Hồng Phong 1) nhằm khai thông biên giới ở hướng Lào Cai, một khâu yếu trong tuyến phòng ngự của Pháp ở biên giới Việt Nam - Trung Hoa. Ta đã làm chủ thị trấn Phố Lu, tiêu diệt vị trí đồn Bản Lầu, buộc địch phải rút khỏi Nghĩa Đô nhưng ta cũng bị tiêu hao nhiều nên chiến dịch phải tạm ngưng. Cuối tháng 4-1950, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định chuẩn bị chiến trường để tiếp tục chiến dịch Tây Bắc vào tháng 6 nhằm tiêu diệt phân khu Lào Cai và giải phóng thị xã Lào Cai.

Đầu tháng 7-1950, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định chuyển hướng chiến dịch từ Tây Bắc sang Đông Bắc, tập trung chủ yếu vào khu vực Cao Bằng - Lạng Sơn. Bộ Tổng Tư lệnh giao cho Bộ Tổng Tham mưu và Tổng cục Cung cấp triển khai công tác chuẩn bị về mọi mặt. Ngày 25-7-1950, Thường vụ Trung ương

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.11, tr.135.

Đảng quyết định thành lập Đảng ủy Mặt trận Biên giới và Bộ Chỉ huy chiến dịch (chiến dịch Lê Hồng Phong 2). Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy Mặt trận và làm Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch. Các đảng ủy viên gồm có các đồng chí: Trần Đăng Ninh, Hoàng Văn Thái, Bùi Quang Tạc, Lê Liêm. Đồng chí Hoàng Văn Thái làm Tham mưu trưởng, đồng chí Lê Liêm làm Chủ nhiệm chính trị, đồng chí Trần Đăng Ninh làm Chủ nhiệm cung cấp.

Ngày 2-8-1950, Đảng ủy chiến dịch Biên giới họp để quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng và bàn thảo kế hoạch tác chiến sơ bộ để cán bộ các đơn vị về chuẩn bị. Trong hai ngày 5 và 6-8-1950, Ban Tham mưu Mặt trận tổ chức cho Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và các cán bộ chỉ huy Trung đoàn 174, 209, Đại đoàn 308 và Trung đoàn 675 pháo binh đi trình sát địa hình Cao Bằng.

Kế hoạch giải phóng Cao Bằng đã được xây dựng và triển khai nhưng vẫn còn một số cán bộ băn khoăn về việc chọn Cao Bằng là mục tiêu mở màn chiến dịch, trong đó có Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Chính vì vậy, chuyến đi trình sát Cao Bằng đã giúp cho Đại tướng trả lời được sự băn khoăn đó. Qua chuyến nghiên cứu thực địa Cao Bằng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp càng

nhận thấy không thể chọn thị xã này làm điểm đột phá cho chiến dịch. “Quân địch ở Cao Bằng không quá đông, nhưng địa hình núi, sông hiểm trở đã tạo cho chúng cái thế như người xưa nói: “Một người giữ ải, muôn người khó vượt qua”. Đánh Cao Bằng sẽ phải giải quyết một loạt vấn đề chiến thuật mà bộ đội ta còn ít kinh nghiệm. Phải tổ chức vượt sông. Nhiều khả năng phải đột phá tung thâm sâu, dẫn tới đánh ban ngày, đánh dài ngày. Phải đối phó với quân dù, hỏa lực máy bay, đại bác trên những địa hình trống trải. Phải tiêu diệt những công trình phòng ngự rất kiên cố trong khi bộ binh ta hầu hết là vũ khí nhẹ... Và phải chăng chúng ta làm trái lời dạy của người xưa: Đánh thành là hạ sách!”¹.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho rằng cách mở đầu chiến dịch tốt nhất vẫn là đánh Đông Khê. Đông Khê là cứ điểm quan trọng nối liền Thất Khê với Cao Bằng. Cứ điểm Đông Khê mặc dù đã được củng cố, vẫn nằm trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Mất Đông Khê, địch hoặc sẽ phải chiếm lại, hoặc sẽ phải rút khỏi Cao Bằng. Ta sẽ có điều kiện tiêu diệt sinh lực địch ngoài công sự. Nếu địch không chiếm lại Đông Khê, ta sẽ đánh tiếp Thất Khê. Cuối cùng ta sẽ chấn chỉnh lực lượng quay lên giải phóng Cao Bằng. Khi đã mất cả Đông Khê và

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Sdd, tr.634.

Thất Khê, tinh thần quân địch sẽ khác, đánh địch thuận lợi hơn hiện nay nhiều. Tùy tình hình, không nhất định phải giải phóng Cao Bằng bằng một trận công kiên, mà cũng có thể bao vây buộc quân địch phải đầu hàng.

Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã nêu vấn đề này trong cuộc hội ý Đảng ủy Mặt trận. Đảng ủy đều nhận thấy đánh Cao Bằng không chắc thắng, nên chuyển sang đánh Đông Khê. Nhưng cũng có ý kiến: Thường vụ đã có quyết định đánh Cao Bằng, mọi công tác chuẩn bị về tham mưu, hậu cần đã hướng cả về Cao Bằng, nếu bây giờ thay đổi, chiến dịch sẽ bị chậm lại. Tuy nhiên Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh đã dũng cảm kết luận trước khi xin ý kiến của Trung ương: “Thường vụ quyết định mục tiêu chiến dịch là tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch quan trọng, giải phóng Cao Bằng để mở thông biên giới. Chủ trương mở đầu chiến dịch bằng đánh Cao Bằng là do Tổng Chính ủy đề xuất. Nếu thấy mở đầu chiến dịch như vậy không bảo đảm thực hiện mục tiêu chiến dịch, ta cần báo cáo để xin quyết định của Thường vụ. Trong khi chờ sự chỉ đạo của Trung ương, mọi công tác chuẩn bị vẫn tiếp tục”¹.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.635.

Ngày 15-8-1950, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận được điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương chấp thuận chuyển hướng chiến dịch sang Đông Khê. Đại tướng Võ Nguyên Giáp triệu tập ngay cuộc họp liên tịch Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch mở rộng tới một số trưởng phòng chủ chốt của ba cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp. Ngày 16-8-1950, Đảng ủy mặt trận họp để nghe đồng chí Tham mưu trưởng chiến dịch báo cáo dự kiến kế hoạch đánh Cao Bằng. Sau khi trình bày phương án xong, đồng chí nêu lên những thuận lợi và khó khăn về địa hình, địch, ta, và những ý kiến của Đảng ủy đã thảo luận “nên đánh Cao Bằng hay đánh Đông Khê”. Hội nghị trao đổi rất sôi nổi giữa hai ý kiến nêu trên. Cuối cùng đồng chí Võ Nguyên Giáp - Bí thư Đảng ủy chiến dịch kết luận ý kiến của hội nghị: “Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch đã nghe các cấp chỉ huy đi trình sát Cao Bằng về báo cáo. Sau khi phân tích và cân nhắc kỹ mọi mặt, thấy muốn đạt được những mục tiêu chiến dịch của Trung ương đề ra, cần phải thay đổi phương án tác chiến. Phương án tác chiến mới đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh phê chuẩn... tập trung lực lượng tiêu diệt Đông Khê, đồng thời tiêu diệt quân tiếp viện, đặc biệt là quân dù. Sau đó tập trung lực lượng tiêu diệt Thất Khê. Nếu địch ở Thất Khê chưa tăng viện thì nhanh chóng chuẩn bị tiêu diệt Thất Khê ngay.

Nếu địch đã kịp tăng viện cho Thất Khê thì có thể chưa đánh Thất Khê mà chuyển sang đánh các cứ điểm nhỏ và quân cơ động địch ở phía nam Thất Khê trước. Sau khi đã tiêu diệt Đông Khê, Thất Khê và một bộ phận quân ứng chiến, bộ đội ta sẽ nghỉ ngơi một thời gian để chấn chỉnh, rồi tập trung toàn bộ lực lượng tiến công Cao Bằng...”¹. Quyết định này làm đảo lộn công tác chuẩn bị vốn đã triển khai rất vất vả một tháng trước, đặt ra cho bộ phận tham mưu và cung cấp chiến dịch nhiều công tác quan trọng phải giải quyết trong thời gian gấp. Tuy vậy, những thắc mắc của cán bộ đã được Đảng ủy Mặt trận giải quyết tương đối triệt để trong hội nghị và tiếp tục trong quá trình chuẩn bị chiến dịch.

6 giờ ngày 16-9-1950, chiến dịch Biên giới chính thức bắt đầu. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh mà trực tiếp là tinh thần táo bạo, dũng cảm, sáng tạo của Ban Chỉ huy chiến dịch, chiến dịch Biên giới đã giành thắng lợi vang dội. Ngày 27-11-1950, Hội nghị tổng kết chiến dịch được tổ chức tại Chợ Đồn, Thái Nguyên. Phối hợp với chiến dịch Biên giới, các chiến trường đã đồng loạt tiến công địch. Sau chiến dịch Biên giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Trong toàn cuộc trường kỳ kháng chiến

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.636-637.

thì thắng lợi này chỉ mới là một bước đầu. Chúng ta còn đánh và thắng nhiều trận gay go hơn, to tát hơn nữa, mới đi đến thắng lợi hoàn toàn”¹.

Hạ tuần tháng 11-1950, Ban Thường vụ Trung ương phê chuẩn phương án tác chiến của Bộ Tổng Tư lệnh, quyết định mở chiến dịch Trần Hưng Đạo, còn được gọi là chiến dịch Trung du vì địa bàn tiến công địch ở trung du, vùng duyên hải Đông Bắc và Liên khu III, nhằm mục đích: tiêu diệt sinh lực địch; mở rộng khu lương thực, phát triển du kích chiến tranh; tranh thủ thời gian phá kế hoạch củng cố của địch. Ngày 30-11-1950, Đảng ủy Mặt trận được chỉ định gồm 5 đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Chu Văn Tấn, Trần Hữu Dục và Đào Văn Trường. Đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bí thư và Chỉ huy trưởng Mặt trận. Ngày 17-1-1951, chiến dịch Trung du kết thúc.

Theo kế hoạch, sau chiến dịch Trung du ta sẽ mở tiếp chiến dịch tại Liên khu III nhưng Tổng Chính ủy có ý kiến thay đổi hướng. Khi chiến dịch Trung du sắp kết thúc, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã gửi báo cáo lên Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập hướng chiến dịch sắp tới như sau: Trước đây Trung

1. Bộ Tổng tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Sdd, tr.380.

ương Đảng có quyết định sau chiến dịch Trung du thì xuống Liên khu III. Nhưng cũng có ý kiến đề xuất đánh ở Trung du một lần nữa ở hướng Lục Nam, Phủ Lạng Thương. Đồng chí phân tích: “Phòng tuyến Trung du địch đã củng cố nhưng là chiến trường quen thuộc có lợi về cung cấp còn ở Liên khu III có lợi về địch nhưng cung cấp khó, vận chuyển bộ đội xa, địa hình phía Nam có nhiều sông ngòi chia cắt”¹. Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch ở hướng Đông Bắc, lấy tên là chiến dịch Hoàng Hoa Thám. Ngày 30-1-1951, Trung ương Đảng đã chỉ định Đảng ủy chiến dịch gồm 5 đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Thái, Trần Hữu Dực do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bí thư Đảng ủy kiêm Chỉ huy trưởng chiến dịch. Trung ương xác định mục đích chiến dịch là “tiêu diệt sinh lực địch, phá kế hoạch chấn chỉnh phòng ngự của chúng và đẩy mạnh chiến tranh du kích”². Ngày 9 và 10-2-1951, Đảng ủy họp lần đầu ở Diêm Mạc, Định Hóa, nghe Bộ Tham mưu báo cáo về phương án tác chiến. Ngày 5-4-1951, chiến dịch Hoàng Hoa Thám kết thúc. Chiến dịch để lại

1. Bộ Tổng tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Sdd, tr.448.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Sdd, tr.716.

cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp một ấn tượng mạnh mà sau này ông mới biết, chiến dịch Hoàng Hoa Thám tiếp nối ngay sau chiến dịch Trung du đã khiến cho Jean de Lattre de Tassigny bắt đầu “lo lắng nhận ra khó khăn cực độ trong nhiệm vụ mà mình thực hiện”¹. De Lattre buộc phải làm trái với tính cách của mình là giữ lại những binh đoàn cơ động tránh một cuộc đụng độ ở vùng rừng núi, kiên nhẫn chờ quân ta cạn lương thực rút lui. De Lattre đã tâm sự với viên quan ba tùy tùng Roayê: “Thật kinh khủng, cái công việc mà tôi đã dấn thân vào. Đến bây giờ tôi thực sự chưa hoàn toàn biết giải thích ra sao”².

Từ ngày 11 đến 19-2-1951, Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương chính thức khai mạc tại xã Quang Vinh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Đại hội đã quyết định ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia có một đảng cách mạng riêng. Ở Việt Nam, đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi là Đảng Lao động Việt Nam, đảm nhiệm sứ mệnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của Việt Nam, giúp đỡ và phối hợp với các tổ chức cách mạng của Lào và Campuchia. Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã nêu lên hai nhiệm vụ chính của Đảng: đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và tổ chức

1, 2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sđd*, tr.724, 724.

Đảng Lao động Việt Nam. Chiều ngày 14-2, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trình bày báo cáo quân sự tại Đại hội.

Báo cáo gồm các điểm:

1- Vũ trang tranh đấu trường kỳ là con đường độc lập và dân chủ.

2- Nắm vững phương châm chiến lược.

3- Xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh.

4- Tích cực giúp đỡ cuộc đấu tranh giải phóng Miên - Lào.

5- Kịp thời toàn sự chỉ đạo chiến tranh của Đảng, giành lấy thắng lợi hoàn toàn¹.

Bản báo cáo thực chất là tổng kết 5 năm kháng chiến (1946 - 1950) và đề ra nhiệm vụ quân sự trong giai đoạn mới.

Báo cáo quân sự tại Đại hội được thông qua. Đại hội đã ra nghị quyết về quân sự tiếp tục khẳng định đường lối kháng chiến “toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh”. Nghị quyết nhấn mạnh phải kiên trì lãnh đạo chiến tranh. Đảng chủ trương xây dựng một quân đội nhân dân mạnh mẽ, chân chính với ba đặc điểm: dân tộc, nhân dân và dân chủ. Khẩn trương xây dựng bộ đội chính quy, củng cố bộ đội địa phương và phát triển dân quân du kích.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.252.

Phương châm tác chiến vẫn là “lấy du kích làm chính, vận động chiến là phụ, nhưng phải đẩy mạnh vận động chiến tiến lên để vận động chiến trở thành chủ yếu”¹. Tuy vậy, do đặc điểm của chiến tranh phát triển không đều nên chỉ đạo phải dựa vào điều kiện cụ thể của mỗi chiến trường mà vận động phương châm cho thích hợp. “Phải nắm vững nguyên tắc tiêu diệt chiến”.

Cuối tháng 3-1951, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Nguyễn Chí Thanh báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương, đề nghị sau chiến dịch Hoàng Hoa Thám ta sẽ mở chiến dịch tại Liên khu III, không đánh Móng Cái. Trung tuần tháng 4-1951, Bộ Chính trị họp với sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh nghe báo cáo về chiến dịch Hoàng Hoa Thám và chủ trương mở tiếp một chiến dịch trước mùa mưa. Ngày 20-4-1951, Trung ương ra nghị quyết mở chiến dịch Quang Trung (bí danh của chiến dịch Hà Nam Ninh vì địa bàn lựa chọn trong chiến dịch Quang Trung là ba tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình thuộc khu nam đồng bằng của địch) ở Liên khu III, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá tan khối nguy binh, đẩy mạnh chiến tranh du kích và tranh thủ nhân dân. Đảng ủy chiến dịch gồm các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Hoàng Văn Thái, Hoàng Sâm.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.691.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là Bí thư Đảng ủy, Chỉ huy trưởng chiến dịch.

Đảng ủy đề ra nguyên tắc chỉ đạo tác chiến: “Đánh ăn chắc, chắc thắng mới đánh, dù đánh lớn đánh nhỏ đều phải đánh với điều kiện nắm chắc phần thắng lợi”. Đảng ủy cũng nhắc nhở các đơn vị nếu viện binh địch xuất hiện trong điều kiện có lợi cho ta thì vận động tiêu diệt địch. Trước mắt “tranh thủ tiêu diệt nhiều vị trí địch cùng một lúc. Nếu có điều kiện thì tiêu diệt viện”¹. Ngày 20-6-1951, Chiến dịch Quang Trung kết thúc thắng lợi.

Như vậy từ trung tuần tháng 9-1950 đến tháng 5-1951, ta đã mở liên tiếp bốn chiến dịch lớn, huy động từ 2 - 3 đại đoàn, có những đại đoàn, trung đoàn tham dự liên ba chiến dịch, riêng Đại đoàn 308 có mặt trong suốt bốn chiến dịch. Trong hội nghị tổng kết chiến dịch Quang Trung, đồng chí Vi Quốc Thanh (cố vấn Trung Quốc) nói: “Bộ đội Việt Nam thực sự là một bộ đội cách mạng. Chỉ có bộ đội cách mạng mới vượt qua được những thử thách lớn như vậy. Không đầy một năm, hành quân nghìn dặm, liên tiếp đương đầu với bom đạn của đế quốc Pháp, dù sắt đá cũng phải mòn!”².

1, 2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sđd*, tr.734, 742.

Tháng 10-1951, Bộ Tổng Tham mưu báo cáo Tổng Chính ủy về dự kiến kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1951 - 1952. Ngày 15-11-1951, Tổng Chính ủy họp và trao đổi thống nhất nhận định: Địch đã giành lại quyền chủ động. Đánh Hòa Bình, chúng đã mở rộng phạm vi chiếm đóng, giành được một vị trí chiến lược quan trọng, cắt đứt liên lạc giữa Việt Bắc với Liên khu III và miền Nam, sẽ gây cho ta nhiều khó khăn về chính trị và kinh tế. Nhưng địch phải đưa một lực lượng cơ động lớn ra Hòa Bình, địch hậu sẽ sơ hở, chiến tranh du kích lại có điều kiện phát triển. Địch phân tán một bộ phận cơ động lên chiến trường rừng núi, giao thông không thuận lợi, trong một thời gian nữa mới củng cố được thể phòng ngự, chúng ta sẽ có cơ hội để tiêu diệt sinh lực địch. Do đó, Tổng Chính ủy đề nghị Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cho mở chiến dịch Hòa Bình, chuyển hướng hoạt động thụ động sang tiến công địch mới chiếm đóng. Hòa Bình là hướng chính, các nơi khác là hướng phối hợp”¹. Mục đích của chiến dịch là: “Tiêu diệt sinh lực địch. Đẩy mạnh chiến tranh du kích”².

Ngày 23-11-1951, Bộ Chính trị họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất trí với đề nghị của Tổng Chính ủy chuyển hướng chiến dịch về Hòa Bình. Trước khi lên đường tới sở chỉ huy tiền phương, Đại

1, 2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.774.

tướng Võ Nguyên Giáp viết bản Huấn lệnh kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sĩ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích: *“Tìm địch mà đánh, diệt các cứ điểm mới đóng của địch, diệt các đội càn quét của chúng, cắt đứt đường giao thông liên lạc của chúng, biến sông Đà thành sông Lô năm xưa, đường số 6 thành đường số 4, tiêu diệt sinh lực địch, phá tan âm mưu chiếm đóng Hòa Bình”*¹. Đến ngày 27-1-1952, Tổng Quân ủy họp quyết định kết thúc đợt 3 chiến dịch.

Căn cứ vào tình hình mặt trận, Tổng Chính ủy quyết định: *“Tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, tiếp tục kiểm chế lực lượng của chúng, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở hậu địch, tranh thủ chấn chỉnh lực lượng nhất là bộ đội chủ lực để khi có thời cơ đánh mạnh trên mặt trận Hòa Bình, đường số 6. Ta chỉ sử dụng một phần ba lực lượng để tiếp tục bao vây Hòa Bình và chia cắt đường số 6”*². Đây là căn cứ để các đơn vị tham mưu xây dựng kế hoạch đánh địch rút chạy.

Như vậy, chiến dịch Đông Xuân 1951 - 1952 là chiến dịch dài ngày nhất, trên địa bàn chiến đấu rộng lớn nhất, tiêu diệt sinh lực địch cao nhất, giải phóng nhiều đất đai nhất. Thời gian chiến dịch dài hơn ba tháng và là một chiến dịch kép. Một chiến dịch được diễn ra trên hai

1, 2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.777, 800.

mặt trận. Mặt trận chính là Hòa Bình, mặt trận phối hợp là vùng địch hậu ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Trong suốt chiến dịch, hai mặt trận này đã gắn bó với nhau một cách hữu cơ, tạo điều kiện cho nhau để giành thắng lợi. Chiến dịch Đông Xuân 1951 - 1952 là một biểu hiện tập trung của nghệ thuật chiến tranh toàn dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Ba thứ quân trong trận đánh dài ngày trên chiến trường rộng lớn đã chứng tỏ khả năng phối hợp nhịp nhàng. Chiến thắng Hòa Bình củng cố niềm tin: với chiến tranh toàn dân, dù lực lượng vũ trang của ta còn có hạn, ta vẫn có thể giành quyền chủ động trên chiến trường chính để đi tới chiến thắng.

Tháng 3-1952, Tổng Chính ủy quyết định mở một chiến dịch lớn ở Tây Bắc. Sau thất bại của chiến dịch Hòa Bình, Bộ Chỉ huy quân Pháp quay trở về mở những cuộc càn quét lớn để bình định vùng tạm chiếm nhằm tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của De Lattre de Tassigny. Trong mùa Hè và mùa Thu năm 1952, quân Pháp đã mở 21 trận càn ở Bắc Bộ, 46 trận ở Trung Bộ, 28 trận ở Nam Bộ¹.

Từ ngày 6 đến ngày 9-9-1952, Bộ Tổng Tham mưu tổ chức giao nhiệm vụ cho các đơn vị. Tư tưởng chung của bộ đội lúc này vẫn hướng về đồng bằng nên trong

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.810.

khi giao nhiệm vụ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: “Ở đồng bằng cũng như ở Tây Bắc, ta đều có điều kiện tiêu diệt địch, nhưng ở Tây Bắc ta có nhiều thuận lợi để tác chiến tập trung và tiêu diệt địch nhiều hơn. Ở đồng bằng và ở Tây Bắc, ta đều có nhiệm vụ và điều kiện tranh thủ nhân dân, song ở Tây Bắc việc tranh thủ nhân dân có ý nghĩa đặc biệt hệ trọng. Vì ở đây âm mưu phá hoại đoàn kết, chia rẽ dân tộc của địch rất thâm độc, các thế lực thù địch còn mạnh, còn khống chế được đại bộ phận các dân tộc. Giải phóng một bộ phận đất đai ở Tây Bắc là thực hiện một phương châm có ý nghĩa quan trọng về chiến lược, để mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc, giữ vững đường giao thông quốc tế và tạo những điều kiện mới cho cách mạng Lào. Cả ba nhiệm vụ tiêu diệt địch, giải phóng đất đai, tranh thủ nhân dân đều quan trọng và có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch có vị trí đặc biệt, vì có tiêu diệt nhiều sinh lực địch mới làm được tốt hai nhiệm vụ kia. Chúng ta vừa đánh phá hệ thống bình định, kìm kẹp của địch, vừa tổ chức tiến công địch trong công sự, vừa bố trí lực lượng thích đáng đánh địch trong vận động, đánh địch đến cứu viện. Tìm mọi cách kéo địch ra khỏi công sự, lôi viện binh địch đến mà tiêu diệt...”¹.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.822-823.

Ngày 9-9-1952, Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch. Đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Hoàng Văn Thái, Tham mưu trưởng, đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm chính trị, đồng chí Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm cung cấp.

Qua ba đợt, chiến dịch Thu Đông năm 1952 kết thúc, chiến dịch đã thành công vượt mức dự kiến. Ngày 10-12-1952, hội nghị sơ kết chiến dịch được tổ chức ngay tại sở chỉ huy tiền phương. Chiến dịch Tây Bắc mùa khô 1952 đã khẳng định một phương hướng chiến lược mới được mở ra từ chiến dịch Hòa Bình. Ta hoàn toàn có khả năng điều động quân địch từ đồng bằng lên rừng núi để chiến đấu và giành thắng lợi.

Ngày 2-2-1953, Tổng Quân ủy nhất trí mở chiến dịch Xuân Hè năm 1953 ở Thượng Lào. Tổng Quân ủy đề nghị với Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh cho phối hợp với các bạn Lào mở một chiến dịch ở Sầm Nưa nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giúp Chính phủ kháng chiến Lào xây dựng hậu phương cho kháng chiến, buộc địch phải phân tán lực lượng cơ động, ngăn chặn âm mưu địch vãn hồi tình hình ở Tây Bắc và bình định đồng bằng Bắc Bộ của ta.

Bộ Chỉ huy chiến dịch được thành lập, đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Hoàng Văn Thái, Tham mưu trưởng, đồng chí Nguyễn Chí Thanh,

Chủ nhiệm chính trị, đồng chí Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm cung cấp. Chiến dịch Thượng Lào kết thúc thắng lợi. Tại Xiêng Khoảng, trong cuộc mít tinh mừng chiến thắng, đồng chí Phumi Vôngvichít nói: “Thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào là thắng lợi của tinh thần đoàn kết giữa hai dân tộc và hai quân đội Việt - Lào”¹.

Sau thất bại tại chiến dịch Biên giới, quân đội Pháp lâm vào thế phòng thủ bị động. Đầu tháng 5-1953, trước nguy cơ thảm bại, Chính phủ Pháp quyết định cử tướng Navarre sang làm Tổng Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Navarre đã vạch ra một kế hoạch mang tên mình với âm mưu chuyển bại thành thắng.

Thực hiện Kế hoạch Navarre, thực dân Pháp chủ trương giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc (vĩ tuyến 18) và tấn công bình định ở miền Nam, xóa sổ vùng tự do Liên khu V sau đó thực hiện tấn công chiến lược ở miền Bắc, giành thắng lợi quân sự, buộc ta phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho chúng.

Mùa thu năm 1953, thực dân Pháp đã tập trung một lực lượng lớn ở đồng bằng Bắc Bộ gồm 44 tiểu đoàn cơ động trong tổng số 112 tiểu đoàn với ý đồ thâm độc và được đánh giá là rất cao tay. Đó là chúng vừa sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công của chủ lực ta mà chúng

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.858.

phán đoán là nhiều khả năng xảy ra ở đồng bằng; vừa có lực lượng để cơ động mở chiến dịch Atlante, đánh chiếm vùng tự do Liên khu V và đối phó với chiến tranh du kích đang phát triển mạnh ở các vùng chúng tạm chiếm; vừa uy hiếp được các vùng tự do rộng lớn như Thanh - Nghệ - Tĩnh, Trung du và Việt Bắc, buộc chủ lực của ta phải bị động đề phòng và không dám tiến quân đi hướng khác.

Thực hiện kế hoạch chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954, trước khi mở cuộc tấn công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, bộ đội ta đã tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng toàn khu Tây Bắc, chủ lực của ta phối hợp với quân giải phóng Pathet Lào tiến công vào Trung Lào và Hạ Lào, phát triển xuống vùng Đông Bắc Campuchia, bắt liên lạc với chủ lực của ta ở miền Đông Nam Bộ. Chủ lực Liên khu V tiến công giải phóng Bắc Tây Nguyên, nối liền với vùng cao nguyên Bôlôven vừa được giải phóng. Chiến trường Đông Dương của địch bị cắt thành nhiều mảnh. Như vậy, dưới sự chỉ đạo chiến lược sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy đã điều động được lực lượng địch đến những chiến trường có lợi để ta tiêu diệt chúng. Kế hoạch Navarre bị đảo lộn và bắt đầu phá sản.

Đầu tháng 12-1953 đã diễn ra hai chủ trương chiến lược đối nghịch giữa hai bộ thống soái của ta và thực

dân Pháp. Phía Pháp, Navarre quyết định tăng binh khí lên Tây Bắc, xây dựng trên cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ) một tập đoàn cứ điểm mạnh với hàng vạn quân tinh nhuệ cùng mọi trang thiết bị hiện đại có thể huy động với hy vọng biến lòng chảo hơn 100km² thành một cỗ máy khổng lồ nghiền nát chủ lực của đối phương một “pháo đài không thể công phá”, biến nơi đây thành điểm quyết chiến chiến lược giữa chúng và bộ đội Việt Nam để quyết định cục diện chiến trường. Ngược lại, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận nhiệm vụ của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phải tiêu diệt toàn bộ quân địch trong lòng chảo Mường Thanh.

Điện Biên Phủ là một thung lũng lớn nằm ở phía tây vùng rừng núi Tây Bắc sát biên giới Việt - Lào, cách biên giới các nước Trung Quốc, Miến Điện, Thái Lan từ 150 - 300km, cách Hà Nội 300km đường chim bay. Nơi đây không những giữ vị trí chiến lược quan trọng ở Tây Bắc mà còn trên cả chiến trường Đông Dương. Theo tính toán của người Pháp, dù là nơi xa xôi, hẻo lánh nhưng không thể phủ nhận Điện Biên Phủ có một vị trí đặc biệt, là ngã tư chiến lược quan trọng không những đối với chiến trường Đông Dương mà còn đối với khu vực Đông Nam Á. Một trục giao thông nối liền các miền biên giới Lào, Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc. Đó là “một cái chìa khóa để bảo

vệ Thượng Lào”, một “bàn xoay” có thể xoay đi bốn phía Việt Nam, Lào, Miến Điện và Trung Quốc. Đây cũng sẽ trở thành một căn cứ không quân, lực quân lợi hại phục vụ tối ưu cho các chính sách mà Pháp tiến hành ở Việt Nam. Từ Điện Biên Phủ, quân Pháp có thể bảo vệ được Lào rồi từ đó đánh chiếm ra các vùng đã mất ở Tây Bắc trong năm 1953 - 1954 và tạo điều kiện thuận lợi để tiêu diệt các sư đoàn chủ lực của đối phương nếu họ đến đó.

Ngày 1-1-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự họp Bộ Chính trị chỉ định cơ quan lãnh đạo, chỉ huy chiến dịch, đồng chí Võ Nguyên Giáp được cử làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Mặt trận. Các đồng chí Đảng ủy viên có Hoàng Văn Thái làm Tham mưu trưởng, Lê Liêm làm Chủ nhiệm chính trị và Đặng Kim Giang làm Chủ nhiệm cung cấp.

Ngày 5-1-1954, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp lên đường ra mặt trận. “Tướng quân tại ngoại! Trao cho chú toàn quyền. Có vấn đề gì khó khăn, bàn thống nhất trong Đảng ủy, thống nhất với cố vấn thì cứ quyết định, rồi báo cáo sau”¹ kèm theo lời dặn danh thếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc

1. Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử*, Hồi ức Hữu Mai thể hiện, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr.66.

thắng, không đánh”¹. Cùng đi có các đồng chí: Trần Văn Quang, Cục trưởng Cục Tác chiến; Lê Trọng Nghĩa, Cục trưởng Cục Quân báo; Hoàng Đạo Thúy, Cục trưởng Cục Thông tin liên lạc; Vi Quốc Thanh, Trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc.

Đến Thẩm Púa, nơi đặt sở chỉ huy, trong cuộc hội ý Đảng ủy Mặt trận, ý kiến chung của nhiều đồng chí đều cho rằng cần đánh ngay trong lúc địch chưa tăng thêm quân và củng cố công sự, có khả năng giành chiến thắng trong vài ngày đêm. Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn suy nghĩ rằng đánh nhanh không thể giành thắng lợi, nhưng chưa có đủ cơ sở để bác bỏ phương án mà các đồng chí đi trước đã lựa chọn. Thời gian không cho phép báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị, đồng chí đồng ý triệu tập hội nghị triển khai kế hoạch chiến đấu.

Suốt thời gian chuẩn bị chiến đấu sau đó, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp không nguôi suy nghĩ về phương châm tác chiến của ta trong chiến dịch này là như thế nào? Những khó khăn của ta khi thực hiện phương châm đó? Phải làm sao để đánh cho thắng, chỉ được thắng, không được bại?...

Ngày 14-1-1954, tại Hội nghị cán bộ chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng phổ biến kế hoạch tác chiến đã được Đảng ủy thông qua, xác định quyết tâm tiêu

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Sdd, tr.900.

diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ giành toàn thắng cho chiến dịch, đồng thời nêu rõ: “Hiện nay, địch tình chưa có triệu chứng thay đổi lớn, nhưng không phải hoàn toàn không có khả năng thay đổi lớn. Chúng ta cần ra sức nắm vững địch tình, để một khi địch tình biến hóa thì kịp thời nắm vững và kịp thời xử trí”¹. Thay mặt Tổng Quân ủy, Đại tướng viết Lời hiệu triệu gửi toàn thể đảng viên trong chiến dịch, kêu gọi đảng viên phát huy đến cùng vai trò lãnh đạo, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, dũng cảm và kiên quyết dẫn đầu quần chúng binh sĩ đông đảo để giành thắng lợi cuối cùng.

Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị, phía Pháp đã tăng cường thêm lực lượng vào chiến trường, xây dựng trận địa phòng ngự vững chắc, tăng cường những tiểu đoàn tinh nhuệ chiếm giữ các vị trí tiền tiêu. Về phía chủ quan, có đơn vị bộ đội, trong đó có pháo binh chưa kịp chiếm lĩnh trận địa, mặc dù thời gian nổ súng đã được điều chỉnh lùi lại 5 ngày, tức 17 giờ ngày 25-1-1954. Việc tiêu diệt hàng chục tiểu đoàn địch ở một tập đoàn cứ điểm trong thời gian ngắn không bảo đảm nguyên tắc đánh chắc thắng như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơnevơ - Văn kiện Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.203.

ta, bộ đội còn thiếu kinh nghiệm đánh bộ pháo hiệp đồng, chưa thạo đánh ban ngày... Trong khi đó, ngày 24-1-1954, điện đài của địch thông báo cho nhau ngày giờ nổ súng của bộ đội Việt Minh (do lấy được thông tin của chiến sĩ ta bị địch bắt). Thời cơ để đánh nhanh, thắng nhanh không còn nữa. Sau những ngày đêm trăn trở, suy tư, thức trắng đêm với nắm lá ngải cứu buộc trên đầu suy nghĩ về cách đánh địch, Đại tướng đã quyết định lùi thời gian nổ súng lại một ngày (tức ngày 26-1-1954) để Đảng ủy họp bàn lại chủ trương.

Ngày 26-1-1954, khi thời gian nổ súng đã sắp cận kề, đồng chí Võ Nguyên Giáp quyết định họp Đảng ủy Mặt trận. Khi mà Điện Biên Phủ đã được xây dựng thành một tập đoàn phòng ngự kiên cố, nếu tiếp tục “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sẽ là mạo hiểm, không thể giành thắng lợi. Với thiên tài quân sự và sự phân tích cẩn trọng những diễn biến trên chiến trường, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã trình bày những suy nghĩ của mình chung quanh cách đánh tập đoàn cứ điểm, những thay đổi quan trọng về phía địch từ sau hội nghị Thảm Púa tới nay, ta vẫn giữ quyết tâm tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ nhưng phải thay đổi cách đánh. Không khí cuộc họp rất sôi nổi, căng thẳng, nhiều vấn đề quan trọng như tinh thần bộ đội, công tác hậu cần chiến dịch... sẽ giải quyết như thế nào được đặt

ra. Cuối cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp kết luận, mà sau này ông thừa nhận, trong ngày hôm đó ông đã đạt được một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình:

“Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là “đánh chắc thắng”, cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc”. Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết, và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới”¹.

Quyết định đó của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã là cơ sở quan trọng để toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ. Trong dịp kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 Lê Trọng Tấn đã nói: “Nếu không có quyết định chuyển phương châm ngày đó thì phần lớn chúng tôi sẽ không có mặt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ”. Đó là một đóng góp vô cùng quan trọng của Đại tướng, Tổng Tư lệnh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Theo phương án tác chiến mới, chiều ngày 26-1-1954, Đại tướng giao nhiệm vụ cho Đại đoàn 308 từ Điện Biên

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký, Sdd*, tr.927-928.

Phủ tiến sang Thượng Lào, phối hợp với bộ đội Lào tiến công phòng tuyến sông Nậm Hu, giải phóng Phôngxaly. Đại tướng nói: “Phải hành động hết sức nhanh chóng, tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, thu hút lực lượng bộ binh và không quân địch về phía đại đoàn càng nhiều càng tốt... giữ vững lực lượng, có lệnh trở về ngay”¹. Đó là một đòn tiến công làm cho phía Pháp kinh ngạc, một đòn bất ngờ đối với Navarre, buộc quân Pháp phải điều quân sang giữ kinh đô Luông Phabăng, vừa là một đòn nghi binh, làm cho Navarre nhầm tưởng bộ đội Việt Nam bỏ ý định công kích Điện Biên Phủ, tạo điều kiện cho các đơn vị chuyển pháo về các trung tuyến an toàn. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Đại đoàn 308 được lệnh bí mật trở về trận địa Điện Biên Phủ.

Ngày 30-1-1954, với mật danh Hưng, Đại tướng viết thư hỏa tốc đề nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị cho chuyển sang phương châm “đánh chắc tiến chắc”. Trong những ngày đầu xuân Đại tướng nhận được điện và thư của Bộ Chính trị trả lời: “Quyết định thay đổi cách đánh như vậy là hoàn toàn đúng”².

Ngày 28-2-1954, Bộ Chỉ huy chiến dịch triệu tập Hội nghị quân chính từ cấp trung đoàn trở lên. Đại

1, 2. Bộ Tổng Tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954)*, Sdd, tr.751-752, 752.

tướng tiếp tục quán triệt sâu sắc thêm phương châm “đánh chắc tiến chắc” nhằm thống nhất cao về tư tưởng và hành động trong cán bộ cấp trung đoàn trở lên. Sau khi có chủ trương đúng, thì phương pháp là yếu tố quyết định thắng lợi. Quyết định thay đổi phương châm tác chiến là công lao của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, một yếu tố trực tiếp quyết định thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

17 giờ 5 phút, ngày 13-3-1954, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra lệnh nổ súng, quân đội ta tấn công vào ngoại vi, mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 17-3-1954, ngay sau khi đợt tiến công của các đơn vị bộ đội vào phân khu bắc kết thúc, Đại tướng nhận định: quân địch đang đối phó lúng túng, nhưng lực lượng của chúng còn mạnh, ưu thế của ta đã tăng lên nhưng chưa phải là tuyệt đối. Vì thế, không được chủ quan khinh địch, phải quyết tâm và nắm vững phương châm đánh chắc, tiến chắc, bảo toàn lực lượng để chiến đấu lâu dài. Bộ Chỉ huy Mặt trận Điện Biên Phủ triệu tập Hội nghị cán bộ chiến dịch để sơ kết thắng lợi đợt 1 và trao nhiệm vụ đợt 2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu rõ nhiệm vụ trước mắt của các đơn vị là: “đánh chiếm các điểm cao phòng ngự phía đông của phân khu trung tâm, nhanh chóng tiếp cận bao vây quân địch, thắt chặt trận địa tiến công và bao vây, khống chế đi đến đánh chiếm

sân bay trung tâm, hạn chế đi đến triệt hẳn đường tiếp tế và tiếp viện của địch, tích cực tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng và vùng trời của chúng, tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích, tiêu diệt toàn bộ quân địch”¹. Hội nghị trao cờ luân lưu “Quyết chiến Quyết thắng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho Đại đoàn 351, Đại đoàn trao lại lá cờ cho Đại đội lựu pháo 806 - đơn vị đã bắn những phát pháo đầu tiên vào Him Lam mở màn chiến dịch lịch sử.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 27-3-1954, Đại tướng quyết định: Tập trung tuyệt đối ưu thế binh hỏa lực, tiêu diệt toàn bộ miền đông Điện Biên Phủ, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị và nêu rõ những yêu cầu cần thiết để bảo đảm thắng lợi.

Cuộc chiến đấu ngày càng quyết liệt. Navarre tăng cường thêm cho Điện Biên Phủ 2 tiểu đoàn dù và cố gắng bảo đảm việc tiếp tế lương thực, đạn dược hằng ngày. Để chuẩn bị tốt cho đợt tiến công thứ ba, ngày 29-4-1954, tại Hội nghị các bí thư đại đoàn ủy và các đồng chí phụ trách các tổng cục ở Mặt trận Điện Biên Phủ, Đại tướng trình bày báo cáo, chỉ rõ tư tưởng hữu khuynh tiêu cực là trở ngại lớn nhất trên con đường đi

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.167.

đến toàn thắng. Sau khi phân tích những biểu hiện và nguyên nhân dẫn đến những tư tưởng đó, Đại tướng nêu những biện pháp cụ thể, chỉ đạo đấu tranh phê bình và tự phê bình trong nội bộ để đi đến sự đoàn kết thống nhất nhằm tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cú điểm Điện Biên Phủ.

Ngày 6-5-1954, Đại tướng ra mệnh lệnh Tổng công kích chiến dịch Điện Biên Phủ. Khối bộc phá 900kg nổ lúc 20 giờ 30 phút ngày 6-5-1954 trên đồi A1 là hiệu lệnh tổng công kích của Bộ Chỉ huy cho các đơn vị trên chiến trường Điện Biên Phủ. Trước sức tiến công và vòng vây ngày càng siết chặt của bộ đội Việt Nam, quân Pháp ở Điện Biên Phủ ngày càng nguy kịch. Đêm mùng 6-5-1954, các vị trí A1 và C2 bị tiêu diệt. Sáng ngày 7-5-1954, quân Pháp ở Điện Biên Phủ có nhiều dấu hiệu khác thường. Ban quân báo mật trận cho biết các máy bay tiếp tế cho Điện Biên Phủ đều được lệnh quay về. Hồi 14 giờ chiều có nhiều tiếng nổ trong khu trung tâm, binh lính Pháp ném súng xuống sông Nậm Rốm và cờ trắng đã xuất hiện ở một số cứ điểm. Đúng 15 giờ ngày 7-5-1954, cơ quan tham mưu phát đi mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch cho toàn mặt trận chuyển sang tổng công kích: “Phải đánh thẳng vào Sở chỉ huy, phải đánh mạnh, bao vây thật chặt, không cho De Castries hoặc bất cứ tên địch nào chạy

thoát”¹. 17 giờ 55 phút, tướng De Castries và cả Ban Tham mưu đã bị bắt. Đến 24 giờ thì toàn bộ quân địch gồm 2.000 tên ở cứ điểm cuối cùng là Hồng Cúm cũng xin đầu hàng. Thế là sau 55 ngày đêm chiến đấu ác liệt, quân đội ta đã kết thúc chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ thắng lợi.

Với bản lĩnh và trí tuệ kiệt xuất, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã hoàn thành trọng trách được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ủy thác, hoàn thành nhiệm vụ của người nhạc trưởng của dàn giao hưởng trong bản anh hùng ca Điện Biên Phủ vang dậy núi sông. Tên tuổi của Đại tướng sau chiến dịch Điện Biên Phủ đã đi vào huyền thoại của dân tộc Việt Nam và bạn bè quốc tế.

1. Bộ Tổng tham mưu - Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954)*, Sđd, tr.793.

Chương V

**ĐẤU TRANH THI HÀNH
HIỆP ĐỊNH GENEVA, XÂY DỰNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC,
CHỐNG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở MIỀN NAM
(1954 - 1964)**

1. Trong thời kỳ đấu tranh thi hành Hiệp định Geneva, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giữ gìn lực lượng và xây dựng phong trào cách mạng miền Nam (1954 - 1960)

Sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân Việt Nam bước vào thời kỳ lịch sử đặc biệt. Hiệp định Geneva được ký kết (ngày 21-7-1954) là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đồng thời là cơ sở pháp lý để tiếp tục đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước. Theo quy định của Hiệp định, đất

nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở ra hoàn toàn giải phóng, miền Nam tạm thời dưới sự kiểm soát của quân đội liên hiệp Pháp. Trong thời gian 2 năm sau, năm 1956, hai miền sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Ngay những ngày đầu hòa bình lập lại, nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với khao khát có hòa bình, đã nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của Hiệp định Geneva: ngừng bắn từ tháng 7-1954, bắt đầu chuyển quân tập kết ra Bắc, chuyển giao khu vực tiến tới tổng tuyển cử tự do trong cả nước.

Ngày 1-1-1955, tại lễ duyệt binh ở Quảng trường Ba Đình, mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ trở về Thủ đô, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam - Đại tướng Võ Nguyên Giáp đọc Nhật lệnh, nêu rõ: “Hôm nay là ngày mừng Hồ Chủ tịch, Chính phủ về Thủ đô. Tôi xin thay mặt toàn thể cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam tỏ lòng biết ơn và triệt để tin tưởng ở sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch, Chính phủ và Đảng, kính chúc Hồ Chủ tịch mạnh khỏe, sống lâu...”¹.

Trong giai đoạn mới, cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược, đó là tiếp tục đấu tranh giải phóng

1. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, t.2, tr.175.

miền Nam, thống nhất đất nước, đồng thời từng bước xây dựng chế độ xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vì một mục tiêu chung là độc lập dân tộc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, phức tạp.

Ở miền Bắc, nền kinh tế vốn đã lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, gây những thiệt hại to lớn về cơ sở vật chất kinh tế và làm cho sức dân hao kiệt. Sản xuất thủ công nghiệp bị đình đốn. Hầu hết các cơ sở công nghiệp của tư bản Pháp và tư sản dân tộc đều ngừng hoạt động. Hàng hóa công nghiệp trở nên rất khan hiếm và số người thất nghiệp ở các thành phố có đến trên 10 vạn. Thiếu cán bộ quản lý và cán bộ khoa học - kỹ thuật.

Trên thế giới, sự lớn mạnh của Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa có tác động to lớn đối với cách mạng Việt Nam. Các nước xã hội chủ nghĩa được sự giúp đỡ của Liên Xô tiếp tục giành được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu trên, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, các nước xã hội chủ nghĩa cũng đã bắt đầu mắc nhiều sai lầm nghiêm trọng, đặc biệt là chủ trương đại nhảy vọt và công xã nhân dân ở Trung Quốc. Liên Xô và Trung Quốc là hai nước lớn

trong phe xã hội chủ nghĩa, tuy đặt quan hệ ngoại giao và giúp đỡ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta từ năm 1950, nhưng họ vẫn chưa thật hiểu và tin tưởng cách mạng Việt Nam. Hai nước đồng ý quan điểm chia Việt Nam thành hai miền Nam - Bắc với chế độ chính trị khác nhau và mong muốn duy trì hiện trạng đó. Đó cũng là những khó khăn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Tình hình thế giới có một số khó khăn và phức tạp mới, chủ yếu bắt nguồn từ chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ. Mỹ tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh lạnh nhằm bao vây Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa và chống lại phong trào giải phóng dân tộc. Bên cạnh đó, Mỹ bước đầu thực hiện chiến lược diễn biến hòa bình với ý đồ lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa, không cần chiến tranh.

Đế quốc Mỹ đã lợi dụng tình trạng bất hòa trong phong trào cộng sản quốc tế, lợi dụng cuộc khủng hoảng về đường lối phong trào cách mạng thế giới, lợi dụng lợi ích dân tộc riêng rẽ của từng nước, và lợi dụng tâm lý sợ Mỹ, sợ chiến tranh của nhân dân thế giới để tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam và đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.

Bối cảnh lịch sử quốc tế trên đặt ra cho Đảng ta vấn đề: làm thế nào tranh thủ đến mức cao nhất chỗ mạnh của ba dòng thác cách mạng; làm thế nào giảm bớt đến mức thấp nhất nhân tố tiêu cực, thu hẹp ảnh hưởng của

cuộc khủng hoảng trong phong trào cách mạng thế giới đối với cách mạng nước ta; làm thế nào tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới chĩa mũi nhọn vào đế quốc Mỹ - kẻ thù chính của cách mạng thế giới và của cách mạng Việt Nam lúc này.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ ngày 15 đến 17-7-1954) nêu rõ nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc trong giai đoạn mới: Tranh thủ và củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc; tăng cường lực lượng quân đội nhân dân, xây dựng một quân đội nhân dân mạnh mẽ và thích hợp với yêu cầu của tình hình mới. Ổn định vùng mới giải phóng, bảo đảm an ninh, ổn định đời sống, tiếp thu và quản lý công thương nghiệp của đế quốc và tay sai. Tôn trọng tự do tín ngưỡng, bảo vệ tính mạng, tài sản của ngoại kiều. Phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, phục hồi và phát triển công thương nghiệp, giao thông vận tải, ổn định tiền tệ. Tiếp đó, từ ngày 5 đến ngày 7-9-1954, Hội nghị Bộ Chính trị họp ra nghị quyết cụ thể hóa và bổ sung Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tiếp theo Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9-1954, Hội nghị lần thứ bảy (mở rộng) (tháng 3-1955) và Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (tháng 8-1955) nhận định “điều cốt yếu là phải ra sức củng cố miền Bắc,

đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam”¹. Hội nghị xác định: “Củng cố miền Bắc tức là bồi dưỡng lực lượng cơ bản của ta, xây dựng chỗ dựa vững chắc cho nhân dân toàn quốc giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất”². “Bất kể trong tình thế nào, miền Bắc cũng phải được củng cố”³. Trong quá trình củng cố miền Bắc “phải luôn luôn chiếu cố miền Nam. *Củng cố miền Bắc và chiếu cố miền Nam không thể tách rời*”⁴. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng vạch ra đường lối củng cố miền Bắc là củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến dần từng bước vững chắc đến chủ nghĩa xã hội.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục giữ cương vị người đứng đầu quân đội, cùng với Bộ Chính trị hoạch định những quyết sách chiến lược. Ngày 20-9-1955, trong danh sách thành viên Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đại tướng Võ Nguyên Giáp giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam⁵.

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.16, tr.576, 577.

5. Xem Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam: *Biên niên Lịch sử Chính phủ Việt Nam (1945 - 2005)*, t.2, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.76.

Những năm 1955 - 1956, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đề nghị với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng: phải ra sức xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa để sẵn sàng làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam; xây dựng quân đội nhân dân tiến lên chính quy và hiện đại để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Để giáo dục cho quân đội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết lý luận về đường lối quân sự của Đảng để tiến hành chiến tranh nhân dân, nêu cao tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh.

Cuối tháng 8-1955, Tổng Quân ủy tổ chức Hội nghị cán bộ trung, cao cấp nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Trung ương 8. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Tổng Quân ủy, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh truyền đạt Nghị quyết. Bí thư Tổng Quân ủy nhấn mạnh: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững và củng cố chế độ công tác chính trị... thực hiện sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với quân đội¹. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với quân đội là vấn đề căn bản để giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng của quân đội.

1. Xem Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.2 (1955 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.29.

Ngày 29-9-1955, Tổng Quân ủy ra Nghị quyết số 10/VP-TQU về cải tiến lề lối làm việc của Tổng Quân ủy: về chỉ đạo quân sự của Đảng thì cơ quan thống nhất chỉ đạo toàn quân là Tổng Quân ủy¹. Tổng Quân ủy thông qua các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần để thực hiện sự lãnh đạo. Trong nghị quyết này, Tổng Quân ủy phân công Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Bí thư².

Tháng 7-1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và miền núi. Cuộc vận động cải cách ruộng đất đạt được một số kết quả: thực hiện 8 đợt giảm tô, 5 đợt cải cách ruộng đất, chia 334.000ha ruộng đất cho 2 triệu hộ nông dân³; xóa bỏ tàn dư của chế độ phong kiến ở miền Bắc; năng lực sản xuất trong nông nghiệp được giải phóng thông qua việc xác lập kinh tế hộ nông dân, đưa người nông dân trở thành chủ thể trong quá trình sản xuất, góp phần quan trọng vào việc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh. Cuộc cải cách ruộng đất được tiến hành từ trong kháng chiến tiếp tục được triển khai rộng khắp đã đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ phong kiến ở miền Bắc,

1. Các cơ quan giúp việc là Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần.

2. Xem Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.2 (1955 - 1975)*, Sđd, tr.37.

3. Xem Kết luận số 148-BBK/BCT, ngày 25-5-1994 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về lịch sử Đảng thời kỳ 1954 - 1975.

đưa lại ruộng đất cho nông dân. Tuy nhiên, trong quá trình cải cách ruộng đất, Đảng ta đã phạm một số sai lầm phổ biến, nghiêm trọng và kéo dài¹.

Tháng 4-1956, Đảng phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất và có chỉ thị sửa chữa sai lầm. Nhưng kết quả sửa sai thời gian đầu rất hạn chế, vì chưa có tổng kết, phân tích về sai lầm và chưa có phương hướng và biện pháp sửa chữa sai lầm cụ thể.

Tháng 9-1956, Hội nghị lần thứ 10 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) thảo luận kỹ và kết luận về thắng lợi và sai lầm của cải cách ruộng đất. Nguồn gốc chủ yếu của sai lầm là không nắm vững những biến đổi ở nông thôn miền Bắc từ sau Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, rập khuôn một cách máy móc kinh nghiệm của nước ngoài². Hội nghị chủ trương: *“Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được... nhằm*

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.19, tr.558.

2. Xem Tổng cục Thống kê: *Ba mươi năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978, tr.94. Sau Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống Pháp, 71,7% ruộng đất do nông dân lao động sử dụng, trong đó: trung nông 39%, bần nông 25,4%, cố nông 6,3%, thành phần khác 1,0%. Theo tài liệu này, ruộng đất của địa chủ chỉ còn 18%, ruộng công 4,3%, nhà chung 1,3%, cộng lại là 23,6%.

đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, gây tinh thần phấn khởi, để đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt công tác cải cách ruộng đất”¹.

Hội nghị lần thứ 10 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng tập trung kiểm điểm vai trò, trách nhiệm của tập thể Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và trách nhiệm cá nhân. Đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng nghiêm khắc kiểm điểm trách nhiệm của mình và xin từ chức Tổng Bí thư, được Hội nghị đồng ý.

Hội nghị nhất trí bầu đồng chí Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng kiêm Tổng Bí thư. Hội nghị cử thêm 4 đồng chí bổ sung vào Bộ Chính trị. Hội nghị cử lại Ban Bí thư gồm: Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư và 4 đồng chí: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp được phân công là người chỉ đạo công tác hằng ngày của Trung ương Đảng. Đại tướng cùng với đồng chí Hoàng Tùng - Tổng Biên tập báo Nhân Dân, chủ trì một hội nghị cán bộ toàn quốc, phổ biến và hướng dẫn thi hành Nghị quyết tháng 10 của Trung ương về sửa sai trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr.558.

Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10-1956 cũng quyết định chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, trao nhiệm vụ cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp chủ trì công tác chuẩn bị. Trao đổi với đồng chí Trần Quang Huy và đồng chí Hoàng Tùng, được cử giúp việc soạn thảo văn kiện, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu phương án, nội dung cơ bản là sự nghiệp giải phóng miền Nam không có con đường nào khác ngoài con đường bạo lực cách mạng, chiến tranh cách mạng. Tư tưởng chỉ đạo là nêu cao ngọn cờ yêu nước tập hợp dân tộc¹.

Tháng 3-1957, Hội nghị lần thứ 12 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội bàn về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng. Hội nghị vạch ra nhiệm vụ của quân đội nhân dân trong giai đoạn mới: bảo vệ công cuộc củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ và tay sai, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong cả nước.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng, kế hoạch quân sự 5 năm (1955 - 1960) được thực hiện thành công đã làm cho quân đội ta

1. Xem *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - Người anh cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.40.

trở thành một quân đội có lực quân chính quy, tương đối hiện đại, trong đó có 14 sư đoàn và hàng chục trung đoàn bộ binh độc lập và những cơ sở đầu tiên của không quân, hải quân, có bộ đội thường trực mạnh gồm 172.926 người và có lực lượng dự bị hùng hậu, sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu mới của hai miền Nam, Bắc.

Tháng 5-1957, toàn quân học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng. Lớp học đầu tiên được tổ chức tại Hà Nội gồm cán bộ cao cấp toàn quân và cán bộ trung cấp thuộc cơ quan Bộ Quốc phòng do Tổng Quân ủy chỉ đạo. Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Tổng Quân ủy, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phổ biến Nghị quyết, trong đó có nhiệm vụ, phương hướng xây dựng quân đội giai đoạn mới¹.

Hội nghị lần thứ 13 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12-1957) nhận định: Do sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân, sự giúp đỡ nhiệt tình của các nước anh em, đến cuối năm 1957, miền Bắc nước ta đã căn bản hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế. Tình hình chính trị - xã hội nhanh chóng ổn định, chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố, sự đoàn kết thống nhất trong cán bộ, đảng viên cũng được khôi phục, tăng cường.

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sdd, tr.200.

Tháng 11-1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thảo luận phương hướng kế hoạch và quan điểm chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế quốc dân (1958 - 1960).

Để kiện toàn Bộ Chính trị, Ban Bí thư phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của thời kỳ mới, Hội nghị Trung ương 14 quyết định đồng chí Võ Nguyên Giáp thôi nhiệm vụ Bí thư Trung ương Đảng để tập trung làm nhiệm vụ Ủy viên Bộ Chính trị¹.

Năm 1959, để có điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu kinh nghiệm tác chiến của Liên Xô trong chiến tranh hiện đại, Đại tướng, Tổng Tư lệnh tổ chức học tiếng Nga tại nhà riêng. Vốn là giáo viên dạy sử, ông đọc rất nhiều về lịch sử, quân sự, binh thư, tích cực học ngoại ngữ, ông sử dụng tốt tiếng Pháp, biết nhiều tiếng dân tộc.

1. Theo Thông cáo số 1-TC/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam về việc kiện toàn Ban Bí thư Trung ương, các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp thôi nhiệm vụ ở Ban Bí thư để tập trung làm nhiệm vụ Ủy viên Bộ Chính trị. Đồng chí Hồ Chí Minh, Chủ tịch Đảng vẫn kiêm nhiệm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, nhưng cần để nhiều thì giờ hơn cho công việc chủ trì Bộ Chính trị. Ban Bí thư mới gồm: đồng chí Lê Duẩn, được tạm thời ủy nhiệm chủ trì công việc Ban Bí thư, các đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Phạm Hùng, Hoàng Anh, Tố Hữu. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.19, tr.584.

Ngày 7-10-1959, Tổng Quân ủy bàn về vấn đề nghiên cứu kế hoạch quốc phòng 5 năm 1961 - 1965 và quyết định thành lập lại Ban nghiên cứu Kế hoạch quốc phòng. Trưởng ban là Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp¹.

Ngày 31-12-1959, Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa I thông qua bản Hiến pháp mới nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nhất định thắng lợi và nước ta nhất định sẽ thống nhất. Nhà nước của ta là nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên cơ sở liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tiến dần lên chủ nghĩa xã hội bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, không ngừng phát triển sản xuất để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Thắng lợi của kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) và cải tạo xã hội chủ nghĩa đã tạo nên những chuyển biến cách mạng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc.

Ngày 4-7-1960, Bộ Chính trị ra Quyết nghị số 118-QN/TW về thành phần Hội đồng Quốc phòng nước

1. Xem Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sdd, tr.222.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chủ tịch: Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch: Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp¹.

Ở miền Nam, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và trực tiếp là Đảng bộ Nam Bộ, cách mạng miền Nam chuyển sang một giai đoạn mới: đấu tranh chính trị đòi Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành Hiệp định Geneva, đấu tranh chống áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Ngày 6-9-1954, Bộ Chính trị ra bản chỉ thị riêng cho Đảng bộ miền Nam. Bản chỉ thị chỉ rõ: “*Nhiệm vụ chung của miền Nam là: củng cố hòa bình, đòi tự do dân chủ và cải thiện dân sinh, tiến tới thực hiện thống nhất và hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc*”².

Trong những năm 1954 - 1956, nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định Geneva, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã đấu tranh hết sức mình để đạt được mục tiêu độc lập, hòa bình, thống nhất mà không xảy ra chiến tranh. Song, Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã sử dụng mọi biện pháp chống lại sự nghiệp giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất đất nước.

Qua hai năm đấu tranh đòi đối phương thi hành Hiệp định Geneva, cuộc đấu tranh của Đảng bộ và nhân

1. Xem Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sđd, tr.228.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr.273-274.

dân miền Nam diễn ra trong điều kiện vô cùng gay go, ác liệt. Chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” của chính quyền Ngô Đình Diệm diễn ra ồ ạt khắp mọi nơi, kéo dài từ năm 1955 đến năm 1958, quyết liệt nhất là những năm 1956 - 1957.

Trong thời điểm thử thách ác liệt nhất, các đảng bộ địa phương ở miền Nam đã lãnh đạo nhân dân kiên trì đấu tranh với nhiều hình thức. Trước sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù, Xứ ủy Nam Bộ lãnh đạo giữ một bộ phận nòng cốt để gây dựng phong trào, phát triển lực lượng trong điều kiện đấu tranh tự vệ.

Những năm 1958 - 1959 là những năm cách mạng miền Nam ở vào thời kỳ đen tối nhất. Các đồng chí cán bộ lãnh đạo vừa phải đối phó với sự ruồng bỏ gắt gao của chính quyền Ngô Đình Diệm, với cái chết trong từng gang tấc, vừa chịu sức ép lớn từ phía cơ sở và những người dân ủng hộ cách mạng. Cách mạng miền Nam ở vào thời kỳ vô cùng khó khăn, cơ sở đảng và cơ sở quần chúng liên tục bị phá vỡ, nhiều đồng chí hy sinh. Về tổ chức, đây là giai đoạn các đảng bộ bị thiệt hại nặng nề. Hệ thống tổ chức đảng từ cấp xứ xuống đến các chi bộ bị đánh phá ác liệt. Số cán bộ cấp ủy bị thiệt hại lớn, số lượng đảng viên sụt giảm chưa từng thấy.

Năm 1956, toàn Nam Bộ còn 800 chi bộ, đến cuối năm 1959, chỉ còn một số ít chi bộ, hoạt động rất khó khăn. Đến giữa năm 1959, Nam Bộ chỉ còn 3.000 đảng

viên bám xã. Số cán bộ trình độ tương đương huyện ủy, tỉnh ủy bị bắt nhiều¹.

Là một trong những vị lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, trong những năm 1959 - 1960, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã có nhiều hoạt động yêu cầu đối phương thi hành Hiệp định Geneva, có nhiều ý kiến chỉ đạo trong đấu tranh gìn giữ lực lượng và xây dựng phong trào cách mạng miền Nam. Ngày 15-5-1959, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã gửi điện cho Ủy ban Quốc tế phản đối Luật 10/59 (tháng 5-1959) của chính quyền Việt Nam Cộng hòa: Luật 10/59 vi phạm một nguyên tắc pháp lý thông thường của các nước văn minh. Các nước văn minh đều không công nhận một chế độ pháp luật lấy động cơ pháp luật làm yếu tố phạm pháp để trừng trị. Luật 10/59 biểu hiện một chế độ hình phạt còn tàn bạo hơn chế độ Hitler, tước bỏ bất kỳ một đảm bảo tối thiểu cho con người bị đem ra xử, nó giày xéo một cách trắng trợn lên những nguyên tắc tổ tụng sơ đẳng nhất, nó phạm đến quyền tự do căn bản của con người².

1. Xem Xứ ủy Nam Bộ: *Báo cáo tình hình tổ chức và tư tưởng của Đảng bộ Nam Bộ từ hòa bình lập lại đến nay*, tháng 10-1961, Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, tr.3.

2. Xem “Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tư lệnh của các tư lệnh, Chính ủy của các chính ủy” trong *100 sự kiện về vị tướng huyền thoại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013, tr.84.

Tuyên bố của Tổng Tư lệnh vừa có ý nghĩa chính trị, vừa mang tính pháp lý cao, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của dư luận trong nước và quốc tế.

Vấn đề đặt ra trước Trung ương Đảng, Chính phủ là đề ra được chủ trương, phương pháp, bước đi cho cách mạng miền Nam như thế nào để giành thắng lợi mà ít tổn thất nhất, lại phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế. Đây là vấn đề cực kỳ khó khăn và phức tạp. Đầu năm 1957, Bộ Chính trị đã đặt vấn đề phải có một đường lối cách mạng ở miền Nam cho phù hợp, mà then chốt là phải chuyển hướng chiến lược đấu tranh.

Năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị giao cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhiệm vụ trực tiếp khởi thảo bản dự thảo Nghị quyết về đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam, cử các đồng chí Trần Quang Huy (Chánh Văn phòng Trung ương Đảng) và Hoàng Tùng (Tổng Biên tập báo Nhân Dân) giúp chấp bút, để trình Bộ Chính trị thông qua và đưa ra hội nghị trung ương.

Trong thời gian này, ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn viết dự thảo Đề cương Cách mạng miền Nam (năm 1956). Tháng 4-1957, đồng chí Lê Duẩn được Bộ Chính trị triệu tập ra miền Bắc, giúp Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương chỉ đạo cách mạng miền Nam. Đồng chí Phạm Hữu Lầu được cử làm quyền Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, nhưng sau đó bị bệnh nặng và mất. Đồng chí

Nguyễn Văn Cúc (tên thật của đồng chí Nguyễn Văn Linh) được Trung ương cử làm quyền Bí thư Xứ ủy Nam Bộ - một nhiệm vụ vô cùng nặng nề trong hoàn cảnh muôn vàn khó khăn, thử thách¹.

Đồng chí Lê Duẩn ra Bắc, được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị góp ý bổ sung bản dự thảo Nghị quyết. Đồng chí Lê Duẩn nói: “Điều vui mừng nhất là biết được Trung ương đã sớm xác định Mỹ là kẻ thù chính”, và “ra đây mới thấy hết tình hình khó khăn phức tạp, chưa thể phát động đấu tranh vũ trang ở miền Nam sớm hơn được”².

Trong bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế có những mâu thuẫn đan xen rất phức tạp, tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng)³ thông qua nghị quyết về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, trong đó có nhiệm vụ xác định đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam.

1. Xem Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước: *Nguyễn Văn Linh - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.128.

2. *Đồng chí Lê Duẩn, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, tr.36-37.

3. Hội nghị họp 2 đợt tại Hà Nội, đợt 1 từ ngày 12 đến ngày 22-1-1959, đợt 2 từ ngày 10 đến ngày 15-7-1959.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ chung cho cách mạng Việt Nam. Về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam ở miền Nam, Nghị quyết chỉ rõ: *“Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”*¹. Nghị quyết Hội nghị kết luận: *“con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng, thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”*².

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa lịch sử to lớn, Nghị quyết đã thể hiện sự thống nhất về tư duy chiến lược giữa Trung ương và các cấp lãnh đạo ở địa phương miền Nam, đáp ứng đúng đòi hỏi của tình thế cách mạng và

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.81, 82.

nguyện vọng tha thiết của cán bộ chiến sĩ miền Nam, mở đường thúc đẩy phong trào cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ, “làm xoay chuyển hẳn tình thế”¹, dẫn đến cuộc “Đồng khởi” oanh liệt trên toàn miền Nam năm 1960.

Nhân dân Việt Nam không có con đường nào khác ngoài con đường đấu tranh cách mạng bằng bạo lực chống lại sự xâm lược của Mỹ để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước. Phong trào Đồng khởi - những cuộc khởi nghĩa từng phần đã nổ ra và thắng lợi ở hầu khắp các vùng nông thôn rừng núi Khu V và đồng bằng Nam Bộ. Phong trào Đồng khởi trên thực tế đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Sau Đồng khởi, các ủy ban nhân dân tự quản phát triển ngày càng rộng rãi. Một thời kỳ mới của cách mạng miền Nam đã mở ra, thời kỳ nhân dân tiến công liên tục và mạnh mẽ vào các chiến lược và chiến thuật của địch nhằm tiêu hao tiêu diệt lực lượng địch, phát triển lực lượng ta, tạo tiền đề cho cách mạng từng bước tiến lên.

Tại Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đề

1. Kết luận số 215-BBK/BCT, ngày 6-5-1994 của Bộ Chính trị về Dự thảo tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

ng nghị Bộ Chính trị xây dựng và củng cố quốc phòng toàn dân ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm hậu phương lớn cho miền Nam, xây dựng quân đội chính quy hiện đại.

Trong lúc cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam diễn ra gay go ác liệt, để tạo thực lực về cơ sở vật chất và lực lượng cho cách mạng miền Nam, với ý kiến đóng góp của nhiều tướng lĩnh, trong đó có Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Nguyễn Văn Vịnh và Phó Tổng Tham mưu trưởng Trần Văn Trà, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã chấp thuận các kiến nghị về vấn đề chi viện sức người sức của cho các chiến trường. Đại tướng đề xuất với Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thành lập tuyến chi viện Bắc - Nam trên bộ và trên biển.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (đợt 1), Bộ Tổng Tư lệnh và Quân ủy Trung ương được giao nhiệm vụ nghiên cứu tổ chức một đoàn giao thông quân sự đặc biệt, mở một tuyến giao thông và vận tải liên thông để đưa cán bộ, vũ khí và những hàng hóa cần thiết vào miền Nam. Đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quan hệ trực tiếp đến sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ngày 19-5-1959, Tổng Quân ủy, Bộ Quốc phòng thành lập tổ chức hoạt động chi viện cho miền Nam, lúc đầu lấy tên là “Đoàn công tác quân sự đặc biệt” mang phiên hiệu Đoàn 559. Nhiệm vụ: vận chuyển hàng

quân sự, tổ chức đưa đón cán bộ từ miền Bắc vào và từ miền Nam ra miền Bắc. Đoàn trưởng là Thượng tá Võ Bẩm, Trung tá Nguyễn Thanh là Chính ủy kiêm Bí thư Ban Cán sự.

Song song với nhiệm vụ xẻ dọc Trường Sơn mở đường mòn Hồ Chí Minh, một con đường Bắc - Nam xuyên Biển Đông được bí mật chuẩn bị để vận chuyển vũ khí đáp ứng yêu cầu của chiến trường miền Nam. Tháng 7-1959, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định thành lập Tiểu đoàn Vận tải thủy 603 thuộc “Đoàn công tác quân sự đặc biệt” làm nhiệm vụ vận chuyển chi viện cho miền Nam, mang biệt danh “Tập đoàn đánh cá sông Gianh”¹, hoạt động dưới hình thức là tập đoàn đánh cá của cán bộ, nhân dân miền Nam tập kết, đóng quân ở thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đây là tiền thân của con đường vận tải trên biển sau đó.

Là người hiểu rõ sự cấp bách của một con đường tiếp tế chiến lược đưa nhân dân miền Nam từ chỗ tay không tác sát, bị kẻ thù bao vây tàn sát, đi đến chỗ tiếp nhận được vũ khí để tự bảo vệ và đứng lên chiến đấu diệt thù, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong công tác chỉ đạo vĩ mô luôn luôn dành ưu tiên cho việc đưa dự kiến

1. Quân chủng Hải quân: *Lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển (1961 - 2011)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011, tr.36.

thành hiện thực. Là người ký các quyết định ở cấp trên, Đại tướng, Tổng Tư lệnh còn bố trí thời gian đến tận hiện trường đang chiến đấu, thi công mở đường, động viên khích lệ cán bộ, chiến sĩ.

Việc xây dựng lực lượng, mở đường vận tải trên bộ và trên biển là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta.

2. Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc, chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam (1961 - 1965)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960) đã hoạch định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Hai chiến lược cách mạng này có quan hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển, để thực hiện một mục tiêu chung của cách mạng Việt Nam là: thống nhất nước nhà.

Đại hội thông qua Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) với những nhiệm vụ cơ bản: *“lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, thực hiện một bước*

công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế miền Bắc nước ta trở thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa”¹.

Tại Hội nghị lần thứ ba (khóa III), ngày 23-1-1961, Ban Chấp hành Trung ương họp ra Nghị quyết số 6-NQ/TW về vấn đề phân công, trong đó có việc phân công Trung ương Đảng tham gia Quân ủy Trung ương. Tại hội nghị này, Tổng Quân ủy được đổi thành Quân ủy Trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong quân đội và quyết định giao cho Quân ủy Trung ương nhiệm vụ chỉ đạo công tác quân sự ở miền Nam.

Theo Nghị quyết số 6-NQ/TW ngày 23-1-1961, Bộ Chính trị chỉ định 14 đồng chí ủy viên Trung ương Đảng vào Quân ủy Trung ương. Trong đó quân đội có 3 đồng chí. Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam được cử làm Bí thư Quân ủy Trung ương².

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa III quyết định những nhiệm vụ của kế hoạch nhà

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.21, tr.835-836.

2. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện), Sdd*, tr.236.

nước năm 1961, năm mở đầu cho Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người góp phần đặt nền móng xây dựng và phát triển khoa học - kỹ thuật nước nhà. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng trong các văn kiện của Đại hội đã xác định khoa học kỹ thuật là một trong ba cuộc cách mạng và đóng vai trò then chốt. Đại tướng trực tiếp chỉ đạo công tác khoa học kỹ thuật của đất nước giai đoạn 1960 - 1963 và làm Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước. Đại tướng cũng là người đã chỉ đạo việc điều tra, khảo sát Vịnh Bắc Bộ; xây dựng Bản đồ dân tộc và Bản đồ địa chất của các tỉnh miền Bắc; tiến hành rất nhiều những hoạt động khoa học công nghệ mang tính nghiên cứu cơ bản khác. Từ năm 1961, Đại tướng đã có chỉ đạo để thành lập Hội phổ biến khoa học - kỹ thuật.

Sau khi thành lập Cục Phòng không nhân dân¹, ngày 22-10-1963, Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh ra Quyết định số 50/QĐ thành lập Quân chủng Phòng không - Không quân, trên cơ sở hợp nhất Bộ Tư lệnh Phòng không và Cục Không quân trong Bộ Quốc phòng, gồm 3 binh chủng: Radar, Pháo cao xạ, Không quân. Đây là lực lượng ban đầu, hình thành thế trận phòng không nhân dân, một bước chuẩn bị vô cùng quan trọng để

1. Quyết định số 47, ngày 19-10-1963 của Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh.

quân và dân ta bước vào chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại bằng đường không của địch.

Sau 3 năm tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, kinh tế và bộ mặt nông thôn miền Bắc có sự thay đổi sâu sắc. Từ một nền kinh tế nhiều thành phần trở thành nền kinh tế mới với hai hình thức sở hữu chủ yếu là nhà nước và tập thể.

Tháng 12-1963, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp phân tích đặc điểm tình hình thế giới và nhiệm vụ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; nêu rõ lập trường, quan điểm của Đảng ta trên một số vấn đề có tính nguyên tắc về chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, về chiến tranh và hòa bình, về phong trào giải phóng dân tộc, về quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chuyên chính vô sản, v.v..

Cùng với việc chỉ đạo xây dựng quân đội nhân dân tiến lên theo hướng chính quy, hiện đại với đầy đủ các quân, binh chủng, xây dựng lực lượng phòng không bảo vệ miền Bắc, trong đó công tác phòng không bảo vệ Hà Nội, trái tim của cả nước, đã được Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng đặt lên hàng đầu.

Ngày 3-1-1964, Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh lại ra quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Hải quân trên cơ sở Cục Hải quân trong Bộ Quốc phòng.

Ngày 3-2-1964, Đại tướng, Tổng Tư lệnh cho thành lập Trung đoàn Không quân Tiêm kích đầu tiên.

Trong cuộc họp đầu tháng 2-1964, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp cùng Quân ủy Trung ương nhận định: Địch sẽ tăng cường hoạt động khiêu khích, phá hoại; chúng cũng có thể dùng không quân đánh phá một số mục tiêu ở miền Bắc. Ngày 26-3-1964, sau khi nghe Cục Tác chiến báo cáo khả năng địch đánh phá miền Bắc, Bộ Tổng Tham mưu theo chỉ thị của Tổng Tư lệnh phát động lệnh báo động sẵn sàng chiến đấu trong toàn quân. Các đơn vị phòng không, hải quân, biên phòng và các binh đoàn dự bị chiến lược chuyển vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao¹.

Trong khi nhân dân miền Bắc đang hăng hái thi đua lao động sản xuất thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhân dân miền Nam đẩy mạnh cuộc chiến tranh anh dũng chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ thì chúng tăng cường các hoạt động phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Trước nguy cơ sụp đổ của nguy quân, nguy quyền, đế quốc Mỹ một mặt tăng cường chiến tranh xâm lược miền Nam; mặt khác tăng cường tung gián

1. Xem Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.19.

điệp, biệt kích ra phá hoại miền Bắc, âm mưu mở rộng chiến tranh.

Trung tuần tháng 4-1964, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân Mỹ vạch kế hoạch ném bom miền Bắc, thông qua danh sách 94 mục tiêu đánh phá khi được lệnh hành động. Để thực hiện kế hoạch đó, giới cầm quyền Mỹ xúc tiến một loạt các hoạt động tạo cớ, nhằm tranh thủ một nghị quyết của Quốc hội Mỹ làm cơ sở pháp lý cho phép chính quyền Johnson tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại chống miền Bắc Việt Nam, vừa tránh được sự phản đối của nhân dân Mỹ và dư luận thế giới, vừa để tranh thủ đa số phiếu cho Johnson trong cuộc chạy đua vào Nhà Trắng tháng 11-1964.

Căn cứ vào Hiến pháp, ngày 27-3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt để biểu thị quyết tâm cách mạng của toàn thể dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà và ủng hộ cách mạng thế giới.

Tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày bản báo cáo quan trọng. Người đã vạch rõ âm mưu mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, xác định rõ nhiệm vụ của miền Bắc, với vị trí là căn cứ địa - hậu phương cách mạng của cả nước, phải dành nhiều sức người, sức của, tăng viện cho cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam, đồng thời gấp rút tăng cường tiềm lực

quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu. Người đã khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân “Nếu chúng liều lĩnh động đến miền Bắc thì nhất định chúng sẽ thất bại thảm hại”¹.

Người giao nhiệm vụ: “*Quân đội và các lực lượng vũ trang nhân dân... luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự trị an, kiên quyết đập tan mọi hành động phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai của chúng*”².

Sau khi nhấn mạnh những nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, Người kêu gọi “mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt”³.

Hội nghị chính trị đặc biệt do Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập là Hội nghị “Diên Hồng” trong thời đại mới, vừa kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc mỗi khi Tổ quốc bị ngoại xâm đe dọa, vừa vận dụng sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đưa đường lối của Đảng vào quần chúng để biến thành sức mạnh vật chất to lớn.

Quyết tâm thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị phát

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.14, tr.279, 278.

2. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện), Sdd*, tr.262.

động phong trào thi đua “Mỗi người làm việc bằng hai” ra sức xây dựng và bảo vệ miền Bắc, tích cực ủng hộ cách mạng giải phóng miền Nam.

Cuối tháng 3-1964, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh quyết định chuyển một bộ phận lực lượng vũ trang, trong đó có Quân chủng Phòng không - Không quân “từ trạng thái thời bình sang trạng thái có tính chất thời chiến”.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, đến cuối tháng 7-1964, các lực lượng vũ trang, đặc biệt là bộ đội phòng không - không quân và hải quân đã cơ bản hoàn thành mọi công tác chuẩn bị chiến đấu.

Chính những quyết định tổ chức sớm ấy đã tạo điều kiện cho quân và dân miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Ngày 7-5-1964, nhân dịp kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp xuống thăm một đơn vị pháo cao xạ. Nhắc lại truyền thống của đơn vị trên chiến trường Điện Biên Phủ 10 năm trước, liên hệ với nhiệm vụ trước mắt, Đại tướng nói với cán bộ và chiến sĩ: *“Lực lượng Phòng không - Không quân của ta sẽ phải chiến đấu với một kẻ thù mạnh hơn, tàn bạo và xảo quyệt hơn bọn giặc Pháp trước kia. Nhưng lực lượng chiến đấu bảo vệ bầu trời của ta đã phát triển hơn trước nhiều... Nếu đế quốc Mỹ liều lĩnh xâm phạm bầu trời của Tổ quốc ta, các*

đồng chí phải thực hiện bằng được lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “kiên quyết bắn rơi thật nhiều máy bay địch...”¹.

Từ tháng 6-1964, một trong những hoạt động chủ yếu của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và Thường trực Quân ủy Trung ương là tập trung chỉ đạo các lực lượng phòng không toàn miền Bắc triển khai các biện pháp sẵn sàng đánh trả máy bay địch; từ tổ chức các cuộc họp của Quân ủy Trung ương, chỉ đạo hội nghị liên tịch giữa các cơ quan chức năng của Tổng hành dinh với Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân và Bộ Tư lệnh Hải quân, đến các bức điện chỉ đạo xuống các địa phương, đơn vị..., nhằm làm cho toàn quân, toàn dân nhận rõ âm mưu và thủ đoạn của địch, đề cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và phòng tránh có hiệu quả.

Thực hiện kế hoạch tạo cơ để tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, đêm 30-7-1964, Bộ Chỉ huy Mỹ ra lệnh cho tàu biệt kích của Việt Nam Cộng hòa đánh phá đảo Hòn Mê (Thanh Hóa), Hòn Ngư (Nghệ An); đồng thời khu trục hạm Maddox và máy bay T.28 ném bom miền Tây Nghệ An (Nậm Cẩn và Noọng Dẻ).

1. Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Sđd, tr.20.

Tiếp đó, ngày 2-8, Mỹ lại cho tàu Maddox xâm phạm hải phận miền Bắc và bị hải quân ta đánh đuổi.

Ngày 3-8, chúng cho thêm khu trục hạm Turner Joy cùng với tàu Maddox tiếp tục nhiệm vụ tuần tiễu khiêu khích.

Ngày 4-8, chúng dựng lên cái gọi là “cuộc giao chiến” xảy ra giữa hải quân ta với 2 tàu chiến Mỹ nói trên để lấy cớ cho Tổng thống Johnson quyết định thực hiện kế hoạch công khai ném bom miền Bắc và yêu cầu Quốc hội Mỹ ra nghị quyết¹.

11 giờ 30 phút ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ mở cuộc tiến công “Mũi tên xuyên” sử dụng 64 lần chiếc máy bay hiện đại từ 2 tàu sân bay Constellation và Ticonderoga đánh phá Bãi Cháy, Lạch Trường (Thanh Hóa), Cửa Hội, sông Gianh. Vài ngày sau, “Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ” được thông qua tại Thượng viện với 88

1. Xem Thông tấn xã Việt Nam, bản tin chiều ngày 13-7-1973. Theo báo *Diễn đàn thông tin quốc tế*, John B. Stockdale, một đô đốc Mỹ về hưu, người đã từng chạy đua giành chức Phó Tổng thống Mỹ vạch trần thực chất “vụ tiến công” ở Vịnh Bắc Bộ ngày 4-8-1964 “là vụ đã được Tổng thống L. Johnson sử dụng để đưa nước Mỹ vào cuộc chiến tranh Việt Nam”. Báo này viết: “Là một phi công hải quân, đô đốc Stockdale được chứng kiến những gì đã xảy ra vào ngày này và báo cáo với cấp trên của ông rằng không hề có vụ tiến công nào vào chiếc tàu của Mỹ và không có dấu hiệu nào cho thấy có tàu của đối phương”.

phiếu thuận, 2 phiếu chống và ở Hạ viện với 416 phiếu thuận, không có phiếu chống, với nội dung chủ yếu: “Tán thành và ủng hộ quyết tâm của Tổng thống với tư cách Tổng Tư lệnh sẽ tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đẩy lùi bất cứ một cuộc tiến công vũ trang nào vào lực lượng Mỹ và ngăn ngừa những cuộc tiến công khác nữa...”. Nghị quyết của Quốc hội Mỹ về “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” là cơ sở cho giới hiếu chiến Mỹ chuẩn bị mở rộng những bước leo thang chiến tranh mới.

Với tinh thần cảnh giác cao, dự đoán đúng âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ, chuẩn bị chu đáo việc xây dựng lực lượng và phương án chiến đấu, ngay trận đầu ngày 5-8-1964, quân và dân miền Bắc đã giáng cho đế quốc Mỹ một đòn đích đáng: 8 máy bay bị bắn rơi, một số giặc lái bị tiêu diệt, bắt tên phi công Mỹ đầu tiên. Tỷ lệ máy bay bị bắn rơi so với lần xuất kích là 12%, một tỷ lệ cao trong các trận chiến đấu đất đối không. Đây là điều bất ngờ đối với đế quốc Mỹ.

Chiến thắng ngày 5-8-1964 có ý nghĩa quan trọng về chính trị và quân sự. Chiến thắng cổ vũ mạnh mẽ khí thế đánh Mỹ, củng cố niềm tin đánh thắng đế quốc Mỹ của quân, dân cả nước. Nó chứng tỏ, quân và dân ta hoàn toàn có khả năng đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu ở miền Nam. Nhiều kinh nghiệm tốt đã được tổng kết, chuẩn bị

sẵn sàng cho những trận chiến đấu mới chống sự leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Tháng 8-1964, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam gửi thư và Bản tuyên bố ngày 6-8-1964 của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa “về việc Chính phủ Mỹ ngang nhiên cho máy bay bắn phá và ném bom trên miền Bắc Việt Nam” tới Chủ tịch Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát tại Việt Nam.

Những sự kiện xảy ra trong ngày 5-8-1964 đã được Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nêu rõ và đánh giá trong bản tuyên bố đó.

Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam thấy cần nhấn mạnh với Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát rằng cuộc tiến công của phi cơ Mỹ theo lệnh của Tổng thống Mỹ vào nhiều địa điểm thuộc miền Bắc Việt Nam là một hành động chiến tranh cực kỳ nghiêm trọng của Chính phủ Mỹ đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cái gọi là vụ tiến công lần thứ hai vào các khu trực hạm của Mỹ ở ngoài hải phận quốc tế trong đêm 4-8-1964 chỉ là một câu chuyện hoàn toàn bịa đặt và do bọn hiếu chiến Mỹ cố ý dựng lên để lấy cớ tiến hành những hoạt động khiêu khích và xâm lược đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...

Cuộc bắn phá và ném bom của phi cơ Mỹ trên miền Bắc Việt Nam ngày 5-8-1964 rõ ràng là một sự vi phạm hết sức trắng trợn Hiệp định Geneva năm 1954 về Việt Nam, làm tăng thêm nguy cơ mở rộng chiến tranh ở khu vực này...

Nhân dân và quân đội nhân dân Việt Nam sẵn sàng và kiên quyết đập tan mọi hành động khiêu khích và xâm lược mới của đế quốc Mỹ và tay sai đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”¹.

Nhân danh Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tướng, Tổng Tư lệnh cực lực phản đối những hành động chiến tranh của Chính phủ Mỹ, yêu cầu Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát nghiêm khắc lên án những hành động vi phạm đó của Chính phủ Mỹ, kiến nghị ngay với Chính phủ Mỹ phải lập tức chấm dứt mọi hành động khiêu khích, phá hoại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Geneva năm 1954 về Việt Nam.

Tháng 8-1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị về việc tăng cường sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu của địch khiêu khích và phá hoại miền Bắc.

1. *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.63-64.

Tháng 9-1964, Bộ Chính trị họp và quyết định động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tập trung cao độ mọi khả năng, tạo nên một chuyển biến mạnh mẽ trong việc phát triển bộ đội chủ lực trên chiến trường, giành thắng lợi quyết định trong một vài năm tới¹.

Tháng 10-1964, Thường trực Quân ủy Trung ương họp mở rộng, ra nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ quân sự, kiểm điểm sự lãnh đạo của Quân ủy đối với nhiệm vụ quân sự trong 10 năm (1954 - 1964). Trong các ngày từ 29-10 đến 3-11-1964, đồng chí Võ Nguyên Giáp chủ trì cuộc họp toàn thể Quân ủy Trung ương, nhằm kiểm điểm công tác quân sự 10 năm (1954 - 1964), thảo luận và ra nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ quân sự trên cả hai miền. Đây là cuộc họp quan trọng nhằm đánh giá lại toàn bộ tình hình và xác định phương hướng, biện pháp chiến lược để triển khai nghị quyết tháng 9-1964 của Bộ Chính trị. Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp trình bày bản báo cáo của Thường trực Quân ủy Trung ương về tình hình và nhiệm vụ quân sự của Đảng² làm cơ sở để tập thể Quân ủy Trung ương thảo luận và ra nghị quyết.

1. Xem Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Sđd, tr.31.

2. Hồ sơ số 328, phong Quân ủy Trung ương, Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng.

Trong bản báo cáo, Đại tướng nói về thành tích, ưu điểm và thiếu sót trong công tác quân sự 10 năm qua, dự kiến tình hình sắp tới và nêu lên nhiệm vụ, phương châm chiến lược, phương hướng những công tác lớn. Quân ủy Trung ương thảo luận báo cáo, xác định hai nhiệm vụ chiến lược quân sự: một là, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, bảo vệ an ninh và toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn trật tự trị an ở miền Bắc; hai là, đẩy mạnh cuộc chiến tranh giải phóng, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng quân sự của địch, đánh đổ chế độ thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam. Trong nhiệm vụ giúp đỡ về quân sự cho cách mạng nước bạn, Quân ủy Trung ương xác định phải đặc biệt coi trọng việc chi viện về quân sự cho cách mạng Lào.

Tại cuộc họp, Quân ủy Trung ương chính thức thông qua 11 nguyên tắc chỉ đạo tác chiến. Khi đưa vào báo cáo, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: đây vừa là nguyên tắc tác chiến vừa là tư tưởng chỉ đạo mọi hành động tác chiến và chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân, chủ yếu là cho các bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương trong tác chiến tập trung¹.

1. Xem Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Sđd, tr.36.

Báo cáo của Thường trực Quân ủy Trung ương được cuộc họp Quân ủy Trung ương nhất trí, sau đó hoàn chỉnh thành nghị quyết và được Bộ Chính trị thông qua trong cuộc họp ngày 9-1-1965. Nghị quyết Quân ủy Trung ương lần này là những định hướng lớn, cơ bản về công tác quân sự trong giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân hai miền Nam - Bắc.

Về nhiệm vụ bảo vệ hậu phương lớn, đề phòng địch mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, tại cuộc họp trong hai ngày 10 và 11-12-1964, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp cùng Thường trực Quân ủy Trung ương nhất trí bổ sung một số nội dung quyết tâm và kế hoạch phòng thủ miền Bắc và thông qua quyết tâm phòng thủ cơ bản của các quân khu. Về quyết tâm chiến lược, trong mọi trường hợp đều phải giữ vững vùng rừng núi miền Bắc, bao gồm dãy núi Trường Sơn đến Quảng Bình; về phía Lào, phải cùng bạn giữ vững các vị trí quan trọng ở Sầm Nưa, Cánh đồng Chum, đường hành lang Trung Lào và các điểm khác phụ cận biên giới của ta.

Sau hội nghị Quân ủy, từ ngày 16 đến ngày 20-11-1964, Quân ủy Trung ương mở hội nghị cao cấp toàn quân. Tại hội nghị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân ủy Trung ương đã giới thiệu sâu sắc và toàn diện nghị quyết Quân ủy Trung ương¹.

1. Xem Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.2 (1955 - 1975)*, Sđd, tr.268.

Từ nhiều nguồn của mạng tình báo chiến lược, những tin tức giúp cơ quan tham mưu Tổng hành dinh của ta nhận thức ngày càng rõ quá trình chuyển hướng chiến lược của Mỹ.

Ở miền Nam Việt Nam, đến cuối năm 1960, phong trào cách mạng phát triển mạnh, đẩy chính quyền Ngô Đình Diệm vào cuộc khủng hoảng chính trị kéo dài. Mỹ quyết định chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” hòng tiêu diệt lực lượng kháng chiến, đè bẹp phong trào cách mạng miền Nam với lực lượng quân đội Việt Nam Cộng hòa do Mỹ trang bị, huấn luyện và cố vấn Mỹ chỉ huy. Tiến hành “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự, kinh tế và cố vấn cho Việt Nam Cộng hòa; tăng cường, mở rộng lực lượng vũ trang, bán vũ trang của quân đội Sài Gòn; lập nhóm chuyên viên kinh tế, tài chính, quân sự cao cấp xây dựng kế hoạch hành động chung giữa Chính phủ Mỹ và Chính phủ Việt Nam Cộng hòa; đồng thời, triển khai mạnh mẽ chương trình lập ấp chiến lược với mục tiêu cơ bản “bình định” xong miền Nam Việt Nam trong 18 tháng.

Trước những chuyển biến của tình hình, ngày 24-1-1961, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam. Chỉ rõ những mâu thuẫn và sự bất lực của chính quyền Ngô Đình Diệm, khẳng định rằng, “*Thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng*

*hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu*¹, Chỉ thị xác định nhiệm vụ cấp bách trước mắt lúc này của cách mạng miền Nam. Bộ Chính trị quyết định chuyển từ phương châm “*đấu tranh chính trị là chủ yếu, đấu tranh quân sự là để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị*” sang phương châm “*đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự*”².

Đồng thời với bước chuyển biến trên đây, để đáp ứng đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Trung ương Đảng chủ trương cần phải tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện đối với cách mạng miền Nam. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1-1961 quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam Bộ. Đây là một bộ phận của Ban Chấp hành Trung ương gồm những Ủy viên Trung ương được Ban Chấp hành Trung ương ủy nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác đảng ở miền Nam.

Tiếp đó, để bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ huy tập trung thống nhất đối với lực lượng vũ trang, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và chỉ thị của Tổng Quân ủy,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.22, tr.153, 158.

ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam được thống nhất thành Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Cùng với việc tăng cường hệ thống tổ chức, lực lượng vũ trang ba thứ quân ở miền Nam nhanh chóng được xây dựng.

Năm 1961, nhằm tăng lượng vũ khí và các hàng hóa chi viện cho chiến trường miền Nam, Quân ủy Trung ương tiếp tục chỉ thị Bộ Tổng Tham mưu khẩn trương nghiên cứu tình hình trên biển, tìm hiểu các hoạt động kiểm soát vùng biển, bờ biển của địch và các khả năng vật chất, kỹ thuật, con người của ta để xây dựng và tổ chức lực lượng vận tải chi viện cho chiến trường Nam Bộ và Khu V.

Trong quá trình phát triển tuyến đường vận chuyển, lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp chỉ đạo các lực lượng, biểu dương mặt tốt, chỉ ra những khuyết điểm.

Ngày 23-10-1961, Bộ Tổng Tư lệnh ra Quyết định số 97/QP thành lập Đoàn 759, đặt dưới sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tổng Tư lệnh, làm nhiệm vụ vận chuyển chiến lược theo đường biển chi viện cho cách mạng miền Nam¹.

1. Xem Quân chủng Hải quân: *Lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển (1961 - 2011)*, Sđd, tr.65.

Việc xây dựng lực lượng vận tải biển chỉ viện miền Nam được Bộ Chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp hết sức quan tâm, đặc biệt đối với các cán bộ, thủy thủ miền Nam. Vấn đề quan trọng trong vận chuyển chỉ viện đường biển là phải bảo đảm bí mật vượt qua được sự kiểm soát của lực lượng hải quân địch.

Thường trực Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ cho hải quân vận chuyển vũ khí theo đường biển vào Nam. Từ đó, hàng mấy trăm chuyến tàu bí mật xuất phát từ các bến ở cửa sông Gianh (Quảng Bình) và cả ở gần cửa biển Đồ Sơn chở hàng trăm, hàng ngàn tấn vũ khí vào miền Nam đánh Mỹ. Đại tướng nhiều lần đến thăm những chiến sĩ tàu không số, có lần ông đích thân ra tiễn tận cửa biển, nắm tay từng chiến sĩ trước lúc ra khơi.

Ngày 18-11-1961, Đại tướng, Phó Thủ tướng Võ Nguyên Giáp điện khẩn cho Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát tại Việt Nam phản đối Mỹ bước đầu vũ trang xâm lược miền Nam Việt Nam. Bức điện đề nghị Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát tại Việt Nam lưu ý sự can thiệp của Mỹ vào miền Nam, tố cáo Bộ Quốc phòng Mỹ phái máy bay phản lực và nhiều máy bay trực thăng có hoạt động ở miền Nam, đưa lực lượng không quân Mỹ, nhân viên hải quân, xây dựng và mở rộng các căn cứ không quân, đưa vào một số quân Mỹ,

năm chúc Tham mưu trưởng trong quân đội Việt Nam Cộng hòa. Mỹ quyết định trực tiếp và công khai tham gia xâm lược miền Nam Việt Nam, những hành động này là tiền đề vật chất thiết yếu của việc đưa quân đội Mỹ vào miền Nam Việt Nam¹.

Ngày 8-2-1962, Bộ Chỉ huy quân sự của Mỹ đặt dưới quyền tướng Harkins, Tư lệnh phó - Tham mưu trưởng lục quân Mỹ tại Thái Bình Dương đã được thành lập tại Sài Gòn, trực tiếp điều hành các lực lượng quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam và các lực lượng vũ trang của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 8-2-1962, Phái đoàn cố vấn và viện trợ quân sự Mỹ (MAAG) được chuyển thành Bộ Chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ (MACV). Dưới quyền chỉ huy và điều hành của MACV, số lượng cố vấn và các đơn vị yểm trợ Mỹ không ngừng tăng lên. Nếu năm 1960, lực lượng yểm trợ và cố vấn Mỹ mới chỉ có 1.077 tên, thì năm 1962, con số đó lên tới 10.640 tên.

Ngày 10-2-1962, nhân danh Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tướng, Phó Thủ tướng Võ Nguyên Giáp gửi điện tối khẩn cho Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát tại Việt Nam cực lực phản đối Mỹ lập Bộ Chỉ huy quân sự mới ở miền Nam Việt Nam. Yêu

1. Xem Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam: *Biên niên Lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945 - 2005*, Sđd, t.2, tr.579-580.

cầu Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát tại Việt Nam, với trách nhiệm của mình đối với việc giữ gìn hòa bình ở Việt Nam trên cơ sở Hiệp định Geneva, có biện pháp buộc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa phải đình chỉ ngay việc thành lập Bộ Chỉ huy quân sự của Mỹ tại Sài Gòn; đưa ngay ra khỏi miền Nam Việt Nam tất cả những đơn vị không quân, hải quân của Mỹ cùng với vũ khí và các nhân viên quân sự khác trái với Điều 16, 17 của Hiệp định Geneva¹.

Ngày 11-4-1962, Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi điện cho Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát tại Việt Nam kịch liệt phản đối Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược ở miền Nam; yêu cầu báo cáo lên Chủ tịch Hội nghị Geneva hành động xâm lược của Mỹ, đòi có biện pháp tích cực, khẩn trương để cứu vãn hòa bình ở Việt Nam và Đông Nam Á².

Ngày 22-5-1962, Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi điện yêu cầu Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát tại Việt Nam hành động đúng với nội dung và tinh thần của Hiệp định Geneva³.

Ngày 15-6-1962, Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi thư cho Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát tại Việt Nam bác bỏ kết luận sai lầm của đoàn đại biểu Ấn Độ và

1. Xem báo *Nhân Dân*, ngày 11-2-1962.

2. Xem báo *Nhân Dân*, ngày 14-4-1962.

3. Xem báo *Nhân Dân*, ngày 12-5-1962.

Canada, khẳng định, “Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn thể nhân dân Việt Nam... kiên quyết đòi Ủy ban quốc tế phải làm đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình, nghiêm khắc lên án những hành động vi phạm Hiệp định Geneva của Chính phủ Mỹ và Ngô Đình Diệm”¹.

Trung tuần tháng 8-1962, Thường trực Quân ủy Trung ương họp, chính thức thông qua Nghị quyết về tổ chức con đường vận tải chiến lược trên biển chi viện cho cách mạng miền Nam. Sau khi nghe đồng chí Trần Văn Trà, Phó Tổng Tham mưu trưởng báo cáo tóm tắt về công tác chuẩn bị cho hoạt động của con đường vận tải chiến lược trên biển, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh hỏi: “Liệu có thể đảm bảo chắc chắn được 50% những chuyến đi không?”², đồng chí Trần Văn Trà trả lời: “Đạt 100% thì khó chứ 50% thì tôi chắc được!”³. Tất cả các đồng chí trong Thường trực Quân ủy Trung ương đều tán thành. Nghị quyết chính thức được thông qua. Tháng 10-1962, chuyến tàu vận tải đầu tiên vào Nam xuất phát.

1. Xem báo *Nhân Dân*, ngày 16-6-1962.

2, 3. Quân chủng Hải quân: *Lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển (1961 - 2011)*, Sđd, tr.82.

Cùng với sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam, công cuộc xây dựng miền Bắc, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thu được những kết quả quan trọng. Đây là những điều kiện căn bản để nhân dân Việt Nam củng cố miền Bắc, đẩy mạnh đấu tranh cách mạng ở miền Nam, chống lại những kế hoạch bình định miền Nam đẫm máu, khốc liệt. Các chiến thắng vang dội trên chiến trường miền Nam (chiến thắng Phước Thành, Gò Dầu, Trảng Bàng, Bến Cầu...) phản ánh thế và lực của ta đang đi lên. Sau một năm tiến hành chiến tranh cách mạng, quân và dân miền Nam đã khắc phục khó khăn, vượt qua những thử thách ác liệt, tiến hành đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị trên cả ba vùng chiến lược, từng bước đưa phong trào cách mạng phát triển. Trong năm 1961, bằng tiến công quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, quân, dân miền Nam đánh đòn phủ đầu kế hoạch Staley - Taylor, làm cho Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm bị động về chiến lược.

Trước diễn biến của tình hình chiến trường, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 2-1962 và tháng 12-1962 được tổ chức. Bộ Chính trị nêu lên chủ trương hoạt động chủ yếu lúc này vẫn là tiếp tục giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công, đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị; nắm vững phương châm hoạt động ở ba vùng một cách linh hoạt, sáng tạo,

tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, đánh địch bằng ba mũi giáp công. Các hội nghị Bộ Chính trị đã chỉ ra những phương hướng cơ bản cho việc chỉ đạo cách mạng miền Nam, đưa cuộc kháng chiến tiến lên trong năm 1963 và lường định sự nghiệp kháng chiến của nhân dân Việt Nam phải trải qua một quá trình đánh thắng địch từng bước trước khi tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Bộ Chính trị, nhờ hình thức, phương thức đấu tranh phù hợp, đúng đắn, tinh thần và sự nỗ lực cao độ của quân, dân miền Nam, năm 1963 đánh dấu một bước tiến mới của cách mạng miền Nam bắt đầu bằng thắng lợi vang dội Ấp Bắc (tháng 1-1963).

Thắng lợi của cách mạng miền Nam trong năm 1963 đã đẩy chính quyền và quân đội Sài Gòn vào thế suy yếu toàn diện, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đang từng bước bị phá sản. Trong khi đó, chính sách đối xử không bình đẳng giữa các tôn giáo của chính quyền Diệm - Nhu đã dẫn đến cuộc đấu tranh của Phật giáo chống chính quyền Diệm bùng nổ, góp phần đẩy chính quyền Sài Gòn vào cơn khủng hoảng, tình hình miền Nam ngày càng mất ổn định một cách nghiêm trọng. Trước tình hình căng thẳng có nguy cơ làm sụp đổ chính quyền mà Mỹ dày công xây dựng, Mỹ bắt đầu xem xét vai trò của hai anh em Diệm - Nhu,

thực hiện chính sách “thay ngựa giữa đường”, lật đổ chính quyền Diệm (tháng 11-1963). Ngày 22-11-1963, Tổng thống Mỹ Kennedy, người quyết định tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở Việt Nam và Đông Dương cũng bị ám sát. Phó Tổng thống Johnson lên thay, quyết định tiếp tục đổ của vào cuộc chiến tranh tại Việt Nam.

Trong lúc đó, tình hình thế giới tiếp tục biến chuyển, tác động tới sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là mâu thuẫn Liên Xô - Trung Quốc trở nên ngày càng gay gắt.

Tình hình mới đặt ra những yêu cầu đòi hỏi Đảng phải có những đổi sách mới trong quan hệ với quốc tế và đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam. Vì vậy, tháng 12-1963, Trung ương Đảng đã triệu tập Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương. Hội nghị đã thông qua hai Nghị quyết quan trọng về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta và ra sức phấn đấu, tiến lên giành những thắng lợi ở miền Nam. Hội nghị chỉ rõ: *“phương châm chiến lược chung của cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân miền Nam là chiến đấu lâu dài, dựa vào sức mình là chính; về phương châm đấu tranh thì kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang một cách linh hoạt tùy theo từng vùng và từng thời kỳ*

khác nhau”¹. Hội nghị cũng chỉ rõ yêu cầu, phương hướng lãnh đạo: Trong bất kỳ trường hợp nào, phải kiên quyết loại trừ mọi thái độ lừng chừng, muốn đứng lại ở bước quá độ, phải có quyết tâm động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân giành cho được thắng lợi tối đa.

Trong Nghị quyết về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta, Hội nghị Trung ương đã phân tích đặc điểm tình hình thế giới, nội dung và tính chất của thời đại, chỉ ra rằng, so sánh lực lượng trên thế giới ngày càng thay đổi có lợi cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; trên cơ sở đó, đề ra những chủ trương và nhiệm vụ quốc tế của Đảng².

Sau Hội nghị Trung ương 9, Đảng nhận định rằng, thất bại liên tiếp ở miền Nam và Lào, Mỹ và chính quyền Sài Gòn lúng túng và nhất định sẽ điên cuồng đối phó, trước sau gì cũng sẽ tập kích bằng đường biển và đường không vào miền Bắc Việt Nam; do vậy, miền Bắc cần tăng cường sẵn sàng chiến đấu.

Ở miền Nam, quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 và các nghị quyết, chỉ thị của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.24, tr.827.

2. Chủ trương và nhiệm vụ quốc tế mà Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra thể hiện sự độc lập, tự chủ và bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng ta trước những nảy sinh phức tạp trong quan hệ quốc tế.

Bộ Chính trị, việc xây dựng quân chủ lực, xây dựng căn cứ địa - chỗ đứng chân được đẩy mạnh. Năm 1964, trên chiến trường miền Nam đã xây dựng được hai khối chủ lực cơ động với hệ thống căn cứ địa liên hoàn. Quân, dân miền Nam đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị, đánh bại các cuộc hành quân càn quét, làm chuyển biến cục diện chiến trường hết sức có lợi. Tại nông thôn đồng bằng, với sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương, nhân dân nổi dậy phá tan từng mảng hệ thống ấp chiến lược, giành quyền làm chủ ở nhiều mức độ khác nhau. Cùng lúc, phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân cùng với những trận đánh táo bạo của đặc công và biệt động ở vùng đô thị càng đẩy địch vào thế rối ren.

Ngày 25-2-1964, Đại tướng, Phó Thủ tướng Võ Nguyên Giáp gửi thư tới Chủ tịch Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm soát kịch liệt phản đối hành động phát xít của chính quyền tay sai Mỹ ở miền Nam, ra Sắc luật 93 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật; tố cáo sắc lệnh này là một đạo luật tiêu biểu cho tính chất độc tài phát xít của chính quyền tay sai mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam, vi phạm thô bạo Hiệp định Geneva (năm 1954) về Việt Nam. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề nghị Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm soát sớm có biện pháp hiệu lực đối với Chính phủ Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, rút quân đội ra khỏi

miền Nam Việt Nam, mọi công việc của miền Nam Việt Nam do nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định¹.

Ngày 28-2-1964, Đại tướng, Phó Thủ tướng Võ Nguyên Giáp gửi điện tới Chủ tịch Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm soát kịch liệt tố cáo đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam và tìm mọi cách khiêu khích miền Bắc Việt Nam với hàng loạt hành động. Thay mặt Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tướng tuyên bố: “Nếu đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam Việt Nam mạo hiểm gây ra những hành động xâm phạm lãnh thổ, vùng trời và vùng biển của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thì nhất định chúng sẽ bị trừng trị đích đáng, và chúng sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi hậu quả của những hành động tội ác của chúng”².

Thất bại trên chiến trường miền Nam, Mỹ dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ” và trình Quốc hội thông qua “Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ” mở đường cho nỗ lực quân sự mới của Mỹ ở Việt Nam. Trong khi đó, ở Lào, Mỹ tăng cường “Chiến tranh đặc biệt” nhằm cắt đứt chi viện của hậu phương lớn miền Bắc đối với tiền tuyến lớn miền Nam, củng cố vị trí của Mỹ và phái hữu ở Lào, cô lập cách mạng miền Nam. Song âm mưu của Mỹ ở Lào cũng từng bước bị phá sản.

1. Xem báo *Nhân Dân*, ngày 3-3-1964.

2. Xem báo *Nhân Dân*, ngày 29-2-1964.

Năm 1964, được sự đồng ý của Bộ Chính trị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp phân công các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Lê Trọng Tấn vào chiến trường Đông Nam Bộ. Chỉ đạo thực hiện các trận đánh lớn tại Bầu Bàng, Dầu Tiếng, Đồng Xoài..., tạo chuyển biến trên chiến trường và thành lập các sư đoàn 1, 2, 3, 5, 7, 9 vào hai năm tiếp theo.

Trong năm 1964, địch chẳng những không đạt được các mục tiêu đề ra, ngược lại, chúng vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của lực lượng cách mạng miền Nam và sự đánh trả quyết liệt của quân, dân miền Bắc. Chiến thắng Bình Giã (tháng 12-1964), An Lão (tháng 12-1964) đánh dấu bước phát triển mới của cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam. Quyền chủ động chiến lược của cách mạng được củng cố và phát huy mạnh mẽ trên khắp ba vùng chiến lược. Với chiến thắng Bình Giã, An Lão, quân và dân miền Nam đã đánh bại về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Nhận định về bước phát triển của chiến trường miền Nam được mở ra bởi chiến thắng Bình Giã, An Lão, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn viết: “Kể từ trận Ấp Bắc, Mỹ thấy không thể thắng ta được, đến trận Bình Giã, thì Mỹ thấy sẽ thua ta trong Chiến tranh đặc biệt”¹.

1. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.185.

Chiến dịch Bình Giã (huyện Đất Đỏ - Bà Rịa, từ ngày 2-12-1964 đến 3-1-1965) là chiến dịch đầu tiên của bộ đội chủ lực trên chiến trường Nam Bộ, thể hiện bước nhảy vọt mới của chủ lực ta ở miền Nam, sau trận Ấp Bắc. Sau khi nghe báo cáo về chiến dịch Bình Giã, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân ủy Trung ương nhận định: “Chiến thắng Bình Giã đánh dấu sự thất bại căn bản của chiến lược Chiến tranh đặc biệt”. Chiến thắng này đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam về trình độ lãnh đạo tổ chức chỉ huy tác chiến tập trung kết hợp với phong trào chiến tranh du kích địa phương¹.

Tính chung toàn Miền trong năm 1964, quân và dân miền Nam đã đẩy mạnh đấu tranh quân sự và chính trị trên cả ba vùng chiến lược, giáng cho quân đội Sài Gòn những đòn nặng nề, phá rã, phá banh 3.659 ấp chiến lược; mở rộng vùng giải phóng, vùng làm chủ trên 2/3 đất đai toàn miền và với 10 triệu dân, làm thất bại về cơ bản “quốc sách ấp chiến lược” của địch. Chiến tranh nhân dân phát triển đều khắp. Với thắng lợi đó, thế và lực của cách mạng miền Nam đang ngày càng phát triển mạnh mẽ, vững chắc; mọi nỗ lực của địch trong “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về

1. Xem Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.2 (1955 - 1975)*, Sdd, tr.275.

căn bản. Ở miền Bắc, với tinh thần cảnh giác cao, các lực lượng phòng không, không quân và nhân dân đã giáng trả thích đáng sự xâm lấn của quân địch trên bầu trời, tăng cường lực lượng phòng không, không quân, tích cực bảo vệ các thành phố trọng điểm như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định...

Khi cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đang phát triển rất mạnh, nhân dịp kỷ niệm 10 năm ký kết Hiệp định Geneva, tháng 7-1964, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết bài: *Nhân dân miền Nam nhất định đánh thắng “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ*, khẳng định sức mạnh chiến đấu của toàn dân ta. Phân tích quá trình can thiệp của đế quốc Mỹ vào miền Nam Việt Nam, tình hình cuộc đấu tranh quyết liệt của quân dân ta, phân tích sức mạnh của nhân dân ta ở miền Nam, hậu phương miền Bắc, chỉ rõ những mâu thuẫn, điểm yếu của đế quốc Mỹ khi tiến hành chiến tranh xâm lược, Đại tướng nêu rõ: Cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân ta ở miền Nam chống “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ là lâu dài, gian khổ, dựa vào sức mình là chính, nhưng nhất định giành được thắng lợi cuối cùng. Nhân dân ta ở miền Nam có mục tiêu chiến đấu cao cả, có chính nghĩa... Nhân dân ta đang tập hợp muôn triệu người như một trong hàng ngũ ngày càng rộng rãi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam

Việt Nam..., có một đội quân cách mạng kiểu mới, đó là Quân Giải phóng miền Nam... Cuộc chiến tranh giải phóng của đồng bào ta ở miền Nam hiện đang được sự đồng tình ủng hộ hết sức rộng rãi của cả loài người tiến bộ¹.

Từ năm 1961 đến năm 1965, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc vượt qua khó khăn, gian khổ, phấn đấu thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tạo ra sự chuyển biến nhiều mặt ở miền Bắc. Quân và dân miền Nam đã cơ bản phá vỡ hệ thống áp chiến lược, góp phần đập tan kế hoạch Staley - Taylor. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cùng Trung ương Đảng và Chính phủ tiếp tục chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

1. Xem *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Sđd, tr.17-60.

Chương VI

**THAM GIA LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG,
BẢO VỆ MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC,
GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(1965 - 1975)**

**1. Cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh
đạo xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đánh thắng
chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ
(1965 - 1968)**

Sau hơn 10 năm can thiệp trực tiếp, ngày càng sâu vào Việt Nam và sau 4 năm tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, mặc dù đã bỏ ra nhiều tiền của và công sức, sử dụng nhiều thủ đoạn và biện pháp về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, nhưng đến những tháng đầu của năm 1965, nỗ lực chiến tranh của đế quốc Mỹ có nguy cơ bị thất bại hoàn toàn trước sự tiến công mạnh mẽ của cách mạng miền Nam.

Trước tình hình đó, chính quyền Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” mong giành thắng lợi quyết định trong thời gian ngắn trên chiến trường miền Nam.

Ngày 8-3-1965, khoảng 3.500 quân Lữ đoàn số 9 thuộc Sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3 Mỹ vào Đà Nẵng. Sự kiện này đánh dấu việc quân Mỹ bắt đầu tham gia trực tiếp vào cuộc chiến tranh trên bộ ở miền Nam Việt Nam. Đến cuối năm 1965, số quân Mỹ tham chiến ở miền Nam lên tới 181.000 quân¹. Với lực lượng mạnh, trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, quân Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng hòa tiến hành hàng loạt các cuộc càn quét, vây ráp hòng tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng, gây nhiều tội ác man rợ với đồng bào miền Nam.

Cùng với mở rộng chiến tranh ở hai miền Nam - Bắc Việt Nam, Mỹ tăng cường nỗ lực chiến tranh ở Lào. Từ tháng 7-1965, quân đội Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng hòa được Chính phủ cực hữu Lào cho phép vượt biên giới vào đất Lào hoạt động. Với ý đồ cô lập cao độ cách mạng Việt Nam, Mỹ còn tìm mọi cách gây sức ép và lôi kéo Chính phủ trung lập Campuchia. Do chính sách ngoại giao đúng đắn của

1. Xem Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, tr.312.

Đảng và Chính phủ Việt Nam, âm mưu của Mỹ đã thất bại, Chính phủ Campuchia đã cự tuyệt và cắt quan hệ ngoại giao với Mỹ.

Đi đôi với việc đẩy mạnh các hoạt động chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ đã thi hành nhiều biện pháp đối phó với dư luận trong nước và trên thế giới; dựng lên và thổi phồng “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, che giấu các bước leo thang chiến tranh bằng cái gọi là “những hành động trả đũa”, “thực hiện cam kết với đồng minh Việt Nam”, bưng bít tin tức về cuộc chiến tranh đối với nhân dân Mỹ.

Ngày 7-2-1965, lấy cớ trả đũa việc Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam tiến công căn cứ Mỹ ở Pleiku, Tổng thống Mỹ Johnson ra lệnh mở chiến dịch “Mũi lao lửa 1”, sử dụng không quân ném bom bắn phá Vĩnh Linh, thị xã Đồng Hới, Cháp Lễ (Quảng Bình), chính thức mở rộng cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân lần thứ nhất phá hoại miền Bắc Việt Nam. Trước những hành động leo thang của đế quốc Mỹ, chiến tranh ở Việt Nam đã trở thành cuộc chiến tranh lớn nhất, ác liệt nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, gây tình hình căng thẳng trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam trong thời điểm đó là vấn đề nóng bỏng, nổi bật, khiến cả cộng đồng quốc tế quan tâm theo dõi. Nhân loại tiến bộ lo ngại nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới. Trong khi đó, tình hình quốc tế diễn ra những biến

động lớn, tác động không nhỏ đến cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Sau khi có sự thay đổi trong vị trí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Chính phủ, Liên Xô đã điều chỉnh chính sách đối ngoại, lên án hành động chiến tranh ngày càng gia tăng của Mỹ tại Việt Nam; tăng cường ủng hộ, giúp đỡ vũ khí và viện trợ kinh tế cho Việt Nam. Trung Quốc, mặc dù đang gặp nhiều khó khăn trong đời sống chính trị, xã hội do cuộc cách mạng văn hóa gây ra, vẫn tiếp tục động viên và giúp đỡ nhân dân Việt Nam cả về tinh thần và vật chất. Tuy nhiên, hai nước Liên Xô và Trung Quốc lại không thống nhất hành động chống Mỹ xâm lược Việt Nam. Thêm vào đó, mâu thuẫn Liên Xô - Trung Quốc về nhiều vấn đề cơ bản của cách mạng thế giới đã thành điểm để đế quốc Mỹ lợi dụng tiến hành leo thang, đưa cường độ cuộc chiến tranh xâm lược lên rất cao ở cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam.

Chủ động, quyết tâm đánh Mỹ và tìm cách thắng Mỹ là yêu cầu đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong những năm tháng thử thách vô cùng ác liệt đó.

Ngày 7-1-1965, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Trung đoàn tên lửa phòng không 236 (Đoàn sông Đà), đây là trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên của quân đội ta. Với sự tham gia phòng không của máy bay và tên lửa, khả năng phòng không của miền Bắc, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội, đã có bước tiến bộ rõ rệt.

Ngày 16-2-1965, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp cùng Thường trực Quân ủy Trung ương nghe Bộ Tổng Tham mưu báo cáo tổng hợp tình hình sẵn sàng chiến đấu ở miền Bắc. Về nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc, ta đã có kế hoạch cụ thể và toàn diện, tích cực tăng cường mọi mặt và đối phó có hiệu quả, căn bản làm thất bại âm mưu biệt kích, thám báo gây bạo loạn của địch. Báo cáo của Bộ Tổng Tham mưu cũng nêu lên những yếu kém và hạn chế cần tiếp tục giải quyết nhằm đối phó có hiệu quả hơn và đề phòng địch phá hoại với quy mô lớn hơn. Việc xây dựng kế hoạch di chuyển các cơ quan trung ương, di chuyển Bộ Tổng Tư lệnh và kế hoạch chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến, còn chậm. Việc chuẩn bị kho tàng, dự trữ vật chất còn thiếu, đường sá và phương tiện cơ động còn yếu kém. Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp cùng tập thể Quân ủy Trung ương đã cho ý kiến chỉ đạo giải quyết kịp thời những yếu kém, hạn chế trên, với tinh thần đề cao hơn nữa ý thức cảnh giác sẵn sàng chiến đấu của cả ba thứ quân, trước hết là lực lượng phòng không - không quân¹.

Những tháng đầu năm 1965, trước tình hình đế quốc Mỹ đưa lực lượng quân chiến đấu Mỹ và quân các

1. Xem Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Sđd, tr.40-41.

nước đồng minh vào miền Nam, mở rộng hoạt động không quân, ném bom bắn phá miền Bắc (nhất là sau khi những đơn vị quân Mỹ đầu tiên vào tham chiến), để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương họp bàn về tình hình và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam, ngày 19-3-1965, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp triệu tập hội nghị Thường trực Quân ủy Trung ương sơ kết đợt 1 hoạt động quân sự ở chiến trường miền Nam (cuối năm 1964 đầu năm 1965) và dự kiến phương hướng hoạt động đợt tiếp theo năm 1965.

Chủ động đối phó với âm mưu và thủ đoạn chiến tranh mới của đế quốc Mỹ, từ ngày 25 đến ngày 27-3-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp Hội nghị (đặc biệt) lần thứ 11. Sau khi nghe báo cáo tình hình chiến sự trên cả hai miền Nam - Bắc do Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp trình bày và các báo cáo bổ sung của các ngành, Hội nghị nhận định: *“cuộc chiến tranh đặc biệt của chúng ở miền Nam đã được đẩy tới mức độ cao, bao gồm một số yếu tố của chiến tranh cục bộ; và chiến tranh vượt khỏi phạm vi miền Nam lan đến miền Bắc...”*¹. Hội nghị đề ra nhiệm vụ cơ bản cho quân và dân ta là *“tích cực kiềm chế và thắng địch trong cuộc chiến tranh đặc biệt ở mức cao*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.26, tr.104.

*nhất ở miền Nam,... đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra”*¹. Hội nghị nhấn mạnh: “Nhiệm vụ cấp bách của ta ở miền Bắc lúc này là phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho hợp với tình hình mới và để cho miền Bắc có đủ sức mạnh nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ miền Bắc, chống lại các cuộc ném bom bắn phá và phong tỏa của địch (...) đáp ứng yêu cầu chi viện to lớn cho cách mạng miền Nam trong tình hình mới, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội”². Khẩu hiệu chung của miền Bắc là “xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam”³.

Hội nghị quyết định chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc sang thời chiến. Hội nghị nhấn mạnh yêu cầu tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức trong thời kỳ mới, cho đó là vấn đề cực kỳ quan trọng.

Theo tinh thần Hội nghị Trung ương 11 và trước khả năng đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc quy mô lớn, nhất là trên địa bàn Quân khu 4, ngày 31-3-1965, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp triệu tập Hội nghị Thường trực Quân ủy Trung

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.26, tr.109, 110.

ương bàn chuyển hướng công tác lãnh đạo và tổ chức lực lượng vũ trang miền Bắc. Hội nghị quyết định đặt nhiệm vụ trọng tâm của Quân ủy Trung ương là lãnh đạo chiến tranh và đặt các lực lượng vũ trang vào trạng thái thời chiến. Ngay sau đó, ngày 2-4-1965, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp triệu tập Hội nghị Quân ủy Trung ương bàn và xác định một số vấn đề về nhiệm vụ và phương hướng công tác đối với chiến trường miền Nam, theo tinh thần Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III).

Để bảo đảm tuyển binh đủ quân số triển khai kế hoạch khôi phục lực lượng vũ trang thời chiến, tăng cường lực lượng bảo vệ miền Bắc và chuẩn bị đột chi viện cho miền Nam, đầu tháng 4-1965, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp làm tờ trình đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra quyết định động viên cục bộ. Ngày 21-4-1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định động viên một bộ phận sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị và công dân thuộc ngạch dự bị của quân đội¹.

1. Xem Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Sđd, tr.71-72. Ngày 5-5-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Lệnh động viên số 47/LCT. Tiếp đó, ngày 11-5-1965, Thủ tướng ra chỉ thị động viên một bộ phận thanh niên, học sinh, cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật và quân nhân đã xuất ngũ.

Một trong những sáng kiến có tính chiến lược của Đại tướng, Tổng Tư lệnh đối với địa bàn Khu IV là vào năm 1965, khi đường bị tắc do địch đánh phá quyết liệt, đồng chí đã điện cho Đoàn 559, Bộ Giao thông và tỉnh Quảng Bình mở đường 20 Quyết Thắng để giải quyết tính độc đạo của đường 12, góp phần quan trọng vào vận tải của mạng lưới đường Hồ Chí Minh.

Năm 1965, việc chỉ đạo cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên miền Bắc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Tổng hành dinh được Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp hết sức coi trọng. Trước âm mưu mới của địch, đồng chí cùng các cơ quan Bộ Quốc phòng tập trung chỉ đạo triển khai các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Quân ủy Trung ương về phòng không nhân dân bảo vệ miền Bắc. Trong lực lượng vũ trang phòng không miền Bắc lúc này, Quân chủng Phòng không - Không quân là lực lượng phòng không chủ yếu của quân đội, là lực lượng nòng cốt của chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Ngày 5-4-1965, các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng xuống thăm Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân và Trung đoàn không quân 921. Sau khi nghe Đại tá Phùng Thế Tài, Tư lệnh Quân chủng báo cáo về hai trận chiến đấu đầu tiên của không quân trong hai ngày 3 và 4-4-1965, Tổng Tư lệnh đánh giá:

Không quân ta trẻ tuổi nhưng rất anh hùng. Từ thực tế trận đầu ra quân thắng lợi của bộ đội không quân, Tổng Tư lệnh và Tổng Tham mưu trưởng nhắc nhở Bộ Tư lệnh phải thường xuyên quán triệt tư tưởng tích cực, chủ động, liên tục tiến công tiêu diệt địch, bảo vệ mục tiêu đi đôi với bồi dưỡng lực lượng ta.

Sau Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị quyết định giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách thêm Ban công tác Lào¹. Ngày 4-5-1965, sau khi có ý kiến chỉ đạo của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Bộ Tổng Tham mưu họp bàn chuyên đề về giúp đỡ bạn Lào.

Chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) (dự định họp vào cuối tháng 12-1965), Đại tướng Võ Nguyên Giáp được phân công chuẩn bị Dự thảo nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ cách mạng miền Nam. Trong quá trình chuẩn bị bản dự thảo, Đại tướng nghiên cứu cụ thể kết luận cuối tháng 9 của Bộ Chính trị, kết hợp nhận định trong các cuộc họp Thường trực Quân ủy Trung ương. Trải qua sáu lần bổ sung, sửa chữa, bản dự thảo về nhiệm vụ chiến lược của các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam do Đại tướng chuẩn bị, được Bộ Chính trị thảo luận và thông qua trong cuộc họp ngày

1. Cơ quan CP31 của Trung ương Đảng.

6-12-1965. Trong quá trình thảo luận bản dự thảo, Bộ Chính trị đặt vấn đề: nếu Mỹ đưa vào miền Nam 20 vạn rồi 40 vạn quân thì ta có khả năng giành thắng lợi ở miền Nam trong thời gian tương đối ngắn được không, hay phải chuyển sang trường kỳ kháng chiến. Sau khi thảo luận, Bộ Chính trị giữ quyết tâm giành thắng lợi ở miền Nam trong thời gian tương đối ngắn¹.

Ba tuần sau, từ ngày 21 đến ngày 26-12-1965, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương (khóa III) họp.

Hội nghị Trung ương 12 khóa III đã tập trung xem xét và đánh giá toàn bộ tình hình, đề ra chủ trương, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiến lên, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ; phân tích những thắng lợi của cách mạng miền Nam trong hơn 10 năm, những thất bại nặng nề liên tiếp của địch và chỉ rõ đặc điểm chủ yếu của tình hình. Vấn đề đặt ra cho toàn Đảng và toàn dân lúc này là phải đánh giá đúng lực lượng và khả năng mới của kẻ địch và của nhân dân hai miền Nam - Bắc, nhận rõ tiền đồ của cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước từ đó mà xác định và nêu

1. Xem Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Sdd, tr.109-110.

cao hơn nữa quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào.

Sau khi đánh giá lực lượng so sánh trên cả hai miền, Hội nghị Trung ương 12 khóa III nhận định: “ngày nay, mặc dầu đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân đội viễn chinh, *lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn*. Tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt, nhưng *nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch*”¹; “*quân và dân miền Nam hoàn toàn có khả năng tiêu diệt những đơn vị tinh nhuệ nhất của quân đội viễn chinh Mỹ, tiêu diệt những đơn vị ngày càng lớn của quân chủ lực ngụy, trong tình hình mới vẫn kiên quyết tiến lên, càng đánh càng mạnh và cuối cùng nhất định đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ*”².

Hội nghị nêu rõ: “Miền Bắc là hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến lớn. Đế quốc Mỹ càng đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, chiến tranh càng trở nên quyết liệt ở miền Nam thì nhiệm vụ của miền Bắc đối với miền Nam càng nặng nề và quan trọng. Trong tình

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.633, 634.

hình mới, *nhiệm vụ của quân và dân ta ở miền Bắc là tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương: vừa sản xuất, vừa chiến đấu để bảo vệ miền Bắc, đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, động viên sức người, sức của tăng cường chi viện miền Nam, ra sức giúp đỡ cách mạng Lào, đồng thời tích cực chuẩn bị đánh thắng địch nếu chúng mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước ta*¹.

Nhiệm vụ chính trị của miền Bắc giai đoạn này được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra là:

- Xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn vững chắc, động viên sức người sức của, tăng cường cho cách mạng miền Nam, đồng thời bảo đảm đời sống nhân dân và đáp ứng nhu cầu tại chỗ.

- Bảo vệ miền Bắc, đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

- Đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, tích cực tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa và của nhân dân thế giới; tích cực giúp đỡ cách mạng Lào.

- Tăng cường công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng kịp thời đáp ứng nhu cầu của tình hình mới.

Nhiệm vụ cấp bách của ta ở miền Bắc lúc này là phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.26, tr.643-644.

lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới và để cho miền Bắc có đủ sức mạnh nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ miền Bắc, chống lại các cuộc ném bom bắn phá và phong tỏa của địch; nhằm sẵn sàng đối phó với khả năng địch mở rộng chiến tranh ở bất cứ mức độ nào ở miền Nam, miền Bắc cũng như ở Lào; nhằm đáp ứng yêu cầu to lớn của cách mạng miền Nam, miền Bắc trong tình hình mới, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội¹.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và 12 Ban Chấp hành Trung ương (khóa III), miền Bắc đẩy lên các phong trào thi đua “hai giỏi”, “ba sẵn sàng”, “ba đảm đang”, “làm nghìn việc tốt”. Ở nông thôn, quan hệ sản xuất mới đã được xác lập, có nhiều thuận lợi để quy hoạch đồng ruộng và đạt được một số thành tựu nổi bật trong thủy lợi hóa, đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, nhất là các giống mới, các biện pháp thâm canh, tăng vụ... gắn liền với quá trình hợp tác hóa nông nghiệp.

Cùng với tăng cường khả năng chiến đấu của bộ đội phòng không, để chỉ đạo lực lượng phòng không tác chiến trong mọi tình huống, ngày 19-5-1965, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 67/QĐ-QP thành lập Bộ Tư

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.110.

lệnh Phòng không Hà Nội trực thuộc Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, lực lượng gồm 5 trung đoàn pháo cao xạ và các đơn vị trực thuộc.

Ngày 24-2-1966, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp cùng tập thể Quân ủy Trung ương họp và ra nghị quyết về nhiệm vụ quân sự năm 1966. Nghị quyết tập trung vào bốn vấn đề: 1) Nắm vững trọng tâm là chỉ đạo chiến tranh, nắm vững chiến trường chính là miền Nam; 2) Chú trọng chỉ đạo tác chiến, đồng thời chú trọng chỉ đạo xây dựng về mọi mặt; 3) Tăng cường chỉ đạo tổ chức thực hiện; 4) Coi trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, bảo đảm toàn quân nhất trí cao với đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng.

Ngày 12-4-1966, lần đầu tiên Mỹ sử dụng B-52 đánh phá ra miền Bắc (ném bom đèo Mụ Giạ và đường 12 phía tây Quảng Bình) hòng cắt đứt tuyến vận tải chiến lược của ta từ miền Bắc chi viện cho các chiến trường. Từ đó, các máy bay B52 bắt đầu thực hiện các phi vụ đánh phá chiến trường Việt Nam với mật độ ngày càng dày đặc hơn¹.

Khi không quân Mỹ đưa B52 ra đánh đèo Mụ Giạ (Quảng Bình), Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã

1. Theo thống kê của Lầu Năm Góc, các hoạt động của máy bay B52 trên đường mòn Hồ Chí Minh ở Nam Lào đã tăng từ 3.377 lần chiếc (năm 1968) lên 5.567 lần chiếc (năm 1969).

chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu và Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân xây dựng kế hoạch phòng không đánh B52, đặc biệt nhấn mạnh, trong bất cứ trường hợp nào cũng phải giành và giữ được thế chủ động, không để bị bất ngờ.

Phía Mỹ cho công binh gấp rút cải tạo nâng cấp sân bay Utapao (Thái Lan). Từ động thái hoạt động của địch, sớm dự đoán Mỹ sẽ sử dụng B52 đánh phá toàn miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quân ủy Trung ương đã chỉ đạo tích cực xây dựng các phương án đối phó. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho Quân chủng Phòng không - Không quân: “B52 đã ném bom miền Bắc. Trách nhiệm này Bắc giao cho các chú Phòng không - Không quân”¹.

Ngày 14-5-1966, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp cùng Thường trực Quân ủy Trung ương họp nghiên cứu đề án của Bộ Tổng Tham mưu về xây dựng lực lượng và tổ chức chỉ huy của lực lượng phòng không. Đầu tháng 6, có tin đế quốc Mỹ công khai tuyên bố sẽ tăng thêm 1,8 vạn quân vào miền Nam. Đại tướng cùng Thường trực Quân ủy Trung ương trao đổi ý kiến và thống nhất nhận định khả năng địch sẽ có những bước leo thang mới, tăng cường đánh phá miền Bắc với mức độ nghiêm trọng hơn hòng gỡ thế bí ở

1. Cục Chính trị Phòng không - Không quân: *Ba mươi năm chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”*, Hà Nội, 2002, tr.17.

miền Nam. Quân ủy Trung ương nhắc nhở Bộ Tổng Tham mưu tăng cường công tác chỉ đạo phòng không - không quân.

Để tăng cường chỉ đạo phòng không nhân dân, ngày 9-6-1966, Bộ Quốc phòng ra thông tư quy định chức trách nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh quân khu, quân chủng, binh chủng và các cơ quan.

Trên cương vị và trọng trách của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp hết sức coi trọng công tác tổ chức phòng không nhân dân, coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Thế trận phòng không nhân dân được tổ chức chặt chẽ, khoa học. Đó là thế trận hiệp đồng tác chiến giữa bộ đội chủ lực với bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ; giữa các quân chủng và binh chủng, trong đó lấy bộ đội phòng không - không quân làm nòng cốt, đặc biệt coi trọng vai trò của tên lửa phòng không và sức mạnh tiến công của không quân tiêm kích. Sử dụng các loại vũ khí, trang bị tạo thành lưới lửa phòng không rộng khắp và dày đặc, kịp thời đánh địch ở bất kỳ nơi nào chúng đến. Ở bất kỳ tầm bay nào, hướng bay nào của chúng, chúng ta cũng tổ chức chiến đấu, kiên quyết bảo vệ địa bàn chiến lược, các mục tiêu chủ yếu.

Sau khi thành lập Trung đoàn radar dẫn đường 293 thuộc Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân, ngày 30-5-1966, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 42/QĐ-QP thành lập 3 trung đoàn tên lửa (261, 263, 267) thuộc

Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ sân bay Đa Phúc và các vùng xung quanh Hà Nội.

Về khả năng Mỹ sử dụng không quân chiến lược B52 đánh phá Hà Nội, cuối năm 1967, trong một lần làm việc với Tư lệnh và Chính ủy Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi thua nó mới chịu thua. Phải dự kiến trước mọi tình huống càng sớm càng tốt, để có thời gian suy nghĩ chuẩn bị... Nhớ là trước khi thua ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ đã hủy diệt Bình Nhưỡng. Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua. Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”¹.

Lời dự báo và căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định những vấn đề quan trọng: đế quốc Mỹ sẽ sử dụng máy bay chiến lược B52 để đánh phá hủy diệt, rắn đe; khu vực đánh phá trọng tâm là Thủ đô Hà Nội; thời điểm đưa B52 đánh phá hủy diệt vào giai đoạn cuối chiến tranh hòng cứu vãn tình thế. Quân và dân miền Bắc phải chuẩn bị chu đáo về tư tưởng, lực lượng cho trận quyết chiến chiến lược với không quân Mỹ trên bầu trời Hà Nội. Được sự chỉ đạo kịp thời chặt chẽ của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng,

1. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.506-507.

các lực lượng phòng không đã tích cực chuẩn bị về mọi mặt, phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng phòng không ba thứ quân, huy động tối đa sự tham gia của nhân dân, sẵn sàng đón đánh địch. Các lực lượng phòng không tranh thủ thời gian, tích cực chuẩn bị, nghiên cứu, lên phương án sẵn sàng chiến đấu. Giáo dục nhân dân và các lực lượng vũ trang thường xuyên cảnh giác, tích cực chuẩn bị đối phó với mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

Năm 1967, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng đã lần lượt góp ý kiến với Phó Tổng Tham mưu trưởng Phùng Thế Tài về phương án tổng thể và phương án từng khu vực đánh không quân Mỹ, nhất là đánh B52, trên bầu trời Hà Nội và Hải Phòng.

Đồng chí Nguyễn Văn Trân, Bí thư Thành ủy Hà Nội nhấn mạnh: Tất cả các phương án, nhất là phương án trên bầu trời Hà Nội, đều ghi rõ yêu cầu của Bộ Chính trị và của Quân ủy Trung ương do Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đứng đầu là: trong bất cứ tình huống nào, các đơn vị phòng không - không quân của Hà Nội cũng phải bảo vệ tuyệt đối sự toàn vẹn của Hội trường Ba Đình và toàn bộ biệt khu Ba Đình¹.

1. Xem Nhật Hoa Khanh: “Võ Nguyên Giáp - Hai lần bảo vệ Thủ đô”, In trong *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Sđd, tr.117.

Trong quá trình cùng tập thể thảo luận và giải quyết những vấn đề cơ bản về *Kế hoạch chiến lược của các chiến trường miền Nam*, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đồng thời theo dõi và chỉ đạo việc tổ chức, triển khai *Kế hoạch bảo vệ miền Bắc*, trước hết là kế hoạch đánh trả không quân địch¹.

Từ tháng 2-1968, Quân ủy Trung ương dự đoán Mỹ có thể dùng B52 leo thang đánh vào Hà Nội, Hải Phòng và đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Quân chủng phòng không - không quân xây dựng kế hoạch tác chiến. Suốt thời gian sau đó, nhiều đoàn cán bộ phòng không - không quân cùng một số trung đoàn tên lửa và biên đội không quân tiêm kích được cử vào nghiên cứu cách đánh B52 trên vùng trời Quân khu 4.

Nhằm tăng cường sức mạnh phòng không, năm 1968, Bộ Quốc phòng ra Quyết định thành lập Sư đoàn phòng không 375 ở nam sông Gianh, thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 4. Chỉ trong năm 1968, Bộ Quốc phòng đã thành lập hai Sư đoàn phòng không 375 và 377.

Trong hơn 4 năm (từ ngày 7-2-1965 đến ngày 1-11-1968), quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 3.243 máy bay Mỹ, diệt và bắt hàng ngàn giặc lái Mỹ, bắn chìm và

1. Xem Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Sđd, tr.216.

bắn cháy 143 tàu chiến. Bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam, Bắc, tháng 3-1968, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ném bom hạn chế miền Bắc. Tháng 5-1968, Mỹ chấp nhận đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Paris và đến ngày 1-11-1968, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc Việt Nam.

Ở miền Nam, từ năm 1964 đến những tháng đầu năm 1965, cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam phát triển mạnh mẽ trên cả ba vùng chiến lược. Thắng lợi của quân, dân trên hai miền Nam, Bắc đã đẩy chính quyền Việt Nam Cộng hòa lún sâu vào khủng hoảng, mâu thuẫn nội bộ bộc lộ gay gắt, các cuộc đảo chính và âm mưu đảo chính gạt bỏ nhau, tranh giành quyền lực diễn ra liên tục.

Từ mùa hè năm 1965, quân đội Mỹ và quân đội một số nước đồng minh của Mỹ ồ ạt đổ vào miền Nam. Tháng 7-1965, Tổng thống Mỹ Johnson chấp thuận kế hoạch “tìm và diệt” của Đại tướng Westmoreland - Tư lệnh Bộ Chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ tại miền Nam Việt Nam (MACV). Theo đó, Mỹ sẽ hoàn tất các mục tiêu chiến lược của “Chiến tranh cục bộ” trong vòng 2 năm rưỡi. Thế nhưng ngay từ đầu, quân và dân trên cả hai miền Nam - Bắc đã nêu cao quyết tâm, giữ vững

quyền chủ động trên chiến trường, mở các cuộc tiến công quân Mỹ ở miền Nam và giáng trả mạnh mẽ không quân, hải quân Mỹ trên vùng trời, vùng biển miền Bắc.

Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) chỉ rõ, nắm vững phương châm chiến lược chung trong cuộc chiến tranh giải phóng chống Mỹ, cứu nước là đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, song *“cần phải cố gắng đến cao độ, tập trung lực lượng của cả hai miền để tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam”*¹. Kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công; trong đó, “đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng”², nhưng phải được kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, để thu được kết quả lớn nhất.

Việc Mỹ ồ ạt đưa quân Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ vào miền Nam Việt Nam và sử dụng không quân, hải quân Mỹ đánh phá miền Bắc tuy đã phần nào cứu vãn được sự sụp đổ và tan rã nhanh

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.26, Sđd, tr.637-638, 639.

chóng của chính quyền, quân đội Việt Nam Cộng hòa, song, quân Mỹ không thể ngăn chặn được sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam, không tránh được các đòn tiến công của quân giải phóng và không thể giành được quyền chủ động trên chiến trường như mục tiêu đề ra trong kế hoạch.

Bàn về chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết: “Đặc điểm nổi bật của Chiến tranh cục bộ là dùng quân Mỹ trực tiếp xâm lược nhưng hạn chế ở một số lượng nhất định, hạn chế mục tiêu chiến lược, hạn chế phạm vi chiến tranh và phải giành thắng lợi quân sự trong thời gian ngắn nhất, tạo điều kiện cho việc thống trị, nô dịch của chủ nghĩa thực dân mới”¹.

Đến đầu năm 1967, những thắng lợi của nhân dân hai miền đất nước đã tạo ra những khả năng mới để đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới và nhân dân tiến bộ Mỹ, cô lập hơn nữa đế quốc Mỹ. Vì vậy, Bộ Chính trị quyết định mở mặt trận ngoại giao, vận dụng sách lược vừa đánh, vừa đàm trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 1-1967) được tổ chức và ra nghị quyết về đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, chủ động tiến

1. Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 14-9-1967.

công địch, phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Mùa đông năm 1967, trong chiến dịch Đắc Tô 1, bộ đội Tây Nguyên đã thành công và hoàn thiện chiến thuật “chốt điểm vận động” mở ra khả năng mới đánh tiêu diệt những đơn vị quân Mỹ trên chiến trường. Lần đầu tiên ở Tây Nguyên, bộ đội ta đánh thiệt hại nặng Lữ đoàn dù 173, lữ đoàn cơ động chiến lược của Mỹ, làm cho quân Mỹ chùn bước tiến vào căn cứ của ta. Khi đưa chiến thuật này ra miền Bắc báo cáo, Đại tướng, Tổng Tư lệnh và Bộ Tổng Tham mưu sửa lại là “vận động tiến công kết hợp chốt”, thể hiện tinh thần tiến công mạnh mẽ hơn. Tháng 9-1967, báo *Quân đội nhân dân* đăng bài “Thắng lợi to lớn, nhiệm vụ vĩ đại” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp phân tích cục diện chiến trường miền Nam và nêu những tư tưởng chiến lược chủ đạo theo hướng đòn tập kích chiến lược đánh vào đầu não, sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ.

Đến cuối 1967, cách mạng miền Nam đã giành được những thắng lợi quan trọng cả về chính trị, quân sự. Thắng lợi quân sự của ta trước hai cuộc phản công chiến lược mùa khô đã làm thất bại một bước quan trọng chương trình “bình định” của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Đặc biệt, thắng lợi trước cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai 1966 - 1967, trong

đó tiêu biểu là làm thất bại ba cuộc hành quân lớn Attleboro, Cedar Falls và Junction City, bẻ gãy chiến lược “tìm diệt và bình định” của đế quốc Mỹ.

Quân và dân miền Nam vẫn giữ vững và phát huy mạnh mẽ thế chủ động trên chiến trường. Về phía Mỹ, đưa “Chiến tranh cục bộ” trong phạm vi miền Nam đến đỉnh cao, song đã bị tổn thất nặng nề về quân sự và chính trị, chiến lược và chiến thuật. Trên cơ sở phân tích tình hình mọi mặt có liên quan và theo dõi sát diễn biến thực tế chiến trường, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam nhận thấy một tình thế mới có lợi cho cách mạng miền Nam, bất lợi cho đối phương đã xuất hiện.

Ngày 12-10-1967, Cục Tác chiến dự thảo xong kế hoạch tổng công kích - tổng khởi nghĩa toàn miền Nam. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị mở hội nghị thảo luận, quyết định chính thức kế hoạch chiến lược năm 1968 và nhiệm vụ quân, dân là nhằm giáng một đòn mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ. Bộ Chính trị xác định cuộc tổng công kích - tổng khởi nghĩa sẽ là một giai đoạn, một quá trình tiến công chiến lược rất ác liệt và phức tạp. Ngày 18-1-1968, Bộ Chính trị họp mở rộng quyết định thời điểm tổng công kích - tổng khởi nghĩa.

Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp

vào tháng 1-1968 thông qua và trở thành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đây là nghị quyết cổ vũ tinh thần và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân anh dũng tiến lên, thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi quyết định cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Nhận định về những chuyển biến của tình hình từ giữa năm 1965 đến đầu năm 1968, Hội nghị cho rằng: Lực lượng quân sự và chính trị của ta ở miền Nam đã lớn mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào trong lịch sử chiến tranh giải phóng của ta. Chúng ta đang nắm quyền chủ động trên toàn bộ chiến trường. Về tổng thể, so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng, còn đối với Mỹ, một thất bại về quân sự đối với Mỹ lúc này sẽ có tác động mạnh đến tình hình chính trị nước Mỹ, vì đây là năm bầu cử Tổng thống Mỹ (diễn ra vào tháng 11-1968).

Trên cơ sở phân tích toàn diện tình hình, Trung ương Đảng quyết định “*đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định*”¹, nhằm thực hiện những nhiệm vụ chiến

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.29, tr.50.

lược: 1) Tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ, làm cho quân Mỹ không thể triển khai được âm mưu chính trị và quân sự của chúng ở Việt Nam; 2) Đập tan ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải chịu thua ở miền Nam, chấm dứt mọi hành động chiến tranh đối với miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà.

Hội nghị đã dự kiến ba khả năng phát triển của tình hình:

Thứ nhất, quân và dân miền Nam giành được thắng lợi to lớn ở các chiến trường quan trọng, những cuộc công kích và khởi nghĩa của ta cuối cùng thành công ở các đô thị lớn. Đối phương bị thất bại đến mức không còn gượng dậy được, ý chí xâm lược bị đè bẹp, phải chịu thua, buộc phải thương lượng và phải kết thúc chiến tranh theo những mục tiêu và yêu cầu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thứ hai, tuy quân và dân miền Nam giành được thắng lợi quan trọng ở nhiều nơi, nhưng Mỹ tập trung và tăng thêm lực lượng từ ngoài vào, giành lại và giữ được những vị trí quan trọng, ổn định được các thành thị lớn, nhất là Sài Gòn - Gia Định, dựa vào các căn cứ lớn để tiếp tục chiến đấu.

Thứ ba, Mỹ động viên và tăng thêm nhiều lực lượng, mở rộng “Chiến tranh cục bộ” ra miền Bắc, sang

Campuchia và Lào, hòng xoay chuyển cục diện chiến tranh và gỡ thế thua.

Trong ba khả năng đó, Hội nghị nhấn mạnh đến khả năng thứ nhất, cần tập trung mọi nỗ lực phi thường, đem hết tinh thần và lực lượng để giành thắng lợi theo khả năng này; đồng thời, sẵn sàng đối phó với khả năng thứ hai và cảnh giác, đề phòng để chủ động đối phó với khả năng thứ ba, mặc dù khả năng này ít xảy ra¹.

Nhận định đúng tình hình, đưa ra chủ trương chiến lược chính xác, táo bạo, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Công tác chuẩn bị cho cuộc tiến công được tiến hành khẩn trương, bí mật. Đêm 20 rạng sáng ngày 21-1-1968, quân ta bao vây, tiến đánh cứ điểm Khe Sanh và hầu hết các vị trí dọc đường 9. Từ ngày 12 đến ngày 27-1-1968, trên chiến trường Lào, quân tình nguyện Việt Nam và quân đội Pathét Lào thắng lớn trong chiến dịch Nậm Bạc.

Giữa lúc quân Mỹ và chính quyền Sài Gòn dồn sức chống đỡ trên mặt trận đường 9 - Khe Sanh, thì đêm 30 rạng sáng ngày 31-1-1968 (đêm giao thừa rạng sáng ngày 1 Tết Mậu Thân), các lực lượng vũ trang

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.29, tr.55-56.

miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy trên toàn Miền, đánh thẳng vào 4/6 thành phố lớn, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, quận lỵ. Trong đợt tiến công này, ta làm nên những trận gây chấn động lớn như đánh Tòa Đại sứ Mỹ, Dinh Độc lập, Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Tổng Tham mưu quân đội Việt Nam Cộng hòa, 25 ngày làm chủ thành phố Huế. Nhân dân ở hầu khắp vùng nông thôn được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang đồng loạt nổi dậy phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ.

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (từ ngày 31-1 đến ngày 28-9-1968), đã diễn ra và giành thắng lợi hết sức to lớn, góp phần quyết định làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 của quân và dân miền Nam đã gây chấn động, làm bàng hoàng nước Mỹ, tạo ra bước ngoặt lớn buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược, xuống thang chiến tranh.

Thất bại nặng nề về quân sự trên chiến trường ở hai miền Nam - Bắc nước ta, ngày 31-3-1968, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và sau đó chấp nhận cử đại biểu đến đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Pari (Pháp). Ngày 1-11-1968, Mỹ ngừng ném bom, bắn phá trên toàn miền Bắc và chấp nhận đàm phán với

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Đây là thắng lợi to lớn của quân và dân ta, tạo bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến, mở ra những điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam.

Cuộc Tổng tiến công diễn ra trong tình hình địch đã leo thang chiến tranh đến đỉnh cao, trong khi tướng Westmoreland (Tổng Chỉ huy quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam) đang chuẩn bị đợt tiến công thứ ba sau hai mùa khô, trước mắt đang khẩn trương cứu nguy cho căn cứ Khe Sanh, ở đó 2/5 lực lượng chiến đấu Mỹ đã bị vây hãm và tiến đánh trong một cuộc nghi binh của ta nhằm đánh lạc hướng quân địch¹. Như Westmoreland dự kiến, đây là một “Điện Biên Phủ”, Tổng thống Mỹ yêu cầu Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam cam đoan không được để mất Khe Sanh²,

1. Giữa năm 1966, Quân ủy Trung ương quyết định mở mặt trận mới: đường 9 - Bắc Quảng Trị, mục đích là tạo mặt trận rừng núi mới hút chủ lực địch (Mỹ phải đưa 2 trong số 7 sư đoàn lên chiến trường này), có thể hạn chế tối đa chỗ mạnh của quân Mỹ, nhưng lại phát huy tối đa sở trường đánh rừng núi của chủ lực ta. Mở mặt trận đường 9 là phá vỡ ý định của Mỹ đưa quân vào đồng bằng sông Cửu Long, phá kế hoạch mở rộng chiến tranh ra Quân khu 4.

2. Mỹ đánh giá đây là bẫy rất khôn ngoan của “cộng sản”. Đây là đòn nghi binh rất thành công của ta, kể cả về ngoại giao.

trong khi chúng ta không chủ trương tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Khe Sanh.

Tuy nhiên, mục tiêu khởi nghĩa ở các địa phương không đạt. Thực tế đã không diễn ra tổng khởi nghĩa như kế hoạch dự kiến¹. Ta chủ quan, đánh giá không đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch, đánh giá cao về phong trào quần chúng nổi dậy và khởi nghĩa ở đô thị, do đó đã đề ra chủ trương lấy tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành chính quyền toàn miền Nam.

Ta đề ra yêu cầu quá cao, sau đợt 1, yếu tố bất ngờ không còn lực lượng đã tổn thất lớn, song, lại cho là đánh chưa đủ mạnh nên đối phương ngoan cố, đến cuối năm 1968, Đảng ta tiếp tục ra nghị quyết về tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào đô thị như dịp Tết². Ta thiệt

1. Trong các nghị quyết của Trung ương Đảng đều chủ trương tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhưng trên thực tế diễn ra là Tổng tiến công và nổi dậy như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng kết luận.

2. Lực lượng ta ở nhiều tỉnh, thành phố bị thiệt hại nặng, chưa được bổ sung kịp thời nên đứng trước khó khăn lớn thiếu vật chất, nhân lực. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 (từ ngày 28 đến ngày 31-8-1968) vẫn quyết định “*tiếp tục đẩy mạnh tổng công kích, tổng khởi nghĩa, đẩy mạnh thế tiến công toàn diện bằng quân sự và chính trị...*” nhằm vào các thành thị lớn, mặt trận nông thôn là chiến trường quan trọng. Sài Gòn - Gia Định và miền Đông Nam Bộ là chiến trường trọng điểm (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.29, tr.411).

hại nặng: đa số tiểu đoàn mũi nhọn vào chỉ còn 40 - 50% rút ra. Lực lượng biệt động Sài Gòn tổn thất 80%. Năm 1968, ta tổn thất trên 111.000 cán bộ lực lượng vũ trang, đảng viên, quần chúng¹.

Ta chậm chuyển hướng chiến lược về nông thôn nên bị tổn thất nặng nề, Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 (tháng 7-1973) nhận định: “chúng ta cũng đã mắc một số khuyết điểm: chủ quan trong việc đánh giá tình hình, cho nên ta đã đề ra yêu cầu chưa thật sát với tình hình thực tế lúc đó; nhất là sau đợt tiến công Tết Mậu Thân, ta đã không kịp thời kiểm điểm và rút kinh nghiệm ngay, nhằm đánh giá lại tình hình và có chủ trương chuyển hướng kịp thời: ta chậm thấy những cố gắng mới của địch, những khó khăn lúc đó của ta,... cho nên ta đã gặp khó khăn trong một thời gian”².

Khi mở màn cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp không có mặt ở Tổng hành dinh.

Từ tháng 9-1967 đến 31-1-1968, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đi chữa bệnh ở Hunggari.

1. Xem Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, tr.411.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.34, tr.215-216.

Một tuần lễ sau khi đợt 1 Tổng tiến công bắt đầu, ngày 8-2-1968, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nghe Cục Tác chiến báo cáo dự kiến kế hoạch tác chiến trên các chiến trường miền Nam đến tháng 5-1968. Đồng chí đã cho ý kiến: cần nghiên cứu, bổ sung làm rõ hơn những nhận định về thuận lợi, khó khăn của địch và của ta, dự kiến cách đối phó của địch. Trên cơ sở đó, xác định chủ trương lớn về tác chiến của ta ở từng vùng và cách đánh, lực lượng sử dụng¹.

Đầu tháng 4-1968, Quân ủy Trung ương triệu tập hội nghị cán bộ cao cấp toàn quân nhằm quán triệt nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ quân sự năm 1968. Phát biểu tại hội nghị, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp nêu rõ thắng lợi to lớn, toàn diện của đợt tổng công kích - tổng khởi nghĩa Xuân Mậu Thân trên chiến trường miền Nam, phân tích mười bài học kinh nghiệm và đề cập một số vấn đề về phát triển mới trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng².

Về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Đại tướng khẳng định sự đúng đắn, sáng suốt của Bộ Chỉ huy về chủ trương, nhưng ông không

1, 2. Xem Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Sđd, tr.240-241, 263-264.

đồng tình cách điều hành tổng khởi nghĩa - tổng tiến công kéo dài tiếp tục các đợt 2, đợt 3 khi không còn yếu tố bất ngờ nữa¹.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã tạo ra bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy ta đã giáng một đòn chí mạng vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ làm tiêu tan ý đồ xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải bắt đầu quá trình xuống thang chiến tranh, chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc Việt Nam, chấp nhận đàm phán với ta ở Paris. Ta có điều kiện mở mặt trận tiến công mới về ngoại giao, mở ra cục diện “vừa đánh vừa đàm”.

Trong các ngày từ 29-7 đến 2-8-1968, Bộ Chính trị và Thường trực Quân ủy Trung ương họp bàn và hạ quyết tâm triển khai kế hoạch chiến lược Đông Xuân 1968 - 1969.

Trong quá trình định hướng cho các chiến trường bước vào hoạt động Đông Xuân 1968 - 1969, một trong

1. Xem Thượng tướng, Giáo sư Hoàng Minh Thảo: “Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tư tưởng chiến lược quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ”, in trong *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Sđd, tr.186.

những vấn đề mà Quân ủy Trung ương quan tâm là công tác bảo đảm hậu cần. Tháng cuối năm, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp cùng Thường trực Quân ủy Trung ương dồn hết tâm lực vào việc chỉ đạo khắc phục khó khăn đột xuất này¹. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp tập trung giải quyết những vấn đề có tính chất quyết định nhằm bảo đảm cơ sở vật chất cho các chiến trường. Ngày 22-8-1968, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp ký quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Bảo đảm giao thông vận tải Quân khu 4, do đồng chí Phan Trọng Tuệ làm Tư lệnh và đồng chí Lê Quang Hòa làm Chính ủy. Bộ Tư lệnh Bảo đảm giao thông vận tải Quân khu 4 đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, có nhiệm vụ chỉ đạo và chỉ huy thống nhất các lực lượng về mặt bảo đảm giao thông vận tải ở Quân khu 4.

Ngày 17-10-1968, Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp cùng Thường trực Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch do Bộ Tổng Tham mưu đề nghị về bố trí lực lượng phòng không bảo vệ hai tuyến giao thông vận tải trên địa bàn Quân khu 4.

1. Xem Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Sđd, tr.362.

Ngày 28-10-1968, Thường trực Quân ủy Trung ương ra nghị quyết chính thức thành lập Bộ Tư lệnh 500 thay cho Tổng cục Hậu cần tiền phương trước đây, với những quy định mới về nhiệm vụ và mối quan hệ. Bộ Tư lệnh 500 đảm nhiệm tuyến vận chuyển phía tây Quân khu 4 (bao gồm các đường 14, 12, 20, 21, 8), đường goòng, đường sông và các đường vận chuyển sắp mở phía tây Quân khu 4. Bộ Tư lệnh 500 là cơ quan chỉ đạo, chỉ huy về mọi mặt tất cả các lực lượng đang làm nhiệm vụ vận chuyển, bảo đảm giao thông, đánh địch trên các tuyến đường được giao phụ trách. Bộ Tư lệnh 500 là đơn vị đặt dưới sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng về mọi mặt; chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tư lệnh Bảo đảm giao thông vận tải Quân khu 4 về công tác bảo đảm giao thông và kế hoạch vận chuyển.

Ngày 2-11-1968, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp ra quyết định thành lập Bộ Tư lệnh 500. Những cố gắng của Tổng hành dinh suốt mấy tháng trong năm 1968 góp phần quan trọng giải quyết được một phần những khó khăn của bộ đội trên con đường vận chuyển chiến lược.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với quyết tâm cao độ, quân và dân ta đã đánh thắng hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967, đánh thắng chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc. Đặc biệt, việc

mở cuộc tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã tạo ra bước ngoặt của cuộc chiến tranh. Đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, hạn chế đi đến chấm dứt ném bom miền Bắc, chấp nhận đàm phán, đánh dấu sự khởi đầu đi xuống về mặt chiến lược của Mỹ. Chiến tranh cục bộ cơ bản bị thất bại.

2. Cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mỹ rút quân, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1969 - 1975)

a) Giai đoạn khôi phục và phát triển kinh tế, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, làm thất bại cơ bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 của quân và dân ta ở miền Nam đã gây chấn động chính giới Mỹ, làm bàng hoàng cả nước Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ngừng ném bom miền Bắc, cử đại diện tham gia đàm phán bốn bên tại Paris (Pháp).

Trước đòn tiến công chiến lược của quân và dân miền Nam, chính quyền Mỹ hiểu ra rằng không thể thắng nổi một dân tộc đầy bản lĩnh, gan góc chiến đấu vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Vì vậy, bước

vào Nhà Trắng từ tháng 1-1969, Richard Nixon đề ra học thuyết và chiến lược quân sự toàn cầu mang tính răn đe thực tế thay thế cho chiến lược phản ứng linh hoạt đã bị phá sản. Đối với cuộc chiến ở Việt Nam, Mỹ chuyển từ “phi Mỹ hóa chiến tranh” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” mà thực chất là “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam” với sự chi viện hỏa lực, hậu cần của Mỹ. Từ năm 1969, Mỹ tiến hành bước phiêu lưu quân sự mới, mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia, biến Đông Dương thành một chiến trường. Bên cạnh những bước phiêu lưu quân sự mới, Mỹ tiến hành những chiến dịch ngoại giao thỏa hiệp với các nước lớn như Trung Quốc, Liên Xô, gây sức ép và cô lập cách mạng Việt Nam.

Đế quốc Mỹ dùng mọi thủ đoạn về quân sự, chính trị rất xảo quyệt và nham hiểm về ngoại giao, thực hiện kết hợp chiến tranh hủy diệt với chiến tranh giành dân và chiến tranh bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến trên cả hai miền Nam - Bắc. Mỹ vừa đàm phán với ta, vừa trở lại đánh phá miền Bắc bằng không quân, hải quân với những bước leo thang đánh phá rất ác liệt như dùng B52 đánh từ Khu IV trở ra, thả mìn phong tỏa các cửa sông và cửa biển miền Bắc, đỉnh cao là tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng, hòng làm lung lay quyết tâm của ta và tạo thế mạnh trong thương lượng trên bàn đàm phán.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta bước vào thời kỳ mới, đặt ra yêu cầu cho các địa phương phải cố gắng tới mức cao nhất trên tất cả các mặt công tác, sản xuất và chiến đấu, động viên lực lượng toàn dân phát huy thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, bảo đảm cho chiến đấu trong bất cứ tình huống nào với khẩu hiệu “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Đứng trước những khó khăn, thử thách của tình hình, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân hai miền Nam - Bắc đã đoàn kết, kiên quyết tiến hành cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Quân và dân miền Nam đẩy mạnh phản công và tiến công, từng bước khôi phục vùng giải phóng, khôi phục phong trào cả ở ba vùng chiến lược, sát cánh cùng quân và dân hai nước bạn Lào và Campuchia. Trên miền Bắc, sau khi Mỹ buộc phải ngừng ném bom đánh phá, quân và dân ta đã nỗ lực cao độ, phục hồi và đẩy mạnh sản xuất, củng cố miền Bắc về mọi mặt, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, chi viện mạnh mẽ cho cách mạng miền Nam và các nước Đông Dương.

Tháng 3-1969, Bộ Chính trị họp nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ của miền Bắc lúc này là tranh thủ thời gian chiến tranh tạm ngừng để khôi phục kinh tế, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, làm cho miền Bắc nhanh chóng lớn mạnh, đáp ứng nhu cầu chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Năm 1969, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân và Bộ Tổng Tham mưu gấp rút xây dựng kế hoạch tác chiến, nghiên cứu cách đánh B52 vì dự kiến Mỹ có thể sử dụng máy bay ném bom chiến lược đánh Hà Nội, Hải Phòng.

Cuối tháng 6-1969, Bộ Quốc phòng chỉ đạo Quân chủng Phòng không - Không quân tổ chức đại hội thi đua quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong toàn quân, bảo vệ vững chắc hậu phương lớn miền Bắc và hoạt động chi viện miền Nam¹.

Trong lúc nhân dân hai miền Nam, Bắc đang giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đó là đau thương và tổn thất lớn không gì bù đắp được đối với cách mạng nước ta. Người đã để lại bản *Di chúc* lịch sử, căn dặn nhân dân ta quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước “biến đau thương thành hành động cách mạng”, nguyện thực hiện thắng lợi *Di chúc* thiêng liêng của Người.

Ngày 3-11-1970, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết số 1204/NQ-TW tổ chức biên

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sdd, tr.351.

chế Quân ủy Trung ương, đồng chí Võ Nguyên Giáp tiếp tục giữ chức Bí thư¹.

Năm 1971, Đại tướng Võ Nguyên Giáp sang thăm Liên Xô. Tại cuộc họp với các đồng chí trong Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng chí A.N. Côxughin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, hỏi: Tôi xin hỏi đồng chí Giáp. Đồng chí nói Việt Nam đánh thắng Mỹ. Tôi muốn biết các đồng chí có bao nhiêu sư đoàn bộ binh cơ giới và Mỹ có bao nhiêu? Xe tăng, pháo hạng nặng, máy bay chiến đấu..., các đồng chí có bao nhiêu và Mỹ có bao nhiêu? Khả năng về phòng không, về tên lửa, về thông tin, radar của các đồng chí như thế nào? Xin đồng chí nói qua cho tôi biết. Đại tướng Võ Nguyên Giáp trả lời: Tôi hiểu câu hỏi của đồng chí. Đồng chí muốn biết về vấn đề so sánh lực lượng giữa chúng tôi với Mỹ... Tôi xin nói nếu chúng tôi đánh theo cách của các đồng chí thì chúng tôi không đứng nổi được hai tiếng đồng hồ. Chúng tôi đánh theo cách khác, cách đánh của Việt Nam và chúng tôi sẽ thắng.

1. Bộ Chính trị chỉ định các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng, Song Hào, Lê Hiến Mai, Lê Quang Đạo, Nguyễn Đôn, Trần Quý Hai, Đinh Đức Thiện tham gia Quân ủy Trung ương. Các đồng chí Văn Tiến Dũng, Song Hào giữ chức Phó Bí thư Quân ủy Trung ương. Theo Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sđd, tr.379.

Sau ngày toàn thắng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có dịp trở lại Liên Xô, cảm ơn bạn đã nhiệt tình giúp đỡ Việt Nam, đồng chí Côxưghin chúc mừng. Việt Nam thắng to quá, như thế tốt quá!.

Tháng 6-1971, sau khi chủ trì một hội nghị của Quân ủy Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã mời Chính ủy và Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân là Hoàng Phương và Lê Văn Tri nghe chỉ thị trực tiếp: “Máy bay B52 Mỹ đang hoạt động ngày càng tăng ở chiến trường miền Nam. Đến mức độ nào đó chúng sẽ đánh rộng ra các tỉnh phía Bắc, không loại trừ Thủ đô Hà Nội. Quân chủng Phòng không - Không quân phải chuẩn bị đối phó với khả năng này”¹.

Tháng 9-1971, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã nhận định: Năm 1972, hoặc là địch sẽ rút nếu đạt được giải pháp; nếu chưa, địch có thể tập trung không quân đánh phá. Ta cần có biện pháp đề phòng. Ngay sau đó, Bí thư Quân ủy Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ thị cho các đảng bộ trong toàn quân: B52 không chỉ đánh ở miền Nam. Đến mức độ nào đó, cũng có thể đánh vào Thủ đô Hà Nội. Quân chủng Phòng không - Không quân phải nghiên cứu kỹ đối tượng này.

Một tài liệu mang tên *Cách đánh B52* đã kịp thời đúc kết và phổ biến trong toàn binh chủng, tạo điều

1. Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.2 (1955 - 1975)*, Sdd, tr.625.

kiện thắng lợi cho cuộc đổ sức diệt B52 trên bầu trời Hà Nội.

Bộ đội cao xạ, radar, tên lửa và không quân được lệnh triển khai huấn luyện chiến đấu theo các phương án đã được kết luận. Một số trận địa tên lửa, trận địa cơ động cho pháo cao xạ và sân bay dã chiến được bí mật xây dựng. Dân quân, tự vệ Hà Nội và một số thành phố được bổ sung hỏa lực bắn máy bay. Công tác bảo đảm quan sát, thông tin được tăng cường.

Sau hai năm (1969 - 1970) thực hiện những kế hoạch ngắn hạn, bước đầu khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, miền Bắc bắt đầu thực hiện Kế hoạch nhà nước 3 năm (1971 - 1973) khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa. Kế hoạch này nhằm đảm bảo yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bảo đảm đời sống nhân dân, bảo đảm cho việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng một bước nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Trung ương khóa III họp từ ngày 25-12-1970 đến ngày 13-1-1971 đã vạch ra phương hướng và mục tiêu quan trọng của công tác kinh tế: phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt.

Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng tiếp tục chỉ đạo xây dựng, phát triển lực lượng phòng không, trong đó chú trọng hiện đại hóa vũ khí, trang thiết bị nhằm nâng cao khả năng chiến đấu của lực lượng phòng không chủ lực như tên lửa, không quân. Trong bản yêu cầu viện trợ quân sự năm 1969, Quân ủy Trung ương đề nghị các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ để: “tăng cường lực lượng phòng không, nâng cao chất lượng tên lửa, tăng thêm máy bay chiến đấu phòng không, tăng cường lực lượng vận tải và xe kéo pháo”¹. Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, đến năm 1972, lực lượng phòng không miền Bắc đã được trang bị tương đối mạnh với nhiều pháo cao xạ tầm trung và tầm cao, được trang bị khí tài chiến đấu trong mọi thời tiết ban ngày và ban đêm. Các đơn vị tên lửa và không quân cũng được bổ sung một số trang bị khí tài mới đáp ứng yêu cầu tác chiến với không quân chiến lược Mỹ².

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, năm 1972 có vị trí đặc biệt quan trọng, tạo ra bước ngoặt

1. Quân ủy Trung ương: “Yêu cầu các nước xã hội chủ nghĩa anh em viện trợ quân sự năm 1969”, tờ số 1, tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng.

2. Riêng năm 1972, các nước xã hội chủ nghĩa đã giúp Việt Nam 4 tiểu đoàn kỹ thuật và 16 tiểu đoàn hỏa lực tên lửa phòng không SA-75, gần 5 triệu viên đạn cao xạ các loại, trên 40 máy bay MIG- 21, phản lực K-6; 20 bộ radar các loại.

lớn của chiến tranh với những thắng lợi có tính quyết định trên cả hai miền Nam - Bắc, cả đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao. Chấp hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 20 của Trung ương Đảng và quán triệt chủ trương của các hội nghị Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương giữa năm 1971, dựa trên thực tiễn phát triển của cách mạng miền Nam, ngày 11-3-1972, Thường vụ Quân ủy Trung ương ra nghị quyết quan trọng về kế hoạch mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Ngày 5-4-1972, sau khi các chiến dịch ở miền Nam¹ mở màn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh, Bí thư Quân ủy Trung ương đã chỉ thị cho đồng chí Lê Văn Tri, Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân: “Sắp tới Mỹ có thể cho không quân, kể cả không quân chiến lược B52 đánh phá trở lại miền Bắc”².

Bị thua nặng trên chiến trường miền Nam, ngày 6-4-1972, Mỹ sử dụng không quân, hải quân mở chiến dịch (chiến dịch Linebacker I) đánh phá, ngăn chặn, phong tỏa miền Bắc Việt Nam.

Âm mưu của Mỹ trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần này vẫn là phá hoại công cuộc xây dựng chủ

1. Quảng Trị, Bắc Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ.

2. Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.2 (1955 - 1975)*, Sđd, tr.625.

nghĩa xã hội, phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc, ngăn chặn nguồn tiếp tế của miền Bắc cho miền Nam và sự chi viện của các nước cho Việt Nam, làm giảm ý chí quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của quân và dân ta.

Ngày 6-4-1972, Bộ Tổng Tư lệnh ra mệnh lệnh cho toàn quân đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ¹. Ngày 30-5, Quân ủy Trung ương ra Chỉ thị số 81/QU kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại mới của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc. Kiên quyết làm tròn nhiệm vụ chi viện cho chiến trường giành thắng lợi lớn nhất cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước².

Tháng 5-1972, Bộ Chính trị họp bàn về nhiệm vụ của quân và dân miền Bắc trước tình hình mới, phân tích rõ âm mưu của đế quốc Mỹ, đồng thời xác định: phải đặc biệt cảnh giác, đề phòng địch có thể liều lĩnh đổ bộ đánh phá một số nơi ở miền Bắc. Hội nghị đã đề ra 4 nhiệm vụ cho quân và dân miền Bắc: 1) Phát động cuộc chiến tranh nhân dân đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của địch ở mức cao hơn; 2) Tiếp tục làm nhiệm vụ tăng viện cho chiến trường trong mọi tình huống; 3) Thực hiện chuyển hướng mọi hoạt động của miền Bắc phù hợp thời chiến; 4) Chuẩn bị sẵn sàng mọi mặt để

1, 2. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sdd, tr.404, 410.

khi có điều kiện thì đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa...

Mục tiêu đánh phá của không quân Mỹ bao gồm nhiều loại: quân sự và dân sự, kinh tế và giao thông. Đánh giá đúng mức độ thâm độc của âm mưu chiến lược của đế quốc Mỹ, Đảng và Nhà nước động viên toàn dân triển khai công tác phòng không nhân dân, coi đây là một biện pháp chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt về nhiều mặt trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của địch.

Ngày 1-6-1972, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra nghị quyết về chuyển hướng và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của miền Bắc để tiếp tục đánh thắng đế quốc Mỹ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc đã nhanh chóng chuyển mọi hoạt động sang thời chiến. Các lực lượng vũ trang nhân dân kiên quyết đánh trả lực lượng không quân và hải quân Mỹ. Công tác phòng không, sơ tán được tiến hành khẩn trương nhằm ổn định đời sống nhân dân, miền Bắc quyết tâm làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Khối lượng hàng vận chuyển cho các chiến trường trong năm 1972 vẫn tăng 1,7 lần so với năm 1971.

Trên cơ sở thế trận phòng không đã được triển khai trong chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương,

Bộ Quốc phòng vừa chỉ đạo chiến đấu vừa hoàn thiện các phương án chuẩn bị đánh địch sử dụng máy bay chiến lược B52 đánh phá vào Hà Nội, Hải Phòng và các mục tiêu quan trọng ở phía Bắc; các đơn vị, cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội phối hợp chặt chẽ với Ủy ban hành chính thành phố chỉ đạo sâu sát công tác phòng không nhân dân, triệt để sơ tán nhằm bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân.

Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 6-1972 về nâng cao cảnh giác, tiếp tục chiến đấu và chiến thắng trong mọi tình huống, trong đó có việc chủ động đối phó với khả năng Mỹ sử dụng B52 đánh phá Thủ đô Hà Nội, ngày 6-7-1972, Bộ Tổng Tham mưu tổ chức Hội nghị chuyên đề đánh B52 Mỹ dưới sự chủ trì của Phó Tổng tham trưởng Phùng Thế Tài¹.

Sau hội nghị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trực tiếp làm việc với Bộ Tư lệnh Quân

1. Cuộc họp gồm các đồng chí: Phùng Thế Tài - Phó Tổng Tham mưu trưởng; Vương Thừa Vũ - Phó Tổng Tham mưu trưởng; Lê Văn Tri, Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân; Hoàng Đình Phu, Viện trưởng Viện Kỹ thuật quân sự; Đào Đình Luyện, Tư lệnh Không quân; Dương Hán, Tham mưu phó Quân chủng Phòng không - Không quân; Trần Đại Nghĩa, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học kỹ thuật nhà nước; Mạc Lâm, cán bộ Cục Tình báo; Nguyễn Văn Ninh, cán bộ Cục Tác chiến.

chủng Phòng không - Không quân, tư lệnh các binh chủng radar, tên lửa, không quân, sư đoàn trưởng Sư đoàn Phòng không Hà Nội, xác định phương án tác chiến phòng không đánh máy bay B52, bảo vệ Hà Nội.

Triển khai công tác phòng không nhân dân thực chất là đưa cuộc sống xã hội toàn miền Bắc từ thời bình sang thời chiến trong bối cảnh địch tiến hành chiến tranh phá hoại. Hàng loạt công việc quy mô lớn phải triển khai khẩn trương, cấp bách, trên những địa bàn rộng, đòi hỏi nhiều công sức, tiền của, quyết tâm rất cao, giữ vững tinh thần, ý chí. Đây là một chủ trương chiến lược, đồng thời cũng là cuộc vận động chính trị mang tính quần chúng rộng rãi, đa dạng và phức tạp, liên quan đến nhiều mặt trong đời sống xã hội của các tầng lớp nhân dân, tác động sâu sắc, thậm chí làm thay đổi nhiều mặt trong đời sống, từ sản xuất, học tập, thói quen hằng ngày đến tâm tư, tình cảm của từng người dân.

Công tác sơ tán một bộ phận nhân dân ra khỏi các thành phố, thị xã, khu vực trọng điểm giao thông, đồng thời bảo đảm ổn định đời sống là một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn đã được các cấp chính quyền ở địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện tốt.

Chuyển nhanh các hoạt động từ thời bình sang thời chiến, miền Bắc vừa không ngừng sản xuất, vừa tiếp tục sơ tán một bộ phận dân cư ra khỏi các vùng trọng

điểm. Tại Hà Nội, từ ngày 25 đến ngày 30-4-1972, 26 vạn dân được sơ tán khỏi nội thành¹. Tại Hải Phòng, dự kiến địch có thể đánh phá quy mô lớn ngay từ đầu vào trung tâm thành phố, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố ra chỉ thị cho các cơ quan, xí nghiệp, công trường chuyển sang trạng thái thời chiến, sơ tán ngay tài sản, máy móc, hàng hóa ra khỏi nội thành; các lực lượng vũ trang chuyển vào báo động cấp I.

Đến cuối tháng 5-1972, trước tình hình đánh phá ác liệt của không quân Mỹ, các tỉnh, thành phố tăng cường công tác sơ tán nhằm hạn chế thiệt hại về người và tài sản.

Các kho tàng, xí nghiệp của Nhà nước, các cơ sở hậu cần kỹ thuật của quân đội lại được sơ tán, phân tán về vùng nông thôn, tiếp tục sản xuất phục vụ đời sống và chiến đấu.

Nhân dân miền Bắc xây dựng, tu bổ hàng chục sân bay, hàng trăm trận địa phòng không để có thể cơ động lực lượng và bố trí bảo vệ Hà Nội; hàng trăm triệu ngày công được huy động để xây dựng các công trình phòng tránh, đào trên 28 triệu hố cá nhân, 12 triệu hầm tập thể, 4 vạn hầm lưu động, 4 vạn kilômét hào giao thông, hàng vạn kilômét tường bao chắn nhà

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, t.VII, tr.319.

máy, xí nghiệp, duy trì liên tục hệ thống vượt sông Hồng bảo đảm giao thông vận chuyển khối lượng lớn hàng hóa với lưu lượng trên 2.000 xe/ngày đưa hàng vào chiến trường¹.

Các lực lượng vũ trang được tăng cường về số lượng và chất lượng theo yêu cầu, nhiệm vụ và quy mô của cuộc chiến đấu. Về mặt tổ chức và trang bị, quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, lực lượng phòng không ba thứ quân đã hình thành tương đối hoàn chỉnh: bộ đội phòng không chủ lực; bộ đội phòng không địa phương; lực lượng phòng không của dân quân, tự vệ. Lực lượng phòng không của dân quân, tự vệ được tổ chức rộng rãi ở khắp các cơ sở, tạo thành một lưới lửa để tiêu diệt máy bay tầm thấp của địch, bảo vệ trực tiếp các mục tiêu ở cơ sở, phối hợp chia lửa với lực lượng phòng không chủ lực và địa phương, buộc địch phải đồng thời đối phó trên một diện rộng với hỏa lực nhiều tầng trong hệ thống phòng không của ta. Lực lượng dân quân, tự vệ ở các cơ quan, địa phương tăng nhanh, được trang bị khá mạnh.

Trên mặt trận chống địch đánh phá, chặn cắt giao thông, bao vây, phong tỏa, Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ và Quân ủy Trung ương tập trung chỉ đạo

1. Xem Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân: *30 năm chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không*, Nxb. Quân đội nhân dân, 2003, tr.10.

các cơ quan trung ương và địa phương, các lực lượng vũ trang thực hiện nhiều biện pháp bảo đảm giao thông vận tải.

Đồng thời với việc phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng giao thông vận tải chuyên nghiệp, đảng bộ và chính quyền các cấp đã phát động toàn dân vượt qua bom đạn ác liệt, dốc sức tham gia bảo đảm hệ thống giao thông vận tải từ biên giới vào miền Bắc, đặc biệt là giữ vững mạch máu chi viện từ hậu phương lớn miền Bắc vào tiền tuyến lớn miền Nam và sang hai nước bạn Lào và Campuchia.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, giáo dục, động viên, tổ chức toàn dân tích cực, chủ động và tự giác tham gia mọi mặt trong hệ thống phòng không nhân dân là bài học sâu sắc, bao trùm trong công tác vận động quần chúng của Đảng những năm máy bay Mỹ đánh phá miền Bắc.

Được chuẩn bị từ sớm về tư tưởng, tổ chức, lực lượng; phán đoán đúng âm mưu, hành động của địch, nên ngay từ đầu, quân và dân Hà Nội, Hải Phòng và các địa phương miền Bắc đã giành thế chủ động, đánh trả quyết liệt các đợt tấn công của địch.

Đến năm 1972, cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Mỹ ở Paris, đang ở bước gay go. Sau những tháng ráo riết vận động bầu cử với trò “ngoại giao con thoi” và lời hứa mang lại hòa bình, R. Nixon ở lại Nhà Trắng nhiệm

kỳ thứ hai. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu phản ứng quyết liệt với Mỹ, phản đối những điều khoản bất lợi cho chúng trong thỏa thuận giữa ta và Mỹ, trong đó có thỏa thuận: ngày 18-10-1972 Mỹ chấm dứt ném bom trên bộ và ngừng rải mìn phong tỏa các cảng biển miền Bắc Việt Nam.

Các cuộc họp giữa các bên cuối tháng 11 và đầu tháng 12-1972 không đạt kết quả nào. Trong thời gian này, Mỹ cấp tốc vận chuyển cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu một khối lượng vũ khí và phương tiện chiến tranh bằng cả một năm trước đó. Để xoa dịu chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và mặc cả với ta, R. Nixon ngang ngược đòi sửa đổi nhiều điều khoản trong bản dự thảo hiệp định sắp được ký kết sau hơn ba năm đàm phán.

Tình hình rất khẩn trương. Tổng Tư lệnh chỉ thị cho các cơ quan quân báo, tác chiến thường xuyên báo cáo tình hình của địch, tình hình các chiến trường, và yêu cầu Bộ Ngoại giao thông báo kịp thời những động thái ở Hội nghị Paris.

Ghi sâu lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh hồi đầu năm 1968 khi Người đến thăm Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân: Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua, hướng phán đoán là Mỹ có thể cho máy bay ném bom chiến lược B52, con át chủ bài cuối cùng ra mặc cả với ta, đánh sâu vào hậu phương miền Bắc. Việc nghiên cứu

chuẩn bị kế hoạch đánh B52 được triển khai gấp rút và đã căn bản hoàn thành vào đầu tháng 9-1972. Dựa vào kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn chiến đấu và những hiểu biết ngày càng nhiều về vũ khí, khí tài và thủ đoạn hoạt động của địch, tài liệu *Cách đánh B52* sau nhiều lần bổ sung, hoàn chỉnh, đã góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện chiến đấu của bộ đội. Mặc dù sự giúp đỡ của Liên Xô về vũ khí, kỹ thuật là quý báu và có hiệu quả, nhưng từ năm 1969, Việt Nam không được nhận viện trợ thêm một quả đạn tên lửa nào. Các bộ khí tài tên lửa, radar cũng dần dần xuống cấp. Điều đó đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ ta phải ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất chiến đấu của vũ khí, khí tài có trong tay.

Trong quá trình xây dựng và hoàn chỉnh kế hoạch đánh B52, Bộ Tổng Tham mưu và Quân chủng Phòng không - Không quân thống nhất nhận định Mỹ sẽ sử dụng B52 đánh vào một số mục tiêu ở Hà Nội và cao hơn nữa, địch có thể đánh thẳng vào trung tâm đầu não chỉ huy của Trung ương Đảng, Bộ Quốc phòng.

Tháng 11-1972, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng đã tổ chức một cuộc họp quan trọng nhận định về âm mưu, thủ đoạn của địch, đồng thời xác định kế hoạch đánh B52 khi địch mở cuộc tập kích đường không quy mô lớn vào Hà Nội, Hải Phòng. Kết luận hội nghị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: “Âm mưu của

Mỹ cho B52 đánh Thủ đô Hà Nội, linh hồn của cuộc kháng chiến, sẽ là hành động gây sức ép cuối cùng để buộc ta phải nhân nhượng. Vì vậy chúng ta phải kiên quyết đánh thắng chúng trên bầu trời Thủ đô”¹.

Ngày 25-11-1972, trong Chỉ thị tăng cường sẵn sàng chiến đấu, Quân ủy Trung ương nhắc lại: Sắp tới, địch có thể ném bom bắn phá trở lại các mục tiêu ngoài vĩ tuyến 20 với mức độ ác liệt hơn trước. Chúng có thể liều lĩnh dùng máy bay B52 đánh phá các trọng điểm Hà Nội, Hải Phòng.

Ngày 27-11-1972, Bộ Tổng Tư lệnh nhận định có nhiều khả năng địch dùng B52 đánh vào Hà Nội và ra lệnh cho các lực lượng vũ trang tăng cường chuẩn bị chiến đấu. Trong bức điện gửi Trung ương Cục miền Nam và Bộ Tư lệnh B2, Quân ủy Trung ương cũng đã thông báo dự kiến khả năng này. Mặc dù vậy, do quán triết quyết tâm chưa tốt, suy nghĩ lúc này vẫn nặng về khả năng địch dùng B52 đánh phá từ Thanh Hóa trở vào đến Quảng Trị, nên đầu tháng 12-1972 đã có lệnh điều một trung đoàn tên lửa vào Khu IV, tiếp đó lại điều thêm hàng trăm tên lửa của phòng không Hà Nội vào theo. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp không hài lòng với việc ra lệnh điều động một số tên lửa dời Thủ đô vào

1. Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.2 (1955 - 1975)*, Sđd, tr.629.

miền Trung làm ảnh hưởng đến sức mạnh chiến đấu của Sư đoàn tên lửa Cận Vệ Đỏ¹.

Trước khi diễn ra trận đánh lớn nhất trên bầu trời Hà Nội, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã có nhiều buổi làm việc với Bộ Tổng Tham mưu, với tư lệnh và các phó tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, đồng thời góp ý kiến về cách đánh. Tổng Tư lệnh còn trực tiếp kiểm tra công tác chuẩn bị tại Sở Chỉ huy Quân chủng.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ở trong Thành cổ của Thủ đô Hà Nội, trực tiếp chỉ đạo từng giờ, từng phút cuộc không chiến của các đơn vị phòng không - không quân Hà Nội chống lại các cuộc tiến công lớn nhất của không quân chiến lược siêu cường Mỹ. Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cùng đồng chí Văn Tiến Dũng (Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam) thường ở lại Tổng hành dinh làm việc đến tận nửa đêm. Trong suốt 12 ngày đêm, một số lần, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn và các nhà lãnh đạo Trường Chinh, Phạm Văn Đồng... có mặt trong Thành cổ Hà Nội cùng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp theo dõi tình hình chiến đấu².

1, 2. Xem Nhật Hoa Khanh: “Võ Nguyên Giáp - Hai lần bảo vệ Thủ đô”, in trong *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Sdd, tr.118.

Ngày 17-12-1972, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra lệnh cho bộ đội phòng không - không quân chuyển sang trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao nhất, đề phòng máy bay B52 đánh đêm từ vĩ tuyến 20 trở ra¹.

19 giờ 10 phút ngày 18-12-1972, radar cảnh giới của ta phát hiện các tốp B52 đang bay vào vùng trời miền Bắc. 19 giờ 15 phút, lệnh báo động khẩn cấp được phát ra. Chiến dịch phòng không của quân và dân ta chống lại cuộc tập kích đường không chiến lược của Mỹ bắt đầu.

Ngày đầu tiên B52 đánh vào Hà Nội, Bộ Tổng Tham mưu đã phát lệnh báo động trên toàn miền Bắc trước 25 phút; còn những ngày sau đó, ta thường phát hiện B52 vào đánh Hà Nội trước 30 phút.

Từ ngày 19-12-1972, đế quốc Mỹ huy động một lực lượng không quân lớn, kể cả máy bay B52 liên tiếp đánh phá Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố ở miền Bắc Việt Nam “với quy mô và mức độ tàn phá chưa từng thấy”. Sáng ngày 21-12-1972, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố lên án mạnh mẽ hành động chiến tranh của chính quyền R. Nixon. Sau khi nhắc lại lập trường trước sau như một của Việt Nam,

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sđd, tr.420.

bản tuyên bố viết: “Nhân dân ta rất thiết tha với hòa bình, nhưng phải là hòa bình trong độc lập tự do thật sự. Chúng ta có đầy đủ thiện chí, đồng thời có đầy đủ quyết tâm và lực lượng để bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản thiêng liêng của mình. Vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả, đồng bào và chiến sĩ cả nước hãy nêu cao khí phách anh hùng, đoàn kết một lòng, ra sức thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, kiên trì và đẩy mạnh cuộc chiến đấu trên ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tiến tới hòa bình, thống nhất nước nhà”¹.

Cũng trong ngày 21-12-1972, tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được phát đi trên Đài Phát thanh giải phóng: Bọn xâm lược Mỹ đụng đến miền Bắc một, thì quân và dân miền Nam quyết giáng trả chúng gấp năm, gấp mười lần!. Đài cũng truyền đi thư của Sài Gòn gửi Hà Nội: Lửa miền Bắc khêu lửa miền Nam, lửa Hà Nội giục lửa Sài Gòn.

Chưa bao giờ làn sóng phản đối chiến tranh của đế quốc Mỹ lại bùng lên dữ dội như những ngày này trên khắp thế giới và ngay tại nước Mỹ. Các nhà lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa ra tuyên bố kịch liệt lên án

1. Báo *Nhân Dân*, ngày 22-12-1972.

hành động xâm lược mới của Mỹ, khẳng định sự ủng hộ cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam. Các đảng cộng sản và công nhân phần nộ tố cáo tội ác của Mỹ, kêu gọi nhân dân các nước đấu tranh đòi hòa bình cho Việt Nam. Ở khắp nơi trên thế giới, hàng triệu người xuống đường sôi sục biểu tình lên án mạnh mẽ hành động tội ác của Nhà Trắng. Các nghị sĩ Quốc hội Mỹ ở cả hai viện chỉ trích gay gắt hành động leo thang mới của Nixon đã tiến hành mà không tham khảo ý kiến Quốc hội và nhân dân Mỹ. Tờ *Thời báo New York* cảnh báo: Mỹ có nguy cơ trở lại một kiểu dã man của thời kỳ đồ đá!.

Sáng 22-12-1972, Bí thư Quân ủy - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp xuống thăm trận địa Tiểu đoàn 77 tên lửa thuộc Trung đoàn 257 ở Chèm, đơn vị đã bắn rơi tại chỗ 3 máy bay B52. Bí thư Quân ủy biểu dương chiến công của Tiểu đoàn: “Các đồng chí đánh giỏi lắm! Chỉ trong một trận đánh đêm 20 tháng 12, Tiểu đoàn 77 đã bắn rơi tại chỗ 2 máy bay B52. Đó là một chiến công rất xuất sắc! Chiến công của các đồng chí làm cho Bộ Chính trị rất yên tâm và tin tưởng...”¹.

Ở một tiểu đoàn tên lửa, khi Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đến thăm, anh em báo cáo là đang phải sửa chữa

1. Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam*, t.2 (1955 - 1975), Sđd, tr.631.

vũ khí, khí tài. Về sau, mới rõ vào thời điểm đó, đơn vị đã có lệnh chuẩn bị chiến đấu. Vì muốn bảo vệ Tổng Tư lệnh, anh em đã nói dối. Việc này gợi nhớ lại một ngày trước đó, đi thăm một trận địa phòng không thì gặp máy bay địch tới khi xe đang chạy trên đê sông Đáy. Chỉ kịp cho xe dừng lại, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và các đồng chí cùng đi nằm ép xuống mặt đường cạnh thân đê. Địch phóng mấy quả tên lửa Srai vào một trận địa tên lửa gần đấy rồi bay thẳng. Đoàn lại tiếp tục lên đường. Sự việc chỉ có thể thôi nhưng mấy ngày hôm sau, vài hãng thông tấn phương Tây đưa tin Đại tướng Võ Nguyên Giáp bị tử thương vì bom B52. Máy nhà báo Pháp đến sứ quán Việt Nam ở Paris xin tiểu sử của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Các đồng chí Ba Lan và một số sứ quán ta ở nước ngoài thì nửa tin, nửa ngờ, điện về hỏi xem hư thực.

Sau này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn được biết một số đồng chí ta bị địch giam cầm, khi nghe tin ấy đã bí mật tổ chức truy điệu Đại tướng trong nhà tù. Đài Tiếng nói Việt Nam đã phải cho thu thanh ngay trong hầm chỉ huy của Tổng hành dinh bài diễn văn của Đại tướng nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12) và phát lên để gián tiếp cải chính¹.

1, 2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sdd*, tr.25-26.

Đêm 26-12-1972, địch huy động hàng trăm lần chiếc B52 đánh phá dã man các khu dân cư ở nội thành Hà Nội. Hồi 22 giờ 47 phút, B52 ném bom rải thảm xuống khu phố Khâm Thiên, một nơi có mật độ dân số đông nhất Thủ đô, gây tổn thất rất lớn về người và của. Cùng với Khâm Thiên, B52 cũng rải bom xuống hơn 100 điểm dân cư trong thành phố, hơn 1.000 người bị thương vong.

Chia sẻ nỗi đau của đồng bào, sáng ngày 27-12-1972, Bí thư Quân ủy, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và đồng chí Tôn Đức Thắng đến ngay khu phố Khâm Thiên, Bệnh viện Bạch Mai, ân cần thăm hỏi bà con. Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường Chinh đến thăm Bệnh viện Bạch Mai, khu phố Gia Lâm. Giữa đồng gạch ngói hoang tàn, đồng bào xúc động đón nhận sự săn sóc của Đảng và Nhà nước.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ thị cho Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân: “Hãy biến đau thương thành sức mạnh, đánh tốt hơn nữa, bắn rơi nhiều máy bay hơn nữa để trả thù cho đồng bào Khâm Thiên, đồng bào Hà Nội”¹.

1. Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.2 (1955 - 1975)*, Sđd, tr.633.

8 giờ sáng ngày 28-12-1972, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm Tiểu đoàn 79 (Trung đoàn tên lửa 257) đã bắn rơi tại chỗ một máy bay B52 tối 27-12-1972, tại trận địa Yên Nghĩa, Hà Tây. Các chiến sĩ đón Đại tướng trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao, nhưng không kém phần nồng nhiệt, thân tình.

Đại tướng căn dặn đơn vị không được chủ quan, thỏa mãn, chú ý giữ bí mật, nguy trang đánh địch nhưng đừng quên bảo vệ mình. Phân tích nguyên nhân thắng lợi, Đại tướng, Tổng Tư lệnh nói: “Cũng con người đó, cũng vũ khí đó, nhưng lần này các đồng chí đánh có tiến bộ vượt bậc. Đó là vì chúng ta có quyết tâm rất cao, vì chúng ta nắm vững tư tưởng quân sự của Đảng là luôn luôn chủ động tiến công địch, mưu trí, sáng tạo, bí mật, bất ngờ. Binh chủng của các đồng chí là binh chủng hiện đại, càng phải nắm cho được kỹ thuật quân sự hiện đại, có như vậy mới cải tiến được kỹ thuật, mới tổ chức hiệp đồng chiến đấu tốt. Có tổ chức chiến đấu tốt, chỉ huy tốt, phát huy tinh thần chủ động tiến công, mưu trí, sáng tạo, đánh thắng địch ban đêm, đánh thắng mọi thủ đoạn gây nhiễu và chống được tên lửa Srai... của chúng, ta càng giành thắng lợi lớn.

...

Đến hôm nay, 28-12, Mỹ đã mất 31 máy bay B52. Chúng có 200 chiếc, mất 31 chiếc là tổn thất 15%. Nếu

tính riêng Hà Nội, Hải Phòng, mỗi lần chúng vào 20, 30 chiếc bị hạ bốn hoặc năm chiếc thì tỷ lệ rất cao! Không quân chiến lược mà tổn thất tỷ lệ 10% đến 15% là rất cao. Thất bại hết sức nặng nề là như vậy đó!”¹.

Trong những ngày này, mặc dù bận và căng thẳng, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp vẫn lưu ý chỉ thị cho Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân thu thập các thiết bị điện tử và tài liệu trên xác máy bay B52 và F111, kịp thời sử dụng, nghiên cứu bổ sung cách đánh. Nhân dân các địa phương cũng có ý thức trong việc này.

Đêm 30-12-1972, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp duyệt bản thông cáo chiến thắng do Cục Tuyên huấn dự thảo.

“... Chỉ trong 12 ngày đêm, quân và dân ta đã:

1. Bắt rơi 77 máy bay hiện đại thuộc không quân chiến lược và không quân chiến thuật Mỹ, phần lớn rơi tại chỗ, trong đó có:

- 33 máy bay chiến lược B52, phần lớn thuộc loại B52D và B52G, tức loại máy bay chiến lược có trang bị điện tử tối tân của Mỹ.

- 5 máy bay F111.

- 24 máy bay phản lực hiện đại của hải quân Mỹ.

- 3 máy bay trinh sát và 1 máy bay lên thẳng.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.31-32.

2. Tiêu diệt và bắt sống hàng trăm giặc lái Mỹ, trong đó có đủ sĩ quan các cấp từ cấp trung tá trở xuống.

3. Bắn cháy 8 tàu chiến Mỹ...”¹.

Phấn khởi, xúc động, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ghi tiếp vào bản thông cáo, nhiệt liệt khen ngợi và tuyên dương công trạng các quân chủng, binh chủng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang, dân quân, tự vệ và đồng bào các địa phương trên miền Bắc đã đoàn kết hiệp đồng chặt chẽ, quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, đánh rất giỏi, thắng rất to. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp kêu gọi đồng bào, chiến sĩ nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, chủ động kiên quyết tiến công địch, đem hết sức mạnh của mình giáng tiếp cho không quân và hải quân Mỹ những đòn quyết liệt hơn nữa.

Mặc dù đã nửa đêm, thông cáo vẫn được chuyển ngay cho Việt Nam Thông tấn xã. Sáng hôm sau, toàn văn thông cáo chiến thắng được các báo đăng trên trang nhất và phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam ngay đầu bản tin thời sự. Xã luận báo *Quân đội nhân dân* ca ngợi chiến công vĩ đại này là “trận Điện Biên Phủ trên không”, một cái tên đầy ý nghĩa do chính báo chí phương Tây đã thừa nhận.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sdd*, tr.35.

Suốt 12 ngày đêm, Mỹ huy động gần 200 máy bay chiến lược B52 và hơn 1.000 máy bay chiến thuật các loại đánh phá Hà Nội, Hải Phòng. Hơn 10 vạn tấn bom đạn trút xuống các trường học, bệnh viện, các khu phố đông dân.

Lần đầu tiên trong lịch sử gần 30 năm tiến hành chiến tranh giải phóng Tổ quốc, quân và dân ta đã tiến hành một chiến dịch phòng không quy mô lớn chống lại cuộc tập kích chiến lược bằng B52, đây cũng là một chiến dịch đầu tiên trên thế giới tiêu diệt lớn máy bay chiến lược B52 của Mỹ, giáng cho không quân Mỹ đòn thất bại nặng nề. Thất bại này của Mỹ là thất bại toàn diện cả quân sự và chính trị.

Việt Nam đã hạ được B52 ngay trong lòng Hà Nội, đánh bại ý đồ man rợ của kẻ thù đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá. “Những ngày tháng 12 năm ấy, trong lương tri của nhân loại, Hà Nội đã trở thành thủ đô của phẩm giá con người”¹. Thế giới nhận ra rằng sức mạnh quân sự to lớn của Mỹ, trong đó có sức mạnh không quân, không phải là vô địch. Đây là một cuộc đối chọi vô cùng quyết liệt về ý chí và trí tuệ giữa Việt Nam và Mỹ. Chính đối phương cũng phải thừa nhận và khâm phục ý chí đó của nhân dân ta. R. Nixon

1. Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Chiến thắng B52*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr.5.

trong cuốn sách của mình thanh minh về thất bại ở Việt Nam, đã mượn công thức của S.R. Thomson: Sức mạnh quốc gia = (nhân lực + của cải vật chất) x ý chí, để viết “nếu ý chí là số không, thì tất cả sức mạnh của con người và của cải vật chất cũng là số không”¹.

Cuộc tập kích bằng máy bay B52 và F111 diễn ra từ chiều tối ngày 18-12 đến ngày 30-12-1972, quân và dân miền Bắc, trực tiếp là quân và dân Hà Nội, Hải Phòng đã đánh trả đích đáng bọn xâm lược Mỹ, lập nên “trận Điện Biên Phủ trên không”, đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 của Mỹ, bắn rơi 81 máy bay Mỹ (trong đó có 34 chiếc B52, 5 chiếc F111 và 42 máy bay chiến thuật khác) đã bị bắn rơi trên bầu trời miền Bắc. Chiến công đó đã khẳng định sức mạnh của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Sau thất bại của cuộc tập kích chiến lược đó, ngày 29-12-1972, Mỹ ngừng ném bom ở vĩ tuyến 20. Ngày 27-1-1973, Chính phủ Mỹ buộc phải chấp nhận ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Ngày 29-3-1973, Mỹ làm lễ cuốn cờ rút quân Mỹ về nước.

Miền Bắc vượt qua sự phong tỏa của Mỹ, đã giữ vững và phát triển giao thông vận tải, bảo vệ và đẩy mạnh sản xuất trong điều kiện chiến tranh ác liệt.

1. R. Nixon: *Real War*, New York: Simon & Schuster, 1980, p62. Dẫn theo Đặng Phong: *Đường mòn Hồ Chí Minh*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008, tr.320.

Ngày 12-1-1973, lễ tuyên dương danh hiệu Anh hùng cho các đơn vị và cán bộ, chiến sĩ thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân được tổ chức trọng thể tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thay mặt Trung ương Đảng và Nhà nước công bố lệnh tặng thưởng của Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Đồng chí nhiệt liệt khen ngợi bộ đội tên lửa, bộ đội cao xạ, bộ đội không quân và bộ đội radar đã lập chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đập tan cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Tiếp đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chúc mừng 24 đơn vị và 12 cán bộ, chiến sĩ được phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Phân tích nguyên nhân thắng lợi, Đại tướng nêu rõ: “Chiến thắng vĩ đại của quân và dân ta vừa qua đánh bại bước leo thang chiến tranh mới cực kỳ tàn bạo của chính quyền Nixon là thắng lợi rực rỡ của sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng ta. Đó là thắng lợi của ý chí quyết chiến quyết thắng không gì lay chuyển nổi, của sự hy sinh không bờ bến của toàn quân, toàn dân ta trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Đó là thắng lợi của sức mạnh tổng hợp của các quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực, bộ đội địa

phương và dân quân, tự vệ, tạo thành một lưới lửa các tâm, các cơ, áp đảo và chiến thắng kẻ địch”¹.

Trong thời gian đầu địch thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”, do ta không nhận thức đầy đủ, kịp thời âm mưu mới của địch, không đánh giá đúng mức tính chất thâm độc của các kế hoạch bình định nông thôn, không tập trung đúng mức sự chỉ đạo, không tập trung đầy đủ lực lượng đối phó, nên trước sự phản kích mãnh liệt của địch, chiến tranh nhân dân địa phương bị suy giảm nặng nề từ cuối năm 1968 đến năm 1970.

Đây là một trong hai thời kỳ khó khăn nhất, tổn thất lớn nhất của cách mạng miền Nam, với hơn 10 vạn cán bộ, chiến sĩ, cơ sở bị thương vong. Hầu hết các đơn vị chủ lực hoặc phải kéo ra miền Bắc củng cố, hoặc chuyển sang bên kia biên giới, một vài đơn vị giải thể. Cách mạng từ giữa năm 1968 đến đầu năm 1970 lâm vào thế khó khăn, phức tạp mới, mất dân, mất đất, thế và lực tiến công suy giảm.

Tháng 6-1969, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam họp ra nghị quyết về thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Bộ Quốc phòng cử một số đại biểu tham gia đại hội và Bộ Quốc phòng của Chính phủ cách mạng lâm thời. Chính

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sdd*, tr.42.

phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra lời hiệu triệu quân và dân miền Nam đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa to lớn của nhân dân miền Nam trong quá trình xây dựng chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng¹.

Tháng 1-1970, Hội nghị Trung ương 18 khóa III kiểm điểm những khuyết điểm từ sau mùa xuân năm 1968 và chủ trương chuyển hướng tiến công, lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi các chương trình bình định nông thôn của địch. Hội nghị sớm dự kiến Mỹ có thể ném bom, bắn phá trở lại miền Bắc, đồng thời mở rộng chiến tranh ra Lào và Campuchia để gây sức ép với ta.

Hội nghị Trung ương 18 khóa III đánh dấu sự chuyển biến quan trọng về chỉ đạo chiến lược, tạo sự nhất trí, tin tưởng và quyết tâm mới trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Tháng 4-1970, 10 vạn quân Mỹ và quân đội chính quyền Sài Gòn tràn qua biên giới Campuchia, Đảng ta kịp thời nhận định: từ đây Đông Dương trở thành chiến trường thống nhất, ta cùng với bạn nhất trí xác định vị trí mới của từng chiến trường trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung của ba nước Đông Dương. Nhờ

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, *Sđd*, tr.351.

nhận định đúng, chủ trương chính xác, hành động kiên quyết, ta và bạn đã giành thắng lợi rất lớn trên chiến trường Campuchia và Lào.

Đầu năm 1971, Mỹ - ngụy mở cuộc hành quân “Lam Sơn 719” sang đường 9 - Nam Lào, hòng đánh chiếm Sê Pôn, phá tận gốc đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam của ta, chia cắt ba nước Đông Dương.

Dự kiến âm mưu, hành động của Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng hòa hòng cắt đứt hành lang chiến lược 559, từ tháng 10-1970, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp quyết định thành lập Binh đoàn 70 (sau đó là mặt trận 702) sẵn sàng phá âm mưu của địch.

Ngày 24-8-1970, lớp tập huấn cán bộ quân khu, binh chủng, sư đoàn trong toàn quân khai mạc. Đại tướng Võ Nguyên Giáp xác định: “Đợt tập huấn này phải xác định tư tưởng đánh tập trung, hiệp đồng binh chủng; phải đánh lớn, thắng to, đánh tiêu diệt trung đoàn, chiến đoàn, sư đoàn địch”.

Năm 1971, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp lên phương án chỉ đạo chiến dịch đường 9 - Nam Lào. Đây là chiến dịch lớn, kéo dài gần hai tháng (từ ngày 30-1 đến ngày 23-3-1971) của quân và dân hai nước Việt Nam - Lào, nhằm phản công cuộc hành quân chiến lược lớn mang tên “Lam Sơn 719” của Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng hòa. Đây là cuộc hành quân điển hình của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ.

Mục đích của ta là tiêu diệt các cánh quân và “căn cứ hỏa lực” địch, giữ vững tuyến đường mòn Hồ Chí Minh qua đường 9.

Quân và dân hai nước Việt Nam - Lào đã đập tan cuộc hành quân của địch, đánh bại quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa có sự yểm trợ của hỏa lực Mỹ, đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của quân đội Việt Nam Cộng hòa, giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đánh bại một bước nghiêm trọng chiến lược này. Thắng lợi này đã bảo vệ được con đường Trường Sơn cùng toàn bộ hành lang chiến lược của ta.

Sau chiến thắng đường 9 - Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Trung Hạ Lào năm 1971 của quân và dân ta, tình hình diễn biến ngày càng có lợi cho ta, bất lợi cho địch. Cục diện chiến trường có những chuyển biến quan trọng:

Về phía ta, thế đứng chân của bộ đội chủ lực ở vùng đồng bằng bước đầu được khôi phục, các binh đoàn chủ lực của ta đã trở về đứng chân ở miền Nam.

Quân đội Sài Gòn, xương sống của kế hoạch “Việt Nam hóa chiến tranh”, bị thua nặng ở các chiến trường, lại phải thay thế cho 30 vạn quân Mỹ, đã giảm sút về số lượng, sa sút tinh thần chiến đấu. Chương trình “bình định” của địch bị chững lại và bị đẩy lùi trên một số khu vực. Mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung lực lượng của địch càng trở nên sâu sắc.

Theo dõi sát diễn biến trên chiến trường, trong nước, khu vực và quốc tế liên quan tới cuộc chiến tranh tại Việt Nam, đánh giá đúng xu thế phát triển của tình hình, âm mưu và thủ đoạn mới của địch; trên cơ sở phân tích và đánh giá đúng lực lượng so sánh hai bên, Đảng ta đã nhạy bén phát hiện thời cơ và nắm thời cơ, phát động và tổ chức tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

Tháng 5-1971, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp, đề ra nhiệm vụ giành thắng lợi quyết định trong năm 1972. Trung ương cho rằng đợt tổng tiến công chiến lược lần này phải tiêu diệt và làm tan rã một số lượng lớn quân chủ lực chính quyền Sài Gòn ở vùng rừng núi, đánh bại một bước quan trọng kế hoạch bình định của địch ở nông thôn, đẩy mạnh phong trào tấn công ở đô thị, làm lung lay tận gốc chính quyền địch, tạo một bước chuyển căn bản làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh “buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua, đồng thời sẵn sàng chuẩn bị kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài”¹.

1. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, t.II, (1954 - 1975), Sđd*, tr.514.

Tháng 4-1972, trước những yêu cầu mới của sự phát triển cách mạng nước ta, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết Hội nghị lần thứ 20, chủ trương đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, ngày 30-3-1972, cuộc tiến công chiến lược của Quân Giải phóng miền Nam bắt đầu bằng ba chiến dịch tiến công ở đường 9 - Trị - Thiên, Bắc Tây Nguyên, Đông Nam Bộ kết hợp với các chiến dịch tiến công tổng hợp ở đồng bằng sông Cửu Long và Khu V.

Phối hợp với cuộc chiến đấu của quân và dân hai nước Việt Nam và Lào, quân và dân Campuchia cùng với một bộ phận lực lượng của ta liên tiếp tiến công địch ở nhiều nơi.

Đến tháng 10-1972, cuộc tiến công chiến lược của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam giành được những thắng lợi to lớn, làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh. Từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến lúc này, chưa bao giờ trong cùng thời gian mà ta tiêu diệt được một lực lượng lớn quân địch, phá vỡ từng mảng hệ thống đồn bốt của địch như lần này. Vùng giải phóng rộng lớn kéo dài từ Tây Trị - Thiên qua Tây Nguyên, vùng giáp ranh và một phần đồng bằng Khu V đến miền Đông Nam Bộ. Một thắng lợi có ý nghĩa quan trọng nữa là tuyệt đại bộ phận lực lượng chủ lực của ta đã trở về miền Nam hoạt động đạt hiệu quả lớn. Đây là

một cuộc tiến công mạnh, dài ngày, rộng khắp của quân và dân ta từ sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

Trong thời kỳ này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kịp thời chỉ đạo các đơn vị quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam sang giúp nước bạn Lào kháng chiến. Trên các chiến trường Thượng Lào, Trung Lào và Hạ Lào, ở đâu cũng có dấu chân các chiến sĩ Việt Nam. Các chiến thắng ở Cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng trong những năm 1969, 1970, 1971; đặc biệt là chiến dịch đường 9 - Nam Lào năm 1971 đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt tăng cường” của Mỹ ở Lào. Tháng 2-1973, đế quốc Mỹ buộc phải ký Hiệp định Viêng Chăn chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Lào.

Trong những năm 1969 - 1972, cách mạng miền Nam đã đạt được những thắng lợi to lớn, toàn diện. Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược trên chiến trường miền Nam năm 1972, cùng với thắng lợi đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ trên miền Bắc, đặc biệt nổi bật là chiến công đập tan cuộc tập kích đường không chiến lược những ngày cuối năm 1972 là hai thắng lợi chiến lược thúc đẩy và hòa nhịp với thắng lợi trên mặt trận ngoại giao, làm thất bại về cơ bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Đế quốc Mỹ phải trở lại bàn đàm phán tại Hội nghị Paris, ký văn bản Hiệp định, thừa nhận độc lập,

chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, cam kết chấm dứt dính líu quân sự, rút hết quân Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam; chấp nhận lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam vẫn ở nguyên tại miền Nam... Với những nội dung chứa đựng trong đó, Hiệp định Paris là cột mốc đánh dấu bước ngoặt căn bản cho cách mạng Việt Nam, đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước sang giai đoạn phát triển mới.

b) Tăng cường lực lượng cho chiến trường, tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)

Đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, miền Bắc khẩn trương khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, đồng thời chuẩn bị cho công cuộc xây dựng kinh tế sau chiến tranh; sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam sớm kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Bước phát triển mới của cách mạng Campuchia và Lào cùng với thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam, hình thành một tình thế cách mạng mới ở Đông Dương.

Ở miền Bắc, trong những năm đế quốc Mỹ đánh phá ác liệt, nhân dân đã cố gắng rất lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, góp phần quyết định vào thắng lợi của cuộc

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, hậu phương miền Bắc đứng trước 5 yêu cầu cấp bách: *Một là*, đáp ứng yêu cầu khẩn trương và to lớn của cuộc chiến tranh giải phóng ở giai đoạn cuối. *Hai là*, đáp ứng yêu cầu cấp thiết phải khắc phục ngay hậu quả của hai cuộc chiến tranh phá hoại đã phá hủy gần như toàn bộ các thành phố, thị xã, thị trấn, các khu công nghiệp, cầu đường, bến cảng, kho tàng. *Ba là*, bảo đảm mức sống tối thiểu cho nhân dân miền Bắc đủ sức làm các nhiệm vụ trên. *Bốn là*, tiếp sức giúp đỡ cách mạng Lào và Campuchia. *Năm là*, chuẩn bị xây dựng lại đất nước sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Dưới sự lãnh đạo của các đảng bộ địa phương, quân và dân miền Bắc khẩn trương khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, chuẩn bị cho công cuộc xây dựng kinh tế sau chiến tranh; tăng cường chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Công tác tuyên truyền, cổ động chính trị của Đảng ở miền Bắc được triển khai mạnh mẽ, rầm rộ và liên tục. Thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác tư tưởng tập trung vào nhiệm vụ tuyên truyền, động viên quân và dân cả nước thừa thắng xốc tới, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Hàng ngàn cán bộ làm công tác tư tưởng (tuyên truyền, huấn học, báo chí, văn hóa, văn nghệ...) đã vào miền Nam phục vụ công tác tuyên truyền, động viên quân và dân miền Nam tổng tiến công và nổi dậy

mùa Xuân năm 1975. Các phương tiện chiến đấu, lương thực, thực phẩm, thuốc men từ miền Bắc chuyển vào Nam qua đường Trường Sơn đáp ứng yêu cầu của chiến trường miền Nam.

Yêu cầu bảo đảm hậu cần cho một đội quân hơn 1 triệu người¹ đặt ra hết sức khẩn trương. Yêu cầu to lớn đó chỉ có thể giải quyết ở miền Bắc, vì ở miền Nam, các vùng đông dân đều nằm dưới sự kiểm soát của địch. Lương thực, quần áo, thuốc men, vũ khí, đạn dược (nhất là đạn pháo)... có thể khai thác một phần ở địa phương tại chỗ và một phần nhờ viện trợ quốc tế, nhưng nguồn huy động chủ yếu vẫn phải từ hậu phương miền Bắc.

Khối lượng hàng hóa, vũ khí, đạn dược từ miền Bắc được chuyển vào miền Nam tăng nhanh.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu và Tổng cục Hậu cần, giải quyết các yêu cầu của chiến trường B2, bổ sung ngay 17.000 quân chiến đấu. Đây là một cố gắng rất lớn của hậu phương miền Bắc, của các đảng bộ, chính quyền và cơ quan tổ chức động viên các cấp. Chỉ riêng các tỉnh thuộc Quân khu Tả ngạn sông Hồng đã chi viện cho các chiến trường miền Nam 560.000 quân. Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận định,

1. Năm 1973: 1.053.000 người; năm 1974: 1.033.192 người; năm 1975: 1.234.954 người.

trước thời cơ lớn đang xuất hiện, vẫn phải kiên quyết chi viện chiến trường¹.

Cuối năm 1973, miền Bắc vận chuyển vào miền Nam 140 nghìn tấn hàng, trong đó có 86 nghìn tấn hàng quân sự; năm 1974 là 170 nghìn tấn. Trong hai năm 1973 - 1974, khoảng 379 nghìn tấn vật chất, bằng 54% tổng khối lượng vật chất đưa vào chiến trường trong cả 18 năm (1955 - 1972)². Đầu mùa khô 1974 - 1975, phục vụ đắc lực cho các chiến dịch then chốt, miền Bắc vận chuyển vào miền Nam hơn 260 nghìn tấn vật chất (gồm vũ khí, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men), trong đó có 46 nghìn tấn vũ khí, đạn dược, 124 nghìn tấn gạo, 32 nghìn tấn xăng dầu... So với năm 1972, số hàng chi viện gấp 9 lần, riêng vũ khí, đạn dược gấp 6 lần, gạo gấp 3 lần, xăng dầu gấp 27 lần³. Những tháng đầu năm 1975, miền Bắc gấp rút đưa vào miền Nam hơn 110 nghìn cán

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ký), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sdd*, tr.71.

2. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam 1945 - 1975*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr.78.

3. Xem Lê Mậu Hãn (Chủ biên), Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư: *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997, t.III, tr.252.

bộ, chiến sĩ, 230 nghìn tấn vật chất các loại...; trên 80% quân số, 81% vũ khí, 60% xăng dầu, 65% thuốc men, 85% xe vận tải trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là từ miền Bắc đưa vào¹. Hàng triệu thanh niên ưu tú - lực lượng lao động xã hội chủ yếu của miền Bắc - lên đường nhập ngũ.

Ngoài lực lượng thanh niên gia nhập quân đội, số còn lại được huy động tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, tham gia thanh niên xung phong mở đường, làm cầu, phà, xây dựng kho tàng, bến bãi, đào hầm hào, làm trận địa cho bộ đội pháo binh, tên lửa.

Đáp ứng yêu cầu vận chuyển, Đảng chủ trương xây dựng, phát triển và hoàn thiện các tuyến giao thông vận tải. Ngày 17-11-1973, Hội đồng Chính phủ phê chuẩn kế hoạch xây dựng hệ thống đường vận tải chiến lược Đông Trường Sơn và nâng cấp đường Tây Trường Sơn. Vừa chiến đấu vừa lao động, vượt mọi khó khăn về địa hình, thời tiết, đến trước ngày toàn thắng, quân và dân ta đã xây dựng được tuyến đường dài 16.700km, bao gồm 5 trục đường dọc có tính chất chiến lược, 21 trục đường ngang có tính chất chiến dịch, 3.800km đường giao liên, đường sông dài 600km, đường ống dẫn

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Sđd, tr.178.

xăng dầu dài 1.400km, đường thông tin tải ba dài 1.350km và hàng chục nghìn kilômét đường hữu tuyến dây bọc và thiết bị tiếp sức vươn tới các chiến trường miền Nam Đông Dương¹. Đường dẫn xăng dầu được nối liền với hệ thống của cả nước.

Mạng giao thông chiến lược, chiến dịch và hệ thống kho dự trữ chiến lược được xây dựng tương đối hoàn chỉnh là những yếu tố rất quan trọng làm cho lực lượng cách mạng miền Nam có bước phát triển nhảy vọt, nhất là trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, khi thời gian và lực lượng, sức cơ động và việc bảo đảm đầy đủ, kịp thời các nhu cầu vật chất, kỹ thuật đã nhân lên gấp bội sức mạnh tiến công của các binh đoàn chủ lực.

Trong khí thế tiến công, đồng bào và chiến sĩ cả nước mừng kỷ niệm lần thứ 20 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954 - 7-5-1974). Tối 6-5-1974, đông đảo các tầng lớp nhân dân Thủ đô họp mít tinh trọng thể tại hội trường Ba Đình, Hà Nội.

Sau lời khai mạc của đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đọc diễn văn nêu rõ ý nghĩa vĩ đại của chiến thắng Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh

1. Xem Viện Sử học, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Cao Văn Lượng (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam 1965 - 1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.62.

cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, phân tích nguyên nhân thắng lợi và những bài học mang tính thời đại sâu sắc.

Liên hệ với tình hình miền Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu cao thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris, rút hết quân Mỹ về nước. Đó là thắng lợi của chiến tranh nhân dân Việt Nam, của sự chỉ đạo sắc bén, tài giỏi của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, của trí tuệ và xương máu của quân và dân ta trong cả nước.

Hướng về miền Nam ruột thịt, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định: “Trong 20 năm qua, với những cố gắng cực kỳ to lớn, đế quốc Mỹ đã không thể nào ngăn nổi ngọn trào cách mạng cuộn cuộn dâng cao trên dải đất này; vậy thì trong bối cảnh lịch sử ngày nay, đế quốc Mỹ đã bị thất bại phải rút khỏi nước ta, bọn tay sai đang gặp những khó khăn chồng chất, chúng không thể nào xoay ngược lại bánh xe lịch sử”¹.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Phát huy truyền thống quyết chiến quyết thắng của Điện Biên Phủ, phát huy tinh thần anh dũng quật cường của cuộc kháng chiến chống Mỹ,

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ký), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sđd*, tr.104.

cứu nước, toàn quân và toàn dân ta đoàn kết triệu người như một, phấn khởi, tin tưởng, hăng hái tiến lên! Chúng ta quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, ra sức xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc”¹.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết (tháng 1-1973), cách mạng miền Nam đứng trước tình thế mới. Song, chính quyền Việt Nam Cộng hòa quyết tâm phá hoại Hiệp định, triển khai các kế hoạch bình định, nhằm xóa “thế da báo”. Đế quốc Mỹ ngoan cố cản trở hiệp thương và hoạt động của phái đoàn liên hiệp quân sự, tiếp tục chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, “diễn biến hòa bình” phản cách mạng, phá hoại công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi kinh tế, ngăn chặn sự chi viện từ hậu phương lớn miền Bắc vào chiến trường miền Nam.

Cuối tháng 3-1973, tất cả các đơn vị quân viễn chinh Mỹ và quân đội một số nước đồng minh của Mỹ đã rút hết về nước. Ngày 29-3-1973, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ.

Buộc phải rút quân, nhưng Mỹ không hủy bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam như quy định

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ký), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sdd*, tr.104.

trong Điều 6 của Hiệp định. Mỹ giao toàn bộ các căn cứ quân sự cho quân đội Sài Gòn. Với khối lượng viện trợ khổng lồ trước ngày 27-1-1973, Mỹ chủ trương hiện đại hóa và tinh nhuệ hóa quân đội Sài Gòn bằng kế hoạch quân sự 6 năm (1974 - 1979) để trở thành đội quân tay sai mạnh nhất của Mỹ.

Ngày 28-1-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Lời kêu gọi về Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Đến thời điểm này, cách mạng miền Nam đứng trước tình thế mới. Lực lượng vũ trang cách mạng đứng vững trên các địa bàn chiến lược và trong thế xen kẽ với địch. Bộ đội chủ lực gồm 13 sư đoàn tại chỗ, đang được củng cố, nâng cao sức mạnh chiến đấu, có khả năng tiêu diệt những binh đoàn lớn quân đội Sài Gòn. Bộ đội địa phương và dân quân du kích tiếp tục phát triển về quân số, trang bị. Nhân dân vùng tạm bị chiếm đẩy mạnh đấu tranh chống chính sách độc tài, tham nhũng, hiếu chiến của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Tháng 1-1973, Bộ Chính trị thông qua Nghị quyết của Thường vụ Quân ủy Trung ương dự kiến sự phát triển tình hình và xác định nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang sau khi ký Hiệp định Paris. “Con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là bạo lực, dựa vào lực

lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang, do đó, phải tích cực phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng căn cứ địa và vùng giải phóng vững mạnh, nêu cao tinh thần cảnh giác và trình độ sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu gây lại chiến tranh của địch”¹.

Bước vào giai đoạn chuẩn bị đánh lớn, đánh mạnh, yêu cầu đặt ra là phải có những đơn vị chủ lực “tinh nhuệ, chính quy, hiện đại, cơ động, linh hoạt”. Việc tổ chức lại lực lượng, phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân và lực lượng chính trị quần chúng là nhiệm vụ cấp bách. Công tác xây dựng các binh đoàn chủ lực hùng mạnh được tiến hành rất khẩn trương.

Trong quá trình chuẩn bị Hội nghị Trung ương, thảo luận các vấn đề xây dựng lực lượng ở miền Bắc, miền Nam, cách đánh tiêu diệt sinh lực quân ngụy để làm chuyển biến cục diện chiến trường, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu khẩn trương lập các quân đoàn, những “quả đấm chủ lực” sẵn sàng sử dụng ở thời điểm quyết định, nghiên cứu phương thức tác chiến theo hướng tiêu diệt chi khu, quận lỵ, chiến đoàn, lữ đoàn địch đi ứng cứu, tiêu diệt sư đoàn địch.

1. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Quân ủy Trung ương tháng 1-1973.

Việc xây dựng các “quả đấm thép” trong giai đoạn cuối của chiến tranh, một vấn đề mà Đại tướng nhiều lần đề xuất với Bộ Chính trị sau ngày ký Hiệp định Paris, được xúc tiến mạnh mẽ.

Bộ Chính trị phê chuẩn kế hoạch của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng thành lập các quân đoàn chủ lực, đứng chân ở địa bàn chiến lược. Vượt qua nhiều khó khăn, Bộ Tổng Tư lệnh khẩn trương xây dựng ba quân đoàn chủ lực cơ động: Ngày 24-10-1973, Quân đoàn 1, quân đoàn đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng nước ta thành lập mang tên Binh đoàn Quyết Thắng, đứng chân trên địa bàn rừng núi Tam Điệp (Hà Nam Ninh cũ, nay là Ninh Bình). Ngày 17-5-1974, Quân đoàn 2 thành lập mang tên Binh đoàn Hương Giang ở Tây Trĩ - Thiên. Ngày 20-7-1974, Quân đoàn 4 ra đời ở miền Đông Nam Bộ mang tên Binh đoàn Cửu Long. Ngày 26-3-1975, Quân đoàn 3 ra đời gồm các đơn vị đang chiến đấu trên Mặt trận Tây Nguyên. Việc thành lập các quân đoàn đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc về quy mô tổ chức lực lượng của Quân đội nhân dân Việt Nam qua 30 năm xây dựng và chiến đấu, đây là những “quả đấm” mạnh, sức cơ động cao, có khả năng đánh tiêu diệt về chiến dịch, kết thúc chiến tranh.

Song song với việc hình thành và bố trí các quân đoàn trên các địa bàn chiến lược, các sư đoàn, trung

đoàn chủ lực cơ động trực thuộc Bộ Quốc phòng và các quân khu cũng được xây dựng.

Quân chủng Phòng không - Không quân, Quân chủng Hải quân, và các binh chủng pháo binh, thiết giáp, đặc công, công binh, thông tin cũng phát triển nhanh, đồng bộ theo phương hướng tác chiến hiệp đồng binh chủng, quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu xây dựng các quân đoàn.

Đầu tháng 3-1973, Quân ủy Trung ương họp. Tại cuộc họp có mặt các đồng chí Văn Tiến Dũng, Song Hào, Lê Quang Đạo, Đinh Đức Thiện, Trần Quý Hai. Phát biểu tại hội nghị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu các vấn đề cần trao đổi, thảo luận, nhất là cần đánh giá cho đúng tình hình miền Nam cả về quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao để có chủ trương toàn diện, kịp thời chặn đứng âm mưu, thủ đoạn của địch đang lấn đất, giành dân, đánh phá cơ sở cách mạng. Kết thúc cuộc họp Quân ủy Trung ương quyết nghị: trong khi địch dùng biện pháp quân sự để đánh ta, ta cần kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, với pháp lý của Hiệp định Paris, từng bước chuyển sang tiến công chủ yếu bằng chính trị có lực lượng vũ trang làm hậu thuẫn, nhằm thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên thế có lợi cho ta.

Trước tình hình diễn biến phức tạp, ngày 24-5-1973, Bộ Chính trị họp hội nghị mở rộng với các đồng chí lãnh

đạo, chỉ huy các chiến trường miền Nam để nghiên cứu, bàn về vấn đề miền Nam, thảo luận những vấn đề chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương. Sau khi nghiên cứu, thảo luận, Hội nghị đã nhất trí đánh giá ưu, khuyết điểm và bài học kinh nghiệm của 18 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1972), nhất trí đánh giá về tình hình chưa có hòa bình ở miền Nam, về đánh giá lực lượng so sánh địch - ta hiện nay, về hai khả năng phát triển của tình hình và về nhiệm vụ trước mắt.

Hội nghị kết luận nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn sau Hiệp định Paris là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Giữ vững và phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt, thắng địch từng bước, chuẩn bị điều kiện đầy đủ nhất để có thể chủ động đối phó với địch trong mọi tình huống, sẵn sàng đưa cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Hội nghị tạo bước chuyển biến mới, giải quyết tư tưởng nghỉ ngơi, hòa hoãn; xác định tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng.

Kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị tháng 5-1973 đã trở thành phương hướng hành động, đáp ứng yêu cầu thực tế.

Ngày 25-6-1973, Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ quân sự trong giai đoạn mới, khẳng định quyết tâm của quân đội ta sẵn sàng

chiến đấu và kiên quyết đánh bại mọi hành động lấn chiếm của địch; ra sức xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng hậu phương tại chỗ vững mạnh.

Tình hình chiến sự ở miền Nam diễn biến phức tạp, có nhiều vấn đề cần được xem xét tại chỗ. Đại tướng Võ Nguyên Giáp vào làm việc trực tiếp với các chiến trường B5 (Quảng Trị), B4 (Trị - Thiên), Bộ Tư lệnh Đoàn 559 và Quân khu 4. Thực tiễn nơi tuyến lửa càng cho thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của địch phá hoại Hiệp định Paris, đặt ra nhiều vấn đề phải khẩn trương giải quyết.

Nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đoàn 559, Đại tướng Võ Nguyên Giáp căn dặn: Muốn đạt được đỉnh cao của toàn thắng, chúng ta cần phải dũng cảm, mưu trí, sáng tạo hơn. Con đường Trường Sơn rồi đây không dừng lại như mức hiện nay mà phải mở rộng để xe có thể đi lại hai chiều không giảm tốc độ, đi được cả những tháng đầu mùa mưa lũ.

Chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ 21 khóa III, nhằm khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, Quân ủy Trung ương được giao chuẩn bị nội dung của hội nghị. Nhận trách nhiệm trước Bộ Chính trị, tập thể Quân ủy Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp dành nhiều tâm lực suy nghĩ, nghiên cứu, đề xuất, trao đổi ý kiến. Một số

cán bộ cơ quan Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần cũng được huy động, trong điều kiện tuyệt đối bí mật. Đại tướng Võ Nguyên Giáp tập trung suy nghĩ về các vấn đề chiến lược trong giai đoạn cuối của chiến tranh. Trực tiếp giúp Đại tướng Võ Nguyên Giáp là các đồng chí Lê Trọng Tấn và Cao Văn Khánh.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp gợi ý nên phổ biến rộng rãi kinh nghiệm của Quân khu 9, tích cực làm công tác tư tưởng chống “hòa bình chủ nghĩa”, chống ảo tưởng, mơ hồ, nâng cao tinh thần cảnh giác đối với âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù. Phải dần dần huy động lực lượng tại chỗ để bổ sung cho bộ đội chủ lực và ra sức phát triển dân quân du kích.

Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu đã nghe đồng chí Lê Đức Anh từ chiến trường ra báo cáo tình hình Khu IX và Khu VIII. Lập trường kiên quyết cảnh giác của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Khu IX đã mang lại thắng lợi ngay từ đầu. Về chống phá “bình định”, kinh nghiệm của đồng bằng sông Cửu Long, nhất là kinh nghiệm của Khu IX, chứng tỏ quân và dân ta hoàn toàn có khả năng làm thất bại âm mưu chiến lược này của địch. Đại tướng Võ Nguyên Giáp yêu cầu Bộ Tổng Tham mưu tích cực nghiên cứu vấn đề này, đặc biệt chú ý phương châm, phương thức đánh địch, bám đất bám dân, phối hợp các lực lượng chủ động,

kiên quyết đánh trả địch. Sự chuẩn bị công phu của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh được tiến hành khẩn trương, bí mật suốt hai tháng. Một bản báo cáo được hoàn thành. Đây là nội dung ý kiến trung tâm trong Hội nghị Trung ương lần thứ 21 khai mạc vào cuối tháng 6-1973.

Bộ Chính trị triệu tập Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương vào nửa cuối tháng 6-1973 (đợt 1), nhằm khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh.

Tại Hội nghị quan trọng này, các vấn đề lớn, có tính cấp thiết đã được đặt ra nhằm đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiếp tục phát triển.

Phát biểu tại Hội nghị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh sự chuyển biến về so sánh lực lượng ta - địch, kinh nghiệm của trận đánh chiếm lại cảng Cửa Việt (Quảng Trị) và của Quân khu 9, kiên quyết đánh trả địch, kiên quyết chống phá “bình định”, chống ảo tưởng hòa bình.

Về bản chất cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu rõ: Mỹ thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc phải dùng ngụy quân, ngụy quyền làm chỗ dựa. Đây là một sai lầm lớn của Mỹ. Lực lượng quân đội địch mạnh hay yếu sẽ tác động có ý nghĩa quyết định đối với toàn

bộ cục diện chiến tranh ở Việt Nam, nhất là sau khi Mỹ đã rút quân.

Các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, Hoàng Quốc Việt, Văn Tiến Dũng, Lê Thanh Nghị, Lê Văn Lương, Tố Hữu... nêu lên những vấn đề có tầm chiến lược về chính trị, quân sự, ngoại giao trong nước và trên thế giới. Các đồng chí lãnh đạo chỉ huy các chiến trường: Nguyễn Văn Linh, Trần Văn Trà, Võ Chí Công, Trần Hữu Dục, Võ Văn Kiệt,... đóng góp nhiều kinh nghiệm thực tiễn, đề xuất nhiều sáng kiến về phương thức và biện pháp đấu tranh.

Hội nghị Trung ương diễn ra trong nhiều ngày. Tinh thần dân chủ được nêu cao. Các đồng chí ủy viên Trung ương phát huy tinh thần trách nhiệm, thảo luận kỹ tất cả mọi vấn đề về đường lối, chiến lược của cách mạng miền Nam, nhiệm vụ của hậu phương lớn miền Bắc, đường lối quốc tế, vấn đề đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia, công tác xây dựng lực lượng, đấu tranh giành dân, giành quyền làm chủ, công tác binh vận, công tác đô thị, công tác vùng giải phóng, công tác mặt trận, công tác ngoại giao, công tác xây dựng Đảng. Các ý kiến đều được trình bày đầy đủ, có hệ thống, tranh luận, phát biểu nhiều lần, không hạn chế thời gian.

Về đánh giá so sánh lực lượng, Hội nghị nhất trí với ý kiến chuẩn bị của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh là thế và lực của cách mạng miền Nam lúc này mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào từ năm 1954. Khi Mỹ đã rút đi, ta càng mạnh. Từ chỗ đánh giá như vậy, Hội nghị chỉ rõ thời cơ chiến lược sẽ đến.

Ngày 6-7-1973, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn kết luận Hội nghị. Đồng chí nêu rõ sự nhất trí cao của Ban Chấp hành Trung ương về quyết tâm giải phóng miền Nam.

Nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương hình thành từ Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tháng 5-1973, tiếp đó từng bước hoàn chỉnh qua nhiều lần thảo luận và khảo nghiệm. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng đồng chí Vũ Tuân, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng tổng hợp, chỉnh lý, làm việc suốt mấy tuần liền, cân nhắc từng câu từng chữ. Nghị quyết được Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhất trí thông qua ngày 4-10-1973.

Ngày 13-10-1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III ra Nghị quyết “Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới”.

Trên cơ sở phân tích âm mưu, hành động của địch, đánh giá lực lượng so sánh, lường định diễn biến của

tình hình chiến trường trong nước và trên thế giới, Hội nghị khẳng định: “*Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng*. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, *giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt* để đưa cách mạng miền Nam tiến lên”¹.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh trên cả ba mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao; nhiệm vụ của miền Bắc là tiếp tục làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam và tích cực đấu tranh để Hiệp định Paris về Việt Nam được thi hành nghiêm chỉnh. Hội nghị tiếp tục nhấn mạnh cần tăng cường đoàn kết giữa nhân dân ba nước Đông Dương; đồng thời, tăng cường đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và đoàn kết các phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc.

Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương (khóa III) là hội nghị quan trọng nhất kể từ sau Hiệp định Paris. Trên cơ sở tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau 18 năm, *một mặt*, Hội nghị rút ra

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.34, tr.232.

những kinh nghiệm chủ yếu cho cách mạng miền Nam; *mặt khác*, đề ra chủ trương, biện pháp cơ bản để đưa cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam tiến lên giai đoạn mới - giai đoạn cuối cùng của sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Theo chỉ thị của Ban Bí thư và Thường trực Quân ủy Trung ương, Tổng cục Chính trị triển khai quán triệt Nghị quyết Trung ương 21 khóa III trong toàn quân. Một hội nghị cán bộ cấp cao từ Quân khu 4 trở ra được triệu tập tại hội trường Tổng cục Chính trị giữa thành Hà Nội.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp dành trọn một ngày để phổ biến tinh thần của bản Nghị quyết lịch sử. Hội nghị Trung ương đã ra nghị quyết khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, tư tưởng chiến lược vẫn là tư tưởng tiến công, tuyệt đối không thể mơ hồ, ảo tưởng. Phương hướng hành động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải ra sức nhanh chóng tạo thế mới, lực mới, quyết tiến lên giành thắng lợi cuối cùng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp yêu cầu Bộ Tổng Tham mưu khẩn trương nghiên cứu phương án tác chiến, khẩn trương tổ chức huấn luyện theo phương án tác chiến mới. Đại tướng cũng yêu cầu Tổng cục Chính trị,

Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật nhanh chóng xây dựng, hoàn chỉnh kế hoạch công tác chuẩn bị và công tác bảo đảm các mặt, đáp ứng kịp thời yêu cầu của chiến tranh.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Bí thư Quân ủy Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, bàn với đồng chí Văn Tiến Dũng về chỉ đạo chuẩn bị kế hoạch chiến lược quân sự. Ngay từ tháng 4-1973, một tổ chức mang tên Tổ trung tâm được lập ra để giúp Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh nghiên cứu, lập kế hoạch tác chiến chiến lược giải phóng miền Nam¹. Với tinh thần khẩn trương, ngày 5-6-1973, Tổ trung tâm hoàn thành bản dự thảo “Đề cương kế hoạch chiến lược” số 305 TG1. Theo chỉ thị của Bộ Tổng Tư lệnh, Tổ trung tâm khẩn trương nghiên cứu, chỉnh lý, bổ sung bản dự thảo “Đề cương kế hoạch chiến lược” đầu tiên.

Từ Hội nghị Trung ương 21 khóa III đến giữa năm 1974, tình hình chuyển biến nhanh chóng. Quốc hội Mỹ cắt hẳn ngân sách viện trợ quân sự cho Đông Dương trong 6 tháng còn lại của năm tài chính 1974,

1. Tổ trung tâm gồm các đồng chí Vũ Lăng, Cục trưởng; Võ Quang Hồ, Lê Hữu Đức, Phó Cục trưởng Cục Tác chiến; do đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó Tổng Tham mưu trưởng trực tiếp chỉ đạo.

tác động mạnh đến chính quyền và quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ở Mỹ, vụ bê bối chính trị Watergate gây chấn động chính trường và dư luận Mỹ, khiến cho Tổng thống R. Nixon phải từ chức trước khi hết nhiệm kỳ.

Bí thư thứ nhất Lê Duẩn bàn với Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp một loạt vấn đề chiến lược. Những câu hỏi nóng bỏng cần được giải đáp: Cuộc chiến tranh ở miền Nam đã đến giai đoạn nào? Thời cơ lớn đã xuất hiện chưa? Đã có điều kiện chín muồi cho một cuộc tổng tiến công chưa? Nếu có, tiến công và nổi dậy như thế nào? Phương hướng chiến lược ra sao?

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận định tình hình trên là một yếu tố quan trọng tạo nên thời cơ thuận lợi cho cách mạng. Cần tranh thủ giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trước kỳ bầu cử Tổng thống ở Mỹ vào tháng 11-1976. Qua trao đổi, hai vị lãnh đạo đều thấy đã đến lúc có thể kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng ở miền Nam trong vài ba năm tiếp theo.

Năm 1974, giữa lúc cách mạng miền Nam có những chuyển biến quan trọng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp bị ốm nặng. Đang trên đường đi công tác, ông đau bụng dữ dội, rồi ngất xỉu. Các bác sĩ Viện Quân y 108 làm việc hết sức khẩn trương, nhưng không chẩn đoán được

bệnh. Bộ Chính trị quyết định đưa Đại tướng sang Liên Xô điều trị. Sau nhiều lần hội chẩn, cuối cùng các bác sĩ Bệnh viện Trung ương Mátxcova kết luận: Đại tướng bị bệnh sỏi mật, nhưng là dạng sỏi mềm nên khó phát hiện, yêu cầu lúc ấy cần làm phẫu thuật ngay, nếu chậm túi mật sẽ vỡ, nguy hiểm đến tính mạng. Đại tướng kể lại: Nghĩ mình khó lòng qua khỏi, tôi đã viết mấy điều để lại. Ngoài việc riêng, tôi dặn dò về công tác cán bộ, về những chủ trương, biện pháp thúc đẩy cách mạng miền Nam tiến nhanh đến cao trào. May mắn thay, mọi việc tốt đẹp, ca mổ rất thành công. Ngay khi trở về nước, dù còn yếu và mệt, Đại tướng đã bắt tay ngay vào việc nắm bắt tình hình.

Trong thời gian được các giáo sư, bác sĩ kiểm tra theo dõi tại khoa A11, Bệnh viện Quân y 108, Đại tướng Võ Nguyên Giáp dành thời gian nghe báo cáo, thông qua nghị quyết về công tác quân sự địa phương và nghị quyết về chống phá “bình định” ở miền Nam của Quân ủy Trung ương.

Để thực hiện đánh đòn quyết định giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đòi hỏi phải giải quyết vấn đề mang tính chiến lược, nhưng trước hết phải nghiên cứu toàn diện, đánh giá đúng tình hình, từ đó xác định chính xác thời cơ, lựa chọn phương châm chiến lược, phương thức tiến hành phù hợp. Các cơ

quan chiến lược (Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, cơ quan tình báo chiến lược, nhất là Cục Quân báo, Bộ Quốc phòng) đã mưu trí, linh hoạt và khôn khéo thu thập được nhiều thông tin quan trọng: nội bộ nước Mỹ đang mâu thuẫn sâu sắc, phong trào phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam ở Mỹ dâng cao, R. Nixon buộc phải từ chức Tổng thống Mỹ. Chính quyền Sài Gòn ngày càng gặp khó khăn về nhiều mặt do Mỹ liên tục cắt giảm viện trợ.

Một trong những vấn đề lớn và khó khăn nhất của kế hoạch chiến lược là phải tìm hiểu khả năng can thiệp trở lại của đế quốc Mỹ và sự can thiệp của các nước khi ta mở cuộc Tổng tiến công chiến lược... Nửa cuối năm 1974, nhiều sự kiện lớn diễn ra tác động trực tiếp tới sự chỉ đạo của Đảng¹. Sự kiện quân ta tiêu diệt chi khu quân sự Thượng Đức ở Khu V (từ ngày 17-7-1974 đến ngày 7-8-1974), giải phóng quận lỵ Thượng Đức có ý nghĩa quan trọng. Thượng Đức là vị trí án ngữ của ngõ của căn cứ liên hợp quân sự Đà Nẵng. Lần đầu tiên một sư đoàn chủ lực của ta cùng quân và dân địa phương đánh bại một sư đoàn dự bị

1. Quốc hội Mỹ tiếp tục cắt giảm viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn chỉ còn 701 triệu USD cho tài khóa 1974 - 1975, không bằng một nửa số viện trợ trong tài khóa 1972 - 1973.

chiến lược của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Cùng với một số thắng lợi trên các chiến trường¹, trận Thượng Đức cho phép cấp chỉ đạo chiến lược rút ra nhận định: quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn quân chủ lực cơ động của địch. Một hình thái mới bắt đầu xuất hiện: địch không còn khả năng chiếm lại các vị trí đã mất. Đối với cấp chiến lược, nhận định đầy sức thuyết phục này có liên quan rất lớn đến việc hạ quyết tâm chiến lược.

Tại Tổng hành dinh, theo dõi chặt chẽ chuyển biến của chiến trường, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nhận định tình hình phát triển với nhịp độ ngày càng tăng, có khả năng đột biến. Lực lượng ta ngày càng mạnh lên, lực lượng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa suy yếu rõ rệt. Nước Mỹ đang khủng hoảng nội bộ nghiêm trọng, ít có khả năng Mỹ quay trở lại miền Nam Việt Nam như trước Hội nghị Paris.

Căn cứ vào tinh thần chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu bổ sung kế hoạch chiến lược. Trong vòng hơn một năm (từ tháng 4-1973 đến tháng 5-1974), kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam được soạn thảo, chỉnh lý, bổ sung qua nhiều lần. Đó là cả một quá

1. Ở Nông Sơn, Tiên Phước, Minh Long (Khu V), Tân Linh (Khu VI), Nha Bích, Tổng Lê Chân (Đông Nam Bộ).

trình nắm bắt kịp thời mọi diễn biến chiến trường, trong nước và trên thế giới, trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới cuộc chiến tranh; là quá trình bàn bạc, tính toán, cân nhắc, chọn lựa các giải pháp giữa cơ quan chỉ đạo chiến lược với lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường. Trong suốt quá trình đó, nhiều vấn đề lớn đặt ra yêu cầu phải được phân tích, đánh giá đầy đủ, toàn diện: Làm thế nào để nhanh chóng tạo thời cơ? Cần làm gì để “chớp” thời cơ, không được để lỡ? Hướng chiến lược là đâu?¹... Sau nhiều cuộc trao đổi, thảo luận, bản dự thảo kế hoạch chiến lược với tên gọi “Kế hoạch giành thắng lợi ở miền Nam sau vài ba năm làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam” số 133/TG1, hoàn thành vào ngày 16-5-1974.

Cũng trong thời gian này, Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy B2 gửi ra Trung ương và Quân ủy Trung ương một kế hoạch hoạt động mùa khô 1974 - 1975 với quyết tâm giành thắng lợi quyết định, hoàn thành sự nghiệp cách mạng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976. Như vậy là cả phía trước và phía sau, từ Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đến các chiến trường đã gặp nhau trong quyết tâm giành thắng lợi quyết định trong vài ba

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sổđ*, tr.107.

năm. Vấn đề còn lại là phương án hành động tối ưu để giành thắng lợi sớm nhất, ít tổn thất nhất.

Trong quá trình chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đặt ra nhiều vấn đề để các đồng chí lãnh đạo cùng thảo luận, thống nhất. Nếu mở những cuộc tiến công tiêu diệt lớn thì hướng chính nên ở đâu? Có thể chọn Tây Nguyên, nơi hiểm yếu, ở đấy địch không mạnh, hay chọn đồng bằng Nam Bộ là nơi đông dân nhiều của?¹.

Giữ trọng trách Bí thư Quân ủy Trung ương, Tổng Tư lệnh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lắng nghe ý kiến của nhiều đồng chí trong Quân ủy và các đồng chí trong Tổ trung tâm. Một số ý kiến cho rằng đánh Tây Nguyên sẽ động, địch sẽ ra sức đối phó ở Sài Gòn và đồng bằng Nam Bộ, sau này ta đánh sẽ khó khăn. Vì vậy, nên chọn Nam Bộ làm hướng chính, phía Tây Nguyên chỉ đánh Đức Lập để mở đường vào đồng bằng Nam Bộ. Đại tướng và một số đồng chí khác thiên về chọn Tây Nguyên làm hướng chính, nơi đây ta có nhiều thuận lợi để thực hiện ý đồ đánh tiêu diệt lớn.

Khi chỉ thị cho Tổ trung tâm xây dựng kế hoạch chiến lược cơ bản để Bộ Chính trị thông qua (ngày 18-7-1974), Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: Về

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sdd*, tr.103.

chọn hướng chiến lược, nên chọn một trong hai hướng chiến lược Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ. Quyết tâm chiến lược được xác định là giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976.

Năm 1974, lực lượng vũ trang giải phóng chuyển mạnh sang thế chủ động tiến công chiến lược, đánh nhiều trận tiêu diệt quân chủ lực chính quyền Sài Gòn, đập tan hầu hết các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, mở rộng vùng giải phóng.

Hội nghị Bộ Chính trị diễn ra từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974 đã thảo luận kỹ về thời cơ chiến lược. Tại Hội nghị, Đại tướng đặc biệt lưu ý về trận Thượng Đức, khẳng định thời cơ chiến lược đã đến, cần khẩn trương chuẩn bị mọi mặt, đi đôi với đẩy mạnh đấu tranh chính trị, cần có những trận quyết chiến chiến lược tiêu diệt lớn quân địch để giành toàn thắng.

Đánh giá tổng quát tình hình giữa ta và địch, Hội nghị khẳng định: *“Lúc này, chúng ta đang có thời cơ. Hai mươi năm chiến đấu mới tạo được thời cơ này, chúng ta phải biết nắm lấy để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn...”*¹. Hội nghị nhất trí phê duyệt kế hoạch chiến lược cơ bản dự thảo lần thứ bảy do Bộ Tổng Tham mưu chuẩn bị.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.35, tr.177.

Bộ Chính trị khẳng định: “đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ... Ngoài thời cơ này, không có thời cơ nào khác”¹. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, quân và dân cả nước đã chuẩn bị mọi mặt cả về tư tưởng và tổ chức cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đảng đề ra quyết tâm giải phóng miền Nam với tinh thần “một ngày bằng 20 năm” động viên cao độ sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của cán bộ, chiến sĩ, đảng viên và quần chúng yêu nước ở cả hai miền Nam - Bắc, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Nắm bắt và thực hiện chủ trương chiến lược của Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10-1974, quân và dân trên cả hai miền Nam - Bắc bước vào giai đoạn chuẩn bị mới với nhịp độ khẩn trương hơn và quy mô rộng lớn hơn, nhằm đáp ứng đòi hỏi của tình hình chiến trường miền Nam đang diễn biến rất mau lẹ.

Kế hoạch chiến lược được giữ tuyệt đối bí mật, được thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, tranh thủ ý kiến các tư lệnh chiến trường.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.35, tr.179.

Ngày 28-10-1974, Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1974 - 1975 trình lên Bộ Chính trị¹.

Bản dự thảo lần thứ tám về kế hoạch tổng tiến công được trình Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-1-1975. Lần cuối cùng, ý chí và trí tuệ của Đảng tập trung cao độ, hạ quyết tâm giành toàn thắng². Thay mặt Quân ủy Trung ương, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đề xuất một số ý kiến: Chúng ta phải chủ động tạo ra thời cơ, chứ không thể bị động ngồi chờ. Khi thời cơ đến thì phải kiên quyết, kịp thời chớp lấy thời cơ... Hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong hai năm 1975 - 1976 là đúng. Nhưng kế hoạch cần đề phòng tình huống sớm hơn, trong năm 1975, và cả tình huống kéo dài qua năm 1977. Như vậy mới chủ động, vững vàng³.

Hội nghị đang họp thì nhận được tin đến 19 giờ ngày 6-1-1975, toàn bộ thị xã Phước Long (một thị xã gần Sài Gòn) được giải phóng. Chiến thắng Phước Long

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sdd, tr.453.

2. Dự họp, ngoài các ủy viên Bộ Chính trị, có các đồng chí trong Quân ủy Trung ương, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường, các phó tổng tham mưu trưởng phụ trách tác chiến.

3. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, Sdd, tr.152.

mang ý nghĩa một đòn trinh sát chiến lược rất quan trọng. Lần đầu tiên, một tỉnh được hoàn toàn giải phóng. Vùng căn cứ quan trọng của ta ở miền Đông Nam Bộ được mở rộng. Sự kiện này đánh dấu một bước suy sụp mới của quân đội Việt Nam Cộng hòa¹. Sự kiện này khẳng định thêm đế quốc Mỹ không có khả năng trở lại can thiệp bằng quân sự ở miền Nam.

Chiến thắng Phước Long là một nhân tố mới rất quan trọng để Hội nghị Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với yêu cầu cao hơn. Bộ Chính trị thông qua kế hoạch chiến lược hai năm 1975 - 1976, một kế hoạch lớn được chuẩn bị công phu từ giữa năm 1973, qua tám lần dự thảo của Bộ Tổng Tham mưu. Ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm, Bộ Chính trị còn dự kiến phương án nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Căn cứ vào đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch, thực tiễn chiến trường, những điều kiện chủ quan, khách quan cả trong nước và quốc tế, Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm chiến lược chính xác, kịp thời.

1. Đội quân này không còn khả năng giải tỏa với quy mô lớn để chiếm lại các vùng, các căn cứ và thị xã quan trọng bị ta đánh chiếm, ngay cả trên tuyến phòng thủ vòng ngoài Sài Gòn - Gia Định.

Mùa Xuân năm 1975, tại Tổng hành dinh trong thành cổ Hà Nội, Bộ thống soái tối cao đã làm việc khẩn trương, ra những quyết định, kế hoạch chiến lược, chiến dịch, những mệnh lệnh, chỉ thị cho quân và dân cả nước biến các nghị quyết của Đảng thành sức mạnh chiến đấu và chiến thắng trên các mặt trận. Các cơ quan của Tổng hành dinh: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật đã phát huy năng lực và kinh nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ, cùng với các cơ quan của Đảng và Nhà nước giúp Bộ thống soái tối cao, góp phần vào thắng lợi chung.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đồng ý với đề xuất của Trung tướng Hoàng Minh Thảo chọn Nam Tây Nguyên làm hướng tiến công chiến lược¹. Theo Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, đây cũng là suy nghĩ của nhiều đồng

1. Ngay từ năm 1973, Trung tướng Hoàng Minh Thảo đã đề nghị với Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp về việc đánh Buôn Ma Thuột: “Trong một buổi làm việc, anh Hoàng Minh Thảo, với nhãn quan một nhà nghiên cứu khoa học quân sự, đã nêu ý kiến: khi đã chọn hướng chiến lược là Tây Nguyên thì trước hết nên đánh Buôn Ma Thuột, vì đây là thị xã lớn nhất, là nơi hiểm yếu và cũng là nơi địch sơ hở nhất. Khó khăn phải vượt qua để tiến công trên hướng này là thiếu đường hành quân và thiếu nước. Tôi rất tán thành”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sdd*, tr.124.

chí khác. Ngày 9-1-1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp để quán triệt và triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị. Thường trực Quân ủy Trung ương triển khai quyết định chiến lược của Bộ Chính trị “chọn Buôn Ma Thuột làm mục tiêu chủ yếu của chiến dịch Nam Tây Nguyên” và mở đầu cho cuộc tiến công mùa Xuân năm 1975. Chiến dịch Tây Nguyên chính thức được quyết định mở với mật danh “Chiến dịch 275”.

Với kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng dày dạn, Bộ thống soái tối cao nhận thức sâu sắc: thời gian là lực lượng, nên đã kịp thời chỉ đạo toàn dân và toàn quân phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc chuẩn bị mọi mặt cho trận quyết chiến cuối cùng: xây dựng thế trận, phát triển lực lượng; vật chất hậu cần, kỹ thuật; mạng lưới đường cơ động chiến lược, chiến dịch, mở rộng vùng giải phóng...

Chỉ đạo cuộc tiến công mùa Xuân năm 1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Bộ Tổng Tư lệnh đã thiết kế nên một thế trận với mưu kế: phía bắc giữ địch ở mặt trận Huế - Đà Nẵng; phía nam, giữ địch ở Sài Gòn. Ghìm địch ở hai đầu chiến tuyến như vậy làm cho chúng bộc lộ sơ hở ở miền Trung và Tây Nguyên. Tây Nguyên bị thất thủ, tạo ra đột biến về chiến lược. Lợi dụng thời cơ, quân ta giải phóng Huế, Đà Nẵng, đẩy địch vào thế tan rã, để sau đó, huy động toàn bộ lực lượng gồm 5 quân đoàn giải phóng Sài Gòn. Sự lựa chọn

này xuất phát từ phương châm tác chiến của vị chỉ huy thiên tài - Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đó là: tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu; đánh chỗ yếu (nhưng hiểm yếu) trước, đánh chỗ mạnh sau.

Ngày 11-3-1975, ta giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột. Chiến thuật nghi binh hiệu quả đã khiến vị trí chiến lược Buôn Ma Thuột bị đánh tan một cách nhanh chóng, toàn bộ hệ thống phòng ngự trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên bị sụp đổ hoàn toàn. Hạ tuần tháng 3-1975, chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng. Sự thất bại tại Tây Nguyên đã tạo nên một lỗ hổng lớn trong tuyến phòng ngự của địch, tạo nên những đột biến lớn trên chiến trường mở đầu cho sự thất bại và tan rã toàn diện của Việt Nam Cộng hòa tại miền Nam Việt Nam. Ngày 24-3-1975, địch rút chạy khỏi Tây Nguyên.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp phân tích tình hình và chỉ thị: Điểm trúng huyết chí tử của địch là Buôn Ma Thuột, gây cho địch chấn động về chiến lược, buộc địch phải rút bỏ Tây Nguyên, thì phải nhanh chóng đánh Huế và Đà Nẵng. Nếu ở đây, chúng cũng phải rút lui chiến lược thì phải cấp tốc đánh thẳng vào Sài Gòn.

Ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp. Đại tướng nhận định tình hình đang chuyển biến rất nhanh, lực lượng so sánh đã thay đổi, Mỹ cũng không dám liều lĩnh, ít khả năng can thiệp trở lại. Ta đang sung sức, lực lượng tập trung, khí thế

mạnh mẽ. Quân ủy Trung ương đề nghị Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975, không chờ đến năm 1976¹. Để thực hiện quyết tâm ấy, kiến nghị của Quân ủy Trung ương là: Hướng chiến lược chủ yếu là Sài Gòn. Bộ Chính trị đồng ý hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch hai năm ngay trong năm 1975, chuyển Kế hoạch cuộc tiến công chiến lược 1975 thành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường, giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975. Với quyết tâm đó, cuộc tiến công chiến lược trên thực tế đã chuyển thành cuộc Tổng tiến công chiến lược. Trước mắt, nhanh chóng tiến công tiêu diệt lớn và làm tan rã lực lượng địch ở Vùng 1 chiến thuật từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, giải phóng Huế - Đà Nẵng, tiếp đó tiến đánh sào huyệt cuối cùng của chính quyền Sài Gòn.

Để thực hiện quyết tâm trên, Bộ Tổng Tư lệnh đã tập trung nghiên cứu xác định hướng tiến công chiến lược, tổ chức nghi binh lừa địch cả về hướng, thời gian và lực lượng; nhanh chóng điều chỉnh lực lượng, bố trí thế trận và tích cực chỉ đạo hoạt động tác chiến trên các hướng.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp ra lệnh Trung tướng Lê Trọng Tấn gấp rút giải phóng Đà Nẵng trong

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sdd*, tr.217.

3 ngày. Diễn biến chiến dịch Đà Nẵng, quân ta chỉ chuẩn bị trong 3 ngày với lực lượng ít hơn nhưng đã nhanh chóng đánh tan 10 vạn quân địch và giải phóng thành phố Đà Nẵng vào ngày 29-3-1975. Với những chỉ đạo của Đại tướng, toàn bộ Quân đoàn I của địch tan rã, bị loại khỏi vòng chiến, số thoát vào tuyến trong không đáng kể. Điều đó tạo thuận lợi cho chiến dịch cuối cùng giải phóng Sài Gòn.

Với đòn tiến công chiến lược thứ hai gở đầu chiến dịch Tây Nguyên bằng các chiến dịch tiến công Trị - Thiên, Nam - Ngãi và Đà Nẵng¹ diễn ra liên tiếp, ta đã loại ra khỏi vòng chiến đấu một nửa lực lượng địch, giải phóng một vùng rộng lớn suốt từ Quảng Trị đến Khánh Hòa, tạo ra sự đột biến về thế trận, làm nên một cục diện mới về chiến tranh, địch càng hoang mang, hoảng loạn thực hiện cuộc rút chạy, hòng giữ Sài Gòn. Ngay khi giải phóng Đà Nẵng, nắm bắt thời cơ, Hội nghị Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương ngày 24-3-1975 quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975 và Hội nghị Bộ Chính trị ngày 31-3-1975 quyết định giải phóng miền Nam trong tháng 4-1975. Bộ Chính trị quyết định “Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Tổng kết tác chiến chiến lược trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.646.

tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm”¹.

Một lần nữa, tư duy quân sự khoa học của Bộ thống soái tối cao đưa đến một quyết định chiến lược đúng cảm và chính xác. Trong tình hình quân ta đánh mạnh, đẩy địch vào thế bị động, thất bại, liên tiếp phạm sai lầm về chiến lược và suy sụp nhanh chóng, thế trận chiến tranh nhân dân của ta mạnh lên toàn diện từng giờ, từng phút, thì thời gian ấn định trong kế hoạch hai năm không còn phù hợp nữa.

Vấn đề quyết định là phải kịp thời nắm lấy thời cơ, tranh thủ vào trung tuần tháng 4-1975 thì bắt đầu cuộc tấn công quy mô lớn vào Sài Gòn. Bất ngờ không còn ở phương hướng nữa. Vấn đề là thời gian. Ngày 7-4-1975, Đại tướng, Tổng Tư lệnh, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp đã ra lệnh cho các đơn vị đang đổ vào chiến trường:

“Mệnh lệnh: 1. *Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa.* Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.36 tr.95-96.

2. Truyền đạt tức khắc đến đảng viên, chiến sĩ”¹.

Bức điện được Ban Cơ yếu lập tức truyền đi khắp các mặt trận trên toàn miền Nam như một lời hịch tướng sĩ. Mệnh lệnh đã truyền đạt quyết tâm cao nhất của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tới các cấp lãnh đạo và chỉ huy chiến trường, tới mỗi đảng viên, chiến sĩ để chủ động sáng tạo, thừa thắng xốc tới, hướng mọi hành động theo phương châm thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng².

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sđđ*, tr.280.

2. Trung tướng Phạm Hồng Cư chia sẻ: “Trong cuộc đời quân ngũ, tôi đã có những lần nhận lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp mà khi đọc lên, mệnh lệnh đó âm vang trong tâm hồn như một lời hịch của non sông đất nước. Đặc biệt phải kể tới là ngày 7-4-1975, trên đường hành quân tiến về Sài Gòn, tôi nhận được bức điện của Đại tướng Tổng Tư lệnh. Mệnh lệnh nổi tiếng ấy như một lời hịch của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử”. Bài viết đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, ngày 14-9-2010.

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu kể, vào năm 1975, khi ông đang trên đường Trường Sơn vào tập kết ở Đồng Xoài, Đông Nam Bộ chuẩn bị cho chiến dịch giải phóng miền Nam thì nhận được bức điện của Đại tướng qua đài 15W. Sau khi nghe xong mệnh lệnh của Đại tướng, ông và các chiến sĩ khi đó như được tiếp thêm ý chí để hăng hái tiến ra tiền tuyến. Lúc đó là vào mùa khô, thời tiết vô cùng khó chịu nhưng khí thế của người lính vẫn hừng hực cùng đoàn quân trùng trùng điệp điệp xông ra mặt trận. Theo báo điện tử Dân trí, ngày 8-10-2013.

Mệnh lệnh của Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp vừa là tiếng kèn xung trận vừa là kết tinh của một tư duy quân sự thiên tài trước thời khắc hệ trọng lịch sử của dân tộc¹.

Ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị nghe Quân ủy Trung ương báo cáo tình hình mặt trận Sài Gòn và các phương hướng, chủ trương ấy và đồng ý lấy tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”. Đại tướng chỉ đạo cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh, Bộ Tổng Tham mưu làm kế hoạch giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Trong các dự thảo văn kiện kế hoạch, cơ quan soạn thảo ghi “nhanh chóng, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, khi báo cáo Tổng Tư lệnh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp yêu cầu phải sửa ngay là “thần tốc”.

17 giờ ngày 26-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Kể từ giờ phút đó, Tổng Tư lệnh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí trong Tổng hành dinh theo dõi từng phút, từng giờ, từng bước tiến của các cánh quân.

Nửa đêm 28-4-1975, Cục Tác chiến nhận được bức điện của đồng chí Lê Trọng Tấn đề nghị cho cánh

1. Xem Thượng tướng - Giáo sư Hoàng Minh Thảo: “Đại tướng Võ Nguyên Giáp với nghệ thuật quân sự”, in trong *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Sdd, tr.34.

quân phía đông, nổ súng trước từ 18 giờ ngày 29-4-1975. Lý do là các lực lượng ta còn cách vùng ven từ 15 - 20km, phải vừa đánh địch vừa tiến quân, lại phải vượt sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, nếu cùng nổ súng sẽ không đến kịp. Sau khi nghe điện, Đại tướng, Tổng Tư lệnh đề nghị chuẩn y và được sự nhất trí cao của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ký điện đồng ý để cánh quân phía đông nổ súng sớm hơn kế hoạch, vào 18 giờ chiều ngày 29-4-1975.

Sáng sớm 29-4, các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương tới “Nhà con rồng” tham dự cuộc họp do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn triệu tập, bàn về những công việc cấp bách phải thực hiện khi quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn.

5 giờ 30 phút sáng 30-4-1975, các hướng đồng loạt đánh vào Sài Gòn.

Sáng sớm ngày 30-4-1975, các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương có mặt tại “Nhà con rồng” tiếp tục cuộc họp, theo dõi tình hình chiến trường Sài Gòn - Gia Định, thảo luận công việc. Các mũi tiến công của quân ta phát triển rất nhanh về hướng trung tâm thành phố.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương trao đổi về những công việc cấp thiết. Thay mặt Bộ Chính trị,

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp điện vào chiến trường: “Ủy ban quân quản công bố ngay trên đài phát thanh mệnh lệnh đầu tiên. Nội dung: a) Quân giải phóng tiến vào để giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam; b) Quân đội ngụy quyền Sài Gòn phải lập tức hạ vũ khí đầu hàng; c) Tuyên bố giải tán chính quyền các cấp; d) Kêu gọi đồng bào đứng dậy, cùng Quân giải phóng đập tan mọi sự chống cự của địch, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, hoàn thành công cuộc giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam thân yêu”¹.

11 giờ 30 phút, đồng chí Nguyễn Duy Phê, Cục phó Cục Cơ yếu mang vào phòng họp một bức điện của đồng chí Lê Trọng Tấn báo cáo: một đơn vị thuộc cánh quân phía đông đã cắm cờ lên Dinh Độc Lập.

Tin từ các hướng tới tập điện về. Năm cánh quân của ta hợp điểm giữa Sài Gòn.

Trong không khí hân hoan, hội nghị sôi nổi trao đổi về những biện pháp cuối cùng. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp điện ngay vào chiến trường thông báo ý

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sđđ*, tr.329-330.

kiến của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương giao Trung ương Cục và Quân ủy Miền phụ trách Ủy ban quân quản Sài Gòn - Gia Định và ra lời kêu gọi của Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng: "... Có thể dùng Dương Văn Minh để kêu gọi các đơn vị của địch hạ vũ khí, nhưng không phải với tư cách Tổng thống mà chỉ với tư cách một người đã sang hàng ngũ nhân dân... Đã nhận tin ta cấm cờ lên Dinh Độc Lập lúc 11 giờ. Các anh trong Bộ Chính trị rất vui, rất vui"¹.

Bức điện gửi đi lúc 12 giờ 25 phút. Hội nghị ngừng họp. Các đồng chí lãnh đạo cười nói rộn ràng, vui vẻ. Phấn khởi, nghẹn ngào, xúc động đến trào nước mắt.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chỉ thị cho Cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục Chính trị điện ngay cho Việt Nam Thông tấn xã và Đài Tiếng nói Việt Nam kịp thời truyền tin thắng lợi, và chuẩn bị viết thông cáo chiến thắng. Chỉ 15 phút sau, đài đã ngừng buổi phát thanh thường lệ, phát đi những dòng tin phấn khởi mà muôn vạn con tim Việt Nam đón đợi: Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Hai ngày sau, toàn bộ các tỉnh Tây Nam Bộ, các vùng biển đảo của Tổ quốc được giải phóng. Cả nước đở

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Hồi ức), Phạm Chí Nhân thể hiện, *Sđd*, tr.331.

sắc cờ hoa và vang lời ca *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*.

Trong quá trình chỉ đạo, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí trong Quân ủy Trung ương đề xuất với Bộ Chính trị vấn đề giải phóng Trường Sa. Bộ Chính trị nhất trí¹. Đại tướng trực tiếp chỉ đạo và theo dõi quá trình giải phóng Trường Sa. Hải quân ta đã đánh bật hải quân Việt Nam Cộng hòa, giải phóng tất cả các đảo do địch chiếm giữ trong quần đảo Trường Sa.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch quân sự lớn nhất trong lịch sử của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trước sức mạnh tấn công vũ bão của 5 cánh quân chủ lực đánh thẳng vào các đô thị, trung tâm đầu não, căn cứ quân sự lớn của địch, cùng sự nổi dậy của nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương đập tan bộ máy kìm kẹp của chính quyền địch ở địa phương, cơ sở để giành quyền làm chủ, quân lực Việt Nam Cộng hòa nhanh chóng bị đánh bại. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta toàn thắng.

1. Xem Thượng tướng Hoàng Minh Thảo: “Võ Nguyên Giáp vẫn là Tổng Tư lệnh thân yêu như những ngày nào”, in trong *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp với sử học Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.307.

Mấy ngày sau, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp cùng Bí thư thứ nhất Lê Duẩn vào thăm miền Nam đã hoàn toàn giải phóng. Vui mừng phấn khởi, xúc động, các đồng chí về thăm các cơ sở cách mạng ở Sài Gòn, Biên Hòa, Cần Thơ, Rạch Giá,... những chiếc nôi đã nuôi dưỡng, chở che cho bao cán bộ kiên trung đi làm cách mạng. Tiếp đó, Tổng Tư lệnh đến thăm các binh đoàn chủ lực, các đơn vị đặc công, biệt động, các đơn vị bộ đội địa phương. Đại tướng, Tổng Tư lệnh khen ngợi chiến công của cán bộ, chiến sĩ, lòng bùi ngùi thương tiếc bao đồng chí, đồng đội đã ngã xuống vì Tổ quốc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ kéo dài 21 năm, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là một điển hình thành công của học thuyết quân sự Việt Nam. Theo dõi sự phát triển cực kỳ mau lẹ của tình hình địch, ta trên chiến trường, Bộ thống soái tối cao đã có những quyết định kịp thời khi thời cơ mới xuất hiện, chuyển kế hoạch cơ bản giải phóng miền Nam từ hai đến ba năm lúc đầu sang kế hoạch thời cơ, rút xuống một năm rồi quyết định kết thúc trước mùa mưa, chỉ trong vòng chưa đầy hai tháng, giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là một trong những nguyên nhân thắng lợi của cách mạng, trong đó có công lao và cống hiến to lớn của đồng chí Võ Nguyên Giáp.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là thiên tài quân sự ở khả năng nắm thời cơ, tạo thời cơ và chớp thời cơ. Đại tướng Võ Nguyên Giáp “đã đưa ra đúng lúc nhiều mưu kế chiến lược tài tình hoặc những mệnh lệnh, những phương án đặc sắc có tầm chiến lược suốt hơn 30 năm chiến tranh nhân dân giải phóng dân tộc... là một nhà quân sự có tư duy sắc sảo về chiến tranh nói chung và về chiến tranh giải phóng dân tộc Việt Nam nói riêng”¹. Bí thư thứ nhất Lê Duẩn nói: thắng lợi này không của riêng ai, vinh quang này thuộc về dân tộc. Chính Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng nói ông chỉ là giọt nước trong biển cả. Đảng, Nhà nước, nhân dân ta ghi nhận và đánh giá cao công lao của ông. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng viết, quân đội ta quen gọi ông là người Anh Cả² của Quân đội nhân dân Việt Nam.

1. Thượng tướng Hoàng Minh Thảo: “Võ Nguyên Giáp vẫn là Tổng Tư lệnh thân yêu như những ngày nào”, in trong *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp với sử học Việt Nam*, Sđd, tr.308.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.264.

*Chương VII***HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG HIẾN
TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG
VÀ CHẤN HƯNG ĐẤT NƯỚC (1976 - 1991)**

Sau ngày đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được phân công đảm nhiệm nhiều cương vị quan trọng trong Đảng, Nhà nước và quân đội. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (tháng 12-1976), Đại tướng Võ Nguyên Giáp được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị. Sau Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã kiện toàn Quân ủy Trung ương, chỉ định Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tiếp tục đảm nhiệm trọng trách Bí thư Quân ủy Trung ương. Từ tháng 1-1980, Đại tướng là Phó Thủ tướng thường trực; từ tháng 4-1981 đến tháng 12-1986, đồng chí là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Phó Thủ tướng Chính phủ). Trên các

cương vị công tác đó, Đại tướng có nhiều hoạt động và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp xây dựng và chấn hưng đất nước sau ngày thống nhất.

1. Trên cương vị Bí thư Quân ủy Trung ương (đến năm 1978), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (đến năm 1980)

a) Lãnh đạo xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Song do cuộc chiến tranh kéo dài và vô cùng ác liệt đã để lại cho đất nước ta nhiều hậu quả nặng nề trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội... Đời sống nhân dân rất khó khăn. Nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết đòi hỏi phải giải quyết.

Thêm vào đó, tuy bị thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhưng đế quốc Mỹ và các thế lực phản động vẫn không từ bỏ chính sách chống phá cách mạng Việt Nam. Cùng với việc Mỹ tuyên bố cấm vận đối với Việt Nam (tháng 5-1975), các thế lực đế quốc còn âm mưu sử dụng các phần tử ngoan cố, phản động trong quân đội và chính quyền Sài Gòn cũ, tiến hành các hoạt động chống đối, phá hoại, hòng gây ra bạo loạn phản cách mạng ở miền Nam.

Đối với quân đội, phần lớn các đơn vị trong toàn quân đang làm nhiệm vụ trên chiến trường miền Nam, tiếp tục chiến đấu truy quét tàn quân ngụy và lực lượng phản động còn lẩn trốn, phối hợp với các lực lượng quản lý giữ vững trật tự an ninh ở vùng mới giải phóng; tiến hành thống kê, phân loại, bảo quản và sử dụng khối lượng lớn vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự thu được của địch; cử hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ tham gia phát động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị ở xã, phường, thu gom vật liệu nổ, phá gỡ bom mìn, khắc phục hậu quả chiến tranh, giúp đỡ nhân dân ổn định cuộc sống mới. Các đơn vị quân đội ở miền Bắc tích cực tham gia cùng nhân dân hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại nền kinh tế bị tàn phá nặng nề do bom đạn Mỹ.

Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, đó là bước ngoặt lớn, đã làm thay đổi mọi lĩnh vực hoạt động quân sự, nhất là về nhận thức, tâm lý và tư tưởng của bộ đội.

Trong bối cảnh đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng tập thể Quân ủy Trung ương tập trung lãnh đạo nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, đồng thời lãnh đạo quân đội thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế và sẵn sàng làm nhiệm vụ quốc tế; trong đó trước mắt tập trung vào một số nội dung chiến lược như: chuyển các hoạt động quân sự từ thời chiến sang thời bình; tham gia hàn gắn vết thương chiến tranh, triển khai việc phòng thủ đất nước...

Trên cương vị là Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng Quân ủy Trung ương tập trung chỉ đạo các cấp ủy, các đơn vị trong toàn quân “ra sức xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng hùng hậu, có lực lượng thường trực mạnh, lực lượng hậu bị to lớn được huấn luyện tốt, có quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, có lực lượng dân quân, tự vệ rộng khắp và vững chắc”¹ mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương khóa III (tháng 9-1975) đã đề ra.

Kế thừa những bài học kinh nghiệm quý báu của dân tộc Việt Nam, nhất là kinh nghiệm của 30 năm kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược do Đảng ta lãnh đạo, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có những chỉ đạo đúng đắn, kịp thời trong việc triển khai, bố trí thế chiến lược, chấn chỉnh tổ chức, biên chế quân đội; điều

1. Đảng bộ Quân đội nhân dân: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.3 (1975 - 2010)*, Sdd, tr.31.

chỉnh vị trí đóng quân; củng cố, kiện toàn các đơn vị; tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân; kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Trong giai đoạn từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có vai trò hết sức quan trọng trong việc chỉ đạo về tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang mà nòng cốt là quân đội nhân dân, với yêu cầu giảm nhanh số lượng, nhưng lại phải nâng cao chất lượng, tổ chức, huấn luyện xây dựng phù hợp với yêu cầu, tình hình và nhiệm vụ mới. Phát huy trí tuệ của tập thể, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Quân ủy Trung ương tập trung chỉ đạo việc nghiên cứu, xác định hình thức tổ chức, biên chế lực lượng hợp lý, khoa học; giải quyết tốt các vấn đề về tổ chức, nhiệm vụ, tỷ lệ quân số giữa các lực lượng vũ trang, giữa lực lượng sẵn sàng chiến đấu và xây dựng kinh tế; mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng, giữa lực lượng thường trực và lực lượng hậu bị, giữa con người và vũ khí, kỹ thuật...

Tháng 7-1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Quân ủy Trung ương đề xuất với Bộ Chính trị về việc giảm tổng quân số bộ đội thường trực, tăng lực lượng sản xuất và kinh tế, đưa tổng số quân từ 123 vạn xuống 80 vạn (50 vạn chiến đấu, 10 vạn sản xuất quốc

phòng, 20 vạn sản xuất, xây dựng kinh tế...)¹, đáp ứng yêu cầu cấp thiết giảm kinh phí quốc phòng, tăng lực lượng sản xuất và kinh tế của đất nước phù hợp với tình hình mới.

Đồng thời, Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất coi trọng việc giáo dục, phát huy truyền thống vẻ vang, tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội trong giai đoạn cách mạng mới, tích cực tham gia đấu tranh trên mặt trận chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, bảo vệ những giá trị cao đẹp của lý tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, bảo vệ các chuẩn mực giá trị của nền văn hóa dân tộc, để quân đội nhân dân luôn xứng đáng là lực lượng chính trị đặc biệt trung thành, tin cậy, sắc bén của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhiều lần khẳng định yêu cầu: “phải tiếp tục chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, làm cho lực lượng vũ trang ta từ một đội quân chủ yếu làm nhiệm vụ chiến tranh giải phóng giành lại độc lập cho dân tộc, trở thành một đội quân làm nhiệm vụ bảo vệ độc lập và chủ quyền của đất nước, bảo vệ Nhà nước chuyên chính vô sản, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng

1. Xem *Công tác cán bộ trong quân đội, quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, t.II, tr.19.

tiến hành thắng lợi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nếu kẻ thù gây ra chiến tranh xâm lược”¹.

Một vấn đề mấu chốt được Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất quan tâm, đó là việc nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu của quân đội, coi đó là vấn đề chiến lược quan trọng nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang. Đại tướng tích cực chỉ đạo việc đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự, kết hợp chặt chẽ với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và công tác tổ chức, nhằm phát huy vai trò then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật, tạo thành động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng quân đội.

Từ kinh nghiệm thực tiễn bắn hạ máy bay B52 và phá bom từ trường của Mỹ ở ngầm Tà Lê trên đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại tướng khẳng định rằng, trong quân đội ta, kỹ thuật không bao giờ tách rời con người, tách rời tổ chức chiến đấu và chỉ huy chiến đấu. Đại tướng chỉ rõ: “Chất lượng và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang là sản phẩm tổng hợp do nhiều nhân tố hợp thành, kết hợp chặt chẽ với nhau trong những mối quan hệ biện

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979, tr.561.

chúng của một tổ chức khoa học, dưới sự lãnh đạo và chỉ huy thống nhất và tập trung”¹.

Trên cương vị Bí thư Quân ủy Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn kiên định quan điểm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, chú trọng xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh. Đại tướng khẳng định vấn đề củng cố, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội, nâng cao hơn nữa hiệu lực lãnh đạo của Đảng đối với quân đội nhân dân là yếu tố quan trọng hàng đầu để giữ vững bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc của quân đội. Đại tướng cùng tập thể Quân ủy Trung ương chỉ đạo tổ chức nhiều hội nghị quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Trung ương về nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân đội, về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình... cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong quân đội.

Thực hiện đợt giáo dục chính trị tự phê bình và phê bình do Ban Bí thư Trung ương Đảng phát động, tháng 7-1976, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã quán triệt cho cán bộ cao cấp toàn quân thấy rõ các kết quả đã đạt được, nhất là phải kiên quyết khắc phục những

1. Hồng Nam: “Cả nước một lòng bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”, tạp chí *Cộng sản*, số 10-1978.

thiếu sót, những việc chưa được khẩn trương nghiên cứu, như vấn đề phương hướng cơ bản của lực lượng vũ trang, chỉ đạo thực hiện hiệp đồng giữa các cơ quan còn thiếu chặt chẽ. Đại tướng Võ Nguyên Giáp xác định yêu cầu: *Trước hết*, phải tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối, nhiệm vụ cách mạng của Đảng, nhiệm vụ của quân đội trong tình hình mới. *Thứ hai*, nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, giáo dục, quản lý bộ đội và sự tu dưỡng, rèn luyện của các cấp ủy, chỉ huy, cơ quan chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị trước thử thách của bước ngoặt cách mạng. Phải giữ vững và phát huy được bản chất và truyền thống quân đội trong thời kỳ mới. Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo Đảng bộ Quân đội cần tăng cường giáo dục một cách có hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lênin; trên cơ sở đó không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, củng cố lập trường giai cấp công nhân của cán bộ, chiến sĩ, tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ về cả nhận thức tư tưởng và hành động nhằm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ¹.

Các buổi sinh hoạt chính trị sâu rộng đó đã góp phần nâng cao trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ,

1. Xem Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.3 (1975 - 2010)*, Sdd, tr.45-46.

đảng viên, tạo nên sự chuyển biến tích cực trong hoạt động xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh, bảo đảm nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang.

Thực tế đó cho thấy, trong sự lớn mạnh, trưởng thành của Đảng bộ Quân đội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhiều đóng góp quan trọng. Đồng chí Lê Khả Phiêu nhận xét: “Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất quan tâm đến vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng,... luôn nhấn mạnh phải xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh, giữ vững nguyên tắc đảng, sử dụng hiệu quả vũ khí tự phê bình và phê bình, đoàn kết thống nhất đi đôi với mở rộng dân chủ trong Đảng, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, xa rời quần chúng, chống tham nhũng, lãng phí, xóa bỏ tệ nạn xã hội để Đảng ta xứng đáng là lương tâm, trí tuệ, danh dự của giai cấp công nhân, của dân tộc Việt Nam”¹.

Trong sự nghiệp xây dựng, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng tập thể Quân ủy Trung ương luôn quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng: Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là sự nghiệp rất to lớn và quan trọng mà quân đội nhân dân đóng vai trò nòng cốt cùng toàn dân thực hiện.

1. *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam, Sđd*, tr.13.

Với tư duy chính trị, quân sự sắc sảo, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhiều đóng góp quan trọng vào việc đánh giá tình hình thế giới, khu vực và cục diện cách mạng nước ta, các khả năng đe dọa an ninh của Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa một cách toàn diện và khoa học. Trên cơ sở đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định: Trong khi hòa bình xây dựng đất nước, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta vẫn phải nêu cao cảnh giác, thường xuyên chăm lo nhiệm vụ bảo vệ chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ củng cố quốc phòng. Đây chính là sự thể hiện quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước của dân tộc ta trong điều kiện lịch sử mới, khi cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng Quân ủy Trung ương tập trung nghiên cứu, chỉ đạo việc bố trí lực lượng và tổ chức phòng thủ phù hợp trên các hướng, các địa bàn, vùng biên giới đất liền, vùng biển đảo, các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa... bảo đảm khả năng vững chắc của từng địa phương và cả nước trong mọi tình huống. Trên tinh thần ấy, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo bộ tư lệnh các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, lực lượng vũ trang các tỉnh... triển khai xây dựng thế trận phòng ngự vững chắc, thành lập thêm nhiều trung đoàn, đơn vị trực thuộc các tỉnh; kiện toàn các sư đoàn

chủ lực của các quân khu; phát triển lực lượng dân quân, tự vệ rộng khắp... hình thành lực lượng và thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Đặc biệt, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhiều đóng góp về lý luận cho sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ nhất ngày toàn thắng của dân tộc (30-4), Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết bài: “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” (tháng 5-1976), trong đó khẳng định công cuộc xây dựng và củng cố quốc phòng là một nhiệm vụ rất quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đại tướng đã đi sâu phân tích, làm rõ nhiều vấn đề cốt lõi, đóng góp nhiều vấn đề phát triển lý luận nhằm làm sáng tỏ quan điểm, đường lối của Đảng về quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, với những nhận thức mới, phù hợp thực tiễn tình hình, nhiệm vụ cách mạng đang đặt ra như: xây dựng và củng cố quốc phòng phải được coi là một bộ phận không thể tách rời của toàn bộ sự nghiệp xây dựng đất nước ta, của toàn bộ công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta; sức mạnh quốc phòng của Tổ quốc Việt Nam là sức mạnh tổng hợp của toàn dân ta, của cả dân tộc ta trong thời đại mới, của chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã

hội chủ nghĩa; quán triệt quan điểm thực tiễn với tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường kết hợp với điều kiện quốc tế thuận lợi để bảo vệ Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ xây dựng với bảo vệ đất nước, phát triển kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế; xây dựng tiềm lực mọi mặt của nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân phù hợp với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; kiên trì quan điểm chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc... Trên tinh thần nghị quyết Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: “Trong khi dồn sức vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế và văn hóa, chúng ta phải đồng thời hết sức coi trọng nhiệm vụ bảo vệ chủ nghĩa xã hội, củng cố quốc phòng”, “phải nỗ lực phấn đấu xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh”¹.

Những nội dung được Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề cập đã bước đầu nêu lên những vấn đề chủ yếu của công cuộc xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân trong kỷ nguyên mới của dân tộc, có nhiều đóng góp thiết thực vào việc giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn đang đặt ra và góp phần từng bước hoàn thiện đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Sđd, tr.506.

Đáng chú ý là trong lúc một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta còn có tư tưởng tự mãn, say sưa với chiến thắng, cho rằng sau thất bại của đế quốc Mỹ, không còn kẻ thù nào dám đánh Việt Nam nữa, thì Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận định: Ta đã đánh thắng đế quốc Mỹ, song không nên nghĩ rằng từ nay không còn bọn đế quốc nào dám có mưu đồ gì đối với dân tộc ta, dám xâm phạm đất nước ta. Đại tướng cảnh báo: “Thái độ mất cảnh giác, lơ lửng trong nhiệm vụ phòng thủ đất nước, chỉ khuyến khích những thế lực xâm lược hiếu chiến và bọn phản động trong nước”¹.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đưa ra một dự báo có tính chiến lược về cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đối với Việt Nam có thể xảy ra là: “Sau này trong tình huống nào đó, nếu kẻ thù dám liều lĩnh phát động chiến tranh xâm lược nước ta, thì đương nhiên chúng sẽ dùng những vũ khí, trang bị còn hiện đại hơn trong cuộc chiến tranh trước đây; chúng cũng có thể huy động số quân lớn hơn, chứ không nhất định chỉ huy động số quân như vừa qua; cũng có thể đánh ồ ạt, bất ngờ, chứ không phải leo thang chiến tranh từng bước”².

Những nội dung này được nêu lên vào thời điểm chỉ sau một năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi

1, 2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Sđd, tr.517, 518.

(tháng 5-1976) đã thể hiện tầm nhìn chiến lược sáng suốt của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong bước ngoặt lịch sử của đất nước và hoàn toàn đúng với quan điểm của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước”¹.

Đó là sự nhắc nhở cần thiết quân và dân cả nước phải có một quyết tâm rất cao, xây dựng tiềm lực về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, chuẩn bị sẵn sàng cho đất nước giành thắng lợi hoàn toàn nếu kẻ thù liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược. Đó là những cống hiến to lớn của Đại tướng đối với công cuộc xây dựng, củng cố quốc phòng nói riêng, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa nói chung.

b) Lãnh đạo quân đội xây dựng kinh tế

Sau khi Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) ra Nghị quyết về “nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới” (tháng 9-1975), trong đó xác định quân đội có nhiệm vụ lao động sản xuất, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội, tháng 10-1975, Quân ủy Trung ương do Đại tướng Võ Nguyên Giáp đứng đầu, đã triệu tập Hội nghị cán bộ cao cấp toàn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.8, tr.552.

quân quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 24 và Nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình nhiệm vụ quân sự trong giai đoạn mới.

Tiếp đó, Quân ủy Trung ương chỉ đạo Tổng cục Chính trị hướng dẫn đảng ủy các cấp tổ chức sinh hoạt chính trị nhằm thấu triệt nghị quyết của Trung ương trong toàn quân. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ Quân đội kể từ ngày chiến thắng 30-4-1975, góp phần tạo ra được sự nhất trí cao, lòng tự hào, phấn khởi và tinh thần trách nhiệm chính trị trước nhiệm vụ mới, động viên cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân kiên quyết thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng và nhiệm vụ của quân đội.

Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, tháng 12-1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lãnh đạo Quân ủy Trung ương ra nghị quyết xác định nhiệm vụ quân đội tham gia xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, đồng thời trực tiếp chỉ đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu triển khai việc điều chỉnh, sắp xếp lực lượng, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ rất quan trọng của quân đội. Đến tháng 12-1976, Bộ Quốc phòng tiến hành chấn chỉnh, kiện toàn, củng cố một bước quan trọng đối với tổ chức quân đội, đã quyết định tổ chức 29 sư đoàn và tương đương (13 sư đoàn và 16 đoàn) với tổng số 172 trung đoàn xây dựng kinh tế thuộc các đảng bộ quân khu 1, 3, 5, 7, 9, Quân chủng Hải quân,

Tổng cục Xây dựng kinh tế, Tổng cục Hậu cần¹. Sự huy động tới mức cao nhất khả năng của toàn quân vào nhiệm vụ xây dựng kinh tế, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện quyết tâm cao của Đảng bộ Quân đội, trong đó có vai trò lãnh đạo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Tuy bận rộn nhiều công việc, nhưng Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn dành sự quan tâm chỉ đạo quân đội làm nhiệm vụ lao động sản xuất, góp phần xây dựng kinh tế đất nước. Đại tướng trực tiếp đi kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện trên các mặt xây dựng cơ bản, làm đường giao thông, trồng rừng, đánh bắt hải sản... của nhiều đơn vị ở Tây Nguyên và vùng ven biển thuộc Quân khu 5, công trường đường sắt Thống Nhất thuộc Quân khu 4 và nhiều đơn vị thuộc Quân khu III, Quân khu 9. Đi đến đâu, Đại tướng cũng trực tiếp tới cơ sở thăm hỏi, động viên cán bộ, chiến sĩ, kiểm tra các mặt hoạt động, nhất là về công cụ lao động, chất lượng an toàn lao động; thăm một số nơi ăn, ở, sinh hoạt của bộ đội, nhắc nhở lãnh đạo, chỉ huy quan tâm đúng mức đến đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn.

1. Xem Đảng bộ Quân đội nhân dân: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.3 (1975 - 2010), Sdd*, tr.56.

Từ thực tiễn lao động sản xuất bước đầu của các đơn vị xây dựng kinh tế, Đại tướng Võ Nguyên Giáp xác định đây là nhiệm vụ rất lớn và rất mới mẻ, đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ toàn quân phải nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt cả hai nhiệm vụ: sẵn sàng chiến đấu và lao động sản xuất, không được xem nhẹ nhiệm vụ nào.

Trong quá trình lãnh đạo quân đội xây dựng kinh tế, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn quán triệt đường lối, nhiệm vụ cách mạng của Đảng, nhiệm vụ của quân đội và có nhiều đóng góp quan trọng trong việc chỉ đạo bộ đội thực hiện mặt công tác này. Quan điểm chỉ đạo quân đội xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước của Đại tướng Võ Nguyên Giáp tập trung ở một số điểm cơ bản như sau:

Một là, trong hoàn cảnh cả nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội, quân đội có hai nhiệm vụ cơ bản, trong đó nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ chính trị quan trọng bậc nhất và lao động sản xuất, xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ chính trị rất quan trọng. Quân đội vừa là lực lượng chiến đấu, vừa là lực lượng lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng kinh tế phải đi đôi với củng cố quốc phòng. Kinh tế mạnh, quốc phòng mạnh là điều kiện vững chắc để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình lâu dài cho đất nước. Đại tướng nhấn mạnh yêu cầu: Nhận thức đúng và hoàn thành tốt hai nhiệm

vụ đó là vấn đề quán triệt đường lối của Đảng, là vấn đề thuộc về lập trường giai cấp, về trách nhiệm chính trị của mỗi cán bộ, chiến sĩ¹.

Hai là, mặt trận xây dựng kinh tế đối với quân đội là một mặt trận mới, nên có rất nhiều khó khăn, thử thách, nhất là thiếu các tri thức về khoa học, hiểu biết về quản lý kinh tế, về khoa học kỹ thuật sản xuất..., đòi hỏi cán bộ quân đội phải khiêm tốn học tập, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan kinh tế nhà nước. Vì vậy, quân đội ta phải có tinh thần cách mạng tiến công cao, phải tiến vào mặt trận mới với tư thế của người chiến thắng, với dũng khí của người chiến sĩ cách mạng, với lòng yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa nồng nàn, với tri thức khoa học và đầu óc thông minh, sáng tạo².

Ba là, cán bộ quân đội phải nắm vững đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng nhằm đạt đến một nền kinh tế có cơ cấu thống nhất giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, một nền kinh tế kết hợp chặt chẽ với quốc phòng, kết hợp tinh thần tự lực tự cường với việc mở rộng hợp tác quốc tế. Muốn thực hiện mục tiêu đó, cần phải vận dụng có hiệu quả những kinh nghiệm của việc

1, 2. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Luận văn*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2016, tr.45, 47.

xây dựng quân đội, tính tổ chức, kỷ luật, thống nhất, chuẩn xác trong hành động của tổ chức quân sự, “biết kết hợp tính chất, đặc điểm của tổ chức quân sự với nội dung và tính chất của công tác kinh tế để có thể phát huy sức mạnh của tổ chức quân sự trên mặt trận mới”¹, bảo đảm vai trò xung kích của quân đội trên mặt trận kinh tế.

Bốn là, lao động sản xuất, xây dựng kinh tế cũng như đánh giặc đều phải có tri thức, cả tri thức quân sự và tri thức khoa học. Quân đội muốn sản xuất có hiệu quả, làm ra nhiều của cải cho xã hội, góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước thì nhất thiết phải biết làm chủ khoa học - kỹ thuật. Đại tướng nhấn mạnh yêu cầu: “Quân đội ta phải phấn đấu trở thành một tập thể chiến đấu giỏi, lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội giỏi, cùng với giai cấp công nhân trở thành một lực lượng xung kích trên mặt trận lao động sản xuất”².

Năm là, phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng trong mọi mặt hoạt động ở những đơn vị chuyên xây dựng kinh tế, nâng cao năng lực quản lý, xây dựng kinh tế của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị; động viên quần chúng học tập và làm chủ khoa học, kỹ thuật trong lao động sản xuất.

1, 2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Luận văn, Sdd*, tr.57, 63.

Sáu là, các lực lượng quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế phải tiến hành theo kế hoạch kinh tế thống nhất của Nhà nước, phải tích cực và chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, cơ quan kinh tế ở Trung ương và địa phương, trên tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa; tích cực làm tốt công tác vận động quần chúng, bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp giữa quân đội và nhân dân.

Các quan điểm nêu trên của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thể hiện sự quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm cách mạng của Đảng, nhiệm vụ xây dựng kinh tế của quân đội trong giai đoạn mới, khi cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời phản ánh sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội nhân dân có chức năng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất trong điều kiện lịch sử mới. Đại tướng khẳng định: “Lao động xây dựng đất nước là một vấn đề thuộc về bản chất của quân đội ta”¹, nó không chỉ nhằm góp phần xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng, mà còn có tác dụng rèn luyện mọi mặt cho cán bộ, chiến sĩ hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Sđd, tr.564.

Đó là những chỉ đạo rất quan trọng và quý báu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, bảo đảm cho Quân đội nhân dân Việt Nam hoàn thành thắng lợi một nhiệm vụ mới, rất lớn, xứng đáng trở thành một lực lượng xung kích của Đảng trên mặt trận xây dựng kinh tế, góp phần cùng toàn dân kiến thiết đất nước ngày càng giàu mạnh.

c) Lãnh đạo các lực lượng vũ trang chiến đấu bảo vệ Tổ quốc

Ngay sau ngày miền Nam vừa được giải phóng (30-4-1975), tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xari cầm quyền ở Campuchia, đưa quân đánh chiếm các đảo Phú Quốc (ngày 3-5-1975), Thổ Chu (ngày 10-5-1975) của Việt Nam. Từ cuối năm 1975, đầu năm 1976, quân Pôn Pốt liên tiếp gây ra hàng trăm vụ xâm phạm biên giới nước ta ở nhiều nơi với nhiều hình thức, như lấn chiếm lãnh thổ, xâm canh, tập kích, pháo kích vào các làng mạc Việt Nam; lén lút gài mìn, cắm chông các đường đi, bắt trâu bò, cướp thóc gạo, tàn sát nhân dân, làm cho dân phải rời đi nơi khác. Sang năm 1977, tập đoàn cầm quyền phản động Pôn Pốt - Iêng Xari được các thế lực phản động nước ngoài tiếp tay và xúi giục, công khai chủ trương chống Việt Nam một cách toàn diện trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, nhằm làm cho đất nước ta mất ổn định và suy yếu. Đặc biệt

nghiêm trọng là đêm 30-4-1977, tập đoàn cầm quyền phản động Pôn Pốt - Iêng Xari tập trung hai sư đoàn tiến công sâu vào lãnh thổ nước ta, tàn sát dã man đồng bào ta ở 14 xã biên giới, 13 đồn biên phòng, suốt từ Vĩnh Gia đến Vĩnh Xương, thuộc tỉnh An Giang.

Ngay khi xảy ra sự việc quân Pôn Pốt - Iêng Xari tấn công sang lãnh thổ nước ta thuộc tỉnh An Giang, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra mệnh lệnh cho các quân khu 5, 7, 9 ở phía Nam: “Phải sẵn sàng chiến đấu đánh trả các cuộc xâm lấn của địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ từng tấc đất của ta”¹. Các đơn vị vũ trang địa phương Việt Nam, trực tiếp là bộ đội Quân khu 9 đứng chân trên địa bàn biên giới đã kịp thời đánh trả quân xâm lược để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

Nhận định về tính chất và hậu quả nghiêm trọng của cuộc tấn công trên, Đại tướng thẳng thắn chỉ rõ khuyết điểm của “lực lượng vũ trang ta thiếu tinh thần cảnh giác, thiếu sẵn sàng chiến đấu..., là do ta chưa đánh giá đúng tình hình địch, chưa thấy hết tính chất và mưu đồ thâm độc của một bộ phận trong cơ quan lãnh đạo K (Campuchia), chưa dự kiến phía K có thể tập trung một lực lượng lớn xâm nhập vào sâu lãnh thổ

1. Kho lưu trữ Bộ Quốc phòng, hồ sơ 966, số 154/VPQU.

nước ta, tàn sát cực kỳ dã man đồng bào ta ở biên giới”¹. Đại tướng nhắc nhở các lực lượng vũ trang ta luôn đề cao cảnh giác, nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu và xây dựng kế hoạch bảo vệ biên giới.

Đáng chú ý, trong chỉ thị gửi cho lực lượng vũ trang ở các tỉnh phía Nam (ngày 23-5-1977), Thường vụ Quân ủy Trung ương Việt Nam do Đại tướng Võ Nguyên Giáp đứng đầu, sau khi xác định nhiệm vụ kiên quyết bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng, không dung thứ bất cứ sự xâm phạm nào của các lực lượng khiêu khích và phản động Campuchia, vẫn nhắc nhở bộ đội ta phải “tôn trọng chủ quyền và lãnh thổ của Campuchia; tuyên truyền vận động nhân dân bạn và tranh thủ sự đồng tình của dư luận; tạo điều kiện ổn định một bước biên giới giữa hai nước, góp phần từng bước đoàn kết giữa Việt Nam và Campuchia”². Tiếp đó, trong bức điện của Quân ủy Trung ương ngày 15-7-1977 do Đại tướng Võ Nguyên Giáp ký, sau khi khen các lực lượng của Quân khu 9, Sư đoàn 330 và một số quân binh chủng quét sạch quân Pôn Pốt xâm lấn ở khu Đầm Chít - Vĩnh Điện (Kiên Giang) vẫn nhắc nhở

1. Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.3 (1975 - 2010)*, Sđd, tr.66.

2. Báo cáo về việc lực lượng vũ trang Campuchia tấn công ta ở biên giới, tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng, phong Quân ủy Trung ương, hồ sơ 1172.

bộ đội phải: “Kiên quyết bảo vệ lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, đồng thời tôn trọng độc lập chủ quyền của nước bạn”¹.

Sự chỉ đạo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Quân ủy Trung ương đã thể hiện tinh thần kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; đồng thời cũng nêu cao tinh thần trách nhiệm và tình cảm của quân đội ta trong việc giữ gìn, vun đắp mối quan hệ truyền thống đoàn kết Việt Nam - Campuchia. Quá trình chiến đấu chống quân Pôn Pốt xâm lược để bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc cũng là quá trình Đại tướng và Quân ủy Trung ương chỉ đạo các cấp ủy, đơn vị thường xuyên và liên tục giáo dục quan điểm, đường lối quốc tế của Đảng, góp phần vào việc khôi phục lại quan hệ đoàn kết truyền thống giữa hai dân tộc Việt Nam - Campuchia.

Tuy nhiên, bọn phản động Pôn Pốt - Iêng Xari được các thế lực bên ngoài ủng hộ, ngày càng tăng cường hành động vũ trang xâm phạm biên giới, khiến cho tình hình biên giới Tây Nam nước ta ngày càng diễn biến phức tạp. Suốt những tháng cuối năm 1977, lực lượng phản động Pôn Pốt - Iêng Xari tiếp tục mở nhiều cuộc tấn công lớn sang nước ta trên toàn tuyến biên

1. Điện số 158/QUTƯ, ngày 15-7-1977, lưu tại Kho lưu trữ Bộ Quốc phòng.

giới Việt Nam - Campuchia, suốt từ các tỉnh Kiên Giang, An Giang lên tới Tây Ninh, gây nhiều tội ác với nhân dân ta. Quân và dân ta lúc này, một mặt vừa kiên định đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng, vừa kiên quyết chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.

Trong bối cảnh đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng tập thể Thường vụ Quân ủy Trung ương xác định nội dung công tác trong 6 tháng cuối năm 1977 tập trung vào các yêu cầu: phải thực sự nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu và khả năng chiến đấu của quân đội. Thường xuyên giáo dục và có biện pháp về lãnh đạo tư tưởng và tổ chức để tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu của bộ đội, đề phòng và khắc phục mọi biểu hiện “hòa bình chủ nghĩa”, lỏng lẻo ý chí chiến đấu, sinh hoạt tản mạn và không sẵn sàng về tổ chức để ứng phó kịp thời với mọi tình huống, đặc biệt chú trọng các đơn vị đang làm nhiệm vụ ở vùng trọng điểm, ở biên giới và hải đảo. Những đơn vị có nhiệm vụ chiến đấu phải thường xuyên tập luyện theo phương án tác chiến, nhằm nâng cao trình độ tác chiến của đơn vị. Trong chiến đấu thực hiện cho được các yêu cầu: kiên quyết và chủ động, tiêu diệt gọn và bắt sống nhiều tù binh, ta thương vong ít, tiêu thụ đạn dược đúng mức, không lãng phí, vừa tác chiến vừa rèn

luyện, nâng cao bản lĩnh chiến đấu của bộ đội và trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ¹.

Trong hai ngày 27 và 28-7-1977, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chủ trì và kết luận Hội nghị mở rộng do Thường vụ Quân ủy Trung ương tổ chức ở Thành phố Hồ Chí Minh bàn về việc thực hiện kế hoạch bảo vệ biên giới Việt Nam - Campuchia. Đại tướng nhấn mạnh một số nội dung chính sau:

1. Một bộ phận trong Ban lãnh đạo Đảng Campuchia đang nắm thực quyền đã đi vào con đường sai lầm. Họ đang phục vụ cho âm mưu cực kỳ thâm độc của đế quốc Mỹ, bòn tay sai và của nước ngoài hòng làm lu mờ ảnh hưởng những thắng lợi mà nhân dân Việt Nam giành được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; phá hoại công cuộc xây dựng kinh tế nhằm kìm hãm nước ta trong nghèo nàn lạc hậu, làm suy yếu phong trào cách mạng trên bán đảo Đông Dương.

2. Đường lối đối ngoại của Ban lãnh đạo Đảng Campuchia lúc này là dựa vào nước ngoài, chống Việt Nam, coi Việt Nam là kẻ thù số một trực tiếp; vì vậy, họ đang ra sức xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là lực lượng chủ lực, tăng cường trang bị binh khí kỹ thuật mà chủ yếu là dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài.

1. Xem Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.3 (1975 - 2010)*, Sdd, tr.70.

Đường lối ấy đã không được đảng viên, cán bộ và đa số nhân dân Bân tán thành, nên dẫn tới những cuộc thanh trừng hàng loạt, vô cùng tàn bạo trong nội bộ đảng, quân đội và nhân dân Campuchia; đưa đến sự rối loạn về kinh tế, làm cho đời sống của nhân dân Campuchia vô cùng điêu đứng, khó khăn.

3. Trong thời gian tới, phía Campuchia vẫn tiếp tục gây căng thẳng ở vùng biên giới và tình hình có thể phát triển theo hai khả năng: *Một là*, Campuchia tiếp tục lệ thuộc vào nước ngoài, ngày càng bám vào đường lối sai lầm, ra sức xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố nền chuyên chính phát xít làm cho tình hình ngày càng căng thẳng hơn. *Hai là*, do ảnh hưởng đường lối, chính sách đúng đắn của ta, lực lượng cách mạng chân chính được tổ chức lại, chống đối quyết liệt và có thể có những chuyển biến có lợi cho cách mạng Campuchia.

4. Đi đôi với chủ trương tác chiến và xây dựng lực lượng, nâng cao hiệu suất chiến đấu, Bộ Quốc phòng quyết tâm đưa bộ đội đi làm kinh tế vì sản xuất là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta lúc này. Vì vậy, phải kết hợp giữa hai nhiệm vụ ấy cho hợp lý.

5. Cần gấp rút kiện toàn Bộ Tư lệnh Quân khu 7, 9, các cơ quan quân khu, cũng như các bộ chỉ huy các tỉnh đội, huyện đội ở biên giới.

6. Đối với những người sang cư trú chính trị, nếu là cán bộ quân sự thì giao cho các quân khu phụ trách, nếu họ là dân sự thì giao cho an ninh. Cần có chính sách cụ thể trong việc đối xử, đưa sâu vào trong nội địa để giáo dục, khai thác (trước đây, số xin cư trú, theo yêu cầu của Pôn Pốt, ta trả lại cho chúng bị chúng giết hết, thậm chí có trường hợp chúng bắn ngay trước mặt chúng ta)¹.

Trên cơ sở đó, ngày 6-9-1977, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thường vụ Quân ủy Trung ương đề nghị với Bộ Chính trị có chủ trương giải quyết tình hình biên giới Việt Nam - Campuchia, đồng thời cũng đề xuất đưa một số đơn vị chủ lực của Bộ Quốc phòng vào chiến đấu.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chỉ đạo Bộ Quốc phòng điều hai quân đoàn 3 và 4 vào trực tiếp chiến đấu. Từ tháng 9-1977, các đơn vị của ta đã mở chiến dịch phản kích lớn gồm 4 sư đoàn; tuy kết quả còn hạn chế, nhưng đã tạo tiền đề cho việc đánh trả địch có kết quả tốt hơn ở những trận tiếp sau².

Ngày 6-10-1977, Thường vụ Quân ủy Trung ương ra Chỉ thị số 238/CT-QUTW về “Nâng cao chất lượng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực

1, 2. Xem Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.3 (1975 - 2010)*, Sđd, tr.72-74, 76.

lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc vùng biên giới, bờ biển và hải đảo thuộc các quân khu ở phía Nam”. Nội dung Chỉ thị nêu rõ:

1. Qua thực tiễn ta thấy rõ hơn các âm mưu, thủ đoạn, quy mô hoạt động phá hoại của phía phản động Campuchia, họ đã sử dụng quy mô trung đoàn, sư đoàn để tiến công ta, thủ đoạn của họ là nhằm vào nơi và lúc ta có sơ hở, bất ngờ tấn công đánh vào điểm yếu, bao vây điểm mạnh, chiếm đất nơi ta bố phòng mỏng, tập trung đánh vào dân, giết người, đốt nhà, cướp của một cách hết sức dã man, tàn bạo.

2. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã kiên quyết đánh trả đẩy lùi bọn xâm lấn, gây cho chúng nhiều tổn thất, về cơ bản đã bảo vệ được đất đai vùng biên giới. Tuy nhiên, ta vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm cần được khắc phục.

3. Nhiệm vụ hàng đầu của các lực lượng vũ trang nhân dân là phải bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, tính mạng và tài sản của nhân dân. Đó là nhiệm vụ thiêng liêng phải làm tròn với một tinh thần trách nhiệm thật cao và một quyết tâm thật lớn.

4. Phương châm của ta là phải kịp thời kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, tích cực phản công và tấn công đánh trả địch đích đáng. Ra sức giành chủ động, nhất định

không được để bất ngờ trong bất cứ tình huống nào, phải tập trung củng cố tuyến biên giới.

5. Cách đánh, để thực hiện đánh tiêu diệt cần vụ hồi về chiến thuật qua bên kia biên giới, nhưng tránh đi sâu khi chưa có chỉ thị, đánh nhanh, rút nhanh về biên giới, thu dọn chiến trường tốt¹.

Cuối tháng 11-1977, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương Việt Nam quyết định mở cuộc tiến công lớn trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia nhằm tiêu diệt và làm tan rã một số lớn đơn vị quân xâm lược, đẩy quân Pôn Pốt ra khỏi biên giới và buộc chúng phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam, tiến tới chấm dứt mọi xung đột bằng con đường hòa bình.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, từ ngày 5-12-1977, Quân ủy Trung ương Việt Nam do Đại tướng Võ Nguyên Giáp đứng đầu chỉ đạo Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng Tham mưu sử dụng 8 sư đoàn đánh đuổi quân Pôn Pốt trên các đường 1, 7, 13. Trước các cuộc phản kích mạnh mẽ của bộ đội chủ lực Việt Nam, quân Pôn Pốt - Iêng Xari lần chiếm buộc phải tháo chạy về nước.

Sau một tháng chiến đấu (từ ngày 5-12-1977 đến ngày 5-1-1978), các lực lượng vũ trang Việt Nam đã giáng một đòn đau vào quân chủ lực Pôn Pốt - Iêng Xari, làm tan rã 5 sư đoàn, trong đó có Sư đoàn 3 và Sư đoàn 290

1. Xem Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, t.3 (1975 - 2010)*, Sdd, tr.78.

bị thiệt hại nặng, đánh đuổi toàn bộ quân xâm lược ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Việc tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xari gây chiến tranh chống Việt Nam lại được một số người trong giới lãnh đạo Trung Quốc thời kỳ đó đồng tình ủng hộ, thậm chí còn có nhiều hành động làm căng thẳng quan hệ giữa hai nước như: cho quân khiêu khích quân sự dọc biên giới phía Bắc nước ta, cắt viện trợ, rút chuyên gia, v.v. nhằm gây khó khăn cho Việt Nam.

Trước tình hình đó, ngày 15-7-1978, Thường vụ Quân ủy Trung ương ra Chỉ thị số 254/QUTW về những công tác cần kíp trong 6 tháng cuối năm 1978. Chỉ thị xác định yêu cầu:

1. Kiên quyết phấn đấu giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam càng sớm càng tốt, đồng thời bảo đảm vững chắc trên cả nước, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra trên các hướng khác, nhất là hướng biên giới phía Bắc, kể cả tình huống phức tạp, khó khăn nhất.

2. Khẩn trương nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang...¹.

Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo triển khai các lực lượng theo kế hoạch

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sđd, tr.547.

chiến lược cơ bản bảo vệ Tổ quốc. Các lực lượng tại chỗ trên biên giới phía Bắc được chuẩn bị tốt về chính trị, tư tưởng, được kiện toàn quân số, trang bị, huấn luyện cách đánh với quân địch đông.

Nêu cao tinh thần chiến đấu vì độc lập, tự do của quân và dân ta, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết bài “Cả nước một lòng bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” đăng trên tạp chí *Cộng sản* và tạp chí *Quân đội nhân dân*, số 10-1978, dưới bút danh Hồng Nam. Trong bài viết, Đại tướng chỉ rõ: chủ nghĩa đế quốc quốc tế và các lực lượng phản động chống chủ nghĩa Mác - Lênin, chống chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc, thể hiện tập trung ở chủ nghĩa sô vanh và chủ nghĩa bá quyền nước lớn đang điên cuồng câu kết với chủ nghĩa đế quốc, thực hiện có hệ thống chính sách thù địch chống lại nước Việt Nam, mở đường cho chiến lược bành trướng vào Đông Nam Á - chúng đã dùng bọn phản động Pôn Pốt - Iêng Xari làm lực lượng xung kích, gây ra chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam nước ta. Bài viết cũng khẳng định: Ngày nay, trong tình hình mới, ta luôn chuẩn bị sẵn sàng, bất kỳ tình huống nào cũng biết vận dụng chiến lược khoa học và sáng tạo nhất, đưa chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đến thắng lợi hoàn toàn.

Thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình trước các cuộc tiến công quy mô lớn của quân Pôn Pốt, từ cuối

tháng 12-1978, Bộ Quốc phòng chỉ đạo các lực lượng vũ trang trên biên giới Tây Nam đẩy mạnh phản công và tiến công quân xâm lược. Tiếp đó, đáp lời kêu gọi của nhân dân và Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, các lực lượng vũ trang Việt Nam phối hợp chiến đấu và giúp đỡ quân và dân Campuchia tiến công và nổi dậy đập tan chính quyền phản động của tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xari. Ngày 7-1-1979, thủ đô Phnôm Pênh hoàn toàn giải phóng, nước Cộng hòa nhân dân Campuchia và Hội đồng nhân dân cách mạng Campuchia tuyên bố thành lập. Thắng lợi lịch sử đó đã khôi phục lại tình đoàn kết chiến đấu, hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia, đồng thời góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Hòa bình lập lại trên biên giới Tây Nam, nhưng tình hình trên biên giới phía Bắc của Tổ quốc lại trở nên nóng bỏng. Chấp hành Chỉ thị tăng cường chiến đấu ở các tỉnh phía Bắc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (ngày 6-1-1979) và Chỉ thị sẵn sàng chiến đấu của Quân ủy Trung ương (ngày 8-1-1979)¹, Bộ Quốc phòng khẩn trương tổ chức, chỉ đạo, chỉ huy các

1. Xem Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Việt Nam thế kỷ XX - Những sự kiện quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.548.

lực lượng vũ trang cùng toàn dân sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trên biên giới phía Bắc.

Khi Trung Quốc phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc từ Quảng Ninh đến Lai Châu (ngày 17-2-1979), quân và dân ta, trực tiếp là quân và dân 6 tỉnh biên giới đã đứng lên chiến đấu. Trước sức chiến đấu mạnh mẽ của các lực lượng vũ trang và nhân dân ta cùng sự phản đối mạnh mẽ của dư luận trong nước và thế giới, Trung Quốc buộc phải tuyên bố rút quân khỏi nước ta, bắt đầu từ ngày 5-3-1979 và đến ngày 16-3-1979 hoàn thành việc rút quân¹. Cuộc xung đột biên giới phía Bắc nước ta chấm dứt.

Khẳng định ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn của quân và dân ta trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết bài “Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới” đăng trên tạp chí *Cộng sản*, số 5-1979. Bài viết của Đại tướng nêu rõ: Thực tiễn của hai cuộc chiến tranh trong bốn năm qua rất phong phú, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, góp phần giúp chúng ta nhận rõ hơn mục tiêu mới của chiến tranh, đặc điểm mới của kẻ thù,

1. Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự: *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.223.

chỉ rõ phương hướng tiến lên về hình thức tổ chức, về phương pháp tác chiến, về nghệ thuật lãnh đạo và chỉ huy nhằm xây dựng vững mạnh hơn nữa nền quốc phòng toàn dân, chuẩn bị tốt hơn nữa để tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa VI (từ ngày 28 đến ngày 30-5-1979), Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, trình bày báo cáo của Hội đồng Chính phủ về thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và nhiệm vụ của toàn dân và toàn quân ta trước tình hình mới. Báo cáo nêu rõ: “Thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc càng chứng tỏ sức mạnh giữ nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam ta trong kỷ nguyên mới, càng khẳng định nhân dân ta có đầy đủ khả năng và điều kiện để trong bất kỳ tình huống nào, đều xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹.

Với vai trò Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cùng Quân ủy Trung ương lãnh đạo các lực lượng vũ trang nhân dân chiến đấu và đánh đuổi quân xâm lược Pôn Pốt

1. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Sdd, tr.567.

ra khỏi biên giới nước ta. Sự đóng góp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã cùng Quân ủy Trung ương kịp thời lãnh đạo các lực lượng vũ trang nhân dân chiến đấu đánh đuổi quân xâm lược Pôn Pốt - Iêng Xari ra khỏi biên giới nước ta. Trong điều kiện ta chưa xây dựng được tuyến phòng thủ biên giới và thế trận chiến tranh nhân dân ở biên giới Tây Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cùng Quân ủy Trung ương kịp thời đề nghị Bộ Chính trị cho điều động Quân đoàn 3 và 4 vào chiến đấu, đã có tác dụng ngăn chặn, đẩy lùi quân xâm lược Pôn Pốt - Iêng Xari ra khỏi biên giới. Đồng thời, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã lãnh đạo, chỉ đạo Bộ Quốc phòng thực hiện có hiệu quả công tác chuẩn bị và triển khai chiến lược phòng thủ trên tuyến biên giới phía Bắc đất nước.

Thứ hai, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cùng Quân ủy Trung ương chỉ đạo triển khai công tác tư tưởng, chính trị có hiệu quả, làm cho cán bộ các cấp và chiến sĩ quán triệt ý nghĩa, mục đích, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong cuộc chiến đấu rất gian khổ này, nhằm giữ vững biên giới của Tổ quốc; đồng thời xác định rõ phương châm, cách đánh trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới.

Thứ ba, trong hoàn cảnh tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xari phản bội lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân

Campuchia và xâm lược Việt Nam cũng như sự đe dọa của Trung Quốc, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cùng Quân ủy Trung ương thảo luận và đề xuất với Bộ Chính trị nhiều vấn đề quan trọng về đối tượng tác chiến, âm mưu, thủ đoạn của địch, giúp Bộ Chính trị có cơ sở đề ra chủ trương đúng đắn và tiến tới giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Thứ tư, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo quân đội ta vừa kiên quyết chiến đấu bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước, vừa nêu cao tinh thần quốc tế trong sáng, góp phần vào việc khôi phục quan hệ truyền thống đoàn kết, hữu nghị với các nước láng giềng anh em.

Mười năm đầu sau chiến tranh, Quân đội nhân dân Việt Nam tiếp tục phát huy truyền thống anh dũng kiên cường, xứng đáng là lực lượng trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong sự lớn mạnh, trưởng thành và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng, chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam có nhiều công lao, đóng góp to lớn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

2. Trên cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1981 - 1991)

Trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước và bảo vệ đất nước trong hòa bình, Đại tướng

Võ Nguyên Giáp với tư cách là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng được phân công chuyên trách công tác khoa học - giáo dục, chỉ đạo nghiên cứu dự báo chiến lược khoa học - kỹ thuật và kinh tế - xã hội. Đảm nhận cương vị này, Đại tướng dành nhiều thời gian đọc sách, lắng nghe, đi đến nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương để theo dõi và nắm tình hình... làm cơ sở để suy nghĩ, phân tích, đề xuất nhiều vấn đề có tính khoa học và thực tiễn mang ý nghĩa chính trị cao.

a) Chỉ đạo công tác khoa học - giáo dục

Được phân công chuyên trách công tác khoa học - giáo dục, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn chú trọng vào những khâu chủ chốt, tạo sự chuyển biến tích cực để giải quyết những vấn đề của ngành giáo dục và nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi.

Vấn đề lớn nhất mà Đại tướng quan tâm là việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Đến thăm Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (tháng 12-1982), Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ rõ, giáo dục - đào tạo có chất lượng toàn diện là đào tạo thế hệ trẻ thành những con người mới, có tinh thần làm chủ và năng lực làm chủ, có lòng yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản, những người lao động xã hội chủ nghĩa có kỷ luật, có kỹ thuật, những chiến sĩ kiên cường bảo vệ Tổ quốc. Đó là những con người vừa có những phẩm chất

chính trị cần thiết, có năng lực chuyên môn vững vàng, vừa có đầy đủ sức khỏe để hoàn thành công việc.

Thấm nhuần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định dứt khoát nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ là trách nhiệm của toàn xã hội dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, nhưng trách nhiệm lớn thuộc về các hệ thống giáo dục quốc dân và khoa học giáo dục. Vì vậy, cần phải tổ chức tốt sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, nhất là phối hợp nghiên cứu và sự kết hợp giữa các ngành giáo dục trong việc giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ.

Nắm vững tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục (năm 1979), Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu nhiều ý kiến chỉ đạo về mục tiêu đào tạo, nội dung và phương pháp dạy - học, những vấn đề trước mắt cũng như lâu dài của sự nghiệp giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ. Trọng tâm là cần kết hợp chặt chẽ nội dung giáo dục với phương pháp sư phạm, giúp cho học sinh có những hiểu biết về các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương... để khi đi vào đời sống không bỡ ngỡ, không sống theo tập quán cũ mà tích cực tham gia vào cuộc sống mới. Do đó, cần phải xác định cho đúng nội dung, phương pháp tối ưu để đào tạo thế hệ trẻ thực sự trở thành những người lao động giỏi trong các lĩnh vực và trên các địa bàn của đất

nước, phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Đi đôi với việc chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các trường phổ thông, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng quan tâm đến việc giáo dục và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật và xác định đây là một nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược. Nói chuyện tại Hội nghị ngành dạy nghề toàn quốc lần thứ 3 (tháng 3-1983), Đại tướng nêu bật thành tích của công tác dạy nghề dưới sự lãnh đạo của Đảng bằng các số liệu rất thuyết phục, như hầu hết các ngành sản xuất, các tỉnh, thành, các địa phương đều có trường dạy nghề; hiện cả nước có trên 300 trường với khoảng 12 vạn chỗ học, đào tạo hơn 260 nghề khác nhau, cùng đội ngũ giáo viên dạy nghề đông đảo, gồm trên 9.000 giáo viên chuyên trách và khoảng 7.000 giáo viên nửa chuyên trách. Đặc biệt là các trường dạy nghề đã gắn được việc học với thực hành, kết hợp giáo dục với lao động sản xuất..., hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo. Tuy nhiên, Đại tướng cũng chỉ ra một số vấn đề ngành dạy nghề cần phải khắc phục, sửa chữa như: thiếu quy hoạch và kế hoạch đào tạo; tình trạng phân tán, tự phát trong đào tạo, thiếu sự phân công, phối hợp giữa các trường thuộc cùng bộ, ngành, địa phương; chương trình đào tạo chưa gắn với mục tiêu kinh tế - xã hội, hay đào tạo chưa đi đôi với sử dụng... Vì vậy, một trong những yêu cầu đầu

tiên mà Đại tướng chỉ ra là ngành dạy nghề cần quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân lành nghề, từ đó xác định đúng vị trí, mục tiêu và nhiệm vụ của công tác dạy nghề. Muốn thực hiện tốt công tác này, đòi hỏi phải nắm vững mục tiêu cụ thể của từng ngành, từng vùng, từng địa phương, nắm được sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật ở trong nước và trên thế giới để xác định nội dung, chương trình đào tạo và bồi dưỡng thích hợp cho từng nghề và trong từng giai đoạn.

Trước yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế, nhất là phục vụ các công trình trọng điểm, then chốt của đất nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh yêu cầu nâng cao hơn nữa chất lượng toàn diện của công tác dạy nghề, nhất là việc rèn luyện tay nghề, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, bảo đảm cho mỗi học sinh trở thành người công nhân giỏi một nghề, đồng thời biết một, hai nghề khác. Đối với việc củng cố và phát triển hệ thống cơ sở dạy nghề, Đại tướng xác định yêu cầu phải sắp xếp lại mạng lưới các trường lớp dạy nghề, trong đó các trường dạy nghề chính quy giữ vai trò quan trọng. Qua thực tiễn làm việc ở các tỉnh Hà Nam Ninh¹, Thanh Hóa, một số quận ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, Đại tướng đã đánh giá cao việc thành lập các trung tâm

1. Nay là các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

dạy nghề, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ tay nghề cho nền kinh tế quốc doanh, kinh tế địa phương, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình...

Các ý kiến chỉ đạo của Đại tướng là những định hướng cơ bản cho Tổng cục Dạy nghề xây dựng các quy chế, chính sách đúng đắn trình Hội đồng Bộ trưởng, góp phần đưa công tác dạy nghề phát triển, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, đất nước.

Trong quá trình phụ trách công tác giáo dục và khoa học và giáo dục, Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất quan tâm đến công tác giáo dục ở miền núi. Thấu hiểu những khó khăn nhiều mặt của đồng bào các dân tộc ở các tỉnh miền núi, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa hẻo lánh, Đại tướng đã nhiều lần đi thăm, tìm hiểu tình hình dạy - học ở một số cơ sở giáo dục và thường xuyên có sự chỉ đạo đối với công tác giáo dục ở các địa phương miền núi.

Nói chuyện tại Hội nghị giáo dục miền núi lần thứ 5 (tháng 4-1983), Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước hết biểu dương thành tích của sự nghiệp giáo dục ở các tỉnh miền núi, coi đó là thành công của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, Đại tướng yêu cầu các địa phương cũng như các đơn vị, cơ quan thuộc Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Tổng cục Dạy nghề cần phát huy thành tích đã đạt được, tiếp tục nâng cao một bước chất lượng giáo dục miền núi

theo các nghị quyết của Đảng. Trên tinh thần ấy, Đại tướng chỉ ra một vấn đề mấu chốt là phải gắn liền giáo dục ở nhà trường với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm đào tạo những con người có thể đáp ứng tốt nhất yêu cầu xây dựng và bảo vệ miền núi. Vì vậy, cũng như các trường miền xuôi, các trường miền núi cần giúp học sinh hiểu rõ mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương mình để có phương hướng phấn đấu phù hợp, tạo ra động lực phấn đấu nâng cao chất lượng học tập. Để nâng cao chất lượng giáo dục miền núi, Đại tướng Võ Nguyên Giáp yêu cầu những người làm công tác giáo dục phải nắm rõ vị trí, tầm quan trọng, đặc điểm về địa lý, kinh tế, con người, truyền thống lịch sử, nhất là nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng, phát triển mọi mặt văn hóa, kinh tế, xã hội, quốc phòng ở miền núi.

Đại tướng cũng nêu những băn khoăn của mình trước thực tế học sinh miền núi còn thiếu nhiều kiến thức thực tiễn. Lấy ví dụ trong chuyến thăm Trường Đại học Việt Bắc, khi được hỏi tỉnh Bắc Thái¹ có bao nhiêu dân, bao nhiêu huyện; hoặc từ Thái Nguyên lên Cao Bằng qua những huyện nào, Bắc Thái có những mỏ gì..., thì học sinh thường lúng túng. Đại tướng đã chỉ ra nguyên nhân là do có sự thoát ly, tách rời nội dung dạy

1. Nay là các tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

học với thực tiễn. Đó là một hạn chế rất phổ biến ở các trường phổ thông, kể cả ở các trường đại học và chuyên nghiệp cần được chấn chỉnh, khắc phục. Thông qua những câu chuyện đó, Đại tướng nhắc nhở đội ngũ cán bộ, giáo viên thực hiện công tác giáo dục ở miền núi không chỉ cần nắm vững các vấn đề về chiến lược kinh tế - xã hội, quan hệ miền núi - miền xuôi mà còn cần tìm hiểu đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương, đặc điểm tâm lý đồng bào dân tộc, vì đó là những yếu tố góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục miền núi.

Trên cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách công tác giáo dục, Đại tướng cũng chỉ ra sự cần thiết phối hợp giữa Bộ Giáo dục với các địa phương trong việc điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy học theo hướng tinh gọn, thiết thực, phù hợp với đặc điểm từng vùng. Ví dụ, Bắc Thái cần có thêm bài giảng về rừng, vì nguy cơ phá rừng ở đây rất nghiêm trọng; Cao Bằng, nhất là vùng Lục Khu (các xã đặc biệt khó khăn của huyện Hà Quảng) thì nhất thiết phải có bài giảng về cách trồng và chế biến ngô; hay vùng A Lưới (Bình Trị Thiên¹) nên có thêm bài giảng về nuôi cá ao, cá hồ... Những nội dung Đại tướng nêu lên là cơ sở cho các bộ, ngành và địa phương nghiên cứu, triển khai các biện

1. Nay là các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

pháp thực hiện, nhằm thúc đẩy sự nghiệp giáo dục miền núi phát triển cả về số lượng và chất lượng trong những năm tiếp theo.

Với mục đích nâng cao chất lượng toàn diện hệ thống giáo dục - đào tạo, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có nhiều ý kiến chỉ đạo đối với ngành đại học và trung học chuyên nghiệp. Đến dự và phát biểu tại Lễ kỷ niệm 40 năm xây dựng và phát triển của ngành (tháng 11-1985), Đại tướng đánh giá cao những thành tựu của giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp và nhấn mạnh đây là “niềm tự hào của chế độ”, trong đó có sự đóng góp rất lớn của đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành đại học và trung học chuyên nghiệp.

Qua nội dung báo cáo của đồng chí Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp về nhiệm vụ của ngành trong thời gian tới, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu nhiều ý kiến chỉ đạo sâu sắc mà tinh thần cốt lõi là ngành phải tiếp tục vươn lên, phấn đấu nâng cao chất lượng, số lượng, về nội dung giảng dạy, về học tập và nghiên cứu, về quản lý, về quan hệ quốc tế... để nhà trường đại học và trung học chuyên nghiệp thực sự trở thành một trung tâm vừa đào tạo, vừa nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, góp phần tích cực vào việc giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách do thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang đặt ra.

Nắm vững tinh thần các nghị quyết của Đảng, các nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng, thực tiễn của ngành và tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu lên một số yêu cầu về nhiệm vụ và phương hướng chiến lược của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp như:

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo vừa là nhiệm vụ trung tâm thường xuyên, vừa là nhiệm vụ cấp bách của công tác giáo dục - đào tạo cán bộ của Nhà nước. Do đó, các trường đại học và trung học chuyên nghiệp cần tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm đào tạo học sinh trở thành những con người xã hội chủ nghĩa toàn diện, có kiến thức, có trình độ hiểu biết thực tiễn, năng động, sáng tạo, đóng góp tích cực vào sự tiến bộ của xã hội, đất nước. Đồng thời, các trường đại học phải đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, vì nghiên cứu khoa học chính là để phục vụ giảng dạy tốt hơn, phục vụ cho sản xuất, đời sống xã hội.

- Các trường đại học là trung tâm đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học - kỹ thuật. Vấn đề này đã được Đảng ta khẳng định từ năm 1966: nhà trường đại học là một cơ sở đào tạo, đồng thời là cơ sở nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và trực tiếp tham gia sản xuất với mức độ hợp lý. Tuy nhiên, sau nhiều năm triển khai, công tác

ngiên cứu khoa học đạt kết quả còn thấp so với tiềm lực to lớn của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật của nước ta. Vì vậy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, càng gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất, với đời sống xã hội thì càng nâng cao trình độ giảng dạy và học tập của thầy và trò. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa công tác giáo dục - đào tạo cán bộ với công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật. Đại tướng xác định phải đẩy mạnh triển khai và thực hiện tốt các mặt công tác: giảng dạy, học tập, nghiên cứu và thực nghiệm khoa học kỹ thuật - công nghệ, tổ chức liên kết giữa khoa học với người lao động, mở rộng các tổ hợp giảng dạy - nghiên cứu khoa học - lao động sản xuất..., coi đây là phương cách, con đường biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp, làm cho nghiên cứu khoa học gắn với mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Mở rộng quy mô giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp bằng nhiều hình thức thích hợp, đi trước sự phát triển kinh tế - xã hội. Trước một số ý kiến băn khoăn có nên tiếp tục phát triển giáo dục đại học nữa không, vì khó khăn trong việc bố trí, sử dụng nguồn nhân lực này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định và đi tới kết luận: nhất thiết phải phát triển giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp để

đáp ứng yêu cầu học tập của nhân dân, đồng thời tăng thêm tiềm lực nguồn lao động kỹ thuật, bảo đảm cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngoài các sáng kiến tổ chức học theo hình thức học phân, chúng chỉ do Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đề xuất, Đại tướng lưu ý cần phát triển mạnh mẽ hình thức vừa làm, vừa học, học tại chức, bảo đảm cho nhân dân có điều kiện học tập đến trình độ đại học càng nhiều càng tốt.

- Cần có sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác tổ chức quản lý giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp. Yêu cầu đặt ra là cần xây dựng một cơ chế quản lý mới, năng động, có chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật, đời sống và quốc phòng của đất nước. Đại tướng nêu lên hai vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo là: quản lý tốt chương trình theo hướng tinh giản, chọn lọc và tổ chức quản lý tốt đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh của nhà trường.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế. Xuất phát từ tình hình thực tiễn, các trường đại học một mặt cần tích cực tham gia vào các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật của các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế ở một số nội dung, như điện tử hóa, tự động hóa, năng lượng nguyên tử, vật liệu và công nghệ

mới, công nghệ sinh học. Mặt khác, cần phải mở rộng của (có nguyên tắc) để tiếp nhận thông tin, tiếp nhận những tri thức khoa học của các nước xã hội chủ nghĩa, của thế giới, tránh tự đóng cửa, tự bao vây mình. Đồng thời, coi trọng việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng toàn diện của đội ngũ cán bộ giảng dạy, đáp ứng có hiệu quả sự nghiệp giáo dục, đào tạo cán bộ và sự nghiệp xây dựng nền khoa học tiên tiến của đất nước.

Trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn về kinh tế, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn động viên ngành giáo dục cùng các địa phương có biện pháp tích cực chăm lo, giúp đỡ các thầy giáo, cô giáo cải thiện đời sống. Phát biểu tại Lễ biểu dương Anh hùng của ngành giáo dục (tháng 11-1985), Đại tướng nhấn mạnh: “Trong công tác giáo dục, đội ngũ giáo viên và cán bộ giáo dục là nhân tố quyết định đối với chất lượng giáo dục”¹. Vì thế, cùng với việc bồi dưỡng trình độ văn hóa, khoa học, năng lực giảng dạy, phương pháp sư phạm cho giáo viên, cần chú ý thích đáng tới việc bồi dưỡng nâng cao phẩm chất chính trị, lòng say mê yêu nghề, khả năng vận dụng tri thức và kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Mặt khác, vấn đề chăm lo đời sống giáo viên thực sự có ý nghĩa rất lớn đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục. Do đó, ngành

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Luận văn, Sđd*, tr.598.

giáo dục cùng các địa phương, cũng như các nhà trường, cần đặc biệt chú ý nghiên cứu những hình thức thích hợp để tổ chức sản xuất, cải thiện đời sống cho giáo viên.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, bởi đó là những người sẽ gánh vác sứ mệnh lịch sử, sẽ đảm đương nhiệm vụ trọng yếu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai. Vấn đề này được Đại tướng thường xuyên đề cập trong các bài nói, bài viết về chủ đề giáo dục ở nước ta. Trong bài phát biểu nhân ngày Nhà giáo Việt Nam (tháng 11-1985), Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh quan điểm: Giáo dục thế hệ trẻ là sự nghiệp của toàn Đảng và toàn dân. Do đó, các cấp, các ngành cần nâng cao trách nhiệm của mình, đóng góp tích cực vào sự nghiệp giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ thành những con người có tinh thần và năng lực làm chủ, có lòng yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản, có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, những người lao động có kỷ luật, có kỹ thuật và là những chiến sĩ kiên cường bảo vệ Tổ quốc.

Những thành tựu to lớn của ngành giáo dục trong thời kỳ đất nước mới thống nhất là kết quả của đường lối đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo tích cực, sáng tạo của Chính phủ và những nỗ lực chung của toàn Đảng, toàn dân, trực tiếp là đội ngũ các thầy giáo, cô giáo,

trong đó có nhiều đóng góp quan trọng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp¹.

b) Chỉ đạo công tác khoa học - kỹ thuật

Trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách nhiều vấn đề kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có nhiều đóng góp to lớn cho việc phát triển khoa học - công nghệ trong giai đoạn đất nước thống nhất, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Là người trực tiếp chỉ đạo công tác khoa học - kỹ thuật của đất nước giai đoạn 1960 - 1963, làm Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học nhà nước, cũng là người chỉ đạo việc điều tra, khảo sát Vịnh Bắc Bộ, xây dựng bản đồ dân tộc, bản đồ địa chất của các tỉnh miền Bắc và chỉ đạo nhiều hoạt động khoa học - công nghệ mang tính nghiên cứu cơ bản khác nên Đại tướng Võ Nguyên Giáp

1. Để tri ân những đóng góp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với ngành giáo dục, ngày 20-11-1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Trần Hồng Quân đã trao Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục cho Đại tướng tại Lễ kỷ niệm 50 năm nền giáo dục cách mạng Việt Nam (1945 - 1995). Nhân kỷ niệm sinh nhật lần thứ 90 của Đại tướng, ngày 23-8-2001, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam đã trao tặng Huy chương Vì sự nghiệp Khuyến học cho Đại tướng và mời Đại tướng làm Chủ tịch danh dự Hội Khuyến học Việt Nam.

được Trung ương phân công báo cáo về phát triển khoa học - kỹ thuật của Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Trong quá trình xây dựng bản tham luận quan trọng này, Đại tướng đã dành nhiều thời gian đọc các sách về lý luận, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn quá trình chỉ đạo công tác khoa học - kỹ thuật ở nước ta; đồng thời tranh thủ sự đóng góp ý kiến của nhiều tập thể nghiên cứu, các chuyên gia khoa học ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Chỉ trong một thời gian ngắn, Đại tướng đã đến làm việc, trao đổi với nhiều cơ quan đầu ngành về các vấn đề khoa học - kỹ thuật của nước Việt Nam thống nhất, đang đi lên chủ nghĩa xã hội; nổi bật là các cuộc gặp gỡ và nói chuyện với cán bộ Viện Khoa học Việt Nam (tháng 9-1976), với cán bộ, chiến sĩ Viện Kỹ thuật quân sự (tháng 9-1976), với các cán bộ giảng dạy và nghiên cứu của các trường đại học tại Hội nghị cán bộ khoa học - kỹ thuật (tháng 10-1976)... Qua các hội nghị nói trên, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tiếp nhận được sự đóng góp trí tuệ của nhiều tập thể và cán bộ khoa học về cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ở nước ta trong giai đoạn cách mạng mới.

Căn cứ vào đường lối chung của Đảng về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam và tổng

hợp trí tuệ khoa học trong nước và thế giới, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đóng góp một báo cáo rất quan trọng về các vấn đề phát triển khoa học - kỹ thuật Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976).

Trước hết, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá công tác khoa học - kỹ thuật ở nước ta tuy là lĩnh vực còn mới mẻ, nhưng đã có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, nhất là đã góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trên cơ sở hoàn toàn nhất trí với chủ trương tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Báo cáo chính trị của Đại hội đề ra, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh và khẳng định sự cần thiết phải đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật ở nước ta, vì cách mạng khoa học - kỹ thuật càng phát triển thì sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước càng nhanh chóng thành công. Xuất phát từ tình trạng nền kinh tế đất nước còn lạc hậu, Đại tướng xác định phương hướng thực hiện cách mạng khoa học - kỹ thuật một cách đúng đắn, phù hợp, với việc kết hợp những bước đi

tuần tự và những bước phát triển nhảy vọt, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm phục vụ kịp thời, có hiệu quả công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tập trung vào những vấn đề chủ yếu, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu lên những nhiệm vụ và nội dung của cách mạng khoa học - kỹ thuật ở nước ta, cả trước mắt cũng như lâu dài. Về những nhiệm vụ trước mắt, cách mạng khoa học - kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu của đời sống nhân dân, như ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe, học hành và những nhu cầu về văn hóa...; phải phục vụ sản xuất, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; phải bảo đảm các yêu cầu của quốc phòng, góp phần xây dựng một nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Về lâu dài, Đại tướng xác định: cách mạng khoa học - kỹ thuật phải phát huy vai trò then chốt, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và xây dựng thành công một nền khoa học - kỹ thuật tiên tiến, phù hợp với nhu cầu và khả năng của nước ta, với xu hướng chung của thế giới. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng xác định nội dung của cách mạng khoa học - kỹ thuật có phạm vi rất rộng, không những trong toàn bộ lực lượng sản xuất, bao gồm cả tư liệu sản xuất và người lao động, mà còn kết hợp cả với cách mạng về

quan hệ sản xuất, cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm tạo nên sự chuyển biến to lớn trong công cuộc tổ chức lại nền sản xuất xã hội, cải tiến và xây dựng một hệ thống quản lý có hiệu lực và khoa học nhất đối với nền kinh tế đất nước. Trong việc thực hiện cách mạng khoa học - kỹ thuật ở từng lĩnh vực cụ thể, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu lên một yêu cầu có tính nguyên tắc là phải xác định rõ nội dung và phương hướng phát triển phù hợp với tình hình đất nước. Ví dụ, trong lĩnh vực tư liệu sản xuất, muốn làm biến đổi về cơ bản công cụ sản xuất thì cần phải nắm vững khâu trung tâm là thực hiện cơ khí hóa; hoặc trong lĩnh vực năng lượng và nhiên liệu thì phải đặc biệt coi trọng thủy điện, v.v..

Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh yêu cầu trong quá trình thực hiện cách mạng khoa học - kỹ thuật phải kết hợp chặt chẽ với cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm khắc phục cách làm ăn tản mạn, thiếu đầu óc tổ chức, tư tưởng bảo thủ, tri thức khoa học và kỹ thuật thấp; đồng thời tích cực bồi dưỡng cho người lao động những phẩm chất và kỹ năng mới, kỷ luật lao động và trình độ tổ chức, quản lý, kiến thức văn hóa và khoa học kỹ thuật, tác phong công nghiệp, trình độ làm chủ các tư liệu sản xuất và các phương pháp kỹ thuật hiện đại, góp phần xây dựng nên con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó là

những con người biết làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân, mà Đại tướng xác định đây chính là nhân tố cách mạng trong hoạt động sản xuất của xã hội, là thế mạnh chủ yếu của cách mạng khoa học - kỹ thuật ở nước ta.

Từ những nhiệm vụ và nội dung của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đã xác định, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu lên phương hướng phát triển của các ngành khoa học và kỹ thuật ở nước ta. Xuất phát từ nhu cầu bức thiết của sản xuất và đời sống, Đại tướng nhấn mạnh quan điểm coi trọng nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai, song không xem nhẹ nghiên cứu cơ bản. Đối với các ngành khoa học - kỹ thuật về cơ khí, điện tử, luyện kim, về nông nghiệp, rừng, biển, y học và dược học, các ngành khoa học cơ bản... Đại tướng chỉ ra những nội dung hoạt động chủ yếu, cấp thiết, vừa bảo đảm các nhu cầu của xã hội, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của từng ngành khoa học.

Một vấn đề được Đại tướng Võ Nguyên Giáp quan tâm và coi là nhiệm vụ cấp bách của nhiều ngành khoa học - kỹ thuật là công tác điều tra cơ bản, như điều tra vùng đồng bằng trong cả nước, điều tra quy hoạch vùng rừng núi, điều tra về biển và thềm lục địa. Đặc biệt, Đại tướng từ rất sớm đã khẳng định vấn đề bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ rất quan trọng, một nội dung

không thể thiếu trong kế hoạch xây dựng đất nước. Do đó, ngành khoa học - kỹ thuật phải có trách nhiệm, kế hoạch bảo vệ từ không khí, nguồn nước, đất đai, sản xuất, các quần thể động vật và thực vật đến các nguồn tài nguyên trong lòng đất, trên núi rừng, ngoài biển cả... Những nội dung đó, không chỉ phản ánh đúng đắn yêu cầu phát triển của khoa học - kỹ thuật ở nước ta, mà còn thể hiện tư duy sâu sắc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp về những vấn đề còn khá mới mẻ đối với nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật, kể cả cấp lãnh đạo ở nước ta lúc bấy giờ.

Đề cao vai trò lãnh đạo tổ chức thực hiện, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định dứt khoát, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng khoa học - kỹ thuật ở nước ta. Do đó, cách mạng khoa học - kỹ thuật phải thực sự trở thành một nội dung lãnh đạo của các cấp ủy đảng, một nội dung quản lý của chính quyền các cấp. Nó phải được thể hiện bằng những kế hoạch khoa học - kỹ thuật dài hạn, ngắn hạn của Trung ương và địa phương. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng nêu ra yêu cầu xây dựng một hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, tổ chức tốt công tác thông tin khoa học - kỹ thuật, nhất là chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật đông đảo về số lượng, có chất lượng cao và triển khai một số giải pháp

quan trọng khác như xây dựng chính sách, cơ chế, mở rộng hợp tác quốc tế...

Những nội dung mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu ra đã phản ánh một cách khách quan, khoa học về phương hướng phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật trong thời kỳ đầu cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, góp phần làm cơ sở để Đảng và Nhà nước đề ra chủ trương, chính sách phát triển khoa học - kỹ thuật ngày càng có hiệu quả hơn.

Đi đôi với việc nghiên cứu về lý luận, Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất quan tâm chỉ đạo triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào thực tiễn đối với các ngành kinh tế và địa phương. Vào tháng 8-1977, sau mấy tháng đi công tác ở ngoài nước trở về, nghe tin lần đầu tiên ở nước ta mở hội nghị khoa học về biển, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã vào Nha Trang dự và phát biểu tại hội nghị với chủ đề “Khoa học về biển và kinh tế biển”. Từ thực tế nước ta có một đường bờ biển dài trên 3.000km từ Bắc xuống Nam, với vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa rộng lớn, Đại tướng nêu bật ý nghĩa quan trọng của biển đối với sự phát triển của đất nước ta về kinh tế cũng như về quốc phòng. Do đó, Đại tướng nhấn mạnh: muốn xây dựng, phát triển nền kinh tế đất nước thì nhất định phải quan tâm, coi trọng biển; làm khoa

học - kỹ thuật thì nhất thiết phải coi trọng khoa học - kỹ thuật về biển. Thừa nhận thực tế lạc hậu của nước ta trong lĩnh vực hiểu biết và khai thác biển, Đại tướng chỉ ra sự cần thiết phải phát triển khoa học về biển, gắn nghiên cứu khoa học về biển với phát triển kinh tế miền biển, để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phục vụ sản xuất, đời sống và phục vụ quốc phòng ngày càng tốt hơn. Trên tinh thần ấy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề xuất một số ý kiến về việc triển khai cách mạng khoa học - kỹ thuật đối với kinh tế miền biển, trong đó chú ý đến xu thế phát triển của nghề khai thác, nuôi trồng thủy hải sản trên biển, khai thác dầu khí, khí đốt ở biển... Đồng thời, Đại tướng cũng nêu lên sự cần thiết phối hợp các lực lượng khoa học - kỹ thuật về biển, vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học về biển và nhiều biện pháp quan trọng khác. Các ý kiến của Đại tướng phản ánh những nhận thức mới, tư duy mới, có ý nghĩa tạo tiền đề phát triển khoa học biển và kinh tế biển trong các giai đoạn tiếp theo.

Tại các hội nghị về biển lần thứ hai (năm 1981) và lần thứ ba (năm 1985), Đại tướng đã đề ra hướng đi sâu, xác định các phương hướng trọng điểm của chiến lược phát triển kinh tế miền biển, hải đảo. Để khai thác biển và tài nguyên biển hiệu quả, Đại tướng nhấn mạnh một số tư tưởng chỉ đạo:

- Phải quán triệt tư tưởng tất cả vì con người, tất cả do con người.

- Phải hết sức coi trọng năng suất, chất lượng và hiệu quả. Khai thác tài nguyên sinh vật biển phải đi đôi với bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

- Khai thác, sử dụng biển và tài nguyên biển phải gắn liền với bảo vệ môi trường biển, bảo vệ sự cân bằng sinh thái của biển.

- Phải đặc biệt chú trọng kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khai thác, sử dụng biển và tài nguyên biển.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng trên lĩnh vực nông nghiệp, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) đã đề ra nhiệm vụ hàng đầu là tập trung lực lượng cả nước, phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Trước tình hình ấy, Hội nghị khoa học - kỹ thuật toàn quốc lần thứ hai được triệu tập (năm 1978), nhằm động viên lực lượng khoa học, kỹ thuật cả nước phục vụ nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp do Trung ương đề ra.

Nhân dịp này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ đã đến dự và phát biểu tại Hội nghị. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho

biết trong suốt thời gian chuẩn bị Hội nghị cũng như trong lúc chuẩn bị bài phát biểu, Đại tướng đã nhận được sự đóng góp tích cực của nhiều tập thể, cá nhân nhà khoa học, của các cán bộ làm công tác khoa học, trong đó có một số đồng chí nữ, thể hiện sự quan tâm, nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm đối với hoạt động khoa học - kỹ thuật trên mặt trận nông nghiệp.

Đề cập yêu cầu phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, Đại tướng Võ Nguyên Giáp xác định, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với vấn đề phát triển nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đó là cả một quá trình tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt. Để tiến hành cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp thắng lợi thì cần phải thấm nhuần sâu sắc đường lối và nghị quyết của Đảng, nhất là phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp mà Đảng đã đề ra; phải nắm vững những đặc điểm, điều kiện cụ thể của nền kinh tế - xã hội nước ta, vì đó là những yếu tố rất cơ bản, quyết định vị trí, nhiệm vụ và nội dung của cách mạng khoa học - kỹ thuật trên mặt trận nông

ng nghiệp. Chỉ có như vậy, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp mới đi đúng hướng và phát triển mạnh mẽ, thực sự góp phần đưa nông nghiệp nước ta tiến lên những bước mới.

Một nội dung chủ yếu của cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp được Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định là cần phải xây dựng được nền khoa học, kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến ở nước ta. Đại tướng phân tích một cách thấu đáo tác động của cách mạng khoa học - kỹ thuật đối với lực lượng sản xuất, vấn đề tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong nông nghiệp; đồng thời nêu một số điển hình thực tiễn trong việc cải tiến quản lý, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, như các hợp tác xã Định Công, Vũ Thắng, Hải Quang... Do đó, theo Đại tướng, mọi phương hướng nghiên cứu và áp dụng khoa học - kỹ thuật đều phải nhằm mục đích phục vụ tốt nhất cho công cuộc xây dựng nền sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tiên tiến trong từng vùng lãnh thổ cũng như trên phạm vi cả nước. Các nội dung chỉ đạo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp góp phần làm sâu sắc thêm những quan điểm cơ bản, phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, mục tiêu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp ở nước ta, đồng thời là những chỉ dẫn quý báu cho cán bộ lãnh đạo các ngành, các

cấp, cán bộ khoa học - kỹ thuật từ Trung ương đến địa phương, cơ sở trong hoạt động thực tiễn.

Trên cương vị phụ trách nhiều vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong khi đề cao yêu cầu các ngành phục vụ sản xuất nông nghiệp, đồng thời cũng nhấn mạnh mỗi ngành phải đẩy mạnh việc áp dụng khoa học - kỹ thuật, tạo ra bước phát triển mới. Tại Hội nghị quản lý kỹ thuật của Bộ Cơ khí và Luyện kim (tháng 9-1979), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đặt vấn đề: Ngành cơ khí phục vụ nông nghiệp như thế nào? Nếu chỉ có sản xuất máy kéo Bông Sen thì chẳng những bản thân thiết kế cái máy ấy lạc hậu, mà cũng chỉ mới phục vụ ở khâu làm đất, còn các khâu cấy gặt, chế biến chưa được tính đến. Bên cạnh đó còn rất nhiều vấn đề đặt ra cần phân đấu giải quyết, như ngành ngư nghiệp thì chế biến, bảo quản hải sản ra sao, v.v.. Đại tướng cũng chỉ ra sự cần thiết phải đẩy mạnh hơn nữa khoa học - kỹ thuật trong ngành cơ khí. Hai nội dung chính mà ngành cần tập trung giải quyết là nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Điều mấu chốt mà Đại tướng luôn chú trọng là nghiên cứu khoa học - kỹ thuật phải tập trung vào phục vụ các mục tiêu kinh tế, mục tiêu sản xuất; phải kết hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học - kỹ thuật với yêu cầu của sản xuất và lấy việc áp dụng

vào thực tiễn sản xuất làm thước đo hiệu quả của hoạt động khoa học - kỹ thuật.

Những điều chỉ dẫn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất có ý nghĩa về phương hướng hoạt động không chỉ đối với ngành cơ khí mà với tất cả các ngành khoa học - kỹ thuật khác.

Trong hoàn cảnh nước ta từ một nền kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến tiến thẳng lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, còn có nhiều khó khăn, hạn chế về tiềm lực kinh tế, cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, nên Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn quan tâm đến việc xây dựng một đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật làm nòng cốt thúc đẩy cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ở nước ta phát triển mạnh mẽ và đi đến thắng lợi. Vấn đề này được Đại tướng khẳng định nhiều lần, từ tham luận tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976), đến các bài phát biểu ở Hội nghị khoa học - kỹ thuật toàn quốc (năm 1978), Hội nghị tổng kết phong trào sáng kiến toàn quốc (năm 1981), Hội nghị tổng kết hoạt động khoa học và kỹ thuật địa phương (năm 1982); hội nghị của các ngành: cơ khí (tháng 9-1979), lâm nghiệp (tháng 2-1982), khoa học về biển (tháng 6-1985), nghiên cứu cơ bản (tháng 10-1985), kỹ thuật về điện tử và tin học (tháng 12-1985)...

Quan điểm xuyên suốt của Đại tướng là tiến hành cách mạng khoa học - kỹ thuật dù ở ngành nào, lĩnh vực nào, ngoài mục tiêu, phương hướng thì đều cần đội ngũ các nhà khoa học giỏi, nhà kỹ thuật giỏi. Đó là một việc khó, phải nhiều năm mới giải quyết được. Bởi vậy, trong quá trình tiến hành cách mạng khoa học - kỹ thuật, cần tập trung xây dựng một đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có đủ năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước. Đội ngũ đó phải là những người lao động trên mặt trận khoa học - kỹ thuật có tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, dốc lòng dốc sức làm khoa học - kỹ thuật, làm người chiến sĩ trên mặt trận khoa học kỹ thuật với tinh thần trách nhiệm cao, góp phần đưa đất nước tiến lên giàu mạnh.

Để thực hiện được yêu cầu này, theo Đại tướng, một mặt cần chăm lo củng cố, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật hiện có, mặt khác, chú trọng việc mở rộng đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật về cả số lượng và chất lượng, nhằm từng bước làm cho đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật đáp ứng được nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng đất nước thực hiện mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài.

Đặc biệt, Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất coi trọng vai trò xung kích của lực lượng thanh niên trên mặt

trận khoa học - kỹ thuật. Đại tướng yêu cầu: “Thế hệ thanh niên ngày nay phải ra sức phấn đấu học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa và khoa học kỹ thuật, hăng hái hành động và sáng tạo, rèn luyện mình trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa, trở thành người chiến sĩ trên mặt trận khoa học và kỹ thuật, vừa có nhiệt tình cách mạng, vừa làm chủ được khoa học kỹ thuật ngày càng hiện đại”¹. Những ý kiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp có ý nghĩa thiết thực trong việc chỉ đạo công tác xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật ở thời kỳ đầu cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng dành nhiều tâm huyết vào việc xây dựng chính sách khoa học - kỹ thuật của nước ta. Từ đầu năm 1979, Đại tướng được Bộ Chính trị, Thường vụ Hội đồng Chính phủ giao nhiệm vụ chỉ đạo việc xây dựng chính sách khoa học - kỹ thuật thống nhất của nước ta. Trong quá trình nghiên cứu và chuẩn bị dự thảo chính sách này, Đại tướng cùng tập thể ban xây dựng chính sách đã tiếp thu hàng nghìn ý kiến đóng góp của cán bộ chủ chốt các bộ, ngành, địa phương, của đông đảo cán bộ lãnh đạo và quản lý, cán bộ khoa học và kỹ thuật tiêu biểu thuộc các lĩnh vực, đồng thời tổ chức nghiên cứu chính sách khoa học - kỹ thuật của nhiều nước xã hội

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Luận văn, Sđd*, tr.182.

chủ nghĩa, một số nước tư bản và nước đang phát triển, tham khảo nhiều tài liệu của nước ngoài về vấn đề này, kể cả việc tham khảo ý kiến của chuyên gia Liên Xô. Sau ba lần đưa ra thảo luận tại nhiều hội nghị và bổ sung, bản dự thảo “Chính sách khoa học và kỹ thuật thống nhất của nước ta” đã hoàn thành và được trình lên Bộ Chính trị và Thường vụ Hội đồng Chính phủ. Sau khi bản dự thảo này được phê duyệt, trở thành nghị quyết của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật của nước ta, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận xét, đây là “một văn kiện cực kỳ quan trọng”, “là sản phẩm của trí tuệ tập thể, một công trình tập trung tư duy của đông đảo các nhà khoa học ưu tú của nước ta, với sự giúp đỡ của các nhà khoa học Liên Xô, có tham khảo ý kiến của một số nhà khoa học của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác”¹.

Trong hai ngày 15 và 16-5-1981, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tham dự và có bài phát biểu tại Hội nghị phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật của nước ta. Đại tướng đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của Nghị quyết này và khẳng định: đây là sự cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, chấm dứt thời kỳ phát triển khoa học và kỹ thuật một cách tự

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Luận văn, Sđd*, tr.286.

phát, tản mạn, thiếu hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật cùng với đông đảo nhân dân lao động tiến lên làm chủ trên mặt trận khoa học và kỹ thuật.

Những bước phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật và công nghệ trong chặng đầu tiến lên chủ nghĩa xã hội là kết quả của đường lối đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo tích cực, năng động, sáng tạo của Chính phủ và những nỗ lực chung của toàn Đảng, toàn dân, trực tiếp là đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật, trong đó có nhiều công lao đóng góp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

c) Trên các lĩnh vực công tác trong sự nghiệp đổi mới, đặc biệt là tham gia đẩy mạnh việc nghiên cứu đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống (1986 - 1991)

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng - Đại hội mở ra thời kỳ đổi mới - họp từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục được bầu là Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI¹.

1. Là đại biểu Quốc hội khóa VII (1981 - 1987) nên từ sau Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp vừa là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986 - 6-1991) vừa là đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (từ tháng 4-1981) đến Đại hội VII.

Với những trọng trách được giao, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tham gia vào nhiều lĩnh vực công tác. Ở đâu ông cũng để lại những dấu ấn đóng góp sâu sắc, thiết thực, hiệu quả.

Cuối năm 1987, nhận lời mời của Chính phủ Ấn Độ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và phu nhân đã sang thăm chính thức nước này. Đại tướng và đoàn thăm Thủ đô New Dehli và thành phố Bombay. Trong thời gian thăm và làm việc tại Ấn Độ, Đại tướng có dịp gặp lại những người quen từng làm việc ở Việt Nam, như ngài Quốc vụ khanh Ngoại giao; ngài Tư lệnh Hạm đội miền Đông, thuộc binh chủng Hải quân Ấn Độ ở thành phố Bombay. Chuyến đi của Đại tướng đã để lại ấn tượng tốt đẹp về đất nước Việt Nam đối với Chính phủ Ấn Độ.

Tháng 2-1989, tại Nhà khách Chính phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tiếp Thống chế Mera, Tư lệnh các lực lượng phòng không - không quân Ấn Độ dẫn đầu đoàn cán bộ quân sự cấp cao sang thăm Việt Nam. Trong bầu không khí vừa trang trọng vừa thân tình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận được những lời ca ngợi thật sự xúc động từ Thống chế Mera: Khi Việt Nam đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng không quân của Mỹ, bắn rơi hàng chục pháo đài bay B52, bắt sống nhiều phi công của đối phương, làm nên một “Điện Biên Phủ trên không” trên bầu trời Thủ đô Hà Nội, tôi thực sự kinh ngạc và vô cùng khâm phục. Tôi cho đây là một

kỳ tích có một không hai của những cuộc chiến tranh trên không trong thế kỷ XX. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cảm ơn những lời khen và đánh giá chân tình của Thống chế Mera.

Trên cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, phụ trách khoa học - giáo dục, Đại tướng Võ Nguyên Giáp bố trí thời gian đi về một số tỉnh để trao đổi, đúc kết kinh nghiệm, nói chuyện với lãnh đạo địa phương về vấn đề phát triển kinh tế - xã hội.

Sau 13 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, vào dịp 30-4-1988, Đại tướng vào thăm Thành phố Hồ Chí Minh, được chứng kiến sự đổi mới ở thành phố mang tên Bác và có dịp gặp gỡ các cựu chiến binh. Cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 36, Sư đoàn 308 tập hợp đông đủ, tới thăm và chúc sức khỏe Đại tướng. Cuộc gặp gỡ hết sức thân tình, ấm áp và cũng không kém phần sôi nổi.

Đầu năm 1989, mừng 2 Tết âm lịch, Đại tướng lên thăm tỉnh Bắc Thái. Sáng mừng 3 Tết, Đại tướng cùng đoàn công tác đến với đồng bào Định Hóa. Phú Đình được coi là xã ATK của huyện Định Hóa, địa điểm dẫn đến Tỉn Keo. Nhân dân Phú Đình tổ chức một cuộc mít tinh đón tiếp Đại tướng vô cùng nồng nhiệt, chân tình. Đại tướng nói chuyện với bà con bằng tiếng phổ thông và tiếng Tày: Đây là mảnh đất thật thiêng liêng. Tôi về

đây để tỏ lòng biết ơn đồng bào đã bảo vệ Chủ tịch Hồ Chí Minh và che chở cho chúng tôi. Chính tại địa phương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ, gian khổ. Về với Định Hóa, được đón tiếp như người thân yêu ở xa về trong vòng tay yêu thương, kính trọng của đồng bào, Đại tướng như được sống lại những kỷ niệm của những ngày kháng chiến gian lao nơi Thủ đô gió ngàn.

Tháng 4-1989, Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm tỉnh Cao Bằng, nói chuyện với đại biểu Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh về chủ đề “Lâm - nông kết hợp - một phương thức sản xuất chiến lược đối với các dân tộc miền núi”. Nội dung chính của bài nói chuyện là khẳng định “quyết tâm đi theo con đường của Bác, xây dựng nước ta độc lập và giàu mạnh, quyết tâm xây dựng miền núi, xây dựng căn cứ địa cách mạng *Cao Bằng trở thành một vùng giàu mạnh, Cao Bằng trở thành một trong những tỉnh gương mẫu của Việt Bắc và của cả nước*”¹. Muốn vậy, theo Đại tướng, điều trước tiên là phải xây dựng con người; phải làm ăn theo phương thức lâm - nông hay nông - lâm kết hợp.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.257.

Từ ngày 5 đến ngày 8-12-1989, trên cương vị Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đại tướng về Cao Bằng công tác và thăm đồng bào, đồng chí. Đại tướng đến viếng nghĩa trang liệt sĩ ở thị xã Cao Bằng; thăm Trường thiếu nhi dân tộc tỉnh, thăm xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, nơi có khu rừng Trần Hưng Đạo và đồn Phai Khắt. Những năm 1941 - 1945, Đại tướng Võ Nguyên Giáp hoạt động nhiều ở ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Ông từng nói “quê hương thứ hai của tôi là Cao Bằng”. Với nhân dân Cao Bằng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ là vị Đại tướng, Tổng Tư lệnh mà còn là anh Văn, bác Văn. Tình cảm quý trọng của nhân dân Cao Bằng đối với anh Văn được tích tụ nhiều năm và ngày càng được đắp bồi. Bằng vốn tiếng Mông, tiếng Dao khá vững, Đại tướng nói chuyện một cách hết sức thân tình, cởi mở với mọi người. Trong cuộc trò chuyện, ông quan tâm đến đời sống của bà con và chuyện học hành của các cháu nhỏ. Đại tướng dặn dò đồng bào hãy giữ gìn và phát huy truyền thống “ngôi sao sáng cách mạng” của mình, trung thành với Đảng, với Bác Hồ, quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay trên quê hương mình; vun đắp tình làng nghĩa xóm, lòng tin đối với Đảng, Chính phủ, chủ nghĩa xã hội; phát triển sản xuất, không phá rừng... Hơn nữa Đảng ủy và chính quyền ở đây phải quan tâm đến trẻ em. Mọi

người phải mở rộng tầm nhìn, học tập kinh nghiệm các địa phương khác, tránh đầu óc công thần sinh ra bảo thủ, lạc hậu... Còn việc bảo tồn và nâng cao các di tích cách mạng như khu rừng Trần Hưng Đạo, đồn Phai Khắt, Nà Ngần..., thì cùng với tỉnh Cao Bằng, huyện Nguyên Bình, bà con địa phương cần thường xuyên giữ gìn, bảo vệ và tu tạo. Nếu bỏ cội, bỏ nguồn thì mất ngọn, mất nhánh. Tất cả dòng chảy lịch sử cách mạng đều gắn với sự nghiệp của Đảng, của Bác Hồ và của quân và dân ta¹.

Tại cuộc Hội thảo khoa học “Rừng và môi trường” do Bộ Lâm nghiệp tổ chức tại Hà Nội nhân ngày Môi trường thế giới (ngày 5-6-1990), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có bài phát biểu “Bảo vệ tài nguyên và môi trường là nhiệm vụ cấp bách của toàn dân ta hiện nay”. Mở đầu bài phát biểu, Đại tướng nhấn mạnh: “Như chúng ta đều biết, vấn đề bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên và môi trường từ lâu đã trở thành mối quan tâm của toàn thế giới, là một vấn đề mang ý nghĩa toàn cầu. Ở nước ta hiện nay việc bảo vệ các tài nguyên rừng và bảo vệ môi trường sống cũng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và cấp bách

1. Xem Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2013, tr.241-242.

của toàn dân”¹. Bằng sự hiểu biết sâu sắc vấn đề môi trường, Đại tướng chỉ ra rằng “con người gắn bó với thiên nhiên, dựa vào thiên nhiên mà sống, đồng thời phải có trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên. Hủy hoại thiên nhiên cũng tức là hủy hoại môi trường sống của chính bản thân mình. Trồng cây là để làm cho cảnh sắc thiên nhiên thêm đẹp, thêm tươi... Trồng cây để rồi tạo ra thêm nhiều của cải cho xã hội, cải thiện môi trường sống của con người thì không phải chỉ có cây lâm nghiệp mà còn cả cây nông nghiệp và cây công nghiệp nữa”.

Trong hai ngày 19 và 20-3-1991, Hội nghị lần thứ tư Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội. Phát biểu tại Hội nghị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nhấn mạnh một số điểm về đổi mới công tác Mặt trận và mối quan hệ giữa Mặt trận với chính quyền; đồng thời khẳng định: ở nước ta nếu không đoàn kết thì không có chủ nghĩa xã hội. Lúc này Mặt trận dân tộc thống nhất thật sự là có ích và rất quan trọng, cần phải làm cho mọi người thấu suốt và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh: hễ ai yêu nước ta đều mời tham gia Mặt

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sdd, tr.263.

trận, nhưng nếu có người mới chỉ yêu nước mà chưa hiểu rõ và tán thành chủ nghĩa xã hội thì ta cũng đoàn kết. Một vấn đề có tính nguyên tắc là chỉ không đoàn kết với những kẻ chống lại chủ nghĩa xã hội¹.

Từ Đại hội VI, việc nghiên cứu tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu được triển khai. Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những người đầu tiên đi vào lĩnh vực nghiên cứu quan trọng và khó khăn nhưng cũng đầy thú vị này.

Ngày 19-9-1989, Đại tướng Võ Nguyên Giáp dự Hội thảo khoa học “Bác Hồ với quê hương Nghệ Tĩnh, quê hương Nghệ Tĩnh với Bác Hồ” do Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ Tĩnh² tổ chức. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có bài phát biểu với chủ đề “Những kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ”. Bài phát biểu nhắc lại những kỷ niệm sâu sắc của Đại tướng về Bác Hồ, từ đó khái quát về cuộc đời, sự nghiệp, đạo đức, nhân cách vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 14-10-1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Chủ nhiệm Chương trình nghiên cứu “Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ” mời Đại tướng

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.270-291.

2. Nay là các tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Võ Nguyên Giáp vào nói chuyện về Bác Hồ. Bài nói chuyện của Đại tướng có tiêu đề “Miền Nam trong trái tim tôi”. Đại tướng đã kể lại những câu chuyện về Bác trong những năm tháng Đại tướng được sống và làm việc gần Người; về tình cảm của Bác với miền Nam và tình cảm của đồng bào miền Nam đối với Bác.

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 5-1990, phóng viên báo *Tuần tin tức*, cơ quan của Thông tấn xã Việt Nam, đã có cuộc phỏng vấn Đại tướng Võ Nguyên Giáp với tựa đề “Ít phút với Đại tướng Võ Nguyên Giáp về đề tài Bác Hồ”. Trả lời phóng viên, Đại tướng nói: “Chúng ta có quyền tự hào về Bác, cần phải phát triển sáng tạo tư tưởng của Bác, tìm ra những giải pháp cho những vấn đề của công cuộc đổi mới hôm nay”¹.

Ngày 29-3-1990, Hội thảo quốc tế “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn”, do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) và Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức tại Hà Nội. Trên cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tới dự và có bài phát biểu “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn”. Thay mặt Hội đồng

1. *Tuần tin tức*, số đặc biệt, tháng 5-1990, tr.15.

Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đại tướng chân thành cảm ơn UNESCO đã ra nghị quyết về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh trong năm 1990 và khẳng định: “Sự nghiệp văn hóa quan trọng nhất của Người là đã lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người một cuộc sống có văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với loài người loại trừ một trở lực to lớn trên con đường tiến lên thế giới văn minh, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử là chế độ thuộc địa... Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng dân tộc, nhà văn hóa lớn, đồng thời là người chiến sĩ suốt cuộc đời mình đấu tranh không mệt mỏi cho hòa bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc”¹.

Ngày 10-5-1990, Hội thảo khoa học quốc tế “Chủ tịch Hồ Chí Minh - người chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế” được tổ chức tại Hà Nội. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và có bài phát biểu “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người mới”. Nội dung bài viết khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của con người, của nhân dân, là mục tiêu, động lực

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sdd, tr.16-21.

của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Vì vậy, phải quan tâm đến việc “trồng người”. Bởi vì “Gốc có vững cây mới bền/Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”¹.

Ngày 14-1-1991, tại Hội thảo quốc tế “Hồ Chí Minh - Việt Nam - hòa bình thế giới” tổ chức tại Calcutta (Ấn Độ), Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng được mời đến dự và có bài phát biểu “Thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi”. Đây là lần đầu tiên khái niệm “tư tưởng Hồ Chí Minh” được giới thiệu với bè bạn quốc tế. Bài tham luận có những nội dung lớn: cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc; chế độ mới; chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh; trước cục diện mới. Bàn về cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại tướng viết: “Với tấm lòng yêu nước thương nòi, với sự đồng cảm trước cảnh ngộ của muôn triệu người cùng khổ, năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Lênin: con đường cách mạng vô sản. Chủ nghĩa yêu nước đã gắn liền với chủ nghĩa quốc tế chân chính. Giải phóng dân tộc đã gắn liền với giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đó chính là cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.5, tr.502.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới, Sdd*, tr.217.

Trên cơ sở những thành tựu nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp, cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ở Việt Nam và trên thế giới, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6-1991), Đảng ta khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động... Cái mới trong các văn kiện Đại hội lần này là cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng nêu cao *tư tưởng Hồ Chí Minh*. Điều đó là tự nhiên, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc”¹. Việc nêu cao và khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ở Đại hội VII, có một phần đóng góp rất lớn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, từ cuối năm 1991, việc tổ chức nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh được triển khai với Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước mang mã số KX.02. Đại tướng Võ Nguyên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.29-30.

Giáp được mời làm cố vấn cho Chương trình và trực tiếp làm chủ nhiệm đề tài “Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam”, mã số KX.02.01.

Giữa năm 1991, kết thúc nhiệm kỳ Đại hội VI (1986 - 1991), trải qua hơn 60 năm hoạt động cách mạng, bước vào tuổi 80, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nghỉ hưu. Từ đây, tuy không còn trực tiếp tham gia trên chính trường nhưng Đại tướng vẫn tiếp tục nhiều hoạt động phong phú như tham dự các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế, viết báo, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, trao đổi, nói chuyện với các doanh nghiệp, doanh nhân và có những “câu chuyện thường ngày” với các hội cựu chiến binh, các cháu học sinh trên nhiều miền của đất nước. Đại tướng đã góp nhiều ý kiến quan trọng, có giá trị cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng và chấn hưng đất nước.

Chương VIII

**NHỮNG NĂM THÁNG CUỐI ĐỜI
(1992 - 2013)**

1. Cuộc sống đời thường của Đại tướng sau khi về hưu

Bắt đầu nghỉ công tác theo chế độ nhà nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhiều thời gian hơn dành cho cuộc sống thường ngày. Tình cảm đối với cựu chiến binh, những đồng đội từng kinh qua chinh chiến gian khổ, hiểm nguy luôn thường trực trong con người ông.

Những ngày cuối tháng 4-1992, nhận lời mời của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã về tham dự Đại hội đại biểu lần thứ I của Hội, tổ chức ở hội trường Thống Nhất. Ngày 29-4-1992, Đại tướng đã có bài phát biểu với chủ đề *Cựu chiến binh Việt Nam giữ vững niềm tin vào lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Nói đến bối cảnh quốc tế phức tạp những năm gần đây sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, Đại tướng nhấn mạnh phải kiên quyết

ngăn chặn “căn bệnh sida tư tưởng”. Phương thuốc thần diệu để ngăn căn bệnh đó là tư tưởng Hồ Chí Minh. Bài phát biểu tập trung góp thêm một số ý kiến về nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

Ngày 9-7-1992, trên cương vị cố vấn cho Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước mang mã số KX.02 nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh và trực tiếp làm Chủ nhiệm đề tài “Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam”, mã số KX.02.01, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến Học viện Chính trị quân sự nói chuyện về tư tưởng Hồ Chí Minh. Bài nói chuyện có chủ đề *Tư tưởng Hồ Chí Minh - quá trình hình thành và phát triển*, với bốn nội dung chính: I- Vì sao Đại hội lần thứ VII của Đảng ta khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của chúng ta; II- Quá trình hình thành và nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh; III- Nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh; IV- Phương hướng vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Là Chủ tịch danh dự Hội Khoa học lịch sử trong 2 thập niên, qua 4 nhiệm kỳ (1988 - 2008), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đảm nhận danh vị ấy với một sự hiểu biết sâu sắc và tinh thần trách nhiệm mẫu mực. Kỷ niệm 45 năm ngày mất cụ Huỳnh Thúc Kháng (21-4-1947 - 21-4-1992) và 120 năm ngày sinh cụ

Phan Chu Trinh (9-9-1872 - 9-9-1992), hai nhà yêu nước, hai nhà văn hóa lớn, ngày 8-9-1992, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam tổ chức Hội thảo khoa học về Phan Chu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đến dự và có bài phát biểu¹. Sau Hội thảo, “ông còn lưu lại tiếp xúc với nhiều cơ quan có trách nhiệm để đánh giá hiệu quả của hội thảo, đồng thời cũng để điều chỉnh những ý kiến chưa thật đúng về một cuộc hội thảo khoa học vào thời điểm mà nhận thức chưa cởi mở trong một số vấn đề lịch sử như bây giờ”².

Ngày 29 và 30-10-1992, Đề tài “Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam” tổ chức hội thảo khoa học lần thứ nhất. Với tư cách cố vấn chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh và là chủ nhiệm đề tài, Đại

1. Ngày hôm sau (9-9), cũng với nội dung này, Đại tướng đã nói chuyện với giảng viên, học viên Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực III, Đà Nẵng (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh khu vực III). Xem nội dung bài phát biểu in trong *Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Chu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, Nxb. Đà Nẵng, 1993, tr.9-19.

2. Dương Trung Quốc: “Sức mạnh của con người làm nên lịch sử”, in trong *Đặng Anh Đào tuyển chọn và giới thiệu: Võ Nguyên Giáp qua lời kể của người thân*, Sđd, tr.261.

tướng có bài phát biểu “Về tư tưởng Hồ Chí Minh”, trình bày một cách cô đọng, sâu sắc quá trình hình thành, nguồn gốc, nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và mấy suy nghĩ về phát triển và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Từ ngày 19 đến 20-11-1992, Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I¹. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tới dự và có bài phát biểu sâu sắc, xúc động, tâm huyết. Với tư cách là người bạn chiến đấu, mượn lời anh Ba Đồng Tháp, Đại tướng nói “gặp nhau đây là quý rồi!” để nói lên niềm xúc động và vui sướng của mình nhân ngày được gặp lại những người bạn chiến đấu thân thiết trên cả nước. Nói lên niềm vinh dự là “Anh bộ đội Cụ Hồ”, nghĩa là những người chiến sĩ tận trung với nước, tận hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng, Đại tướng nói trong bối cảnh mới, cựu chiến binh phải có tinh thần tự đổi mới. ““Cựu” mà không “cũ”. Tư duy luôn mới. Huân chương đầy ngực mà không công thần, tự mãn, càng khiếm tốn học tập. Mỗi người chúng ta đều có trách nhiệm chính trị góp phần của mình vào sự nghiệp đổi

1. Hội Cựu chiến binh Việt Nam được thành lập ngày 6-12-1989. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được mời làm Chủ tịch danh dự vĩnh viễn.

mối cùng với nhân dân khắc phục khó khăn, giành thắng lợi mới trong giai đoạn cách mạng mới”¹.

Trong năm 1992, sau khi tỉnh Quảng Bình trở về địa giới cũ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm quê và có buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh. Bằng tình cảm chân tình, Đại tướng nhắc nhở trước hết phải chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; chăm lo gia đình chính sách, gia đình neo đơn; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, chăm lo nguồn lực để phát triển bền vững lâu dài; chăm lo công tác tư tưởng trong nhiệm vụ xây dựng Đảng, phải lấy tư tưởng Hồ Chí Minh mà rèn luyện, phấn đấu.

Vào trung tuần tháng 10-1994, trong dịp chuẩn bị tiến tới kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp về lại Cao Bằng lần thứ hai. Ông về nơi ra đời của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân - khu rừng Trần Hưng Đạo, thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình. Đại tướng hết sức cảm động khi hàng nghìn bà con các dân tộc đứng kín hai bên đường chào đón và còn muốn được cống Đại tướng khi qua chỗ bùn lầy do xe ô tô không chạy qua được. Nhớ lại những ngày gian khó nhờ bà con đùm bọc, che chở, chăm sóc, nuôi nấng, Đại tướng nói:

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Quyết tâm tiến lên! Biết tiến lên* (Nguyễn Văn Khoan sưu tầm), Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr.105-110.

Đồng bào đối với Đảng, với quân đội tốt quá. Bây giờ, nơi này, nơi khác, dân còn khổ, mình thấy chạnh lòng, thấy mắc lỗi với bà con.

Khu di tích lịch sử Trần Hưng Đạo là một bãi cỏ rộng khoảng 2.000m², ở giữa là nhà bia bê thế. Bốn mặt bia khắc toàn văn Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 10 lời thề danh dự do đồng chí Võ Nguyên Giáp đọc. Quây quần cạnh tấm bia ghi nhật lệnh năm xưa, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tâm huyết chia sẻ: “Xây dựng được Đài tưởng niệm sự kiện lực lượng tiền thân quân đội ra đời là rất tốt. Nhưng điều tốt hơn là quân đội phải cùng với các cấp ủy, chính quyền địa phương chăm lo đời sống cho nhân dân các dân tộc. Có dân mới có cách mạng và có ngày hôm nay”¹.

Trên cương vị Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đại tướng Võ Nguyên Giáp hoạt động ở nhiều địa bàn. Cùng với chiến khu Việt Bắc, Hải Phòng là nơi mà Đại tướng đã chỉ huy thành phố chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược trong 9 năm và lãnh đạo địa phương thực hiện Hiệp định Geneva về đình chiến ở Việt Nam. Nhân kỷ niệm 40 năm giải phóng Hải Phòng (tháng 5-1955 - tháng 5-1995), nhận lời mời trực tiếp của đồng

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.244.

chí Trung tướng Đặng Kinh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh và đồng chí Vũ Thành, Bí thư Thành đoàn Hải Phòng, ngày 13-5-1995, Đại tướng cùng phu nhân đã đến dự cuộc mít tinh trọng thể trong ngày đại lễ của địa phương. Nói chuyện trong cuộc mít tinh tối cùng ngày tại Cung Hữu nghị Việt - Tiệp, Đại tướng biểu dương thành tích năng động, dũng cảm rà phá bom mìn và các thành tích xây dựng chính quyền, cải thiện đời sống của người dân thành phố cảng. Nhắc nhở về vấn đề biển, Đại tướng lưu ý rằng hiện nay nhiều nước đang hướng ra biển để khai thác, làm giàu từ biển, do vậy, Hải Phòng phải phát huy thế mạnh của mình là có biển, phải tận dụng triệt để và đi lên từ biển.

Ngày hôm sau (14-5-1995), Đại tướng đến thăm Đoàn 6, đơn vị tiêu biểu của Hải quân nhân dân Việt Nam, chuyên trách vẽ bản đồ biển, đáp ứng yêu cầu tác chiến trên biển, bảo vệ chủ quyền đất nước.

Ngày 2-6-1995, hướng tới kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống vẻ vang của bộ đội thông tin liên lạc (9-9-1945 - 9-9-1995), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm Binh chủng Thông tin liên lạc và có bài nói chuyện thân mật với cán bộ, chiến sĩ của binh chủng. Đại tướng khẳng định vai trò quan trọng của thông tin liên lạc “là một ngành mũi nhọn, phải đi trước một bước”. Nhắc lại lời dạy của Bác Hồ: Việc liên lạc là một việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mạng, nó như hệ thần kinh, mạch máu con người, Đại tướng nói:

“Trong cuộc chạy đua về kinh tế cũng như xây dựng quốc phòng, an ninh, ai nắm được nhiều thông tin nhất, người ấy sẽ thắng”¹.

Trong những năm tháng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, chiến khu Việt Bắc đối với Đại tướng có nhiều kỷ niệm không thể nào quên, mà kỷ niệm sâu sắc nhất là tình cảm của đồng bào các dân tộc Việt Bắc đối với “Bộ đội Cụ Hồ” nói chung, với Đại tướng nói riêng. Chính vì vậy, Đại tướng luôn luôn nghĩ về Việt Bắc. Từ lúc nghỉ hưu, Đại tướng sắp xếp, bố trí thời gian trở lại chiến khu xưa nhiều lần. Nhân kỷ niệm lần thứ 55 ngày khởi nghĩa Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn) (27-9-1940 - 27-9-1995), nhận được lời mời của ban tổ chức và lãnh đạo địa phương, Đại tướng đã hoãn các kế hoạch khác để lên dự lễ. Hơn 6.000 người đã đứng ở sân vận động để chào đón Đại tướng và các vị cùng đi. Đại tướng vào viếng nghĩa trang liệt sĩ, tham quan Bảo tàng khởi nghĩa Bắc Sơn. Dự mít tinh tại quảng trường sân vận động, Đại tướng phát biểu: “Lúc đó chưa có nhiều đảng viên như bây giờ, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ trong mười giờ đồng hồ, đã vận động được 600 người, với vài khẩu súng trường, ít súng kíp, còn lại là gậy gộc, giáo mác, dám xông vào đồn giặc chiến đấu. Khởi nghĩa Bắc Sơn mãi mãi được ghi vào lịch sử của

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Quyết tâm tiến lên! Biết tiến lên* (Nguyễn Văn Khoan sưu tầm), *Sdd*, tr.118.

dân tộc. Đội Cứu quốc I vô cùng anh dũng, giữ vùng căn cứ của Đảng trước Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Nhiều chiến sĩ Cứu quốc quân đã trở thành những tướng lĩnh trong Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng như Đại tướng Hoàng Văn Thái, Thượng tướng Chu Văn Tấn, Thượng tướng Hoàng Minh Thảo...”¹.

Là người thích âm nhạc, say mê đánh đàn² và rất thích những bản nhạc cổ điển, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người có tâm hồn rộng mở và rất trân trọng, ưu ái các văn nghệ sĩ, đặc biệt là nhạc sĩ Văn Cao. Từ năm 1985, khi Hà Nội sôi nổi những đêm nhạc Văn Cao, Đại tướng và phu nhân đã đến dự. Khi biết được nhạc sĩ lúc này đang ốm nặng, Đại tướng đã viết thư nhờ các bác sĩ giỏi điều trị cho người nhạc sĩ tài ba³.

Năm 1995 nhạc sĩ Văn Cao bị bệnh tràn dịch màng phổi, mặc dù được y bác sĩ cứu chữa tận tình, nhưng ông đã không qua được. Đến viếng nhạc sĩ, Đại tướng ghi vào sổ tang: “Văn Cao đã ra đi! Chúng ta vô cùng

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sdd, tr.249.

2. Thầy dạy nhạc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là Giáo sư, nhạc sĩ Tô Vũ.

3. Nhạc sĩ Văn Cao bị đau cột sống, liệt nửa người, điều trị ở Bệnh viện Việt - Xô. Đại tướng viết thư cho bác sĩ, Anh hùng Lao động Lê Thế Trung ở Viện Quân y 103 xin chuyển viện và tập trung các bác sĩ giỏi điều trị bằng các loại thuốc đặc biệt cho nhạc sĩ Văn Cao. Sau một tháng chăm sóc tận tình, nhạc sĩ đã bình phục.

nhớ tiếc người nghệ sĩ tài ba xuất chúng. Những tác phẩm của anh, đặc biệt là bài *Quốc ca*, những bài ca hùng tráng, những bản nhạc trữ tình, sẽ sống mãi với thời gian, với dân tộc, như một điểm sáng trong nền nghệ thuật Việt Nam”.

Năm 1955, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Việt Nam (tiền thân của Trường Đại học Kinh tế quốc dân) khai giảng khóa I. Trong danh sách các vị giáo sư giảng dạy có Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Bài giảng đầu tiên của thầy Võ Nguyên Giáp là “Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ”. Năm 1995, kỷ niệm 40 năm ngày thành lập trường, đến dự và nói chuyện với đông đảo giáo sư, sinh viên mới và cũ, Đại tướng nói: “Đảng ta coi việc đào tạo nhân tài là một nhiệm vụ rất quan trọng. Có dân trí cao, có nhân tài giỏi tầm cỡ thế giới thì nước Việt Nam mới tiến kịp những nước có nền khoa học tiên tiến, dân ta mới thực sự làm chủ đất nước mình... Ở nước ta hiện nay, vấn đề trí thức, kiến thức, nhân tài càng trở nên cấp thiết, nhất là trong công cuộc đổi mới. Và như vậy, đó là nhiệm vụ của các trường đại học. Chữ “Đại học nhân dân” có ý nghĩa lớn, vì nhân dân ta sẽ trở thành người làm chủ thực sự trên cơ sở kiến thức đại học, toàn dân ta có trình độ đại học. Đó là tương lai của “Đại học nhân dân”¹.

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sdd, tr.95.

Không chỉ nặng tình, nặng nghĩa với anh chị em cựu chiến binh Việt Nam, Đại tướng còn có một số cuộc gặp gỡ với các cựu chiến binh Mỹ, với những người trước đây từng là kẻ thù của Việt Nam. Cuộc gặp lại những người trong nhóm Con Nai thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một ví dụ điển hình. Năm 1995, đúng vào dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Tám, Đại tướng đã tiếp hai ông Thomas và Henry Prunier trong nhóm Con Nai và OSS¹. Nhớ lại sự kiện nửa thế kỷ trước, Đại tướng nói với ông Thomas: “Anh còn nhớ không? Chuyến đi trong đêm hôm đó, đến gần Thái Nguyên, tôi và anh ngồi lại cùng thảo bức tối hậu thư, buộc quân Nhật ở đây phải đầu hàng... Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi và anh có chụp một số ảnh. Tômát cho tôi mượn một bộ comlê. Còn Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc đó mặc quần soóc. Người bàn với chúng tôi nên

1. Tháng 7-1945, Henry A. Prunier cùng 6 người Mỹ khác nhảy dù xuống một ngôi làng cách Hà Nội 120km về phía tây bắc để hướng dẫn cho 200 du kích Việt Nam biết sử dụng vũ khí Mỹ để chống Nhật. Họ là thành viên của Cục Phục vụ chiến lược, một cơ quan tình báo Mỹ lúc bấy giờ (gọi tắt là OSS). Nhóm của ông Prunier đặt tên là nhóm Con Nai. Còn Thiếu tá Tômát, trong nhóm Con Nai, nhảy dù xuống Tân Trào, được du kích cứu thoát khi dù mắc trên ngọn cây. Sau đó ông giúp Việt Minh huấn luyện một lớp báo vụ. Tômát đã đến Hà Nội năm 1990 và được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

thành lập Hội hữu nghị Việt - Mỹ. Bác Hồ nhìn xa trông rộng, đúng đắn về tương lai. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954, Người nhấn mạnh rằng thắng lợi là rất to lớn, nhưng đây mới chỉ là bước đầu, vì ta còn phải chiến đấu với phái hiếu chiến Mỹ. Các bạn biết đấy, năm mươi năm qua, chúng tôi phải chiến đấu 30 năm, trong đó 21 năm với Mỹ. Chúng ta đã phải trả giá quá đắt, mất nhiều thời gian để xây dựng tình hữu nghị”¹.

Sau khi nghe Thomas tiếp lời ôn lại những kỷ niệm trước năm 1945, Đại tướng nói tiếp: “Việt Nam là một nước nhỏ nhưng có mấy nghìn năm lịch sử. Cội nguồn sức mạnh Việt Nam chính là tinh thần độc lập. Thời gian qua, tôi tiếp rất nhiều cựu chiến binh Mỹ trong đó có cả cựu đô đốc Giumoát, người đã ra lệnh rải chất độc diôxin xuống Việt Nam và chính con trai của ông đã chết vì thứ chất độc đó. Nhiều người Mỹ lấy làm lạ, hỏi: Tại sao tôi tiếp họ thân mật như thế? Tôi trả lời: Ngày trước Mỹ đến với khẩu Thomxơn, chúng tôi tiếp khác (tất nhiên không phải là khẩu Thomxơn Tômát tặng tôi đâu). Ngày nay, nếu họ tới với tình hữu nghị và hợp tác, chúng tôi tiếp khác. Người Việt Nam rất quý bạn bè”².

1, 2. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.351-352, 352.

Trước lúc chia tay, Đại tướng nói với Thomas và những người trong đoàn: “Người Mỹ trước đây đánh Việt Nam vì không hiểu Việt Nam. Còn các bạn người Mỹ ngồi đây là những người Mỹ hiểu Việt Nam - một dân tộc yêu hòa bình! Nhưng dân tộc này lại phải tiến hành nhiều cuộc chiến tranh. Bởi lẽ Việt Nam đương đầu với chiến tranh là vì hòa bình”¹.

Trong những cuộc đón tiếp bạn bè quốc tế, các cuộc gặp gỡ với các bạn Mỹ, những người có một thời là kẻ thù của nhân dân Việt Nam là những cuộc tiếp xúc khá “đặc biệt”, vì nội dung các cuộc tiếp xúc phản ánh một thông điệp “khép lại quá khứ, hướng tới tương lai”. Một trong số người Mỹ thăm Việt Nam được Đại tướng tiếp đón, nổi bật nhất, thu hút giới truyền thông nhiều nhất, đó là cuộc tiếp xúc giữa Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ R. McNamara².

Ngày 9-11-1995, sau 20 năm kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, ở tuổi 84, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có cuộc trao đổi với cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ R. McNamara. Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ trong Đoàn Hội đồng đối ngoại sang

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.353.

2. R. McNamara, Bộ trưởng Quốc phòng dưới thời Tổng thống Kenedy (1961 - 1963) và Tổng thống Johnson (1963 - 1969) trong cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Việt Nam lần này có mục đích tổ chức một hội thảo nghiên cứu về cuộc chiến tranh tại Việt Nam, để nhìn lại xem liệu đã có những cơ hội hòa bình nào bị bỏ lỡ, để tìm ra những bài học có thể giúp cho việc tránh được những thảm họa trong tương lai. Cuộc hội thảo hướng đến lợi ích của hòa bình, hữu nghị và phát triển giữa hai dân tộc và các dân tộc nói chung trên thế giới. Vì vậy, nội dung cuộc hội thảo khá rộng. Những câu trả lời của Đại tướng về chiến tranh giải phóng dân tộc cũng như về sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ đổi mới đều toát lên một tinh thần cơ bản là “chúng tôi làm theo cách Việt Nam và cuối cùng quyết định vẫn là Việt Nam”.

Trả lời câu hỏi về “cơ hội hòa bình”, Đại tướng nói rằng, Việt Nam là dân tộc yêu chuộng hòa bình hơn ai hết. Trong khi kiên quyết chiến đấu chống xâm lược, Việt Nam rất mong muốn sớm chấm dứt chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi 11 bức thư cho các tổng thống Mỹ. Còn mỗi lần người đứng đầu nước Mỹ nói đến những sáng kiến hòa bình thì cũng chính lúc đó Mỹ tăng quân ở Việt Nam. Đó là hòa bình giả, chiến tranh thật, hoặc một nền hòa bình dưới sự áp đặt của nước Mỹ¹.

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.418-431.

Trong cuộc đời binh nghiệp cũng như khi đã nghỉ hưu, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn suy nghĩ, trăn trở và nghiên cứu về lý luận quân sự trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng. Kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ và Đảng ta phát động toàn quốc kháng chiến (1946 - 1996), ngày 29-1-1996, Bộ Quốc phòng tổ chức Hội thảo khoa học “Học thuyết quân sự Việt Nam”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp có bài phát biểu *Có một học thuyết quân sự Việt Nam*. Quan điểm này đã được Đại tướng đề cập nhiều lần, trong hội thảo lần này, khẳng định lại ý kiến đó, Đại tướng đi đến kết luận: “phải khẳng định có một *học thuyết quân sự Việt Nam* và tôi nghĩ rằng theo học thuyết ấy không hề có chiến lược quân sự thuần túy, chiến lược ta bao giờ cũng là chiến lược tổng hợp, cả chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, văn hóa, một chiến lược toàn diện tổng hợp”¹.

Để phục vụ cho chủ đề nghiên cứu học thuyết quân sự Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tham gia nhiều sinh hoạt khoa học tưởng niệm các danh nhân, các tướng lĩnh dưới quyền ông. Những bài phát biểu của ông về Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, cũng như về những người đồng chí như Phan Thanh, Tô Hiệu, Trần Huy Liệu, các tướng

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.444.

lĩnh như Nguyễn Sơn, Nguyễn Chánh, Hoàng Văn Thái, Vương Thừa Vũ... là những bài viết có giá trị khoa học cao.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về cuộc vận động kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh - liệt sĩ (27-7-1947 – 27-7-1997), lễ kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống ngành Chính sách quân đội (26-2-1947 – 26-2-1997) được tổ chức trọng thể tại Hà Nội. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và có bài phát biểu *Phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”*. Điềm lại những kết quả lớn mà Cục Chính sách đã đạt được và những yêu cầu đặt ra trong tình hình hiện nay, Đại tướng nhấn mạnh rằng, “quân đội ta, nhân dân ta bao giờ cũng “Uống nước, nhớ nguồn”, “Đền ơn, đáp nghĩa”, ăn ở thủy chung, quý tình đồng đội, tình quân - dân, cho nên mong rằng toàn thể các đồng chí trong ngành chính sách, trong Cục Chính sách có những cố gắng thật lớn, không những với tinh thần trách nhiệm mà với cả tấm lòng thương yêu đối với đồng đội, những tình cảm, những tình nghĩa thiêng liêng đối với những người đã mất, đối với những bà mẹ anh hùng, những gia đình có con hy sinh vì Tổ quốc, không những thế, đối với toàn thể các gia đình hậu phương quân đội”¹.

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sdd, tr.447.

Ngày 23-6-1997, lần thứ hai Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp ông Mc Namara cùng đoàn 52 thành viên tại Nhà khách Chính phủ. Trong số 52 thành viên có tướng William Smith và ông Chester Cooper, nhà phân tích Đông Nam Á, thành viên của Hội đồng An ninh quốc gia. Sau 10 phút đầu dành cho các nhà báo tác nghiệp, hai vị cựu Bộ trưởng bắt đầu trao đổi thẳng thắn những vấn đề cùng quan tâm.

Trả lời câu hỏi: “Những hành động quân sự nào của Mỹ làm tướng Giáp sợ nhất và vào những thời điểm nào?”, Đại tướng trả lời: “Từ “lo sợ” không có trong tư duy quân sự của chúng tôi. Bởi vì, với chúng tôi, không có gì quý hơn độc lập, tự do! Chúng tôi quyết tâm đánh Mỹ và luôn tin là sẽ thắng”.

Trả lời câu hỏi đánh giá về thành công và thất bại của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Đại tướng nói: “Về trận Mậu Thân, mục đích của chúng tôi là làm sao cho Mỹ rút. Về cách đánh thì đợt một là thắng lợi lớn. Chiến tranh nhìn chung là chiến lược tổng hợp. Mục tiêu của chúng tôi là Mỹ phải chấm dứt leo thang, ngồi lại đàm phán. Chúng tôi đã buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari. Chỉ còn điều chúng tôi không dự kiến đầy đủ là Nixon lật lọng đến thế. Sắp ký rồi mà lại ném bom B52 ở Hà Nội, Hải Phòng... Song chúng tôi đã thắng. Đó là thắng lợi của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là của lực lượng tiến bộ, yêu chuộng

hòa bình trên thế giới, trong đó có những người Mỹ chống lại chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam”¹.

Trao đổi về nguyên nhân Mỹ không thắng được ở Việt Nam và những cơ hội để chấm dứt sự dính líu của Mỹ vào Việt Nam, Đại tướng nói: Chúng tôi không bỏ qua một cơ hội nào... Mỹ xâm lược Việt Nam là sai lầm. Mỹ không hiểu Việt Nam. Chúng tôi là một dân tộc có tinh thần bất khuất hàng nghìn năm chống giặc ngoại xâm nhưng rất muốn hòa bình.

Nhà sử học Dương Trung Quốc, Tổng Thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, có may mắn chứng kiến sự kiện lịch sử này, kể lại: “Bằng một lập luận nhất quán và đầy tính thuyết phục, Đại tướng nói: “Việt Nam là một nước nhỏ, nước nghèo nên không khi nào muốn đụng đầu với một ai, nhất là với một nước lớn, nước giàu như Hoa Kỳ. Mọi cơ hội có thể tranh thủ hòa bình, Việt Nam đều tranh thủ triệt để. Chỉ có điều phải là nền hòa bình danh dự của một quốc gia độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Nhưng khi đã buộc phải tiến hành chiến tranh thì dân tộc Việt Nam phải hành động như Ngài đã biết””².

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sdd, tr.358.

2. Dương Trung Quốc: “Sức mạnh của con người làm nên lịch sử”, Sdd, tr.263-264.

Với câu hỏi được mọi người chú ý: “Vị tướng nào trong chiến tranh được tướng Giáp đánh giá cao nhất?”, Đại tướng trả lời: “Quân đội nhân dân Việt Nam ở cả miền Bắc và miền Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, là một quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng, có tinh thần quyết chiến rất cao, thông minh và sáng tạo. Còn vị tướng dù có công lao lớn đến đâu cũng chỉ là giọt nước trong biển cả. Chỉ có nhân dân Việt Nam là người đánh thắng Mỹ. Vị tướng mà tôi đánh giá cao nhất là vị tướng nhân dân. Các ngài gọi tôi là vị tướng thần thoại, nhưng tôi tự nghĩ, tôi bình đẳng với những chiến sĩ của mình. Tôi hoàn thành nhiệm vụ cũng như những người chiến sĩ hoàn thành nhiệm vụ. Trên bình diện nhiệm vụ thì tôi cũng như người chiến sĩ là bình đẳng, cho nên tôi rất tôn trọng người chiến sĩ. Còn các ngài muốn hỏi tôi rằng, tướng ngụy nào tôi để ý đến nhất, thì có lẽ sự đánh giá ấy, nên hỏi Bộ Tư lệnh quân đội Mỹ”¹.

Ngày 17-12-1997, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Hội Cựu chiến binh Việt Nam được tổ chức trọng thể tại Hà Nội. Với tư cách là Chủ tịch danh dự của Hội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và có bài phát biểu *Tiếp tục phát huy phẩm chất đạo đức của*

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.227, 359.

“*Bộ đội Cụ Hồ*”. Sau khi nêu những thành tựu có ý nghĩa quan trọng mà Hội Cựu chiến binh đã đạt được trong tám năm qua và những khuyết, nhược điểm của Hội, Đại tướng khẳng định Hội Cựu chiến binh là “một chỗ dựa tin cậy của Đảng, một đoàn thể tín nhiệm đối với nhân dân”. Bài phát biểu tập trung nói về năm nhiệm vụ chính của Hội Cựu chiến binh. *Một là*, cựu chiến binh phải tiếp tục phát huy phẩm chất đạo đức của “*Bộ đội Cụ Hồ*”. *Hai là*, tích cực tham gia một cách có hiệu quả hơn nữa vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. *Ba là*, góp phần vào nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cơ sở. *Bốn là*, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. *Năm là*, góp phần tăng cường đoàn kết trong Đảng, đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc, các tôn giáo¹.

Những kỷ niệm sâu sắc của cựu chiến binh từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ đối với Đại tướng Võ Nguyên Giáp không sao kể xiết. Đặc biệt, đối với những cựu chiến binh sau khi rời tay súng, về với đời thường, chuyển sang nhiệm vụ sản xuất, góp phần làm giàu cho xã hội, dù ở đâu, làm gì, họ cũng được Đại tướng theo

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sdd, tr.450-453.

dôi, động viên phát huy bản chất “Bộ đội Cụ Hồ”. Tình cảm của Đại tướng với Nông trường Thống Nhất¹, trực thuộc Cục Nông trường quân đội là một ví dụ điển hình.

Vào dịp Tết Đinh Sửu năm 1997, nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Nông trường Thống Nhất, Đại tướng đã gửi tới các đồng chí lãnh đạo và cán bộ, công nhân một bức thư hết sức xúc động. Đại tướng tin rằng các đồng chí ở Nông trường Thống Nhất sẽ phát huy bản chất, truyền thống của quân đội và của dân tộc ta, xây dựng Nông trường Thống Nhất trở thành một đơn vị gương mẫu, góp phần xứng đáng xây dựng Thanh Hóa trở thành một tỉnh giàu mạnh như Bác Hồ căn dặn cách đây 50 năm.

Ngày 30-12-1997, cuộc gặp mặt đại biểu các thế hệ cựu thanh niên xung phong Hà Nội lần thứ nhất do Thành đoàn và Ban liên lạc Cựu thanh niên xung phong Hà Nội tổ chức đã diễn ra ở Hà Nội trong bầu không khí ấm cúng, thân thiết. Là người theo dõi và chăm sóc lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng bảo đảm cho quân đội nhân dân kháng chiến thắng lợi,

1. Nông trường Thống Nhất tiền thân là một nông trường do quân đội thành lập năm 1957, đóng tại 4 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa. Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đến thăm. Năm 1997, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập, Đại tướng đã gửi thư cho cán bộ, công nhân nông trường.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn coi thanh niên xung phong là người chiến sĩ. Tại cuộc gặp mặt, Đại tướng có bài nói *Thanh niên xung phong là những người chiến sĩ*. Đánh giá cao những cống hiến, hy sinh của lực lượng thanh niên xung phong, Đại tướng mong rằng “*Thanh niên là phải xung phong, thanh niên xung phong là lực lượng xung phong trong thanh niên*”¹. Ông tin rằng nhân dân Hà Nội, thanh niên Hà Nội, thanh niên xung phong Hà Nội nhất định là những lực lượng xung kích đưa nước ta đến những đỉnh cao của thời đại mới, trở thành một trong những nước giàu mạnh, văn minh trên thế giới của thế kỷ XXI, của thiên niên kỷ thứ ba.

Cũng như bao chiến sĩ cách mạng khác, với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, quê hương là một phần máu thịt, là “nghĩa nặng tình cao”. Một Quảng Bình “chang chang cồn cát nắng trưa” lại càng làm ông suy tư, trăn trở. Năm 1998, Đại tướng về thăm quê hương. Ra thăm cánh đồng lúa của xã Phong Thủy, nói chuyện với bà con đang thu hoạch lúa, Đại tướng căn dặn phải luôn nỗ lực lao động, sản xuất để giữ cho được danh hiệu “Gió Đại Phong” như những năm tháng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ra thăm dòng sông Kiến Giang,

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sdd, tr.459.

Đại tướng nhắc nhở phải giữ gìn cho môi trường, cảnh quan xanh - sạch - đẹp, có chỗ để nhân dân đứng hai bên bờ cỏ vũ cho lễ hội bơi thuyền truyền thống.

Với tư cách là Bộ trưởng Bộ Nội vụ đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất quan tâm đến lực lượng Công an nhân dân. Nhân kỷ niệm 50 năm Công an nhân dân thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy (tháng 6-1948 – tháng 6-1998) và 108 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 16-5-1998, Bộ Nội vụ phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội thảo khoa học “Công an nhân dân thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tới dự và có bài phát biểu quan trọng với chủ đề *Thực hiện tốt sáu điều Bác Hồ dạy để xứng đáng là công an của nhân dân Việt Nam anh hùng*. Bài viết có nội dung phong phú nhưng tư tưởng cốt lõi là trở về với lời dạy của Bác: Công an của ta là công an nhân dân, vì dân mà phục vụ và dựa vào dân mà làm việc. Đại tướng cho rằng “không có vinh dự nào lớn hơn là vinh dự làm *người công an của nhân dân*”¹. Công an phải

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.465.

nhận thức sâu sắc lời dạy của Bác “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹. Vì vậy, đối với nhân dân phải kính trọng, lễ phép. Vận dụng Sáu điều Bác Hồ dạy công an trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải thực hiện ở trình độ mới. Yếu tố quyết định là ở con người, đó là những con người biết yêu nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng diễn ra vào tháng 6-1996. Đại hội xác định việc phát triển và kết hợp chặt chẽ các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ... làm chỗ dựa khoa học cho việc triển khai thực hiện Cương lĩnh, Hiến pháp, xác định phương hướng, bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng pháp luật, các chính sách, kế hoạch và chương trình kinh tế - xã hội. Thực hiện tinh thần của Đại hội VIII, từ ngày 15 đến ngày 17-7-1998, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội và Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn đồng tổ chức Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đến dự và có bài phát biểu quan trọng với tiêu đề *Mấy suy nghĩ về vấn đề “Việt Nam học”*.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.453.

Trên cơ sở khẳng định Việt Nam là một quốc gia - dân tộc hình thành rất sớm, khác với các quốc gia - dân tộc phương Tây, bài phát biểu khái quát các thời kỳ phát triển của nền văn hóa Việt Nam, từ văn hóa Đông Sơn, sang thời kỳ cận - hiện đại, nền văn hóa Việt Nam phát triển tới đỉnh cao trong thời đại Hồ Chí Minh đến kỷ nguyên mới - kỷ nguyên xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phần cuối của bài phát biểu nhấn mạnh rằng “những thành tựu nghiên cứu của giới “Việt Nam học” quốc tế ngày càng hướng vào mục tiêu tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tăng cường tình hữu nghị, sự hợp tác và cùng nhau phát triển. Và chính cuộc hội thảo hôm nay là một biểu tượng của sự hợp tác giữa các giới nghiên cứu Việt Nam và các học giả quốc tế”¹.

Từ cuối năm 1999, các tiểu ban chuẩn bị các văn kiện cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng dự kiến diễn ra trong quý I-2001 được thành lập. Nhận được giấy mời của Bộ Chính trị, Ban Bí thư góp ý cho các văn kiện, tháng 10-1999, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có ý kiến phát biểu lần thứ nhất với Thường trực Tiểu ban xây dựng Báo cáo chính trị trình Đại hội IX

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.310.

của Đảng với tiêu đề “Đổi mới, tiếp tục đổi mới, dân chủ, dân chủ hơn nữa, nâng cao trí tuệ, đoàn kết tiến lên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Bản góp ý cho rằng do giáo điều, rập khuôn, chủ quan, duy ý chí đã khiến cho đất nước lâm vào khủng hoảng. Vì vậy, cần phải tiếp tục đổi mới. Trong đổi mới, điểm đột phá thứ nhất là phải phát triển lực lượng sản xuất. Điểm đột phá thứ hai là con người lao động, con người có trình độ khoa học và kỹ năng. Đây là lực lượng sản xuất quan trọng nhất, là ưu tiên số một... Những ý kiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được Tiểu ban xây dựng Báo cáo chính trị nghiên cứu nghiêm túc, sau này một số ý được chất lọc đưa vào Văn kiện Đại hội IX của Đảng.

Năm 1999, Đảng, Nhà nước, nhân dân và quân đội ta kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Nhân dịp này, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, Bộ Tư lệnh Quân khu 1 cùng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam tổ chức hội thảo khoa học tại tỉnh Cao Bằng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và có bài phát biểu *Cao Bằng - mảnh đất anh hùng, nơi ra đời của đội quân chủ lực đầu tiên*. Đại tướng khẳng định Cao Bằng là mảnh đất anh hùng, nơi ra đời của đội quân chủ lực đầu tiên của quân đội Việt Nam - Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Nói về chỉ thị thành lập đội quân chủ lực, Đại tướng

nhấn mạnh, “Toàn văn *Chỉ thị thành lập Đội đã nêu lên những quan điểm cơ bản của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh và đường lối quân sự của Đảng ta*”¹. Nói về nhiệm vụ của quân đội ta trước cục diện thế giới mới, Đại tướng nhấn mạnh bốn điểm: *Thứ nhất*, cần hết sức coi trọng xây dựng bản lĩnh chính trị của quân đội, làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ tiếp tục phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, nâng cao lòng yêu nước, thương dân, trung thành với Tổ quốc, với Đảng, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do, vì *chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân*. *Thứ hai*, cần hết sức coi trọng nâng cao tri thức khoa học quân sự, nghiên cứu nắm vững học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại. *Thứ ba*, phải làm thật tốt kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng. *Thứ tư*, vấn đề quyết định là đảng viên và cán bộ phải gương mẫu².

Đất nước bước vào năm 2000, năm kết thúc Thiên niên kỷ thứ hai với nhiều sự kiện trọng đại: kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 110 năm

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.506.

2. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.509-511.

ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 55 năm Cách mạng Tháng Tám... Thủ đô Hà Nội và cả nước có nhiều hoạt động sôi nổi. Ngày 16-8-2000, tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội diễn ra cuộc gặp mặt các chiến sĩ Việt Minh thành Hoàng Diệu. Nhận lời mời của ban tổ chức, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và có bài phát biểu về tầm vóc vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám và vai trò, vị trí của Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ hiện nay. Bài phát biểu khái quát nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là do có đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh; nhờ sức mạnh đoàn kết và nghị lực đấu tranh, sáng tạo của quần chúng mà cụ thể là lực lượng chính trị Mặt trận Việt Minh và lực lượng vũ trang của toàn dân. Nói về Hà Nội, bài phát biểu chỉ ra rằng trước đây, Hà Nội có Văn Miếu - Quốc Tử Giám là trường đại học đầu tiên của nước Việt Nam ngàn năm văn hiến, thì rồi đây, Thủ đô Hà Nội sẽ đề nghị với Trung ương và Chính phủ thành lập ở Thủ đô một trung tâm đại học tiêu biểu cho trí tuệ của cả nước - một Quốc Tử Giám của thời đại Hồ Chí Minh.

Cũng trong dịp này, từ ngày 19 đến ngày 21-9-2000, tại Hà Nội, được sự đồng ý và chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia và Đại học

Quốc gia Hà Nội tổ chức Hội thảo quốc tế¹ với chủ đề “Việt Nam trong thế kỷ XX”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp có bài phát biểu tại Hội thảo với tiêu đề *Chiến thắng bằng được nghèo nàn, lạc hậu, mang lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, đưa đất nước tiến kịp các nước phát triển*. Bài phát biểu khẳng định lại thắng lợi của cách mạng Việt Nam là “do sức sống mãnh liệt của nền văn hóa lâu đời, của truyền thống yêu nước hàng nghìn năm, của tinh thần đấu tranh bất khuất thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ, của tư tưởng mà Bác Hồ đã nêu rõ: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do!*”. Dân tộc ta đã giành được thắng lợi là do có đường lối chính trị, quân sự đúng đắn và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Rõ ràng, đây là *thắng lợi vĩ đại của Đảng Cộng sản Việt Nam, của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam*”². Trên cơ sở đó, xuất phát từ một sự thật là nước

1. Tham gia Hội thảo có 105 học giả nước ngoài đến từ 38 quốc gia và vùng lãnh thổ của cả năm châu lục và 278 nhà khoa học và hoạt động thực tiễn Việt Nam đến từ mọi miền của đất nước. Có 259 báo cáo khoa học gửi đến Hội thảo, trong đó có 64 báo cáo của các tác giả nước ngoài và 195 báo cáo của các tác giả trong nước.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.360.

Việt Nam còn là một nước nghèo nàn và lạc hậu, một nước đang phát triển, còn xa mới đáp ứng được yêu cầu rất cao về cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, do vậy, nhiệm vụ quan trọng nhất của nhân dân ta là tiếp tục đấu tranh chiến thắng bằng được nghèo nàn, lạc hậu, mang lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, đưa đất nước tiến kịp các nước phát triển. Đại tướng tin tưởng rằng, toàn dân ta, cả đồng bào trong nước và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với quyết tâm lớn, trí tuệ cao, đoàn kết một lòng, hợp tác hữu nghị với tất cả các nước, xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện ham muốn tột bậc của Bác Hồ, đưa đất nước ta sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

Vào dịp kỷ niệm 55 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-2000), ở tuổi 89, mặc dù sức khỏe giảm nhiều, Đại tướng vẫn cùng phu nhân về quê, cổ vũ lễ hội đua thuyền trên sông Kiến Giang¹. Nhân dịp này, Đại tướng đến thăm xã Bảo Ninh, thị xã Đồng Hới quê hương của Bà mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Suốt; thăm doanh nghiệp Trường Thịnh;

1. Hằng năm, vào dịp Quốc khánh, lễ hội đua thuyền được tổ chức trên sông Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, thể hiện đậm bản sắc văn hóa xứ Lệ.

đến thấp hương ở nghĩa trang liệt sĩ xã Lộc Thủy, nghĩa trang liệt sĩ xã Mai Thủy (huyện Lệ Thủy); nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Quảng Bình. Đại tướng nhắc nhở nhân dân nêu cao và thực hiện tốt đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, biết ơn những người có công với nước, biết ơn ông bà, cha mẹ, thực hiện tốt truyền thống của dân tộc.

Về thăm quê lần này, niềm vui của Đại tướng được nhân lên khi biết chính quyền địa phương đã phục dựng lại ngôi nhà ở làng An Xá, mà bà con vẫn thường gọi thân thương là “Nhà bác Giáp”. Ngôi nhà được phục dựng giống như ngôi nhà cũ của Đại tướng, được giữ gìn, tôn tạo thành “Nhà lưu niệm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp”, một “địa chỉ đỏ”, nơi sinh hoạt văn hóa, giáo dục chính trị và những truyền thống tốt đẹp cho thanh niên, nhân dân địa phương và cả nước. Về thăm nhà cũ, Đại tướng thành kính thấp hương lên bàn thờ tổ tiên. Trò chuyện thân mật với bà con, Đại tướng nhớ rõ gia cảnh từng người, nắm chặt tay các cụ cao niên. Trần trở tìm cách thoát nghèo và lo cái lo của những người dân chân lấm tay bùn, Đại tướng khuyên mọi người khôi phục lại làng nghề làm chiếu cói; nhắc các thầy cô giáo, các bậc cha mẹ, ông bà phải chăm lo cho con cháu học hành, phát huy tính tự lực, tự cường.

Ngày 26-10-2000, tại Hà Nội diễn ra Đại hội đại biểu Hội Khuyến học toàn quốc lần thứ III. Là một người đã

từng phụ trách lĩnh vực khoa học - giáo dục, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn suy nghĩ và trăn trở với vấn đề giáo dục của nước nhà. Tại Đại hội, Đại tướng có bài phát biểu *Xây dựng một xã hội học tập, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Nhắc lại những tư tưởng lớn của Bác Hồ về giáo dục, Đại tướng cho rằng trong tình hình hiện nay “Phải tạo nên một *phong trào xã hội hóa giáo dục rộng lớn*: người người học tập, nhà nhà học tập, mọi tổ chức kinh tế và xã hội đều học tập, *làm cho xã hội ta thực sự là một xã hội học tập, một xã hội sáng tạo, dân tộc ta thực sự là một dân tộc hiếu học*, học tập thường xuyên, học tập mãi mãi, học tập suốt đời, trở thành “*một dân tộc thông thái*” như Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời mong muốn”¹.

Ngày 21-12-2000, Hội thảo “Quá trình hình thành, phát triển và vai trò của Quốc hội trong sự nghiệp đổi mới” được tổ chức tại Hà Nội. Với tư cách là một người đã tham gia cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, là đại biểu Quốc hội khóa I và sau đó là đại biểu Quốc hội nhiều khóa nữa², Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và có bài

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sdd, tr.365.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp là đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa VII.

phát biểu về sự ra đời của Quốc hội đầu tiên và vấn đề nâng cao vai trò của Quốc hội trong sự nghiệp đổi mới. Đánh giá quá trình đi đến quyết định cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, Đại tướng cho rằng: “Trong lịch sử thế giới có thể nói chưa có một nước nào cách mạng mới thành công mà dám bầu cử theo kiểu phổ thông đầu phiếu (...). Điều này nói lên, Bác Hồ và Đảng ta đã có niềm tin mãnh liệt vào nhân dân, đồng thời cũng nói lên lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần khát khao được làm người dân một nước tự do, độc lập của nhân dân Việt Nam ta”¹. Nói về Quốc hội trong thời kỳ đổi mới, Đại tướng nhấn mạnh, phải tiếp tục đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động. Phải có cuộc cải tổ về đại biểu Quốc hội.

Kết thúc thế kỷ XX bước sang thế kỷ XXI, tháng 12-2000, Bộ Quốc phòng đã tổ chức Đại hội thi đua quyết thắng toàn quân. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và có bài phát biểu *Quân đội nhân dân Việt Nam hãy nêu cao ý chí quyết chiến, quyết thắng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*. Sau khi nhắc lại những tháng ngày đấu tranh hào hùng và đầy gian khổ để có thắng lợi ngày nay, khẳng định Việt Nam đã làm được những việc như huyền thoại trở thành hiện

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.385.

thực lịch sử nhờ hoài bão lớn, chí khí lớn và trí thông minh sáng tạo, Đại tướng nói đến nhiệm vụ của quân đội trong giai đoạn mới. Theo Đại tướng, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quân đội phải là một trường học lớn. Bộ đội không những được bồi dưỡng bản lĩnh chính trị vững vàng mà còn được nâng cao trình độ khoa học. Trường học quân đội phải bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ trở thành những con người mới xã hội chủ nghĩa¹.

Trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp để lại nhiều tác phẩm chính trị, quân sự, nhiều hồi ký văn học - lịch sử có giá trị lớn như *Từ nhân dân mà ra*, *Những chặng đường lịch sử*, *Đường tới Điện Biên Phủ*, *Chiến đấu trong vòng vây*, *Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử*, *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng...* Nhận thức rõ đó là những tác phẩm có ý nghĩa lớn về nhiều mặt, ngày 8-1-2001, Ban Chấp hành Hội Nhà văn khóa VI tổ chức phiên họp thứ ba, quyết định trao tặng phẩm đặc biệt cho tác phẩm *Đường tới Điện Biên Phủ* vì những giá trị tư tưởng và nghệ thuật mà tác phẩm đem lại cho công chúng. Không đến dự được buổi lễ trao giải thưởng văn học năm 2000 do Hội Nhà văn tổ chức vào

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Sđd, tr.528-540.

ngày 15-1-2001, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có buổi trò chuyện thân mật đầu xuân với đoàn đại biểu Hội Nhà văn do Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ dẫn đầu vào ngày 27-1-2001. Trong buổi trò chuyện, Đại tướng đánh giá cao và tỏ lòng trân trọng đối với di sản Hồ Chí Minh. Di sản đó nhắc nhở những người cách mạng phải có tư cách của người cách mạng “dĩ công vi thượng”, nghĩa là không được vì mình, không đặt quyền lợi của mình lên trên quyền lợi của dân, của nước. Chúng ta đều là con cháu và học trò của Người, dù hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau, giữ cương vị xã hội cao thấp khác nhau, thì tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn là ngọn đuốc soi đường cho ta tiến bước.

Về vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc, Đại tướng nhấn mạnh 8 chữ “Độc lập, Tự do, Thông minh, Sáng tạo” và giải thích rõ hơn: “Chúng ta nhiều lần bị mất nước nhưng không bao giờ bị mất bản sắc văn hóa của dân tộc, luôn kiên quyết chiến đấu để giành độc lập, tự do; rất thông minh và sáng tạo trong sự nghiệp tranh đấu bảo vệ và phát triển bản sắc văn hóa của dân tộc. Hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, giành độc lập và tự do cho Tổ quốc là nguồn cảm hứng lớn cho văn nghệ sĩ chúng ta. Tuy nhiên, dám đánh nhưng phải biết cách đánh thắng bằng bản sắc văn hóa riêng của mình thì mới làm nên chiến thắng. Vì vậy, phải hết sức thông minh và sáng tạo trong văn hóa, văn học,

nghệ thuật; phải chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài thật kỹ lưỡng, phù hợp và làm giàu thêm bản sắc, truyền thống văn hóa dân tộc, hết sức tránh sính ngoại lai căng. Do đó, chúng ta phải thật thông minh, sáng tạo thì mới giữ gìn và phát triển được bản sắc văn hóa của dân tộc”¹.

Năm 2001, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tròn 90 tuổi, đoàn đại biểu Đảng, chính quyền tỉnh Quảng Bình ra thăm và chúc thọ Đại tướng. Đại tướng cùng phu nhân Đặng Thị Bích Hà và các con, cháu niềm nở chào đón, bắt tay từng người. Chia tay đoàn cán bộ Quảng Bình, Đại tướng căn dặn đoàn phải chăm lo thật chu đáo lĩnh vực giáo dục, làm sao để các cháu học thật giỏi, ngày càng có nhiều học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế”.

Cảm động nhất là vào dịp này, mặc dù tuổi cao, sức khỏe giảm nhưng Đại tướng vẫn bố trí thời gian vào Thành phố Hồ Chí Minh để gặp các đồng đội cựu chiến binh. Đây là cuộc gặp gỡ đầy ân tình, đọng lại nhiều kỷ niệm không thể nào quên giữa nguyên Tổng Tư lệnh ở tuổi 90 với các thế hệ cựu chiến binh. Trong cuộc gặp thân tình, sau khi ôn lại những ngày chiến đấu gian khổ, hy sinh; nhắc lại lời dặn dò của Bác trước khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ..., Đại tướng nhắc nhở Hội

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.97.

Cựu chiến binh và bản thân mỗi cựu chiến binh phải làm nòng cốt cho đảng bộ, chính quyền địa phương; phải giữ sao cho ngày càng sáng thêm danh hiệu “Bộ đội Cụ Hồ”.

Hội Nhà báo Việt Nam đến thăm và chúc thọ Đại tướng tròn 90 tuổi. Sau khi nhận bó hoa chúc mừng của giới báo chí và cảm ơn các nhà báo, Đại tướng tâm sự: “Ngày xưa báo chí cách mạng tham gia tích cực vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, đánh thắng ngoại xâm, giành độc lập, thống nhất đất nước. Bây giờ, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ trọng tâm. Cần thường xuyên cổ vũ cho công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Công cuộc đổi mới thành công thì công cuộc bảo vệ Tổ quốc càng vững chắc. Biểu dương, cổ vũ cái mới, cái tốt đẹp phải là nhiệm vụ hàng đầu, nhưng cũng phải kiên quyết chống “giặc nội xâm”, như Bác Hồ từng căn dặn. Cả xây và chống đều phải lấy ổn định đất nước làm mục đích. Có như vậy, báo chí mới hoàn thành sứ mạng vẻ vang của mình”¹.

Năm 2002, về thăm quê, đến nói chuyện với thầy và trò Trường Trung học phổ thông chuyên Quảng Bình, Đại tướng ân cần dặn dò thầy và trò nhà trường phải

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.89-90.

nhận thức “tri thức là của cải quý nhất của con người, của dân tộc và của nhân loại”, và “chúc các thầy, cô ra sức dạy giỏi, các em học sinh học giỏi, trở thành một trường chuyên gương mẫu, đào tạo nhân tài cho tỉnh nhà và cả nước”.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Hội Cựu chiến binh Việt Nam diễn ra tại hội trường Ba Đình, Hà Nội từ ngày 26 đến ngày 28-12-2002 với sự tham gia của 471 đại biểu. Là Chủ tịch danh dự của Hội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và có bài phát biểu về trách nhiệm của cựu chiến binh và tin tưởng chắc chắn cựu chiến binh sẽ làm được. Đại tướng chia sẻ: “... Tuy đã có những tăng trưởng đáng kể, song nước ta vẫn còn là một nước nghèo, tụt hậu, không chỉ so với thế giới mà ngay cả với các nước trong khu vực... Vì vậy, mọi người phải cố gắng học tập, vươn lên, để đưa nước ta tiến nhanh, tiến kịp các nước khác. Điều này rất khó song chúng ta nhất định làm được. Chúng ta đã làm được những điều mà thế giới cho là huyền thoại, đó là việc đánh thắng các đế quốc lớn như Nhật, Pháp, Mỹ... Hơn nữa, chúng ta nhất định làm được vì nhân dân ta rất thông minh, con người Việt Nam rất trí tuệ...”¹.

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.97.

Tình cảm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với bè bạn quốc tế luôn được coi là một điểm chói sáng trong sự nghiệp cách mạng của ông. Đại tướng nhận thức sâu sắc rằng cách mạng Việt Nam thắng lợi là nhờ một phần giúp đỡ rất quan trọng của bạn bè quốc tế và thắng lợi của nhân dân Việt Nam cũng là thắng lợi của bạn bè quốc tế yêu chuộng hòa bình. Thấu hiểu các nước cùng cảnh ngộ như Việt Nam, vì vậy, Đại tướng đặc biệt trân trọng, ưu ái tình cảm của các bạn châu Phi đối với nhân dân Việt Nam. Tháng 10-1980, Đại tướng đã đi thăm 12 nước châu Phi và truyền lửa đấu tranh cho bạn bè quốc tế.

Tháng 5-2003, đúng một năm trước sự kiện 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội thảo “Việt Nam - châu Phi” được tổ chức tại Hà Nội. Đại biểu 23 nước ở châu Phi đã tới dự. Ngài Bộ trưởng K. Angula, Trưởng đoàn Namibia, đại diện cho 23 đoàn khách châu Phi, tới thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Trong cuộc tiếp kiến đầy thân tình và trọng thị, Đại tướng nói rằng, sự hợp tác Việt Nam - châu Phi đã phát triển, nhưng còn chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của hai bên. Vì vậy, vấn đề này cần phải làm nhiều hơn nữa để thúc đẩy mối quan hệ đó. Tôi mong rằng chúng ta không chỉ hợp tác về nông nghiệp mà còn phải tiến xa hơn trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Khối đoàn kết Việt Nam - châu Phi, hợp tác với các nước phát triển, sẽ

từng bước tiến kịp họ về tất cả các mặt. Khi nói về kinh nghiệm dẫn đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Đại tướng nhấn mạnh rằng nhờ sự quán triệt sâu sắc khẩu hiệu hành động do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”¹.

Năm 2004, chuẩn bị kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại tướng vào Thành phố Hồ Chí Minh giao lưu với Ban liên lạc truyền thống chiến sĩ Điện Biên Phủ. Ngày 5-1-2004, trong cuộc trò chuyện thân tình với những người đã có mặt trong chiến dịch Điện Biên Phủ, mọi người nhắc lại quyết định sáng suốt của Đại tướng trong việc thay đổi phương châm. Nghe xong, Đại tướng chậm rãi nói:

“Đây là quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của tôi. Người đi tới quyết định sáng suốt ấy chính là Bác Hồ. Bác đã trao trọng trách cho tôi trước khi lên đường đến Điện Biên Phủ: Tổng Tư lệnh ra mặt trận, tướng quân tại ngoại. Trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng! Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.120.

2. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng, Sđd*, tr.258.

Cũng nhân dịp này, nhận lời mời của lãnh đạo tỉnh Đồng Nai, Đại tướng đã về thăm Đồng Nai. Tại hội trường tỉnh ủy, trước đông đảo cán bộ, công chức, viên chức thuộc cán ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Đại tướng trò chuyện thân mật. Ông nhấn mạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân ngang tầm với địa phương có nền công nghiệp lớn và đa dạng ngành nghề như Đồng Nai. Theo tư tưởng “lấy dân làm gốc” của Bác, phải biết dựa vào dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và xác định nhu cầu phát triển để xây dựng chiến lược kinh tế - quốc phòng và an ninh - xã hội. Đặc biệt, địa phương phải chú ý đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân trẻ, đủ các ngành nghề, để kế tiếp, xứng đáng với truyền thống của một tỉnh anh hùng trong chiến đấu và năng động, sáng tạo trong hòa bình xây dựng, góp phần cùng với Đảng, Nhà nước đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa ở nông thôn”¹.

Ngày 13-3-2004, nhân kỷ niệm 50 năm trận đánh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ ở đồi Him Lam, một cuộc gặp mặt thân mật đại diện anh hùng chiến sĩ Điện Biên Phủ do Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Hà Nội đã được tổ chức tại hội trường Bảo tàng Hồ Chí Minh. Hơn 300 cựu chiến binh

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.262.

ở Hà Nội và một số tỉnh khác đã tụ hội về đây. Cuộc gặp hết sức long trọng khi có mặt của Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Đại tướng Chu Huy Mân, Đại tướng Nguyễn Quyết cùng đông đảo đại diện của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị. Cả hội trường vỗ tay vang dậy khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên nói chuyện. Ông nói: Tôi hết sức xúc động có dịp gặp mặt các bạn chiến đấu ở đây. Từ tấm lòng tôi gửi đến các đồng chí tình cảm thân thiết nhất... Chúng ta nhớ đến các bạn chiến đấu đã cùng lập nên những chiến công lớn mà ngày nay không còn nữa. Hình ảnh các đồng chí còn mãi với non sông đất nước Việt Nam, với tất cả chúng ta, với toàn thể nhân dân và những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới... Cuối cùng Đại tướng mong muốn các chiến sĩ Điện Biên năm xưa, các cựu chiến binh hãy luôn luôn nhớ lời Bác Hồ dạy, tích cực học tập, thông minh, sáng tạo trong công việc, vượt lên mọi khó khăn, gian khổ, chiến thắng đói nghèo và lạc hậu, góp phần làm nên một Điện Biên Phủ mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nhân dịp này, Đại tướng phát biểu với các phóng viên báo chí Trung ương và Hà Nội: “Tôi rất mong Thủ đô ta, trước đây đã có tinh thần năng động, sáng tạo trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bây giờ kỷ niệm ngày lễ lớn này, thiết thực nhất là nhân dân và Đảng bộ, chính quyền Hà Nội, đặc biệt là thanh niên,

hãy phát huy tinh thần quyết chiến, quyết thắng, mưu trí, sáng tạo của Điện Biên Phủ và công cuộc đổi mới, lập nên những thành tích vượt bậc, để xây dựng Thủ đô ta văn minh, giàu đẹp, hiện đại, xứng đáng với truyền thống cha ông và lòng mong mỏi của Bác Hồ. Trước đây, Hà Nội đã cùng cả nước đánh thắng giặc ngoại xâm. Ngày nay, Thủ đô nhất định sẽ cùng cả nước chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”¹.

Tròn nửa thế kỷ chiến thắng Điện Biên Phủ, tháng 4-2004, ở tuổi 93, tuy sức khỏe có phần giảm sút, nhưng Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn trở lại chiến trường xưa, thăm hỏi, chúc mừng và cảm ơn đồng bào, đồng chí tỉnh Điện Biên. Đại tướng vào viếng nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên, thăm Tượng đài Chiến sĩ Điện Biên, về nơi đặt Sở Chỉ huy chiến dịch và thăm đồng bào xã Mường Phăng... Đến đâu, ông cũng được nhân dân nồng nhiệt chào đón trong niềm vui sướng và xúc động lớn. Đến dự cuộc gặp mặt ở Mường Phăng có đủ các tầng lớp nhân dân, từ các cháu học sinh đến cụ già hơn 100 tuổi và gần 100 cựu chiến binh, ngực lấp lánh huân chương. Từ già đến trẻ đều tỏ lòng ngưỡng mộ,

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sdd, tr.251.

kính trọng với tình cảm hết sức đặc biệt đối với Đại tướng. Với đầu óc còn hết sức minh mẫn, đúng 10 giờ 15 phút ngày 19-4-2004, Đại tướng nhắc lại với đồng chí trợ lý đi cùng¹ một sự kiện giờ này 50 năm trước. Sau đó, trong khi nói chuyện với nhân dân xã Mường Phăng, Đại tướng nhắc nhở đồng bào nên phát triển nghề truyền thống dệt thổ cẩm để bán ra các tỉnh và xuất khẩu. Đại tướng mong các thầy giáo, cô giáo trong xã dạy giỏi, đoàn kết tốt, các cháu học sinh chăm ngoan. Ông biểu dương đồng bào Mường Phăng bảo vệ rừng trong nhiều năm qua. Bà con cần phát huy hơn nữa để rừng phục vụ cuộc sống của làng bản. Trước khi chia tay, Đại tướng đã tặng quà cho bà con².

1. Đó là Đại tá Nguyễn Văn Hiếu, trước đây giữ chức Chánh Văn phòng Sở Chỉ huy chiến dịch.

2. Nhân kỷ niệm 56 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và mừng Đại tướng 100 tuổi, ngày 5-5-2010, tại Trường tiểu học số 3 xã Mường Phăng, đại diện gia đình Đại tướng, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Công ty Boeing và Cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam, tổ chức lễ khánh thành nhà học hai tầng, đồng thời đưa vào sử dụng 7 phòng học vừa cải tạo, một phòng máy tính (10 máy tính và 1 máy chiếu), do gia đình Đại tướng tặng. Tổng giá trị xây mới và sửa chữa khoảng 3 tỷ đồng phục vụ cho 25 thầy cô giáo giảng dạy và cho hơn 200 học sinh học tập tại trường.

Đại tướng tặng riêng ông Lò Văn Bổng một suất vì ông đã có công bảo vệ rừng trong nhiều năm với tên gọi “Rừng ông Giáp”.

Ngày 7-5-2004, tại Hà Nội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp vinh dự đón nhận Huân chương Hữu nghị Độc lập do Tổng thống Cộng hòa Angiêri Dân chủ và Nhân dân tặng, thông qua Bộ trưởng Bộ Cựu chiến binh Angiêri Mohamed trong dịp sang Việt Nam dự lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Bộ trưởng cũng đã trao tặng Đại tướng Huy chương Hữu nghị của quân đội Angiêri. Những phần thưởng cao quý đó là biểu tượng của lòng ngưỡng mộ, kính trọng của nhân dân Angiêri đối với Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói riêng, với Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam nói chung.

Trong dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, đoàn cán bộ, cựu chiến binh và cựu dân quân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức chuyến đi “về nguồn”, xin được thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại nhà riêng. Với tình cảm đặc biệt với Thành phố Hồ Chí Minh, Đại tướng đã sắp xếp thời gian tiếp đoàn. Trong buổi gặp mặt, Đại tướng thân mật trò chuyện. Ông nói: Thành phố mang tên Bác, thành phố anh hùng, là một trong số địa phương năng động nhất nước. Vì vậy, mỗi thành viên ở đây luôn tự hào và tích cực đóng góp sức người, sức của, xây dựng và giữ vững truyền thống tốt đẹp đó. Lòng trung thành với Đảng, với nhân dân, với Tổ quốc là động lực lớn giúp anh chị em vượt qua mọi khó khăn, rào cản, dũng cảm vươn lên, xứng đáng với người công dân của thành phố mang tên Bác.

Ngày 2-11-2004, Võ Nguyên Giáp cùng gia đình đi chuyến tàu khách, khởi hành từ ga Hà Nội, về thăm quê. Đây là chuyến thăm quê hương cuối cùng của Đại tướng. Sáng hôm sau tới ga Đồng Hới. Trời chưa sáng hẳn nhưng các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương đã có mặt đón Đại tướng. Theo chương trình, Đại tướng đã có buổi gặp mặt các cán bộ chủ chốt của tỉnh; thăm huyện Lệ Thủy, thăm nhà ở tại làng An Xá, xã Lộc Thủy và một số cơ sở kinh tế, du lịch của tỉnh.

Trong buổi gặp gỡ cán bộ chủ chốt của tỉnh ở hội trường tỉnh, Đại tướng nói: Dù ở xa nhưng tôi vẫn hướng về quê hương; có khá đầy đủ thông tin về Quảng Bình. Tỉnh nhà có những việc làm tốt, tôi vui; nhưng cũng buồn khi tỉnh nhà có những chuyện chưa hay như trẻ con ném đá lên tàu, nạn phá rừng... Đại tướng nhắc nhở các đồng chí lãnh đạo tỉnh tìm giải pháp khắc phục tình trạng bồi lắng ở cửa sông Nhật Lệ để giúp dân đi biển được dễ dàng; giữ gìn nguồn nước ở hồ Bàu Tró và tiến hành quy hoạch tổng thể Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, một di sản thiên nhiên của thế giới. Quảng Bình vẫn là một tỉnh nghèo. Vì vậy, địa phương phải có những giải pháp cụ thể để thoát nghèo, vươn lên cùng sự phát triển chung của cả nước¹.

1. Xem Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.23.

Đại tướng là một tấm gương mẫu mực về tình yêu quê hương, mỗi lần về thăm quê, ông vẫn nhớ từng mảnh ruộng, góc vườn, con đò, bến nước, nhớ rất rõ tính cách từng người và hoàn cảnh từng gia đình bà con, hàng xóm. Nói chuyện với bà con trong vùng, ông luôn nói đúng chất giọng quê hương với những phương ngữ thổ âm của miền đồng chua nước mặn nhưng sâu lắng và nặng tình. Tiếp xúc với lãnh đạo địa phương, ông căn dặn rất chu đáo về sự cấp bách phải đổi mới tư duy, nếp nghĩ, cách làm nhưng phải giữ cho được truyền thống văn hóa quê hương, đặc biệt là những sinh hoạt văn hóa truyền thống như đua thuyền, hò khoan... Ông đặc biệt lưu ý các cấp, các ngành cần tìm mọi biện pháp tốt nhất để phát triển giáo dục - đào tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại từ đó giúp quê hương ổn định, phát triển.

Nhân Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XIV (2005 - 2010), Đại tướng gửi thư chúc mừng và căn dặn: “Tôi mong Đại hội lần này hãy nhìn thẳng vào sự thật, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, phát huy dân chủ, bàn bạc để thấy rõ những nguyên nhân, đề ra những chủ trương, giải pháp đúng đắn, sát thực tiễn, tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ trong kinh tế - xã hội và xây dựng Đảng. Tỉnh Quảng Bình đã có truyền thống hết sức vẻ vang, trong kháng chiến đã được Bác Hồ khen: “Quảng Bình chiến đấu giỏi, sản xuất cũng giỏi”.

Phát huy truyền thống đó, ngày nay Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình quyết tâm chiến thắng bằng được nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên xây dựng cuộc sống mới ngày càng giàu mạnh, văn minh”¹.

Ngày 16-3-2005, tại hội trường Ba Đình, Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Hội Cựu chiến binh thành phố Hà Nội tổ chức buổi gặp mặt cựu chiến binh với chủ đề “Mừng Đảng quang vinh, mừng Xuân đại thắng”. Buổi gặp mặt vui mừng được đón tiếp đồng chí Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ tịch danh dự Hội Cựu chiến binh Việt Nam, đại diện các đồng chí lão thành cách mạng, các tướng lĩnh, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Sau khi nghe Trung tướng Đặng Quân Thụy, Chủ tịch và Trung tướng Trần Hanh, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam báo cáo thành tích hoạt động của cựu chiến binh toàn quốc thời gian qua, Đại tướng bày

1. Đỗ Thị Thu: “Đại tướng Võ Nguyên Giáp với quê hương Quảng Bình”, in trong Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Tỉnh ủy Quảng Bình: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Bình* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học), Quảng Bình, tháng 11-2015, tr.188-189.

tổ niềm phấn khởi, tin tưởng và có bài phát biểu hết sức xúc động: “Các đồng chí là cựu chiến binh, như tôi thường nói: “Cựu mà không cũ”. Các đồng chí không những tham gia bảo vệ Tổ quốc, giữ vững non sông đất nước, mà còn làm nhiệm vụ xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, sánh vai cùng các nước trên thế giới như mong ước của Bác Hồ kính yêu... Năm nay tôi cũng nhiều tuổi rồi. Vì vậy, chúng ta gặp mặt nhau đây là quý rồi, không thể còn nhiều lần nữa... Chúc các đồng chí mạnh khỏe, nhiều hạnh phúc. Toàn thể cựu chiến binh phải là những gia đình đủ ăn, đủ mặc, còn tham gia giúp các gia đình nghèo... Một lần nữa, chúc các đồng chí mạnh khỏe, làm nhiệm vụ ngày càng tốt hơn. Xin báo cáo, hết!”¹.

Năm 2005 có nhiều ngày kỷ niệm trọng đại đối với Đảng và dân tộc, một trong những ngày đó là kỷ niệm 115 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 17-5-2005, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học kỷ niệm 115 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại tướng Võ Nguyên Giáp có bài tham luận với nhan đề *Làm theo lời Bác - Dĩ công vi thượng*. Bài tham luận có đoạn: “Hơn 60 năm đã trôi qua, lời dạy ấy vẫn còn vang vọng bên tai tôi. Bác chỉ nói ngắn

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sdd, tr.193.

gọn trong bốn chữ như vậy mà tôi nhớ mãi mãi và phấn đấu làm theo lời Người suốt đời cho tới hôm nay. “Dĩ công vi thượng” là cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích chung lên trên hết, tất cả vì nước, vì dân, đặt lợi ích của dân, của nước, của Đảng lên trên hết; đem lòng chí công vô tư mà đối xử với người, với việc, không mảy may có chút chủ nghĩa cá nhân. “Dĩ công vi thượng” là một trong những nội dung cơ bản của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Bản thân Người là một tấm gương mẫu mực về “dĩ công vi thượng”¹.

Tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI (tháng 6-2005), trong chương trình làm việc, Quốc hội sẽ thông qua Luật giáo dục. Đọc dự thảo luật, Đại tướng đề nghị chưa thông qua, vì một số nội dung cơ bản của luật chưa thể hiện rõ ràng, như: mục tiêu giáo dục, nguyên lý giáo dục, nội dung chương trình, sách giáo khoa, hệ thống giáo dục quốc dân, trách nhiệm của nhà giáo...

Tiếp thu ý kiến của Đại tướng, Ủy ban Thẩm tra và Ban soạn thảo đã rà soát lại từng chương, điều, chỉnh lý, bổ sung nhiều nội dung mới đưa vào luật. Trước ngày Quốc hội thông qua luật, lãnh đạo Quốc hội và lãnh đạo Chính phủ đến báo cáo kỹ với Đại tướng những chương, điều đã tiếp thu, sửa chữa, bổ sung.

1. Báo Nhân Dân, ngày 17-5-2005.

Trong buổi làm việc, sau khi nhắc lại sự nghiệp “trồng người” trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh “trong luật phải xác định thật rõ mục tiêu giáo dục, nguyên lý giáo dục để từ đó xây dựng chương trình, lựa chọn phương pháp giảng dạy khoa học, hình thành các bộ sách giáo khoa mẫu mực, ổn định... Và điều quan trọng nhất là phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo. Đây là khâu quyết định chất lượng giáo dục”¹. Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn Yếu thay mặt đoàn cảm ơn và chúc Đại tướng luôn mạnh khỏe, tiếp tục đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho sự phát triển đất nước nói chung và cho sự nghiệp giáo dục nói riêng.

Đối với nhân dân thế giới, những từ Việt Nam - Hồ Chí Minh - Võ Nguyên Giáp - Điện Biên Phủ đồng nghĩa với “đấu tranh, anh hùng, độc lập, tự do, chiến thắng”. Nhiều nguyên thủ quốc gia và các tướng lĩnh trên thế giới mong muốn được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị tướng huyền thoại, vị anh hùng dân tộc, một trong những biểu tượng của lòng tự hào dân tộc Việt Nam.

Ngày 31-7-2006, tại nhà riêng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đón tiếp Tổng thống Venêxuêla Hugo Chavez,

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sdd, tr.96.

một chiến sĩ của tư tưởng cách mạng Bolivar, đã phấn đấu không mệt mỏi vì đất nước Vê-nê-xuê-la, vì một thế giới công bằng, tốt đẹp và tràn đầy tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc. Sau khi nghe Tổng thống Hugo Chavez bày tỏ lòng cảm phục đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, với nhân dân Việt Nam và cá nhân vị Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cảm ơn những lời nói chân tình của Tổng thống và nói vui rằng: “Hôm nay, cả tôi và Tổng thống còn rất khỏe để tiếp tục cống hiến cho đất nước”. Tặng sách¹ cho Tổng thống Hugo Chavez, Đại tướng nắm chặt tay ông và nói: “Chúng ta không những xuất bản sách, đọc sách mà còn phải hành động”. Tổng thống Hugo Chavez trân trọng tặng Đại tướng thanh bảo kiếm, được làm phỏng theo thanh kiếm của tướng Simon Bolivar mà nhân dân Pê-ru đã tặng ông năm 1825, sau khi ông lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, khai sinh ra một số nước cộng hòa ở Mỹ Latinh.

Trong thời gian này, tại nhà riêng ở Hà Nội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn tiếp chuyện nhiều đoàn đại biểu quốc tế khác, như bà M. Bachelet, Tổng thống

1. Đại tướng tặng bộ sách gồm 3 cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*; *Điện Biên Phủ*; *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*.

Chilê; Tổng thống Thabo Mbeki và đoàn đại biểu Nam Phi; Tổng thống Couchevin và đoàn đại biểu Thụy Sĩ...

Ngày 12-12-2007, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ IV họp tại hội trường Bộ Quốc phòng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vì lý do sức khỏe, không đến dự được, đã gửi thư và lẵng hoa chúc mừng Đại hội. Bức thư có đoạn: Hội và hội viên cựu chiến binh phải hết sức vững vàng về chính trị tư tưởng, tiếp tục nêu cao phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mặc dù đã nghỉ hưu nhưng Đại tướng vẫn rất quan tâm và tích cực đóng góp ý kiến đối với những công việc quan trọng của đất nước như: việc xây dựng tòa nhà Quốc hội, dự án khai thác bôxít ở Tây Nguyên,...

Vốn là một giáo viên dạy sử, Đại tướng Võ Nguyên Giáp hiểu rõ tầm quan trọng của sử học và môn lịch sử trong các nhà trường. Ngày 26-3-2008, nhân Hội Khoa học lịch sử Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học “Môn lịch sử trong nhà trường phổ thông: thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gửi thư tới hội thảo. Đoạn mở đầu của thư viết: “Tôi đã nhiều lần phát biểu sử học là một ngành khoa học rất quan trọng trong nền khoa học xã hội và nhân văn, và môn lịch sử là một trong những môn học cơ bản trong

hệ thống giáo dục phổ thông. Lịch sử không chỉ trang bị cho thế hệ trẻ những kiến thức cơ sở về lịch sử dân tộc và thế giới mà còn giữ vai trò quan trọng bậc nhất trong giáo dục chủ nghĩa yêu nước, các giá trị truyền thống và cách mạng, góp phần xây dựng nhân cách, bản lĩnh con người, bản lĩnh văn hóa dân tộc”¹. Quan điểm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thể hiện tầm nhìn và cách nhìn về giáo dục Việt Nam.

Năm 2008 đối với Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một kỷ niệm đặc biệt - kỷ niệm 60 năm ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký quyết định phong quân hàm Đại tướng. Chiều ngày 25-5-2008, các đoàn cựu chiến binh khắp mọi miền đất nước, cựu thanh niên xung phong, các nhà khoa học, đại biểu đồng bào các địa phương đến số nhà 30 Hoàng Diệu chúc mừng Đại tướng nhân sự kiện này. Sau khi nghe những lời chúc mừng của các đại biểu, Đại tướng nói: “Hôm nay, các đồng chí, đồng bào và các cháu đến chúc mừng tôi nhân dịp tròn 60 năm nhận quân hàm Đại tướng. Tôi xin cảm ơn! Trong suốt quá trình công tác, cống hiến của mình, tôi luôn ghi lòng tạc dạ lời căn dặn của Bác Hồ: hết lòng phục vụ cách

1. Thư của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi Hội thảo khoa học “Môn lịch sử trong nhà trường phổ thông: thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”, in trong Võ Nguyên Giáp: *Quyết tâm tiến lên, biết tiến lên*, Sđd, tr.170.

mạng, vì độc lập, tự do của dân tộc. Chiến công vĩ đại của ta trong hai cuộc kháng chiến chống giặc, cứu nước là chiến công của sự đoàn kết trong Đảng, trong toàn dân, toàn quân ta... Tôi mong rằng toàn dân ta sẽ tiếp tục đoàn kết một lòng thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của đất nước, phấn đấu đưa nước Việt Nam trở thành quốc gia giàu mạnh, sánh vai cùng các nước trên thế giới”¹.

Đối với Hội Cựu chiến binh Thủ đô Hà Nội, việc thăm hỏi, xin ý kiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với hội cựu chiến binh ở các tỉnh, thành phố trong cả nước. Vì vậy, trong hơn 20 năm từ lúc Đại tướng nghỉ hưu, đặc biệt là khoảng 5 năm cuối đời khi Đại tướng phải nằm điều trị ở bệnh viện, vào các dịp lễ, tết, ngày kỷ niệm, ngày sinh..., Hội Cựu chiến binh thành phố Hà Nội đều đến thăm hỏi và chúc mừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ngày 22-8-2008, nhân sinh nhật Đại tướng 98 tuổi, Đoàn cựu chiến binh Hà Nội do Thiếu tướng Đỗ Quốc Ân, Phó Chủ tịch Hội dẫn đầu cùng một số cán bộ trong cơ quan và Ban Chủ nhiệm câu lạc bộ Doanh nhân cựu chiến binh Thủ đô đến thăm Đại tướng. Đoàn mang theo bức trướng bằng lụa đỏ, thêu chữ vàng: “Mừng thọ

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.221.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp 98 tuổi”. Sau khi nghe Thiếu tướng Đỗ Quốc Ân báo cáo vắn tắt kết quả hoạt động của Hội Cựu chiến binh Hà Nội, Đại tướng nói: “Thủ đô hiện có hơn 20 nghìn cựu chiến binh, như thế là mạnh đấy! Tôi đang cố gắng “chấp hành mệnh lệnh” của các đồng chí và nhân dân giao cho là sống trên một trăm tuổi. Nhưng xin được phân đoạn để phấn đấu. Trước mắt là tôi được thấy Thủ đô và cả nước kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Chúng ta đã từng đóng góp công sức, tài năng cho sự nghiệp giải phóng và bảo vệ đất nước. Nay, cựu chiến binh còn sức khỏe và những kinh nghiệm sống, phải cùng con cháu phấn đấu cho công cuộc đổi mới, xây dựng Thủ đô “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, như Bác Hồ mong muốn. Xin chúc các đồng chí mạnh khỏe. Sang năm ta lại gặp nhau vui vẻ... Cho tôi gửi lời thăm hỏi Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các đồng chí thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và các cựu chiến binh, cựu quân nhân của Thủ đô Hà Nội”¹.

Tháng 7-2008, Đại tướng tiếp Tổng thống Lula da Silva và đoàn đại biểu Braxin tại nhà riêng ở số 30 Hoàng Diệu. Sau khi nghe những lời ca ngợi của Tổng thống Lula da Silva về cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam, coi đó là di sản quý báu của

1. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sdd, tr.212.

nhân dân và thanh niên hai nước, Đại tướng đồng tình cho rằng mỗi nước cần phải ưu tiên đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ, làm sao để thanh niên hiểu được truyền thống của dân tộc và tình hữu nghị giữa Việt Nam và Braxin, từ đó vun đắp cho quan hệ hai nước ngày một tốt đẹp hơn. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề xuất thời gian tới hai nước cần thúc đẩy giao lưu, hợp tác nhiều hơn nữa trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, văn hóa..., để quan hệ hai nước phát triển tương xứng với tiềm năng sẵn có.

Là vị Đại tướng lừng danh trên các chiến trường, ông thấu hiểu nỗi đau của chiến tranh, hiểu được giá trị của chiến thắng. Trong cuộc chiến, biết bao người lính, đồng bào, đồng chí đã ngã xuống, biết bao người đã bị nhiễm chất độc da cam/dioxin, để lại hậu quả cho các đời con cháu. Các công ty hóa chất của Mỹ và chính quyền Mỹ đã chi nhiều tiền bồi thường cho binh lính của họ bị nhiễm chất độc da cam/dioxin, nhưng lại không bồi thường cho người dân Việt Nam là những nạn nhân của loại chất độc này. Đại tướng đã đồng hành cùng các nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam kiên trì, kiên quyết đấu tranh đòi hỏi sự công bằng.

Năm 2009, Đoàn nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam gồm 14 thành viên với tư cách nhân chứng và người bị hại, đại diện cho 3 triệu nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở Việt Nam lên đường sang Paris dự phiên

tòa công luận quốc tế ủng hộ nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam. Đại tướng đã gửi thư đến phiên tòa lên án phán quyết phi lý, không công bằng của Tòa án Mỹ đối với nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam. Bức thư có đoạn: Tôi tin chắc Tòa án nhân dân lương tâm quốc tế đưa ra được những kết luận, buộc phía Mỹ phải có trách nhiệm trong việc giải quyết hậu quả nặng nề và kéo dài do cuộc chiến tranh hóa học mà Mỹ gây ra ở Việt Nam¹.

Tháng 1-2009, nhân dịp Tết Kỷ Sửu, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tiếp Đoàn Ủy ban phối hợp về Trung tâm nhiệt đới Việt - Nga do Thượng tướng, Tiến sĩ Nguyễn Huy Hiệu, đồng Chủ tịch Ủy ban, cùng Thiếu tướng, Tiến sĩ, Viện sĩ Trịnh Quốc Khánh, Tổng Giám đốc (phía Việt Nam) và Tiến sĩ Cudonhétxốp, Tổng Giám đốc (phía Nga). Trong thời gian làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, phụ trách khoa học - kỹ thuật, Đại tướng rất quan tâm đến nền khoa học Liên Xô trước đây, đặc biệt khoa học - kỹ thuật quân sự. Trong công cuộc đổi mới, ông rất vui mừng khi thấy tình cảm quốc tế giữa Việt Nam và Liên bang Nga vẫn để lại một dấu ấn sâu đậm. Trong cuộc trò chuyện với đoàn, Đại tướng hoan nghênh sự hợp tác có hiệu quả của

1. Xem Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Sđd, tr.264.

Trung tâm, đồng thời khẳng định tình cảm giữa hai Nhà nước, hai dân tộc Việt - Nga là mẫu mực, luôn luôn gắn bó thủy chung. Nhân dân Việt Nam mãi mãi biết ơn nhân dân Liên Xô trước đây đã góp phần giúp Việt Nam giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước. Ngày nay, quan hệ Việt - Nga, trong điều kiện mới, lợi ích chiến lược mới, cần chú trọng các lĩnh vực kinh tế, thương mại, giáo dục, khoa học và công nghệ. Đại tướng nhấn mạnh: “Tôi mong các đồng chí tiếp tục phát huy và làm tốt hơn nữa”.

Cũng trong năm 2009, nhân kỷ niệm 55 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại tướng đã tiếp 26 tùy viên quân sự của 23 nước tại Việt Nam tới thăm. Đây là đại diện các nước đã từng ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, như tùy viên quân sự Nga, Trung Quốc, Cuba, Lào... Nói chuyện với các tùy viên, Đại tướng mong rằng trong giai đoạn hiện nay, các tùy viên quân sự sẽ tích cực góp sức mình trong công cuộc xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với thế giới.

Năm 2010, cả nước nói chung, Thủ đô Hà Nội nói riêng đón một sự kiện lớn: Đại lễ 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Nhân sự kiện trọng đại này, sáng ngày 24-8-2010, Đoàn đại biểu thành phố Hà Nội do đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy dẫn đầu đến thăm và chúc thọ Đại tướng. Bí

thư Thành ủy Phạm Quang Nghị đã tặng Đại tướng con rồng thứ 100 trong số 1.000 con rồng được đúc¹ mừng ông tròn 100 tuổi. Trong thời gian qua, Thủ đô luôn ghi nhớ những lời nhắc nhở của Đại tướng, quyết tâm xây dựng Đảng bộ, chính quyền đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện tốt lời Bác dạy: xây dựng Thủ đô giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Nhân dịp này, Đại tướng có lời phát biểu khẳng định rằng những công trình chào mừng Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội rất có ý nghĩa, cần phải coi trọng chất lượng. Có thể chưa nhiều nhưng phải là những công trình xứng đáng với “ngàn năm”. Bên cạnh đó, Hà Nội phải có những phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường “xanh, sạch, đẹp”, thiết thực phục vụ đời sống cộng đồng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người con của quê hương Quảng Bình nhưng ông cũng được coi là một trong những nhân vật tuyệt vời nhất của đất Thăng Long nghìn năm văn vật. Gần như cả cuộc đời ông hoạt động cách mạng ở Thủ đô, cùng với Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra những quyết sách quan trọng liên quan đến vận mệnh của dân tộc. Vì vậy, việc Đại tướng dành sự

1. Nhân Đại lễ 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, Thủ đô Hà Nội đúc 1.000 con rồng, được đánh số từ 1 đến 1.000.

quan tâm đặc biệt cho Thủ đô Hà Nội cũng là lẽ tự nhiên, một điều dễ hiểu.

Nhân dịp năm mới Canh Dần 2010, qua báo *Cựu chiến binh Việt Nam*, Đại tướng gửi lời chúc mừng năm mới Hội Cựu chiến binh: Thân ái chúc Hội Cựu chiến binh Việt Nam, toàn thể cựu chiến binh, cựu quân nhân trong cả nước, tiếp tục phát huy bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, luôn luôn vững vàng về chính trị tư tưởng, gương mẫu về đạo đức; nêu cao tinh thần đồng đội, giúp nhau trong cuộc sống, tham gia vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng.

Ngày 22-5-2011, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đi bỏ phiếu, thực hiện quyền công dân trong cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Đại tướng từ trần (ngày 4-10-2013)

Từ đầu năm 2013, bệnh tình của Đại tướng Võ Nguyên Giáp có những biểu hiện nặng hơn, sức khỏe ngày càng xấu đi. Sau 1.559 ngày, được sự quan tâm điều trị tận tâm, tận lực của các bác sĩ trong và ngoài Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 và sự chăm sóc của gia đình, nhưng vì tuổi cao, sức yếu, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã trút hơi thở cuối cùng lúc 18 giờ 9 phút ngày 4-10-2013 (tức ngày 30-8 âm lịch năm Quý Tỵ), thọ

103 tuổi. Đại tướng Võ Nguyên Giáp mất đi là một tổn thất lớn đối với Đảng, Nhà nước, nhân dân, quân đội ta và gia quyến Đại tướng.

Đại tướng ra đi còn để lại sự tiếc thương trong lòng bạn bè quốc tế. Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào Chummaly Xaynhaxôn đã viết: Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn kề vai, sát cánh cùng chúng tôi. Mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào đã trải qua nhiều giai đoạn xương máu, quân đội, nhân dân hai nước đã hòa quyện vào nhau. Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một người đã luôn kề vai, sát cánh cùng với chúng tôi trong suốt quá trình cách mạng. Mặc dù Đại tướng đã ra đi nhưng chúng tôi xin hứa sẽ cùng với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam tiếp tục giữ gìn và vun đắp mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước, trao truyền lại cho các thế hệ mai sau.

Chủ tịch Đảng Nhân dân Campuchia, Chủ tịch Quốc hội Vương quốc Campuchia Hêng Xomrin viết: Sự ra đi của Đại tướng là một mất mát lớn lao. Sự ra đi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một mất mát lớn đối với nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế. Quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia trong thời gian qua đã được thúc đẩy trên nhiều phương diện. Mối quan hệ đó được xây dựng từ thời Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quốc vương Xi-ha-nút và được các thế hệ nối tiếp, trong đó có Đại

tướng Võ Nguyên Giáp kế thừa. Chúng tôi sẽ tiếp tục giữ gìn mối quan hệ sẵn có với Việt Nam, đặc biệt là quan hệ giữa Đảng Nhân dân Campuchia với Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong ngày đầu tiên của phiên họp thường kỳ tiến hành vào ngày 10-10-2013, Quốc hội Vênêxuêla đã thảo luận và thông qua Nghị quyết tưởng nhớ Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nghị quyết xác nhận Vênêxuêla sẽ tiến hành hệ thống hóa, xuất bản, phát hành và nghiên cứu các tác phẩm và sự nghiệp của Đại tướng về cuộc chiến chống chủ nghĩa đế quốc. Cũng tại phiên họp này, nhiều nghị sĩ Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Vênêxuêla (PSUV) đã phát biểu ca ngợi công lao và sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng như những thành tựu kinh tế - xã hội của Việt Nam trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong hai ngày 11 và 12-10-2013, Đại sứ quán Việt Nam tại Mỹ tổ chức đón tiếp đại diện chính quyền, Quốc hội Mỹ, đoàn ngoại giao các nước ở Thủ đô Washington, các tổ chức, cá nhân, cán bộ, nhân viên, thân nhân các gia đình của Đại sứ quán và các cơ quan đại diện của Việt Nam tại Mỹ cùng đông đảo sinh viên, bà con Việt kiều đang sinh sống, học tập tại Mỹ đến viếng Đại tướng Võ Nguyên Giáp và ghi sổ tang tại trụ sở Đại sứ quán. Quyền Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ Scot Marciel thay mặt Chính phủ Mỹ đến viếng Đại tướng

Võ Nguyên Giáp, bày tỏ chia buồn và khẳng định Đại tướng là “một cá nhân và nhà lãnh đạo quan trọng” của nhân dân Việt Nam và là người ủng hộ hòa giải và cải thiện quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ.

Ngày 12-10-2013, Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh (Trung Quốc) tổ chức lễ viếng Đại tướng Võ Nguyên Giáp với sự có mặt của đông đảo các đại diện cộng đồng người Việt Nam sinh sống, học tập và công tác tại Trung Quốc. Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc cũng đón các đoàn khách lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đại diện các bộ, ngành của nước sở tại và những người bạn Trung Quốc yêu mến, khâm phục Đại tướng; đại diện các đoàn ngoại giao cũng như bà con Việt kiều và lưu học sinh Việt Nam tại Trung Quốc, đến thắp hương tưởng nhớ Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Cùng ngày, Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Luông Pha Bông (Lào) đã mở sổ tang và tổ chức lễ viếng Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đến đặt vòng hoa và dâng hương viếng Đại tướng có đoàn đại biểu đại diện các tỉnh ủy, chính quyền, sở, ban, ngành, các cơ quan, đoàn thể của 8 tỉnh Bắc Lào cùng đông đảo bà con cộng đồng người Việt Nam đang công tác, học tập, làm ăn, sinh sống tại Lào.

Cũng như nhiều vị lãnh đạo khác của Lào, Đại tướng Khămtay Xiphăndon, nguyên Chủ tịch Đảng, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng

nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào rất xúc động khi được tin Đại tướng Võ Nguyên Giáp từ trần. Trao đổi với phóng viên Thông tấn xã Việt Nam tại Viêng Chăn, Đại tướng Khămtay Xiphăndon khẳng định, ngay khi nhận tin buồn, ông đã gọi điện ngay cho nhiều đồng chí lãnh đạo Lào cùng chia sẻ niềm thương tiếc vô hạn trước sự ra đi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Sáng ngày 12-10-2013, Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia đã tổ chức lễ tang Đại tướng Võ Nguyên Giáp, với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, nhân viên, thân nhân gia đình Đại sứ quán và các cơ quan đại diện Việt Nam tại Campuchia, cùng đông đảo cán bộ, học sinh, sinh viên, bà con Việt kiều đang sinh sống, công tác, học tập tại Campuchia đến viếng Đại tướng Võ Nguyên Giáp và ghi sổ tang tại trụ sở Đại sứ quán.

Ngày 12-10-2013, Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông và Ma Cao (Trung Quốc) đã mở sổ tang viếng Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Cũng trong ngày 12-10-2013, đại diện của cơ quan, tổ chức sở tại, các tổng lãnh sự quán ASEAN, cùng cơ quan đại diện ngoại giao nhiều nước khác và doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn đã đến viếng, ghi sổ tang, chia buồn với sự mất mát lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam.

Từ ngày 12 đến ngày 14-10-2013, Đại sứ quán Việt Nam tại Xingapo mở sổ tang và tổ chức lễ viếng Đại

tướng Võ Nguyên Giáp. Tối viếng và ký sổ tang trong sáng ngày 12-10 có Đoàn đại biểu Chính phủ Xingapo do Bộ trưởng Quốc phòng Ng Eng Hen dẫn đầu; đại diện một số cơ quan và tổ chức của Xingapo; đại diện Đại sứ quán Lào và Campuchia tại Xingapo...

Chỉ trong hai ngày 10 và 11-10-2013, đã có hơn 30 đoàn ngoại giao từ Bộ Ngoại giao Malaixia, Đại sứ quán Lào, Campuchia, Ấn Độ, Philippin, Cuba, Nga, Italia, Nam Phi... đến Đại sứ quán nước ta tại Malaixia ghi sổ tang, bày tỏ lòng tiếc thương vô hạn Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Sáng ngày 12-10-2013, lễ viếng và mở sổ tang Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được tổ chức trang trọng tại trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ. Dù là ngày nghỉ, nhưng đại diện nhiều cơ quan Ấn Độ và ngoại giao đoàn đã đến viếng và ghi sổ tang.

Sáng ngày 12-10-2013, tại Đại sứ quán Việt Nam ở Liên bang Nga đã diễn ra lễ viếng và truy điệu Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đến dự buổi lễ có Đoàn đại diện Chính phủ Nga, do Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nga, ông Môghilốp Igo Vladimiarovich dẫn đầu; Đoàn đại biểu Hội Hữu nghị Nga - Việt, do Chủ tịch hội, ông Víchto Buyanốp dẫn đầu. Từ sáng sớm, hơn 40 đoàn đã tới Đại sứ quán Việt Nam để viếng Đại tướng. Nhiều người Việt sống xa quê nhà lâu năm và người Nga xúc động đã không cầm được nước mắt khi ghi vào sổ tang.

Cũng trong ngày 12-10-2013, Đại sứ quán Việt Nam tại Vương quốc Bỉ đã tiến hành lễ mở sổ tang và lễ viếng Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Sự ra đi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã để lại một sự tiếc thương vô hạn trong lòng nhân dân Việt Nam. Giáo sư sử học Phan Huy Lê khẳng định: “Đại tướng đã được ghi tạc vào lòng dân. Sử sách thì có thể mai một, bia đá có thể mòn, nhưng lòng dân thì bất tử, không một ai có thể tùy tiện thay đổi”¹. Tại Hà Nội, ngày 7-10-2013, hàng ngàn người dân trên khắp mọi miền đất nước, thuộc đủ các thành phần, nghề nghiệp, địa vị xã hội đã có mặt tại số nhà 30 Hoàng Diệu (Hà Nội) bắt đầu xếp hàng dài chờ đến lượt vào viếng Đại tướng với niềm tiếc thương vô hạn trước anh linh của một con người vĩ đại, một nhân cách cao đẹp.

Tang lễ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp được tổ chức trang trọng theo nghi lễ Quốc tang. Lễ viếng bắt đầu từ 7 giờ 30 phút ngày 12-10-2013 tại Hà Nội và nhiều địa phương khác trên cả nước (tại tỉnh Quảng Bình, Thành phố Hồ Chí Minh...).

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đọc lời diếu ôn lại cuộc đời, sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - vị tướng huyền thoại, “vị tướng của nhân dân, mãi mãi

1. Bài phỏng vấn Giáo sư Phan Huy Lê in trong tạp chí *Xưa và Nay*, số 362 (tháng 8-2013).

lưu danh trong lịch sử dân tộc”, “đã có nhiều công lao to lớn và cống hiến đặc biệt xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, dân tộc ta”.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã vô cùng xúc động trước linh cữu của Đại tướng: “Hôm nay, chúng tôi có mặt tại đây để bày tỏ lòng thương tiếc và tình cảm sâu sắc, tiễn đưa Anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Chúng tôi nguyện cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, ra sức phấn đấu, tiếp tục đi theo con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và các thế hệ cách mạng đi trước, trong đó có Anh, đã trọn đời phấn đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân; tiếp tục kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹.

Linh cữu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp được đưa về an nghỉ tại Vũng Chùa, Đảo Yến, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

1. Điều văn do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đọc tại Lễ truy điệu Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngày 13-10-2013, báo *Nhân Dân*, ngày 13-10-2013.

Chương IX

CHÂN DUNG MỘT NHÂN CÁCH VĂN HÓA CAO ĐẸP

Trọn cả cuộc đời với hơn 80 năm hoạt động cách mạng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có nhiều công lao to lớn và cống hiến đặc biệt xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, dân tộc ta. Cuộc đời hoạt động của Đại tướng gắn liền với quá trình phát triển của cách mạng nước ta và những mốc son lịch sử trọng đại, oanh liệt, đầy hy sinh, gian khổ của Đảng và dân tộc.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là một trong những nhà hoạt động cách mạng tiên bối của Đảng và Nhà nước, có nhiều cống hiến to lớn cho cách mạng Việt Nam, là vị Tổng Tư lệnh quân đội nhân dân từng cầm quân đánh thắng hai đế quốc xâm lược là Pháp và Mỹ, cùng nhân dân giành lại độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Đại tướng là người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam, được toàn quân yêu mến, kính trọng và tuyệt đối tin tưởng.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Đại tướng như ngôi sao sáng, tài đức vẹn toàn, là tấm gương cao đẹp cho mọi thế hệ người Việt Nam học tập và noi theo.

Đại tướng là người bạn lớn của các dân tộc bị áp bức, bóc lột, một danh nhân thế giới, một trong những vị tướng kiệt xuất của mọi thời đại. Cuộc đời, sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất phong phú, đa dạng, liên quan đến nhiều lĩnh vực, sự kiện, biến cố của lịch sử Việt Nam hiện đại.

Với hơn 50 năm tham gia hoạt động chính trị, trong đó có 30 năm là Tổng Tư lệnh quân đội, ông là người học trò xuất sắc của lãnh tụ Hồ Chí Minh, có uy tín lớn trong Đảng Cộng sản Việt Nam và trong Quân đội nhân dân Việt Nam, được nhiều thế hệ người Việt Nam ngưỡng mộ, xem như một biểu tượng sống sinh động.

1. Từ một thanh niên trí thức yêu nước trở thành người cộng sản bản lĩnh, kiên trung, bất khuất

Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngay từ khi còn là học sinh, sinh viên đã sớm được tiếp thu tư tưởng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, bắt đầu hoạt động cách mạng, tích cực tham gia phong trào đấu tranh, bãi khóa ở Trường Quốc học Huế; năm 1927, đồng chí gia nhập Đảng Tân Việt - một trong ba tổ chức tiên thân của Đảng Cộng

sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam; năm 1930, đồng chí tham gia phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh, bị thực dân Pháp bắt giữ và bị giam ở nhà lao Thừa Phủ (Huế) vì tham gia các cuộc biểu tình chống Pháp. Cuối năm 1931, nhờ sự can thiệp của Hội Cứu tế đỏ của Pháp, đồng chí được thả tự do.

Năm 1940, Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng được đồng chí Hoàng Văn Thụ, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ cử sang Trung Quốc gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Cuối năm 1941, trở về Cao Bằng, dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Võ Nguyên Giáp cùng các đồng chí khác xây dựng cơ sở cách mạng, lập ra Mặt trận Việt Minh, mở lớp huấn luyện quân sự cho Việt Minh tại căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng. Tháng 12-1944, đồng chí được lãnh tụ Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trên các cương vị Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, thành viên Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, thành viên Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam, Tư lệnh Việt Nam giải phóng quân, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và

Đảng ta, đồng chí bắt đầu lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang kéo dài 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) với cương vị Tổng Tư lệnh quân đội kiêm Bí thư Tổng Quân ủy. Sau chiến thắng Việt Bắc Thu Đông năm 1947, năm 1948, đồng chí được phong quân hàm Đại tướng.

Năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng trao quyền trực tiếp chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ. Đại tướng đã chỉ huy các đại đoàn của quân đội và các lực lượng tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đánh bại đội quân nhà nghề của thực dân Pháp, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, Đại tướng đã tham gia cùng Trung ương Đảng lãnh đạo toàn dân, toàn quân tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, làm nên những thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đất nước hòa bình, thống nhất, trên cương vị là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Đại tướng đã cùng tập thể lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội lãnh đạo toàn dân, toàn quân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tiến hành công cuộc tái thiết, chấn hưng và phát triển đất nước nhằm xây dựng giang sơn gấm vóc “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Năm 1980, Đại tướng thôi giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nhưng vẫn tiếp tục là Ủy viên Bộ Chính trị (đến năm 1982) và Phó Thủ tướng phụ trách khoa học - kỹ thuật. Năm 1991, đồng chí nghỉ hưu ở tuổi 80. Với nhiều công lao và đóng góp xuất sắc, Đại tướng được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng (1992), hai Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

Trọn cả cuộc đời với hơn 80 năm hoạt động cách mạng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nêu bật tấm gương sáng của người cộng sản bản lĩnh, sáng tạo, kiên trung, tận tụy, có nhiều công lao to lớn và cống hiến đặc biệt xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam.

2. Người xây dựng và lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam, một thiên tài quân sự hiếm có

Công lao và cống hiến xuất sắc, nổi bật nhất của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với cách mạng Việt Nam

thể hiện trên lĩnh vực quân sự với những chiến công hiển hách của Quân đội nhân dân Việt Nam và Đại tướng đã trở thành một trong những danh tướng tài năng nhất của thế kỷ XX, một nhà chính trị đi trước nhà quân sự, một cây đại thụ rợp bóng nhân văn.

Là một người có tài tổ chức, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng bước xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam từ 34 người vào tháng 12-1944 thành một đội quân với hơn một triệu người năm 1975.

Là một nhà chiến lược quân sự thiên tài, Đại tướng đã hoạch định chiến lược, chiến thuật và nghệ thuật quân sự - đường lối chiến tranh nhân dân độc đáo Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh - lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam giành chiến thắng trước những kẻ thù mạnh nhất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Đại tướng được các học giả phương Tây tôn vinh là bậc thầy quân sự Việt Nam, có thể biến những cái không thể thành có thể, tên tuổi của Đại tướng gắn liền với chiến thắng có ý nghĩa quốc tế của Quân đội nhân dân Việt Nam - chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử.

Đối với lực lượng vũ trang và quân đội, Đại tướng đặc biệt quan tâm, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, thương yêu cán bộ, chiến sĩ; luôn bám sát thực tiễn, có mặt ở những địa bàn, chiến trường trọng yếu. Cán bộ, chiến sĩ quân đội luôn ghi nhớ và mãi mãi tự hào về một người

chỉ huy, một vị Tổng Tư lệnh tài năng xuất chúng nhưng rất bình dị, gần gũi, thân thiết.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là vị tướng thọ nhất trên thế giới, được phong tướng lúc tuổi đời còn khá trẻ (37 tuổi) để lãnh đạo quân đội làm tròn sứ mệnh nhân dân giao phó là thực hiện thành công sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đồng chí đã hoàn thành nhiệm vụ, xứng đáng với sự tin tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam. Với hơn 50 năm tham gia hoạt động chính trị ở cấp cao nhất, trong đó có 30 năm là Tổng Tư lệnh Quân đội, đồng chí có uy tín lớn trong Đảng Cộng sản Việt Nam, trong quân đội và trong nhân dân, được coi là người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tư tưởng quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp vừa đúc rút từ lịch sử của Việt Nam, vừa chắt lọc bằng những màu sắc từ các vị anh hùng dân tộc Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, của Tôn Tử, Napoleon, của Thomas Lawrence và nhiều người khác. Ông tạo nên những nét sáng tạo của chính mình trên nền tảng vững chãi là Đảng và nhân dân - một bức tranh hoàn toàn là của riêng ông - một kiệt tác nghệ thuật.

Các học giả, tướng lĩnh, nhà quân sự và nhiều từ điển bách khoa trên thế giới đã có những đánh giá rất cao về thiên tài quân sự Võ Nguyên Giáp:

“Võ Nguyên Giáp là một trong 21 vị danh tướng của thế giới trong 25 thế kỷ qua, từ thời Alexandre Đại đế đến Hannibal rồi đến thời cận hiện đại với Kutuzov, Zhukov..., những người đã có chiến công tạo nên bước ngoặt của nghệ thuật chiến tranh” (Duncan Townson, tác giả cuốn sách *Những vị tướng lòng danh*).

“Ông [Giáp] không quá nổi bật so với các tướng lãnh khác trong lịch sử, vì ông đứng cao hơn họ” (nhà sử học Derek Frisby).

“Từ năm 1944 - 1975, cuộc đời của Võ Nguyên Giáp gắn liền với chiến đấu và chiến thắng, khiến ông trở thành một trong những thống soái lớn của mọi thời đại. Với 30 năm làm Tổng Tư lệnh và gần 50 năm tham gia chính sự ở cấp cao nhất, ông tỏ ra là người có phẩm chất phi thường trong mọi lĩnh vực của chiến tranh. Khó có vị tướng nào có thể so sánh với ông trong việc kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy. Sự kết hợp đó xưa nay chưa từng có” (Đại tướng Peter MacDonald, nhà nghiên cứu khoa học lịch sử quân sự người Anh).

“Tài thao lược của tướng Giáp về chiến lược, chiến thuật và hậu cần được kết hợp nhuần nhuyễn với chính trị và ngoại giao... Sức mạnh hơn hẳn về kinh tế, tính ưu việt về công nghệ cùng với sức mạnh áp đảo về quân sự và hỏa lực khổng lồ của các quốc gia phương Tây đã phải khuất phục trước tài thao lược của một vị

tướng từng một thời là thầy giáo dạy môn lịch sử”. (*Bách khoa toàn thư quân sự Bộ Quốc phòng Mỹ*, xuất bản năm 1993).

“Là người tổ chức quân đội nhân dân, ông Giáp đã thực hiện được một sự tổng hợp độc đáo các học thuyết quân sự mácxít kết hợp nhuần nhuyễn với truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, vận dụng khôn khéo vào những điều kiện của một quốc gia có đất đai tương đối hẹp. Võ Nguyên Giáp đã chứng minh rằng ông có những đức tính ngoài tầm cỡ bình thường trên mọi lĩnh vực lớn của cuộc chiến tranh” (*Bách khoa toàn thư Pháp*, mục từ về Võ Nguyên Giáp).

“Ông Giáp đã chỉ huy quân đội Việt Nam chiến đấu giành thắng lợi trong một thời gian đặc biệt lâu dài suốt 30 năm, một kỳ tích chưa từng thấy! Vâng, không phải hiện nay mà muôn đời sau, tôi tin rằng cuộc đời và sự nghiệp đầy huyền thoại của Đại tướng Võ Nguyên Giáp mãi mãi là tấm gương, là niềm tự hào của mỗi người Việt Nam” (tướng Marcel Bigeard, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp, cựu Thiếu tá chỉ huy phó của Pháp trong trận Điện Biên Phủ, thành viên Học viện Quân sự quốc phòng Pháp).

Tác giả Cecil Currey, nhà sử học quân sự Mỹ đã nhận xét: “Đại tướng Võ Nguyên Giáp không phải là một người hiền lành. Ông không khác những chiến binh trong quá khứ, từ Attila, Tamerlane cho tới Napoleon,

Zhukov, Patton, McArthur. Người hiền lành không trở thành những vị tướng huyền thoại; họ dạy lớp học giáo huấn, làm giáo sư lịch sử, hay giáo sĩ trong quân đội. Họ không làm tràn đầy những sách với những chiến công của họ hay những chiến trường với những xác chết. Giáp cũng không thể kể lại những câu chuyện về lòng từ bi hay sự thương người của ông, có thể trừ quan hệ với gia đình và con cháu, nhưng ngay cả họ chỉ nằm trong địa vị thứ ba hay thứ tư trong đời ông. Tướng Giáp đã dành trọn tình cảm của ông cho đất nước và toàn bộ sự hiến dâng đến Đảng Cộng sản. Ông đã tự hướng đến mục tiêu giải phóng Việt Nam ra khỏi sự đô hộ nước ngoài và thống nhất đất nước. Hai mục tiêu này đã giành toàn bộ sự chú ý của ông qua những thập niên trong cuộc đời, và ông đã dành trọn khát vọng và niềm kiêu hãnh vô bờ bến của mình vào đây... bề ngoài lạnh buốt của ông đã che đậy một tính khí rất nóng cho nên người Pháp đã miêu tả ông là một núi lửa được tuyết che phủ”.

“Trong suốt thời gian đó [quá trình chỉ huy quân đội của vị Tổng Tư lệnh], ông không chỉ trở thành một huyền thoại mà có lẽ còn trở thành một thiên tài quân sự lớn nhất của thế kỷ XX và một trong những thiên tài quân sự lớn nhất của tất cả các thời đại... Ông Giáp là vị tướng duy nhất trong lịch sử hiện đại tiến hành chiến đấu chống kẻ thù từ thế vô cùng yếu, thiếu trang bị,

thiếu nguồn tài chính, dù mới đầu trong tay chưa có quân, vậy mà vẫn liên tiếp đánh bại tàn quân của đế quốc Nhật Bản, quân đội Pháp (một đế chế thực dân số 2) và quân đội Mỹ (một trong hai siêu cường thế giới)... Ông Giáp là chuyên gia hiện hữu vĩ đại nhất về chiến tranh nhân dân... là một vị tướng hậu cần vĩ đại của mọi thời đại”.

“Ông không chỉ trở thành một huyền thoại mà còn là một trong những vị tướng tài năng nhất về chiến tranh nhân dân và là một trong những thiên tài quân sự lớn nhất của tất cả các thời đại... Nếu Karl von Clausewitz - chiến lược gia quân sự bậc thầy của nước Phổ - sống lại chắc hẳn phải kính cẩn cúi chào vị tướng này” (nhà sử học quân sự Mỹ Cecil Currey).

“Tài năng chiến lược của Tướng Giáp đã đặt ông vào ngôi đền của những nhà lãnh đạo quân sự vĩ đại. Sau Hồ Chí Minh, ông là nhân vật quan trọng nhất trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XX... Ông ấy giống như một vị thánh. Không có gì khiến ông phải chấp nhận thất bại” (nhà báo kiêm sử gia người Mỹ Stanley Karnow).

“Lý do rất đơn giản... ông đánh bại không chỉ một mà hai thế lực phương Tây, đầu tiên là Pháp và sau đó là Hoa Kỳ. Cả hai đều mạnh hơn ông về quân sự, còn ông thì có rất ít phương tiện để sử dụng nhưng lại đã thành công trong việc đánh bại cả hai quốc gia này, trong đó Hoa Kỳ là quốc gia mạnh nhất thế giới về quân

sự từ xưa đến nay, nhưng Giáp và quân đội của ông vẫn đứng vững, và đó là lý do tại sao ông lại có vị trí cao quý như vậy” (Fredrik Logevall, Giáo sư nghiên cứu quốc tế của Đại học Cornell, New York).

“Nếu như tiêu chí chọn tướng của Hồ Chủ tịch là “Đánh thắng Đại tướng được phong Đại tướng” thì suốt cuộc đời mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã lần lượt độ sức và đánh thắng 10 đại tướng của Pháp và Mỹ (4 Pháp và 6 Mỹ), chưa kể đến nhiều viên đại tướng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Các tướng lĩnh Mỹ khi nhắc đến ông vẫn thường gọi ông là “Đại tướng 5 sao”, William Westmoreland gọi ông là “Tướng huyền thoại” (Legendary Giap)... Trong bách khoa toàn thư của Mỹ và của nhiều nước, tên và hình ảnh của ông được ghi lại như là một trong những vĩ nhân quân sự hiển hách nhất.

Kỷ niệm 60 năm ngày phát hành số đầu tiên, Thời báo châu Á (Times Asia) đã ra số đặc biệt giới thiệu các “Anh hùng châu Á”, gồm các nhân vật làm thay đổi cục diện châu lục trong những thập kỷ gần đây. Những nhân vật được giới thiệu gồm Mahatma Gandhi, Jawaharlal Nehru, Đại tướng Võ Nguyên Giáp,...

Cuốn sách dày hơn 300 trang khổ lớn, với hơn 500 tấm ảnh màu minh họa của Nhà xuất bản Thames & Hudson, được xuất bản tại Anh năm 2008 mang tựa đề *Great Military Leaders and Their Campaigns* (Những

nhà lãnh đạo quân sự lớn và những chiến dịch của họ đã giới thiệu 59 nhân vật danh tiếng nhất trong lịch sử các cuộc chiến tranh của thế giới trong 2.500 năm qua, thứ tự được xếp theo trình tự thời gian. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được lựa chọn là nhân vật thứ 59, tức là nhân vật nổi bật nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai cho tới hiện nay (xếp thứ 58 là Đô đốc Nimitz của Hoa Kỳ, người chỉ huy Mặt trận Thái Bình Dương trong Chiến tranh thế giới thứ hai), và Võ Nguyên Giáp cũng là người duy nhất trong 59 nhân vật vẫn còn sống khi cuốn sách được xuất bản.

Danh tiếng của ông không chỉ bó hẹp ở Việt Nam mà các nước trên thế giới khi nhắc đến tên Võ Nguyên Giáp đều bày tỏ sự ngưỡng mộ sâu sắc, các dân tộc châu Phi và khu vực Mỹ Latinh tin rằng chiến thắng Điện Biên Phủ do ông chỉ huy là khởi nguồn cho nền độc lập ngày nay của họ. Khi ông mất, chính phủ của rất nhiều nước đã gửi điện chia buồn. Tổng thống Uruguay Jose Mujica gọi ông là “vị tướng huyền thoại”, người đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh chống áp bức và “gieo niềm tin rằng yếu tố con người chính là chìa khóa của thắng lợi”. Bộ Ngoại giao Venêxuêla ra thông cáo khẳng định việc Đại tướng ra đi cũng là một tổn thất đối với người dân quốc gia Nam Mỹ này. Tổng thống Angiêri - Abdelaziz Bouteflika - gọi ông là người anh hùng quân đội của nền độc lập Việt Nam, là nhà chiến

lược vĩ đại đã khiến cho thực dân Pháp phải kinh hoàng ở Điện Biên Phủ, và tên tuổi ông “sẽ vẫn mãi khắc sâu trong ký ức của nhân dân Angiêri”.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ được thế giới ngợi ca như một danh tướng của mọi thời đại, ông còn được tôn vinh là người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam, được toàn quân tin tưởng, quý mến, kính trọng và biết ơn. Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, đã viết: “Đại tướng Võ Nguyên Giáp thực chất là Đại nguyên soái của Đảng, của Nhà nước, của nhân dân, của lực lượng vũ trang thời đại Hồ Chí Minh... Các tướng lĩnh, sĩ quan và binh sĩ cũng như các tầng lớp nhân dân hết sức tin tưởng, quý mến và biết ơn Đại tướng, coi Đại tướng là vị Tổng Tư lệnh xuất chúng và mãi mãi là người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam, người công bộc thực sự vì Dân, vì Nước... Với tôi, Đại tướng là người thầy, người anh, người đồng chí gần gũi suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cũng như trong giai đoạn hòa bình xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Thượng tướng, Giáo sư Hoàng Minh Thảo, Nhà giáo nhân dân, nguyên Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên, chỉ

1, 2. *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Sđd, tr.25-30.

huy trưởng trận đánh Buôn Ma Thuật, nhận định: “Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị Tổng Tư lệnh đầu tiên của các lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam, một vị tướng tài kiệt xuất. Ông tiếp thu được đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên là người học trò yêu và ưu tú của Bác Hồ, sống một cuộc đời trong sạch, lành mạnh, nhân hậu, yêu mến và chan hòa với cán bộ, chiến sĩ. Quân đội và nhân dân đều quý mến ông. Đó là phần thưởng quý giá nhất của ông”¹.

Thượng tướng Trần Văn Trà tâm sự: “Võ Nguyên Giáp là một Tổng Tư lệnh biết đau với từng vết thương của mỗi người lính, biết tiếc từng giọt máu của mỗi chiến binh... Trong toàn quân, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là người giữ được uy tín gần như tuyệt đối từ ngày thành lập Quân đội cuối tháng Chạp năm 1944 đến suốt hai cuộc kháng chiến thần thánh vừa qua và kể cả cho đến hôm nay”²...

3. Những đóng góp quan trọng trên các lĩnh vực giáo dục, báo chí, ngoại giao, lịch sử...

Võ Nguyên Giáp là một tên tuổi lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam, ông không chỉ là vị Đại tướng lừng lẫy của Quân đội nhân dân Việt Nam mà trong các lĩnh

1, 2. *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - Người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Sđd, tr.31, 49.

vực khác như giáo dục, báo chí, ngoại giao, văn hóa, lịch sử..., ông đều có nhiều đóng góp quan trọng. Đại tướng là con người Văn - Võ song toàn.

Trên lĩnh vực giáo dục, tại Trường tư thục Thăng Long, thầy giáo Võ Nguyên Giáp đã cùng các đồng nghiệp của mình, tiếp nối truyền thống ông cha đào tạo lớp trẻ đi đúng hướng. Với bầu nhiệt huyết cách mạng, thầy giáo Võ Nguyên Giáp qua các môn lịch sử, địa lý, quốc văn, đã truyền cho học sinh lòng yêu nước thương dân, khơi dậy lòng nhiệt tình và lối sống có trách nhiệm với chính mình, với quê hương, với dân tộc. Khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, ông đã nhiều lần phát biểu những ý kiến tâm huyết của mình để chấn hưng nền giáo dục nước nhà.

Trên lĩnh vực báo chí, đồng chí Võ Nguyên Giáp là một nhà báo chính luận xuất sắc. Năm 1927, bài báo đầu tiên bằng tiếng Pháp được gửi đăng trên tờ báo *L'Annam* của luật sư Phan Văn Trường ở Sài Gòn làm chủ nhiệm với tựa đề “Đả đảo tên tiểu bạo chúa Trường Quốc học!”¹, lúc đó đồng chí Võ Nguyên Giáp mới 16 tuổi.

Sau năm 1931, đặc biệt trong thời kỳ Mặt trận dân chủ 1936 - 1939, đồng chí tham gia viết báo sôi nổi cho

1. Lúc đăng, bài báo được đổi tên là “Huế: Chế độ quái lạ ở một trường trung học”.

các tờ báo công khai hồi đó như *Tiếng dân* (La voix du Peuple), *Tiếng nói của chúng ta* (Notre Voix), *Lao động* (Le Travail); làm biên tập viên cho các báo của Đảng; cùng đồng chí Trường Chinh biên soạn tác phẩm *Vấn đề dân cày*, có giá trị lớn cho công tác chỉ đạo thực tiễn của Đảng ta lúc bấy giờ. Là một trí thức cách mạng, hiểu biết sâu rộng, những bài báo của ông mang hàm lượng trí tuệ rất lớn. Đây chính là kho tàng văn hóa lớn về tinh thần, chính trị, quân sự vô cùng quý báu cần được giữ gìn, sưu tầm, bổ sung, khai thác, phát huy cho các thế hệ mai sau.

Trên lĩnh vực ngoại giao, sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập (2-9-1945), đất nước cộng hòa non trẻ đứng trước những khó khăn bộn bề, vận mệnh dân tộc được ví như “ngàn cân treo sợi tóc”, đồng chí Võ Nguyên Giáp trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ được Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc này là Chủ tịch Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao) giao cho nhiều nhiệm vụ đối ngoại đặc biệt như tiếp xúc với đoàn phái bộ Mỹ mới sang Việt Nam cùng một nhóm người Pháp, hay cuộc “chạm trán” với Sainteny tại phòng lớn của Phủ Toàn quyền, chuẩn bị ký Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946, cũng như gặp gỡ tướng Leclerc sau khi ký Hiệp định sơ bộ, hay cuộc đấu trí và đấu lý ở Hội nghị Đà Lạt (1946)... Đồng chí đã không bỏ một cơ hội hòa bình nào, chỉ khi nào hòa

đàm không xong, đồng chí mới phải chọn giải pháp đấu tranh bằng vũ lực để giữ vững đến cùng mục tiêu cao cả: độc lập, tự do và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ đất nước.

Trên lĩnh vực nghiên cứu lịch sử, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhiều cống hiến nổi bật. Cuộc đời đồng chí là một tấm gương phản chiếu gần trọn thế kỷ XX, nhiều ý kiến cho rằng, đồng chí là người làm nên lịch sử rồi cũng là nhà tổng kết lịch sử hàng đầu của nền sử học đương đại Việt Nam. Từ những bài viết về dân cày, về cách mạng tư sản Pháp và nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử trên các tờ báo đến những bài dạy sử trên bục giảng tại trường Thăng Long cho đến hàng trăm bài nói về lịch sử vào những dịp kỷ niệm các danh nhân hoặc sự kiện lịch sử hay các hội thảo khoa học đều có giá trị định hướng quan trọng. Những bài viết, nói của Đại tướng về các sự kiện lịch sử như Cách mạng Tháng Tám, Điện Biên Phủ, Hội Truyền bá quốc ngữ... và đặc biệt là các bài nói, bài viết về những người đồng đội, như các tướng lĩnh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Sơn, Đinh Đức Thiện, Nguyễn Hữu An, Nguyễn Chánh, Phạm Kiệt, Vương Thừa Vĩ... nếu tập hợp lại cũng đáng coi là một pho sử quý giá. Từ những bài tổng kết chiến tranh đến những công trình lý luận về quân sự, về tư tưởng Hồ Chí Minh, về hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ

và Điện Biên Phủ đều để lại dấu ấn Võ Nguyên Giáp. Và đặc biệt là bộ *Tổng tập Hồi ký* đến nay đã công bố gần trọn vẹn cuộc đời của Đại tướng, cũng là gần trọn vẹn những sự kiện lịch sử quan trọng nhất của cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỷ XX.

4. Người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Với những cống hiến đặc biệt to lớn cho cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã tôn vinh đồng chí là “người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thầy có ảnh hưởng lớn trong cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Võ Nguyên Giáp, năm 1940 là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời của đồng chí khi lần đầu tiên được trực tiếp gặp gỡ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đó là sự gặp gỡ của hai con người vĩ đại, có gì đó thân quen ngay từ giọng nói, tác phong và từ phút đầu, đồng chí đã cảm thấy như đã được gần gũi, quen Người từ lâu. Từ đó, Bác Hồ luôn thường trực trong trái tim đồng chí và khi được sống và làm việc cạnh Người, được Người dìu dắt và trao cho nhiều trọng trách của đất nước trên các lĩnh

1. Điều văn do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đọc tại Lễ truy điệu Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ngày 13-10-2013, *Tlđđ*.

vực quân sự, chính trị, ngoại giao... Đại tướng là người vận dụng sáng tạo, xuất sắc nhiều chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện thực hóa chúng trong thực tiễn, đặc biệt là đã có công lớn xây dựng học thuyết quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Ngày 20-1-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 110-SL phong quân hàm Đại tướng cho Võ Nguyên Giáp, Tổng Chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân tự vệ. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng được Người và Bộ Chính trị giao trọng trách Bí thư Đảng ủy, Tư lệnh chiến dịch Điện Biên Phủ. Đại tướng đã phát huy trọng trách của người chỉ huy được Bác Hồ trao: “Tướng quân tại ngoại” toàn quyền quyết định, để có những quyết định lịch sử đúng đắn, giành thắng lợi vang dội cho cách mạng.

Là người học trò gần gũi và gắn bó với Chủ tịch Hồ Chí Minh trong nhiều năm, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những người sớm nghiên cứu và viết về Người. Cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh là một chủ đề lớn mang tầm vóc thời đại, được đồng chí quan tâm và có nhiều đóng góp quý báu, đặc biệt đã góp phần xây dựng nền móng phương pháp luận cho việc nghiên cứu Hồ Chí Minh một cách toàn diện. Cùng với các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta như Nguyễn Văn Linh, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng..., đồng chí Võ Nguyên Giáp đã góp

phần đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống, trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, thúc đẩy sự ra đời một bộ môn khoa học mới - Hồ Chí Minh học.

5. Nhân cách đạo đức trong sáng, cao đẹp, suốt đời “dĩ công vi thượng”

Võ Nguyên Giáp sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà nho nghèo của miền Trung, truyền thống gia đình và quê hương là cái nôi hình thành nhân cách đồng chí với những đức tính yêu nước, hiếu học, cần cù, thông minh, sáng tạo, khắc khổ trong sinh hoạt, kiên trung mà nhân ái, cương trực, dũng cảm mà độ lượng, khoan dung... Trên con đường hoạt động cách mạng, được may mắn sống và hoạt động bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tấm gương, nhân cách đạo đức của Người đã có ảnh hưởng đặc biệt giúp đồng chí hoàn thiện nhân cách của mình - nhân cách của một người cách mạng và sau này là nhân cách của vị Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp luôn ghi nhớ, nói và thực hành theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: làm cách mạng là phải “dĩ công vi thượng”, “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, “dĩ bất biến ứng vạn biến”, “6 phẩm chất của người làm tướng” (Trí, Dũng, Nhân, Tín, Liêm, Trung), “cách mạng là sự

ngiệp của quần chúng”..., những bài học ấy được Đại tướng ghi nhớ làm phương châm sống và phấn đấu trong suốt cuộc đời.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, dù ở cương vị nào, đồng chí cũng mang hết nhiệt huyết, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào những vấn đề lớn của đất nước, nhất là trong phát triển khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước trong khu vực và trên thế giới...

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đồng chí luôn quan tâm tới vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thường xuyên nhấn mạnh phải xây dựng Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh, giữ vững nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, xa rời quần chúng; chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

Đại tướng luôn căn dặn cán bộ phải gương mẫu, làm gương cho cấp dưới, gắn bó mật thiết với nhân dân. Bản thân đồng chí không ngừng phấn đấu, rèn luyện, học tập tư tưởng, đạo đức, tác phong, lối sống, thực hành nói và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luôn thể hiện rõ phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; sống giản dị, khiêm tốn; giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, đặt lợi ích của Đảng, Tổ quốc và nhân dân lên trên hết.

Cuộc đời Đại tướng là tấm gương của một nhân cách văn hóa lớn, liêm khiết, giản dị và khoan dung, tấm gương đó đã được ghi tạc vào lòng nhân dân và tỏa sáng. Danh hiệu dành cho Đại tướng - “vị Tướng của nhân dân” - vô cùng cao quý và không một danh hiệu nào có thể so sánh được, nó sẽ trường tồn cùng lịch sử dân tộc Việt Nam và nhân loại.

Với quê hương Quảng Bình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp dành tình cảm sâu nặng, ân tình và có những đóng góp rất cụ thể.

Sinh ra và lớn lên trên quê hương An Xá, Lệ Thủy, Quảng Bình, Võ Nguyên Giáp sớm tiếp thu được những truyền thống quý báu của quê hương và gia đình, những truyền thống đó được Võ Nguyên Giáp phát triển, mang thêm những giá trị mới và biểu hiện rõ nét ở nhân cách đạo đức của đồng chí.

Đối với quê hương Quảng Bình, trong suốt cuộc đời mình, Đại tướng luôn dành sự quan tâm đặc biệt, dành nhiều thời gian về thăm và có những ý kiến đóng góp quý báu với Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình để xây dựng quê hương ngày càng phát triển, văn minh và giàu đẹp.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là niềm tự hào của nhân dân Quảng Bình, người con đã làm rạng danh quê hương và dòng họ Võ. Quảng Bình tự hào về đồng chí, một người con ưu tú của dân tộc và vinh dự được đón Đại tướng về yên giấc ngàn thu tại quê nhà.

Với 103 tuổi đời, hơn 70 tuổi Đảng và những cống hiến to lớn, đặc biệt xuất sắc cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam trên nhiều phương diện, hình ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được khắc sâu trong lòng nhân dân. Trong lời diếu tại lễ quốc tang của đồng chí, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đánh giá cao công lao của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Các thế hệ cán bộ, chiến sĩ quân đội ta suy tôn Đồng chí là Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam. Con người, nhân cách và những cống hiến to lớn của Đồng chí in đậm trong lòng nhân dân, là vị tướng của nhân dân, mãi mãi lưu danh trong lịch sử dân tộc”¹.

1. Diếu văn do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đọc tại Lễ truy diếu Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngày 13-10-2013, *Tlđđ*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alain Ruscio: *Võ Nguyên Giáp - Một cuộc đời*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.
2. Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam: *Biên niên Lịch sử Chính phủ Việt Nam (1945 - 2005)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
3. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945 - 2000 (Biên niên sự kiện)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, t.2.
4. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.
5. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2015.
6. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử tổ chức quân sự Việt Nam (1930 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2015.

7. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.
8. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.
9. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Tổng kết tác chiến chiến lược trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
10. Bộ Tổng Tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Nhà in Bộ Tổng Tham mưu, 1991.
11. Cecil B. Curey: *Võ Nguyên Giáp - Chiến thắng bằng mọi giá*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013.
12. Trường Chinh - Võ Nguyên Giáp: *Vấn đề dân cày*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959.
13. Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước: *Phạm Văn Đồng - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
14. Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước: *Trường Chinh - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

15. Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước: *Nguyễn Văn Linh - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
16. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Phan Đăng Lưu - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
17. Cục Chính trị Phòng không - Không quân: *Ba mươi năm chiến thắng Điện Biên Phủ trên không*, Hà Nội, 2002.
18. Phạm Hồng Cư: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ*, Nxb. Quân đội, Hà Nội, 2015.
19. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
20. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
21. *Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - Người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.
22. Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, tập 2 (1955 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.
23. Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, tập 3 (1975 - 2010)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011.

24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập* (54 tập), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đặng Anh Đào (tuyển chọn và giới thiệu): *Võ Nguyên Giáp qua lời kể của người thân*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.
26. Georges Boudarel: *Võ Nguyên Giáp*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014.
27. Võ Nguyên Giáp: *Kiểm thảo mùa hè và chuẩn bị thu đông 1948*, Báo cáo của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Liên khu Đảng bộ Liên khu X.
28. Võ Nguyên Giáp: *Nhiệm vụ trước mắt chuyển sang Tổng phản công*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1950.
29. Võ Nguyên Giáp: *Tổ quốc Việt Nam chúng ta nhất định phải thống nhất*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1956.
30. Võ Nguyên Giáp: *Báo cáo bổ sung của Chính phủ về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1957.
31. Võ Nguyên Giáp: *Đường lối quân sự mácxít của Đảng ta là ngọn cờ chiến thắng của quân đội ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959.
32. Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
33. Võ Nguyên Giáp: *Những kinh nghiệm lớn của Đảng ta về lãnh đạo đấu tranh vũ trang cách mạng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961.
34. Võ Nguyên Giáp: *Nhật lệnh, diễn từ, thư động viên (1944 - 1962)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963.

35. Võ Nguyên Giáp, Phạm Ngọc Mậu, Vũ Lăng, Nam Long, Vương Thừa Vũ, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Văn Nam, Trần Độ: *Một vài hồi ức về Điện Biên Phủ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1964.
36. Võ Nguyên Giáp: *Cả nước một lòng đẩy mạnh cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, kiên quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1966.
37. Võ Nguyên Giáp: *Những kinh nghiệm lớn của Đảng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1967.
38. Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh nhân dân của ta đã đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969.
39. Võ Nguyên Giáp: *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.
40. Võ Nguyên Giáp: “Vũ trang quần chúng cách mạng - Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam”, Tạp chí *Quân đội nhân dân*, t.3, 1972.
41. Võ Nguyên Giáp: *Kiên quyết đưa sự nghiệp cách mạng đến toàn thắng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1973.
42. Võ Nguyên Giáp: *Uống nước nhớ nguồn* (Tập ký), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1973.
43. Võ Nguyên Giáp: *Hồ Chủ tịch, nhà chiến lược thiên tài, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974.

44. Võ Nguyên Giáp: *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng*, Viện Khoa học quân sự, Hà Nội, 1974.
45. Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1974, t.1, 2.
46. Võ Nguyên Giáp: *Dân quân tự vệ, một lực lượng chiến đấu*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974.
47. Võ Nguyên Giáp: *Sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.
48. Võ Nguyên Giáp: *Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
49. Võ Nguyên Giáp: *Mấy vấn đề về cách mạng khoa học - kỹ thuật ở nước ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.
50. Võ Nguyên Giáp: *Đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
51. Võ Nguyên Giáp: *Về sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
52. Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
53. Võ Nguyên Giáp: *Về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979.

54. Võ Nguyên Giáp: *Khoa học về biển và kinh tế miền biển*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.
55. Võ Nguyên Giáp: *Nguyễn Trãi - Người anh hùng dân tộc vĩ đại, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983.
56. Võ Nguyên Giáp: *Mấy vấn đề về kkhhoa học và giáo dục*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986.
57. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng của Bác Hồ soi sáng sự nghiệp đổi mới của chúng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990.
58. Võ Nguyên Giáp: Bài phát biểu tại Hội thảo “Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam” ngày 29 - 30/10/1992, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993.
59. Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb. Quân đội nhân dân và Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1995.
60. Võ Nguyên Giáp: *Đường tới Điện Biên Phủ*, Hồi ức Hữu Mai thể hiện, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.
61. Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử*, Hồi ức Hữu Mai thể hiện, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
62. Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa xuân đại thắng*, Hồi ức Phạm Chí Nhân thể hiện, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

63. Võ Nguyên Giáp: *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.
64. Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
65. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
66. Võ Nguyên Giáp: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - thắng lợi vĩ đại của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, số 8-2005.
67. Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập Hồi ký*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.
68. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
69. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
70. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Tỉnh ủy Quảng Bình: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Bình* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học), Quảng Bình, tháng 11-2015.
71. Chu Trọng Huyền: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với đại tướng Võ Nguyên Giáp*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2007.

72. Nguyễn Văn Khoan (Chủ biên): *Năm ngải cứu trên đầu Tổng tư lệnh*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2006.
73. *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, (10 tập), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
74. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, (15 tập), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
75. Chi Phan: *Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2013.
76. Chu Văn Tấn: *Kỷ niệm Cứu quốc quân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976.
77. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.
78. Nguyễn Thành: *Hoạt động báo chí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005.
79. Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Chiến thắng B52*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.
80. Tóm tắt Tiểu sử đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Báo *Nhân dân*, ngày 6-10-2013.
81. Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
82. Trần Trọng Trung: *Võ Nguyên Giáp danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

83. Trần Trọng Trung: *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những năm đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh (1965 - 1969)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
84. Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Bình, Trường Đại học Quảng Bình: *Đại tướng Võ Nguyên Giáp và chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học), Quảng Bình tháng 5-2014.
85. Vương Thừa Vũ: *Trưởng thành trong chiến đấu*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979.
86. *100 sự kiện về vị tướng huyền thoại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	7
<i>Lời giới thiệu</i>	11
 <i>Chương I</i>	
QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ (1911 - 1939)	15
1. Quê hương và gia đình	15
2. Tuổi trẻ	28
 <i>Chương II</i>	
XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, CHUẨN BỊ TIẾN HÀNH CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1940 - 1945)	91
1. Những hoạt động ở miền Nam Trung Quốc (1940 - 1941)	91
2. Hoạt động chuẩn bị về chính trị, quân sự để tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền (tháng 8-1945)	115

Chương III

THAM GIA LÃNH ĐẠO Củng Cố CHÍNH QUYỀN, GIỮ VỮNG THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)	149
1. Tham gia lãnh đạo củng cố chính quyền	149
2. Trực tiếp đương đầu và tham gia lãnh đạo giải quyết những nhiệm vụ cấp bách, những thách thức nghiêm trọng	161
2. Giữ trọng trách Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Quân đội Việt Nam từ ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp	216

Chương IV

TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1947 - 1954)	229
1. Từ Toàn quốc kháng chiến đến sau chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông năm 1947	229
2. Từ chiến thắng Việt Bắc đến trước chiến dịch Biên giới	242
3. Từ chiến dịch Biên giới đến chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ	253

Chương V

ĐẤU TRANH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH
GENEVA, XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở
MIỀN BẮC, CHỐNG CHIẾN TRANH
XÂM LƯỢC CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở MIỀN NAM
(1954 - 1964)

285

1. Trong thời kỳ đấu tranh thi hành Hiệp định Geneva, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giữ gìn lực lượng và xây dựng phong trào cách mạng miền Nam (1954 - 1960)
2. Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc, chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam (1961 - 1965)

285

308

Chương VI

THAM GIA LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG, BẢO VỆ
MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ,
CỨU NƯỚC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN
MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(1965 - 1975)

341

1. Cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

341

2. Cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mỹ rút quân, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1969 - 1975) 377

Chương VII

HOẠT ĐỘNG VÀ CỐNG HIẾN TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ CHẤM HUNG ĐẤT NƯỚC

(1976 - 1991) 460

1. Trên cương vị Bí thư Quân ủy Trung ương (đến năm 1978), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (đến năm 1980) 461
2. Trên cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1981 - 1991) 497

Chương VIII

NHỮNG NĂM THÁNG CUỐI ĐỜI

(1992 - 2013) 541

1. Cuộc sống đời thường của Đại tướng sau khi về hưu 541
2. Đại tướng từ trần (ngày 4-10-2013) 601

Chương IX

CHÂN DUNG MỘT NHÂN CÁCH VĂN HÓA CAO ĐẸP

609

1. Từ một thanh niên trí thức yêu nước trở thành người cộng sản bản lĩnh, kiên trung, bất khuất 610

2. Người xây dựng và lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam, một thiên tài quân sự hiếm có	613
3. Những đóng góp quan trọng trên các lĩnh vực giáo dục, báo chí, ngoại giao, lịch sử...	623
4. Người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh	627
5. Nhân cách đạo đức trong sáng, cao đẹp, suốt đời “Dĩ công vi thượng”	629
<i>Tài liệu tham khảo</i>	633

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
GS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:	ThS. CHU VĂN KHÁNH TS. HOÀNG MẠNH THẮNG ThS. PHẠM NGỌC BÍCH ThS. ĐÀO QUỲNH HOA ThS. NGUYỄN THỊ THÚY TRẦN PHAN BÍCH LIÊU
Vẽ bìa:	NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chế bản vi tính:	NGUYỄN QUỲNH LAN
Sửa bản in:	NGUYỄN QUANG TRUNG LÔ THỊ OANH VŨ THỊ THU NGUYỄN THỊ YẾN
Đọc sách mẫu:	ĐÀO QUỲNH HOA VIỆT HÀ

TÌM ĐỌC

■ TRẦN PHÚ - Tiểu sử	■ HOÀNG QUỐC VIỆT - Tiểu sử
■ LÊ HỒNG PHONG - Tiểu sử	■ HOÀNG VĂN THỤ - Tiểu sử
■ HÀ HUY TẬP - Tiểu sử	■ VÕ VĂN TÂN - Tiểu sử
■ NGUYỄN VĂN CÙ - Tiểu sử	■ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG - Tiểu sử
■ LÊ DUẨN - Tiểu sử	■ PHAN ĐĂNG LƯU - Tiểu sử
■ TRƯỜNG CHINH - Tiểu sử	■ PHÙNG CHÍ KIẾN - Tiểu sử
■ NGUYỄN VĂN LINH - Tiểu sử	■ VÕ VĂN KIẾT - Tiểu sử
■ TÔN ĐỨC THẮNG - Tiểu sử	■ VÕ CHÍ CÔNG - Tiểu sử
■ PHẠM VĂN ĐỒNG - Tiểu sử	■ NGUYỄN HỮU THỌ - Tiểu sử
■ PHẠM HÙNG - Tiểu sử	■ HUỖNH THỨC KHÁNG - Tiểu sử
■ HỒ TÙNG MẬU - Tiểu sử	■ NGUYỄN VĂN TỔ - Tiểu sử
■ NGUYỄN PHONG SẮC - Tiểu sử	■ LÊ QUANG ĐẠO - Tiểu sử
■ NGUYỄN ĐỨC CÀNH - Tiểu sử	■ HUỖNH TẤN PHÁT - Tiểu sử
■ NGÔ GIA TỰ - Tiểu sử	



NĂM NHÌN MƯƠI BẢY HÀNG